Viết Về Nước Mỹ

GIẢI THƯỞNG VIỆT BÁO

2015

VIẾT VỀ NƯỚC MỸ
2015
Quyển 1

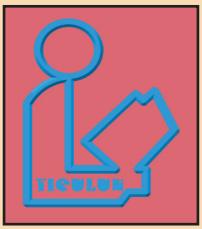

Con Dao Xếp Trong Ngày Tết Tây

Phương Hoa

Bài viết là chuyện một tình yêu chung thuỷ cảm động trong ngày Tết Dương Lịch. Tác giả Phương Hoa, định cư tại Mỹ từ 1994 diện tị nạn chính trị theo chồng, vừa làm nail vừa học. Năm 2012, bà tốt nghiệp ngành dạy trẻ tại Chapman University khi đã 62 tuổi và trở thành bà giáo tại Marysville, thành phố cổ nhất của tiểu bang Calif. Với loạt bài viết về Vietnam Museum, «Viện Bảo Tàng Của Những Người Lính Bị Bỏ Quên» tác giả đã nhận giải chung kết Viết Về Nước Mỹ 2014.

Chiều cuối năm năm ấy...

Ngoài trời mưa bay lất phất. Như cuộc tẩy trần cho sạch sẽ những gì còn sót lại của năm qua, hầu đón chào một Tân Niên tinh khôi. Những người khách sau cùng đã chào chúng tôi, về nhà chuẩn bị tiệc «CountDown» năm mới. Tôi ra mở cửa sau để hưởng chút không khí lạnh dìu dịu từ bên ngoài. Bỗng một cô thợ gọi :

- Chị ơi !» Bà già gân» tới kìa ! Chị đã chuẩn bị mẫu mới cho bà ấy chưa ?

Cô không nói tôi cũng biết, Laura bà khách già người Đức đang tới, vì tiếng nổ ầm ầm quen thuộc từ chiếc truck GMC bự chảng của bà nghe như rung rinh cả tòa nhà. Khổ rồi. Tôi than thầm. Mỗi lần bà Laura tới là tôi phải tốn ít nhất hơn một giờ đồng hồ cho bà, thay vì nửa tiếng như những khách hàng khác. Đã vậy, bà không bao giờ làm hẹn, mà chỉ ghé lại bất cứ khi nào bà rảnh. Nếu tôi bận thì bà chạy đi, lát sau trở lại.

Tôi ra đón cái thùng dụng cụ trên tay bà Laura. Bà tự mang theo đồ nghề vì không muốn dùng đồ của shop, sợ lây bệnh. Bà vừa mừng sinh nhật thứ tám mươi tư, nhưng nhìn bà người ta tưởng chừng bảy chục. Da bà không trắng lắm. Người cao ráo gọn gàng. Ăn mặc phù hợp «tông- xuyệt- tông» từ quần áo đến nữ trang. Bà luôn trang điểm kỹ, mày cong vòng nguyệt, mắt xanh, má hồng, môi đỏ thắm. Và mái tóc nâu luôn được chải sấy kiểu cách. Bà khỏe nhiều so với độ tuổi vì nhờ biết ăn uống cẩn thận, và dù bận cỡ nào, bà cũng cố gắng đi Gym tập thể dục. Bà lái xe rất cừ khôi, mà toàn là xe tải hạng nặng.

Lần đầu tiên đến, bà chạy chiếc GMC to kềnh và đậu phát một vào chỗ trống giữa hai chiếc xe trước cửa. Cả tiệm chúng tôi phục lăn, trầm trồ bà dám lái chiếc truck to mà còn đậu đẹp nữa. Bà cười : - Đó chỉ là chiếc...

xe đạp của tôi ! Tôi còn lái xe tải chở hàng thật dài kìa ! Sau này chúng tôi biết, bà có rất nhiều xe tải vì làm chủ một cơ sở lớn, chuyên bán dụng cụ bảo vệ sức khỏe (health therapy equipment) như giường rung, nệm nước, ghế xoa bóp, máy đấm lưng, mền điện, và nhiều dụng cụ khác. Bà luôn lái xe tải dẫn đường để các tài xế công nhân chở hàng chạy theo bà tham dự hội chợ «State Fair» khắp nơi trong tiểu bang, và giao hàng tận bên Nam Cali hoặc Lake Tahoe, Reno.

Chẳng những bà Laura mạnh mẽ, lái xe tải chạy ầm ầm, mà bà còn biết bắn súng. Khi ra ngoài, bà thường bỏ trong xe khẩu súng nhỏ để đề phòng cướp. Lần nọ bà ghé shop mặt còn vương nét hoảng sợ, nhưng lại cười rất thích thú. Bà nói vừa đến tòa án để lo một số giấy tờ. Trên đường đi, bà có chở dùm ông khách hàng một đoạn vì xe ông hư. Ông ta từng là bạn học bắn súng với bà, nên hai người lấy súng ra khoe với nhau. Không biết bằng cách nào ông nọ đã cầm nhầm súng của bà, và khẩu súng của ông ta thì lại chui vào nằm trong túi xách bà ấy.

Thế mà khi bà vào cửa, máy rà an ninh của tòa án không phát hiện khẩu súng mới lạ. Bà nói trong tiếng cười sảng khoái. - Vô trong ngồi, tôi mở xách lấy cây son môi thì thấy khẩu súng nên hết hồn vội vã đứng lên

đi ra. Bà nói «hết hồn» nhưng mặt vẫn tỉnh bơ : - Nếu họ thấy khẩu súng thì tôi... tiêu tùng. Vì chẳng những phạm tội mang vũ khí vào nơi công quyền, mà tệ hơn nữa, khẩu súng đó không có giấy tờ vì nó là của người khác. Có lẽ mấy chiếc lược, cái máy sấy tí hon, và số phấn son trong xách đã che chắn cho khẩu súng của bà. Quả là cái tính «xí xọn» lúc nào cũng mang theo đồ làm đẹp đã cứu bà thoát được một «kiếp nạn» ngồi tù rất hy hữu. Do đó mà chúng tôi gọi bà là «Bà Già Gân.»

Bà Laura rất khó tính, nhưng lại tốt bụng và thương người. Một lần cận Tết Âm Lịch, bà đến gặp lúc tôi đang ngồi ghi cái list gửi tiền về Việt Nam. Tôi kêu bà chờ để tôi hoàn tất danh sách gửi tiền giúp mấy người già yếu bạn của mẹ tôi ở quê ngày xưa. Tôi tiện miệng kể, dù mẹ tôi không còn nhưng thuở sinh tiền bà rất thương những bạn già trước 1975 từng có ruộng đất cò bay thẳng cánh, sau này không đủ cơm ăn áo mặc, cho nên năm nào chúng tôi cũng gửi giúp chút đỉnh để họ ăn Tết. Tôi chỉ nói để bà khỏi giận vì phải chờ. Không ngờ nghe xong bà đứng dậy ra xe lấy vào một tờ trăm đưa cho tôi và nói bà cũng muốn giúp họ.

Người nhà bên Việt Nam nhận được tiền của tôi và của bà Laura, đem đổi cả ra tiền Việt, bỏ vào phong bì mang về làng cũ tặng những người già nghèo khổ ốm

đau, và chụp hình gửi qua. Bà Laura rất xúc động khi nhìn hình ảnh những ông bà già hom hem áo quần rách rưới nhưng cười móm mém trong hạnh phúc khi cầm lấy bao thư. Từ đó về sau, đến Tết tôi chưa kịp nói bà đã hỏi chừng nào thì gửi tiền Tết cho mấy người già.

Dù là người gan dạ, nhưng có lẽ sống một mình bà Laura cũng rất cô đơn. Bà thường trao đổi tâm sự với tôi. Độc đáo và ly kỳ nhất là câu chuyện vượt thoát kinh hoàng khỏi nước Đức của bà. Nghe chuyện, tôi mới biết bà là một trong những nhân chứng sống từ thời Đệ Nhị Thế Chiến còn lại đến bây giờ. Chuyến đi của bà cũng thật dễ sợ, hiểm nguy không kém những chuyến vượt biên của người Việt tị nạn. Sự giết người man rợ của lính Đức Quốc Xã thời Hitler làm cho chính người dân của họ cũng phải bỏ chạy.

Năm 1944, thời điểm quân Hitler sắp thua, Laura mới hơn 15 tuổi. Bà được cha dắt trốn đi tị nạn. Nhưng giữa đường hai cha con bị bọn lính Đức Quốc Xã bắt lại. Để bảo vệ cô con gái nhỏ, người cha dặn dò bà cách tìm đường đến trại tị nạn rồi ông bỏ chạy qua hướng khác để cho bọn lính rượt theo. Họ bắt ông lại và bắn chết trước mắt cô con gái đang run rẩy núp trong bụi rậm gần đó. Nhìn cha bị giết, bà quá kinh hãi nên đã ngất xỉu.

Laura tỉnh lại thì bọn lính bỏ đi hết. Nhớ lời cha dặn, bà đành bỏ mặc xác cha nằm trong đống xác người, lần mò đi tiếp. Trong sợ hãi và đói khát, nhiều lần bà phải rúc vào nằm chung với các xác chết bên đường, lấy máu của họ bôi vào mặt giả chết, chờ bọn lính của Hitler qua khỏi mới đứng dậy đi tiếp. Lê lết đến mười mấy ngày, thường xuyên liếm những giọt sương bên đường cho đỡ khát và nhai cả cỏ để đỡ đói. Laura theo một nhóm người vượt qua biên giới, tới được cổng trại tị nạn thì ngã vật ra vì kiệt sức.

Cuối cùng, cô bé mồ côi được nhận đến tị nạn ở San Francisco, Hoa Kỳ. Laura kể, bà tồn tại được cũng nhờ vào lời căn dặn sau cùng của cha trước khi ông lao mình chạy đi :

- Con hãy nhớ đừng bao giờ bỏ cuộc ! Nếu ngã xuống thì hãy đứng lên và đi tiếp !

Bà nói lời căn dặn đó đã theo bà suốt đời. Bà chưa bao giờ biết bỏ cuộc dù trong việc làm ăn hay bất cứ việc gì, cho nên sự nghiệp ngày hôm nay của bà cũng nhờ đó mà có. Hồi mới đến Mỹ, bà vừa học vừa làm ở McDonald cho đến khi lấy được bằng High School rồi lấy chồng.

Chồng bà Laura, Steve, là người Mỹ, cấp bậc trung úy quân đội Hoa Kỳ. Ông mất tích trong cuộc chiến Nam Bắc Triều Tiên, để lại cho bà hai người con, một trai một gái. Dù khi ấy mới hai mươi hai tuổi, bà vẫn ở vậy một mình nuôi con chờ tin tức chồng. Người con gái lớn của bà hiện là một bác sĩ Tâm Lý, người con trai là thạc sĩ Khoa Học và bà có năm đứa cháu nội ngoại.

Dù chồng mất tích hơn năm chục năm, bà Laura vẫn đợi, vẫn nghĩ Bắc Hàn còn giam giữ ông. Mỗi khi có ai hỏi cuộc chiến Triều Tiên qua lâu rồi, sao bà vẫn nghĩ chồng bà còn sống, bà trả lời, «Không có tin nghĩa là tin tốt (No news is good news) , chưa có tin ông ấy tử trận thì tôi còn hy vọng. Biết đâu bọn Bắc Hàn điên khùng còn giữ ông ấy chờ dịp đòi điều kiện với Hoa Kỳ thì sao ?»

Tuy bà Laura đến shop gần chục năm, quen biết hết mọi người, nhưng chẳng ai dám «lãnh» bà khách này, trừ tôi, vì bà rất khó tính trong việc làm móng. Móng tay móng chân của bà đều giả và rất dài. Mùa nào kiểu nấy, từ ngày bà đến tiệm, tôi phải tự «design» cho bộ móng tay và cả mười móng chân cho bà. Những mẫu bà đòi nhiều khi thật lạ kỳ, khó vẽ. Lúc thì chiếc lá shamrock màu xanh trong ngày Thánh Patrick, khi thì con thỏ trong lễ Phục Sinh. Có lần bà mang đến một

chiếc móng ngựa thật, là một cục sắt nặng chình chịch, rồi kêu tôi vẽ design y như vậy cho bà. Dù cái mẫu móng ngựa nom kỳ cục, tức cười, bà nói mang nó sẽ đem lại may mắn. Phiền nhất, mặc kệ tôi bận cỡ nào bà cũng không tha, mà bắt tôi phải vẽ trực tiếp bằng sơn chứ không chịu dán mẫu «sticker» có sẵn. - Tôi muốn độc quyền mẫu của tôi, không muốn giống kiểu với ai hết ! Bà nói.

Ngoài những mẫu «quái dị» trong dịp đặc biệt của riêng bà, các ngày lễ lớn trong năm bà Laura thích design theo biểu tượng. Giáng Sinh vẽ cây thông, Tạ Ơn thì gà tây, lễ Ma trái bí đỏ... Nhưng thật lạ, ngày Tết Tây bà không cho tôi vẽ ly rượu hay chữ «Happy New Year» như mọi người. Bà bắt tôi phải vẽ hình con dao xếp trên móng tay và móng chân, kể cả những móng chân út nhỏ xíu. Việc ấy quả là một cực hình cho tôi. Phần thì khách hẹn đang chờ, phần vì phải nín thở vẽ để khỏi bị lem mất công chùi đi vẽ lại, nên tôi rất căng thẳng. Lúc nào vẽ cho bà, trong bụng tôi cũng kêu khổ và rủa thầm «bà già chằng ăn !» Một điều làm tôi khổ sở hơn, là mỗi Tết Tây bà Laura bắt tôi phải vẽ những con dao xếp kiểu mẫu khác nhau, không được trùng lặp với các mẫu design năm trước.

Chúng tôi có tò mò «tra gạn» để tìm hiểu tại sao bà thích vẽ con dao xếp. Nhưng bà không nói. Riết rồi chúng tôi không hỏi nữa vì biết đó là điều riêng tư của bà.

Năm nay tôi đã chuẩn bị từ sớm một mẫu vẽ rất mới cho bà Laura. Hình con dao xếp nhỏ xíu, bầu dục, chính giữa hơi eo lại nhìn rất uyển chuyển, theo một mẫu tôi tìm thấy trên online. Vỏ con dao màu huyết dụ, lóng lánh kim tuyến vàng, trên có viết tên «Laura» màu trắng. Một đầu mở ra lưỡi dao bé tí, cây dũa răng cưa bên phải, và một cái đinh xoắn khui rượu mở ra bên trái. Mới thoạt nhìn, nó giống như con rùa tí hon màu đỏ với cái đầu và hai chân trước óng ánh bạc.

- Wow ! Đẹp quá ! Bà Laura trầm trồ, lộ vẻ xúc động khi tôi vẽ xong con dao đầu tiên trên móng tay cái của bà. Đây là mẫu đẹp nhất từ trước tới giờ đấy. Nhìn giống như thật !

Trước khi ra về, bà bỗng nhìn tôi : - Này ! Ngày mai là New Year, cô có rảnh không ? Nếu rảnh trưa mai đến nhà tôi chơi, tôi sẽ cho cô xem một thứ, bảo đảm là cô sẽ thích !

Đây quả là một lời mời bất ngờ. Tôi rất thân với bà Laura, từng nhiều lần mời bà đến nhà tôi dự tiệc, năm mới, đám giỗ, và cả đám cưới các con tôi. Nhưng bà chưa một lần mời tôi đến nhà riêng ở thành phố lân cận. Bà chỉ mời tôi đến cơ sở kinh doanh của bà, vì nó nằm cùng con đường với tiệm của tôi. Tôi thích thú nhận lời ngay không chút do dự.

Ngày Tết Tây shop đóng cửa, tôi lái xe một mình đến nhà bà Laura. Ngôi nhà hai tầng nằm bên trong hàng rào cây xanh kín mít dọc con đường lớn ở vùng ngoại ô thành phố, nhưng cửa chính thì quay vào mặt đường nhỏ phía trong. Một ngôi nhà kiểu cổ (Victorian house) rất đẹp. Nhà lớn, nhưng nó như lọt thỏm vào giữa khu vườn rộng thênh thang rậm rạp cây cối. Chào đón khách ngay cổng là một chiếc xe RV (Recreational Vehicle) thật to, cửa đang mở.

Tôi vừa ngừng xe, bà Laura từ trong chiếc RV bước ra chào đón. Bà nói đang dọn dẹp và trang bị các thứ trong xe để đến chiều các con cháu bà về sẽ cùng bọn họ đi chơi xa một chuyến nhân dịp nghỉ lễ.

Vừa đi vào nhà với bà Laura, tôi vừa hỏi bà có sợ khi ở một mình nơi vắng vẻ thế này. Bà cười, tuyên bố một câu «xanh dờn» :

- Tôi bật Alam trước khi lên lầu ngủ. Đứa nào lạng quạng mò vô, hệ thống báo động réo, tôi sẽ bắn chết chúng !

Chỉ tôi ngồi ở sofa trong phòng khách, bà Laura nói chờ một chút, rồi đi ra phía sau. Gian phòng thật ấm áp với ánh lửa bập bùng trong lò sưởi. Tôi nhìn quanh, thầm khen bà chủ nhà có con mắt thẩm mỹ, đã sưu tập những bộ ly tách, bình hoa, các bộ đồ trà kiểu Á Châu rất độc đáo chưng trong tủ kính.

- Qua đây Linda ! Tiếng bà gọi từ phòng ăn. Tôi bước lại và suýt chút nữa không nhận ra đó là bà. Trước mặt tôi là bà Laura kiều diễm trong chiếc áo đầm trắng dài lướt thướt kiểu cô dâu. Mái tóc nâu của bà được bới lên cẩn thận. Đầu đội lệch chiếc mũ trắng có vành, đóa hoa trắng lớn với hai dây tua lấp lánh kim tuyến nằm bên phải, rũ dài theo gương mặt sáng ngời trang điểm của bà.

- Wow ! Bà đẹp quá ! Tôi buột miệng trầm trồ. Trông giống một cô dâu !

- Thì hôm nay tôi là cô dâu mà ! Bà cười nói. Mồng một Tết năm nào tôi cũng kỷ niệm ngày cưới của tôi. Rồi bà lẩm bẩm : - Năm mươi mấy năm rồi...

Tôi đứng sững sờ. Không ngờ một người có cá tính mạnh mẽ như bà Laura lại là người dạt dào tình cảm. Vậy mà trước giờ tôi cứ nghĩ bà cứng rắn như đàn ông.

Mời tôi ngồi vào ghế xong bà lại ngồi phía đối diện. Trên chiếc bàn ăn dài bằng gỗ nâu bóng loáng, mấy món ăn đơn giản được bày sẵn. Một ổ bánh CornBread, đĩa bắp cải muối chua, khay xà lách trộn pho mát bào và các loại hạt, tô thịt bò hầm đậu, và một khúc thịt xông khói. Bà lúc nào cũng chọn món ăn tốt cho sức khỏe, tôi thầm khen.

Nhìn về phía đầu bàn, tôi ngạc nhiên thấy một khung ảnh lớn lộng tấm hình trắng đen. Bên cạnh là một lá cờ Mỹ được gấp gọn gàng, và một chiếc hộp nhỏ màu đen hình chữ nhật đặt bên trên lá cờ.

Đó là hình một cái đám cưới nhà binh. Chú rể cao lớn đẹp trai, oai nghi trong bộ quân phục sĩ quan, khoác tay cô dâu đang cầm bó hoa trắng, áo đầm trắng dài kiểu xưa không chấm đất, eo thật nhỏ bên dưới xòe bung, đầu đội lệch chiếc mũ trắng có hoa, giống hệt trang phục bà Laura hiện giờ. Một điều rất kỳ lạ, là cặp đôi này bước đi giữa hai hàng lính. Đối mặt với nhau, quân phục chỉnh tề, đứng nghiêm thẳng tắp, trên tay mỗi người lính đều cầm một thanh kiếm dài sáng choang. Hai hàng quân cùng đưa cao kiếm lên khỏi đầu, bên này

đâu chéo kiếm lại với bên kia tạo thành một mái che cho cô dâu chú rể bước đi bên dưới.

- Ô ! Đây là đám cưới của bà ngày xưa hả ? Tôi hỏi. Cô dâu chú rể trông oai quá !

- Ừ, đám cưới của tôi đấy. Cô nhìn kỹ tấm hình đi, xem có thấy gì lạ không ?

Tôi quan sát thật kỹ tấm hình, nhưng không thấy gì ngoài cặp tân lang tân giai nhân đang đi dưới «rừng gươm» giữa hai hàng lính và một cây kiếm ai bỏ nằm dưới đất sau lưng họ.

Tôi nói cho bà biết.

- Đúng rồi ! Cô đã thấy nó ! Bà Laura gật đầu nói tiếp : Đó là cây kiếm của một trong những người lính của Steve chồng tôi. Anh ta là lính mới, và không biết vì run hay vì lạnh mà khi chúng tôi vừa bước qua khỏi anh ta là thanh kiếm vụt rời khỏi tay anh ta bay cái vèo xuống đất. Sém chút nữa là chúng tôi đã bị chém trúng rồi !

- Trời ! Tôi kêu lên, người nổi đầy gai ốc. Thật là một điềm rất xấu cho đám cưới.

Bà Laura kể, có lẽ vì điềm xấu đó đã báo hiệu trong ngày cưới, mà chưa đầy hai năm sau, khi bà vừa có thai đứa con thứ nhì, thì chồng bà bị mất tích ở Đại Hàn. - Anh lính đó đã ân hận và khóc đến mù mắt khi Steve bị mất tích, vì cho là lỗi tại anh ta mang điềm xui tới cho chúng tôi trong ngày cưới. Bà thẫn thờ nói.

- Đó có phải là thời kỳ chiến tranh Nam Bắc Triều Tiên ? Tôi hỏi.

- Đúng rồi ! Steve mất tích trong trận Hồ Nước Chosin (Battle of Chosin Reservoir) ở Triều Tiên, tháng Mười Hai năm 1950. Anh ấy thuộc Sư đoàn 7 Bộ Binh Hoa Kỳ. Là cấp chỉ huy, khi trung đội anh bị vây hãm nhiều ngày và có lệnh rút lui, Steve đã cho binh sĩ rút trước. Anh tình nguyện một mình ở lại ngăn chặn địch quân.

- Vậy sao ? Trận Hồ Nước Chosin ?

Gì chứ trận Hồ Nước Chosin nổi tiếng trong chiến tranh Triều Tiên thì cả thế giới đều biết. Nhiều tài liệu cho thấy khi ấy Bắc Hàn đã thua đậm các lực lượng của Nam Hàn và Liên Hiệp Quốc đuổi đến tận vùng biên giới Đông Bắc của Bắc Hàn, nhưng nhờ đại quân Trung Quốc tràn sang trợ giúp nên mới cầm cự được. Đầu tháng 12, 1950, trong trận Hồ Nước Chosin - the Changjin Lake Campaign- 30, 000 quân Nam Hàn và

quân Liên Hiệp Quốc, trong đó có Sư đoàn 7 Bộ Binh và Thủy Quân Lục Chiến Hoa Ky, đã bị 67, 000 quân Trung Quốc vây hãm nặng nề. Sau 17 ngày chiến trận với số thương vong lớn cho cả hai phía, quân Mỹ vẫn phá được vòng vây để rút lui. Đây là trận đánh đưa tới kết cục là quân Liên Hiệp Quốc cho thoả hiệp ngưng chiến, và Hàn Quốc bị chia đôi.

Bà Laura bắt đầu kể về trận đánh cuối cùng của ông chồng, trong khi tôi ngồi im, mắt nhìn chăm chăm vào hình Steve vị chỉ huy anh hùng với lòng ngưỡng mộ. Người ta nói lại với bà Laura, khi Steve lệnh cho quân sĩ của anh chạy đi, không ai chịu bỏ đi vì họ rất thương quý cấp chỉ huy của họ. Mọi người đều nói anh không đi thì họ cũng liều chết ở lại chiến đấu đến cùng. Nhưng Steve buộc tất cả phải rút, và nói cùng lắm anh sẽ tình nguyện chịu bị bắt rồi sau trao đổi tù binh chứ anh không để mất mạng đâu. Nghe vậy mọi người mới rút đi.

Bà Laura dừng lại, với tay cầm lấy chiếc hộp màu đen bên trên lá cờ, vừa mở hộp ra vừa nói tiếp với giọng trầm khác thường :

- Sau khi quân đội bình định, họ trở lại chỗ bụi cây, nơi Steve đã nằm bắn chận cho quân sĩ rút, thì không tìm thấy anh đâu cả. Họ lục lạo cùng khắp nhưng chỉ tìm được cái này. Bà đưa chiếc hộp cho tôi.

Tôi đón lấy chiếc hộp đen mở nắp nhìn vào. Và bỗng lặng người há hốc. Tôi nín thở, muốn kêu «Trời ơi !» Nhưng không phát ra lời.

Trong hộp là một con dao xếp vỏ màu đỏ đậm, lóng lánh kim tuyến vàng, trên có khắc tên «Laura» màu trắng. Lưỡi dao trên đầu đã được mở ra, cây dũa răng cưa cũng mở ra bên phải, và một cái đinh xoắn mở ra bên trái. Nó giống hệt con dao xếp tôi đã vẽ trên móng tay bà Laura năm này. Thảo nào bà đã xúc động khi tôi vẽ xong con dao và nẩy ra ý định mời tôi đến nhà để cho tôi xem con dao thật. Tôi cầm con dao lên ngắm nghía với tâm trạng bồi hồi, xúc động, lẫn ngưỡng mộ.

Quả là một sự trùng hợp ngẫu nhiên đầy thú vị và cảm động. Tôi chỉ vẽ theo mẫu hình con dao xếp tôi tìm thấy trên Google. Không ngờ nó lại giống y chang con dao mà mấy chục năm về trước vị sĩ quan kiêu dũng của dân tộc Hoa Kỳ đã bỏ lại cho vợ anh. Steve người chỉ huy ấy đã can đảm hy sinh để cứu binh sĩ của mình. Vợ anh Laura mất đi người chồng, con anh mất cha, nhưng anh đã được tổ quốc ghi công lưu danh thiên sử.

- Đây là con dao tôi tặng Steve trong lần cuối cùng chúng tôi ở với nhau. Bà Laura chợt lên tiếng sau một lúc yên lặng. - Anh ấy đã lén bỏ nó lại như là lời nhắn nhủ trước khi bị bắt đi. Người ta đem nó đến cho tôi

lúc báo tin anh mất tích. Con dao bảo tôi là anh ấy còn sống.

- Từ đó đến giờ bà có nghe tin tức gì của ông ấy không ? Tôi hỏi khi đã qua cơn xúc động.

- Không. Tôi luôn luôn hy vọng và chờ đợi. Nhưng mà... Bà dừng lại, chỉ vào lá cờ gấp để trên bàn : - Trước lễ Memorial Day năm nay, tổng thống George W. Bush đã duyệt lại danh sách những quân nhân mất tích trong cuộc chiến Triều Tiên. Và ông ấy sai người đem đến lá cờ Mỹ này trao cho tôi cùng với lời tuyên bố là Steve đã chết. Tổng thống Bush cũng mời tôi đi Washington một chuyến để dự buổi lễ tuyên dương. Bà dừng lại một lát rồi nói giọng quả quyết : - Nhưng tôi vẫn không tin Steve đã chết !

- Điều gì làm cho bà nghĩ vậy ? Tôi hỏi.

- Bởi vì chính phủ cũng chưa có thông tin gì về cái chết của Steve. Khi tôi hỏi nếu anh ấy đã chết thì bằng chứng đâu, hài cốt đâu, họ không có được câu trả lời. Tôi biết là vì thời gian quá lâu nên họ đoán vậy thôi. Hiện tại còn nhiều nghìn quân nhân Mỹ, MIA (Missing In Action) mất tích trong cuộc chiến Triều Tiên chưa có tin tức, nên tôi vẫn còn hy vọng.

Tôi đứng lên, bước lại ôm lấy vai người vợ lính tám mươi bốn tuổi, xúc động đến nghẹn lời. Sự thủy chung của người phụ nữ phương Tây đã quá bát tuần này cũng đâu thua kém người thiếu phụ trong «Hòn Vọng Phu» của Việt Nam tôi ngày trước.

- Laura, bà nói rất đúng ! Tôi cũng nghĩ như thế ! Tôi thì thầm bên tai bà. - Cho nên bà cần phải giữ niềm hy vọng ấy.

Người vợ của vị sĩ quan anh hùng đưa tay lên vỗ vỗ vào bàn tay tôi như muốn nói lời cám ơn. Dưới ánh sáng của chùm đèn hoa thủy tinh kiểu cách treo trên trần nhà tỏa xuống bàn ăn, những con dao xếp trên bộ móng tay bà Laura lấp lánh lung linh như những đôi cánh Thiên Thần, đang dang ra che chở cho niềm tin và hy vọng của bà.

Tôi đứng im bên bà một lúc. Trong cái tĩnh lặng của buổi trưa ngày đầu năm, tiếng củi cháy tí tách từ lò sưởi vọng sang cộng với tiếng gõ tích tắc của chiếc đồng hồ cổ trên tường, bình yên như một khúc hòa tấu êm đềm, sao tôi lại cảm thấy lòng mình sóng dậy...

Lát sau bà Laura mời tôi cùng bà dùng bữa. Bà nói năm nào vào ngày Tết Tây bà và các con cháu cũng đều làm tiệc kỷ niệm ngày cưới của bà rất linh đình thay cho tiệc Tết. Bữa trưa nho nhỏ này bà chuẩn bị chỉ để đãi tôi, tiệc dinner vào tối nay mới là tiệc chính. Sau đó thì cả nhà sẽ đi chơi xa.

Khi tôi từ giã, Laura tiễn tôi ra xe. Trời đã quá trưa nhưng vẫn hiu hiu lạnh. Chúng tôi sóng bước trong hương gió đầu năm. Hương gió thoang thoảng nhẹ nhàng, quyện cùng mùi gỗ đốt từ lò sưởi trong nhà đưa vào không khí một mùi hương đặc thù mùa lạnh

- Lái xe cẩn thận ! Bà nói và vẩy tay chào khi tôi ngồi vào xe.

Tôi hạ kính xuống vẫy lại bà. Xe ra khỏi cổng tôi vẫn còn thấy bà Laura đứng nhìn theo. Vạt áo đầm trắng của cô dâu năm xưa, sau cả nửa thế kỷ, vẫn bay bay trong cơn gió đầu năm. Hình ảnh bà Laura vẫn liêu xiêu, bà trông thật cô độc bên ngôi nhà to lớn và khu vườn rậm rạp thênh thang. Nhưng tôi biết, bà không cảm thấy cô độc tí nào. Bà đang sống với một niềm hy vọng vô

biên. Niềm hy vọng có ngày được biết tin về Steve, chủ nhân của con dao xếp đỏ gửi lại trên chiến trường trận Chosin, Korea.

Chúc bà may mắn. Tôi nói thầm và nhấn ga.

Tết Dương Lịch 2015

Phương Hoa

Người Bạn Lớn

Tôn Nữ Thu Dung

Chuyện kể về người bạn cựu chiến Mỹ trong cuộc chiến Việt Nam. Tác giả là cư dân San Dimas, California. Trước tháng Tư 1975, tại Sài Gòn, cô từng cộng tác với tần báo Tuổi Ngọc và là một trong những cây bút học trò được bạn đọc yêu mến. Với bài «Chuyện Cổ Tích Không Phải Cho Bé Thơ» , tác giả đã nhận Giải Đặc Biệt, Viết Về Nước Mỹ 2013.

Lần chia tay nào David cũng nói :

- Có thể đây là lần cuối cùng chúng ta ngồi bên nhau... Cheers up !

Ông làm một động tác cụng ly dù trên tay ông chẳng có cái ly nào !

Mỗi năm David một yếu đi, Ông gầy gò với râu tóc bạc phơ như ông già Noel hiền lành, đôn hậu. Tôi nói :

- Không đâu David, khi ông không thể đến cùng chúng tôi, chúng tôi sẽ đến với ông. Chúng ta là chiến hữu mà ! Tôi hứa.

David là một cựu chiến binh thủy quân lục chiến Hoa Kỳ, ông rất tự hào với đoạn đời ông đã trải qua... Mỗi năm, như thường lệ, David đi từ Minnesota đến California để cùng chúng tôi đón một mùa lễ hội từ Thanksgiving- Giáng Sinh cho đến Năm Mới.

Ông trang hoàng nhà cửa, sân vườn như một designer chuyên nghiệp vì biết rằng chúng tôi rất bận rộn vào những ngày lễ cuối năm... Chỉ cần con gái tôi reo lên : So nice ! Bravo tonton... là đủ để ông rơi nước mắt... Từ chiến trường trở về, ông bị hội chứng cô độc và chán ghét con người... Đó là nguyên nhân để ông không có một gia đình riêng đầm ấm.

Khi tôi 10 tuổi, NhaTrang còn là một thị xã bé nhỏ, xinh đẹp, hiền hòa và yên bình nhất nước... Chiến tranh chỉ lãng vãng qua thị xã thơ mộng này gói gọn trong những quán Bar mọc lên ven bờ biển ngập tràn những người lính viễn chinh đủ các màu da.

Ngôi nhà tôi ở trên con đường chạy thẳng ra biển, nơi chúng tôi vẫn lang thang nhặt vỏ sò vỏ ốc trong những buổi trưa trốn ngủ... đột nhiên bị rào lại cuối đường và xây dựng một căn cứ không quân và những pháo đài che mất tầm nhìn bao la tới biển... Hai hàng dương liễu chạy dài ven đường bị đốn đi, những ổ chim sẻ, chim dòng dọc rơi tan tác... và con đường cát ấy được trải

nhựa thẳng tắp, những đám cỏ Chong Chong, hoa Mắc Cỡ lần lượt rụi tàn để những ngôi nhà lầu cho thuê mọc lên đầy khu vực đó !

Chỉ có ngôi biệt thự của nhà tôi là không hề biến dạng, nằm im lắng giữa khoảng sân vườn hơn 2000 mét vuông, với hai hàng Trúc Đào trồng ven lối đi, rực hồng xinh đẹp. Cạnh nhà tôi, căn lầu mà một nhà thơ nổi tiếng thời ấy đã mê say đắm đuối một cô Tiếp Viên Hàng Không xinh đẹp não nùng đã viết những câu thơ mà con nhóc con 10 tuổi như tôi khi được đọc cũng biết bâng khuâng :

«Em đến cùng ta trăng hồ thủy
Sớm mai lầu hẹn cũng nghiêng buồn
Long lanh bóng xế tà dương cũ
Mộng vỡ mà sao chưa bay hương...» (PKV)

Căn lầu ấy đã vắng đi cô chủ đài các tuyệt sắc giai nhân, nàng thơ thuở ấy mà thay thế bằng mấy ông lính thủy Mỹ đẹp như tài tử ci né.

Những buổi chiều, tôi thường đánh vũ cầu với Thư trên sân, lúc ấy chúng tôi chỉ là 2 nhóc con tí xíu.

Từ trên sân thượng, mấy chú lính nhìn xuống, vỗ tay và bravo ỏm tỏi khi tôi hoặc Thư có một pha cầu tuyệt vời, một cú direct dẫn trước 11 điểm... hay ngặt nghẽo cười những lúc tôi thua và KiKi bênh vực tôi, cắn áo Thư kéo rị lại không cho Thư đánh tiếp. Ki Ki rất dễ thương nhưng không fair play chút nào... Nó che chở và bênh vực tôi bất kể đúng sai !

Ki Ki là đứa bạn chó yêu quý nhất suốt tuổi thơ tôi, nó lớn lên cùng tôi, ngủ chung phòng và ăn cùng giờ giấc... Thuở nhỏ, tôi làm biếng ăn, ngậm miếng cơm trong miệng nhơi nhơi hoài không chịu nuốt. bà vú dỗ bằng cách đưa Ki Ki ra làm gương cho tôi thấy... cái miệng Ki Ki không nhai mà nuốt rất nhanh để tôi bắt chước... Những khi tôi ra sân, Ki Ki ngồi ve vẩy tai trên thềm cao và khi tôi nhảy lên, la hét vui mừng vì dẫn điểm trước thì nó cũng nhảy theo, cũng hò reo vui mừng bằng tiếng chó chỉ mình tôi hiểu...

Cả ngày hôm đó, Ki Ki cáu giận chuyện gì không biết, nó bỏ ăn buồn bã nằm ở góc phòng, nó cũng không thèm liếm mặt tôi khi tôi úp mặt vào cổ nó dỗ dành... Nó rên ư ử như một đứa bé bị đòn oan ức... Buổi chiều, khi thấy tôi xách vợt ra sân, nó mới lững thững uể oải đi theo, hững hờ ngồi trên bậc thềm cao nhất, lơ đãng khép mắt không thèm để ý đến những rộn ràng trên sân.

Khi cú direct của David chấm dứt trận cầu, David cầm chiếc vợt gõ nhè nhẹ phần lưới cước trên đầu tôi chưa kịp nói lời từ giả thông thường : See you tomorrow, baby... thì Ki Ki nhanh như một tia chớp, phóng từ trên cao xuống, cắn vào cánh tay đang cầm vợt của David... Tôi chỉ kịp hét lên, ôm choàng lấy Ki Ki : Đừng, Ki ơi, đừng như vậy ! rồi ngất xỉu.

Mẹ kể : Xe Quân Cảnh đến, xe cấp cứu đến... phải bắn vào Ki Ki mấy mũi thuốc mê mới trói được Ki Ki đưa lên xe vì nó cứ quanh quẩn bên tôi mà thét gào làm ai cũng sợ !

Trên giường cấp cứu, mấy chú quân cảnh Việt Mỹ phối hợp hỏi tôi :

- Ki Ki bỏ ăn 2 ngày ?

Tôi gật :

- Dạ

- Ki Ki có tâm trạng buồn bã mấy hôm ?

Tôi gật :

- Dạ

- Ki Ki có triệu chứng sợ ánh sáng và nước ?

Tôi lắc :

- Dạ không. Em với Ki Ki mới đi tắm biển sáng qua. Mấy chú đem Ki Ki của em đi đâu vậy ?

- Chỉ để kiểm tra xem Ki Ki có bị dại không đó mà. Nhưng ba em đã đưa giấy chích ngừa của KI Ki rồi ! Em yên tâm đi.

- Họ sẽ giữ Ki Ki của em bao lâu ?

- Độ 1 tuần thôi

- Còn chú David ?

- Dữ không, bây giờ cô chủ nhỏ mới hỏi tới nạn nhân. thật sự David không sao cả, ông ấy đạn bắn cũng chỉ sượt qua da, con Ác Thú của em mà ăn thua gì ! Ông ấy đang chờ vào thăm em đó.

David vuốt má tôi :

- How are you, Baby ?

Tôi nhìn vết băng trên tay David, gây gổ :

- Chỉ có một vết trầy nhỏ xíu mà mọi người nỡ bắt Ki Ki !

- Tại tôi gồng nên Ki Ki cắn trượt chứ người khác thì tiêu cánh tay với con Ác Thú của em rồi !

Tôi giận David từ đó, nhất định không ra sân chơi vũ cầu dù mỗi chiều vẫn ôm cổ Ki Ki ngồi trên bậc thềm cao nhất, ngắm nắng rơi dần về cuối chân trời.

Tôi và Thư đã có một thú vui mới từ khi hai đứa được ba mua cho một chiếc xe đạp nhỏ, hai đứa long nhong đạp xe từ nhà ra biển, ghé đường Nguyễn Hoàng mua bắp nướng, những trái bắp mềm ngọt thơm tho của ấu thời thơ dại còn nhớ đến suốt đời... (Để sau này, tôi yêu một người không đáng để yêu, chỉ vì mỗi đêm bạn ấy lặn lội gió mưa mang đến cho tôi những trái bắp còn nóng hỗi, thơm mùi mỡ hành ngào ngạt...)

Sau chiến tranh, David trở về chiến trường xưa, ngơ ngác tìm lại ngôi biệt thự xinh xắn ngày nào nằm yên tĩnh giữa một vườn Trúc Đào bốn mùa nở hoa hồng thắm... Nhưng hồi ức đã phản bội David, Ông không bao giờ còn nhận ra chốn cũ, khu vườn yên tĩnh với 2 cô bé con thấp thoáng chiều nào cũng tranh tài cao thấp... Không bao giờ còn thấy con Ác Thú gãy 2 cái răng cửa vì bênh vực cô chủ đã cắn ông ngày ấy ! Ông chỉ còn thấy ngôi biệt thự khuất lấp, lọt thỏm giữa bao nhiêu nhà cửa lô nhô, chỉ còn một dấu ấn nhạt nhòa là một cây phượng đỏ, và dưới bóng mát của nó là những

dãy bàn quán nhậu !!!

Một vài thông tin mơ hồ cho biết gia đình này đã đi xa rồi...

Một vài lần David cố trở về để tìm lại những ký ức buồn vui, Tuổi trẻ của David cũng đã trôi qua nhiều năm ở đây, cái thời bồng bột và cô đơn xa vắng nhất, David đã tìm thấy ở 2 cô hàng xóm bé nhỏ hình ảnh cô em gái yêu quý ở quê nhà.

Một vài lần David bâng khuâng tự hỏi : chiến tranh và cả hoà bình nữa đã xô đẩy những người thân quen cũ của David về đâu ? Câu hỏi của David đã được trả lời : Họ đã về đây sau bao nhiêu ác mộng... miền Nam California ngập tràn nắng ấm như Nha Trang ngày ấy !

Như một thói quen cuối tuần, David dò tìm bất cứ một đài TV Việt Nam nào có thể để lim dim nghe những âm điệu quen thuộc ríu rít ngày xưa... Để đến một ngày David nhìn thấy trên màn hình một cô MC Việt Nam bé nhỏ đang tường thuật lại Lễ Hội Diều trên bãi biển SEAL BEACH, CA... Cô nhỏ này giống đến 90% cô nhỏ có con Ác Thú năm xưa ! Bàng hoàng, David không tin vào mắt mình, nhưng ông đã dần dà tìm ra manh mối.

Vẫn khu vườn xanh mượt cỏ nhưng bé nhỏ và không đẹp bằng khu vườn thuở xưa, vẫn thấp thoáng những hàng Tử Vi Hồng thay thế hàng Trúc Đào ngày ấy, vẫn những tiếng cười trong veo rộn rã, vẫn một quả cầu lượn qua lượn lại mỗi chiều... David lại được đắm chìm vào hồi ức cũ với những tình cảm ấm áp mà cô nhỏ ngày xưa và cả gia đình cô dành cho người cựu chiến binh cô độc...

Đôi khi ông quên rằng đây là Cali, cách xa Nha Trang đến nửa vòng quả đất, đôi khi ông quên rằng cả nửa đời người đã qua, như một chớp mắt... Đôi khi ông quên ông chỉ là một cố nhân... nhưng cô nhỏ ấy đã ôm ông khi thấy ông tuyệt vọng : David, chúng tôi là gia đình của ông mà... Đôi khi, ông quên, đã buột miệng gọi cô : Baby... để thoáng thấy cô cười thật tươi mà nước mắt rưng rưng !!!

Mỗi năm, David lại về thăm chúng tôi... Và đôi khi, trong lưng chừng câu chuyện, tôi lại đau buồn thấy chiến tranh đã cướp đi tinh thần và sức khỏe của David quá nhiều... Còn mãi đó những hồi ức âm thầm buồn bã, Dáng David cao lớn khỏe mạnh đẹp như tài tử ci né... Dáng Ki Ki mềm mại uyển chuyển luôn cận kề bên cạnh, sẵn sàng che chở và bênh vực tôi bất kể tôi đúng hay sai... Và David cũng vậy, David luôn muốn bênh

vực và tự hào vì cô bạn bé nhỏ ngày nào xa xưa... David đã vỗ tay to hơn cả những người ruột thịt của cô, khi cô dõng dạc tuyên bố lúc nhận giải Công Dân Danh Dự của thành phố núi xinh đẹp mà cô đến định cư.

«Tôi chưa phải là một công dân gương mẫu lắm của thành phố, nhưng tôi luôn tự hào về những việc mình đã làm đều tốt nhất so với các điều kiện và khả năng tôi đã có đối với tổ quốc này. Vậy thì nước Mỹ còn đòi hỏi gì hơn ở tôi và những người di dân khác ?»

Tôi thấy David rất muốn quẹt ngón tay lên má tôi để lau hai hàng nước mắt đang lăn xuống, nhưng có người đã làm việc đó nên David chỉ lấy tay để chặn những giọt nước mắt đang định rơi trên mắt ông.

Tôi lại tự hỏi : Tôi đâu có làm được gì để mọi người yêu thương tôi đến vậy !

Và tôi cũng tự trả lời : Tôi suốt đời chỉ muốn được nắm chặt những bàn tay lạnh lẽo, yếu đuối, cô độc...

Và David, chiến tranh của chúng tôi đã đem đến cho ông nhiều bất hạnh, những huân chương, huy chương của ông xếp đầy trên bàn viết của tôi : khi tôi chết, cô hãy giữ làm kỷ niệm...

Tôi không nói được lời nào trước niềm cô đơn khủng khiếp đó ngoài một nỗi buồn ray rứt không nguôi

David, hãy nhớ rằng chúng tôi là gia đình của ông.

Tôn Nữ Thu Dung

Tượng Đài, Nước Mắt & Đêm Hoa Đăng

Ngô VănThu

Toàn bộ câu chuyện và happy ending của Tượng Đài Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh cuộc chiến Việt Nam tại Austin, Texas, được kể lại bởi tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Ông sinh năm 1939. Trước 1975, là sĩ quan QLVNCH. Bị bắt tù binh ngày 16/04/1975 tại mặt trận Phan- rang. Ra tù 1984. Vượt biên 1986. Bị bắt giam ở nông trường dừa 30/04, tỉnh Trà- vinh. Năm 1987 trốn trại về Saigon. 1989 tái vượt biên đến Malaysia tháng 07/1989. Tháng 05/1993 định cư tại Houston, Texas.

Quốc hội Tiểu Bang Texas đã ban hành nghị quyết lấy ngày 11/11 hằng năm làm ngày Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ thuộc cư dân của TX đã từng tham chiến trên khắp thế giới, trong đó có chiến trường Việt nam. Do đó năm 2013, các cựu chiến binh TX đã tổ chức Ngày Cựu Chiến Binh đầu tiên tại thủ phủ Austin, có diễn hành xe hoa rầm rộ của các đoàn thể, có các trường trung tiểu học tham dự qua phố chính, như một phần tri ơn cha chú của họ đã đáp lời kêu gọi của tổ quốc.

Năm nay 2014, ngày Cựu Chiến Binh Mỹ lại về. Cộng đồng người Việt từ Houston cũng được ban tổ chức mời diễn hành lần thứ hai. Bất chấp thời tiết bên ngoài khá lạnh 32oF. Phái đoàn Houston vẫn lên đường với 3 chiếc xe bus 170 người (chưa kể số khác đi xe riêng) về thủ phủ Austin để cùng với cựu chiến binh Mỹ diễn hành. Sau đó phía Việt nam còn có buổi lễ riêng tại tượng đài Mỹ- Việt trong khuôn viên toà nhà quốc hội, nơi mà tượng đài này đã được phía Mỹ khánh thành tháng 6/2013. Mặc dù đã trải qua nhiều năm tháng tranh cãi quanh người lính VNCH bị gỡ xuống thay thế vào người lính Á- châu, khiến bùng nổ lên cuộc tranh đấu của người Việt đòi phải phục hồi lại người lính VNCH trên bệ tượng như ban đầu. Cuộc tranh đấu nhiều gay go, rát bỏng khiến nhiều dòng lệ đã rơi vì uất ức trước cách xử sự ngược ngạo của ủy ban xây dựng tượng đài phía Mỹ gây nên. (sẽ nói phần sau) .

Trời vừa vào thu, bỗng dưng trở lạnh, khí lạnh từ Canada tràn về. Nhưng đoàn người từ Houston không chùn bước vẫn khởi hành lúc 4 giờ sáng để vượt đoạn đường dài 160 dặm lên đến Austin lúc 7 : 30 sáng. Đến nơi, lộ chính hướng về thủ phủ Austin đã phủ kín người và xe cộ sắp theo thứ tự diễn hành. Đứng giữa đường trống, mọi người co ro, run rẩy vì lạnh, cái lạnh càng tăng, càng rát hơn vì gió thổi với tốc độ 15 20 mph/giờ.

Đúng 10 : 00AM, cuộc diễn hành bắt đầu. Tiếng trống tiếng kèn của ban quân nhạc trỗi lên như thúc dục, như đưa đẩy đôi chân của mọi người rời điểm đứng, chuyển động cơ thể ngõ hầu thoát được phần nào cái lạnh. Dọc theo đại lộ, thật cảm động, khi thấy các em học sinh trung tiểu học, đầu mình chân tay trùm kín áo ấm, khăn len, cũng có mặt để vẫy tay chào ông cha chú bác họ đi qua. Cư dân của thủ phủ cũng tham dự khá đông và luôn la to : «Thank you Việt nam, Thank you Việt nam !» Khi phái đoàn Việt nam đi qua, có lẽ vì đây là ngày tràn đầy vinh dự cho họ khi có hàng ngàn người từ xa đến góp mặt chung lòng với họ, tạo nên không khí sinh động cho thủ phủ. Phần các cựu chiến binh Mỹ tuy tuổi đã cao nhưng vẫn còn nhịp bước vững chắc hiên ngang theo đoàn. Hai tuổi đời, hai thế hệ trao nhau, gặp nhau mừng vui trong ngày hội.

Riêng đoàn diễn hành của người Việt quả là đặc biệt, với các bà, các cô trong chiếc áo dài mong manh màu xanh da trời, vẫn ung dung tay nâng đại kỳ VNCH đi diễn hành qua đoạn đường dài một dặm mà không hề được che chở bởi áo lạnh phủ ngoài. Họ là những phu nhân của Hội Sinh Viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức theo chồng tham dự.

Đoàn diễn hành khi đến ngay toà nhà của thủ phủ Austin thì được rẽ qua hai lối và giải tán, sau đó tập trung lại trong khuôn viên trước tòa nhà Quốc hội, vì có buổi lễ vinh danh các anh hùng tử sĩ Mỹ- Việt tại đây. Một ban nhạc đại hoà tấu ước chừng 100 nhạc công, hoà tấu bản quốc ca Hoa- Kỳ và các bản anh hùng ca khác, tạo nên không khí trầm hùng thiêng liêng khiến ai nấy lắng lòng tưởng niệm, bất chấp từng làn gió lạnh rít quanh mình. Sau đó nhiều vòng hoa tưởng niệm được các đoàn thể Mỹ- Việt mang lên đặt trước đài, (đài nhỏ được thiết lập cho buổi lễ) .

1 : 00 chiều buổi lễ kết thúc, ai nấy hối hả vào bên trong tòa nhà Quốc Hội thăm thú các công trình kiến trúc danh tiếng nầy, đồng thời cũng là dịp tránh lạnh trong giây lát.

Ý tưởng dựng tượng từ 2005

Trụ sở Quốc hội Texas là toà nhà đồ sộ tọa lạc trên một khuôn viên rộng 22 mẫu tây. Chung quanh tòa nhà đẹp nổi tiếng nhất nhì so với các toà nhà chính phủ và quốc hội của 50 tiểu bang của Hoa kỳ, đã có 17 tượng đài từ khi toà nhà được hoàn thành vào năm 1888, gần 126 năm trước đây, để vinh danh những anh hùng hoặc sự kiện đã đóng góp vào việc thành lập và xây dựng nên tiểu bang qua nhiều thời kỳ.

Tượng Alamo được dựng lên lâu đời nhất năm 1891 để vinh danh những anh hùng đánh chiếm thành Alamo lập nên thành Cộng Hòa Texas, rồi đến tượng người lính cứu hoả, quân nhân thời Federation, (liên bang) và lính Tiểu bang (Texas Rangers) . 13 tượng còn lại vinh danh những người lính của các trận chiến khác nhau : Thế Chiến Thứ Hai, Chiến Tranh Triều Tiên...

Nhưng đặc biệt một tượng đài vinh danh các cựu chiến binh Texas từng tham chiến tại Việt Nam lại bị bỏ quên, mặc dầu Texas đã có 3, 417 tử sĩ trong cuộc chiến và hiện đang còn khoảng 8. 000 cựu chiến binh từng tham chiến tại Việt Nam, trong đó có rất nhiều người đang giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền và Quốc hội Hoa Ky, kể cả Thống Đốc Rick Perry và phó Thống Đốc Davis Dewhurst.

Vinh danh chiến binh Texas từng tham chiến tại Việt Nam

Để bổ túc sự khiếm khuyết này, tháng 5/2005, Quốc hội Lưỡng Viện thứ 79 của Texas đã bỏ phiếu phê chuẩn nghị quyết số 36 xây dựng tượng đài để vinh danh các chiến binh Texas từng tham chiến tại Việt Nam. (Texas Capitol Vietnam War Monument) Kinh phí dự trù là 1 triệu đô, do tư nhân đóng góp. $500. 000 còn lại, ngân sách của Tiểu Bang sẽ có qủy tiếp ứng (Matching fund)

. Địa điểm được chọn là khu vườn phía Đông- Bắc của khuôn viên tòa nhà.

Một số đông đảo các hội Cựu Chiến Binh và Thương Phế Binh (Purple Heart) Texas và một số đông người Mỹ gốc Việt đã tham gia trong trong việc giúp ý kiến cho điêu khắc gia Duke Sundt thiết kế mẫu tượng, và vận động gây quỹ. Hai vị dân cử là Thương nghị sĩ Texas, Juan «chuy» Hinojosa, Đảng Dân chủ thuộc vùng phía Nam Corpus Christi là một cựu chiến binh đã từng chiến đấu tại VN và Dân Biểu Texas Wayne Smith đảng Cộng Hoà đại diện vùng Vịnh Texas, thuộc phía Nam thành phố Houston, là những người đã bảo trợ cho nghị quyết xây dựng tượng đài, giữ chức vụ đồng chủ tịch cho công trình này.

Dân biểu người Mỹ gốc Việt Hubert Võ được mời làm cố vấn từ những ngày đầu. Một ủy ban xây dựng tượng đài đã được thành lập. Đương kim chủ tịch của Ủy Ban là luật sư Robert Floyd hành nghề tại Austin, với sự tham gia của nhiều hội đoàn Mỹ- Việt.

Ngay từ những ngày tháng đầu được thành lập, Ủy ban đã có nhiều ý kiến khác biệt. Phải mất đến 3 năm, việc thiết kế tượng đài với hình biểu tượng của 5 chiến sĩ, và việc tranh đấu cho hình người lính VNCH cũng đã rất gay go. Tựu chung nhóm cựu chiến binh Texas

ủng hộ là nhóm hiểu biết về chiến tranh Việt- Nam và sự có mặt đông đảo của người Mỹ gốc Việt tại Texas. Nhóm đối lập là những người có quan niệm khuynh tả, chống chiến tranh VN. Cuối cùng thì mô hình tượng đài có hình người lính VNCH cũng được hoàn thành và chính thức ra mắt ngày 31 tháng 1 năm 2008, nhân dịp kỷ niệm 40 năm trận chiến Mậu Thân 1968, tại thư viện của cố Tổng Thống Lyndon Johnson với vị khách danh dự là bà Lyndon Baines Johnson ái nữ của cố TT Johnson.

Buổi tiệc dưới sự chủ tọa của Thống Đốc Rick Perry và chủ tịch Hạ Viện ông Tom Craddick, Dân biểu Hubert Võ cùng với nhiều chính khách quan trọng, doanh gia và đại diện các hội đoàn Mỹ- Việt.

Sau đó, mô hình tượng đài có người lính VNCH đã được giới thiệu tại Thượng Viện vào tháng 3 năm 2011 và tại Hạ Viện tháng 5 năm 2011. Mô hình này còn được luân lưu khắp các phần đất của tiểu bang Texas để gây quỹ.

Từ nước mắt cho Tượng Đài

Công việc gây quỹ dù khó khăn nhưng cuối cùng vào tháng 7- 2012, số tiền gây được lên tới khoảng $400. 000 đô. Ủy Ban xây dựng tượng đài ra quyết định bắt

đầu cho xây để kịp hoàn tất vào mùa thu năm 2013 như dự trù. Nhưng thật bất ngờ, không hiểu vì lý do gì giờ chót Ủy Ban xây dựng tượng đài đã đơn phương thay đổi tên (Texas Capitol Vietnam Veteran Monument) và mô hình có tượng người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa bị đổi thành tượng người lính Mỹ gốc Á.

Trước sự thắc mắc, chống đối của phía cộng đồng Việt, Ủy ban xây dựng tượng đài chỉ gởi ra một số điện thư giải thích với ông Ken Herman chủ nhật báo Austin American Statesman, rằng : «để vinh danh các chiến sĩ Texas tham chiến tại VN, thì việc thay tượng của người lính VNCH thành tượng người lính Mỹ gốc Á- châu không có gì là sai. Và phía chống đối chỉ là thành phần thiểu số, không quan trọng.»

Theo các nguồn tin bên ngoài, tình trạng đáng tiếc này chỉ là hậu quả của thành tích gây quỹ. Ngân quỹ cho tượng đài trên Austin dự trù một triệu đô la. Việc gây quỹ thu được $500. 000 và tiền «tiếp ứng - matching fund» của chính phủ tiểu bang $500. 000. Số quyên góp được phần lớn từ phía những người Mỹ có lòng, trong khi số thu từ phía người Việt tại Houston, được quá khiêm nhường.

Trong một buổi họp tại văn phòng ông Robert Floyd chủ tịch ủy ban xây dựng tượng đài diễn ra cũng không kém phần sôi nổi, theo một số người tham dự thì ý kiến của hai phe còn nhiều khác biệt. Phần phát biểu của một số người Mỹ gốc Việt khá sôi nổi. Một nhóm cựu chiến binh Hoa- kỳ đã liên lạc với bà Nancy Bùi, hội trưởng hội VAHF để báo tin. Bà Nancy Bùi đã liên lạc thẳng với ông Ken Herman (chủ báo) để lên tiếng phản đối quyết định đơn phương sai trái này. Theo bà Bùi thì : - «Tượng người lính VNCH nói lên chính nghĩa của sự có mặt của người lính Hoa- Kỳ tại Việt- Nam là để giúp Miền Nam VN chống CS và bảo vệ Tự- do. Có người lính VNCH thì sẽ đánh đổ luận điệu cho rằng sự có mặt của người Mỹ trong chiến tranh Việt- nam là một sự xâm lăng» .

Ông Ken Herman sau đó đã liên lạc với dân biểu Hubert Võ, Bác sĩ nha khoa Alvin Diệu Nguyễn đang làm việc và sinh sống tại Houston, TX và một số cựu quân nhân Mỹ- Việt để tìm hiểu thêm. Bác sĩ Diệu bày tỏ «Tôi đã góp $1. 000 bởi vì tượng đài có hình người chiến sĩ VNCH. Tôi không đồng ý sự thay đổi này.»

4 năm vận động

Để bảo vệ hình ảnh người lính VNCH trong tượng đài, một cuộc vận động không mệt mỏi đã được thực hiện.

Dân biểu Hubert Võ và đại diện đông đảo các hội đoàn Cựu chiến binh và thương phế binh Purple Heart Texas cùng một số hội đoàn Việt Mỹ mở một cuộc vận động mạnh mẽ suốt 4 năm trời, với hơn 14. 000 chữ ký thỉnh nguyện thư, hơn 600 đồng hương khắp các thành phố San Antonio, Dallas, Fort worth và Houston thường xuyên lên xuống thủ phủ Austin biểu tình xa luân chiến. Hội đồng liên tôn cũng có mặt. Kèm theo còn có chiến dịch cờ vàng vận động, do Dr Dược sĩ Nguyễn Khoa Diệu Thảo lãnh đạo, đã tận lực vận động cho chính nghĩa của người Việt với chính giới Hoa- Kỳ trong tiểu bang.

Cô Diệu Thảo là người ruột thịt của danh tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn 4 đã tuẫn tiết theo thành ngày 30/4/75. Hình dáng bé nhỏ của cô đứng khóc mùi mẫn bên cạnh Thống Đốc Rick Perry to lớn khi trình bày quan điểm chính nghĩa của cộng đồng trong ngày khánh thành tượng đài, khiến mọi người nao lòng.

Sức mạnh của chính nghĩa gia tăng khi các cựu quân nhân Hoa Kỳ từng chiến đấu ở Việt Nam nhập cuộc, đòi phục hồi lại hình ảnh người lính VNCH trên bệ tượng. Trong số này có ông Patrick M. Reilly. Ông bị thương trong trận tết Mậu Thân 1968 tại An- Hoà, Phú Bài (Huế) khi đơn vị của ông ra tiếp cứu một xe đò chở đầy người Việt chạy giặc bị cộng quân tấn công bắn cháy. Trước cảnh máu đổ thịt rơi, đơn vị ông đang giúp di tản nạn nhân ra khỏi vùng lửa đạn thì bị cộng sản tấn công bằng một B. 40. Ông và một số đồng đội bị thương. Riêng ông đã để lại một chân trái của mình cho đất nước Việt nam. Ông Patric, với những bước chân đi khập khểnh, đã hết lòng sát cánh tranh đấu cho lẽ phải của người Việt. Bạn của ông là ông Duke Sundt (Artist) , một điêu khắc gia nổi tiếng đã tạc ra mô tượng chiến sĩ Mỹ- Việt khánh thành tháng 6/2014 tại thủ phủ Austin cùng đồng hành với ông tranh đấu cho ta.

... tới Đêm Hoa Đăng

Sau cùng, Texas Capitol Vietnam Veterans Monument - Tượng Đài Cựu Chiến Binh (cuộc chiến) Việt Nam - đã được chính thức khánh thành ngày Thứ Bảy 29, tháng Ba 2014.

Kết quả việc hình tượng người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa trở lại với tượng đài, đọc được trên bài báo «Austin

American Statesman» phần INSIGHT & BOOKS với tựa đề «ONE SCULPTURE, TWO VISIONS» (tạm dịch, một hình tượng, hai cách nhìn) . Đại thể, trên tượng đài người lính VNCH vẫn còn nguyên, (cả trong hồ sơ gốc cũng không thay đổi) chỉ khác trước; đầu đội mũ berets (mũ nồi) nay đầu chít vành băng cấp cứu (vì bị thương) . Chung quanh bốn người lính khác. Hai người bảo vệ trận địa, một người gọi máy truyền tin xin di tản, một người cấp cứu, nói lên tình chiến hữÂu Mỹ-Việt trong chiến tranh Việt Nam không phân biệt màu da, chủng tộc.

Tóm lại, mọi sự thay đổi đôi chút không đánh mất ý nghĩa thiêng liêng là người lính VNCH vẫn còn trên bệ tượng như trước. Và sau cùng, cộng đồng Việt đã có thể hân hoan với đêm hoa đăng 11/11 pháo bông sáng rợp trời tại Tượng Đài Việt Mỹ.

Ngô Văn Thu

Nghịch Lý America

Nguyễn Thế Bài

Tác giả là cư dân North Carolina, chỉ mới định cư tại Mỹ ba năm. Với 4 bài viết, trong đó có «Người Đẹp và Quái Thú» ghi nhận nhiều chi tiết đặc biệt về tổ chức y tế, bệnh viện tại Mỹ, tác giả được bình chọn cho giải thưởng đặc biệt Viết Về Nước Mỹ 2014. Sau đây là bài viết mới nhất.

Tui vừa đọc bài viết «Hội làm vườn Việt Mỹ» của anh, thấy có nhắc đến hai anh bạn già người Huế nầy, cho nên gọi điện nói chuyện cho vui. Sắp tới, anh định viết chi nữa đây ?

Ông bạn già người Huế của tôi có lẽ là độc giả trung thành số một của «Viết Về Nước Mỹ» , vì theo như ông cho biết, ông chưa bỏ một bài viết nào suốt mười mấy năm qua. Từ ngày bài «Con chim choi choi» của tôi được đăng, mỗi khi có bài «viết về nước Mỹ» của tôi, là ông gọi điện chúc mừng ngay. Có ít nhất là một độc giả thân thiết chia sẻ, động viên, tôi càng muốn viết thêm.

- Cám ơn anh. Ông đồng hương của tôi cũng vừa gọi điện, chê bài viết còn thiếu một chi tiết quan trọng liên kết hội làm vườn. Đó là dính vào miếng vườn chẳng khác nào tự ký án tù một năm : còn bận hơn con mọn,

chẳng dám và cũng chẳng thể đi đâu xa vài ngày, bằng không, công khó bao ngày sẽ thành công cốc.

- Cái này thì tui hoàn toàn đồng ý. Ông mụ tui có mấy đứa cháu, mà đầu mình chân tay phải làm việc hết công suất suốt ngày. Nhiều khi muốn tới anh chuyện trò cho vui, mà đành chịu tệ. Đúng là nghịch lý nước Mỹ : mình tưởng tuổi già vui thú điền viên, nhất là ở xứ sở «chảy sữa và mật ong» nầy. Ai dè... !

- Cám ơn anh. Anh hỏi tôi sắp tới định viết gì. Anh vừa cho tôi ý tưởng thật hay. Tôi sẽ viết về đất nước chúng ta đang sống. Anh đã lăn lộn nơi đây vài chục năm rồi, có dư quan sát, có dư cảm nghiệm, suy tư. Tôi là dân mới đến, song cũng nghe, cũng thấy, cũng nếm không ít những điều xem ra hết sức nghịch lý. Vậy tôi sẽ lấy tựa đề là «Nghịch lý America» . Hôm nay thứ tư. Hẹn anh thứ bảy, gặp nhau sẽ trao đổi nhiều hơn.

Đúng như lời hứa, trưa thứ bảy, anh bạn già người Huế của tôi tới nhà tôi hàn huyên. Vừa nhập ngụm trà nóng, anh nói ngay :

- Nghịch lý đầu tiên là tui, là những người lính như bọn tui. Mỹ viện trợ giúp mình đánh việt cộng, rồi bắt tay với Trung Cộng bỏ rơi mình; rồi cũng lại chính Mỹ đón mình sang Mỹ, không chỉ sinh sống, mà thành hẳn

công dân Mỹ. Tui đồng ý với anh trong bài viết «Từ DC đến Cali» : giờ ni tui hoặc bất cứ người Việt nào mang quốc tịch Mỹ hoặc thường trú nhân, đều không có quyền gọi đất nước này là nơi «tạm dung» . «Quê hương thứ hai» thì được, chứ gọi Hoa Kỳ là «đất khách quê người» hóa ra vừa vô ơn, vừa giả dối quá sao ?

- Đúng vậy. Anh vừa nêu lên một nghịch lý, xuất phát từ sự giằng co tâm lý, tình cảm của những người con xa quê, nơi họ đã chôn nhau cắt rốn. Anh còn nhớ mấy câu trong Hòn Vọng Phu của Lê Thương không ?» Ai ra đi mà không ước hẹn ngày về. Ai quên ghi vào gan đá bao nguyện thề... «Ai mà chẳng có những nỗi nhớ. Mơ về quê cũ cũng là chuyện bình thường thôi mà. Hàng tỷ đô la kiều hối gửi về Việt Nam hằng năm làm «phao cứu sinh» cho cái chế độ mà mình cũng nằm trong cái nghịch ý ấy.

- À, chút nữa thì quên. Anh mới tậu xe mới hả ? Mừng cho anh chị. Chiếc Toyota đẹp quá, vậy mà ông bà giấu kỹ, không rửa xe.

- Bọn mình đang nói những chuyện nghịch lý. Đây cũng gọi được là chuyện nghịch lý trên đất Mỹ. Chiếc xe cà tàng mà anh thấy thời gian qua, đã theo ông mụ tui bao năm rồi, không hề ho hen, vậy mà mấy tuần qua đổ đốn cứ nằm vạ hoài. Mấy đứa thấy vậy, mới bàn

nhau bỏ ra mỗi đưa dăm ba ngàn tậu cho chiếc xe này. Khi còn trẻ khỏe, làm hai «jobs» , ba «jobs» thì xài cái xe cũ rích; nay về hưu, chẳng nên tích sự gì nữa, thì lại xài đồ xịn.

- Anh chị phải mừng vì con cái hiếu thảo chứ ! Mấy tháng trước, vợ chồng tôi đi khám răng theo diện thẻ cam (orange card) , chỉ phải co- pay ba mươi đồng. Chúng tôi gặp hai vợ chồng người Việt cũng đi khám, nhưng không có tiền trả, phải vay mượn cô nhân viên xã hội. Bà vợ cho biết họ sống ở apartment với con trai và con dâu. Họ ngồi trong nhà suốt ngày. Xe không có và không biết lái; tiếng Anh không biết nói; đường xá mù tịt. Ngoài ăn uống, con không hề cho đồng nào. Đi đâu cũng nhờ cậy người quen, nhưng đâu phải khi nào họ cũng rảnh rang hoặc sẵn sàng. Cũng như vợ chồng tôi, sang Mỹ ở tuổi này, còn mong kiếm công ăn việc làm gì nữa. Thật bất nhân, bất hiếu. Đầu tuần này, tình cờ gặp lại cả hai vợ chồng, hỏi thăm thì cụ ông cho biết đã xin được medicaid, trợ cấp và food stamps. Mừng cho họ quá.

- Mất gốc, anh ạ. Mất gốc là mất hết : mất dạy, mất nết, mất tiếng, mất trí. Đẻ con như rứa, thà đẻ hột vịt lộn, không ăn thì đem bán, còn có ích hơn. Đáng buồn là những thứ con cái như rứa không phải là ít.

Khi bực tức trong lòng, anh bạn già của tôi xổ rặc tiếng Huế. Anh nói tiếp :

- Tui dạy mấy đứa trong nhà : bây đi ra, nghe người ta nói ngày trước ở Việt Nam, cha mạ đặt mô con ngồi nớ; sang bên ni, con cái đặt mô, cha mạ ngồi nớ. Bây nhớ giùm tao một điều : nếu bây muốn cha mạ tôn trọng tự do của bây, thì bây cũng phải tôn trọng tự do của cha mạ. Tự do của cha mạ là đuổi những đứa con bất hiếu, ngỗ nghịch ra khỏi nhà và xé khai sinh, cắt đứt mọi quan hệ. Tại răng à ? Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày. Nếu con cái muốn sòng phẳng, thì OK, hãy sòng phẳng. Hãy trả lại tiền tốn phí nuôi dưỡng mỗi đứa con, mà theo thống kê mới nhất, là 245 ngàn đô la, chỉ tính từ khi lọt lòng đến 18 tuổi. Công lênh mang nặng đẻ đau, vất vả ngày đêm, coi như free. Anh thấy ra răng ?

- Đồng ý với anh cả hai tay. Nhiều khi quan sát nếp sống gia đình Âu Mỹ, tôi cứ thắc mắc và ngạc nhiên mãi. Khi còn nhỏ ra sao thì tôi không nhớ, nhưng từ lúc đoàn tụ đến khi thầy tôi mất, tôi chưa hề nghe ông nói một lời ngọt ngào; nói chi chuyện ôm ấp hôn hít. Những cử chỉ âu yếm nhất, là đi ăn cưới, ăn giỗ, thế nào cũng nhớ đem về cho tôi cái bánh, trái cây, có khi cả một gói thức ăn, lúc còn bé như thế và sau đó vẫn vậy. Nhưng

tôi luôn thấy gần gũi, kính trọng và yêu mến, dù chúng tôi mất hai chục năm Bắc Nam xa cách (như đã có lần tôi kể anh nghe rồi) . Cái chữ hiếu của dân Việt mình nó ăn sâu vào máu thịt, vào tâm hồn, không bị vật- chất-hóa, đáng trân trọng và giữ gìn dường nào. Người Âu Mỹ thì ngược lại : nhìn họ âu yếm con cái, vào hôn ra hít, tổ chức sinh nhật công phu, quà cáp Noel, nghỉ hè tốn kém, chăm sóc lo lắng đủ điều, những tưởng những đứa nhỏ sẽ gắn bó với gia đình gấp nhiều lần và thờ cha kính mẹ. Nhưng khi lên 18 tuổi, chúng tự cho mình đã đủ lông đủ cánh và tự lập, rời xa cha mẹ. Tự lập thì không ai nói gì, song chúng gần như quên cha mẹ. May mắn lắm là còn nhớ birthday hoặc Noel. Bậc làm cha làm mẹ dường như cũng quen lối sống này, coi như nợ đồng sàng, vay trả trả vay. Cái văn hóa «YOU» , ai cũng «MÀY» , cá mè một lứa, không có tôn ti trật tự, có lẽ là nguồn gốc của những điều nghịch lý ấy. Nói như anh : mất gốc !

- Mình nói cứng, chứ rồi đất không nghe trời, thì trời cũng phải nghe đất, cũng phải gồng mình học sống văn minh hợp thời, chứ cứ khư khư giữ cách nghĩ, cách làm như ở Việt Nam, thì cũng không được. Ngoài chuyện vốn thích hát nghêu ngao cho yêu đời, tui sắm cái dàn karaoke cũng là để con cháu khi về nhà, cùng đơn ca, song ca, tam tứ ngũ ca cho vui. Anh còn nhớ phong

trào hippi những năm đầu thập niên 1970 không ? Tui thấy tuổi trẻ Mỹ cứ như ngựa chứng, ưa nổi loạn và cả thác loạn nữa. Thế hệ người Việt thứ ba trở đi mà tiêm nhiễm lối sống đó thì thật tai hại.

- Tôi cũng thường hay suy nghĩ về khía cạnh xã hội này và nhìn nhận dưới góc độ phân tâm học : cũng có thể nói như anh, rằng tuổi trẻ ưa nổi loạn và bị lôi cuốn vào nhịp sống cuồng loạn, thậm chí thác loạn. Song nếu đào sâu vấn đề, ta sẽ thấy đúng ra đó là những phản ứng, những vùng vẫy để thoát ra khỏi những dây nhợ, những trói buộc vô hình, mà xã hội áp đặt ngày một thít chặt, ngày một nặng nề, lên cuộc sống của chúng. Gọi đây là một nghịch lý cũng không sai : nước Mỹ tân tiến, kinh tế Mỹ phát triển giàu có, xã hội Mỹ dân chủ, tự do, nhưng người dân Mỹ luôn cảm giác bất an, luôn phải quay theo guồng máy mà không biết lúc nào đó sẽ bị đào thải, bị hất văng ra. Ta cứ nhìn vào cái khá gần gũi với chúng ta : luật di trú. Hàng trăm, hàng ngàn điều khoản vô cùng phức tạp. Nhưng thấm vào đâu so với các luật về thuế má, nhà cửa, y tế, bảo hiểm và vô số luật khác. Bảo vệ người dân đâu chưa thấy, chúng như những dây thòng lọng, như những lưỡi gươm Damoclès treo lơ lửng trên đầu ta, lạnh lùng, không khoan nhượng. Anh vay tiền mua nhà. Không có tiền trả nợ, ngân hàng «kéo» nhà anh. Xã hội này làm gì có chuyện «tối lửa tắt

đèn có nhau» . Từ nhà anh đến nhà tôi, ở các chỗ đèn đỏ, vẫn thường thấy những người ăn xin bất đắc dĩ, tay cầm miếng bìa các- tông, ghi nguệch ngoạc, đại loại : please help. Lost job. Three kids to feed. Homeless. Tuổi trẻ rất nhạy bén : chúng thấy mình như những con côn trùng nhỏ lọt vào màng nhện khổng lồ của vô số định chế xã hội, không có cách chi thoát ra khỏi, càng vùng vẫy càng bị thít chặt. Vì vậy chúng tìm mọi cách để phản ứng, phản kháng, qua âm nhạc kích động, qua lối sống buông thả không biết ngày mai, qua rượu mạnh, qua ma túy, mà những cơn say giúp chúng quên đi một thời gian những thực tại trước mắt. Đi xa hơn nữa là những hành vi bạo loạn, dùng súng đạn gây đau thương chết chóc khắp thế giới. Bọn tài phiệt không bao giờ bỏ lỡ cơ hội khai thác, làm cho tuổi trẻ ngày càng lún sâu trong trụy lạc.

Nếu không dùng cái nhìn phân tâm học để giải thích, thì thật khó hiểu được tâm lý của dân Mỹ và tuổi trẻ Mỹ. Anh thấy đó : phim Love Story năm 1970 do đạo diễn Arthur Hiller từ tiểu thuyết tình cảm lãng mạn của Erich Segal là một hiện tượng, một ngoại lệ của điện ảnh Mỹ, không ướt át và đẫm nước mắt như các phim Hàn quốc, nhưng êm ái, cảm động. Và chỉ bằng ấy. Ngày nay, có thắp đuốc đi tìm, vẫn không thể thấy được một bộ phim Mỹ như vậy. Các phim bom tấn trong

thập niên qua (và nay vẫn còn thời thượng) là những phim thuộc hai loại phim hành động và hoạt hình. Hết Batman (người dơi) đến Spiderman (người nhện) và nay là Ant Man (người kiến) . Phim hoạt hình Frozen (2014) không chỉ mang về hai giải Oscar, mà còn là một trong năm phim có doanh thu cao nhất (1, 25 tỷ đô la) ; Toy Story, Lion King, Finding Nemo, hoặc các phim Shrek đều là những phim hốt bạc. Dân Mỹ, trong vô thức, muốn những gương mặt anh hùng dùng tài nghệ siêu phàm và lòng can đảm để chiến thắng người ác, sự ác mà họ rất ghét, rất muốn tiêu diệt, nhưng chúng vẫn nhởn nhơ khiêu khích trước mặt, nhan nhản khắp nơi, trong mọi lãnh vực xã hội; mặt khác họ thèm khát sự an bình, giảm trầm cảm (stress) bằng nụ cười vui cùng các nhân vật hoạt hình dí dỏm, thoát khỏi ít nhất một vài tiếng đồng hồ - những áp lực cơm- áo- gạo- tiền và vô số các vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị. Nghịch lý là ở đó : họ «mượn» cái áo khoác ảo tưởng, để choàng che cho bản thân khỏi những thực tại «nước mắt nhiều hơn nỗi vui, cay đắng nhiều hơn tiếng cười» , để rồi sau những giờ phút ngắn ngủi ấy, khi phải trở lại đời thực, họ thấy «mình lại thương mình xót xa» (Nguyễn Du, Kiều)

Hai chúng tôi cùng im lặng uống trà. Bầu khí tự nhiên chùng xuống, nặng nề. Trời đổ mưa. Cơn mưa vừa dứt, anh đứng dậy bắt tay chào ra về, vừa mở cửa xe vừa nói:

- Nước Mỹ đúng là đất nước của những nghịch lý. Nghịch lý America ! America toàn những nghịch lý. Nói khi nào cho hết. Hẹn anh dịp khác. Khi nào viết xong, anh cho tôi đọc trước, nghe !

Anh bạn già người Huế đi rồi, tôi vẫn thẫn thờ đứng nhìn theo bóng chiếc xe trườn nhẹ trên các khúc quanh dẫn ra đường chính. Nghịch lý America quả là đặc điểm của đất nước này. Đất nước Mỹ đâu phải yên lành gì : hết thiên tai lại đến nhân tai. Những khi ấy, hầu như không thấy ai gửi điện văn chia sẻ. Văn hào La Fontaine nước Pháp viết : «lý của kẻ mạnh hơn bao giờ cũng hay nhất» (ngụ ngôn Con Sói và Con Chiên) , nhưng nước Mỹ mạnh nhất về kinh tế, quân sự, lại luôn cô đơn. Bão Katrina năm 2005 tàn phá cả vùng rộng lớn Miền đông nam Hoa Kỳ, gây thiệt hại to lớn về người và của, có ai tiếp cứu đâu. Khi nước Mỹ bị bọn mất tính người tấn công khủng bố vào ngày 11/9/2001, thậm chí nhiều nơi còn nhảy múa ăn mừng. Tuy vậy dù đang khốn đốn chuyện nhà, nhưng hễ nghe đâu trên thế giới xảy ra tai ương, là nước Mỹ lo lắng chia buồn và gửi ngay vật chất

cứu trợ với số lượng khổng lồ. Những tưởng sự quảng đại ấy sẽ được khắc cốt ghi tâm và khiến hình ảnh nước Mỹ được vinh danh trên khắp thế giới. Nghịch lý thay: nước Mỹ bị thù ghét ở mọi nơi. Động cơ thì rất nhiều, đa phần là do ghen ăn tức ở, do sợ mất ảnh hưởng chính trị, lo bị nền kinh tế Mỹ nuốt chửng, ...

Nước Mỹ là nơi gần như ai ai cũng muốn đến, muốn được sinh sống, muốn được hít thở bầu khí tự do. Nhưng khi có được điều kiện, cơ may trở thành công dân Mỹ, thì không ít người ăn cháo đá bát, quay lưng phản bội : nhẹ thì sống bê tha, lười biếng, lợi dụng chính sách nhân đạo của chính phủ để ăn bám xã hội; vừa thì trộm cắp, nghiện ngập hoặc buôn bán ma túy, bạo lực phân biệt chủng tộc; nặng thì giết người, đặt bom khủng bố, âm mưu tiêu diệt đất nước đã mở rộng vòng tay đón nhận và cưu mang họ. Nhiều người không chỉ «ăn cây táo, rào cây sung» , mà còn gia nhập những lực lượng vũ trang khủng bố phạm những tội ác trời không dung đất không tha, mà mục tiêu tối hậu là chống lại và hủy diệt Hoa Kỳ.

Thống kê cho thấy năm 2013 trên thế giới có gần 1, 500 tỷ phú có khối tài sản trên 5, 4 tỷ đô la, trong đó 10 tỷ phú có tài sản trên 35 tỷ đô la (7 là người Mỹ) , đứng đầu là Bill Gates. Nhưng khác với tỷ phú các quốc

gia khác có cách kiếm tiền và tiêu tiền khác biệt, các tỷ phú Mỹ như Bill Gates hoặc Warren Buffett (hạng ba trên thế giới với 71, 4 tỷ đô la) lại làm giàu hết sức minh bạch, sống rất giản dị, không hề xa hoa trác táng và đặc biệt là hiến gần như toàn bộ khối tài sản khổng lồ cho công việc từ thiện, cứu nhân độ thế, khác xa hình ảnh những tỷ phú ở các quốc gia trên thế giới làm giàu bằng thủ đoạn, mờ ám, đồng tiền tanh mùi máu và khi có tiền, là ăn chơi trụy lạc, tiêu pha xa xỉ không thể tả hết và chỉ biết vinh thân phì gia.

Tựu trung đó là kết tinh của một nền giáo dục nhân bản chỉ có nơi một đất nước, một dân tộc nhuần thấm thế nào là dân chủ và nhân quyền, thế nào là nhân phẩm được thăng hoa trong một đất nước tự do. Những điều này không thể hình thành tự nhiên, không phải có được ngày một ngày hai.

Nhớ lại sáng nay nhìn mấy đứa nhỏ chơi đùa như vớt vát những ngày Summer Holidays còn lại, trước khi bước vào năm học mới, tôi chợt thấy buồn cười : lại một nghịch lý nữa. Hơn một nửa trong các cháu bị chứng béo phì ! Người Mỹ - gốc gì cũng vậy đều sợ cholesterol : một tí da dính vào thịt, cá, cũng lấy đi bằng được; một chút thịt mỡ là gạt sang ngay bên, nhưng ăn uống thì lại vô độ, ăn nhiều và ăn nhiều lần, mọi lúc,

mọi nơi. Thân hình cứ thế mà phì ra. Rồi lại tìm đủ cách để giảm béo, bởi vì béo phì không chỉ ảnh hưởng về thẩm mỹ, mà còn kéo theo bệnh tật.

Tôi đã có dịp đi nhiều nơi trên nước Mỹ, gặp khá nhiều đồng hương người Việt và thấy thật may người dân gốc Việt, đặc biệt phái nữ, đại đa số vẫn giữ được dáng thon thả, vẫn có thể bận áo dài dân tộc. Một phần do họ làm việc vất vả, chắt chiu tiết kiệm để lo cho tương lai, song có thể một phần do thức ăn Việt Nam tốt cho sức khỏe. u cũng là điều mừng.

Hết mưa, nhưng bầu trời vẫn u ám, tôi vào nhà và tự nhiên muốn mở Internet để xem Wikipedia định nghĩa «Dilemma» (nghịch Lý) ra sao :

Một nghịch lý là một vấn nạn đưa ra hai khả năng, nhưng chẳng có cái nào trong đó trên thực tế có thể chấp nhận được. Một người ở vị trí này theo truyền thống được mô tả là «tiến thoái lưỡng nan» .

Chợt nhớ bài hát mà nhân vật Vương- Khởi- Minh trong cuốn tiểu thuyết «Người Bắc Kinh ở New York» (được dựng thành phim cùng tên, do Khương- Văn thủ vai chính) gửi đến mọi người như một thông điệp :

Nếu bạn yêu anh ta,
Xin hãy đưa anh ta đến New York,
Vì nơi ấy là thiên đường.
Nếu bạn ghét anh ta,
Xin hãy đưa anh ta đến New York,
Vì nơi ấy là địa ngục

Nguyễn Thế Bài

Tiệm Phở Trong Xóm Mễ

Nguyễn Bích Thủy

Tác giả sinh năm 1962, tốt nghiệp Đại Học Mỹ Thuật năm 1988 khoa Đồ Họa tại Việt Nam, từng làm công việc thiết kế sáng tạo trong ngành quảng cáo. Cô đến Mỹ tháng 4 năm 2000, hiện là cư dân Waxahachie, Texas, đang làm việc trong phân xưởng in của một nhà máy tại địa phương. Với bài «Con Thề Không Lấy Chồng Việt Nam» , tác giả đã nhận giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2014.

Ngày nay Phở không còn là món ăn bình dân chỉ gói gọn trong lãnh thổ của đất nước Việt Nam nữa mà Phở đã theo bước chân của những người Việt lưu vong, bôn ba khắp nơi trên quả địa cầu này. Tại mỗi nơi Phở có mặt thì mùi vị của nó cũng khang khác một chút dựa vào gu ẩm thực của mỗi vùng và cái «bí truyền» từng của người đầu bếp. Thêm vào đó, do vị trí thổ nhưỡng mà miếng thịt, cọng rau, mớ giá, bánh phở... cũng khác nhau nên tạo cho Phở thêm nét đa dạng. Nhưng sự khác biệt lớn nhất là từ trong nội tại của mỗi người Việt tha hương khi thưởng thức món Phở ở quê người hay tại quê nhà đã có nhiều đổi thay; nó biến thiên theo cùng vận nước và vận đời của họ !

Nhớ lại «thời bao cấp» ở Việt Nam ròng rã từ 1975 đến giữa thập niên 80 của thế kỷ trước, đây là thời điểm đói khổ nhất của cả nước chỉ có bo bo, mì sợi, khoai bắp suốt nhiều năm liền. Trong xóm tôi có gánh hủ tiếu mì của dì Bảy mà mọi người hay gọi dì với cái tên thân thương là dì Bảy Mì. Dì bán nổi tiếng chẳng những ngon mà còn rẻ nhất vùng Cư Xá Phú Lâm A, nơi gia đình tôi đã dọn đến ở vào đầu năm 1975.

Từ sau cuộc đổi đời, mỗi buổi sáng chúng tôi đã trở thành khách hàng quen thuộc của dì Bảy. Nói nghe có vẻ «sang» quá nhưng thật ra mười người đến gánh của dì thì chỉ có chừng vài người có khả năng kêu một tô hủ tiếu mì «chính phẩm» , số còn lại trên tay ai cũng thủ sẵn vài ba vắt mì sợi khô của Tổ Dân Phố cung cấp bằng tem phiếu Sổ Gạo thời đó. Với hai hay ba vắt mì khô queo cứng ngắt đó qua bàn tay của dì Bảy «biến hóa» sẽ trở thành một tô mì thật hấp dẫn thêm vài lát thịt mỡ, nước lèo óng ánh và mớ hành, ngò, tiêu, rắt trên mặt là mọi người sẽ có được một bữa ăn sáng ấm lòng chắc dạ.

Kể đến đây có lẽ mọi người sẽ hiểu rằng Phở đối với tôi một thời gian dài đã trở thành món ăn rất xa xỉ, vì lúc đó ba mẹ tôi phải chạy ăn từng ngày để lo cho bốn đứa con của mình. Chỉ khi vào Đại Học Mỹ Thuật làm gia

sư dạy vẽ cho thiếu nhi tại nhiều gia đình khá giả, tôi mới có cơ hội tập tành làm quen với mùi vị của những tiệm Phở quanh vùng Lăng Ông - Bà Chiểu gần trường. Rồi thì tôi cũng bắt đầu khám phá ra «Vương Quốc Phở» trên con đường Pasteur, các tiệm Phở trên đường Hiền Vương với những con gà luộc vàng óng treo tòn teng trong các tủ kính có sức mê hoặc lòng người.

Nhưng với tôi quán Phở ngon nhất vẫn là quán phở gần nhà bên Cư Xá Phú Lâm B. Đầu tiên, đó chỉ là một quán phở «lèo tèo» trong xóm với mục đích kiếm sống lay lắt qua ngày, do chủ nhân là một người lính vốn không phải của «Bên Thắng Cuộc» nên khó xin việc làm trong thời buổi gạo châu củi quế. Nhưng rồi do nghề dạy nghề, biết cách «tiếp thị» , biết làm» vui lòng khách đến vừa lòng khách đi» nên dần dần tiếng lành đồn xa chẳng bao lâu quán phở này đã trở nên nổi tiếng nhất vùng Phú Lâm của tôi. Họ đã «phất» lên thấy rõ. Sáng nào cũng vậy, từng tốp xe gắn máy tấp vào quán phở nườm nượp. Rồi từ quán phở ọp ẹp, thấp lè tè chẳng bao lâu sau họ đã «mua đứt» luôn căn bên cạnh cất lên ba từng lầu trông thật bề thế.

Đây có thể tạm gọi là Quán Phở Nhà của gia đình tôi vì vào mỗi buổi sáng sau khi tập dưỡng sinh ba mẹ tôi hay đến đây ăn sáng. Hầu như chủ quán và những phục

vụ viên trong tiệm đều quen «nhẵn» mặt ba mẹ tôi và thuộc lòng khẩu vị của hai thực khách «ruột» này. Cứ mỗi lần thấy ba tôi đến là chủ quán hay nhắc con trai của mình :

- Nhớ thêm nước béo cho Bác Tám trai nha mậy !

Vào cuối tuần gia đình tôi hay kéo nhau đến quá phở này ăn sáng vì nó gần nhà, ngon và rẻ hơn so với những quán khác. Đặc biệt vào những buổi chiều mẹ tôi không được khỏe, bà chỉ nấu «sơ sài» một món mặn; em trai tôi chỉ cần xách xe chạy «xẹt một cái» là mang về một «gà mên» nước lèo với vài lát thịt bò tái, nạm... và hành ngò thơm lừng. Thế là cả nhà có ngay một món canh phở ăn với cơm ngon tuyệt !

Rồi ba mất đi để lại mẹ tôi một mình với biết bao kỷ niệm. Có lẽ cùng từ đó cho đến mãi sau này mẹ tôi đã không còn lui tới Quán Phở Nhà nữa, phần do già yếu phần do mỗi lần đến đó người ta lại vô tình gợi lại một nổi nhớ làm tim bà quặn thắt :

- Hiếm có ai thương vợ như Bác Tám trai. Khó kiếm cặp vợ chồng già nào hạnh phúc như hai Bác.

Giờ đây, mỗi khi thèm phở mẹ tôi thường sai con cháu mua đem về nhà mà không còn ra tiệm như xưa.

Nhưng dù ăn một mình tại nhà, nhưng chắc chắn mẹ tôi cũng không bao giờ quên được tô phở với nhiều nước béo của người bạn đời đã từng đồng hành bên bà trong suốt năm mươi năm qua !

Phở là món ăn bình dân, dễ ăn nhưng lại không hề dễ nấu ! Phở ở Sài Gòn khác với Phở tại Huế và cũng không giống với Phở giữa lòng Hà Nội, ngay chính quê hương của Phở ! Tại Hà Nội, nhiều quán Phở đã được lưu truyền đến ba đời và đã trở thành một nét đặc thù của người dân xứ «Bắc Kỳ» từ thập niên 40 của thế kỷ trước. Nhà văn Thạch Lam đã từng viết trong «Hà Nội Ba mươi Sáu Phố Phường» như sau :

Phở là một thứ quà đặc biệt của Hà Nội, không phải chỉ riêng Hà Nội mới có, nhưng chính là vì chỉ ở Hà Nội mới ngon» . Phở ngon phải là phở «cổ điển» , nấu bằng thịt bò,» nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh ớt với hành tây đủ cả» , «rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt, lại điểm thêm một ít cà cuống, thoảng nhẹ như một nghi ngờ...

... Đó là thứ quà ăn suốt ngày của tất cả các hạng người, nhất là công chức và thợ thuyền. Người ta ăn phở sáng, ăn phở trưa và ăn phở tối...»

Trong khi ấy Nguyễn Tuân, tác giả «Vang Bóng Một Thời» lại nói về Phở như sau :

«Mùa nắng ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt lưng, thấy như giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt thắm tươi lại...»

Đầu năm 2000 có dịp ra Hà Nội chơi tôi mới chứng kiến tận mắt tại các quán Phở người ta thường có thói quen thêm một «thìa be bé» bột ngọt trên mặt các tô phở trước khi đem ra bàn cho thực khách. Vậy mà có người còn gọi với theo :

- Cho thêm tí mì chính nữa Bác nhé !

Trước khi đi Mỹ định cư nghe bạn bè rủ rê tôi cũng có lần ghé vào tiệm Phở của một Việt Kiều mới mở ngay sát chợ Bến Thành, Quận 1. Với mô hình và cung cách phục vụ như- bên- Mỹ tiệm Phở này đã thu hút nhiều thực khách thuộc giới trung lưu. Với khung cảnh khá sang trọng với máy điều hòa không khí, cửa kính nên trông khác hẳn với những tiệm Phở «truyền thống» lúc bấy giờ. Giá cả của một tô phở ở đây cũng khá chênh lệch so với những nơi khác. Qua thông tin của báo chí tôi cũng được biết nhiều chính trị gia, nhiều người nổi tiếng và cả Tổng Thống Mỹ Bill Clinton đã có lần ghé

tiệm phở này. Tuy nhiên theo những «tín đồ» của Phở đánh giá, đây chỉ là một trong những tiệm Phở nổi tiếng nhất Sài Gòn nhưng chưa chắc đã là tiệm ngon nhất !!!

Thật tình mà nói tính đến thời điểm trước khi đi Mỹ tôi vẫn còn quá quen thuộc với cái không khí hầm hập của các quán phở bình dân trong xóm. Tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác khi vừa ăn xong đến miếng phở cuối cùng, bỏ đũa xuống thì chất cay nóng của tiêu, ớt, quế, gừng, hồi quyện lẫn vào nhau khiến cho mồ hôi từng giọt vắn dài... vậy mà thấy ngon lạ lùng ! Chưa kể có khi đang cắm cúi thưởng thức tô phở của mình, đến lúc ngẩng mặt lên thì bắt gặp ánh mắt tha thiết như van lơn và giọng nói rụt rè đến tội nghiệp :

- Cô ơi ! Làm ơn mua giúp cho con vài tờ vé số. Chiều nay xổ rồi cô ơi !

Và như quán tính tôi vội vã tìm cái bóp lấy tiền đưa cho cô bé, rồi nói :

- Thôi con giữ hết số tiền đi, cô không lấy vé số đâu.

Định nói thêm là cô không có thời gian để dò vé số; nhưng chưa kịp nói thì cô bé đã bước sang bàn bên cạnh còn tôi thì tiếp tục công việc đang bỏ dở của mình. Có lẽ cô bé kia và tôi đã quá quen với những tình huống

như vậy !!!

Rồi tôi cũng đi Mỹ định cư vào tháng 4 năm 2000 tại một thị trấn nhỏ xíu có cái tên Leola, thuộc thành phố Lancaster của tiểu bang Pennsylvania. Đến lúc ấy, tôi vẫn chưa biết nấu ăn sao cho ngon và cũng chẳng biết làm các món cầu kỳ ngoài những thực đơn «nhanh, gọn» mỗi ngày cho chồng con. Thèm phở chúng tôi phải lái xe xuống thành phố Philadelphia hoặc Harrisburg cách nhà tôi một tiếng rưỡi hoặc 45 phút; tranh thủ vừa đi chợ vừa ghé vào một nhà hàng Việt Nam gần đó «làm» một tô phở, uống thêm một ly nước mía nữa là có đủ hương vị quê nhà !

Đến lúc mang bầu thằng con trai tôi chỉ thèm độc nhất một món Phở ! Chị bạn đồng nghiệp người Việt Nam sang trước tôi ít năm theo diện HO thấy tội nghiệp đã tận tình chỉ cách nấu phở cho tôi còn kèm theo lời nhắn nhủ như sau :

- Qua đây ai cũng biết nấu phở hết em ơi ! Dễ ợt thôi mà. Cứ nấu hoài sẽ có kinh nghiệm và bảo đảm em sẽ nấu ngon-hơn-tiệm !!

Quả thật chỉ sau vài lần nấu được nồi phở thành công tôi đã có ngay một «bí kíp» nấu phở cho riêng mình. Có thể nói đối với nhiều người món phở của tôi không

đậm đà, không đặc sắc nhưng với chồng con tôi thì lúc nào nó cũng là «number one» . Có lẽ trong mỗi tô phở homemade, nó luôn gói ghém cả một tình yêu chồng con của người phụ nữ trong đó nên bất cứ bà mẹ Việt Nam nào cũng có khả năng trở thành những nhà nấu phở tài ba nhất của gia đình họ vậy !

Tại bất kỳ thành phố lớn nào ở Mỹ, mọi người dễ dàng bắt gặp những cái tên khá quen thuộc như Phở Hòa, Phở Pasteur, Phở Xe Lửa, Phở Tàu Bay... làm gợi nhớ trong lòng người viễn xứ biết bao là kỷ niệm của một thời quá khứ đã xa ! Những quán Phở của người Việt với hương vị khác nhau mà giá cả cũng không giống nhau ! Có dạo ngày nào lái xe tôi cũng nghe trên radio quảng cáo ra rả có tiệm Phở mua 2 tặng 1. Sang Cali tại Little Sài Gòn bắt gặp dòng chữ «Phở mua 1, tặng 1» khá hấp dẫn. Mà giá một tô phở bên Cali lại «nhỉnh» hơn tại Dallas - Texas một chút ! Xem ra cuộc cạnh tranh giữa những chủ tiệm Phở cũng «căng thẳng» không thua gì các chủ tiệm Nail !

Đối với người Việt tại hải ngoại Phở là một sợi dây vô hình kết nối nhiều thế hệ trong gia đình lại với nhau. Một công dân tí hon người Mỹ gốc Việt bên này dù không biết nói rành tiếng mẹ đẻ nhưng vẫn yêu tha thiết Phở như bao đứa trẻ bên nhà. Không gì vui hơn khi

thấy cảnh ba thế hệ cùng ngồi quây quần bên nhau giữa những tô phở đang bốc khói chuyện trò râm rang, có thể họ nói bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhưng vẫn đầm ấm một tình yêu gia đình và tình yêu phở dạt dào !

Tại Sàigòn muốn có một tô Phở vừa miệng người ta không ngại lái xe qua nhiều quận trong nội thành để đến tiệm Phở ưng ý. Ở Mỹ còn khó khăn hơn nhiều, từ dạo dọn xuống miền Nam Texas đã thử qua nhiều tiệm Phở nhưng cuối cùng chúng tôi cũng chỉ «kết» có mỗi tiệm Phở ở vùng Arlington, nơi có cộng đồng Việt Nam sinh sống cách nhà tôi khoảng 45 phút lái xe. Có thể tạm gọi đây là Quán Phở Nhà của tôi tại Mỹ vậy ! Bởi mỗi khi bạn bè người thân từ Việt Nam sang hay từ tiểu bang khác, nước khác đến thăm chúng tôi đều đưa họ đến đây để thưởng thức món Phở «xứ mình» và đã nhận được sự khen ngợi hết lời.

Cái đặc biệt nhất của tiệm Phở này là dù tôi chỉ mới «dứt điểm» nồi phở ở nhà vài hôm trước, bụng bảo dạ sẽ chọn một món khác trong thực đơn để thay đổi; nhưng khi vừa đặt chân vào tiệm nghe mùi thơm lừng của Phở lan tỏa khắp gian phòng và nhìn mọi người chung quanh với đủ mọi sắc tộc : Mỹ trắng, Mỹ đen, Mễ, Việt Nam và cả dân Châu Á khác đang xì xụp với tô Phở bốc khói của họ, tôi và thằng con lại quyết định

«Phở Tập Hai» . Thế mới biết cái hấp lực của tiệm Phở này rất khó cưỡng, vì nó đáp ứng được gu ẩm thực «đa quốc gia» của nhiều người yêu Phở ! Đây quả là một việc không hề dễ làm chút nào !

Phải nói thêm Phở bên Mỹ có phần khác với Phở bên nhà vì nước dùng trong vắt do chủ nhân đã gạn sạch hết lớp sóng sánh của nước dùng để giúp thực khách giảm thiểu bệnh cao mỡ. Tô Phở bên đây nhìn cũng chất lượng hơn vì nó to hơn, nhiều thịt, nhiều bánh và cả nhiều nước hơn ! Phụ nữ, trẻ em thường chỉ ăn tô nhỏ là vừa. Đàn ông, thanh niên thì cỡ tô lớn là đã no. Riêng tô đặc biệt chắc phải dành riêng cho các anh chàng Mỹ, Mễ mới «đủ đô» . Riêng những tiệm Phở tọa lạc trong khu vực của người bản xứ thường được nấu giảm bớt hương vị của hồi, quế, thảo quả để mùi Phở đừng quá gắt. Chính vì điểm này mà ngày nay nhiều nơi trên nước Mỹ, Phở cũng đã trở thành món ăn ưa thích của nhiều sắc dân, không còn độc quyền chỉ dành cho người Việt nữa.

Rồi tôi cũng về lại Sài Gòn thăm gia đình. Quán Phở Nhà vẫn còn đấy, trẻ em bán vé số và cụ già ăn xin cũng chẳng ít đi chút nào. Mọi thứ gần như chẳng thay đổi gì cả chỉ có tự trong bản thân tôi đã có một sự thay đổi đến không ngờ ! Tôi cảm nhận ra rằng dẫu một món ăn

có ngon cách mấy, hấp dẫn cách mấy nhưng khi tâm tư tình cảm của người đang thưởng thức mang một cảm xúc nghèn nghẹn, nao lòng thì khó mà ăn thấy ngon trọn vẹn. Biết đến bao giờ trong những quán ăn ở Việt Nam hay tại vỉa hè, góc phố không còn những người già và em nhỏ sống lay lắt bằng lòng trắc ẩn của khách thập phương. Vâng !!! Biết đến bao giờ ?!

Cuộc đời tôi cứ ngỡ sẽ êm đềm trôi với những nồi phở «tự biên tự diễn» và Quán Phở Nhà; nhưng chuyện gì cũng có thể bất ngờ xảy ra, kể cả đó là chuyện của Phở! Một ngày thằng con đi học về chạy đến «báo cáo» :

- Mẹ ! Cô giáo con nói có một quán Phở trên đường 77 gần tiệm Subway, mình đã đến đó ăn thử chưa ? Cô hỏi vì biết con là người Việt Nam duy nhất trong trường.

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng không tin tưởng mấy với cái quán Phở mà cô giáo của thằng con vừa cho thông tin nhưng cũng gật gù qua loa nói cho nó vui :

- Mẹ không biết chuyện này, để mẹ hỏi lại xem sao rồi cả nhà mình sẽ đến đó ăn thử.

Tôi nghĩ bụng làm gì có tiệm Phở nào trong cái thành phố toàn Mễ, Mỹ đen, Mỹ trắng với chút ít Châu Á và chỉ có gia đình tôi là Việt Nam duy nhất sinh sống tại đây ? Chắc có gì nhầm lẫn ! Rồi tôi cũng nhanh chóng quên đi mẫu đối thoại trên vì có quá nhiều công việc phải lo nghĩ. Một thời gian sau, tại chỗ làm có anh bạn Mỹ trắng khá thân đã nói với tôi trong giờ break, giọng rất chân tình :

- Tôi đã thử qua món Phở của người Việt Nam rồi ! Thật tuyệt vời !

Lần này tôi giật bắn cả người, cám ơn lời khen của anh bạn đồng nghiệp nhưng vội vàng hỏi tiếp liền :

- Quán đó ở đâu ? Tôi đã nghe nói nhưng chưa biết chính xác chỗ nào ?

Nghe anh bạn «định vị» xong tôi mới chưng hửng. Thôi đúng rồi ! Chẳng còn sai chạy gì nữa. Tôi đem thuật lại cho ông xã nghe, không ngờ sự tò mò của anh xem chừng còn cao hơn tôi một bậc. Chỉ vài hôm sau, anh hớn hở bảo rằng :

- Sáng nay anh đến đó thử rồi, tiệm Phở Việt Nam mà chủ là Mexican còn đầu bếp là Philipine. Chuyện này lạ à nhen ! Anh còn pha trò tiếp, đặc biệt là chữ Phở có

bỏ dấu hỏi đàng hoàng, không biết dân trong cái town này có bao nhiêu người đọc được hay chỉ mình anh, em và thằng Toại thôi !?

Tôi tỉnh bơ hỏi lại cho chắc ăn :

- Quan trọng là có... giống Phở không ?

Lần này anh nói có vẻ nghiêm túc hơn :

- Em phải đến đó mới biết, không xuất sắc nhưng bảo đảm ngon hơn quán X, quán Y mà mình đã ghé lúc trước. Đặc biệt là thực đơn viết bằng tiếng Việt và bán toàn món ăn Việt Nam thế mới... độc chớ !?

Một tiệm Phở Việt Nam mà chủ là Mễ thì cũng có thể chấp nhận được nhưng nếu đầu bếp là người Phi thì vô lý hết sức !? Họ biết gì về văn hóa ẩm thực của người mình mà lại đi nấu món ăn Việt Nam ?! Bán tín bán nghi, thế là tôi đã quyết định đi một mình đến đó để «làm cho ra lẽ» . Hơn nữa đi một mình mới tập trung thưởng thức chính xác, không bị chi phối bởi người bên cạnh.

Tiệm Phở nằm trong một khu shopping center nhỏ nhưng tọa lạc ngay vị trí trung tâm của thành phố Waxahachie cách nhà tôi chừng năm phút lái xe. Trên đường đến đó, từ đàng xa tôi đã thấy bảng hiệu PHỞ

- Noodle Asian Cuisine được design rất mỹ thuật. Đây là lộ trình khá quen thuộc mà sao tôi không hề thấy. Kể cũng lạ thật. Có lẽ nó nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi chăng ?! Tiệm Phở Việt Nam trong xóm Mễ. Chuyện này đáng ghi vô kỷ lục guinness của người Việt lắm chớ chẳng chơi ! Trước khi vô tiệm tôi còn đứng lại khá lâu, chăm chú xem lịch mở cửa cẩn thận rồi mới bước vào.

Phía bên trong tiệm đang có một số khách ngồi rãi rác tại các bàn, một cặp đang đứng order thức ăn ở quầy để mang về nhà, nhiều người đang đợi gọi tên để lấy hộp «to go» từ nhà bếp đem ra. Phải đến hơn năm phút sau thì cô Quản lý người Mễ mới đến bàn tôi, tíu tít nói lời xin lỗi vì bận tiếp khách. Tôi gọi ngay món Phở tái nạm tô nhỏ, thế cũng vừa đủ, nhưng vì muốn kiểm tra tài nấu nướng của đầu bếp nên tôi gọi thêm gỏi cuốn thịt nướng và một ly nước.

Cách nêm nếm của thịt nướng không khác gì tại các nhà hàng Việt Nam, đặc biệt có cả rau thơm được cuốn chung với bún, chấm với hỗn hợp Hoisin sauce và Peanut butter, đúng là gu của người Việt rồi. Sang đến Phở thì không còn sai chạy vào đâu, Phở ăn với giá sống, vài cọng quế bày trên đĩa có thêm lát chanh và ớt xanh kế bên. Mùi vị không «gắt» và đậm đà như những tô phở bán tại khu người Việt nhưng vẫn là hương vị

Phở quá quen thuộc đây mà !

Ngay lúc ấy, cô quản lý đến hỏi thăm nói những lời xã giao, tôi liền bắt chuyện ngay và tự giới thiệu sơ qua về mình. Trong mẫu trao đổi ngắn tôi được biết tiệm Phở này do một người đàn ông Việt Nam tên T. Nguyễn làm chủ, hiện anh đang sống tại Dallas. Chính anh chàng Việt Nam này đã «truyền nghề» nấu phở cho cô người Phi Luật Tân và mướn cô Mễ làm quản lý cho tiệm của mình. Tôi như trút được hết cả «gánh tò mò» suốt mấy ngày liền. Ừ ! Ít ra thì cũng phải vậy chớ ?!

Trước khi ra về tôi có lưu lại vài chữ cho chủ tiệm và số cellphone của mình với nội dung cho biết tôi là gia đình Việt Nam duy nhất trong thành phố này, rất vui mừng hôm nay đã đến thưởng thức món Phở tại tiệm của T. Nguyễn và chúc cho công việc kinh doanh của anh luôn phát đạt. Tôi đã viết bằng tiếng Việt. Tối đó vào khoảng hơn chín giờ rưỡi người chủ tiệm đã gọi cho tôi anh bảo không ngờ gia đình tôi đang sống tại Waxahachie này ! Anh cũng cho biết đã rời Việt Nam khoảng đầu thập niên 80 lúc được chín tuổi nhưng nhờ sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử nên anh nói và viết tiếng Việt khá sành; T. Nguyễn còn cho hay ngoài tiệm Phở này ra anh còn vài địa điểm khác ở các vùng lân cận.

Điều thú vị nhất mà tôi được anh cho biết thêm là hiện nay có một số người Mỹ trắng «sành điệu» đã chuyển sang chọn gu ẩm thực Việt Nam vì đã ngán ngại dầu mỡ và chất béo quá nhiều từ thức ăn của Chinese, Mexican hay American... Món ăn của người Việt đa phần đều có rau nên có nhiều chất xơ, ăn đỡ bị béo phì ! Riêng các món soup dễ tiêu hóa và rất healthy. Đặc biệt vào mùa lạnh họ rất mê ăn Phở vì sau khi dùng thấy ấm áp và có nhiều năng lượng. Kết thúc buổi trò chuyện qua phone T. Nguyễn có nhã ý mời tôi đến phụ giúp cho tiệm Phở của anh vì đang thiếu người. Tôi đã vô cùng cảm kích, cám ơn người bạn trẻ và rất tiếc tôi quá bận rộn không thể giúp gì cho anh được. Tôi cũng không ngần ngại đánh giá cao công việc của anh đang làm, vì đã «đem Phở đi đánh xứ người» ; một hình thức quảng bá món ăn truyền thống của Việt Nam trên đất khách.

Cuộc chuyện trò chỉ trong vòng có vài phút nhưng sau đó tôi đã cảm thấy vui suốt mấy hôm liền. Tôi nhớ hồi còn ở bên nhà, từng làm việc cho một công ty của Nhật Bản và được đồng nghiệp cho biết tại đất nước Phù Tang các nhà hàng của Việt Nam bán rất đắt và chỉ những người có tài chánh kha khá mới dám ghé vào. Người Nhật cũng đặc biệt yêu thích món Phở vì ngon bổ và dễ ăn. Ngày nay qua mạng truyền thông tôi được biết món Phở đã vươn dài ra nhiều quốc gia và nhiều

Châu lục trên thế giới. Nghe thật vui làm sao !

Nhưng đó là chuyện ở đâu xa lơ, xa lắc. Tôi chỉ muốn nói về tiệm Phở trong xóm Mễ của mình ! Với món Phở này và những món ăn thuần túy Việt Nam trong cái nhà hàng này chắc chắn đã làm phong phú thêm trong danh sách thực đơn và sự lựa chọn của người dân tại thành phố Waxahachie. Nhờ những người có công «đi khai phá» như T. Nguyễn mà biết đâu một ngày không xa món Phở của Việt Nam sẽ sánh vai cùng với Pizza, Spaghetti của Ý hay Tacos, Tamales của Mễ lan rộng khắp xứ sở cờ hoa này. Vâng ! Biết đâu được !

Phở đã đi vào lòng người cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen từ những ngày còn nằm trong bụng mẹ cho đến những năm tháng về già. Buồn biết mấy nếu không có Phở vì nó đã trở thành quê hương, là kỷ niệm và là một phần đời của mỗi người Việt Nam chúng ta !

Một ngày nào đó trên đường thiên lý nếu tình cờ bạn có dịp đi ngang qua thành phố Waxahachie nơi tôi đang sống và bất giác thèm một tô Phở thì bạn đừng chần chờ, hãy tìm vào địa chỉ Google chắc chắn bạn sẽ có ngay một tô Phở nóng thơm lừng và những món ăn thuần túy rất... Việt Nam ! Tôi cam đoan Phở ở đây sẽ không làm bạn thất vọng và đôi khi nó còn làm bạn cảm

thấy vô cùng hãnh diện vì ở giữa một xóm Mễ xa lạ, «khỉ ho cò gáy» lại bất ngờ xuất diện một tiệm Phở thân thương của người Việt mình !

Nguyễn Bích Thuỷ

Duyên Nợ

Đoàn Thị

Khai bút đầu năm mới 2015 Đoàn Thị kể về chuyện vui duyên nợ với Viết về nước Mỹ. Tác giả định cư tại Pháp, tham gia Viết Về Nước Mỹ từ tháng Ba 2010. Họp mặt giải thưởng năm 2011, Đoàn Thị đã bay từ Paris sang California để nhận giải Vinh Danh Tác Giả, thường được gọi đùa là giải Á Hậu. Tuy sống tại Pháp, bài viết của bà thường là những đề tài và khung cảnh đời sống Việt tại Mỹ.

Từ dạo bước vào vườn Viết Về Nước Mỹ, sáng ra bên tách cà phê tôi «ngồi đồng» đọc hết bài này qua bài khác đến mờ mắt, đến nghiện ngập, xớ rớ nhòm giai nhân tài tử múa bút như nhiều thèm, như thách đố.

Ngày đọc, đêm mơ, sáng ra cầm bút run tay lo chữ nghĩa của mình bị chủ báo chê, sợ độc giả bĩu môi, thuở ban đầu rón rén bước vào sân chơi VVNM ngớ ngẩn chi đâu.

Ngại nhưng nghiện nên tôi viết rồi để đó, hỏi bạn hiền nghĩ gì, hắn xúi, cứ gửi, được ăn cả ngã về không. Chuyến này uống thuốc liều thí mạng cùi, tôi gồng mình gửi bài, gửi rồi run, rét, lấm lét chạy vô trang VVNM xem đứa con tinh thần được khai sinh chưa, hú hồn,

cuối cùng bài viết cũng được đăng trên báo mạng.

«Từ ngày có Em trên mạng» , như ca từ «Từ ngày có Em về... «của bác Lam Phương, tôi hăng tiết vịt viết tiếp, miên man viết, chuyện tình, chuyện đời tui, đời ai kia, từ «bổn chính» thêm mắm muối tôi cho ra lò chính phẩm.

Năm 2010 chưa có mục «ý kiến bạn đọc» bên dưới bài viết, «ma mới» tôi đây thản nhiên viết, sản xuất đều đều như gà đẻ trứng, đến lúc gà con chạy tung tăng đâm hoảng, tự hỏi gà nhà mình có làm ngứa mắt độc giả khiến họ bị «quáng gà» chăng ?

Như đọc được suy nghĩ của tôi, năm sau chủ vườn VVNM mở khung cửa nhỏ để độc giả trình bày cảm tưởng và tặng thêm mấy ngôi sao cho bài viết họ ưng ý, đó cũng là cách đánh giá sơ khởi tác phẩm, tác giả của bạn đọc.

Giời ạ, mấy ngôi Sao sáng, Sao xẹt, Sao chổi này khiến tác giả suy tư ngày đêm, khen chê có đủ, có gan viết phải có gan «chịu trận» , nhưng khi độc giả «nặng lời» là lúc người viết khóc thầm, may thay chuyện chê bai rất ít.

Sân chơi này quy tụ những cây viết «tài tử» nếu có

chi thiếu sót mong độc giả thương tình «dơ cao đánh khẻ» , tay mơ như tôi chân thành cảm tạ, chớ có đánh đau quá «em nó» thất kinh hồn vía lặn luôn, chủ vườn VVNM, bạn đọc mất đi một «mầm non» biết đâu sau này sẽ là một cây viết ngon lành.

Bài nào dùng từ ngữ khó nuốt như «bức xúc, trí tuệ... «, dù vô tình hay do thói quen có thể gây khó chịu cho độc giả dị ứng loại sáo ngữ hơi rối nghĩa này, làm bạn đọc mất hứng. Chữ nghĩa không mang màu sắc chính trị phe phái, chỉ là phương tiện chuyển tải tâm tư, là phong cách riêng của tác giả, nhưng phần phê phán vẫn là độc quyền của bạn đọc.

Sống với CS mười bốn năm, ngày đầu đến xứ Tự Do, tôi lỡ miệng nói «đột xuất» , một bác cựu binh sửa lưng,

- Sao không dùng từ «đột ngột, bất ngờ» , đừng nói cô là con em cán bộ CS qua đây tỵ nạn nhe.

Chết cha mi chưa, đã thoát họa CS còn dùng ba cái từ rối rắm làm chi cho rách việc, tôi xin lỗi bác, và thầm cảm ơn bác nhắc nhở, địa ngục cộng sản đã xa rồi đừng đeo mang những thứ không cần thiết.

Độc giả trang VVNM khen nhiều hơn chê, nếu có góp ý cũng chỉ với tính cầu tiến, thỉnh thoảng cũng có hiểu lầm, tác giả hoặc im lặng để bạn đọc toàn quyền suy xét, hoặc lên tiếng thanh minh thanh nga cho phải phép.

Từ khung cửa nhỏ này có người tìm ra bạn xưa, bạn của bạn ta, bạn tâm giao, tính thân thiện nổi bật qua những chia sẻ nhắc nhở một chi tiết nào đó chưa chính xác, bạn đọc lúc này đúng là «bạn hiền» .

Lời bình từ độc giả là món quà quý, điều đó chứng tỏ bạn đọc bỏ thời gian đọc bài, bỏ công viết lời chia sẻ, góp ý.

Được tiếng khen tác giả vui như con nít được kẹo, như dân đánh đề trúng lớn, dân nghiện chữ tôi đây vui dài dài cho tới bài viết kế tiếp, sau khi gửi bài rồi rét, tự hỏi liệu bài mới có qua khỏi con trăng này chăng.

Nếu có bạn đọc lên tiếng nhắc nhở, tôi tự vấn, chứ không «tự kiểm điểm» như cán ngố VC nhe, đọc lại bài viết, vội vã cảm ơn người góp ý, tự nhủ lần sau viết cho ra hồn để không phụ lòng độc giả.

Tuy chủ đề là VVNM, nhưng tác giả có thể viết rộng hơn, bài nào lạc đề không «trúng giải» thì cũng «trúng số» độc giả ái mộ với số lượng người đọc trên cả ngàn hoặc mười, hai chục ngàn... , mê ly chưa.

Chuyên mục VVNM mỗi ngày nhộn nhịp một chuyện kể, ba trăm sáu mươi lăm ngày độc giả khắp thế giới chia sẻ cay đắng ngọt bùi với đồng hương định cư bên này, biết thêm về nước Mỹ, nơi bạn đang sống, đã ghé qua, sẽ đến chơi hay chưa đặt chân đến.

Mùa nào chủ đề đó, tháng giêng là tháng ăn chơi, tết Tây, tết Ta nối đuôi nhau đốt pháo, chuyện buồn vui năm cũ tác giả cùng độc giả hè nhau tống cựu nghênh tân, lúc này ranh giới kẻ viết người đọc tạm lu mờ nhường chỗ cho những lời chúc chân tình, trân quý.

Hết giêng, tháng hai là tháng ăn chơi, xứ Mỹ không có mần ruộng chỉ có mùa Tình Nhân, chủ đề khá vui, từ tụi trẻ chạy xoắn lên mua quà tặng người yêu, tặng vợ, tặng chồng, cho đến giới trung niên cứ cà thẻ mà mua quà.

Dân bước vào tuổi Lão cũng tặng biếu nhau như ai, tuy quà không xa xí như giới trẻ, nhưng khá phong phú, từ cái chảo mới toanh để bà đổ bánh xèo, cái kẹp tóc, một quyển sách, hay một chuyến du lịch... , quà nào chả

là quà.

Tháng tư đen tràn ngập bài viết về giai đoạn đau thương nhất lịch sử VN, những ngày tận cùng của VNCH từ chiến trường gãy súng, dân quê chạy giặc ra thành phố rồi thất thần thấy đồng minh rút lui trong vội vã, chuyện kể đọc hoài vẫn thổn thức, ray rứt như mới xảy ra hôm qua.

Ký sự chiến trường, những ngày nghiệt ngã của quân đội VNCH luôn gây xúc động và lòng kính phục biết ơn những chiến sĩ thầm lặng quên mình vì Tổ Quốc, trang sử quý chúng ta phải truyền lại cho con cháu.

Mùa này loạt bài viết tỉ tê «tâm sự đời tui» lôi cuốn không ít bạn đọc, trăm người ngàn cảnh, Sàigòn bị đổi tên, dân ngụy bị đổi đời, kẻ đi tù cải tạo, người ra biển mất tích, lên đảo vẫn còn lận đận cho đến bến bờ Tự Do.

Cuộc hội nhập trở về đời sống văn minh ở tuổi nửa chừng xuân của dân chạy giặc một nách vợ chồng con cái nheo nhóc, bỡ ngỡ, tủi thân những ngày đầu ở đậu xứ người, có chuyện cười ra nước mắt.

Điều đáng mừng là sau vài thập niên lập nghiệp, chúng ta đã có chỗ đứng vững vàng trong mọi lãnh vực, góp sức vào xã hội ngày nay vì xứ Mỹ đã cho chúng ta cơ hội tiến thân trong Tự Do, Công Bằng.

Sau đó là lễ Mẹ, lễ Cha, cảm động nhất là hình ảnh bà Mẹ VN một đời sống vì chồng con, đến tuổi nghỉ ngơi lại sống vì cháu, hạnh phúc của bà nằm gọn trong gian bếp để khi xa nhà các con lại nhớ đến mâm cơm của Mẹ.

Thương Cha cả đời sương gió lo cho con, sung sướng đến nghẹn lời ngày con đăng quang tốt nghiệp, ngày con thành nhân, chỉ thế thôi, Cha yên lòng đã làm tròn trọng trách dẫn đưa con vào đời.

Tháng sáu Việt Báo đánh kẻng một cái beng, dán lên mạng danh sách thí sinh vào vòng chung kết VVNM.

Người «thi đậu» mừng đến la làng rồi im bặt, hồi hộp chờ đến tháng tám, ngày số phận được định đoạt với danh hiệu đi kèm bảng vàng lấp lánh màu vinh quang.

Ai không có tên đành hẹn mùa sau, chờ ngày tái ngộ bảng vàng ta về nhà mài mực luyện chữ, sang năm lại lều chõng ứng thí, có công mài chữ có ngày ta đoạt giải.

Thông tri của VB vừa dán lên mạng, làng trên xóm dưới hò nhau họp chợ nhỏ bàn tán tưng bừng, đoán già đoán non, cô này, ông kia sẽ vô «vòng tam kết» vì họ từng đưa độc giả vào mê cung, hay không chê vào đâu được.

Tác giả viết tài thật, nhưng dung nhan thì sao, đẹp hay không đẹp, câu hỏi làm không khí chợ nhỏ lắng xuống, chịu thua, tòa soạn không dán hình đương sự, như rứa mới hấp dẫn, lôi cuốn mọi người chờ đón ngày phát giải.

Mà này, độc giả có thương thì thương cho trót, đừng bắt người đoạt giải phải «điển trai, xinh gái» , tội nghiệp lắm, bố mẹ sinh sao mình chịu vậy, cái đẹp từ tâm hồn chắc chắn sẽ không hao mòn theo thời gian.

Bạn đọc kiên nhẫn đợi đến ngày phát giải nhé, ban tổ chức sẽ phát cho khách mời tập A5 giới thiệu từng tác giả kèm hình để nhận diện «cây viết ruột» của mình.

Tháng bảy bắt đầu nghỉ hè, thiện hạ du sơn du thủy, Việt Báo du hành vòng vòng tòa soạn chuẩn bị sách VVNM, chọn màu áo dài đồng phục cùng «tông» với bìa sách, bằng khen của thí sinh trúng giải, tập A5 giới thiệu từng tác giả...

Tháng tám người ta đi chơi hè gần hết mùa, Việt Báo «nửa mùa» vẫn chưa dám đi chơi, cả tháng tòa soạn chạy tối mặt, xếp lớn bé đều nhảy vào cuộc, một năm chỉ có ngày Họp Mặt VVNM, làm sao dám «chơi bời» lúc này.

Tháng này Việt Báo làm chuyện lớn, mà lớn chuyện thật, ngoài dân ta, còn có đại diện dân cử Mỹ Việt, mạnh thường quân, văn nhân nghệ sĩ... tham dự, lớn ra làm sao quý vị đọc bài tường thuật «Lễ phát giải VVNM» sẽ rõ.

Hội trường hôm đó nhộn lên hoạt cảnh «xin chữ ký, xin chụp chung tấm hình làm kỷ niệm» , và những lời khen tặng từ độc giả ái mộ làm tác giả vui đến mất viá, có lúc phải tự véo mình một cái xem đó là thực hay ảo.

Phải đợi đến lúc được xướng danh, leo lên sân khấu tác giả mới hoàn hồn, giờ đăng quang đến thật rồi, tía má ơi lần đầu tiên trong đời mình đứng sân khấu, y như tài tử thứ thiệt, nhưng chỉ là tài tử ngày hôm nay thôi.

Tháng mười một có Ngày Cựu Chiến Binh, cựu binh Mỹ Việt từng sống chết với nhau ở chiến trường VN giờ đã hai thứ tóc, đã bạc đầu, đồng minh, đồng đội ngồi bên nhau ôn lại những ngày chiến trường khói lửa.

Người lính già đã gác súng, đã sống những năm tháng thanh bình, nay bỗng nhớ có đồng ngũ đã nằm xuống đâu đó bên kia đại dương, cuộc chiến đã tàn sao lòng ta chưa hết nhức nhối.

Sau đó là lễ Tạ Ơn, ân sâu nghĩa nặng với xứ Mỹ, trong cuộc mưu sinh dân mình đã đón nhận biết bao ân tình của người bản xứ, từ ngày đầu được bảo trợ cho đến lúc vững bước tự lập và làm giàu.

Triệu phú gốc Việt, bác sĩ, kỹ sư, chủ tiệm, chủ hãng, chủ hai ba bốn căn nhà... , đa số từ hai bàn tay trắng mà ra, đã thế dân ta vừa «sắm» một Thượng Nghị Sĩ mới oai, sự kiện lịch sử làm rạng danh dân VNCH.

Tháng mười hai, mùa Giáng Sinh, Tây Ta, đạo Phật, đạo Chúa... tất cả đều «chơi Noel» , tháng này thiên hạ cháy túi vì số lượng quà trao tay nhau, già trẻ lớn bé mỗi người nhận ít nhất vài món từ gia đình, bạn bè.

Chen lấn đi mua quà, nhọc nhằn không kém cảnh xếp hàng mua «nhu yếu phẩm» thời ăn khoai độn bên nhà, nhưng tâm trạng người đi mua sắm bi giờ không u sầu chán đời như ngày xưa.

Vất vả nhưng khi cầm trong tay gói hàng ưng ý lòng vui như tết, háo hức chờ ngày trao tặng món quà đặc biệt mùa này, đó là loại hàng «Hot» thời thượng, «nóng hổi» ra làm sao tùy người trong cuộc chấm điểm.

Quà nóng hổi đó trái hẳn với loại quà «phát sốt» khiến người nhận ú ớ vì cái «Ra giường» không đúng kích thước tấm nệm nhà mình, bộ chén dĩa không bắt mắt, áo đầm tặng bé Xíu đợi đến hai năm mới mặc được.

Lô hàng gia dụng mà chả thông dụng, đành đưa vào kho chờ cơ hội thuận tiện cho chúng nó «đi ở» nơi thích hợp mà không làm mếch lòng người nhận.

Bên cạnh quà nóng bỏng còn có loại quà phát rét, thấy lọ thuốc bổ mà run, mấy viên con nhộng trông khêu gợi đấy, lỡ uống vào lo bấn xúc xích sợ ngủ tạng phản đối kịch liệt chỉ có giời cứu.

Ống kem dưỡng da nhìn nổi da gà, mỹ phẩm không đúng nhãn hiệu mình dùng, đâu dám bôi lên mặt, rủi da mặt buồn tình đời nở hoa trái mùa là hết ăn tết.

Sản phẩm này lại có thời hạn sử dụng nhất định nên phải «di dời» gấp, vậy thì, thuốc bổ tặng ông sếp phải gió, kem dưỡng da biếu bà chủ hay nhăn nhó, người nhận phải nhe răng mà cười, mở gói quà ra có khi cười

như mếu.

Lô tặng phẩm gây «nóng lạnh» này như cơn sốt rét rừng ập đến, người nhận nóng bừng bừng rồi run lên, uống mấy viên thuốc liều mới đủ can đảm di chuyển lô hàng bất đắc dĩ đến địa điểm mới.

Tháng mười hai quay cuồng chạy quà đến chóng mặt, nhận quà có khi méo mặt, nhưng tặng phẩm cuối năm vẫn là món quà biệt lệ không thể thiếu trong mùa lễ lớn cuối năm.

Đêm nay ngoài trời tuyết có rơi hay không, năm cũ vẫn rủ áo ra đi, thời gian được đếm ngược với những chùm pháo bông sáng rở một góc trời, buồn vui qua rồi, bây giờ đếm tiếp thời gian theo chiều kim đồng hồ bạn nhé.

Sân Khấu VVNM vừa khép lại vòng quay với hơn ba trăm bài viết được trình làng để bạn đọc là khán giả chia sẻ Hỷ Nộ Ái Ố với tác giả suốt một năm dài dù trời mưa hay nắng.

Bên ngoài sân khấu lấp lánh đèn hoa bao nhiêu, bên trong Hậu Trường VVNM tòa soạn cũng sáng đèn bấy nhiêu, nhà báo vùi đầu vào «kho chuyện kể» đủ màu sắc để chọn bài đưa lên sân khấu.

Nhận bài là phải đọc, có lúc đọc đến mờ mắt, đọc hoài vẫn thấy sao sao, bỏ thì thương vương thì tội, nhọc nhằn thật, nhưng nhà báo chắc chắn sẽ vui khi thấy một tay mơ nào đó sắp thành dân thiện nghệ.

Riêng tôi, sợ làm rối mắt người chọn bài nên không dám viết dài lê thê, tránh «hành hạ» ai kia nếu mình viết tệ đến nỗi người ta chán ngán đến phát khóc.

Khi nhà báo «khóc thầm» , chắc chắn «nhà viết chữ» sẽ khóc sướt mướt nhưng chả dám hờn ai, chỉ giận mình, viết như ri làm răng «đứng sân khấu VVNM» , đành lập am luyện chữ chờ ngày ra quân.

Đọc và chọn bài đăng báo chỉ là bước đầu, phần tuyển chọn đưa vào vòng tranh giải mới phức tạp, tuy nhiên với những cây viết lão thành của làng Văn Học Miền Nam, Ban tổ chức giải thưởng VVNM khó mà «trông gà hóa vịt» .

Tiếng vang trang VVNM đã vượt đại dương lôi kéo đồng hương khắp năm châu nhập cuộc, kẻ viết người đọc, đọc mê say đến nỗi cầm lòng không đặng bèn cầm bút, như tôi đây viết rồi hết hồn xanh mặt, nhắm mắt đưa chân.

Chuyên mục VVNM đã mang lại kết quả bất ngờ đến thú vị, số lượng tác giả và độc giả tăng theo thời gian, mười bốn lần phát giải, mười bốn đầu sách phát hành hàng năm được chào đón nồng nhiệt, bộ sách giá trị ghi dấu hành trình «ngàn cây viết» tài tử mà tài thiệt.

Thú vị khó tả, sách VVNM đã «vượt biên» trở về VN, hình bìa có cờ Mỹ mới ác liệt, sách được sao chép in ấn tại Sàigòn (TP HCM) , loại «hàng nhái» này bán khá chạy nên sách được tái bản đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

Hàng năm Sàigòn vẫn tiếp tục xuất bản sách VVNM, một sự kiện không thể chối cãi, vô tình Việt Báo đã mang Văn Hóa VNCH trở lại quê hương, một thành công ngoài sức tưởng tượng của mọi người.

Việt Báo đã khởi đầu thế kỷ 21 với một đặc sản độc nhất vô nhị, chuyên mục VVNM, từng được Quốc Hội Mỹ ngày 27 tháng Bảy 2010 lên tiếng vinh danh 10 năm Việt Báo Viết Về Nước Mỹ.

Chưa có công trình viết lách nào kéo dài vô thời hạn và đầy hứa hẹn với thế hệ «Bé viết văn» nối tiếp cha anh viết tiếp trang sử của cha mẹ trên quê hương thứ hai, nhưng bây giờ lại là quê hương thực thụ của các em.

Bên lề ngày phát giải hàng năm, chuyện «cá độ» về giải nhất và hai giải nhì của bạn đọc hầu như không lệch với kết quả chung cuộc, Ban Tuyển Chọn đầy kinh nghiệm của Việt Báo làm sao trao duyên nhầm được.

Giải Nhất và hai giải Nhì được mệnh danh là «Hoa Hậu và Á Hậu» , còn lại là giải «Đặc Biệt, Vinh Dự» mà tôi mạng phép gọi là «Hoa Khôi» , những cánh hoa đẹp lạ không thể thiếu trong ngày hội VVNM.

Tôi từng canh me giải thưởng VVNM từ mấy mùa lá rụng mà sao tim tôi vẫn đập loạn nhịp như ngày đầu, hồi hộp chờ ngày đăng quang Hoa Hậu, Á Hậu, Hoa khôi của Việt Báo, dù mình không trúng tuyển.

Hình như tôi đã nghiện trang VVNM như tách cà phê không thể thiếu mỗi sáng thức giấc, đừng nói VVNM là hơi thở của tôi nhe, vì đó là sản phẩm của riêng chàng, chàng hờn dỗi đòi ly dị không chừng.

Lở bỏ bố mẹ theo chàng hơn ba mươi năm trời, thời gian dài hơn năm tháng được hai cụ nuôi nấng, làm sao tôi có thể để vuột mất chàng ở đoạn cuối của cuộc đời chỉ còn hai đứa tôi, bi giờ hai thằng nhóc bỏ rơi mình mất rồi.

Nói làm sao nhỉ, ừ thì mình có mê muội chữ nghĩa

có lúc quên cả chồng con, tương tư VVNM chút chút, tương tư dài dài, đi chơi xa kẹp nách cái laptop để sáng chạy vào vườn VVNM, hái một cành hoa làm đẹp ngày mới.

Duyên nợ của tôi với mục VVNM chỉ thế thôi, lúc làm khán giả thưởng thức những tác phẩm hay, khi đứng sân khấu «múa chữ» qua mắt nhà báo, run lắm đấy, nhưng tính mạo hiểm cứ xúi mình liều mạng.

Cảm ơn Việt Báo, đã tạo đất lành cho dân yêu chữ, bạo phổi viết đại, viết được, rồi làm liều viết hoài không thấy chán, trong đó có tôi đã liều lĩnh thử vận viết lách.

Cảm ơn những cây viết miệt mài hiến tặng tim óc đóng góp vào trang sử «ngàn người viết triệu người đọc» , di sản văn hóa của dân tỵ nạn chúng ta mang lại một thoáng Tự Do cho đồng bào còn ở lại VN.

Cảm ơn bạn đọc gần xa đã đọc giùm mấy bài viết mà đứa nghiện ngập tôi đây từng bỏ rơi chồng con, ngao du với quý vị trong khoảng trời riêng, gom chữ nghĩa làm nên «chuyện kể» hàng ngày trên mục VVNM.

Năm Tây vừa sang, chúc bạn đọc An Vui trọn năm 2015.

Đoàn Thị

Nhỏ Bạn Người Nga

Trương Ngọc Anh

Trương Ngọc Anh đã nhận giải bán kết Viết Về Nước Mỹ 2002 với bài «Tiểu Hợp Chủng Quốc» kể về nơi cô làm việc, khi khủng bố tấn công nước Mỹ ngày 9 tháng 11 năm 2001. Viết về nước Mỹ sang năm thứ 15, cô nhận thêm giải danh dự với tự truyện về bệnh lãng tai bẩm sinh. Sau đây là bài viết mới nhất của cô.

Trải qua bao thời gian, những người bạn cũ rời xa, những người bạn mới xuất hiện, nhiều khuôn mặt đến, rồi đi, như nước chảy qua cầu (nghe «sến» hết chịu nỗi) .

Vậy mà có một khuôn mặt đặc biệt, ở lại rất lâu trong góc trái tim tôi, một nhỏ bạn thật đặc biệt.

Đặc biệt là vì tôi đã từng có ác cảm với nó, từ những ngày trước năm 1975, là năm đổi đời, đổi hướng tương lai của đa số dân tỵ nạn cộng sản. Ác cảm là vì nó là... người Nga, một giống dân đầu tiên tạo ra chế độ cộng sản, từ một quốc gia xa lạ, và rất xa trên bản đồ trái đất, lại đầu độc cả thế giới qua chế độ cộng sản ác nhân thất đức.

Niềm ác cảm đó còn gia tăng trọng lượng khi tôi, một nhân viên lâu năm trong nghề, lại bị chủ ra lịnh dạy nghề cho nó !

Trời đất quỷ thần ơi !

Hãng càng ngày càng sa sút, mất từ từ những khách hàng lâu năm quen thuộc, vì chính sách toàn cầu hóa đó. Chẳng những mất khách hàng, mất số lượng bán quan trọng, mà thậm chí nguy là nhân viên càng ngày càng bị thu gọn lại, nhiều người phải ra đi để hãng bớt chi phí, tiếp tục thắt lưng buộc bụng kéo dài hoi hóp... cho tới chừng nào tình thế khá hơn. Vậy là bao nhiêu là tin đồn trong hãng, người này sẽ ra đi, người kia sẽ mất việc...

Những nhân viên có số lương kha khá trong hãng lo sốt lên, trong đó có tui. Nay ông chủ hãng biểu tui phải dạy nghề cho nó, chắc là để nay mai nó sẽ thế chân tui trong phòng kế toán, lương ít hơn, mà vẫn có thể làm việc giống như tui, nhứt cử lưỡng tiện cho chủ hãng.

Ngày đầu tiên bà sếp tui giới thiệu, ngó nó đã thấy phát nực rồi !

Mặt nó trắng xác, đúng là giống dân bạch chủng, mái tóc cắt cao kiểu đờ mi garcon, cái miệng không nhít nổi một nụ cười khi được giới thiệu. Ngay lập tức ác cảm dâng lên, người đâu lạnh lùng, y chang mấy nhân vật người Nga trên phim ảnh loại gián điệp.

Nó ngó tui lạnh lùng, tui ngó nó còn lạnh hơn nước đá cục.

Nó được cái bàn ngồi ngay bên cạnh tui trong phòng kế toán, bực thì thôi !

Mấy ngày đầu tiên tui đi nó, bắt nó file hằng đống giấy tờ, chỉ cần dạy chút (chỉ chút xíu lấy lệ) làm theo mẫu tự ABC.

Nó cần mẫn làm mọi chuyện tui sai bảo, ngậm câm, mặt lạnh càng khó ưa !

Được đâu một tuần lễ hai đứa nhìn nhau mà chẳng thấy nhau đó, một hôm, tự nhiên nó nói tên tui giống tên của nó. Tui ngạc nhiên, nói, tên tui là Anh, còn tên nó là Anna, làm sao giống. Nó cười, nói phát âm hơi giống, nhưng ở nước nó không có tên Anh hay Anne, nên nó thấy gọi tui là Anna nghe dễ thương hơn. Mèn, tên tui hỏng phải cứ đổi thì đổi hử ?!

Có một buổi chiều tan sở, tui vừa ra cửa thì thấy nó chạy lại, nắm tay tui, tới trước mặt một người đàn ông vóc dáng to lớn, mặc đồ lớn trang trọng đang đứng chờ, giới thiệu : đây là ba tôi.

Rồi xây qua ba nó, nó nói liền : ba ơi, đây là bạn con, cũng có tên giống con đó ba.

Ông già đưa tay bắt tay tôi, cười thật dễ thương, và hơi ngạc nhiên, tui mới chợt nhớ ra là nó vừa nói tui là bạn nó, nở nụ cười đầu tiên với tui. Sao nó cười đẹp và mặt nó sáng rỡ vậy ta, đâu mất rồi nét lạnh lùng lần đầu tiên tui gặp nó.

Tui đang kể cho các bạn về một người bạn cũ, một nhỏ bạn thật bình thường, và có lẻ câu chuyện về nó cũng không có gì đặc sắc hết, ngoài việc nó là người Nga, một giống dân tôi ghét cay ghét đắng, vì nó là người Nga cộng sản, một chế độ theo tôi rất là vô nhân bản.

Hồi còn học Trung Học, tôi biết rất sơ sài về thế giới cộng sản, nhất là nước Nga, dân tộc Nga, một dân tộc hiếu chiến, một chế độ tàn nhẫn không có tình người như trong cuốn sách «Bác sĩ Zhivago» mà tôi từng đọc.

Từ sau ngày nó giới thiệu tui với ba nó, bằng lời nói thắt chặt tình bạn là hai đứa có cùng một tên giống nhau, coi như hai đứa tui đã quen nhau. Thiệt tình ! giống gì mà giống !

Trước lúc «quen nhau» , vào giờ ăn trưa, tui vẫn thường ngồi tại chỗ, nhâm nhi một mình hộp cơm đơn sơ. Vừa ăn vừa vặn máy casset nghe nho nhỏ vài bản nhạc Việt.

Hôm đó, nó rủ tui cùng ngồi bàn ăn trưa với nó.

Tui cũng ừ, xách túi thức ăn ra bàn ăn chung. Thức ăn trưa nó đem theo, không đơn giản như của tui mà kèm theo món chính có 2, 3 món phụ, ngó hấp dẫn.

Thoạt tiên nó mời tui món gỏi chua bắp cải và cà rốt, nó nói ở xứ nó rau cải quí lắm. Món này dòn dòn, chua chua, ăn rất bắt cơm, lại gần gủi món đồ chua của mình. Tình thân từ từ đi xa hơn qua những món ăn mời nhau vào mỗi buổi cơm trưa. Vậy là tui lại phải bắt đầu đem nhiều món hơn, để mời nó trả lễ thay vì chỉ một món mặn gì đó, để dưới đáy hộp, rồi dằn cơm trắng ở trên, hâm ăn gọn gàng như nào giờ. Ngày nào nó cũng đem theo 1 hộp cải chua đó, nhiều đủ hai đứa ăn, giòn rụm, ngon quá. Nó nói làm dễ ợt, chỉ cần cho chút muối, trộn lên với cải bắp và cà rốt, sau hai ngày cải lên men chua

là ăn được. Cải chua nầy ăn với đủ thứ món ăn khác. Mình cũng có món cải chua nầy nhưng đâu có ăn mỗi ngày như nó.

Một lần, nó đem theo cho tui nguyên dĩa món lưỡi bò chiên giòn, qua một lớp bột. Nó dạy tui cách làm món này, cũng công phu, lưỡi bò luộc chín, lột bỏ lớp da bên ngoài, rồi cắt vừa miếng, lăn qua một áo trứng, một áo bột, rồi chiên giòn lên. Ui chu choa, ngon đặc biệt.

Lần khác, nó đem cho tui ăn món trứng gà chiên mỏng dính, rồi cuộn lại thành ống, khi cuộn rắc phô mai lên, trứng còn nóng, phô mai chảy ra, vừa thơm mùi trứng vừa béo béo vị phô mai.

Hay trứng cuộn thịt dăm bon. Tui hỏi nó ai làm, vì món này vừa làm vừa cuộn mà, nó nói nó chiên trứng, ba nó cuộn. Gia đình nó sống chung trong một căn chung cư vùng LA. Có lần nó đem cánh gà chiên mời tui ăn. Tui lọng cọng với đôi đũa, thì nó cười ha hả, nói rằng :

- Ở xứ tôi con gì có cánh là khi ăn mình phải dùng tay nắm chặt, hong thôi nó bay.

Lần đó tui cũng cười sặc với nó, và thấy sao nó đẹp quá. Khi cười, mặt nó hồng hào lên, hàm răng rất trắng và đều, đôi mắt nó to tròn, long lanh, ấm áp, mất hết vẻ lạnh lùng của lần đầu tiên gặp nó, mà tui ghét cay ghét đắng.

Một lần, vừa ngồi xuống ghế sửa soạn ăn trưa, bỗng nhiên nó đỏ mặt, đỏ cánh mũi, rồi bật khóc ngon lành làm tui lúng túng, không biết làm sao mà dỗ, vì nó nói tiếng Mỹ rất yếu.

Phải chờ một lát cho dịu cơn xúc động, nó mới ấp úng kể cho tui nghe là hôm qua nó gây lộn với chồng nó một trận tưng bừng, hỏi han, tưởng gì, thì ra chồng nó khoét lỗ đeo bông tai.

Nó tức tưởi nói đàn ông mà đeo bông tai như đàn, bà, giống ba tụi «du đãng» . Thời trang lúc đó vừa mới ra mốt đàn ông con trai đeo bông tai đó.

Tui cười, nói đâu có gì lớn chuyện mà you khóc dữ thần ?!

Từ đó nó kể thêm nhiều chuyện nhà. Nó nói nó là con một, mà là con gái, nên nó muốn giữ lại họ của ba nó bằng cách không đổi họ khi lấy chồng.

Rồi tới khi tụi nó có con, lại cũng là con gái, nên nó

muốn con gái của nó theo họ mẹ. Tui thấy mắc cười, như vậy là nó ăn hiếp chồng nó quá cỡ, còn tức tưởi mấy chuyện nhỏ nhít này. Con gái mới 11 tuổi thôi. Như vậy nó trẻ hơn tui nhiều lắm. Qua những lời kể chuyện của nó về đời sống ở Nga, lần hồi «bức màn sắt» được kéo ra, để tui nhìn thấy rõ ràng nếp sống của người dân Nga dưới chế độ cộng sản. Trời đất ơi, té ra từ nhỏ tới lớn, tui đã được sống thoải mái, tự do, đầy đủ hơn nó quá nhiều, dù sống ở xứ đang có chiến tranh.

Nó kể, năm nó mang bầu, nhà nó ở trong một căn phòng nhỏ xíu, tận trên lầu tám, mà chung cư này không có thang máy. Thử hình dung một bà bầu ngày nào cũng phải lên xuống 8 từng lầu để đi mấy hợp tác xã mua thức ăn, cực kể gì. Chồng nó phải đi làm nên mấy chuyện này nó phải làm hết. Phương tiện giao thông chỉ là đi bộ, và đi xe buýt hay xe điện, có chiếc xe đạp là giàu lắm.

Tui nghe nó kể, ngó xuống hai cặp đùi thô kệch của nó, thấy thương. Khuôn mặt nó rất thanh tú dễ nhìn, so với đôi chân bự thù lù đó thiệt tình không xứng chút nào. Nó nói, không phải tới hợp tác xã là mua được đủ món đâu, mỗi HTX chỉ bán ít món cần thiết mà thôi như HTX nầy bán bột, mua thịt, cá, hay sữa thì phải tới những HTX khác.

Nó kể có lần, lúc mang bầu, nó thèm ăn cá. Trời ơi mua được 1 con cá phải đi cả ngày, lội bộ lẫn trèo xe buýt, rồi còn lên 8 từng thang lầu mới về tới nhà, cực không thể xiết, cá thì tanh rình hết tươi mà vẫn ăn vì đang cơn thèm. Còn rau cải thì mỗi năm vào khoảng tháng tám, là tháng ấm áp nhứt, chính phủ sẽ cho dân chúng đi gặt hái, ở khoảng vườn nào đó. Mỗi gia đình sẽ tự mình đào bới, thu thập từng củ khoai, từng củ cà rốt... rồi mang về nhà, tự lo liệu làm sao để số lương thực đó có thể để dành ăn suốt năm. Tui khó hình dung nỗi cơ cực đó khi cũng trong cùng thời gian, chúng tôi mua thịt cá rau cải hàng ngày ở chợ, tươi ngon quanh năm. Dĩ nhiên là gặt hái như vậy thì không phải trả tiền, nhưng nó nói chẳng thà có tiền, rồi dùng tiền mà mua thì đỡ khổ hơn nhiều lắm.

Mà nó kể, đời sống như vậy cũng không sống yên ổn đâu. Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ bị bọn công an bắt, sợ hàng xóm «ăng ten» , rất dễ dàng bị bỏ tù cải tạo nếu ăn nói không cẩn thận, chắc tại vậy mà người dân Nga không tỏ bày tình cảm trên nét mặt thành thói quen lạnh lùng với người chung quanh, vì họ luôn thủ thế.

Có lần tui hỏi nó sao không để tóc dài dài, sao mấy người dân xứ nó, đàn bà con gái toàn cắt tóc tém ? Nó nói tại ở nước nó, tất cả thanh niên, thiếu nữ đều phải

học quân sự từ cấp trung học, phải cắt tóc như vậy, nên quen, để tóc dài lại thấy khó chịu. Nó còn nói với tui tất cả mấy người bạn gái của nó khi qua Mỹ sống đều gia nhập quân đội hết vì lý do có việc làm liền, có tiền sống, và dễ dàng hơn vì đã được huấn luyện trước rồi.

Tui hỏi sao nó không đi lính như bạn bè, nó nói nó ghét chiến tranh lắm, đã thoát khỏi còn chui đầu vô lính làm gì, từ từ cũng kiếm được việc làm mà.

Tui thấy nó thiệt hiền lành, ghét chiến tranh thì giống tui rồi.

Tánh nó mít ướt lắm, hở cái là mặt mũi đỏ ửng lên, rồi nước mắt nước mũi cứ vậy tuôn ra, cứ như là thèm khóc. Lâu lâu bị bà sếp bên phòng chủ sự rầy rà là buổi trưa nó khóc với tui liền.

Ngày nào nó cũng kể chuyện cho tui nghe, ngay cả những chuyện trong nhà như buồn phiền chồng, con. v... v... Tui thấy nó giỏi quá, nhứt là chuyện bếp núc, gì nó cũng làm được, nhiều món ăn rất ngon. Món trứng cá muối, món rau cải trộn, nó nói nó cũng phải làm bơ, phô mai tại nhà, phải biến chế tất cả các loại rau cải để cả nhà có đồ ăn, phải làm bánh mì, mứt cho cả nhà, bây giờ đi chợ gì cũng có sẵn.

Còn quần áo thì sao ? giặt tay đó, trong phòng nào cũng có cái ống dẫn sưởi thông qua, máng quần áo trên ống đó cho khô. Nó còn kể xứ nó là xứ tin đồn, ngày nào cũng có tin đồn, cứ 1 đồn lên thành mười, tùy theo chính phủ tung tin ra. Chẳng hạn như không có trứng gà cho dân chúng ăn, thì chính phủ tung tin trong trứng có chất độc, không có thịt thì tung tin thịt có chất độc, ăn vô là chết, Mỹ đầu độc v... v...

Nó nói phong tục xứ nó khi con gái tới tuổi lấy chồng, mấy bà mẹ sẽ thăm viếng nhau để chấm điểm những món ăn ngon, tài nội trợ của cô gái sẽ được lựa chọn cho con trai họ đặc biệt là vài món súp ăn kèm bánh mì và kem chua. Sao giống người mình quá, con gái thì phải biết nấu ăn ngon mới là vợ hiền dâu thảo.

Hôm đó, vừa ngồi vô bàn ăn là nó líu lo không kịp thở :

- Trời ơi, một rừng quần áo, không thể tưởng tượng được.

- Từ từ mà nói.

Tui chận lại.

- Quần áo con nít đó, trời ơi, một rừng quần áo may sẵn...

Vừa nói nó vừa đưa hai cánh tay mở rộng.

- Tôi chưa từng nhìn thấy, quần áo con nít, đẹp lắm, may sẵn áo đầm, quần dài quần ngắn, đồ lót nón vớ đan len... ở xứ tôi mỗi lần cần thì phải lội bộ ra HTX mua vải, hay mấy cuộn chỉ len, rồi cặm cụi cắt may, đan vá... để có được 1 cái áo, cái quần cho con nít.

Thì ra cô nàng được bạn mời sinh nhựt em bé, mới có dịp đi mua và được nhìn thấy cả một rừng quần áo con nít may sẵn, mừng tới ngẩn ngơ phải khoe với cô bạn Việt Nam.

Nhìn nó hào hứng, vui quá với khám phá mới mẻ này mà thương nó quá trời. Chuyện quần áo con nít hay người lớn may sẵn bên VN mình từ thuở xửa xưa, thời má tui, đã có rồi, mà con nhỏ Nga này sống ở thiên đường cộng sản, mới biết. Đời sống sau «bức màn sắt giờ thì tui đã tỏ tường, tội nghiệp dân tộc đó gì đâu. Nào có ai ngờ đằng sau cái vẻ lạnh lùng, khó gần gũi đó, chứa cả một tâm hồn ngây thơ, một tình cảm mãnh liệt, đã từng bị đè nén và che dấu vì sống trong một chế độ đàn áp con người.

Nó kể hồi vượt biên giới để trốn đi qua nước Mỹ, lúc ngồi trên xe lửa chạy vô thành phố Nữu Ước, vợ chồng con cái và ba má nó rất sợ, kéo màn cửa sổ kín mít vì

sợ bị người Mỹ ném đá vào xe lửa như họ đã từng bị cải tạo về sự thù ghét của người Mỹ, thật sự không hề xảy ra.

Nó nói cuộc sống bây giờ của gia đình nó là ở thiên đàng.

Sau ngày bức tường Bá Linh bị dân Đức đập phá, dân nước Nga được cộng hưởng từ từ bớt khổ, chồng nó bỏ làm ở xí nghiệp mà ra ngoài thị trường «buôn lậu» , nó nói chỉ có cách đó cả nhà mới có thức ăn để sống, vì đời sống trước đó quá khổ. Nó gọi là «black market» , tui thiệt tình cũng không hỏi rõ, chỉ nhớ đại khái nó nói là mua gì đó, rồi bán lại kiếm lời như vải vóc, thuốc lá v... v... Nó nói thời đó không ai là không làm «black market, để khỏi đói.

Rồi một hôm, cũng giờ ăn trưa, nó bỗng nhiên òa khóc, rồi ôm tui, nói nó phải từ giả tui, vì bạn nó vừa kiếm cho nó một việc làm tốt trong nhà băng. Tui buồn quá, vì nó và tui chỉ mới làm việc chung thời gian quá ngắn ngủi. Tui chỉ vừa kịp dạy nó chút xíu tay nghề thôi. Nhưng tui cũng mừng cho nó tìm được chỗ làm khác, có vẻ chắc chắn hơn chỗ làm nầy.

Từ ngày có cô bạn người Nga, tui cảm thấy cuộc sống của mình trong chế độ tự do từ lúc sống bên VN thời Cộng Hòa trước năm 75 cho tới khoảng thời gian sống ở Mỹ, quá sung sướng, quá tự do, quá đầy đủ. Bạn tôi đó, không có gì nổi bật, chỉ là một phụ nữ bình thường sống cơ cực sau bức màn sắt, đã mở cánh cửa tự do, cho tui tự nhìn thấy mình nên bỏ bớt những thành kiến về dân tộc, để cởi mở hơn, bớt xét đoán hơn, chuyện gì cũng có mặt phải, mặt trái, như đồng xu.

Đã lâu lắm rồi tui không có liên lạc với nó, nhưng nét đặc biệt có một không hai của nó làm tui nhớ hoài. Những ngày cuối năm trời lành lạnh, tự nhiên tui thèm món súp béo béo mà nó từng đem đãi tui. Tui nghĩ giờ chắc nó đã hết ngạc nhiên với những phồn thịnh của xứ Mỹ và đã hòa đồng cùng dân bản xứ, nội cỏ thiên đường.

Trương Ngọc Anh

Định Mệnh Đã An Bài

Bằng Phong Đặng Văn Âu

Trước 1975, tác giả là một phi công chiến đấu. Tại Hoa Kỳ, nhiều bài viết của ông thường được phổ biến trên báo giấy, báo mạng trong sinh hoạt cộng đồng và các hội đoàn cựu quân nhân VNCH. Bài viết ông góp cho Viết Về Nước Mỹ kể về một tình yêu đầu đời ly tan và tái hợp đúng như lời một bà thầy bói đã tiên đoán.

Tôi ra đời vào năm Canh Thìn, cầm tinh con rồng, cho nên tôi mơ giấc mơ hải hồ, được bay cao bay xa như ông Saint Exupéry (tác giả cuốn Vol de Nuit và cuốn Le Petit Prince) . Sở dĩ tôi thỏa được giấc mộng của mình là vì nhờ Hoa Kỳ tham gia cuộc chiến Việt Nam, họ cần đào tạo những phi công cho chiến trường. Nếu không, giấc mơ của tôi sẽ không thành hiện thực, vì tôi chẳng thể nào có tiền để được huấn luyện trở thành phi công. Sở phí đào tạo một người có thể lái máy bay tốn kém rất lớn.

Có hôm tôi hỏi Mẹ tôi, tại sao con tuổi Thìn mà trên giấy khai sinh của con lại ghi năm 1942 ? Mẹ tôi đáp: «Thời buổi chiến tranh, giấy tờ thất lạc, lại chạy tản cư liên miên, Mẹ phải làm tờ «thế vì khai sinh» và khai tụt tuổi cho con thì nhà trường mới nhận con vào học»

. À ra thế ! Thảo nào số quân của tôi là 62/600356, lẽ ra phải bắt đầu số 60 để chỉ những lớp người sinh năm 1940. Căn cứ trên tờ «thế vì khai sinh» , chánh quán của tôi là làng Nho Lâm, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Trú quán là làng Phổ Tây, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên.

Thầy (Bố) tôi là bác sĩ, được đổi đi công tác nhiều tỉnh khác nhau, nên tôi có thể bắt chước người giúp việc trong nhà để nói các giọng Bắc, Nam, Trung.

Năm 1945, Thầy tôi qua đời vì căn bệnh ruột dư (Appendicitis) được bác sĩ giáo sư Huard của trường Đại Học Y Khoa Hà Nội - một danh y thời bấy giờ - giải phẫu. Không may Thầy tôi bị nhiễm trùng mà không có thuốc trụ sinh vì cuộc chiến tranh giữa Đồng Minh và Quân đội Nhật hoàng xảy ra. Mẹ tôi lúc bấy giờ mới 38 tuổi, khá đẹp, mà nhất quyết ở vậy thờ chồng nuôi con, chứ không chịu bước thêm một bước nữa, mặc dầu có nhiều đàn ông xứng đáng đến ngỏ lời cầu hôn bà.

Tôi là đứa bé khá ngờ nghệch, được Mẹ cho đi học thì cắp sách đến trường; chứ không hề biết học để làm gì ? Tôi chưa từng có ý niệm rằng học để trở nên người hữu dụng cho tương lai xứ sở. Do đó, cuối niên khóa được lên lớp là do sự may mắn, hơn là do sự cố gắng bản thân. Khi lên lớp Đệ Lục, tôi nghe Mẹ tôi nói một

câu làm tôi tỉnh ngộ : «Gắng học đi con để sau này ấm vào thân. Nếu cứ lười biếng thì sau này chỉ có nước đứng đường thôi con ạ !» Đứng đường tức là làm người ăn mày lạy ông đi qua, lạy bà đi lại; chứ không phải là làm thầy đội Cảnh sát đứng đường điều khiển cho xe cộ lưu thông !

Từ đó, tôi tỉnh ngộ và bắt đầu thời điểm đó, tôi chăm chỉ học, nên cuối niên học nào tôi cũng đều được lĩnh phần thưởng về các môn Toán, Lý Hóa, Anh, Pháp văn, Việt văn. À, cũng xin nói thêm, trước kia, làm cho xong một bài luận quốc văn là một cực hình đối với tôi. Nhưng nhờ học thêm Pháp văn với thầy Trần văn Thông, gần nhà thờ Phủ Cam - Huế, được thầy dạy pháp cú «analyse logique, analyse grammaticale» khiến cho tôi viết câu văn tiếng Việt sáng sủa hơn với đầy đủ chủ từ, động từ và túc từ. Ông bà mình nói không sai : «Không thầy, đố mày làm nên !» . Mỗi khi viết một bài văn nào, tôi đều nhớ ơn thầy Trần văn Thông.

Nhân đây, tôi cũng xin nhắc lại một việc : Mẹ tôi là người thầy dạy vỡ lòng cho tôi về chữ Hán và chữ Pháp. Câu Hán văn và Pháp văn mà Mẹ tôi muốn xây dựng con người tôi như sau : «Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất» (Giàu không tham, nghèo không hèn, mạnh không sợ) và «Gravez les

bienfaits sur le marble; les méfaits sur le sable» (Khắc ghi những nghĩa cử trên đá cẩm thạch; những điều bội bạc trên cát) . Suốt đời tôi cố gắng thể hiện cung cách ứng xử trong cuộc sống như lời Mẹ dạy.

Kết quả thi Trung học Phổ thông, Tú tài I hay Tú Tài II, tôi đều đậu bình, một phần do may mắn ! Nghiệm ra, tôi không đến nỗi đần, mà chỉ phải tội chậm trí khôn. Vào trường đời, tôi cũng thuộc loại chậm trí khôn, vì không biết cách làm đẹp lòng thượng cấp, mặc dầu chưa bao giờ kiếm cớ thoái thác một phi vụ nào do căn bệnh... lạnh cẳng.

Nhớ có lần tôi đã phạm vào một điều dại dột trong cuộc họp hành quân. Đó là lúc tôi đứng lên phản đối cấp trên lấy tên chiến dịch Cầu Không Vận là «Kỳ Duyên Mai» (phương danh của đương kim Tư Lệnh, con và vợ) . Theo tôi, đáng lý ra phải lấy tên của một vị anh hùng trong lịch sử dân tộc đặt tên cho chiến dịch thì mới đúng ! Do «sự cố» ấy, tôi được bạn hữu trong đơn vị đặt cho cái hỗn danh «Đặng văn Ẩu» vì dám công khai «chống» lại thượng cấp. Thật tình, tôi chưa hề làm «ẩu» điều gì để phạm vào quân phong quân kỷ ! Tôi lên tiếng vì lợi ích chung. Chẳng qua, nghĩ mình cứ hành xử như lời Mẹ dạy mà thôi.

Tôi có một người Mẹ tuyệt vời, hết lòng thương con, nhưng tôi đã phạm vào ba trọng tội mà tôi nghĩ rằng mình là đứa con bất hiếu. Lòng tôi cứ dằn vặt, ăn năn, hối hận, ray rứt khôn nguôi. Đó là :

Thứ nhất, Mẹ tôi muốn tôi theo học ngành y khoa để nối nghiệp thân phụ tôi. Theo bà, nghề bác sĩ giúp con bà cứu nhân độ thế để hưởng phước. Tôi đã gia nhập vào Không Quân, trái với ước nguyện của Mẹ hiền.

Thứ hai, Mẹ tôi đã thể theo lời xin của tôi để dạm hỏi cô nữ sinh học trò của tôi cho tôi, nhưng cuối cùng tôi đã phản bội nàng để kết hôn với người khác. Tôi đã làm cho Mẹ tôi trở thành kẻ bội ước với thông gia.

Thứ ba, cuối tháng Tư năm 1975, tôi đã không ép Mẹ tôi bằng cách «cưỡng bức» bà lên xe để thoát ra khỏi nước, chỉ vì bà nói bà không muốn bỏ nắm xương nơi quê người. Mẹ tôi đã qua đời trong đói lạnh, cô đơn ở quê nhà. Tôi đã khóc òa như một đứa bé khi hay tin Mẹ mình khuất núi.

Hơn 37 năm sống ở quê người, tôi ao ước có dịp về nước, đến trước mộ phần của Mẹ để nói lời tạ tội. Nhưng bởi lo ngại an ninh bản thân, tôi cứ chần chừ vì đã viết nhiều bài đăng trên mạng lên án gắt gao chống lại chính sách cai trị tàn ác của chế độ hiện hành. Tháng 8 năm

2011, có lẽ cuộc nhân duyên giữa vợ chồng chúng tôi đã dứt, tôi liều mình về quê nhà để thể hiện sự sám hối của mình trước vong linh Mẹ.

Khi về đến phi trường Nội Bài, Hà Nội, tôi «được» hai cán bộ an ninh văn hóa «trao đổi» hơn 90 phút và ba ngày sau tại khách sạn cũng «được» nhân viên an ninh chiếu cố hơn 4 giờ đồng hồ. Tôi sẽ tường trình nội vụ này vào một dịp khác. Từ Hà Nội, tôi gọi điện thoại cho một người bạn học từ thời tiểu học báo tin tôi đang ở Hà Nội. Bạn tôi ban đầu không tin, vì nghĩ rằng tôi không dám về.

Đúng thế ! Từ lâu tôi không về nước vì vợ tôi ngăn cản. Nàng sợ nhỡ tôi bị bắt giam thì nàng sẽ phải tốn tiền để chuộc tôi ra. Nay, duyên nợ giữa nhau đã dứt. Nàng không còn trách nhiệm gì với bản thân tôi, nếu tôi về để bày tỏ sự hối hận với vong linh Mẹ mà bị bắt giữ thì tôi cũng cam lòng.

Bạn tôi biết đích xác tôi đang ở Hà Nội, sau khi nhìn vào «caller ID» hiện ra trên điện thoại của anh. Bạn tôi nói (xin lặp lại nguyên văn ngôn ngữ địa phương Huế) : «Mi có về Huế thăm mộ O (tức Mẹ tôi) thì nhớ gọi cho hắn nghe !» . Chữ «hắn» trong câu nói của bạn tôi là vị hôn thê mà tôi đã bội tình thuở trước. Anh bạn cho tôi số điện thoại của nàng. Có số điện thoại được bạn cho,

tôi vẫn không dám gọi nàng, vì tự hỏi : «Gọi để nói gì bây giờ ? Nhỡ khi nghe mình xưng tên, nàng sẽ thốt lên những lời xỉ mắng vì sự bội bạc của mình hoặc nàng cúp máy không thèm nói chuyện thì bẽ bàng vô cùng» .

Hai ngày sau, bạn tôi gọi và hỏi : «Mi đã gọi cho hắn chưa ?» . Tôi đáp : «Chưa !» Bạn tôi có vẻ nôn nả : «Tại răng mi không gọi cho hắn ?» . Tôi nói về lý do sự ngại ngùng do dự của tôi, bạn tôi cười : «Mi còn nhớ đến chuyện hai đứa bây đi xem bà thầy bói Bụi không ?» . Tôi đáp : «Chừ mi nhắc thì tau mới nhớ, nhưng có liên quan gì trong việc tau gọi điện thoại cho hắn ?» . Bạn tôi trả lời một cách quả quyết : «Hắn còn yêu mi và chờ mi về đó. Tính đến nay đã là 38 năm kể từ ngày hắn ly dị chồng hắn. Tau đã giới thiệu mấy thằng bạn giáo sư đồng nghiệp của tau cho hắn mà hắn không bằng lòng đứa nào hết. Hắn nhất quyết đợi ngày mi trở về đó. Mi hãy mau mau mà gọi cho hắn đi» . Nói xong một hơi dài, bạn tôi cúp máy điện thoại.

Hồi tưởng lại chuyện quá khứ. Năm 1963, chúng tôi sửa soạn làm đám cưới. Hôn thê của tôi kéo tôi đi xem bói bà thầy bói Bụi, vì bà nổi tiếng bói rất đúng. Chiều lòng người yêu, tôi cũng đi, nhưng tôi chẳng bao giờ tin nhảm. Sau khi hỏi tuổi tác chúng tôi, bà thầy gieo quẻ, rồi đoán : «Cuộc hôn nhân của hai anh chị sẽ không

thành !» . Nghe bà thầy nói thế, gương mặt người yêu tôi tái đi, còn tôi tỏ ra giận dữ : «Bà thầy nói bậy, chúng tôi yêu nhau, cha mẹ hai bên đều đồng ý. Lý do nào mà bà nói không thành ? Tôi đập mu rùa của bà bây giờ !» . Bà thầy bình thản trả lời : «Chừng nào cuộc hôn nhân của hai anh chị thành thì anh trở lại đây đập mu rùa của tôi cũng chưa muộn !» . Trước sự quả quyết của bà thầy bói, vị hôn thê của tôi khóc nức nở. Tôi xoa lưng nàng và trấn an : «Bói toán nhảm nhí, em tin làm gì ?» . Có lẽ cảm động vì những giọt nước mắt của người yêu tôi, bà thầy nói : «Tình duyên của hai anh chị phải trải qua một đoạn đường dài chia ly rồi mới thành tựu. Anh này có đi cùng vành non nước đi nữa thì sau tứ tuần hoa giáp, anh cũng sẽ trở về với chị thôi !» . Đang bực tức vì lời tiên đoán của bà thầy làm người yêu tôi khóc, tôi hỏi : «Tôi không rành chữ Nho. Bà nói tứ tuần hoa giáp là nghĩa lý gì ?» . Bà thầy lại bình thản giải thích : «Hoa giáp là 12 năm, tứ tuần hoa giáp là 48 năm. Tôi quả quyết rằng 48 năm sau anh sẽ về tác hợp tình duyên với cô này» .

Tôi vẫn cho rằng bà thầy bói nói nhảm. Nhất định không tin. Chẳng ngờ cuộc hôn nhân giữa hai chúng tôi bất thành. Vì tuổi trẻ thiếu bản lĩnh, tôi đã phạm vào một trọng tội mà thâm tâm tôi không bao giờ dụng ý phản bội ý trung nhân của tôi. Khi tôi thú nhận với vị hôn thê của tôi rằng tôi trót rơi vào một tình trạng khó

xử, nàng nói trong nước mắt : «Số trời đã định vậy, em chấp nhận hy sinh» . Tôi quá hổ thẹn trước tấm lòng quảng đại, vị tha của người yêu. Tôi quá xót xa cho nàng, nhưng chẳng biết làm sao hơn.

Tuân theo lời khuyên của bạn, tôi bấm số điện thoại gọi cho nàng và hy vọng không bị nàng buông những lời nói phũ phàng hay gác máy không thèm tiếp. Khi tôi nói tôi là ai qua máy điện thoại thì đầu dây phía bên kia có tiếng cười thật tươi reo lên : «Anh đó à ? Anh về rồi đó à ? Em đây ! Đúng 48 năm rồi đó anh hí !» .

Năm 1963 tôi chia tay nàng. Năm 2011 tôi lần đầu tiên gọi điện thoại cho nàng từ Hà Nội đúng 48 năm sau. Không còn do dự gì nữa, khi về Huế lạy tạ lỗi vong linh Mẹ, tôi sẽ tìm gặp người yêu xưa. Nếu định mệnh dun dủi, tôi có cơ duyên sẽ tiếp nối cuộc sống còn lại với người vợ (sắp cưới) đầu đời thì cũng là ý trời. Tôi nghĩ thế ! Bốn mươi tám năm trước tôi thú tội với người yêu, nàng không một lời trách móc, giận hờn. Bốn mươi tám năm sau gọi điện thoại thăm người yêu xưa, nàng đã không buông lời giận hờn trách móc mà còn reo lên một cách sung sướng giống như người thiếu phụ chờ chồng sau cuộc vạn lý trường chinh.

Gặp người yêu xưa, tôi đã quỳ xuống xin lỗi nàng và xin nàng rộng lòng tha thứ. Nàng vội cầm lấy hai tay tôi và nâng tôi đứng dậy, rồi ôm tôi một cách âu yếm nồng nàn. Xưa nay, tôi chưa bao giờ được nàng ôm chặt đến như thế. Trong giờ phút ấy, trước mắt tôi, nàng là hiện thân của Phật Bà Quan m hay Đức Bà Maria. Vì chỉ có con người bao dung thánh thiện mới tha thứ cho tôi một cách dễ dàng như thế !

Tôi kể cho nàng nghe chuyện tôi và vợ tôi đang trong tiến trình ly dị. Người yêu tôi nhẹ nhàng khuyên : «Anh hãy cố gắng về hòa giải với chị. Cả hai đã ở tuổi ngoài 70, chẳng còn sống được bao lăm ! Em thui thủi một mình gần 40 năm nên quen rồi ! Chỉ khi nào sự cố gắng hòa giải của anh bất thành, anh bị ruồng rẫy, hất hủi, gục ngã thì em sẽ vực anh đứng dậy ! Chưa lúc nào em giận anh vì em tin cái số em như thế ! Chưa lúc nào em thôi yêu anh !»

Sau cuộc chia tay giữa hai chúng tôi, nàng ngày ngày đi dạy học, nuôi Mẹ già và đứa em bị bệnh tâm thần. Nàng quyết sẽ không kết hôn với bất cứ ai. Nhưng cuối cùng nàng phải vâng lời yêu cầu của Mẹ vì nàng là người con chí hiếu. Nàng đành kết hôn với một người mà nàng không hề yêu. Tiếc thay ! Người đàn ông ấy mắc chứng bệnh ghen tuông một cách kỳ lạ. Anh ta

nhiều lần bạo hành với vợ một cách tàn nhẫn vì nghĩ rằng nàng còn ngoại tình trong tư tưởng, nghĩa là còn yêu tôi. Riêng tôi, tôi không hề liên lạc với nàng bằng dưới mọi hình thức nào để nàng yên thân bên chồng, bên con.

Không thể chịu đựng nổi người chồng vũ phu, nàng về sống với Mẹ và ly hôn chồng. Tin tưởng vào lời tiên đoán của bà thầy bói, nàng cương quyết chờ tôi. Chưa lúc nào tôi tin vào thuyết định mạng hay duyên nghiệp như thế, sau khi gặp gỡ nàng. Giả sử chồng nàng biết cách xử sự như một người có văn hóa đối với vợ thì dù không yêu chồng, nàng cũng không ly hôn vì cổ tục hoặc lễ giáo Huế không bao giờ chấp nhận người đàn bà ly dị chồng. Giả sử vợ chồng tôi có chuyện bất hòa dù nặng nề đến đâu, tôi cũng không thể bỏ vợ. Chẳng qua bị vợ xua đuổi, sỉ nhục mà tôi không thể chấp nhận là do số trời đã định đoạt để cho tôi trở về quê nhà và được biết người yêu xưa vẫn chờ mình. Bốn mươi tám năm sau tôi trở về quê để bái lạy hương hồn Mẹ tha thứ, tôi lại được người yêu xưa tha thứ. Biết đâu Ơn Trên đã dẫn đưa hai anh em chúng tôi về lại với nhau như bà thầy bói năm xưa đã dự đoán ? Tôi rất ao ước được sống phần đời còn lại bên người yêu xưa. Chúng tôi không phải là hai kẻ bỏ vợ bỏ chồng để lấy nhau ở tuổi xế chiều. Chúng tôi trở về với nhau do sự an bài

của định mệnh hay duyên nghiệp, tùy theo tín ngưỡng của mỗi người.

Tôi không ghi xuống đây chức vụ của mình từng đảm nhiệm trong quân ngũ, vì tôi nhớ đến Đặng Trần Thường, kẻ phò Nguyễn Ánh đắc thắng, đã hành xử thiếu quân tử đối với kẻ ngã ngựa vì mối thù trước kia. Thường ra câu đối buộc kẻ bại trận phải đáp :

«Ai công hầu, ai khanh tướng. Trong trần ai, ai dễ biết ai ?» . Ngô Thời Nhậm, kẻ phò vua Quang Trung trả lời :

«Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu. Gặp thời thế, thế thời phải thế !»

Đặng Trần Thường có cái vẻ vênh váo của kẻ chiến thắng với cái chức vị công hầu khanh tướng của mình. Trái lại, Ngô Thời Nhậm không tỏ ra hèn vì thua trận. mà phải khúm núm xin tha tội. Chẳng qua cái thời cái thế xoay vần xui nên đấy thôi !

Cái thời, cái thế, cái định mệnh, cái duyên nghiệp đã khiến cho chúng tôi đánh mất nhau. Rồi cũng chính cái thời, cái thế, cái định mệnh, cái duyên nghiệp đưa chúng tôi về lại với nhau. Tôi quỳ xuống xin lỗi người yêu xưa của tôi không phải tại vì tôi hèn, mà tại vì tôi

sám hối và tôi ngưỡng mộ tấm lòng bao dung, cao cả, vị tha của nàng đã tha thứ cho tôi.

Nghĩ cho cùng, công hầu hay khanh tướng như Đặng Trần Thường tỏ ra kiêu hãnh, đối với tôi cũng chỉ là trò bãi biển nương dâu, chỉ là phù vân gió cuốn mây trôi. Tôi cho rằng cách ứng xử độ lượng giữa người với người với nhau mới là vĩ đại. Tôi rời Houston, Texas để về định cư tại Quận Cam của California. Bạn bè, bà con giúp đỡ tôi rất nhiều nên chỉ trong một thời gian rất ngắn tôi đã thu xếp cuộc sống tạm gọi là ổn định với đầy đủ tiện nghi. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành của tôi đến tất cả bà con, bạn bè. Xin xác nhận rằng câu nói «Ở hiền gặp lành» của tiền nhân rất chính xác. Tôi đã được bà con, bạn bè giúp đỡ tận tình. Mỗi ngày tôi đều đọc Kinh Chú Đại Bi và đọc sách Phật để thấm nhuần lẽ vô thường của Tạo Hóa. Bài kinh sám hối đọc từ thuở còn là đồng niên Phật tử Gia đình Chơn Tuệ tôi vẫn nhớ :

«Đệ tử kính lạy Đức Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, thập phương chư Phật cùng Thánh, Hiền, Tăng. Đệ tử lâu đời lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề, tham giận, kiêu căng, si mê, lầm lạc. Ngày nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm, thành tâm sám hối. Thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành... Ngửa trông ơn Phật, từ bi gia hộ, thân

không tật bệnh, tâm không phiền não, ngày ngày an vui tu tập, phép Phật nhiệm mầu để mau ra khỏi luân hồi... «

Thiết nghĩ, chỉ có tình yêu thương gồm có lòng bao dung, sự quảng đại, tính vị tha, tình lân tuất thương yêu kẻ nghèo khó, hoạn nạn là trên hết mọi sự trên đời, vì nó giúp ta quên được cái «NGÃ» vị kỷ thì tự khắc mình sẽ cảm thấy hạnh phúc trong đời.

Thưa tất cả bằng hữu,

Tôi đang hành trì đạo Từ Bi của Đức Phật. Xin các bạn cầu nguyện cho tôi có ý chí bền bỉ. Xin cảm ơn tất cả. Xin cầu nguyện gia quyến của mọi người đều được an vui, hạnh phúc.

Bằng Phong Đặng Văn Âu

Kỳ tới : «Nêu Có Kiếp Sau» , được viết bởi người mà tác giả Bằng Phong Đặng Văn Âu gọi là «người yêu đầu đời và cũng là người vợ hiện thời của tôi.»

Nếu Có Kiếp Sau

Nguyễn Thị Hồng

Tác giả là một nhà giáo, tốt nghiệp thủ khoa khóa 2 Sư Phạm Quy Nhơn. Sau đổi đời 1975, bà là cô giáo trường cấp 2 Thuận An. Bà cũng chinh là nhân vật mà trong bài viết «Định mệnh đã an bài,» tác giả Bằng Phong Đặng Văn Âu gọi là «» người yêu đầu đời và cũng là người vợ hiện thời của tôi.» Hai ông bà hiện là cư dân Westminster, CA. Sau đây là bài viết của bà.
Tháng 8 năm 1963, tôi xách chiếc va li nhỏ vào trường Sư phạm Quy Nhơn trước sự ngạc nhiên của bạn bè cùng lứa : «Con Hồng mà học Sư phạm Quy Nhơn ni à ?» .

Vâng, các bạn tôi không ngạc nhiên sao được, khi con bé Hồng tuy nhà quê, nhưng khi vào trường nữ trung học Đồng Khánh, từ Đệ thất đến Đệ nhị luôn giành ngôi vị đứng nhất lớp; chỉ khi qua Đệ nhất Quốc học mới chịu đứng thứ hai, (nên dỗi không đi lãnh phần thưởng thật là trẻ con !) .

Thành tích học ấy là niềm mơ ước của các phụ huynh khá giả hồi đó để mong đưa con vào trường Dược, trường Y. Và chính tôi cũng từng ôm mộng như thế, nên khi vào lớp Đệ tam tôi đã không chọn ban Văn

chương (ban C) dù tôi rất thích và khá giỏi hai môn Anh và Pháp ngữ, mà ghi vào ban Vạn vật (ban A) , vì ông anh Cả ở Sài Gòn ra thăm bố mẹ tôi, biết thành tích học của tôi, nên hứa sẽ «nuôi» cho tôi học Dược ở Sài Gòn. Thế là tôi chúi đầu vào «gạo» Vạn vật và Lý Hóa để chuẩn bị được cầm cái bằng Tú tài II, hầu bước vào Đại học. Tôi vui mừng bay ngay vào Sài Gòn (với tấm vé mà cha tôi phải mượn tiền để mua) . Nhưng oái oăm thay, ông anh Cả tôi đã quên lời hứa, kèm lời phán của bà chị Dâu: «O Hồng con gái học chi cho lắm, chỉ ích lợi mai sau chồng nhờ, thôi để tiền nuôi chú T (em trai tôi) ...» Và khi tôi trở lại Huế thì đã quá muộn để ghi tên vào phân khoa Đại học, chỉ còn Sư phạm Quy Nhơn nhận đơn, tôi ghi danh thi và đậu ngay.

Các bạn ơi ! Giờ đây tôi kể dông dài như trên không phải là nhằm mục đích khoe mẻ thành tích của người về già còn tiếc nuối cái quá khứ học giỏi của mình (để làm gì cơ chứ ?!) , mà chỉ để các bạn biết cho lòng tôi miễn cưỡng thế nào khi vào Sư phạm Quy Nhơn buồn tủi vì cha mẹ nghèo không đủ tiền cho con học cao, lại tự ái và sĩ diện hão với bạn bè cùng lớp tôi đã từng ray rứt với ý muốn bỏ trường bỏ bạn, rời xứ dừa sau mỗi biến cố của đời tôi. Nhưng ân tình sâu đậm của Thầy, của bạn mà tôi sắp kể dưới đây đã gắn số phận tôi với trường Sư phạm, với nghề giáo thân thương mà đến nay

tôi rất đỗi tự hào.

Hai năm học ở trường Sư phạm Quy Nhơn tôi đã phải gánh chịu hai cái đại tang hai cái tang quá lớn trên đôi vai gầy của một cô gái ngây thơ bé bỏng. Có lẽ linh cảm điều đó không vui cho tương lai của tôi, nên chuyến tàu lửa mang tôi vào xứ dừa thật ảm đạm, tiếng bánh xe sắt của con tàu đều đặn lăn trên đường rầy hòa với tiếng chong chóng quay ầm ào của hai chiếc trực thăng hộ tống vần vũ trên đầu toa xe (đề phòng VC tấn công) .

Nhập học tháng 9 thì một chiều tháng 12, tôi được điện tín báo tin cha tôi qua đời vì đột biến. Sóng biển, hàng dương bên trường than khóc cùng tôi suốt đêm. Các bạn nội trú xúm xít an ủi vỗ về tôi. Trong đầu tôi lởn vởn ý tưởng về Huế rồi sẽ không quay trở lại vì mục đích học Sư phạm của tôi là vừa có học bổng, vừa chóng ra trường có tiền để giúp cha già không còn nữa. Nay cha mất rồi thì tôi học tiếp ở đây làm gì ? Về Huế sang năm thi vào Đại học Sư phạm hoặc học SPCN để chuẩn bị vào trường Y khoa.

Sáng hôm sau, bạn bè cùng phòng nội trú, cùng lớp và cảm động nhất là thầy Lương, Hiệu trưởng, cùng tiễn tôi tận chân cầu thang lên máy bay. Thầy xoa đầu tôi an ủi thật trìu mến như cha tôi thường làm với tôi. Thầy còn cử anh Võ trị Hà, người trưởng tràng, lại là

hàng xóm của tôi tháp tùng theo tôi để đại diện trường phúng điếu cha tôi và giúp đỡ tôi trở về trường. Anh Hà cũng thích vì được dịp về thăm Mạ. Nhìn xuống sân bay tôi thấy mái tóc thầy như bạc thêm, cùng những cánh tay vẫy vẫy của bạn bè mờ đi sau làn nước mắt. Trước ân tình ấy, ý nghĩ sẽ bỏ trường bỏ lớp bỗng tan biến trong đầu. Tôi trở lại trường tìm vui trong tình thương của thầy, của bạn. Tôi lại vô tư gây cười cho các bạn, thường tự xưng mình là Hồng Thất Công (trong Thần Điêu Đại Hiệp) khi ngồi trên lầu hai, lầu ba mà dùng tài đánh hơi của lão «Cái Bang» đoán trúng phóc trưa nay Mệ Huế cho ăn món gì, khiến các bạn phục lăn và cười như «nắc nẻ» khi xuống tới phòng ăn. Tại đây, cả nhóm ăn lại nhỏng nhẻo với Mệ Huế là không ăn được cá ngừ, cà nướng... v... v... Tội nghiệp Mệ Huế lại trìu mến sai đổi cho thành món chả trứng, cá thu chiên... Thế là các nàng dù là Hoàng Dung xinh đẹp, dù là «Phật tổ» Như Lai, dù là nàng Tôn Nữ u Dương Phong e lệ... (biệt hiệu của các bạn cùng phòng nằm cạnh giường tôi) đều ăn ào ào như tằm ăn rỗi, đem soong vào xin thêm cơm. Các chị bếp vui vẻ xới thêm rất tự nhiên để các cô khỏi thẹn, chỉ một nhát xúc của chiếc đũa bếp to như cái «xẻng xúc đất» là đủ đầy soong cơm. «Kí Lô» của các nàng tăng vùn vụt, vì sáng nào cũng «nhón» sạch hai thúng khoai lang luộc, bánh ú của hai nhóc con bác cai

đội lên bán. Khỏi rao, khỏi mời, hai chú đã được các nàng ngóng từ thật xa, rồi đón ở cầu thang và thoáng một chốc chỉ còn hai cái thúng không. Các chú chỉ việc ngồi chờ, một lát sau các nàng đem tiền ra trả đủ. «Này chị hai xâu (khoai) ... , này chị hai cặp (bánh ú) ... «. Các nhóc chỉ việc đếm tiền, xong đội thúng ra về. Hỉ hả !!! Giành nhau mua vậy, nhưng ai chậm chân không mua được đều có phần chia cho. Vui như hội ! Ăn, ngủ, cười và... chờ thư. Chỉ khi nào đọc thư người yêu thì mỗi nàng lui về một thế giới xa xôi với khóc, cười, trăn trở...

Nhưng số phận lại không mỉm cười với tôi vào năm sau, tôi lại chịu cái đại tang thứ hai. Lần này không phải là vành khăn trắng lên mái tóc, mà là mảnh khăn đen vắt qua «con tim đã vui trở lại» của tôi : Người yêu của tôi, mối tình đầu trong sáng của tôi, vị hôn phu của tôi đã phụ tình tôi. Đời phi công hào hoa, đời lính cận kề bên cái chết, cùng với thái độ tránh né giữ gìn thái quá của người con gái Huế như tôi, cộng thêm không gian xa cách, khiến chàng sa ngã vào ánh sáng phù hoa, vào niềm đam mê vội vã mà nói lời bội ước với tình xưa. Trước lời thú nhận đã lỡ lầm của vị hôn phu, dưới sự chứng kiến của gia đình hai bên, dù mẹ chàng cố nói ra lời hàn gắn, nhưng tôi đã bình tĩnh chúc chàng hạnh phúc (không một giọt nước mắt van vỉ, không một lời

oán trách hờn ghen) , vì tôi nghĩ rằng bất cứ thái độ nào khác cũng sẽ đánh đổ thần tượng của chàng trong tôi. Và tôi cũng không cần một chút nào lòng thương hại của kẻ khác. «Người ta phụ mình, nhưng làm sao cho người ta vẫn tôn trọng mình» , tôi nghĩ thế.

Từ Sài Gòn trở lại Quy nhơn với con tim băng giá, với đôi mắt ráo hoảnh, tôi lại có ý nghĩ bỏ Sư phạm, rồi về Huế ghi danh học Đại Học để trở thành một bác sĩ, hơn hẳn» người ta» cho bõ tức. Nhưng anh lớp trưởng nhận ra nỗi buồn vời vợi trong tôi. Chờ lớp về hết, anh ở lại hỏi tôi «Sao em có vẻ buồn thế ?» . Anh lớp trưởng đã có vị hôn thê ở Quảng trị và xem tôi như người em gái nhỏ. Tôi cũng xem anh như anh mình, nên khi anh hỏi chạm đến vết thương lòng, tôi đã òa lên khóc nức nở và kể cho anh nghe về mối tình tan vỡ của mình. Anh để yên cho tôi khóc, rồi dùng lời an ủi động viên tôi. Sau đó anh cùng các bạn trong lớp tổ chức nhiều chuyến du ngoạn ngoại thành : thăm Tháp Chàm ở Quy nhơn, trại cùi Quy hòa, viếng mộ Hàn Mặc Tử... , để tôi thấy nhiều cảnh khổ gấp bội mình. Rồi chuyến đi về Tuy Phước, thăm sâu vào làng quê Bình Định với những phong cảnh thật nên thơ, nhưng thấp thoáng những bộ quần áo đen lầm lũi (VC đó) . Thấy thật rùng mình, may mà có anh trong đoàn, sinh trưởng ở vùng đó nên không việc gì. Rồi những phút cùng các bạn nội

trú lầu ba ôm nhau lăn xuống gầm giường khi VC tấn công nổ bom tự sát làm sập lầu Việt Cường dưới phố (nơi có binh lính Mỹ đến đó ăn uống sau mỗi cuộc hành quân) . Khi lầu hết rung chuyển, chúng tôi cùng chui ra một cách khó khăn gấp bội so với khi chui vào. Thầy Giám học lên bảo : «sao lại chui xuống gầm giường, sao không chạy xuống núp trong các hố cát ngoài sân, nhỡ lầu sập thì sao ?»

Thì ra khi hoảng hốt, chúng tôi đã hành động giống như những con đà điểu rúc đầu vào cát lúc gặp hiểm nguy. Nhưng nằm trong hố cát ở sân nhìn lên trời càng đáng sợ hơn : những lằn đạn xanh đỏ bay vèo vèo trên bầu trời do VC tấn công vào thành phố, bên ta chiến đấu đẩy lui. Thế là cái khổ, cái chết lại giúp tôi gắn bó với trường với bạn, chúi mũi tìm quên trong việc học, uống từng lời dạy dỗ của thầy cô để ra trường với hạng thủ khoa (mà các bạn cứ trêu là «thủ khôi» khiến tôi hờn giận mãi thật là trẻ con !) . Tôi được chọn giữ ở lại trường làm giáo sư hướng dẫn các khóa sau, nhưng tôi chỉ muốn về Huế để được sống bên mẹ già.

Rồi chính nhờ được làm một cô giáo hiền hòa, mẫu mực mà tôi đã vượt qua những nghiệt ngã của số phận do sự đối xử hà khắc của gia đình chồng và những tai ương của đất nước tạo nên. Môn tâm lý giáo dục của

thầy Mẫn dạy tôi biết nói những lời ái ngữ với học trò trước khi phê bình cái sai của chúng. Nhớ lời thầy, tôi không bao giờ phê «chữ cẩu thả» mà «em cần viết cẩn thận hơn» , hoặc không phê «vở nhớp quá» mà là «vở sạch mới đẹp» ...

Những năm dạy tiểu học, trong cặp tôi lúc nào cũng có hộp kim chỉ để khâu áo cho những em nào nhỡ rách, có cả lượt dày để chải chí cho mấy em gái nghèo thiếu bàn tay mẹ chăm sóc, có cả kéo để cắt tóc cho các em khỏi bị tóc che mắt...

Khi được chuyển về trường cấp II Thuận An thì nơi đây là quê hương thứ hai che chở giúp tôi vượt qua những khổ ải do gia đình chồng đọa đày. Lúc phải rời bỏ gia đình chồng do bị đàn áp quá đáng, các phụ huynh ở Thuận An đã đùm bọc, an ủi xoa dịu cho tôi những vết thương từ thể xác đến tâm hồn. Thậm chí có người mở lời cho tôi và hai con vượt biên cùng con của họ mà không phải đóng một cắc bạc, nhưng tôi không thể bỏ mẹ già và cậu em bị tâm bệnh để ra đi. Các học sinh của tôi đều mê môn Văn tôi dạy, phải chăng do tôi đã trao truyền cho các em tất cả tình cảm thương yêu và trải nghiệm của bản thân vào trong mỗi bài giảng ?

Thời bao cấp, nhà giáo đều thiếu thốn, nhưng tôi biết tranh thủ thời gian để chạy chợ nuôi mẹ, em và các con no đủ. Thấy các cô giáo mà phải vất vả ngược xuôi, các cô dì chủ hàng cũng thương, dành cho sự nhẹ nhàng, ưu ái. Một số bạn tôi bỏ nghề, vì nghề giáo cơ cực quá, nhưng tôi thì không. Tôi nghĩ rằng nhờ giữ nghề dạy học mà một người mẹ đơn thân như tôi mới có thể giáo dục các con chăm ngoan, thành đạt và có cuộc sống gia đình hạnh phúc hơn bố mẹ chúng. Tôi cảm thấy lời Phật dạy «sống từ bi, hỉ xả» như thấm từ lúc nào vào cuộc đời làm cô giáo của tôi, tự nhiên như cây cỏ hấp thụ khí trời. Tôi không hề oán hận ai, thậm chí cả với người đã hành hạ mình.

Có lẽ cuộc đời nhà giáo của tôi chỉ biết gieo nhân lành nên cuối đời gặp quả ngọt : người yêu đầu đời của tôi đã trở về quỳ xuống xin tạ tội vì đã để đời tôi bấy lâu chịu khổ đau. Anh đã đón tôi sang đất nước Hoa Kỳ để tôi được sống sung sướng quãng đời còn lại. Tôi được học sinh cũ của trường Trung học Thuận An từ nhiều tiểu bang về chào mừng hoặc gọi điện thăm hỏi, dẫn cô đi thăm thú cảnh đẹp nhiều nơi.

Ôi, còn gì sung sướng hơn khi thấy những học sinh bé bỏng ngày xưa của mình, giờ đây đã trở thành những trung niên khôi ngô, thành đạt, những thiếu phụ xinh đẹp, lịch lãm nơi xứ người. Vậy mà đối với cô giáo cũ, các em vẫn một tiếng «thưa» hai tiếng «dạ» rất đỗi lễ phép, khiến lòng tôi cảm thấy xúc động nao nao, tự hào về mình và về các học sinh thân yêu.

Tôi còn được gặp lại các bạn nội trú trường Sư phạm Quy nhơn ngày xưa, nay các nàng đều xấp xỉ ở ngưỡng «thất thập cổ lai hy» , nhưng vẫn xinh đẹp, vẫn yêu đời và nhất là tình bạn vẫn nồng nàn, thắm thiết như xưa. Phải chăng, nhờ ngành Sư phạm mà vẻ đẹp truyền thống của nền văn hóa Việt nam vẫn nở hoa trên xứ người !

Chính vì thế, như đầu bài viết, tôi có kể lể là tôi miễn cưỡng thi vào trường Sư phạm, thì nay tôi xin sửa sai để khẳng định : Nếu có kiếp sau, tôi lại cố gắng học để được thi vào ngành Sư phạm, được làm một cô giáo mẫu mực, dịu hiền, để trao hết tri thức và tình cảm yêu thương của mình cho thế hệ mai sau : gieo những nhân lành nhằm tạo quả ngọt cho đời.

Nguyễn Thị Hồng

Chuyện Nhỏ

Nguyễn

Tác giả tên thật Nguyễn văn Mẫn, Sư phạm Quy Nhơn khóa 13, vượt biển năm 1978, hiện định cư ở Úc. Gia đình : vợ, 2 con. Công việc : technician bên viễn thông. Đây là bài Viết Về Nước Mỹ thứ hai của ông. gồm nhiều câu chuyện nho được kể lại một cách linh hoạt. Mong tác giả tiếp tục.

* Anh Hùng

Vô phòng ăn, nhìn thì Á châu bảng tên T. Lang chỉ gật đầu chào, không biết dân gì ? K. D. Lang ca sĩ Canadian cùng họ ?

- Anh làm ở đây ? Tiếng Việt.

- Thấy tên, đang nghĩ em người gì ? Làm bộ phận nào?

- Dạ, bên cáp quang, bận không anh ?

- Cũng lu bù, qua đây ngồi, vừa ăn vừa nói chuyện. Em vô làm lâu chưa ? Ra đây làm xa không ?

- Hơn 10 năm, em ở X nhà gần trường trung học XYZ, sáng đi khoảng nửa tiếng.

- Chắc lúc trước học ở đó ?

- Dạ, hết lớp 12, học nghề, làm bên ngoài gần 6 năm, sau xin vô đây.

- Vậy là trước em học ở XYZ ? Nó gật đầu.

- Em biết vụ học sinh VN đánh lộn, phạt VN mà không phạt thằng Tây, bị cho kỳ thị, rùm beng cả trường không ?

Đưa ngón cái, chỉ vào ngực mình, mặt tự tin cười nói:

- Thằng VN bị phạt là em đó.

- Í trời, thiệt hả ? Gật đầu.

- Kể lại đầu dây mối nhợ đi.

Thằng bị đánh không phải Tây, Ả Rập. Lúc ăn trưa nó xả rác, em biểu về xứ mày mà cưỡi lạc đà, vô sa mạc tha hồ xả. Nó xô em. Chơi luôn, em bụp nó. Thầy giáo dẫn vô lớp, cho em hai roi vô tay (lúc đó chưa cấm đánh vô tay) . Đau thấu trời xanh, tay đỏ rần, cho hai đứa ra sân. Em hỏi sao không đánh thằng Ả Rập ?

- Tao là thầy muốn phạt ai phạt. - Thằng chả vua kỳ thị Á Châu, ai cũng ghét.

Em chạy về nhà mét ba, ông già dẫn em lên trường. Chả thấy cha con em tới, bỏ chạy lên văn phòng. Ba em rượt theo, thầy cô ra ngoài hết, đám đông bu đầy cửa.

- ĐM sao mày oánh con tao ? Ông vừa chửi tiếng V. vừa cung tay dọa đánh - Mặt thằng chả cắt không còn giọt máu. Bà hiệu trưởng vô, nói mọi người ngồi, em làm thông dịch. Em bị đánh, đưa tay bả coi. Bả hỏi đúng không ? Chả im lặng, kêu thằng Ả Rập, bắt kể lại, chả phải xin lỗi em, bả xin lỗi ba em, ba về. Hôm sau không thấy chả đến trường, stress leave, xin nghỉ làm.

- Có bị rắc rối gì không ?

- Dạ không, từ đó bọn Việt Nam trong trường coi em như anh hùng.

*Con chó của ông Mario

Hàng xóm, người Ý, về xứ 6 tuần, nhờ cho chó ăn, đưa ba em mấy lon thịt, tiền, mua đồ ăn, ông già lấy tiền mua bia nhậu, cho nó ăn đồ ăn dư trong nhà.

Đồ chó, ở VN tao đập củ sả vô đầu, không ăn đói ráng chịu. Cuối cùng cũng ăn.

Lúc ông Mario về trả chó lại. Ổng quay sang hỏi Luis sao không chịu ăn ?

- Không biết ! Cũng như ông, lâu lâu đổi món, tui cho nó ăn đồ Việt Nam

- Tao phải làm sao đây ?

Ba em đem chai nước mắm, nói xịt một tí vô là ok, nó thành chó VN rồi.

Ổng than quá trời, tụi em cười ra nước mắt. Hai ông tiếng Anh ba xí, ba tú, chiều rảnh là nhậu, nói cười ỏm tỏi...

* Anh Campuchia

- Xirie Lim hỏi thăm anh.

- Anh gặp nó ?

- Tui làm bên ngoài, gặp, quên tên tui song không bao giờ quên anh.

- Dữ vậy cha !

- Vì anh kêu ảnh là Pon Pot, làm ảnh ngũ không được.

- Anh nghĩ coi, gia đình ai cũng bị giết chỉ còn lại mẹ và tôi, anh đưa bàn tay mất ngón út và chỉ vào bụng còn những vết thẹo do Polpot gây ra, vậy mà M. Lê kêu tôi là Pon Pot, Xirie nói.

- Chắc vô tình chọc thôi. Tôi đỡ.

- Chuyện này tôi còn nhớ.

- Tôi tìm ông nảy giờ ! M. Lê nói.

- Có gì không ? Tui ở trên lầu có chút việc.

- ĐM. Thằng Pon Pot, hỏi nó 1 câu, chỉ cần trả lời yes hay no mà nó moral tôi gần 20 phút, anh vừa nói vừa chỉ Xirie. Dù gì anh cũng lớn tuổi và từng là sĩ quan, bị lên mặt dạy đời nên dễ giận.

- Lần tới chờ tôi, hay lên loa gọi.

- Ai mà biết, nó cà chớn vậy.

* Chưa lành

Nhóm trẻ mồ côi tị nạn Campuchia, đến từ biên giới Thái.

Các em phần đông 12, 13 tuổi, đen đủi, ốm yếu. Chiều cơm nước xong, em nào cũng dấu bánh mì, đem nhét dưới nệm, mới yên tâm ngủ. Chuyên viên tâm lý phải mất nhiều tháng giúp các em vượt qua.

VN cũng không khá.

Tôi gặp anh bộ đội, hôm học lớp thể dục dưỡng sinh, nghe nói mỗi lần giông tố, mưa bão, anh mặc áo mưa, đeo ba lô, tay cầm gậy, chạy ra sau nhà chỉ lên trời la hét. Mảnh bom đạn còn trong người. (P. T. S. D.) hội chứng gì đó, chả hiểu !

Anh không chịu chữa trị vì theo anh, bác sĩ Việt là BS quân y ngụy, anh sợ. Vợ con, nhân viên xã hội, năn nỉ khuyên nhủ, nhiều lần anh mới xiêu lòng.

*Mẫu số chung

Vợ đang chữa trị chứng trầm cảm sau khi sinh (P. N. D.) kêu chồng vô, chỉ cách giúp vợ. Nhìn vợ chồng như đôi đũa lệch, vợ trắng trẻo cao ráo, chồng ngược lại, Anh đến tay cầm khúc cây.

- Ở nhà bả đánh em bằng khúc cây này đó cô.

- Thiệt vậy ? Cô vợ nhảy dựng lên.

- Thằng lùn nói em đẻ như gà, đụng đầu giường là có em bé.

Chuyện này nghe lạ.

- Anh bây giờ chịu khó, sau này có con đứa Bác sĩ, luật sư, nha sĩ... Ngồi nhà đếm tiền.

- Chạy gạo, dạy dỗ cực muốn chết, ông nói dễ như ăn bánh.

- Nghe tụi nhỏ học khá lắm.

- Con gái tui thì khỏi lo, nhẹ như lông hồng, còn mấy thằng, theo dõi, chỉ vẽ từng ly từng tí, mà cũng không khá, nặng như chì.

- Chắc có genes của má ?

- ĐM, ông lúc nào cũng nói kiểu đó, mình tui dạy thí mẹ, bả có làm gì đâu !

Biết lỗi tôi im ru...

- Bao giờ anh đi Thăm bà già ? - anh còn Mẹ già bên Pháp, số là ba anh xưa đi lính cho Tây. Sau 75 gia đình được qua bên ấy, anh kẹt lại vì ở tù, vượt biên qua đây.

- Tháng 7, bên Tây trời ấm.

- Anh sướng thiệt, con đông, một đầu lương, lâu lâu đi Tây chơi.

- Dễ mà, nói bả đẻ thêm vài đứa nữa, rồi đi chơi như tui.

- Làm rồi mà không kết quả !

- Thôi đi cha.

- Thì tui làm như anh nói, về nhà đụng đầu giường, mà có chửa đẻ gì đâu !

* Chơi cha

Sau này con anh đều thành công, con út đang học Y. đứa nhãn khoa (optometrist) , kế toán, thầy giáo... thằng làm cảnh sát dù có bằng kỹ sư, cả nhà phản đối, nó dọn ra...

Đang trên H'way, thấy xe cảnh sát chớp đèn, tấp vô lề, có chuyện rồi, quây kiếng xuống, chuẩn bị bằng lái !

- Ba hả ba ? Khỏe không ba ? Hahaaa

- ĐM kêu tao vô, có chuyện gì không mày ?

- Lâu quá không gặp ba con nhớ.

- Tao không cần mày thương mầy nhớ. Về nhà gặp tao, chết mẹ mày. Giờ tao đi được chưa ?

Tới mức này mà nó vẫn còn chơi tui. Anh kể.

- Bà ơi, ra tui nhờ tí, coi dùm đèn sau xe có cái nào hư không ?

- Không, đèn nào cũng sáng, sao anh hỏi !

- ĐM thằng cảnh sát trời đánh con bà đó.

Chắc má nó phone chửi, cuối tuần không thấy mò về kiếm ăn.

Nguyễn

Tiếng Đàn Trưng Và Cô Gái Hà Nội

Phùng Annie Kim

Với 14 bài viết trong năm, trong đó có bài «Chú Lính Mỹ» tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Bà là một nhà giáo, định cư tại Mỹ theo diện HO năm 1991, hiện là cư dân Westminster, California. Sau đây là bài viết mới nhất của bà.

Năm một chín chín mốt, trước khi qua Mỹ theo diện HO, tôi chiều ý theo ông bà cụ làm một chuyến Bắc du.

Theo lời dỗ ngọt của bố mẹ tôi, những người nặng lòng với quê làng Đào xá, Hà Tây, tôi phải về quê một chuyến để biết làng quê nơi có mồ mả các cụ, có nhà thờ hai họ nội ngoại, để biết mặt và chào tạm biệt các chú, các bác, các cậu, các dì còn sống, để thăm nơi bố tôi ngày xưa chăn trâu, cắt cỏ trên những cánh đồng của ông anh rể làm chánh tổng đã từng nọc đòn và phơi nắng bố tôi vì cái tội ham chơi để trâu bị đói. Bố tha thiết bảo tôi nên về quê để thấy nơi chôn nhau cắt rún của bố mẹ, để biết căn nhà lá gần đình làng của bà mụ vườn, tuổi gần chín mươi, nơi ông anh cả tôi sinh ra được hai tháng đã theo bố mẹ vào Nam, về để noi gương làm các việc từ thiện bố mẹ đang làm cho làng và để thương cái

nghèo khổ, thiếu thốn và bất hạnh của những bà con ruột thịt còn kẹt lại miền Bắc sau một chín năm tư.

Tôi đã mất một quê hương, lại sắp sửa rời bỏ nó để chọn cho mình một quê hương thứ hai, nước Mỹ. Những hạt giống tình cảm quê hương bố mẹ gieo trong lòng tôi trong chuyến đi này chẳng làm cho lòng tôi xôn xao, náo nức. Tôi tự nhủ ngoài tình gia đình nội ngoại, cũng nên về một chuyến để biết thủ đô «ngàn năm văn vật» , để xem phong cảnh, để «thăm dân cho biết sự tình» , để bố mẹ vui và biết đâu để «còn một chút gì để nhớ để thương» . (1)

Tôi sinh ra trong miền Nam, gốc bố mẹ là người Bắc, lấy chồng và làm dâu người Bắc, nói được tiếng Bắc nhưng tôi thích nói tiếng Sài gòn. Khi về Hà nội tiếp xúc với bà con, tôi có dịp nói tiếng Bắc. Tôi có nhiều kỷ niệm với gia đình chị Cầm nhất là với cô bé Ngọc Hân con gái chị Cầm, một cô bé thông minh, xinh đẹp, dạn dĩ, có cái tên quý phái của nàng công chúa triều Lê: Lê Ngọc Hân

Tôi theo bố mẹ đến thăm căn nhà số bốn đường Thành, bên kia đường là chợ Hàng Da. Năm một chín bốn tám, sau chuyến buôn bán bên Lào, bố tôi trở về Hà nội mua căn nhà này cho gia đình chú Ba. Bố kể căn nhà sau này trở thành một hộ tập thể chia ra bốn

gian cho bốn gia đình. Gian mặt tiền ngăn đôi. Chú Ba nghiện thuốc phiện. Nửa căn, thím Ba mở cửa hàng bán cháo lòng, dài rộng chỉ hơn hai mươi mét, cơi thêm cái gác gỗ đủ tiêu chuẩn cho gia đình sáu người, còn nửa kia chú bán cho một hộ khác là bác Thái, người cùng làng để lấy tiền mua thuốc hút.

Chính giữa hai gian nhà là một lối đi hẹp chỉ vừa đủ cho một chiếc xe đạp và lầy lội vào những ngày mưa. Người đi xe dắt bộ, vừa đi vừa phải nghiêng người mới lách được vào trong. Phía sau là một khoảng sân nước ướt át, khá rộng, là nơi tắm, giặt, bếp nấu của bốn hộ tổng cộng gần hai chục mạng người già, trẻ, lớn, bé sinh hoạt ì xèo suốt ngày. Chưa kể chung quanh sàn nước bừa bộn nào là nồi, chảo, chén bát dơ, chậu nhựa, quần áo, bếp lò... Khách vào nhà cứ từ từ tìm chỗ trống mà bước.

Nhà cửa, đời sống dân tình của người Hà nội sau bảy lăm nghèo nàn, khốn khó. Nhiều người Hà nội nhanh chân vào Nam sớm, nhìn thấy đời sống của người Sài gòn sau chiến tranh sung túc và văn minh, nhà cửa rộng rãi thoải mái ngay cả những gia đình nghèo. Họ ngạc nhiên, lạ lẫm từ cái đồng hồ, phin pha cà phê, cái bàn cầu, «con» lạp xưởng, kẹo cao su... Thời đó, người Sài gòn có câu vè sáu chữ «v» : «Vào, vội vã, vơ vét, về» .

Có những người nhờ sự giúp đỡ của bà con khá giả còn ở lại miền Nam, «tàn dư của Mỹ Ngụy» và «núm ruột ngàn dặm» , đời sống của họ sau này đổi đời, lên hương thấy rõ.

Tôi đứng ở sàn nước nhìn lên gác tìm nhà chị Cầm. Hai bên là hai chiếc cầu thang bằng xi măng dẫn lên trên là hai gian gác xép ngăn đôi, chu vi mỗi gian khoảng hơn hai mươi mét. Đây là chỗ ăn, ở, học hành, tiếp khách của hai hộ gồm tám người đều là cháu gọi ba tôi và chú Ba là cậu ruột. Cách mạng về thành, nhà cửa ở Hà nội hiếm, quy hoạch tính theo mét vuông trên đầu người. Nhà rộng quá tiêu chuẩn quy định sẽ bị nhà nước quản lý hay phân phối cho các gia đình khác. Chú Ba mất, thím Ba và em Hùng, con trai cả quyết định cho gia đình chị Cầm và chị Quy về ở hai căn gác trên phía sau để giữ nhà. Dù sao chị em cô cậu ruột ở chung hộ tập thể vẫn hơn ở chung với người ngoài.

Bố kể xa quê hơn ba mươi năm, lần đầu tiên về Hà nội, thấy các cháu về ở quây quần trong căn nhà cũ, bố tôi cảm động rơi nước mắt.

Tôi leo lên các bậc thang xi măng trơn trượt đã thấy một bé gái khoảng hơn mười tuổi, xinh xắn, khuôn mặt trái xoan, nước da trắng bóc, hai má hồng hồng, ló đầu ra đón tôi ở cửa, tôi đoán ngay là bé Ngọc Hân con gái

chị Cầm :

- Cô ơi, cô đi cẩn thận kẻo ngã. Mẹ cháu bảo hôm nay có ông Bà Đoan và cô Oanh ở Sài gòn ra chơi. Cháu thấy cô và ông bà ngồi ở nhà bà Ba. Cô ngồi đây để cháu chạy sang bên kia đường gọi mẹ cháu về nhá.

- Thế mẹ cháu làm gì bên kia đường ?

- A, cô không biết à. Mẹ cháu bán nem chạo ở chợ Hàng Da.

- Này, cho cô hỏi tí. Cô muốn đi... Cháu gọi là đi giải, trong Nam cô gọi là đi tiểu. Cháu chỉ cho cô cái chỗ nào cho cô đi... nhé

Con bé chưa hiểu ý cô, cười lộ hai má lúm đồng tiền :

- Các hộ ở đây không nhà nào có hố xí cô ạ. Chúng cháu đi tất sang bên kia chợ Hàng Da. Bên ấy có nhà xí tập thể.

Tôi nghe mà giật mình. Ở tập thể, sinh hoạt tập thể, nhu cầu vệ sinh của hai chục con người trong cái nhà này cũng tập thể. Mà phải bước qua bên kia đường chợ Hàng Da ?

Thấy đôi mắt ngơ ngác của bé Hân, tôi xoa đầu Hân giải thích :

- Không, cô hỏi nếu nhỡ ra cô buồn đi giải, ở nhà cháu cô phải đi ở đâu ? Không có hố xí thì ngồi dưới cống ở sàn nước kia à ?

Con bé cười ngặt nghẽo :

- Ai lại đi thế. Chúng cháu cứ đi vào cái bô này rồi đổ xuống ống cống dưới kia. Ban ngày ban đêm cũng đi thế cô ạ.

Tự nhiên tôi nghĩ đến cái cảnh bất ngờ nửa đêm bị Tào Tháo đuổi, bật cười nhìn vào đôi mắt long lanh của bé Hân, tôi giả vờ ôm bụng, nhăn mặt, hỏi thêm :

- Ban đêm, lỡ ra cô đau bụng... khẩn trương phải đi ngoài thì làm sao ? Thế cháu có khi nào phải đi... khẩn trương như thế này không ?

Con bé nghiêng đầu như nhớ lại chuyện gì. Nó cười chúm chím :

- Cháu thì không nhưng anh Chiến mấy lần tháo dạ ban đêm phải đi ngoài vào cái bao nhựa. Eo ôi, sáng sớm, mẹ cháu phải đổ ngay, sợ đi ngang cửa hàng bà Ba thối um, bà chửi cả nhà. Sáng ra bà chưa mở hàng

bà kiêng cô ạ. Bà hay chửi lắm.

Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên, con bé cố gắng giải thích và lan man kể chuyện :

- Lâu lắm rồi bốn hộ dự tính làm hố xí chung nhưng tốn khối tiền. Không ai chịu bỏ tiền cô ạ. Bố mẹ cháu nghèo lấy tiền đâu. Cứ họp hành xin phép tổ dân phố mãi. Cuối cùng là vào... chợ Hàng Da. Bất tiện lắm nhưng biết làm thế nào. Chúng cháu quen rồi. Mẹ bảo cô sắp đi Mỹ hả cô ?. Cô ơi, mẹ bảo bên Mỹ ấy, cái cầu tiêu giật một phát, nước và cứt trôi cả xuống cống giống như trong Sài gòn. Đúng thế không cô ? Móng tay con gái Sài gòn dài màu đỏ như máu trông khiếp lắm. Cháu thấy cậu Trung vào Sài gòn mang về lắm quà của ông bà cho. Cậu cho cháu xem «cái nồi ngồi trên cái cốc» , có cái nước màu đen đắng ơi là đắng mà lại có mùi thơm thơm.

Tôi gật đầu. Tội nghiệp con bé ngây thơ, xinh xắn và dễ thương này, nó láu táu kể chuyện nhưng vẫn tinh ý nhìn cái mặt không lấy gì làm thoải mái của tôi và bảo :

- Hay cô đi giải vào bô. Cô ngồi ở góc kia. Xong cháu đổ cho cô.

Tôi lắc đầu :

- Hay là thế này cô ạ, cháu đưa cô sang chợ Hàng Da là tiện nhất. Cô gặp mẹ cháu bên ấy. Giờ này trưa rồi chắc mẹ cháu sắp về. Đi nhanh cô nhé không cô lại vãi cả ra quần.

Hai cô cháu cùng lăn ra cười. Đúng như Hân nói, tôi đang nín thở, cũng muốn cười... «vãi cả ra quần» vì ngôn ngữ Bắc kỳ dễ thương và cái miệng nhanh nhẩu của Hân. Bây giờ tôi mới để ý đến hàm răng đều đặn như hạt bắp. Hân xinh đẹp từ nét mặt, làn da, mái tóc, nụ cười. Rồi xem, cô bé này hứa hẹn sẽ là một người đẹp Hà nội sáng giá đây.

Tôi gật đầu :

- Ừ, cô cháu mình đi. Cô muốn biết chợ Hàng Da. Cô ra Hà nội lần này học mẹ cháu món nem chạo. Sang Mỹ cô mở quán ăn Việt Nam có món nem chạo của mẹ cháu. Cô nghe các cô chú nói món nem chạo mẹ cháu làm ngon nổi tiếng chợ Hàng Da.

Nó hớn hở, tay xách giỏ, tay nắm tay dẫn tôi đi từng bước xuống cầu thang, vừa đi vừa kể chuyện liên tu bất tận về cách làm món nem chạo, về chuyện gia đình, chuyện đi Mỹ...

- Mẹ cháu đắt hàng lắm cô ạ. Có khi cháu và anh Chiến phải thức khuya phụ mẹ mới làm kịp giao hàng. Bố cháu chỉ mê nhạc và đánh đề. Mẹ cháu làm suốt. Cô ơi, cô sang Mỹ cô sướng lắm. Mẹ cháu bảo thế. Mẹ bảo cô Vy và cô Liên sang Canada không bằng cô Oanh sang Mỹ. Trong sách dạy chúng cháÂu Mỹ là «đế quốc» cô ạ. Chúng cháu phải biết căm thù «đế quốc» . Cháu chẳng hiểu «đế quốc» là gì ? Bố mẹ bảo ông bà Đoan giàu nhờ vào «đế quốc» . Ông bà lấy tiền của «đế quốc» về cho họ hàng, giúp làng Đào Xá. Mẹ bảo ông ngoại cháu là địa chủ nên các cậu Khải, cậu Trung, cô Quy không được vào đại học. Cháu muốn vào đại học phải học vượt hơn các bạn. Đúng không cô ?

Tôi trả lời ậm à ậm ừ cho qua các câu hỏi của Ngọc Hân.» Đi hỏi già về nhà hỏi trẻ» . Ý định của tôi trong chuyến đi Bắc du «thăm dân cho biết sự tình» , đâu cần tìm đâu xa, chỉ cần nghe những câu chuyện vô tư và hồn nhiên của bé Hân cũng biết được nhiều chuyện về Hà nội sau bảy lăm.

Sang bên kia đường, từ xa, chị Cầm đã thấy tôi và bé Hân, chị cười thật tươi, vẫy tay lia lịa. Đây là lần đầu tiên tôi gặp chị. Cái cằm có góc cạnh vuông vuông trông chị hao hao giống bác gái. Đôi mắt tinh anh làm cho mặt chị sáng hẳn lên và có sự mạnh mẽ của người

đàn bà quen chịu đựng gian khổ. Chị lam lũ trong chiếc áo len xám đã sờn vai và chiếc quần đen cũ kỹ thật là tội nghiệp. Vừa gặp mẹ, Hân đã nhanh nhảu :

- Mẹ ơi, cô Oanh muốn đi giải mẹ ạ. Mẹ đưa cô đi ngay. Cô buồn đi lắm rồi.

Chị nắm tay tôi, chép miệng, thở dài xuýt xoa :

- Giời ơi, bao nhiêu năm chị em xa cách, cô em tôi ra Hà nội thăm anh chị và các cháu lại phải đi cái nhà xí tập thể này. Đấy, em ra Hà nội mới thấy tận mắt các anh chị sống khổ như thế. Gia đình anh chị, cô Quy, chú Hùng bao nhiêu năm vẫn... như thế. Em theo chị. Đi lối này. Gần đây thôi.

Chị dặn bé Hân xem chừng cái thúng nem đã bán hết chị đậy bằng chiếc nón lá cũ rồi tất tả dẫn tôi vào trong chợ. Càng đến gần, một mùi hôi thối bốc lên từ xa khiến tôi chùn bước, phải lấy tay bịt mũi. Thế mà bao nhiêu con người đàn ông, đàn bà, trẻ con ngày này qua ngày nọ, cả ngày lẫn đêm, họ buôn bán, sinh sống chung quanh cái khu nhà xí này. Khứu giác của họ quen quá rồi cái mùi của cứt, đái từ tứ phương đổ về đây nên không còn phân biệt các mùi khác của mắm, muối, hành, tỏi, cá, thịt, thức ăn, trái cây, mồ hôi đã bị át đi trong ngôi chợ. Vì thế họ bình thản, tỏ ra không quan

tâm đến cái mùi khủng khiếp của các chất thải từ nhu cầu tự nhiên và cần thiết này của con người.

Chiếc cửa mở. Một người bước ra. Chị Cầm nhìn tôi ái ngại. Tôi lấy hết can đảm định bước vào. Thấy tôi đứng lại, tỏ vẻ tần ngần muốn quay ngược trở ra, chị đến gần nhìn vào cái bàn cầu. Chị đến hồ nước gần đó có cái vòi đang chảy, múc một thùng nước thật đầy tạt mạnh vào bàn cầu và nói nhỏ :

- Chị dội sạch rồ. Em vào đi. Chị chờ ngoài này.

Tôi nín thở. Tôi tự nhủ, thôi, cứ phải thở bình thường. Nín thở bao nhiêu rồi lại phải hít vào bấy nhiêu chứ nó có bay đi đâu. Phải chi có vài giọt dầu gió, một miếng vỏ quýt hay một lá trầu để tôi chà sát, đánh lừa cái lỗ mũi này.

Vài phút sau tôi bước ra cảm thấy nhẹ người. Chị Cầm vẫn đứng chờ. Tôi theo chị, đi được vài bước nhìn thấy một bà cụ ngồi trước một thúng bún trắng phau cách cầu tiêu không xa. Cái màu trắng phau thanh khiết, nõn nà của từng sợi bún quấn với nhau thành từng vắt to như lòng bàn tay, xếp chung quanh những tàu lá chuối xanh trong khi cái mùi thối khủng khiếp của cứt, đái vẫn còn bao quanh lỗ mũi làm tôi lợm giọng. Nếu nhìn lâu chút nữa có thể tôi phải nôn ọe trước khi băng qua

đường về nhà chị Cầm.

Vào đến nhà chị Cầm, tôi vẫn chưa hoàn hồn. Hình ảnh thúng bún trắng của bà cụ già bán bên cạnh cầu tiêu chợ Hàng Da ám ảnh tôi mãi. Con bé cứ quấn lấy tôi, nài nỉ cô ở chơi tí nữa chờ bố Vinh cháu đi làm về. Trên căn gác nhỏ, tôi nhìn hai bàn tay thoăn thoắt bào những miếng da heo thành từng sợi nhỏ để làm món nem chạo chuẩn bị phiên chợ sáng mai. Tôi nghe chị thủ thỉ về cảnh nghèo, về ông chồng lương ba cọc ba đồng, có máu bài bạc, ham chơi, mê đàn «ắc- cọt- đê-ông» . Chị chỉ vui khi nhắc đến bé Hân đứa con gái xinh đẹp, ngoan ngoãn, thông minh, niềm an ủi, cái phúc trời ban cho gia đình chị. Chị bảo không biết trong tương lai, nhan sắc ấy có giúp cho cháu làm nên danh phận gì không ?

- Nhà nghèo, sao chị lấy tên công chúa vừa sang vừa đẹp đặt cho con gái thế hả chị ?

Bé Hân líu lo bên cạnh tôi :

Bố Vinh cháu họ Lê. Tên cháu là tên của công chúa Lê ngọc Hân con gái vua Lê Hiển Tông. Cháu đọc trong sử vua gả công chúa cho Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ là ông vua đánh giặc Tàu phù.

Chị Cầm giọng trầm hẳn xuống :

- Em ạ, vì nghèo nên tất cả mơ ước của chị trong đời không thực hiện được, chị đặt cả vào tên đẹp cho con. Cậu Trung dạo này nghiên cứu tử vi bảo rằng số cái Hân sau này lấy chồng nước ngoài em ạ. Em bảo nghèo thế, biết ai, quen ai ở nước ngoài. Chị chỉ mong cháu lấy chồng tử tế và đừng vất vả như chị.

Tôi ngắm bé Hân, hỏi Hân cháu đang mơ ước gì. Hân nghiêng đầu làm dáng :

- Cháu mơ nhiều lắm. Cháu mơ được như chị Bí Bầu con bà Thái, cạnh nhà bà Ba lấy chồng người Tiệp đẹp giai và giàu lắm cô ạ. Cháu mơ được vào Sài gòn thăm ông bà và các cô chú. Cháu mơ trúng số đề để bố cháu sửa nhà, xây cái phòng tắm và cái hố xí cho nhà cháu dùng. Cháu mơ có cái ti- vi không phải xuống nhà bà Ba xem nhờ. Cháu mơ mẹ cháu đừng phải đi bán nem chạo ở chợ Hàng Da. Cháu mơ anh Chiến lớn lên được đi lao động nước ngoài mang về bao nhiêu là quà. Cháu mơ...

- Thế cháu không mơ lớn lên cháu sẽ học ngành gì, làm nghề gì à ?

- Có chứ. Ông ngoại cháu là thành phần địa chủ, cháu phải học thật giỏi mới được vào đại học cô ạ. Cháu thích học nhạc, học đàn. Cháu thích nghe bố Vinh chơi đàn «ắc- cọt đê- ông» . Cháu thích được đi học nhạc ở nước ngoài như chú Trịnh em bố cháu.

Tôi đặt vào bàn tay bé nhỏ của Ngọc Hân một số tiền. Con bé nhìn mẹ như ngầm hỏi có cho phép nó nhận. Mẹ nó bảo cô cho, con nhận đi. Nó khoanh tay cám ơn «Con xin cô» .

Tôi về Sài gòn, «còn một chút gì để nhớ để thương» về Hà nội là hình ảnh bé Hân dắt tay tôi qua chợ Hàng Da, về chị Cầm tạt thùng nước vào bàn cầu, về thúng bún trắng của bà cụ già ngồi cạnh cầu tiêu, những câu chuyện kể và những ước mơ của bé Hân làm cho chuyến đi Hà nội «thăm dân cho biết sự tình» của tôi tuy chỉ là «cưỡi ngựa xem hoa» nhưng không nhẹ lòng như tôi tưởng.

Hai tháng sau tôi lên đường qua Mỹ.

Lần thứ hai tôi về Hà nội là một chuyến «Famtrip» năm 2001 của hãng China Airlines nối tuyến tại Taipei với Việt nam Airlines tổ chức miễn phí vé và tour cho năm mươi đại lý bán vé máy bay được đi chơi để «marketing» , giới thiệu đường bay phối hợp của

hai hãng lúc đó còn mới lạ với cộng đồng người Việt. Chuyến đi ghé Hà nội ba ngày trước khi vào Sài gòn. Đây là một chuyến du lịch sang trọng, chu đáo đúng nghĩa dành cho dân chuyên làm nghề du lịch «ăn ngon, mặc đẹp, ở sang» .

Theo chương trình có một tour nội địa cho bà con đi chơi thủ đô nhưng khi nhắc đến đi «thăm lăng bác» , bà con đều từ chối. Đa số những người tham dự trong chuyến đi là người Hoa, họ không quan tâm đến các di tích lịch sử ở Hà nội. Họ là dân chơi của ngành du lịch quốc tế nên khi đến thủ đô, họ cùng bảo nhau «Hà nội có gì mà xem» . Thế là cả đoàn rã đám, mạnh ai nấy đi chơi riêng lẻ, chỉ tập trung vào giờ ăn và nghỉ ngơi ở khách sạn Sofitel.

Tôi gọi chú em Hùng đến khách sạn đón và chở tôi đi thăm một vòng bà con Hà nội. Tôi ghé «cháo bà Ba» ăn món cháo lòng nổi tiếng ở Đường Thành và lên gác nhà chị Cầm chơi với anh chị và cháu Hân suốt buổi tối.

Hân bây giờ không còn là cô bé con nữa mà là một cô thiếu nữ Hà nội mảnh mai, đẹp mặn mà, duyên dáng, học viên của học viện Quốc gia m nhạc Việt nam sắp ra trường. Vẫn là căn gác nhỏ của mười năm trước, lần này tôi thấy trong góc nhà có một vật lạ trông giống như cây đàn làm bằng các ống tre, một đầu nhọn, một đầu

có mấu, mặt sau khoét rỗng, treo thành ba hàng, xếp xen kẽ nhau, thanh ngắn trên cao, thanh dài dưới thấp, nối nhau bằng những sợi dây có gút thắt, kê trên một cái chân đế cũng bằng tre hình cong như chiếc võng. Cây đàn này tôi thấy quen quen.

Hân gặp, ôm tôi mừng ríu rít, hỏi thăm đủ chuyện và nói liên tu bất tận như cô bé Hân ngày nào :

- Đàn Trưng đấy cô ạ. Năm nay là năm cuối cháu ra trường. Không đọc là «trưng» . Cô phải đọc là Tờ - rưng vì là đàn của dân tộc Tây nguyên. Cô muốn nghe cháu đàn không ? Cô thích nhạc gì ? Nhạc Việt nam hay nước ngoài ?

Từ nãy giờ tôi chỉ thắc mắc sao Hân chọn học và chơi loại nhạc cụ này. Nó có tâm hồn văn nghệ giống bố Vinh. Sao không học các loại nhạc cụ khác lại chọn học loại nhạc cụ Tây nguyên ít phổ biến. Con nhà nghèo phải thực tế, tìm học ngành gì kiếm tiền giúp bố mẹ, ai lại đi học đàn Tây nguyên. Tôi hỏi Hân :

- Mười năm về trước, cô nhớ cháu nói với cô cháu thích ra nước ngoài học nhạc. Cháu học đàn này làm sao ra nước ngoài. Tại sao cháu chọn loại nhạc cụ này ?

- Cháu thích âm thanh của nó nghe như tiếng suối róc rách, tiếng gió thoảng xào xạc thú vị lắm. Loại nhạc cụ này độc đáo nên học viện có chương trình sẽ cho đoàn đi biểu diễn giao lưu với các đoàn ở nước ngoài cô ạ. Cháu chơi bài «Nụ cười sơn cước» của Tô Hải cô nghe nhé. Bài nhạc này kể về mối tình chia ly của một anh chàng thanh niên đi kháng chiến với một cô sơn nữ người Mường ở tỉnh Hòa Bình.

Hân đứng yên lặng trước cây đàn, tay cầm hai cây gõ lướt trên giàn tre. Những âm thanh lóc cóc của những thanh tre được được cắt thành những thanh dài cho âm thanh thấp, thanh ngắn cho âm thanh cao, khi gõ vào tạo thành những nốt nhạc đô- rê- mi- fa- sol- la- si đô... trong âm nhạc Tây phương.

«Tôi nhớ mãi một chiều xuân /chia phôi/ mây mờ/ buông xuống/ núi đồi/ và trong lòng mưa hơn cả ngoài trời» ... Có những lúc Hân gõ, khi thì nhẹ nhàng khi thì mạnh mẽ, khi liên tục, khi ngắt quãng, khi chậm, khi nhanh để diễn tả tình cảm hay hình ảnh cô gái miền sơn cước : «Hình dung/ một chiếc/ thắt lưng xanh/ một chiếc khăn/ màu trắng trăng/một chiếc vòng sáng long lanh/ với nụ cười nàng quá xinh» . Cô gái có má lúm đồng tiền ấy, đứng trước cây đàn Trưng đang mỉm cười nhìn tôi.

Bài «Hành khúc Thổ Nhĩ Kỳ» (Turkish March) là một bản nhạc nổi tiếng của thiên tài Mozart sáng tác lúc ông mười tuổi. Nhạc khúc này quen thuộc với tôi vì đó là một trong những bài piano «tủ» làm tôi nhớ đến tiếng đàn piano của đứa con gái Phương Uyên ngày nào tập bài này vào những buổi chiều trước khi cô giáo đến. Với cây đàn Trưng, Hân đã đưa tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Cây đàn dân tộc truyền thống làm bằng vật liệu đơn sơ như tre nứa của dân tộc Tây Nguyên, dưới đôi tay tài hoa của người nghệ sĩ đã diễn tả được tiếng những bước chân ngựa dồn dập của đoàn kỵ binh Thổ Nhĩ Kỳ vào thế kỷ mười chín, phóng bốn vó lướt như gió cuốn trên đại lục Châu u.

Lần này tôi nhận lời ăn cơm tối với gia đình anh chị để nghe kể chuyện về Hân. Hân sắp lấy chồng. Đây là chuyện tình giữa một ông thầy giáo dạy Anh ngữ ở Hà nội và nghệ sĩ đàn Trưng, Ngọc Hân. John, tên người Mỹ, trong một buổi hòa nhạc tại Học viện Quốc gia về đàn Trưng đã ngưỡng mộ cây đàn và tìm đến, làm quen, tỏ tình và cuối cùng xin cưới cô hoa khôi của trường Nhạc. Họ sắp làm đám cưới tại Hà nội.

Trên đường về Mỹ, tôi nhớ lại kỷ niệm mười năm về trước về những ước mơ của cô bé tên Hân. Những ước mơ ấy đã thành sự thật. Bây giờ cô là cô gái xinh đẹp,

một nghệ sĩ tài năng và sắp lấy chồng Mỹ. Bà mẹ đã bỏ nghề bán nem chạo. Người anh trai đi học ở Đông Đức. Ông bố bỏ cờ bạc. Cây đàn Trưng nhiệm mầu đã chắp cánh cho ước mơ của cô gái bay xa. Ước mơ được sang Mỹ.

Thời gian trôi qua nhanh, thỉnh thoảng tôi gọi về hỏi thăm tin tức bên nhà được biết Hân sang Mỹ từ lâu, ở tiểu bang nào đó vùng Trung Tây. Các số phone chị Cầm cho tôi đều không liên lạc được. Tôi bận rộn nhiều với công việc và đời sống, hình ảnh Hân từ đó cũng chìm dần trong quên lãng.

Một buổi sáng, tôi bắt phone. Một cô gái giọng Bắc Hà nội hỏi tên tôi, tôi nhận ra giọng Hân. Hân đang ở Cali. Tôi mừng quá, chỉ đường cho Hân và mời Hân đến nhà chơi. Tính ra cũng gần mười năm cô cháu chưa gặp nhau. Mười năm trôi qua, Hân biệt tăm biệt tích ở xứ Mỹ. Giờ đây Hân xuất hiện ở tiểu bang nắng ấm này làm sao tôi không khỏi bồn chồn, nôn nao và mong ngóng được gặp ?

Hân vẫn còn đẹp, nét đẹp của người đàn bà phong trần, không còn cái vẻ tươi mát, thơ ngây thời còn trẻ, thoáng một chút buồn buồn, ưu tư trong đôi mắt, một chút dung tục, bỗ bã trong cách nói chuyện, một chút thô tháo, ngang tàng trong cử chỉ làm tôi hơi bất ngờ.

Hân thay đổi nhiều. Cái vô tư, hồn nhiên của cô bé Hân, cái vẻ đằm thắm, tươi trẻ, dịu dàng trong ánh mắt, nụ cười của cô sơn nữ người Mường bên cạnh chiếc đàn Trưng ngày nào không còn nữa thay vào đó là một người đàn bà tên Hân từng trải, lõi đời, nhìn con người và cuộc đời với cái nhìn sắc cạnh, thực dụng đầy ngao ngán và chán chường. Vẫn cái giọng nói láu táu, nhanh nhẩu Bắc kỳ và thích kể chuyện, hai cô cháu ngồi trong khu vườn nhỏ tâm sự. Mở đầu câu chuyện là chuyện gia đình Hân, về ông chồng Mỹ.

- Cháu ly dị lão John rồi cô ạ. Cháu có một đứa con trai hiện giờ đang ở với lão. Nghỉ hè, cháu cho về chơi với bố.

- Sao gọi là «lão» . Già đến thế cơ à ? Cô nghe các cô chú trong Nam kể chuyện ra Hà nội dự đám cưới Hân. Đám cưới linh đình lắm. Chú rể nghe nói kém bố vợ cả chục tuổi.

- Thì già rồi chứ còn gì. Lão kém bố cháu bảy tuổi. Lúc ấy cháu mới hăm hai, lão đã bốn mươi.

Tôi nhắc lại kỷ niệm xưa :

- Ngày ấy cô ra Hà nội ăn cơm tối với bố mẹ cháu, Hân kể cô nghe về mối tình thơ mộng và lãng mạn qua

tiếng đàn Trưng. Ông John mê tiếng đàn Trưng và yêu cả cô gái chơi đàn. Thế lúc ấy Hân không yêu ông ta à ? Không yêu sao lại lấy người ta ?

- Lúc ấy cháu mới ra trường, chưa yêu ai, có người đàn ông lớn tuổi, người nước ngoài, hiền lành, chiều chuộng, cháu phải lòng ngay và nghĩ là cháu yêu John. Sau này suy nghĩ cho kỹ, đó không phải là tình yêu cô ạ. Đó chỉ là lòng quý mến và kính trọng mà thôi. Cháu lấy ông John mục đích chỉ muốn đi nước ngoài, cháu muốn có một đám cưới to làm nở mày nở mặt cho bố mẹ cháu, cháu chỉ muốn đổi đời, có một cuộc sống mới, ra khỏi cái đời sống nghèo khổ, tù túng, chật hẹp của cái chợ Hàng Da và thành phố Hà nội. Ông John yêu cháu thật lòng cô ạ. Ông ấy là người đứng đắn chỉ phải cái tội già. Ly dị xong, cháu biết ông ấy khổ lắm.

- Mày có yêu đâu mà biết khổ ? Thế rồi sao, bây giờ Hân yêu ai, kể tiếp tập hai đi.

- Gớm, cô tinh thế, chưa gì đã đoán cháu có tập hai. Tập hai của cháu, biết nói thế nào cô nhỉ, nó... khốn nạn chứ không đẹp đẽ gì đâu. «Ma đưa lối, quỷ đưa đường» , cháu nghe lời rủ rê đi chơi Las Vegas với mấy đứa bạn. Gặp Tùng, cháu yêu ngay. Cái thằng chỉ được cái mã và cái mồm. Nó là tay bán giời không văn tự cô ạ. Nó bỏ vợ, cháu bỏ John, hai đưa làm đám cưới ở Las Vegas.

- Thế bây giờ làm nghề gì, có thêm đứa con nào không ? Cuộc sống có vất vả lắm không ? Mày sống ở Las Vegas cách đây vài tiếng đồng hồ mà bấy lâu nay tuyệt tích giang hồ không liên lạc gì với cô cả. Tai sao vậy ?

Hân trầm ngâm, chép miệng thở dài :

- Vất vả thì không vất vả lắm. Cô biết làm nghề chia bài ở Las Vegas kiếm được tiền, có ngày được nhiều tiền tip tha hồ du dương. Cô hỏi thì cháu cũng nói thật, cháu ở gần Cali mà không liên lạc với Cô vì cháu không muốn cho cô biết cháu ly dị ông chồng Mỹ, cháu làm nghề chia bài. Bỏ chồng theo giai, sang Mỹ làm nghề cờ bạc. Cháu xấu hổ lắm. Cháu dấu cả bố mẹ. Thỉnh thoảng cháu gửi tiền về giúp gia đình. Bố mẹ hỏi cháu làm nghề gì cháu nói dối làm nghề tóc. Cháu qua Mỹ tám năm rồi, thằng con trai năm nay bảy tuổi, cháu vẫn chưa nghĩ đến chuyện đưa con về Hà nội thăm ông bà ngoại. Cứ tưởng qua đây làm ông thánh ông tướng, cuối cùng cả vợ lẫn chồng đâm đầu vào bốn cái cửa tử : cơ, rô, chuồn, bích. Gần mực thì đen, gần bài thì xào, gần lao thì phóng. Đâm ra nghiện cô ạ. Để dành được tí nào thì máu lại bốc, lại chơi. Có khi được, khi thua. Cả vợ lẫn chồng đều chơi trò đu dây với đồng tiền. Cái nghề bài nó bạc thế đấy. Đồng tiền kiếm vào chẳng bao giờ ở lâu với mình.

- Làm nghề chia bài có gì xấu mà cháu phải dấu. Xứ Mỹ này chuyện ly dị như ăn cơm bữa. Chỉ sợ cháu có con, làm cái nghề bài bạc, sau này biết dạy dỗ con cái thế nào.

- Vì vậy lão đòi bắt nuôi thằng Jim. Cháu tính năm học tới, lão nuôi thằng Jim một thời gian, cháu về Cali học nghề tóc. Cháu nghe nói ở Cali có nhiều trường dạy nghề làm neo và làm tóc thi bằng tiếng Việt. Ước mơ của cháu là học nghề làm tóc. Cháu sẽ share một phòng. Cô quen ai có phòng trống cho thuê tìm hộ cháu. Lần này cháu quyết tâm bỏ nghề làm sòng bài. Cháu đã ly dị thằng chồng «cơm gạo» này. Sống với nó cháu què quặt suốt đời vì bài bạc. Bây giờ cô đã hiểu vì sao cháu gọi cho cô. Cháu muốn thay đổi chính bản thân mình. Cũng may cháu vẫn giữ số phone cũ của cô từ bao nhiêu năm nay. Cô giúp cháu nhé.

Tôi nhìn Hân, hồi tưởng cô gái lọ lem Hà nội ngày nào chân ướt chân ráo theo ông chồng già qua Mỹ. Cô chán cảnh sống làm vợ và làm mẹ an phận thủ thường ở một vùng quê khỉ ho cò gáy tại một tiểu bang lạnh xa xôi. Cô muốn bay nhảy, bon chen, tìm đến thành phố Las Vegas ăn chơi để thử thời vận và hưởng thụ cuộc sống vật chất đầy quyến rũ và hào nhoáng. Nào ngờ cô mắc vào bẫy tiền và bẫy tình của một tên ăn chơi phóng

đãng từng trải mùi đời. Cô sống đầy mặc cảm về bản thân, gia đình và việc làm. Có một lúc cô tỉnh ngộ, chán ngán muốn làm lại cuộc đời, muốn trở về với bản chất «chân quê» , tìm lại con người thực của mình.

Từ giã Hân, tôi hứa sẽ đọc báo tìm cho Hân một căn phòng, một trường dạy thẩm mỹ để Hân học nghề tóc và gia đình tôi sẽ là chỗ dựa tinh thần cho Hân. Tội nghiệp Hân. Ở xứ Mỹ này, Hân đâu có người bà con thân thuộc nào ngoài tôi. Tôi phải giúp con bé xóa bỏ mặc cảm, lấy lại niềm tự tin trong cuộc sống mới, vượt qua giai đoạn khó khăn này. Trước khi chia tay, tôi hỏi Hân về cây đàn Trưng ngày xưa, về tình trạng tài chánh của Hân sau khi ly dị, tôi được dịp nghe Hân kể tiếp câu chuyện :

- Hồi sang Mỹ, bố cháu tháo hết các thanh tre xếp vào thùng gửi cây đàn sang cho cháu. Lúc đầu mới sang, buồn quá cháu còn chơi đàn. Chơi chán cháu xếp bỏ vào trong garage. Sau này có con, cháu bận nuôi con, cháu quên mất cây đàn. Trước khi ly dị, cháu dọn dẹp thấy các thanh tre bị mối mọt ăn hết, cháu vất cả vào thùng rác. Cũng xong cô ạ. Số phận của cây đàn kết thúc cũng như cuộc đời cháu sắp bước vào khúc quanh mới. Khi ly dị, tài sản chia đôi, theo sự thỏa thuận của luật sư hai bên, cháu có một số tiền, ông John giữ lại

căn nhà. Còn cháu Jim khi thì ở với bố, khi ở với mẹ.

Tiễn Hân về rồi, tôi ngồi một mình trong vườn. Những kỷ niệm của mười, hai mươi năm về trước ở Hà nội như những lớp sóng dồn dập tràn về trong trí nhớ. Lòng bâng khuâng, tiếc và thương cho thân phận của cô công chúa lọ lem «chỉ tìm những chốn đoạn trường mà đi» . Tôi nghĩ đến ông John, đến mối tình đẹp và thơ mộng của ông với người vợ trẻ. Mối tình đó giống như mối tình của chàng trai thổ lộ tình cảm của mình với người sơn nữ trong đoạn cuối bài hát : «Nàng ơi/ tôi đã trút tơ lòng/ dệt mấy cung yêu thương/ gửi lòng trong trắng/ và mấy bông hoa rừng/ đời đời/ không tàn/ với khúc nhạc lòng tôi» .

Qua tiếng đàn Trưng, John đã gửi tình yêu chân thành và trong trắng của ông đến cô gái Hà nội. Ông hy vọng tình yêu ấy là «mấy cung yêu thương» , là «khúc nhạc lòng» của ông mãi mãi cất lên ở xứ Mỹ nhưng tiếng đàn đã tắt, cây đàn đã mục nát có khác gì tâm hồn ông cũng tan tác khi người chơi đàn đã bỏ ông ra đi.

Cuộc sống có nhiều thay đổi bất ngờ nào ai biết được. Biết đâu một ngày nào đó cô thợ làm tóc tên Hân sẽ trở về Hà nội cùng với một cậu con trai lai Mỹ. Hy vọng cô có đủ sự tự tin về bản thân để về lại căn gác xép ngày xưa thăm bố mẹ và tiếng đàn T rưng của cô lại cất

lên với một giai điệu mới, giai điệu của một người đã trưởng thành sau những năm tháng đánh mất bản thân mình.

Và biết đâu cô tìm được một tình yêu mới, một chàng thanh niên Hà nội yêu cô thật lòng chứ không phải vì muốn được cùng cô sang Mỹ.

Phùng Anne Kim

Chú thích

1 - Tên bài hát «Còn một chút gì để nhớ» (Thơ Vũ Hữu Định- Nhạc Phạm Duy)

Để Sống Đời Đáng Sống

Trương Tấn Thành

Tác giả là cư dân Lacey, Washington State, tốt nghiệp MA, ngành giáo dục năm 2000, từng là nhà giáo trong ban giảng huấn tại trường dạy người da đỏ và giảng viên tại Đại học cộng đồng SPSCC, Olympia, WA. Ông là một tác giả rất nhiệt thành đóng góp bài vở cho giải thưởng Viết Về Nước Mỹ và đã nhận giải thưởng danh dự Viết Về Nước Mỹ năm 2005 với bài viết mang tên «Bà Mẹ Hoa Kỳ» . Sau đây là bài mới với hình ảnh trong phim «Unbroken»

Như đã định, tôi bỏ ra ngày thứ sáu, sau ngày Giáng Sinh, để đi ra rạp xem cuốn phim mới trình chiếu «Unbroken» do nữ tài tử nổi tiếng Angelina Jolie đạo diễn.

Sỡ dĩ tôi chọn xem cuốn phim này vì nó dựa vào cuộc đời thật của một phi công trẻ bị bắt làm tù binh thời Mỹ Nhật còn chiến tranh.

Mới đây tôi có được xem lần phỏng vấn lão anh hùng này trên TV và thấy là Angela lấy làm tâm đắc với cuốn phim này lắm và kính mến ông cựu tù binh này như một người thân của mình. Mà tôi chắc là sau khi xem cuốn

phim ai cũng dành trọn mối cảm tình kính mến đối với ông như vậy. Riêng tôi, cuốn phim đã gây xúc động cho tôi nhiều lần vì tôi cũng đã từng bị lao tù khổ sai trong trại tù như ông nhiều năm sau 75 và đã nhiều lần vượt biển tìm Tự Do.

Vì bị chứng đi tiểu nhiều lần để khỏi phải làm phiền người ngồi xem kế cận và bị mất đi những đoạn trong phim, tôi phải «thủ» theo một cái vỏ chai nhựa để khi phải «làm cái chuyện chẳng đặng đừng» đó ! Và xin vô phép nói nhỏ là tôi đã sử dụng cái vỏ chai nhựa đó tại... tại chỗ rất nhiều lần trong khi xem phim đúng như tiên liệu !

Theo như nội dung phim thì tựa đề «Unbroken» xin được phỏng dịch là «Bất Khuất» , thì mình nghĩ chắc cũng không sai. Tên sĩ quan Nhựt trưởng trại tù tàn bạo, dã man đến cách mấy cũng đã không bẻ gãy được ý chí của ông trước sự kính phục của bạn đồng tù đối với ông và cả tên trưởng trại.

Ai có bị sống trong cảnh tù đày khổ sai mới thấy thương cảm với số phận người tù và khâm phục ý chí của một con người dũng cảm, «uy vũ bất năng khuất» này.

Ngay khi vào đầu phim, trong khi khuyến khích tập luyện cho em trai, là ông, trở thành một vô địch chạy điền kinh, người anh của ông đã có nói một câu nói đáng cho tôi ghi nhớ là «If you take it, you make it !» , xin tạm dịch là «Có gan lì thì việc sẽ thành» và sau đó thêm một lời nhắn nhủ vàng ngọc khác nữa cho ông là: «A moment of pain's worth a lifetime of glory» , xin được dịch thoát là : «Chịu nằm gai nếm mật thì sẽ có ngày cả đời được vinh quang.»

Cuốn phim được dàn dựng chu đáo, sống thực từng chi tiết, các tài tử diễn xuất vượt trội, của đạo diễn lột tả được cá tính và con người của từng nhân vật trong phim. Phải nói là khó có chỗ nào chê được.

Xem phim mà tôi bỗng chạnh lòng nhớ tới những năm tháng trong trại tù khổ sai và những lần vượt biển tìm cái sống trong cái chết khiến tôi thấy thật là bồi hồi, nhiều lần không kềm được xúc động.

Đối với riêng tôi, cuốn phim và cuộc đời của người anh hùng bất khuất này đã tạo được trong tôi niềm hãnh diện là mình đang được sống trong Tự Do vì tôi đã chịu đánh đổi nhiều năm gian khổ, mất đi cả tuổi xuân và đã nhiều lần liều chết để tìm một cuộc đời đáng sống cho mình.

Dù chưa phải chịu lênh đênh trên biển cả hơn bốn mươi ngày như ông nhưng tôi cũng đã hơn sáu lần vượt biển để bị bắt lại nhiều lần và gần mười năm bị tù đày nơi địa ngục trần gian trước khi đến được bến bờ Tự Do. Đã có lần tôi tưởng đã mất mạng khi chiếc tàu đánh cá vượt biển ọp ẹp bị bão đánh dồn dập cả đêm sau đó bị trôi dạt vào đảo Phú Quốc rồi bị nhốt trong nhà giam trên đảo hơn nửa tháng để rồi sau đó bị chở về Rạch Giá làm lao động khổ sai hơn một năm.

Dù chưa bị khổ hình và hành hạ tàn ác về thể xác như ông nhưng tôi phải chịu nhiều hình thức hành hạ về cả thể xác lẫn tinh thần trong mười năm mà sự sống còn của tôi cho đến ngày hôm nay là cả một Ơn Phước thật lớn của Bề Trên.

Cảnh người tù phải xúc than, mang than đá trong giỏ sau lưng lên xuống cầu thang xà lan đi làm khổ dịch trong trại tù khổ sai làm tôi nhớ ngay tới cảnh tôi bị đội thúng đan bằng tre chuyền cát liên tục, hết xuống rồi lại đi lên lấy cát trên chiếc ghe chài lớn chở cát cho một công trình xây dựng của bọn chính quyền địa phương ở trại lao động khổ sai Bà Bèo, so ra không khác cảnh chuyền than trong phim chút nào. Cứ bước cầu thang lên ghe đổ đầy thúng cát rồi xuống cầu thang ghe đến nơi đổ ụp thúng cát thành đống lớn. Liên tục lên xuống

từ sáng đến chiều cho đến khi hết cát rồi đến mờ tối về trại giam ngủ qua đêm để sáng hôm sau lại tiếp tục là những người nô lệ cho bọn cai thầu chủ trại tù và cứ như vậy cả gần ba tháng trường.

Còn nhiều hình thức khổ sai nữa mà chúng dành cho những người bị chúng chụp mũ là «phản quốc» nhưng chúng không làm sao ngăn cản được ý chí của họ khi họ đã quyết đi tìm một cuộc đời đáng sống bằng cách vượt biển và vượt biên, trong đó có tôi. Như vậy há chẳng phải là những người ra đi tìm tự do đã chịu «nằm gai, nếm mật» , liều chết đi mãi mà không lui để có một ngày được sống một cuộc đời đúng nghĩa và đáng sống trong tự do đó sao ?

Những người đã từng hy sinh tất cả, liều thân đi tìm tự do dù nhiều lần bị bắt, bị tù đày, hay bị thất bại đến bạn sản tán gia mà vẫn tiếp tục đi thì tinh thần của họ cũng là của một chí khí gang thép «Unbroken» . Họ đã được thúc đẩy bằng ý chí đi tìm tự do, thà chết chứ không chịu cuộc sống nô lệ của một đàn cừu hầu để mở đường cho gia đình và cho tương lai của con cháu sau này và cho cuộc đời ngày nay cho chính họ mà gia đình đang được hưởng thành quả của ý chí bất khuất đó.

Tinh thần «Unbroken» của người người vượt biên và vượt biển nói riêng và của dân tộc Việt nó chung là đời đời bất khuất.

Regal Cinema, Lacey, sau Noel 2014

Trương Tấn Thành, WA

Nghề Chiêu Dụ

Trần Du Sinh

Với bài «Lính Mỹ Gốc Nail» và 5 bài khác trong năm, tác giả đã nhận giải Tác Phẩm Viết Về Nước Mỹ 2014. Trần Du Sinh cho biết ông là một kỹ sư hàng hải, 37 tuổi, lớn lên khi cả nước đã thành xã hội chủ nghĩa. «Trong khi đợi bảo lãnh diện đoàn tụ gia đình, tôi có cơ may được học bổng của Liên u (EU) để hoàn thành chương trình BA và MBA International Management.» Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, ông đã hoàn tất luận án tiến sĩ tại Đại Học ợ Argosy, San Diego, và là một Phó Giám Đốc kỹ thuật hàng hải của Bộ Quốc Phòng Mỹ, hiện đang làm việc tại Á Châu. Sau đây là bài viết mới nhất.
Có hai nghề, đúng hơn là hai nhiệm vụ, được coi là khó khăn nhất trong Hải Quân Hoa Kỳ dành cho quân nhân hiện dịch (active duty) .

Nghề thứ nhất là huấn nhục quân trường (Recruit Division Commander- RDC) . Nghề này khó vì một quân nhân đã từng trải qua thời chuyển đổi khó khăn từ dân sự thành quân sự trong quá khứ, nay trở lại huấn nhục trường đóng vai phản diện, nói nôm na là đóng vai ác để huấn nhục những tân binh, mà trong số đó không thiếu những thanh niên quen được cha mẹ nuông chiều, vô kỷ luật, có người từng hút xách và có điểm chung là

lười biếng. Đó là chưa kể dư âm của câu chuyện về một Thượng Sĩ huấn nhục bị bắn chết bởi một tân thủy quân lục chiến trong bộ phim «Full Metal Jacket» nổi tiếng về chiến tranh Việt Nam mà hiếm có một quân nhân Hoa Kỳ nào không biết đến.

Nhiệm vụ của RDC là huấn luyện thể lực, kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần đồng đội, lòng yêu nước, tính thượng tôn kỷ luật và quan trọng nhất là biến những thanh niên đến từ mọi thành phần gia đình và chủng tộc thành một quân nhân có nhân cách, niềm tự hào phụng sự quốc gia, trở thành một công dân tốt. Nhiệm vụ này không dễ dàng nên người quân nhân phải được sơ tuyển, từ ngoại hình cho tới lý lịch và thành tích phục vụ.

Nghề thứ hai là nghề tuyển mộ quân đội (military recruiter) , mà nhiều người vẫn gọi là chiêu mộ, nhưng tôi lại thấy nó giống với chiêu dụ hơn. Một quân nhân trở về phố nhà nhận nhiệm vụ không phải lúc nào cũng đón nhận sự chào đón và cám ơn của dân địa phương mà đôi khi phải sẵn sàng chấp nhận sự ghẻ lạnh của những người chống chiến tranh, những người không có cảm tình với quân đội, và nhiều nhất vẫn là tân binh nghĩ rằng mình bị lừa đâm ra ghét tuyển mộ viên, chưa kể cha mẹ của tân binh trốn nhà đi lính hay không nghe

lời cản ngăn của họ đâm ra đổ thừa người tuyển mộ. Tính ra nghề này cũng có rất nhiều thị phi.

Thế mà cũng thời gian này cách đây nhiều năm, tôi tự nguyện chọn cái nghề chăm ăn thứ hai này, vì thích được về làm việc ở gần nhà sau nhiều năm đi biển và nhiệm vụ ở hải ngoại. Vì là dân gốc Châu Á nên tôi được điều về Phố Tàu (Chinatown) của Los Angeles. Chẳng cần tốn nhiều thời gian khảo sát thị trường, tôi biết ngay là mình đã bị rơi vào xứ mù để tìm người chột. Người tiền nhiệm của tôi là một anh gốc Đại Lục (Mainland China) . Anh không hoàn thành chỉ tiêu, dù anh nói tiếng Quan Thoại (Mandarin Chinese) rất chuẩn. Vào cái ngày bàn giao địa bàn, anh thú nhận với tôi một tin khá choáng. Anh nói : «Người Hoa ở đây toàn là Hoa gốc Việt và người Hoa tị nạn. Đa số họ không muốn con cái họ đi lính vì bị ám ảnh cuộc chiến Việt Nam. Tôi chúc anh may mắn.» Một bầu trời u ám phủ đầy cửa sổ văn phòng suốt tuần lễ đầu tiên. Cái thị trường dân Châu Á từ màu vàng bỗng chuyển sang màu xám xỉn.

Theo lệ thì người tuyển mộ viên mới thường được cho du di vài tháng vì chưa có kinh nghiệm và cần thời gian để áp dụng kỹ năng bán hàng đặc biệt học được từ giáo trình của hãng tư vấn nhân sự Achieve Global nổi tiếng. Tuần đầu tiên, sếp đưa cho tôi danh sách học sinh trung học năm cuối để gọi làm quen, tôi chỉ chọn những cái họ Châu Á. Kết quả là, cứ một chục cú phôn gọi đi là có hết chín cú bị cúp ngang hông một cách thô lỗ và khiếm nhã với đại loại mấy câu trả lời nhát gừng như «No English» , «Sorry I don't speak English» hay «No Navy» , «No Army» . Đa số người bắt phôn là người lớn tuổi đang ở nhà, thường là phụ huynh hay ông bà. Có một mẫu số chung là những người gốc tị nạn rất sợ chữ quân đội, vì nó gợi là quá khứ tị nạn chiến tranh và chính trị của họ.

Vậy là tôi chuyển qua những cái tên Mỹ. Tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Tôi lại tiếp tục bị cúp phôn vì nhiều người Mỹ không hiểu cách phát âm tiếng Mỹ (accent) của tôi, nhầm tưởng tôi là mấy tên tiếp thị lừa đảo gốc Châu Á, dù công bình mà nói, giọng của tôi đâu giống giọng của người Ấn Độ. Dịch vụ tiếp thị hay trả lời phôn của người Ấn mới làm cái accent Ấn Độ phổ biến hơn cái accent của người Trung Hoa, Hàn Quốc hay Việt Nam. Đây là ba sắc dân khiến người Mỹ không phân biệt được nên mới có câu nói đùa «Asians look

alike» (Dân Á Châu ai cũng nhìn giống nhau) . Chứ dân Ấn Độ mà đứng cạnh ba sắc dân này thì sẽ bị phát hiện ngay với nhiều lý do tế nhị, trong đó có mùi cà- ri mà tôi không hảo cho lắm.

Nản quá, tôi lục tìm danh sách những người đã từng được liên lạc bởi người tiền nhiệm nhưng không ghi danh đi lính. Tôi chọn một người mang họ Trần của tôi với lời ước thầm may mắn, tôi gọi anh là Lucky Trần. Lucky tốt nghiệp một trường trung học trên địa bàn, đang học đại học, đã từng có ý định đi lính nhưng vì lí do nào đó mà người tiền nhiệm của tôi không thuyết phục anh đặt bút ký cái khế ước bốn năm. Tôi nghĩ mình nên quên đi những kỹ năng chiêu dụ học được từ trường dạy tuyển mộ để làm quen với anh như một đồng hương Việt Nam.

Tôi gọi điện cho Lucky và may mắn là Lucky bắt máy. Tôi bắt đầu tìm hiểu những quan tâm của anh và nguyên nhân vì sao anh chưa đủ động lực để nhập ngũ và tại sao anh tiền nhiệm của tôi bỏ cuộc. Chúng tôi bắt đầu làm bạn, và tuần sau đó Lucky thi đậu kỳ thi tuyển và ký hợp đồng quân ngũ với nghề điện tử trong tàu ngầm. Tôi đã phá kỉ lục tuyển mộ trong toàn khu vực khi có hợp đồng đầu tiên trong vòng hai tuần kể từ ngày vào nghề, khi còn trong giai đoạn học việc. Lucky Trần

chính là ngôi sao may mắn của tôi. Nhưng chưa hẳn là vậy vì vẫn có đồng nghiệp Mỹ nghi ngờ tôi đem họ hàng người thân vào để đạt chỉ tiêu, vì chúng tôi cùng mang họ Trần.

Dần dà rồi tôi cũng hiểu thêm về cái nghề này. Quân đội Mỹ chiêu mộ tân binh trên cơ sở tự nguyện, và để cổ võ lòng tự nguyện họ có nhiều cam kết quyền lợi để đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau. Một trong những quyền lợi thu hút tân binh gốc Á Châu là học bổng Post 9/11 GI Bill dành cho quân nhân sau khi phục vụ một khế ước tối thiểu 4 năm hay ngắn hơn nhưng phải giải ngũ vì lý do nhân đạo hay y tế. Học bổng này đảm bảo cựu quân nhân được học miễn phí ở các trường đại học công, và nếu học ở đại học tư thục thì Bộ Cựu Chiến Binh (Department of Veteran Affairs- VA) sẽ trả học phí tương đương với trường đại học công đắt nhất gần đó.

Thí dụ, nếu cựu chiến binh đi học ở đại học tư danh giá và đắt đỏ nhất nhì miền Nam Cali là USC (University of Southern California) thì chính phủ sẽ trả số tiền ngang với đại học công hàng đầu trong khu vực là UCLA (University of California in Los Angeles) . Đó là chưa kể nhiều trường tư thục danh giá hàng đầu còn có chương trình Nơ Vàng (Yellow Ribbon) chỉ nhận số tiền bên VA trả và không lấy một xu nào của cựu quân

nhân. Một đồng nghiệp sĩ quan của tôi mới giải ngũ được Harvard nhận vào học MBA với chương trình Nơ Vàng này. Nghe anh ta nói mà chân tôi muốn nhão ra vì khó tin nổi người bạn mình được nhận vào học Cao Học ở trường danh giá số một thế giới này mà không tốn thêm chút phí tổn nào.

Bên cạnh chuyện miễn hay bao học phí, cựu binh Mỹ còn được chu cấp hàng tháng số tiền học bổng trung bình từ 1500- 2500 USD mỗi tháng, số tiền này thay đổi tuỳ vào mức sống xung quanh trường đại học. Thí dụ nếu học ở UCLA trên Los Angeles thì sẽ nhận trên dưới 2000 đô, nhưng nếu học ở New York thì có thể nhận từ 2500 tới 3000 đô. Cựu binh được nhận 36 tháng khi ghi danh học, nếu ngưng một học kỳ hay ngưng học thì học bổng này sẽ ngưng nhưng không mất đi mà chờ cựu binh trở lại trường.

Điểm đặc biệt của học bổng Post 9/11 GI Bill này là nếu phục vụ quân ngũ được 6 năm, quân nhân có thể sang tên học bổng này cho người phối ngẫu, và nếu phục vụ sau 10 năm, học có thể chuyển cho con cái. Đặc điểm này nhằm để đáp ứng thực tế là sau khi phục vụ quân ngũ 20 năm, quân nhân sẽ được nhận lương hưu cả đời, có khi quân nhân này không muốn đi học đại học và sẽ lãng phí cái học bổng này. Thực tế cho

thấy, có nhiều quân nhân tham gia quân ngũ lúc 18 tuổi, sau khi tham gia quân ngũ 20 năm đã đủ tiêu chuẩn nhận lương hưu trọn đời bắt đầu từ tuổi 38. Người này có lựa chọn đi làm bên dân sự cho tới tuổi về hưu là 65, tức nhận hai đầu lương cho tới tuổi hưu bình thường. Suốt thời gian này, nhiều người không có nhu cầu đi học đại học nên cơ hội chuyển cho vợ con cũng chính là điểm hấp dẫn của binh nghiệp. Không biết có phải vì cách giải thích rõ ràng như vậy mà tôi có rất nhiều khách hàng Châu Á ghi danh nhập ngũ. Nhiều người vẫn thích cái ý tưởng «hy sinh đời bố củng cố đời con» , dù mới ở tuổi đôi mươi. Có lẽ đây là một đặc tính của người Việt tin vào «nước mắt chảy xuôi» mà lo cho thế hệ sau.

Trong khi khách Châu Á thường nhắm vào chuyện học bổng đại học thì đa số khách da màu lại mong muốn thoát nghèo, thoát ra khỏi khu ổ chuột và được học một cái nghề trong quân đội. Nhiều em lớn lên ở khu ngoại ô có tỉ lệ tội phạm cao như South Central hay Inglewood gia nhập quân đội để khỏi rơi vào cách vòng luẩn quẩn thất nghiệp, nghèo và tù tội của cha anh.

Và đặc biệt khách da trắng thường có niềm tin nào đó khi gia nhập quân đội, và họ thường có tự hào gia đình và truyền thống quân ngũ, vì dù sao đa số quân nhân

trong Hải Quân và các binh chủng khác vẫn là người Mỹ trắng. Có nhiều em con nhà khá giả nhưng muốn tòng quân để chứng minh điều gì đó, nên nếu người tuyển mộ tay mơ cứ đem quyền lợi giáo dục thông qua học bổng GI Bill mà chiêu dụ là coi như chở gỗ về rừng, vì con nhà giàu đâu có quan tâm nhiều tới học bổng giáo dục, cái quan tâm chính của chúng là bộ quân phục làm gia đình và bạn bè tự hào về chúng. Tôi đã thử nói về quyền lợi giáo dục và đã thấy tụi nó không quan tâm nhiều, nên đổi chiêu nói về quân phục và lòng tự hào là một phần của lịch sử quân đội (pride of belonging) . Tính ra làm cái nghề chiêu dụ này chẳng khác gì làm dâu trăm họ, vì phải làm vui lòng thượng đế là những tân binh tương lai.

Nghề nào cũng có những vui buồn, và nghề trong quân đội cũng không ngoại lệ. Vui khi đi đón tân binh mới tuyên thệ sau khi ký hợp đồng về. Vui khi người tân binh hân hoan với cái nghề được chọn cùng với những háo hức của tuổi trẻ. Nhưng đôi khi niềm vui không che lấp nhiều nỗi buồn, mà nỗi buồn tê tái nhất là khi nhìn gương mặt tuyệt vọng của những em háo hức ghi danh nhưng rớt phần sức khoẻ vì bệnh tật hay cơ địa không phù hợp.

Có rất nhiều lý do để loại ứng viên ở mặt sức khoẻ, từ bệnh mãn tính, tim mạch, tiểu đường, tiền sử bệnh, tiền sử giải phẫu cho đến cân nặng. Có một em Việt Nam có lồng ngực mất cân bằng, dân gian gọi là ngực gà, bị loại nên khóc tức tưởi vì đứa bạn thân cùng lớp đã đậu sức khoẻ và đã tuyên thệ cùng ngày. Em đâu có biết là thống kê của quân đội cho thấy, chưa tới 30% dân số Mỹ từ độ tuổi 18 đến 35 đủ tiêu chuẩn gia nhập quân đội vì lý do sức khoẻ, trong đó trở ngại nhiều nhất là sự béo phì.

Nỗi buồn kế tiếp là khi chứng kiến sự tuyệt vọng của các em trẻ gốc Á Châu khi không được phép cha mẹ cho đăng lính. Có em lén ba mẹ đăng ký rồi cũng bị cha mẹ ép bỏ. Các em phải đến văn phòng với nét xấu hổ gượng gạo với những lí do vì sao em không đi. Đôi khi có em phải viện lý do nói xạo với vẻ xấu hổ không giấu được. Thường thì các bậc cha mẹ Á Châu chỉ muốn con mình vào đại học để trở thành bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, luật sư, kỹ sư hay cái gì nghe danh giá, chứ chữ đi lính dù sao nghe cũng bèo bọt. Những lúc như vậy, người tuyển mộ cũng thấy mình bèo bọt theo. May mà không phải phụ huynh Việt nào cũng như vậy, không thì tôi đã xin bỏ nghề nửa chừng, vì mục tiêu của tôi vẫn là tuyển mộ giới trẻ Việt để hướng cho họ con đường vào dòng chính của Hoa Kỳ sau này.

Có nhiều tân binh Việt với gia cảnh và đặc điểm cá nhân khiến tôi không thể nào quên cho tới tận bây giờ. Có một em mà khi tôi đưa về văn phòng nói chuyện, đồng nghiệp tôi nhìn nhau cười tủm tỉm vì không tin vào phép màu. Em là một thanh niên Việt nhỏ con, da dẻ xanh xao, ốm yếu, đeo kiếng cận, và đặc biệt e thẹn, ăn nói nhỏ nhẹ mà anh sếp tôi lúc đó không hiểu em nói gì khi tới chào hỏi. Đồng nghiệp tôi đặt cho em cái tên «The quiet Vietnamese» (Người Việt thầm lặng) . Còn tôi thì gọi em với cái tên Vinny, cái tên gợi liên tưởng tới chữ «winning» (chiến thắng) . Đây cũng là cái tên mà em muốn đổi qua một mai khi vào quốc tịch Hoa Kỳ.

Vinny mới qua định cư được khoảng 3- 4 năm, học rất giỏi nhưng là học sinh cá biệt ở trường trung học vì nhà trường ngại em không hòa nhập được nên có tư vấn thường xuyên gặp em. Khi tới gặp cố vấn của trường, tôi còn được nghe thêm chữ «autism» (tự kỷ) . Nhiều thầy cô giáo Mỹ tin là là em có bệnh tự kỷ.

Tìm hiểu kỹ tôi rất biết em sống nội tâm, ít giao tiếp với bạn bè, nói năng lại quá nhỏ nhẹ làm mọi người xung quanh nghĩ em có vấn đề về hội nhập vào trường học Mỹ. Riêng khi nói chuyện với tôi, em rất sắc nét với vẻ bình thường, tức nhiên là tôi phải tìm câu hỏi thích

hợp để hỏi, và đương nhiên là phải dùng tiếng Việt để giao tiếp. Vinny thi đậu vào quân ngũ với điểm Toán và Anh Văn vào loại khá. Nhưng đó mới là điều kiện cần. Điều kiện đủ phải là sức khoẻ, cái mà đồng nghiệp tôi không tin vào phép lạ. Lúc đó tôi có thử nói em hít đất vài cái thì em chỉ hít được hai cái, và cái tướng đi của em có dấu hiệu về xương vì dáng đi không quân bình, nghiêng về một bên vai.

Trong suốt ba năm tuyển mộ của tôi, Vinny là một ca khó, nói theo ngôn ngữ y khoa, vì em rớt kỳ kiểm tra y tế tới hai lần. Lần đầu là bị chân ngắn chân dài vì tướng đi của em quá rõ ràng là em lê chân về một phía. Tôi gần như bỏ cuộc, nhưng rồi đêm đó tôi cứ băn khoăn kiểu còn nước còn tát, vừa không muốn mất một hợp đồng, vừa muốn giúp em gặp bác sĩ chuyên về xương miễn phí vì gia cảnh của em lúc đó hơi khó khăn. Nhà có ba mẹ con, mẹ Vinny đi làm bán thời gian nền cần kiệm rất nhiều để nuôi em và em trai. Vậy là tôi làm hẹn bác sĩ xương cho Vinny. Ngày Vinny đi khám xương, tôi mừng hết lớn khi nghe bác sĩ xương nói trường hợp của em có thể miễn loại (waiver) vì chiều dài của hai chân không chênh lệch nhiều lắm, sau này nếu tập thể dục nhiều hơn và tập đi thẳng người thì sẽ khắc phục được. Vinny có bộ khung xương yếu nên mới đi nghiêng qua một bên, tạo cảm giác chân ngắn chân dài.

Thế nhưng niềm vui chẳng dài bằng gang tay khi lần thứ hai đi khám sức khỏe, em lại bị đánh rớt vì vẹo cột sống. Tới đây là chấm hết, có thể đóng hồ sơ ở đây. Lúc đó đã gần qua năm mới, vừa lúc chúng tôi nghỉ phép, nên tôi đành tạm gác hồ sơ của em qua một bên.

Qua Tết, bẵng đi một thời gian tôi cũng quên mất Vinny cho đến một tháng khi chúng tôi có nguy cơ trượt chỉ tiêu vì chỉ còn vài ngày làm việc nữa mà lại thiếu một hợp đồng. Tôi rà soát lại hồ sơ ứng viên bị trượt sức khoẻ nhưng chưa chấm hết thì cái tên của em lại đứng đầu danh sách. Không hiểu tại sao tôi vẫn tin là cột sống của em bình thường, có lẽ tướng đi của em làm bác sĩ nghi em bị vẹo cột sống, biết đâu bác sĩ chuyên về cột sống lại cho là bình thường thì sao. Mà đi bác sĩ chuyên môn thường là bác sĩ ngoài nhưng quân đội trả tiền, còn bác sĩ khám sức khoẻ đi lính thường chỉ là bác sĩ đa khoa hay bác sĩ gia đình. Vậy là tôi lấy hẹn bác sĩ cột sống cho em. Và đúng là phép lạ, Vinny được chứng nhận bình thường và cuối cùng đã ký được hợp đồng đi lính, làm nghề kỹ thuật viên điện máy tàu, sau ba lần ra vào phòng khám sức khỏe trong nhiều tháng.

Đúng là phải tin vào phép lạ, cái mà đồng nghiệp tôi đã từ chối để tin. Còn nữa, một tuần trước khi em lên đường đi huấn luyện, tôi hỏi em thử hít đất cho tôi coi. Em lặng lẽ nghe lời và gây sững sờ cho tôi và đồng nghiệp khi em hít đất được sáu chục cái. Con số 60 đi lên từ con số 2 trong một thời gian khá ngắn đã khiến sống lưng tôi lành lạnh lúc đó. Hình như trong em có một sức mạnh về tinh thần và niềm tin.

Giờ đây Vinny đã là một trung sĩ khoẻ mạnh, giỏi nghề, thăng tiến nhanh và đã gia hạn thêm quân ngũ sau khi hoàn thành bốn năm đầu tiên. Em cũng đã trở thành huyền thoại của văn phòng tuyển mộ ở trung tâm thành phố Los Angeles.

Một năm trải nghiệm vui buồn ở văn phòng ghi dấu một kỉ niệm khó quên. Có quá nhiều ngày tôi bước ra khỏi nhà lúc bảy giờ sáng nhưng về lại nhà chưa bao giờ trước bảy giờ tối. Có những ngày chở ứng viên đi vào khách sạn lúc mười giờ tối rồi đi đón một ứng viên khác lúc năm giờ sáng ở xa hàng trăm cây số để hai người kịp khám sức khỏe trước bảy giờ sáng. Nhiệm vụ bất khả thi đôi khi cũng phải biến nó thành khả thi để hoàn thành chỉ tiêu. Đó mới chính là đặc điểm của nhiệm vụ khó hàng đầu quân đội này.

Có những cái mất mà cũng có cái được. Cái được của tôi là nhờ ba năm làm nhiệm vụ này mà tôi thích ăn gà chiên, vì đó là món ăn trưa hợp lý nhất khi vừa lái xe vừa ăn, vì không có thời giờ vào nhà hàng ngồi xuống ăn một bữa trưa cho ra một bữa ăn. Gà chiên, bò húc và cà phê sữa là bữa ăn trưa chính. Còn ghế sofa mới là giường, vì về tới nhà vừa ăn tối vừa ngủ gục ngay trên sofa, nửa đêm giật mình vì lạnh lẽo rồi mới đi vào phòng ngủ thêm vài tiếng nữa. Đó là bức tranh nghề chiêu dụ trong năm đầu tiên. Để trả công, tôi được danh hiệu Tuyển Mộ Viên Mới Xuất Sắc Nhất trong năm (Rookie Recruiter of the Year) .

Năm đầu tiên tuyển mộ của tôi trôi qua vật vờ như thế đó. Nửa năm sau, nhờ thành tích ổn định và chưa trượt chỉ tiêu lần nào, tôi được lên làm trưởng tuyển mộ văn phòng bên khu Phố Tàu mới (new Chinatown) . Nơi đây có nhiều người Tàu di dân mới mới từ Hồng Kông, Đài Loan và cả Đại Lục.

Tôi không phải lái xe ngoài đường đến 4- 5 tiếng một ngày như ngày xưa, tập trung làm việc văn phòng và quản lý nhiều hơn, ít khi đi gặp riêng ứng viên tại nhà nhưng vẫn chiếu cố đến ứng viên Việt Nam, vì hai người cấp dưới của tôi, một là người Việt gốc Hoa sanh ở Mỹ nói tiếng Quảng Đông, một là người Hoa

gốc Quảng Châu nói rành hai thứ tiếng Quan Thoại và Quảng Đông nên tôi vẫn đảm trách phần khách Việt, dù khách Việt ở đây ít hơn khách Hoa rất nhiều. Đến năm thứ ba thì tôi thấy nản lòng với phụ huynh Việt, vì đa số họ vẫn cứ muốn con mình làm bác sĩ hay dược sĩ nên tôi không còn năn nỉ ỉ ôi nữa, mà chỉ buồn cho các em thế hệ hai không được thực hiện ước mơ riêng của mình. Chỉ mong em nếu học giỏi thành bác sĩ thì cũng làm được việc, nếu không lại làm bác sĩ bị ép chín thì phiền cho nhiều người khác. Sợ nhất là mấy em học xong bằng cử nhân khoa học mà không được nhận vào trường Y Dược Nha để rồi lang thang trong giảng đường với nhiều chuyên ngành chữa cháy khác, mà ba mẹ lỡ khoe với bạn bè họ hàng là con tôi đang học y tờ. Ca này rất phổ biến, vì tôi cũng từng đưa vào lính một em Việt Nam bơi trong trường gần sáu năm với mộng làm bác sĩ, cuối tuần quyết định đi lính để quân đội Mỹ trả giùm khoản nợ vay học phí. Ca này khó.

Ba năm làm tuyển mộ rồi cũng qua. Phải tốn một thời gian khá lâu thì tôi mới quên hẳn những chuyện buồn. Trở lại chiến thuyền với nhiệm sở mới và trách nhiệm mới, thời gian thoi đưa, tôi chỉ còn liên lạc được với vài em. Rồi vào buổi chiều Tạ Ơn, tôi nhận được cú phôn từ Virginia. Bên kia đầu dây là Jack Li, người mà tôi đã đưa vào lính với khá nhiều truân chuyên. Jack chúc

mừng tôi mới nhận nhiệm sở mới. Chúng tôi hỏi thăm nhau về đời sống quân nhân, về những trải nghiệm, và cơ hội gặp lại, vì đời lính thủy rày đây mai đó. Trước khi gác phôn, Jack nói : «Thank you for putting me in the Navy. I have learned a lot. Without you, I'm still a spoiled kid in LA doing nothing, maybe in college but still spend my parents' money. I just made rank and I will buy my own car with my paycheck. I'm so proud of myself and thank you, Mr. Tran» . (Cám ơn ông đã đưa tôi vào Hải Quân. Tôi đã học hỏi rất nhiều. Nếu không có ông thì tôi vẫn chỉ là một đứa trẻ được nuông chiều ở Los Angeles không làm điều gì cả, có thể đi học đại học nhưng vẫn xài tiền của ba mẹ. Tôi mới lên chức và tôi sẽ mua xe bằng chính tiền lương của mình. Tôi rất tự hào về mình và xin cám ơn ông) .

Ký ức lại hiện về. Tôi vẫn còn nhớ cậu bé này. Jack là đứa con độc nhất của cặp vợ chồng rất trẻ, nhìn rất sang trọng đến từ Thượng Hải. Tôi đoán họ có thẻ xanh nhờ vào đầu tư làm ăn tại Mỹ. Jack gia nhập lính bằng chiếc thẻ xanh khá mới. Sinh ra trong nhà khá giả nên nó trắng bốc, cao ráo và rất đẹp trai. Dù mới 17 tuổi nhưng Jack nằng nặc đòi đi lính. Theo luật, ứng viên 17 tuổi có thể gia nhập quân đội, nhưng phải có chữ ký đồng ý của cha mẹ nên phải tốn khá lâu chúng tôi mới có hai chữ ký đồng thuận này. Jack là hình ảnh phổ biến

từ chính sách một con của Trung Cộng. Và tôi cũng gặp nhiều ca khó ở khu này, vì gần như 90% thanh niên Tàu di cư qua đều là con một. Đây cũng là thử thách không nhỏ với nhóm tuyển mộ chúng tôi.

Khi tìm hiểu động cơ nào khiến Jack nằng nặc đòi đi lính như vậy, tôi khá ngạc nhiên khi biết lý do chỉ là vì Jack muốn học tiếng Anh và văn hoá cho giống người Mỹ, vì đi học nó vẫn bị mấy đứa Tàu sanh ở Mỹ chọc ghẹo tiếng Anh FOB (Fresh off the Boat) của nó. Tôi cũng từng xấu hổ về tiếng Anh FOB của mình. Cái chữ này thường do tuổi trẻ Châu Á sinh ra ở Mỹ dùng để khinh thị và cười tiếng Anh có accent của người Châu Á sanh ra và lớn lên ngoài nước Mỹ. Một khi đã trưởng thành ngoài nước Mỹ đều nói tiếng Anh có giọng riêng, và đối với tụi Mỹ con thì giọng này quê mùa và gợi nhớ xuất xứ di dân, mà tụi nó dùng chữ «mới bước ra khỏi ghe tị nạn» (fresh off the boat) .

Jack đang ở giai đoạn tự ái của di dân nên rất muốn học hỏi thêm tiếng Anh kiểu Mỹ và văn hoá Mỹ. Jack hay tới văn phòng của tôi trên chiếc xe Acura TL mới cứng, hay đem ly trà boba mà tôi thích uống. Tôi trả lại tiền mà nó không bao giờ chịu lấy, tôi nói đùa là nhờ nó chuyển lời cám ơn tới mẹ nó giùm, vì đây là tiền quà của mẹ nó cho. Mỗi lần như vậy, Jack chỉ cười

trừ. Tôi biết Jack có rất nhiều tiền tiêu vặt. Mỗi khi tới chơi, Jack phụ tôi dọn dẹp văn phòng, quan trọng nhất là nó giúp tôi làm thông dịch cho mấy phụ huynh Tàu nói tiếng Quan Thoại, và quan trọng hơn là nó đi khắp trường trung học của nó quảng cáo về Hải Quân giùm tôi. Kết quả là nó chiêu dụ được năm đứa bạn cùng đi lính với nó, đưa nó lên vị trí tiểu đội trưởng danh dự, và tôi với tư cách là trưởng tuyển mộ, đưa văn phòng tôi đứng đầu khu vực về hợp đồng tuyển mộ với học sinh năm cuối trung học (senior) năm đó.

Điểm đặc biệt làm tôi để ý tới Jack là nó hay nói nó thích mặc quân phục ngồi làm việc văn phòng, và cứ năn nỉ tôi xin cái việc này cho nó. Thật là khó cho một người lớn lên ở ngoại quốc mà phải làm việc văn phòng, viết tiếng Anh chuẩn và nói chuyện điện thoại thường xuyên với người Mỹ nên tôi hơi lo cho Jack một mai đã ở trong quân đội với nghề đó, nhưng nhìn cái mặt thiết tha tội nghiệp như con cún con của nó mà tôi động lòng.

Tôi không đưa nó đi khám sức khỏe ngay vì biết nó sẽ đậu, nhưng một khi ứng viên đã đậu phần sức khoẻ thì phải chọn nghề phù hợp với điểm thi tuyển vào lính qua kỳ thi anh văn, toán và hướng nghiệp ASVAB (Armed Services Vocational Aptitude Battery) và ký hợp đồng ngay trong ngày, lỡ hôm đó không có quota cho nghề

văn phòng thì khổ. Tôi ngâm hồ sơ ghi danh của nó ở văn phòng cho đến khi nào biết chắc là có quota cho vị trí văn phòng thì tôi mới gởi đi. Kết quả là năm đứa bạn của nó đã tuyên thệ xong, đang chờ ngày nhập ngũ mà nó vẫn chưa đi khám sức khỏe. Tôi sợ nó buồn, đồng thời cũng muốn trả công cho năm cái hợp đồng miễn phí mà nó đem lại cho tôi bằng cái nghề nó mong muốn. Đôi khi tôi nghĩ chắc nó tốn rất nhiều ly trà boba để chiêu dụ bạn bè nó. Jack chính là tuyển mộ viên nhí của chúng tôi.

Tôi còn nhớ cái buổi chiều khi tôi gọi điện báo cho nó là ngày mai có quota cho job văn phòng, nó ré lên sung sướng trong điện thoại. Cuối cùng thì nó cũng toại nguyện, nhận được hợp đồng bốn năm làm chuyên viên nhân sự (Personnel Specialist- PS) của Hải Quân. Sau này Jack tiết lộ bí mật riêng với tôi. Sở dĩ Jack khăng khăng đòi làm văn phòng vì đây là hợp đồng dân sự của Jack và ba mẹ và ông bà nội. Vì là con một và cháu đích tôn nên Jack cam kết với hai thế hệ lớn hơn trong gia đình là nó chỉ đi lính làm văn phòng chứ không làm bên tác chiến thì gia đình mới cho đi. Chắc nó cũng khóc hết nước mắt bao nhiêu lần, hèn chi mắt nó long lanh thấy lạ.

Mùa lễ Tạ Ơn năm nay, tôi được lời tạ ơn của cậu

bé Thượng Hải. u thì cũng an ủi cho cái nghề chiêu dụ nhiều bạc bẽo này. Đôi khi để tự làm vui mình, tôi lại nhớ tới câu nói nổi tiếng của cố Tổng Thống Kennedy nói về thời gian phục vụ Hải Quân của ông trước khi trở thành tổng thống : «I can imagine no more rewarding a career. And any man who may be asked in this century what he did to make his life worthwhile, I think can respond with a good deal of pride and satisfaction : 'I served in the United States Navy.» (Tôi không thể tưởng tượng ra một sự nghiệp nào tưởng thưởng hơn. Và trong thế kỷ này nếu một người được hỏi anh ta đã làm gì để cuộc sống của mình có ý nghĩa, tôi nghĩ anh ấy có thể trả lời với niềm tự hào và thoả mãn : Tôi đã phục vụ trong binh chủng Hải Quân Hoa Kỳ) . Đây là câu nói mà hàng trăm ngàn quân nhân Hải Quân Mỹ đều thuộc nằm lòng.

Riêng tôi, nếu được hỏi rằng tôi đã làm gì để cuộc sống của mình có ý nghĩa, tôi sẽ ngẩng cao đầu để nói rằng : «Tôi đã đưa những con người tốt từ mọi ngóc ngách của xã hội đa chủng quốc vào Hải Quân Hoa Kỳ, trong đó có những người trẻ Châu Á và những người da đen từ khu bần cùng. Họ đã trở thành những người hùng của nước Mỹ.»

Trần Du Sinh

Bay Đi Canada Thăm Bà Chị Góa

Sao Nam Trần Ngọc Bình

Tác giả là cựu sĩ quan VNCH, giảng viên trường Sinh ngữ quân đội, cựu tù cải tạo. Ông cũng là tác giả sách «Hành Trình về Phương Đông» do «Xây Dựng» xuất bản năm 2010. Mới nhất, là cuốn «Within & Beyond» do tác giả viết bằng Anh ngữ và tự xuất bản. Sau đây là bài mới của ông.

Cháu tôi gọi phone cho biết chị tôi bịnh nặng. Bỏ máy xuống tôi gọi con tôi mau mau mua vé máy bay cho hai chúng tôi qua Canada thăm chị.

Ngày 25 tháng 5 năm 2014 chúng tôi đáp chuyến bay Delta 307 bay đi Atlanta, sau đó đáp chuyến Delta 5402 bay đi Canada.

Chị tôi góa chồng trước Tết Mậu Thân lối 3 tháng. Anh rể của tôi xuất thân khóa 13 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Lúc đó tôi đang trực hành quân tại Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn 9 đóng tại Sa Đéc thì Trung Tâm Hành Quân Tiểu Khu Kiên Giang báo cáo về Trung Tâm Hành Quân Khu Chiến Thuật 41 tức Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn 9 một xe díp của pháo binh Sư Đoàn 9 bị VC phục kích tại ngoại ô của Quận Kiên

Tân có 1 chết và 1 bị thương. Tôi ghi vào sổ Trực báo cáo này. Sáng hôm sau bàn giao cho Toán trực lên phiên rồi xuống ca về nhà như thông lệ.

Lối 12 giờ trưa, Thiếu Úy Kim viên sĩ quan phụ trách văn thư của Trung Tâm Hành Quân bất ngờ ghé nhà tôi. Tôi cũng cho là chuyện thường. Khi gặp tôi trước nhà ông bắt tay và chỉ nói chúng mình vào trong nhà nói chuyện.

Sau khi an vị ông mới hỏi tôi có phải anh rể tôi tên như thế này hay không. Khi được tôi xác nhận ông mới cho biết Đại Úy N. đi hành quân bị thương nặng hiện đang dưỡng thương ở bịnh xá Tiểu Khu.

Ông ngừng một chút chờ xem phản ứng của tôi, thấy tôi vẫn bình thản rồi ông mới chậm rãi cho biết Đại Úy N. sau khi được bác sĩ tận tình cứu chữa nhưng đã không qua khỏi và đã tử trận vì bị mấy viên đạn AK bắn vào đầu. Trước khi kiếu từ Ông còn cho biết thêm anh rể tôi đã được truy thăng Thiếu Tá.

Trong đời tôi đây là lần đầu tiên tôi đón tin cái chết đột ngột của người thân. Cách báo tin của Thiếu Úy Kim thật là tế nhị. Ông nói từ từ chậm rãi qua từng giai đoạn một để tránh cho tôi sự xúc động bất ngờ.

Khi ông từ biệt ra về tôi ngơ ngẩn như người mất hồn nhìn theo dáng ông dần dần mất hút ở đầu con hẻm nhỏ. Trở vào nhà tôi chẳng biết làm gì bèn ngồi xuống đám cỏ bên hông nhà lấy tay nhổ mấy cây cỏ dại mọc sát vách nhà. Nhổ được ít cỏ xong thì tôi mới chợt nhớ ra là bây giờ chị tôi rất cần tôi. Đứng lên tôi gọi với vào trong nhà bảo bà xã chuẩn bị cùng tôi đi xuống Vĩnh Long cùng hai cháu một 4 tuổi và một mới 2 tuổi.

Cháu trai tôi cho ngồi trên cái ghế phụ phía trước chiếc xe gắn máy Honda còn cháu gái ngồi giữa tôi và bà xã. Thế là cả nhà tôi trực chỉ Vĩnh Long.

Tới nhà chị tôi thì một không khí ảm đạm, tang tóc đã bao phủ toàn thể căn nhà. Xác anh tôi bây giờ còn đang trên đường từ Rạch Giá trực chỉ Vĩnh Long và lối 2 giờ chiều mới tới.

Trong suốt hơn 4000 năm lịch sử dựng nước và giữ nền độc lập cho dân tộc chống lại chủ nghĩa bành trướng của người Hoa mãi cho đến tận bây giờ hình như người đàn bà, nhất là đàn bà Việt Nam ta được Trời cho sanh ra để chịu đựng những đớn đau thay cho người chồng, người cha thì phải.

Trong khi ông già chồng của chị tôi vật vã khóc than thì bà già chồng vẫn điềm tĩnh vô cùng. Trên nét mặt của bà cụ tôi không thấy vẻ xót xa, đau đớn nhưng tôi biết trong tâm bà cụ xót xa chỉ riêng cụ biết mà thôi.

Cụ vẫn bình tĩnh cho biết anh rể tôi là con cầu tự mà con cầu tự thì chỉ sống tới 33 tuổi là Trên sẽ gọi về. Cụ cho biết vì hiếm muộn cụ đi Chùa Hương xin con cầu tự. Theo lời cụ kể lại tại đây có những tượng hình người bằng đá ai hiếm muộn thì cứ lấy tay xoa vào một trong các tượng này và miệng thì nói : «Cậu về với tôi ! Cậu về với tôi !»

Đến khi anh rể tôi chết thì tôi mới vỡ lẽ ra là tại sao bà cụ lại gọi con mình bằng chữ «Cậu» vì đây là con Trên cho nên người mẹ không được phép gọi bằng «Con» mà phải gọi một cách tôn trọng là «Cậu» thì Trên mới vui lòng !

Khi xác anh về tới nơi thì chị tôi nhờ tôi xuống khu chợ Vĩnh Long mua quan tài cho anh. Cùng với một người quen tôi chạy xe xuống khu bán loại hàng này. Công việc trả giá chẳng mấy lúc mà xong.

Con người ta có số tôi tin như thế mà không tin cũng không được. Trước khi anh mất tôi đã có dịp gặp anh khi anh từ Saigon về Kiên Giang ghé Sa Đéc thăm tôi.

Mặt anh nhợt nhạt như người chết đuối không hồng hào như mọi khi. Anh cho biết sức khỏe vẫn bình thường khi tôi tỏ vẻ quan tâm. Hai ngày trước khi anh chết VC pháo kích vào căn cứ pháo binh do anh chỉ huy. Đạn súng cối 81 rớt ngay chân anh mà không nổ vì là đạn lép. Anh chỉ chết hai hôm sau khi tới giờ anh phải ra đi khỏi cuộc đời này.

Khi người anh họ khuyến khích anh học thi Luật anh học liền và mỗi khi đến kỳ thi anh xin nghỉ một lèo 15 ngày phép về Saigon thức trắng đêm đọc bài in trên ronéo là thuộc và thi đậu liền tù tì xong cái bằng Cử Nhân Luật dễ như lấy một món đồ trong túi. Một chuyện hiếm thấy !

Anh học dễ như thế có lẽ anh là người làng Hành Thiện là làng nổi tiếng Miền Bắc có nhiều người học giỏi từ xa xưa.

Trước khi anh chết lối hai tháng anh nói gở với mẹ anh là anh sẽ học tiếp học cho tới chết luôn ! Đúng là cái điềm báo trước !

Chị tôi ở vậy và nuôi con chứ không tái giá vì theo chị không có ai có thể bằng chồng chị về nhiều phương diện.

Bây giờ xin cho tôi trở lại câu chuyện chúng tôi bay sang Canada thăm chị. Chân tôi bị đau và chân bà xã tôi cũng vậy. Đi thăm chị nhưng làm sao đi đây nhất là phải lên lên xuống xuống lại kèm theo hành lý nữa. Tôi nghĩ là tôi có cách rồi.

Sau khi làm thủ tục tôi nói với bà tiếp viên người Mỹ phụ trách là tôi cần 2 wheelchair cho tôi và bà xã tôi. Rất mau mắn bà chỉ gật đầu ra dấu hiệu. Sau khi hành khách hạng nhất đã xuống hết bà đẩy cái wheelchair về phía tôi đang ngồi ra hiệu cho tôi ngồi lên và bà ta mang cái handbag của tôi để dưới gầm của chiếc wheelchair và người nam tiếp viên cũng đẩy một cái wheel chair về phía bà xã tôi và cũng ra dấu cho bà xã tôi ngồi lên và ông ta cũng lấy chiếc handbag của bà xã tôi để dưới gầm xe.

Bà nữ tiếp viên nhẹ nhàng đẩy chiếc xe từ từ từ nơi chúng tôi ngồi vào trong khoang của cái cầu nối phi cơ và nhà chờ để đưa chúng tôi vào phi cơ. Rất nhẹ nhàng bà ta đẩy chiếc xe tới đúng số ghế của tôi trên máy bay rồi phụ tôi để cái backpack lên khoang hành lý phía trên chỗ ngồi của tôi, xong bà chào tạm biệt.

Delta Air Lines là Delta Air Lines. Vâng. Đúng thế. Đây là một hãng chuyên chở hành khách bằng máy bay được thành lập vào năm 1929. Cho tới nay đã được 85 năm, một thời gian kỷ lục cho một công ty vận tải đường hàng không với biết bao thăng trầm của nền kinh tế đầy sự cạnh tranh mà vẫn sống sót và lớn mạnh cho tới ngày nay.

Trước 30/04/75 tại Mỹ có công ty hàng không Pan American, một công ty lớn mà cuối cùng cũng phải bán đi vì không cạnh tranh nổi với các công ty khác. Như thế đủ biết với 85 năm tồn tại đúng là một kỳ tích đáng kể.

Cách săn sóc hành khách của bà tiếp viên hàng không thật nhẹ nhàng, lịch sự và khiến cho khách có cảm tưởng là mình được chú tâm đặc biệt.

Tôi chỉ nói với bà ta là tôi cần wheelchair bà ta ra dấu hiểu chứ không hỏi lại tại sao. Chẳng cần treo bảng quảng cáo «Vui lòng khách đến. Vừa lòng khách đi» mà Delta Air Lines vẫn làm được chuyện này một cách chu đáo.

Trông người mà nghĩ đến ta !

Sao Nam Trần ngọc Bình

Nước Mắt Nữ Sinh Xứ Thiên Đàng

Trần Du Sinh

Trần Du Sinh đã nhận giải Tác Phẩm Viết Về Nước Mỹ 2014. Ông là một kỹ sư hàng hải, 37 tuổi, lớn lên khi cả nước đã thành xã hội chủ nghĩa. «Trong khi đợi bảo lãnh diện đoàn tụ gia đình, tôi có cơ may được học bổng của Liên u (EU) để hoàn thành chương trình BA và MBA International Management.» Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, ông đã hoàn tất luận án tiến sĩ tại Đại Học ở Argosy, San Diego, và là một Phó Giám Đốc kỹ thuật hàng hải của Bộ Quốc Phòng Mỹ, hiện đang làm việc tại Á Châu. Sau đây là bài viết mới nhất

Tự cổ chí kim, nước mắt luôn là vũ khí tối thượng của người phụ nữ. Và với nữ sinh, nó là vũ khí hủy diệt đấng mày râu choi choi, đặc biệt là mấy «anh hùng rơm» dưới mái trường phổ thông. Còn đối với tôi, nước mắt của hai cô nữ sinh mà tôi sắp kể ra đây còn mạnh mẽ hơn là vũ khí, vì nó ám ảnh tôi cho tới hơn hai mươi năm sau.

Bắt đầu với giọt nước mắt nữ sinh đầu tiên thời trung học. Năm 1991, tôi ra Đà Nẵng trọ học để làm học sinh của một ngôi trường mà sau này rất được ông Nguyễn Bá Thanh ưu ái : trường phổ thông trung học chuyên

Lê Quý Đôn. Ông Bá Thanh còn có chiến lược nhân sự tương lai cho Đà Nẵng với chương trình học bổng đại học trong và ngoài nước cho học sinh giỏi với điều kiện quay về làm việc cho Đà Nẵng 7 năm. Tính ta ông tính toán rất thâm sâu, vì mấy trí thức trẻ này dù cam kết làm việc trả nợ cho thành phố Đà Nẵng 7 năm, nhưng mấy ai dứt áo ra đi sau ngần ấy năm làm công chức, khi sức ì và quyền lợi đều tăng do lỗi hệ thống.

Không biết sau này thế nào, chứ thời đó, trường chúng tôi là một trong ba trường phổ thông trung học hàng đầu của cả nước, sánh vai với ngôi trường số một của Hà Nội có tên nửa ta nửa Tây là Hà Nội- Amsterdam và trường hàng đầu của Sài Gòn là Lê Hồng Phong, đổi tên từ Pétrus Ký. Trường tôi cũng đổi tên từ trường phổ thông Năng Khiếu, và trước đó thì mang tên Phan Thanh Giản. Đôi khi tôi tự nghĩ, cái tên đâu có tội mà phải bị đổi thay như vậy. Chất lượng đào tạo và chất lượng học sinh mới là quan trọng, chứ không phải nhờ trường mang tên nhân vật nào to lớn mà nói lên được chất lượng giáo dục của nó.

Đáng buồn là cái tên Pétrus Ký nổi tiếng trong lịch sử giáo dục miền Nam lại bị đổi tên qua cái tên của một người cộng sản chết yểu, mà Lê Hồng Phong lại chẳng phải là học giả hay danh nhân để còn dính dáng

gì tới giáo dục, và cũng không thể xứng tầm với học giả Trương Vĩnh Ký mà thay thế được. May là dân Đà Nẵng đặt tên cho trường trung học hàng đầu của mình bằng cái tên của một nhà bác học, chứ lỡ mà thay bằng tên của tên khủng bố đặt mìn phá cầu Nguyễn Văn Trỗi thì hóa ra lại giáo dục tuổi trẻ làm khủng bố thì phiền.

Lớp tôi có cô bạn học rất giỏi, hạnh kiểm tốt, lý lịch gia đình tuyệt vời. Cô được nhiều người tin tưởng sẽ một là một hạt giống tốt cho tương lai chế độ. Ba cô là thương binh, mẹ cũng tham gia kháng chiến từ miền Bắc vào «giải phóng» Đà Nẵng rồi ở lại. Hai người là cán bộ liêm khiết nghỉ hưu theo chế độ, vẫn ở trong khu tập thể nghèo. Cô còn tự hào là ba cô từng có chân trong ban kiểm kê tài sản đánh tư sản, nhưng không tham ô hay dấu làm của riêng, nên mới nghèo trong sạch như thế.

Cô bạn tôi rất ngoan hiền, không đẹp nhưng dễ thương, và quan trọng là rất yểu điệu thục nữ, dễ hờn dễ giận nhưng vô tư như nai vàng. Có lẽ mắt nàng hơi to và đen nhánh, và có lẽ đây là nét đẹp nhất của nàng. Nàng cũng là đối tượng trêu ghẹo của vài thằng bạn quái ác hay khen đểu, nhưng nói thiệt, nàng điệu đàng đến mức đôi khi thành đẹp lạ, chưa kể cái giọng Bắc lai Đà Nẵng đôi khi nghe ngồ ngộ.

Một ngày nọ tôi thấy nàng long lanh mắt lệ ngồi trầm tư trong giờ nghỉ giải lao. Tôi tưởng mấy thằng bạn lại trêu ghẹo nàng thục nữ nên làm «anh hùng cứÂu Mỹ nhân» tới an ủi hỏi thăm. Những tưởng là sẽ an ủi được nàng, ngờ đâu nàng lại đưa tôi tới một phạm trù xa xôi mà thằng học sinh mới mười lăm tuổi như tôi không bao giờ để ý tới. Nàng nói :

- Cái thằng Gót- ba- chốp (Gorbachev) chết tiệt. Hắn làm sụp đổ một Liên Bang Xô Viết vĩ đại. Thấy tôi ngẩn tò te, cô nói tiếp :

- Hôm nay Liên Xô bị sụp đổ vì tên phản cách mạng Gót- ba- chốp. Nói tới đây cô lại nức nở.

Tôi len lén bỏ đi chỗ khác vì quá đỗi ngạc nhiên, và nghĩ đó là chuyện quá xa xôi sao lại đem vào mình chi cho mệt. Thú thật thời đó tôi không bao giờ đọc báo «Nhân Dân» hay coi chương trình thời sự nên đâu có nắm tình hình trong nước, huống hồ chi chuyện ruồi bu tận Liên Xô xa xôi mà chúng tôi chỉ biết qua nhân vật Pavel trong «Thép Đã Tôi Thế Đấy» . Mà hình như Pavel là nhân vật người Ukraine đi theo cách mạng, đấu tranh giai cấp rất hồ hởi phấn khởi. Pavel cũng từng là hình tượng gương mẫu cho thanh niên miền Bắc của một thời mê muội. Nhưng giờ đây quê hương Ukraine của Pavel lại «phản bội» anh vì đã từ bỏ chủ nghĩa cộng

sản. Thành ra chuyện hồi xưa tôi không đọc «Thép đã tôi thế đấy» , ngoại trừ trích đoạn trong sách giáo khoa mà học sinh không có chọn lựa, hoá ra lại là điều may, nếu không tôi lại khóc thương cho nhân vật này bị chính đồng hương và thế hệ sau của đất nước Ukraine phản bội lý tưởng. Nhưng có lẽ cô nàng yếu đuối kia rồi sẽ khóc, vì có lẽ cha mẹ cô ở nhà cũng khóc, không biết là vì thương xót cho thời mê muội hay vẫn còn trung trinh với cái lý tưởng bị nhồi đó. Nước mắt của một nữ sinh xuất thân từ gia đình đỏ cũng có nhiều uẩn khúc.

Mười năm sau, tôi lại gặp những giọt nước mắt từ một nữ sinh khác. Cô đến từ Latvia, một quốc gia nhỏ thuộc Liên Xô cũ, đang du học trong lớp Cao Học Quản Trị của tôi ở Tây Âu.

Số là hôm đó chúng tôi học môn Hội Nhập Châu u (European Integration) . Lớp học quốc tế này có khá nhiều sinh viên đến từ vùng biển Ban- tích (Baltic Sea) , cụ thể là ba nước Latvia, Estonia và Lithuania. Đây cũng là ba nước đầu tiên tách khỏi liên bang Xô Viết, mở màng cho sự sụp đổ của khối cộng sản này năm 1991. Sau khi tách ra khỏi Nga Sô, ba nước này hội nhập rất nhanh vào Tây Âu và được các nước Bắc u, đặc biệt là Thụy Điển tài trợ rất nhiều, một phần vì khoảng cách địa lý, vì thủ đô Riga của Latvia và Stockholm của

Thuỵ Điển nằm ở hai bên bờ biển Ban- tích, và cũng vì ba nước này dứt khoát với cộng sản sớm nhất. Hôm đó cô bạn người Latvia thuyết trình về kinh tế Latvia, đến đoạn những khó khăn đến từ sự dính líu với Liên Bang Xô Viết, cô làm không gian như đặc quánh lại khi cô nhắc tới cái tên Stalin, người gắn liền với thảm sát trí thức, tiểu tư sản và tư bản Latvia thông qua chương trình đánh tư sản, đấu tranh giai cấp, và cải tạo lao động ở miền Siberia lạnh giá để họ chết lạnh trong đói khát. Đồng thời Stalin đưa bần cố nông về thành thị tiếp quản và lập nên chính quyền bù nhìn thân Xô Viết. Đến đây mắt cô long lên với vẻ phẫn nộ như đang đứng trước toà án tội ác chiến tranh ở La Hague mà tố cáo sự dã man diệt chủng của cộng sản Nga. Trong cái long lanh đó giọt lệ kia lại không chịu rơi, rồi kẹt lại trong tâm trí tôi đến tận bây giờ. Chiều hôm đó, tôi vào trang Yahoo để tìm lại bài thơ «Đời đời nhớ ông» mà dân Việt sau này cứ gọi là bài «Khóc Stalin» , vì đây là đỉnh cao bưng bê của tổ sư văn nô Tố Hữu. Thơ có đoạn nói rằng :

«Stalin ! Stalin !
Yêu biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin !
Hôm qua loa gọi ngoài đồng
Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao
Làng trên xóm dưới xôn xao
Làm sao, Ông đã... làm sao, mất rồi !
Ông Stalin ơi, Ông Stalin ơi !
Hỡi ơi, Ông mất ! đất trời có không ?
Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một, thương Ông thương mười.»

Đọc xong bài thơ, tôi ước gì ông Tố Hữu có thể nhìn được ánh mắt cùng giọt lệ không chịu rơi của cô nữ sinh người Latvia kia khi nhắc tới tội phạm chiến tranh Stalin để coi ông có rơi nước mắt được không khi làm thơ khóc tên đồ tể này. Nhưng rồi tôi chợt nghĩ, có thể ông Tố Hữu lúc đó đang đi đại tiện, và đang cầm tờ báo «Nhân Dân» đọc, vừa thấy trang nhất đăng cáo phó của Stalin liền phẹt ra bài thơ «Đời đời nhớ ông» này. Mà cũng dám lắm, cỡ như ông tổ sư văn nô này thì khi đi tiểu tiện, trung tiện hay đại diện đều có thể phẹt ra một bãi thơ ca ngợi lãnh tụ.

Nước mắt của hai nữ sinh này không chỉ làm xao lòng một nam sinh như tôi mà còn để lại một dấu hỏi lớn cho đến ngày hôm nay. Giọt nước mắt chưa rơi của cô nữ sinh tóc vàng trả lời cho giọt nước mắt của cô nữ sinh Việt. Hai màu da, hai thời điểm khác nhau, Một người vẫn còn ở xứ xã hội chủ nghĩa, và người kia đang cùng nhân dân của mình tìm cách xoá đi hoàn toàn cái chủ nghĩa đó.

Nhiều năm trôi qua, nhân một lần đi công vụ qua Sydney, tôi lục tìm lại trong đám bạn cũ để coi có ai đang ở xứ chuột túi này để có cơ hội gặp lại. Được một anh bạn học cũ cho biết qua email là cô nàng đỏng đảnh kia đang theo học Thạc Sĩ ngành truyền thông ở một thành phố khác, tôi sắp xếp lịch làm việc để tái ngộ «mười năm tình cũ» với nàng, và không quên mua cho nàng một món quà. Lúc đó trên mạng đang xôn xao chuyện chính phủ Việt Nam đang thương thảo mua bản quyền một cuốn sách tiểu sử của Hồ Chí Minh do sử gia người Mỹ William Duiker biên soạn có tên «Ho Chi Minh : A Life» với nhiều tài liệu được bạch hóa từ văn khố thư viện của Pháp và Trung Cộng, trong đó có phần đời tư của ông Hồ ở bên Pháp, bên Tàu và sau khi về Việt Nam mà trẻ em Việt dưới mái trường xã hội chủ nghĩa được dạy là cả đời ông Hồ làm việc hi sinh cho dân tộc nên không cưới vợ và vẫn còn trinh nguyên.

Nghe nói sử gia người Mỹ này từ chối bán bản quyền vì chính phủ Hà Nội đưa ra điều kiện là họ sẽ không cho dịch phần đời tư của cha già dân tộc ở xứ thiên đường.

Tôi thấy tò mò nên vào trang Web của Amazon để mua làm quà. Tính là sẽ đọc trước để còn bình luận với nàng, nhưng nhìn cuốn sách dày hơn 700 trang nên tôi thấy ngán. Có lẽ vì ở xứ tự do, thông tin về ông Hồ cũng đã trên dưới vài chục ngàn trang, mà trang nào cũng không giống với sách giáo khoa lịch sử của «bên thắng cuộc» .

Ngày gặp nàng, chúng tôi như được sống lại thời mộng mơ của hơn mười năm trước. Hai đứa tôi đón xe lửa lên phố Tàu của Sydney rồi đi bộ lang thang như hai đứa học trò hẹn hò lần đầu, dù biết là đường đời sẽ chia hai lối. Nàng qua Úc du học theo chương trình học bổng để nâng cao kỹ năng làm truyền thông, để rồi về lại Việt Nam làm việc ở đài truyền hình. Có thể nàng sẽ tiếp tục làm biên tập viên tin tức thời sự quốc tế và thông dịch tin tiếng Anh. Còn tôi thì đã định cư ở xứ tư bản đang giãy chết.

Chúng tôi cứ đi mà không biết khi nào sẽ dừng. Đường đi phía trước quá mênh mông như cái tiền đồ của dân tộc. Nhiều lần tôi định nói về chuyện thời sự Việt Nam nhưng không mở miệng được. Qua xứ tự do

về tư tưởng, tôi học được một điều. Có hai đề tài có thể biến bạn thân thành kẻ thù nếu có xung đột, đó là tôn giáo và chính trị. Và cái tôi định nói lại là một trong hai thứ này. Và ở Việt Nam, đôi khi chính trị cũng là tôn giáo, vì chủ nghĩa cộng sản cũng có bóng dáng của một thứ tôn giáo cực đoan. Thế là tôi không nói được gì. Trước khi chia tay, tôi tặng nàng cuốn sách mà tôi chưa hề đọc qua, dù nó luôn nằm trong cái ba- lô nhỏ mang theo bên mình.

Về lại Mỹ, tôi vẫn áy náy vì không biết khi đọc tới đoạn đời tư của ông Hồ, nàng có còn long lanh nước mắt như ngày ông Tổng Bí Thư cuối cùng của Liên Xô, Gorbachev, tuyên bố về chủ nghĩa cộng sản hay không. Nếu có thì tôi lại nợ nàng vài giọt nước mắt xót thương.

Trần Du Sinh

Ngày Tháng Khó Quên

Nguyên Phương

Tác giả là một cựu viên chức hưu trí tại Little Saigon. Với nhiều bài viết đặc biệt, đã nhận giải danh dự Viết Về Nước Mỹ.

Gần đây một video clip ngắn đăng tải trên youtube với lời giới thiệu «... được lan truyền một cách nhanh chóng, chỉ trong hai ngày đã có tới hơn 10 triệu người xem. Tác giả là Josh Paler Lin. Lin nói rằng anh đã bí mật làm một thử nghiệm để tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi «chuyện gì sẽ xảy ra nếu đưa tiền cho một người vô gia cư» » .

Câu chuyện xảy ra thật bất ngờ và cảm động, từ nghi ngờ khi người vô gia cư vào một tiệm liquor và đi ra với một bịch đen trên tay, hồi hộp theo dõi xem ông ta làm gì. Cảm động khi thấy ông ta đã dùng tiền đó để mua thực phẩm và chia sẻ cho những người đồng cảnh với ông và ông đã kể lại hoàn cảnh đáng thương của ông ta, bố dượng bị ung thư, tiền chi phí cho bảo hiểm quá lớn, ông ta mất việc, căn nhà phải bán và ông trở thành vô gia cư...

Câu chuyện này gợi cho tôi nhớ tới một người đàn ông mà tôi đã quen trong quá khứ.

Trong một lần đi làm thiện nguyện tôi đã gặp ông. Ông ta thật ít nói, ông lặng lẽ gói những gói quà, trịnh trọng trao đến tận tay những người vô gia cư, với một ánh mắt đầy trìu mến như muốn nói lên một tâm sự gì, ông vuốt đầu những em nhỏ một cách thân thương.

Trong suốt ngày hôm đó ông không ngừng tay trong mọi công tác khuân vác, chuyển đồ đạc lên, xuống xe... Tình cờ tôi lại được xếp đi trên chiếc xe của ông lái. Bản tính tôi cũng ít nói nên gần như suốt cuộc hành trình chúng tôi chỉ lặng lẽ suy tư. Đến cuối ngày tôi chào và ngỏ lời cám ơn ông cho cuộc hành trình dài trong ngày hôm đó.

Về nhà tôi vẫn bị ánh mắt nặng trĩu buồn của ông ám ảnh. Sau đó một thời gian trong một buổi gây quỹ cho chùa, tôi tham dự và gặp lại ông ta.

Trong không khí ồn ào của buổi tiệc ông vẫn ngồi im lặng như chìm đắm trong một cõi xa vắng.....

Sau một thời gian khá lâu do một sự tình cờ ông lại cùng tu học trong một đạo tràng với tôi. Sự tình cờ nối tiếp nhau hình như đến để cho tôi được biết nguyên

nhân của ánh mắt u uẩn của người đàn ông. Qua những mẩu tâm sự, tôi được biết những ngày tháng khó quên, những ngày tháng đau thương của ông.

Trước đây khoảng hơn 10 năm, ông cũng như bao nhiêu người thành công khác, có nhà cửa, có vợ, có một cô con gái bé bỏng thật xinh. Rồi kinh tế đi xuống, hãng ông làm đóng cửa, ông nộp đơn rất nhiều chỗ nhưng vẫn không nơi nào nhận ông. Dịp may mà ông chờ đợi hình như còn xa lắm.

Tiền thất nghiệp hết, số khách làm nail của vợ ông cũng giảm dần, tiền mang về không đủ cho bà mua sắm quần áo. Thấy vợ lạnh nhạt và thường đi, về không có giờ giấc, ông rất buồn, nhưng đành vậy thôi, ông bắt đầu bị bệnh, một bệnh mà bác sĩ không tìm ra, người ông tím bầm lên như người bị đòn, bác sĩ không tìm ra bệnh và kết luận là ông bị stress.

Vợ ông thường có những buổi đi về thất thường, ông cũng không dám hỏi, chỉ lặng lẽ lo việc nhà và lê gót đến sở thất nghiệp để mong tìm việc. Thời gian trôi, tiền nợ nhà không thanh toán nổi, nhà bị xiết, gia đình ông phải vào ở trong một shelter. Nhưng shelter không phải là một cái khách sạn, mỗi sáng họ cho ăn sáng rồi phải đi ra ngoài đi kiếm việc làm, để đến chiều tối quay trở lại ăn tối và giang sơn chỉ là một khoảng trống đủ để

trải tấm vải xuống ngả lưng, có những hôm về trễ, mọi chỗ đều đã có người chiếm, gia đình ông phải nằm cạnh cầu tiêu, đêm về tiếng giật nước làm cho ông mất ngủ. nhưng đó vẫn không phải là điểm đáng ngại bằng mỗi sáu tháng lại phải tìm cho ra một shelter khác để xin vào. Vào dịp lễ cũng có những nhà hảo tâm đến phát quà, đồ chơi cho trẻ con...

Khi ấy con gái ông đã ba tuổi, nỗi lo ngại cho việc đi học của con làm ông càng lo lắng thêm, người ông gầy rộc đi, bệnh ông nặng thêm, không có bảo hiểm, không có việc làm, ông phó mặc cho định mệnh. Ông đi xin phụ cấp nhà cửa để cho con có một chỗ nương thân ổn định. Danh sách chờ dài dằng dặc, không biết chờ đến bao giờ.

Họa vô đơn chí, một ngày nọ vợ và con ông đã không trở lại shelter vào buổi chiều, có lẽ bà vợ chịu không nổi cảnh đọa đày bên người chồng không có nhà cửa, không có việc làm, phải chuyển từ shelter này qua shelter khác. Từ đó ông trở thành một người không nhà cửa, không gia đình. Anh em ở xa và ông cũng không muốn nhờ vả. Cứ như thế sống một cuộc sống vô vọng, ông nộp đơn xin làm bất cứ việc gì để có tiền dù ít để trả tiền share phòng.

Ông đã dấu đi bằng cấp để xin một chân bồi bàn trong một tiệm phở, tiền vừa đủ cho ông share một căn phòng và ăn uống. Một hôm ông đang dọn bàn, một ông khách vỗ vai ông reo lên :

- Tuân, ông nhận ra tôi không, Vũ đây.

Vũ là một đồng nghiệp của ông ở sở cũ.

Ông giật mình quay lại, mừng tủi giữa khách hàng và người bồi bàn, nhưng Vũ đã đánh tan sự ngỡ ngàng bằng thái độ vui vẻ.

- Tôi tìm ông mấy tuần nay, hên quá hôm nay gặp ông ở đây. Ông về làm resume gấp, hãng tôi đang làm cần một người có bằng cấp như ông, mai tôi ghé lại lấy resume của ông để đưa cho phòng tuyển người.

Ông có mơ không ? Cấu vào tay mình một cái thật mạnh để biết đây là sự thật tuy rằng kết quả chưa biết ra sao. Khi đang tuyệt vọng trong sự tìm kiếm việc, lời nói của Vũ như một tia nắng trong trời thu.

Sau khi nhờ Vũ nộp bản resume ông hồi hộp chờ đợi, qua bao nhiêu thất vọng, niềm tin của ông gần như lịm tắt.

Cuối cùng thì ngày ấy cũng đến ông được gọi đi phỏng vấn, và được nhận vào làm.

Cuộc đời lại mở rộng vòng tay chào đón ông, ông lại được sống lại cuộc đời của một người đi làm việc.

Nhưng mất mát lớn nhất của ông là vợ và con ông, không biết giờ này họ phiêu bạt nơi nào. Ông có ý tìm kiếm và mong vợ trở về để ông được ôm đứa con gái bé bỏng của ông vào lòng, được hôn lên chiếc má phinh phính của cô bé và được nghe cô bé gọi tiếng «daddy» .

Sự tìm kiếm không còn hy vọng, ngày tháng qua mau, giờ đây con gái ông đã ở vào tuổi «teen» và chắc đang ở một tiểu bang nào xa xôi.

Một mình trong căn nhà rộng nhưng ông không hề nghĩ đến việc tìm một người đàn bà khác. Ông chỉ sống như một cái bóng, là một thiền sinh Phật tử, chìm đắm trong sự tìm hiểu Phật pháp. Ông thường chạnh lòng nghĩ đến những ngày qua để thương cho những người không nhà, biết đâu họ cũng gặp cảnh khổ như ông đã gặp

Đó chính là những lý do khiến tôi thường thấy ông trong những buổi làm thiện nguyện nhất là những buổi giúp cho những người không nhà.

Ông kết luận :

- Hoàn cảnh nào cũng có thể xảy đến cho mình. Cuộc đời luôn luôn thay đổi, mình sẽ không bao giờ tìm được những gì tuyệt đối như mình mong muốn, tôi chỉ biết chấp nhận mọi chuyện đến với mình không than trách hay oán hờn và cố gắng làm những gì để phần nào giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình mà thôi.

Nguyên Phương

Chuyện kể của người «cho mượn lỗ tai»

Tịnh Tâm

Tác giả là cư dân vùng Little Saigon, liên tục góp bài cho giải thưởng Việt Báo từ nhiều năm qua, đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2011. Sau đây là bài viết mới của cô.

Chuyện Mở Đầu

Phòng tang lễ đậm mùi nhang. Từ chỗ ngồi, một góc nhỏ nơi hàng ghế cuối, tôi có thể nhìn thấy toàn bộ khung cảnh. Hai hàng ghế trên cùng là người nhà của T, với đồ tang trắng. Các hàng ghế sau, chừng vài ba chục người, có lẽ bà con và bạn bè, đa số mặc đồ đen. Hai đứa con của T, đeo khăn tang, chạy loanh quanh, vô tư cười đùa. Chúng hãy còn quá bé để biết nỗi buồn đau mất mát quá lớn lao này.

T đã nhắm mắt xuôi tay, buông bỏ sự đời. Hình hài T đang nằm trên kia. Tôi biết T đã được trang điểm, mà trang điểm như thế nào thì tôi không thể hình dung, vì không bao giờ tôi nhìn khuôn mặt của người đã ra đi.

Tôi khe khẽ bước ra ngoài. T ơi, mình đến thăm bạn như thế này thôi nhé ! Mình không muốn lên chỗ bạn nằm. Mình muốn, đọng lại trong trí nhớ và trái tim mình là hình ảnh T khi còn sống. Phần mình, mình sẽ dặn dò

người thân, rằng đừng để ai nhìn thấy khuôn mặt mình lúc mình đã ra đi.

Khuôn viên nhà quàn rộng thênh, râm mát bóng cây, vắng lặng. Dưới đất, lác đác những chiếc lá khô thỉnh thoảng lăn tròn theo chiều gió. Trên cao, vài sợi mây trắng yên lặng trong bầu trời trong xanh. Xa tít đằng phía tây, một đám mây nhỏ hình cái nấm lấp lóa ánh nắng chiều vàng.

T ơi, sao lại chọn cái chết như thế hở bạn hiền ? Có phải bạn quá mệt mỏi để sống tiếp ? Có phải bạn không chấp nhận, thỏa hiệp được với nghịch cảnh ? Hay bạn không đủ mạnh mẽ để đối phó ?

Không dưng tôi nghĩ, phải chi tôi dành chút thời gian trò chuyện với T, biết đâu T đã nói gì đó với tôi, biết đâu T sẽ nhẹ lòng ? Ừ, biết đâu ?

T và tôi cùng sống trong một khu apartment. Nhà chúng tôi đối diện nhau. Chúng tôi vẫn thường gặp nhau, chào hỏi nhau. Thỉnh thoảng rảnh rỗi, chúng tôi dừng lại trò chuyện, đủ biết sơ nhau về công việc và gia đình. Ừ, phải chi T được ai đó cho mượn cái lỗ tai ? Và biết đâu T đã không tìm đến cái chết ?

Câu chuyện thứ nhất

MỘT CUỘC DẠO CHƠI

1.

- Chào cô Một ! Cô khỏe không ? Hôm nay cô ra ngoài này sớm hơn mọi lần ?

- Tàm tạm. Cám ơn em. Tôi ra đây sớm để đợi em. Em ngồi trò chuyện với tôi được không ?

- Dạ được ạ. Em rất thích nghe cô nói chuyện ạ.

Với ánh mắt buồn thăm thẳm, cô Một bắt đầu, giọng trầm xuống :

- Như em đã biết, cuộc đời tôi là một bi kịch...

Cô ngưng lại. Lắc đầu. Vài tia nắng len lỏi qua kẽ lá, đậu hờ hững trên vai cô.

- ... Rồi... bây giờ tất cả như đã bão hòa. Đặc quánh. Tôi đã sẵn sàng mọi sự. Có nghĩa là... nếu bây giờ, ngay giây phút này, tôi đươc ra đi... - Cô gật gù- Ừm, được hay bị ? Tiếng Việt mình thật phong phú ha ? Thôi thì sao cũng được; bỏ qua cái dzụ «được» hay «bị» đi cho đơn giản cuộc đời. Nếu bây giờ, ngay giây phút này... Tôi ra đi, thật nhẹ nhàng và êm ái. Vậy là rất tuyệt vời cho tôi.

- ...

Khu Nursing Home thật yên tĩnh. Thỉnh thoảng vài chiếc xe chầm chậm vào ra. Đa số họ là những người có thân nhân đang sống ở đây. Họ đến thăm và ra về. Tôi cũng đến đây thăm bố tôi và sắp về. Đâu đó trên dãy hành lang vắng vẻ, vài người già đang tha thẩn đẩy cái walker, chầm chậm, cẩn trọng từng bước chân.

- Cuộc đời tôi là một bi kịch, thấm đẫm nước mắt. Rồi giờ đây, mắt tôi đã cạn khô, ráo hoảnh... thậm chí đôi khi tôi thèm vài giọt chỉ để khóc cho chính mình, cho vơi bớt nỗi lòng, cũng không vắt ra được. Ừ, mà thôi ! Có nghĩa gì đâu ? Phải không em ?

- Dạ...

Cô chợt thở dài :

- Sắp tròn bốn mươi năm rồi đó em.

- Bốn mươi năm ?

- Ừ ! Bốn mươi năm... Cơn lốc xoáy !

- Dạ...

- Bi kịch đời tôi bắt đầu từ cơn lốc xoáy đó ! Cơn lốc xoáy kinh hoàng của lịch sử đã xảy ra ! Nó điên cuồng

cuốn đi mọi thứ ! Nó điên cuồng hủy diệt biết bao điều tốt đẹp, biết bao giá trị vật chất lẫn tinh thần. Và hàng triệu người đã bị thổi tung vào cát bụi mịt mù. Hàng triệu người đã bị ném lên tận chốn lam sơn cùng cốc, chướng khí nặng nề. Hàng triệu người bị quẳng vào đại dương hung hãn sóng gió, cướp biển, đói khát, chết chóc...

- Dạ...

Cô thở dài :

- Vậy là... sắp tròn bốn mươi năm rồi đó em. Bốn mươi năm. Bi kịch của cả một dân tộc, và cũng là bi kịch đời tôi.

- Dạ.

- Em à... Chuyến tàu đó chật kín người. Tôi và ba người bạn thân. Trong hành trang của chúng tôi, thứ quan trọng nhất là thuốc ngừa thai và quần áo rách, và lọ nghệ tẩm dầu hôi. Có nghĩa là chúng tôi sẵn sàng chấp nhận chuyện kinh hoàng kia... Bọn chúng tôi, đen đúa và hôi hám, vẫn không thoát được đám quỷ dữ đội lốt người. Không biết bao nhiêu lần, bọn hải tặc đã dày vò, hành hạ thân xác chúng tôi. Chúng tôi trần truồng và đầy thương tích...

- ...

- Thân phận của người Việt Nam chúng ta sau cơn lốc xoáy, hẳn em đã biết ? Có lẽ đó là nỗi thống khổ tột cùng của kiếp người.

- Dạ...

- Dù sao, tôi vẫn còn may mắn hơn biết bao người trên con đường vượt biển. Tôi đã được đặt chân trên đất nước này. Rồi tôi đã bắt đầu mọi thứ với thân xác và tâm hồn tơi tả. Tôi đã bắt đầu bằng những bước chân trong những đêm tuyết rơi trắng xóa để đến trạm xe bus. Tôi đã từng nín thở, chạy hụt hơi vì sợ ai đó đang rượt đuổi sau lưng. Đêm đêm, tôi thường bị những cơn ác mộng vật vã hành hạ. Cũng may là tôi không có phút giây nào để nghĩ đến bản thân mình. Bốn giờ sáng mỗi ngày tôi đi làm. Tôi lao vào việc kiếm tiền. Tôi đã làm rất nhiều nghề để kiếm tiền, từ việc chui vào thùng rác lựa ra những thứ có thể bán được, đến việc đi lau chùi nhà; từ việc rửa chén trong nhà hàng đến việc bỏ báo. Rồi hễ gom được một món tiền lớn là tôi đi mua hàng gửi về quê nhà giúp đỡ gia đình. Đó là mục đích, là mộng ước, là niềm vui của tôi.

- Dạ...

Cô chợt mỉm cười, nụ cười rất kỳ lạ, nụ cười không buồn không vui.

- Rồi tôi lấy chồng, sinh con. Các con tôi không bao giờ biết được hành trình tìm tự do của mẹ chúng. Tôi muốn các con tôi tràn đầy niềm tin vào cuộc sống, tràn đầy tình yêu thương và hơn hết thảy là sự bình an. Tôi muốn hành trang vào đời của các con tôi là những năm tháng tuổi thơ tinh khôi trong trẻo. Tôi không muốn các con tôi bị ám ảnh về hình ảnh người mẹ hoảng loạn với thân xác rách mướp, hơi thở mỏng manh như tơ nhện trước gió, bẹp dí sau cơn say mồi của lũ thú dữ. Cũng như, tôi đã không muốn cha mẹ, anh chị em tôi biết được những thùng hàng tôi gửi về hàng tháng là sự đánh đổi như thế nào.

- Dạ...

Cô im lặng hồi lâu. Cắn môi. Nhìn đâu đó trên bầu trời chiều. Vẻ tiều tụy già nua hiện rõ trên khuôn mặt chồng chất những bước chân thời gian.

- Ủa, hình như tôi đã kể em nghe chuyện này nhiều lần rồi phải không ?

- Dạ... nhưng không sao ạ... Em vẫn thích nghe cô kể ạ.

- Ừ ! Thì nghe ! Rồi một bi kịch khác. Chồng tôi... Ông ấy...

- ...

- Ông ấy nghỉ hưu... về Việt Nam chơi...

- Dạ...

- Ông ấy lấy vợ trẻ.

- ...

- Ông ấy đã ở hẳn bên ấy !

- ...

- Ông ấy ngụy biện với lý do rằng... tôi đã không còn nguyên vẹn khi làm vợ ông ấy...

- ...

- Tôi bị sốc nặng... Tôi như khùng khùng điên điên. Rồi tôi bị té ngã trong buồng tắm... Rồi tôi vào đây để khỏi làm phiền con cái. Tôi giấu kín mọi điều. Tôi không muốn các con tôi buồn. Tôi không muốn dâu rể tôi chê cười.

- ...

- Tôi yêu cầu ông ấy giấu kỹ chuyện vợ con của ổng ở bển. Nhưng rồi không hiểu sao, chúng cũng biết. Tôi đã quá mệt mỏi để vượt qua bi kịch này. Em ơi, tôi muốn chết quách đi cho rồi.

2.

- Chào cô Một ! Cô khỏe không ạ ?

- Tàm tạm. Bố em khỏe không ?

- Dạ, bố em rất khỏe. Cám ơn cô. Hôm nay em tới sớm để chuyển phòng cho bố.

- Tại sao ?

- Dạ, bố em muốn được ở cùng phòng với người cùng đơn vị của bố ngày xưa.

- À, ra vậy. Chúc mừng bố em. Giờ em phải về ?

- Dạ, nhưng nếu cô không phiền, em muốn ở chơi với cô một lát ạ.

- Ồ, tuyệt lắm ! Tôi bây giờ dư thừa thời gian. Tôi rất thèm có ai đó để trò chuyện, tâm sự. Được nói chuyện với em, tôi vui lắm. Chỉ sợ phiền em. Tôi hiểu những

người trẻ ở đây rất thiếu thời gian.

- Không sao ạ. Theo em nghĩ, thời gian sẽ không bị thiếu nếu mình biết sắp xếp.

- Tuyệt. Vậy thì em ngồi xuống đây. Tôi rất cần em.

- Cô ơi, em rất vui vì được cô kể chuyện đời cô cho em nghe.

- Hôm qua tôi đã kể với em tới đâu rồi ?

- Dạ... Ông ấy về Việt Nam...

- À... tôi nhớ rồi... Các con tôi, dâu rể tôi đã biết chuyện ông ấy. Cũng may, chúng không đặt nặng vấn đề. Chúng đều rất ngoan, hiếu thảo, lễ phép. Cũng may...

- Dạ... em có đọc đâu đó rằng, trên đời này không ai được tất cả, và cũng không ai mất tất cả.

- Ừ, có lẽ vậy.

- Cô ơi, cô có thể kể chuyện vui của cô cho em nghe được không. Chẳng hạn tuổi học trò của cô...

Cô Một vỗ hai bàn tay vào nhau kêu rõ to :

- Ồ ! Tuổi học trò ! Đúng rồi ! Hồi đó vui lắm ! Bữa nào em thiệt rảnh, ngồi với tôi, tôi sẽ kể em nghe ! Vui lắm !

Cô cười, tiếng cười chợt giòn tan, trẻ trung. Đôi mắt cô chợt sáng bừng trong khoảnh khắc.

- Người ta vẫn gọi đó là tuổi thần tiên, phải không cô?

- Đúng vậy ! Tuổi thần tiên. Vui thiệt. Biết bao nhiêu là chuyện.

- Em nghe bố em nói : «Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò» .

Cô cười to :

- Quỷ ma nhằm nhò gì. Theo tôi thì, thứ nhất là học trò đó. Tôi cũng nghịch dữ lắm à nghen.

Ánh mắt cô xa xăm. Một khoảng lặng :

- Ừm... Thật ra... nói một cách công bình, đời tôi không hẳn hoàn toàn là bi kịch em à.

- Dạ.

- Hình như tôi đã không công bình khi bi kịch hóa đời tôi. Thật ra... tôi đã từng có những giây phút vô cùng hạnh phúc em à.

- Dạ...

Nét mặt cô bừng sáng :

- Ví dụ những buổi chiều mát rượi ngày xưa xa lơ xa lắc, tôi và người ấy ngồi bên nhau trước hiên nhà, cạnh đó là luống hoa cúc vàng nở rộ. Chúng tôi, hai người trẻ, chập chững yêu nhau. Chúng tôi chỉ ngồi bên nhau, mà sao lòng vui tràn trề. Chúng tôi chỉ vài lần ngập ngừng nắm tay nhau, mà sao hạnh phúc tràn trề. Ừm, thực ra thì người ấy nắm tay tôi, còn tôi, chỉ biết để yên bàn tay mình trong bàn tay người ấy, run rẩy. Rồi... Em biết không, lần nọ, người ấy hôn vội lên má tôi. Ngộ ghê ! Chỉ một lần thôi... mà nụ hôn đó đi suốt đời tôi mỗi khi tôi đau buồn, nhắm mắt lại, nhớ về, để vơi bớt nỗi niềm. Tôi nghĩ, rất may mắn là người ấy chỉ dừng lại ở đó, một nụ hôn, trên má tôi. Để tôi có một tình yêu sáng trong trẻ thơ, êm đềm hạnh phúc.

Vẻ sung sướng, cô đưa tay xoa nhẹ bên má, đôi má gầy gò với nhiều nếp gấp và nhiều đốm nâu mà thời gian đã gửi lại. Dường như nụ hôn xưa kia vẫn còn in dấu trên đó. Ánh mắt cô lấp lánh niềm vui tươi trẻ.

- À, còn nữa, một buổi trưa nọ, tôi đến nhà người ấy để mượn sách học, cũng là một cớ để được gặp người ấy. Rồi người ấy đưa tôi về. Con đường làng buổi trưa hôm ấy râm mát bóng cây. Gió nhè nhẹ quấn tà áo tôi. Tay tôi, vừa giữ tà áo, vừa giữ quai nón, khép nép đi cạnh người ấy. À, hồi đó, mỗi khi ra đường, tôi thường mặc áo dài trắng, cũng là đồng phục của nhà trường. Tôi còn nhớ, lúc đó tôi ước gì con đường cứ dài thêm ra, dài mãi... đến vô tận.

- Ôi chao ! Dễ thương quá cô ơi !

Nụ cười của cô càng sáng rỡ :

- Ừ, dễ thương lắm em à. Đến nỗi... con đường hôm ấy, màu nắng hôm ấy, hương gió hôm ấy, hàng cây hôm ấy... vẫn đọng mãi trong tôi.

- Người ấy của cô giờ ở đâu ?

- Giờ ở Việt Nam, đang sống với vợ trẻ.

- Ủa ? Vợ trẻ ? Sao vẫn là vợ trẻ ?

- Ừ ! Sau khi ổn định cuộc sống, tôi đã liên lạc được với người ấy. Rồi tôi đưa người ấy sang đây. Người ấy là chồng của tôi đó, là ông ấy đó.

3.

- Chào cô Một. Cô khỏe không ạ ?

- Khỏe re. Cám ơn em. Bố em khỏe không ?

- Dạ bố em rất khỏe ạ.

- Em vào thăm bố mỗi ngày như vậy, bố vui lắm đó. Em là đứa con có hiếu. Em là người tốt.

- Dạ, cám ơn cô. Bố em cần em mỗi ngày chỉ là để nghe bố kể chuyện.

- Chuyện cổ tích ?

- Dạ không, chuyện đời bố. Bố kể hoài mà vẫn chưa hết đó cô. Bố nói, chỉ cần em ngồi lắng nghe bố kể, là bố vui. Mà bố vui thì bố khỏe.

- À... Hèn chi... Hèn chi từ bữa nói chuyện với em, lòng tôi nhẹ hẳn.

- Dạ...

- Em biết không, hổm rày tôi chợt nghiệm ra rằng cuộc đời chỉ là một cuộc dạo chơi.

- Cuộc dạo chơi ? Ồ ! Hay quá ! Em rất thích cách so sánh của cô.

- Ừ, cuộc đời mỗi người, đơn giản chỉ là một cuộc dạo chơi, phải không em ? Chỉ là một cuộc dạo chơi thôi mà- Cô cười nhẹ, nụ cười an nhiên tự tại- Cuộc dạo chơi trên con đường tròn. Mỗi một bước chân ta đang đi cũng là mỗi một bước chân ta đang trên con đường trở về, phải không em ? Có ai may mắn bước đi thong dong, bình an suốt cuộc hành trình ấy ? Con đường có thể thử thách bàn chân ta với những con dốc lởm chởm đá nhọn, hoặc khúc sông cuồn cuộn sóng dữ ? Có thể lúc nào đó, trên đầu ta, trời nổi cơn sấm sét bão giông ? Và còn nhiều thách thức khác nữa...

- Dạ...

- Mà thôi, dù sao tôi cũng gần trở về khúc cuối của con đường. Có gì đâu. Chỉ là một cuộc dạo chơi thôi mà. Tuy nhiên, cuộc dạo chơi có lúc vui lúc buồn, có lúc hạnh phúc, lúc khổ đau, khi ảm đạm khi tươi sáng, phải không em ?

- Dạ...

Trên cao, bầu trời vẫn xanh, xanh mênh mông và độ lượng. Từng đàn chim đang bay về tổ của chúng đâu đó trên những tán cây rộng.

- Ừ, khúc cuối con đường sẽ thấy lòng nhẹ thênh. Ta thong thả bước, không vội vàng gấp gáp. Có điều này, hình như sau khi nói ra được với em, tôi cảm thấy như trút bỏ cả gánh nặng. Cám ơn em nhiều lắm.

- Dạ, không có gì ạ... Em cám ơn cô đã cho em niềm vui được chia sẻ với cô.

- Và trên hết thảy, giờ đây tôi cảm nhận được hạnh phúc.

- Hạnh phúc ?

- Ừ, hạnh phúc. Em biết không, đến giờ phút này trái tim tôi vẫn ấm nóng yêu thương. Lòng tôi vẫn rưng rưng khi nghe chim hót, khi ngắm những bông hoa, khi nhìn lên bầu trời cao rộng. Em biết không, có những điều mình tưởng là cho đi, thực ra mình đã nhận lại được rất nhiều. Ngộ ghê, từ trong những cuộc trò chuyện với em, tôi bỗng nhận ra điều đó, ví dụ như, thuở tôi chân ướt chân ráo trên đất nước này, nếu không có tình yêu thương gửi gắm qua những thùng hàng gửi về quê nhà, làm sao tôi có thể vượt qua được những cơn bão tuyết giá lạnh chốn quê người, hay những ác mộng kinh hoàng hằng đêm. Phải, chính lòng yêu thương đã giúp tôi bước đi mạnh mẽ, để hôm nay, tôi ngồi đây, thảnh thơi vui sống. Hình như ai đó nói, nursing home là thiên

đường của người già trên đất Mỹ. Riêng tôi, chỗ này là bậc thềm để tôi nghỉ chân trước khi tôi trở về nơi chốn ấy. Rồi tôi sẽ thảnh thơi ôm nắng, gối mây mà mơ mộng, thảnh thơi hít thở hương gió thơm lành, thảnh thơi nhớ về những kỷ niệm êm đềm, ngọt ngào. Và rất vui vì ngẫm lại, thấy mình đã sống không đến nỗi nào.

- Dạ, em cũng nhận thấy điều đó. Cô đã làm được nhiều điều kỳ diệu trong cuộc dạo chơi.

Cô Một lại cười, nụ cười tỏa sáng niềm vui :

- Không kỳ diệu gì đâu em, chỉ chút xíu thôi. Rất cám ơn em đã bỏ thời gian, ngồi đây với tôi. Lắng nghe tôi.

- Không có gì ạ. Câu chuyện của cô sẽ là những kinh nghiệm cho nhiều người khác, ngay cả em đây, để hoàn tất tốt đẹp cuộc dạo chơi. Giờ em phải về. Mà, trời lạnh rồi đó cô. Em đẩy cô về phòng nhé.

- Cám ơn em. Tôi mong em tiếp tục cho những ai cần «mượn lỗ tai của em» . Tôi nghĩ, rất nhiều người cần đến em đó.

- Dạ, cám ơn cô.

Tịnh Tâm

Những Ngày Tháng Khó Quên

Nguyễn Trần Phương Dung

Tác giả sinh năm 1972. Từng là một thuyền nhân, rời Việt Nam năm 10 tuổi khi cùng gia đình vượt biển năm 1982. Tốt nghiệp Management Information System, từng có 14 năm làm việc cho Cisco System inc. , và hiện là cư dân San Jose, làm việc cho Yahoo ! Với bài «Cám ơn em, Cám ơn Peace Corps', Nguyễn Trần Phương Dung đã nhận giải vinh danh tác phẩm Viết Về Nước Mỹ 2008 và ba năm sau, với bài «Thế Hệ Gạch Nôi» , cô nhận thêm giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2011. Thời gian đến rồi đi chẳng chờ đợi ai. Có những «một ngày như mọi ngày [1]» và cũng có những ngày không thể nào quên. Và dường như, những ngày đau thương tang tóc để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng người nhiều hơn những ngày vui.

Đối với người Mỹ, 11 tháng 9, 2001 là một ngày trong lịch sử cận đại mà dường như ai ai cũng nhớ mình đang ở đâu và làm gì, khi quân khủng bố đâm máy bay vào tòa Tháp Đôi.

Đối với người Việt, 30 tháng 4, 1975 dính liền với những trang sử đen tối nhất mà khi nhắc đến ít ai không khỏi ngậm ngùi.

Riêng tôi, những ngày khắc ghi trong tâm khảm còn có thêm 11 tháng 11, 2014. Ngày Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ.

Hôm đó tôi đang ngồi ở bàn viết, trên bàn ngổn ngang hình ảnh và tài liệu của chương trình văn nghệ mừng Tết Ất Mùi của Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc- Giới Trẻ La San. Trên màn ảnh, dang dở bài viết cho báo Xuân Việt Báo. 1975- 2015. 40 năm chẵn. Dù bận rộn đến đâu cũng cố gắng đóng góp một chút gì đó để tưởng nhớ ngày đổi đời của cả một dân tộc.

Điện thoại reng. Xen lẫn với giọng nói hốt hoảng và tiếng khóc, tôi nghe được : Khiêm. Biển. Sóng. Mất tích.

Đầu tôi choáng váng, tai ù đi. Nước mắt từ lúc nào rơi lộp độp xuống những tấm hình trên mặt bàn. Cờ vàng ba sọc đỏ nhòe nhoẹt. Cờ đỏ trắng 13 sọc với 50 vì sao đang bay phất phới ngoài sân cũng nhạt nhòa. Quá khứ và hiện tại nhập nhằng. Niềm đau dâng lên trong tim làm tôi muốn nghẹt thở...

Khiêm là đứa cháu tôi đặc biệt thương quý. Cháu là con bà chị lớn, thuộc thế hệ di dân 2. Lúc nhỏ cháu rất ngoan và hay cười. Lớn lên cháu lạc quan yêu đời, dù cuộc sống gặp nhiều khó khăn, oai trái. Cháu say mê bóng đá và là một tiền vệ xuất sắc mang áo số 10. Cháu mơ ước trở thành cầu thủ chuyên nghiệp và chơi cho đội bóng nhà San Jose Earthquakes.

Năm 2011, đúng 10 năm sau biến cố 9/11, khi trận chiến Iraq và Afghanistan đang ở thời kỳ cao điểm, Khiêm thông báo quyết định vào Không Quân. Tuy lo lắng, gia đình và bè bạn đã hoàn toàn hỗ trợ cháu. Trong người cháu có dòng máu nhà binh. Ngoài những ông chú thuộc thế hệ 1 trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa ngày nào, cháu còn có cậu ruột trong Hải Quân, anh ruột và em họ trong Thủy Quân Lục Chiến của Hoa Kỳ. Phục vụ cho quốc gia là một vinh dự, chúng tôi luôn tin tưởng như thế.

Trở về từ quân trường, Khiêm phục vụ ở Đơn Vị 129th Rescue Wing thuộc cơ quan California Air National Guard, đóng ở căn cứ Moffett Field tại thành phố Mountain View, bắc California. Với hơn 1, 000 nhân viên quân sự và dân sự, nhiệm vụ của Cứu Cánh 129 là đào tạo và chuẩn bị nhân sự để thực hiện nhiệm vụ thời chiến là tìm kiếm và cứu nguy lính tác chiến và

công dân ở bất cứ nơi nào trên thế giới, trên đất liền hay trên nước, trong hoàn cảnh thù nghịch hay được chấp thuận. Cứu Cánh 129 cũng cung cấp nhân lực đã được đào tạo thuần thục và trang bị đầy đủ, để đáp ứng và duy trì các nhiệm vụ khẩn cấp trong tiểu bang như thiên tai lũ lụt, cháy rừng, và để hỗ trợ chính quyền dân sự trong việc thi hành pháp luật.

Khiêm trưởng thành hẳn sau khi vào Không Quân và phục vụ đất nước với trái tim đầy tự hào. Ngoài giờ làm việc ở căn cứ, cháu hăng say tập luyện và thi đấu bóng đá. Cháu còn làm huấn luyện viên thiện nguyện cho những đội bóng trẻ trong Milpitas Youth Soccer League. Khi rảnh rỗi, cháu thích họp mặt gia đình hay đi câu cá với bạn. Trong gia đình, trên sân cỏ, ngoài cộng đồng, nơi căn cứ, cháu được mọi người yêu mến.

Trớ trêu thay, ngay giữa lúc cuộc sống của Khiêm đang thăng hoa thì tai họa xảy đến. Cháu tuổi trẻ đầy sức sống, lại đá banh và tập luyện thể dục thường xuyên nên thể lực và tinh thần rất tốt. Là một thành viên trong đơn vị cứu nguy vừa mới trải qua một cuộc tái huấn luyện mãnh liệt và cam go để chuẩn bị cho chuyến triển khai quân sự (military deployment) ở Phi Châu vào đầu năm 2015, cháu rành rẽ về kỹ thuật cứu sống người trong những trường hợp nguy hiểm nhất. Nào ngờ, một

chuyến câu cá trong ngày lễ nghỉ và một đợt sóng lén quất vào ghềnh đá đã thay đổi tất cả. Thế mới thấy, đứng trước quyền năng của thiên nhiên, sức con người chẳng là gì cả.

Khi hay hung tin Khiêm bị sóng cuốn mất tích, gia đình và thân hữu đã tức tốc chạy ra nơi cháu đã đứng câu cá. Sobranie Point nằm ở trong công viên Garrapata State Park, nổi tiếng với những ghềnh đá cao hiểm trở. Nước biển phía dưới sâu thẳm và chảy xiết. Sóng từ ngoài khơi đập dồn dập vào bờ đá trắng xóa. Nhìn đại dương bao la ngoài xa, tôi rùng mình nghĩ đến chuyến vượt biển thập tử nhất sinh năm nào, nghĩ đến những người bỏ xác trên biển cả, những chiếc thuyền cập bến không một người sống sót...

Có lẽ trong đời tôi chưa bao giờ cầu nguyện thành khẩn bằng lúc đó. Xin Trời cao giữ gìn cháu. Xin cho U. S. Coast Guard tìm được cháu. Xin cho đứa con trai nhỏ của cháu còn có cha... Không chỉ riêng tôi, ba mẹ cháu, ông ngoại, người mẹ của đứa con trai của cháu, gia đình bạn bè... tất cả mọi người cùng nín thở cầu nguyện và trông chờ tin lành.

Chỉ huy trưởng của Cứu Cánh 129, Đại Tá Gregory Jones, và Tuyên Úy Quân Đội, Đại Úy David Schenone, đích thân có mặt để hỗ trợ cuộc tìm kiếm và an ủi gia

đình.

Trên trời trực thăng, trên nước tàu, dưới biển thợ lặn, trên bờ lính cứu hỏa, kiểm lâm viên và người thân, tất cả đều cố dõi mắt kiếm tìm tông tích cháu. Biển bao la, cháu trôi dạt nơi nào, có hay biết đến những tấm lòng đang cùng hướng về cháu ?

Hy vọng của chúng tôi tàn lụi dần theo những tia nắng cuối ngày. Thường thì những cuộc cứu người đình chỉ vào lúc mặt trời lặn, nhưng vì cháu là quân nhân, lại thuộc đơn vị cứu nguy, nên những người anh em của cháu đã cố gắng kéo dài cuộc tìm kiếm giữa màn đêm. Khi bắt buộc phải tạm ngưng, họ nắm chặt tay gia đình: Tiếp tục tin tưởng và cầu nguyện, vì phép lạ vẫn xảy ra...

Đêm hôm đó trong giờ kinh tối của gia đình, tôi cho các con biết tin và bảo chúng cầu nguyện. Dù thế nào, cũng xin tìm được và đưa anh của chúng về nhà. Xin sự an toàn cho những người cứu nguy. Xin cho gia đình có can đảm và nghị lực chấp nhận ý Trời. Các con của tôi, nhất là thằng lớn, rất gần gũi với Khiêm. Nhìn chúng khóc mà lòng tôi đau xót vô cùng. Sáng hôm sau đến lượt anh chị của tôi và Elizabeth bạn gái của Khiêm báo tin cho con trai Kian của cháu biết. Tôi đã không có can đảm để chứng kiến cảnh đứt ruột đó.

Một đêm thức trắng, tôi miên man nghĩ về những kỷ niệm với Khiêm. Chuyện từ thời xa xưa khi tôi còn độc thân ở với ba mẹ, anh chị tôi gửi cháu và thằng anh trai cho mẹ tôi trông nom để đi làm. Đi học về tôi thường chơi với các cháu, cho cháu ăn, dạy cháu học. Khiêm rất ngoan ngoãn dễ dạy, tôi cưng cháu vô cùng. Ngày tôi lấy chồng, Khiêm sáu tuổi làm ring boy, mặc bộ đồ tuxedo đen đứng bên cạnh chú rể, tẩn mẩn với cái gối hình trái tim cột hai chiếc nhẫn cưới. Rồi khi chúng tôi có con trai đầu lòng, Khiêm phụ trông em, vui đùa với em và thường đẩy xe đưa em ra công viên gần nhà chơi. Có lần vợ chồng tôi đưa con đi chơi xa, Khiêm ở nhà nhớ em, lấy quần áo dơ của em ra hôn hít. Tôi về biết chuyện càng thương tấm lòng mẫn cảm của cháu. Lớn lên Khiêm đẹp trai và chơi thể thao giỏi, con gái trong trường mê tít. Nhớ hoài ngày cháu và bạn gái hẹn dì ra gặp để báo tin sắp có con. Làm cha lúc tuổi đời còn trẻ, khi các bạn còn lông bông vui đùa thì Khiêm đã gánh vác trách nhiệm gia đình. Thời gian này tôi ở xa, mỗi lần về thăm thấy cháu khổ cực mà thương. Nhưng rồi với ý chí và sự nỗ lực không ngừng cháu đã vượt qua được mọi khó khăn. Ngày gia đình tôi dọn về lại Cali, tôi vui mừng thấy cháu chững chạc yêu đời và cuộc sống tương đối ổn định. Dì cháu thân với nhau như bạn, cháu có thể nói với tôi bất cứ vấn đề gì. Mới đây thôi,

hai dì cháu nói chuyện thế hệ 1 thế hệ 2, chuyện vì sao người Việt xa xứ, chuyện tỵ nạn thuyền nhân, chuyện vượt biển mất tích... Chúng tôi hẹn với nhau, một ngày nào đó, dì cháu cùng trở về thăm quê cha đất tổ, nơi tôi biết phần nhiều qua văn chương sách vở, và cháu chỉ biết qua lời kể của ba mẹ, ông bà...

Nhưng ngày đó sẽ không bao giờ tới vì trưa ngày hôm sau, US Coast Guard đã tìm được xác cháu. Làm sao diễn tả được cái cảm giác bàng hoàng và đau đớn tột cùng khi biết tin. Như những người đang sống quen trong thế giới ánh sáng và bỗng dưng mặt trời vụt tắt và bóng tối ụp xuống, gia đình chúng tôi hụt hẫng lần mò và đau đớn vấp ngã trong màn đêm vô tận.

Ngay chính lúc đầy hoang mang sợ hãi đó, nhiều bàn tay đã đưa ra đỡ nâng dìu dắt, nhiều ánh nến đã được thắp lên, giúp cho chúng tôi làm quen với một thực tại mới. Bạn hữu, thân bằng quyến thuộc, quân đội Hoa Kỳ, cộng đồng Việt và ngoại quốc đã đến cùng chia sẻ nỗi mất mát và niềm thương tiếc với chúng tôi. Họ đã từng bước đi bên cạnh chúng tôi trong hành trình đầy nước mắt đó, từ lúc Khiêm bị sóng cuốn mất tích cho đến khi biết chắc là cháu không còn.

Ngày thăm viếng trời mưa to gió lớn nhưng người đến đông nghẹt từ sáng đến tối. Trong giờ tưởng niệm, bạn bè và đồng đội của Khiêm đã lên chia sẻ những kỷ niệm với cháu. Chúng tôi cùng khóc với nhau, và có lúc, cùng cười òa, khi nhắc về cái tính tếu lâm và phá ngầm, giọng cười kỳ quặc, tinh thần lạc quan, cái máu phiêu lưu mạo hiểm, khả năng làm việc, tài năng trên sân cỏ, và nhất là tấm lòng khiêm cung và trung thành của cháu.

Thánh lễ an táng của Khiêm được cử hành tại nhà thờ Nữ Vương Hòa Bình (Our Lady of Peace) , nơi mà lúc sinh thời cháu tỏ ý yêu mến. Sáng thứ sáu giờ đi làm, đoàn xe tang từ nhà quàn đến nhà thờ bị kẹt đường dù đã có hai cảnh sát lái MotorCars theo hộ tống. Đến nơi chỉ còn năm phút là đến giờ bắt đầu thánh lễ. Sân nhà thờ đầy người đứng chờ. Trong nhà thờ, người ngồi kín mít, gần phân nửa mặc lễ phục của Không Quân. Không ngờ thân hữu đến tiễn đưa cháu đông như vậy. Hai trăm cuốn sách tang lễ tôi đặt in chẳng thấm vào đâu.

Linh mục chủ tế làm phép linh cữu ở cuối nhà thờ rồi đứa con trai bảy tuổi của Khiêm, tay cầm di ảnh của ba, đi sát bên cạnh mẹ dẫn đầu đoàn rước vào nhà thờ. Anh ruột, các anh em con chú con bác, và hai người bạn thân của Khiêm khiêng linh cữu. Lúc đầu bên quân đội

đề nghị để những Vệ Binh Danh Dự (Honor Guards) khiêng quan tài trong suốt tang lễ nhưng gia đình tôi muốn để cho anh em của Khiêm lo cho cháu tại nhà quàn và nhà thờ. Khi ra nghĩa trang, chúng tôi xin giao lại cho họ để làm theo nghi thức quân đội.

Tôi và gia đình đi sau quan tài. Đoạn đường từ cuối nhà thờ lên cung thánh có bao nhiêu bước mà tôi cảm thấy dài lê thê. Tôi đi sát cạnh chị tôi và có cảm tưởng chị có thể ngã gục bất cứ lúc nào. Tôi cũng muốn gục ngã rồi đây. Cháu tôi mới 24 tuổi, tại sao lại có cảnh này ? Ngày xưa sức mạnh nào đã giúp Đức Mẹ Maria đi trọn đoạn đường lên đồi Golgotha với Chúa Giêsu ? Xin giúp sức cho chị, xin giúp sức cho tôi.

«Chúa xô tôi xuống lòng vực thẳm giữa muôn trùng sóng đại dương.

Trong vực sâu tối tăm, tâm hồn tôi trông cậy nơi Chúa, vẫn trung kiên...»

Lời hát của ca đoàn làm nước mắt tôi rơi không ngừng. Chúa đang thử thách lòng tôi. Xin cho tôi vững tin rằng, Chúa có dự định hoàn hảo cho mỗi con người. Khiêm đang ở một nơi tốt đẹp mà một ngày nào đó tôi cũng sẽ tới và được gặp lại cháu tôi.

Sau Thánh Lễ, linh cữu của Khiêm được di chuyển về nơi an nghỉ tại nghĩa trang Cổng Thiên Đàng (Gate of Heaven) . Phần mộ của cháu nằm bên khu quân đội, đối diện với khu Đất Thánh Việt Nam, nơi ông bà nội, mẹ và người em họ của tôi an nghỉ. Khiêm khi sống rất giàu tình cảm, lúc chết được chôn cạnh gia đình tôi nghĩ cháu vui.

Hầu hết bạn bè thân hữu đi theo linh cữu ra nghĩa trang. Hơn 200 quân nhân trong đơn vị Cứu Cánh 129, từ chỉ huy trưởng đến binh sĩ, cũng theo ra tiễn biệt người anh em của mình. Họ đứng vào hàng ngũ, giơ tay nghiêm chào khi xe tang đến nơi. Và họ tiếp tục đứng im phăng phắc cho đến khi quan tài được hạ xuống huyệt.

flag presentation Nghi thức an táng của quân đội[2] hết sức long trọng. Sáu người Vệ Binh Danh Dự khiêng quan tài từ xe tang đến mộ phần. Lá quốc kỳ phủ trên quan tài được gấp một cách trịnh trọng. Nghi thức gấp quốc kỳ của quân đội Hoa Kỳ dựa trên cùng nguyên tắc tín ngưỡng mà tổ quốc Hoa Kỳ được sáng lập. Có tất cả 13 gấp, mỗi gấp có một ý nghĩa đặc biệt riêng.

Gấp thứ nhất tượng trưng cho sự sống.

Gấp thứ hai tượng trưng cho sự tin tưởng ở đời sau.

Gấp thứ ba vinh danh và tưởng nhớ người quân nhân đã ra đi, người đã hy sinh một phần của cuộc đời để bảo vệ tổ quốc và giúp mang hòa bình cho thế giới.

Gấp thứ tư tượng trưng cho sự yếu đuối của con người. Là những công dân tin vào Chúa, chúng ta chạy đến Ngài trong thời bình cũng như thời chiến để được hướng dẫn.

Gấp thứ năm vinh danh tổ quốc, vì như lời của Stephen Decatur, «Quốc gia của chúng ta, khi xử sự với những quốc gia khác, xin lúc nào cũng đúng, nhưng vẫn là quốc gia của chúng ta, đúng hay sai.»

Gấp thứ sáu nhắc nhở chỗ nằm của trái tim chúng ta. Chính với trái tim, chúng ta cam kết trung thành với lá cờ của hiệp chủng quốc Hoa Kỳ và nền cộng hòa mà lá cờ tượng trưng : một tổ quốc, dưới Chúa, không thể phân chia, với công lý và hòa bình cho mọi người.

Gấp thứ bảy vinh danh quân đội, vì qua quân đội mà chúng ta bảo vệ tổ quốc và lá cờ từ quân thù.

Gấp thứ tám dành cho người đã đi vào thung lũng tối đen của sự chết, cho họ tìm thấy ánh sáng ban mai[3], và cũng để cho người mẹ mà lá cờ tung bay để vinh danh trong ngày Mother’s Day.

Gấp thứ chín vinh danh nữ giới, vì qua niềm tin, tình yêu, sự trung thành và tận tụy của họ mà chí khí của người đàn ông và đàn bà của quốc gia vĩ đại này được rèn luyện.

Gấp thứ mười vinh danh người cha, vì ông cũng là người đã cho đi người con trai, con gái của mình để bảo vệ tổ quốc.

Gấp thứ mười một, trong mắt của dân Do Thái, tượng trưng cho dấu ấn của vua David và vua Solomon, và tôn vinh Chúa của Abraham, Isaac và Jacob.

Gấp thứ mười hai, trong mắt của người Kitô hữu, tượng trưng cho biểu tượng đời đời, và để vinh danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Khi lá cờ đã hoàn toàn gấp xong, những ngôi sao được ở trên cao nhất, nhắc nhở cho chúng ta phương châm của tổ quốc : Trong Chúa chúng tôi tin.

Tiếp theo là ba loạt súng chỉ thiên. Truyền thống chiến tranh ngày xưa có phần ngưng chiến để hai bên đi thu nhặt xác của đồng đội mình về. Ba loạt súng trong chiến tranh cho biết kẻ chết đã được lo liệu đúng đắn và cuộc chiến có thể tiếp tục. Ba loạt súng trong đám tang quân đội nói lên họ đã lo liệu xong cho người anh em

vừa nằm xuống.

Hồi kèn tiễn đưa kết thúc nghi thức. Tiếng kèn thê lương nghe xốn xang ruột gan. Người sĩ quan hai tay cầm lá quốc kỳ đã được gấp, trịnh trọng dâng cho mẹ người quân nhân quá cố. Chị tôi hai tay run rẩy đón nhận lá quốc kỳ vừa được phủ trên quan tài của con trai mình. Còn vinh dự nào hơn. Còn đau đớn nào hơn ?

Tiếp tục mất ngủ nhiều đêm sau đám tang của Khiêm, tôi nghiền ngẫm thật nhiều về những tấm lòng đã dành cho cháu và gia đình. Nếu sự có mặt đông đảo của thân hữu trong tang lễ và sự hỗ trợ liên lũy đầy vị tha dành cho gia đình phần nào phản ảnh tình thương và sự tôn trọng mọi người dành cho Khiêm thì quả thật cháu đã sống một cuộc đời trọn vẹn và ý nghĩa, vì «tuổi thọ đáng kính không phải bởi sống lâu, cũng không do số tuổi [4]» .

Khiêm mất sớm, Kian con trai của Khiêm sẽ lớn lên thiếu vắng tình thương và sự che chở của cha ruột mình. Nhưng tôi tin chắc rằng, mẹ của Kian, gia đình họ hàng và những người bạn của Khiêm sẽ bù đắp cho sự thiệt thòi này. Kian sẽ được ông bà, các bác các chú, các cha mẹ tinh thần lo lắng dưỡng nuôi. Hình ảnh bạn bè của Khiêm ôm vai nhau, ôm Kian, đứng bất động thật lâu nhìn xuống lòng huyệt sau khi quan tài của Khiêm đã

được hạ xuống cho tôi biết điều đó. Kian sẽ không bao giờ thiếu sự hỗ trợ và tình thương.

Cái chết của Khiêm cũng cho tôi hiểu được thế nào là «huynh đệ nhất chi binh» . Đơn vị Cứu Cánh 129 đã ở cạnh gia đình chúng tôi ngay từ giây phút đầu tiên. Họ cùng cầu nguyện, cùng lo lắng, cùng tìm kiếm Khiêm với chúng tôi. Khi mọi sự đã rồi, họ giúp lo liệu tang lễ cho cháu. Hai tuần sau đám tang, họ còn tổ chức một buổi tưởng niệm Khiêm tại căn cứ Moffett Field và mời gia đình đến tham dự. Thoạt đầu nhiều người do dự không muốn đi, vì chúng tôi không thể tưởng tượng có thể trải qua thêm một tang lễ của cháu nữa. Riêng tôi, tuy biết mình sẽ đau đớn lắm, đã có mặt để tỏ lòng tôn trọng quân đội cũng như phần nào đáp trả sự tử tế mà họ đã dành cho gia đình chúng tôi.

Kia accepting medal Buổi lễ trang nghiêm đầy ý nghĩa. Chương trình bao gồm :

Nhạc mở đầu
Khai Mạc và Nghi Thức Lễ Tân
Lời Cầu Nguyện
Trao Huân Chương
Thánh Thư
Thánh Ca
Chia Sẻ

Nhạc Kèn
Kinh Cảm Tạ
Thánh Ca kết thúc

Nước mắt tôi rơi từ đầu cho đến cuối, bắt đầu với cảnh mấy trăm quân nhân trong quân phục và lễ phục trang trọng giơ tay chào (salute) Khiêm, cho đến khi từng quân nhân một sắp hàng đến ôm vai và bắt tay chia buồn với gia đình. Tôi đã mím chặt môi để đừng bật ra tiếng khóc trong lúc trao huân chương. Mới đây thôi, Khiêm đoạt danh hiệu Outstanding Airman of the Year - một danh hiệu tuyên dương cá nhân cao nhất của Không Quân Hoa Kỳ. Gia đình chưa kịp biết, huân chương chưa kịp gắn thì cháu đã ra đi. Quân đội trao vinh dự lại cho con trai của Khiêm trong buổi lễ tưởng niệm. Nhiều cặp mắt đã đẫm lệ khi Trung Tá Taft Aujero gắn huân chương lên ngực áo của Kian. Hãnh diện và đau lòng.

Phần chia sẻ cảm động và chân tình. Cô Trung Sĩ Kỹ Thuật Ashley Kennedy đã khóc suốt bài diễn văn. Qua cô, chúng tôi hiểu thêm về công việc của Khiêm và những nỗ lực của cháu trong ba năm trong lính. Cháu là một trong những vệ binh được thăng chức nhiều lần và nhanh nhất. Cô tiếc sẽ không còn cơ hội làm việc với cháu, và được một ngày thấy cháu chơi cho đội bóng đá

Không Quân.

Và tôi sẽ không bao giờ quên tấm lòng và sự tử tế của Tuyên Úy Quân Đội, Đại Úy David Schenone. Ông đến nhà thăm chúng tôi. Ông ngồi với chúng tôi hàng giờ ở nhà quàn, trong thinh lặng. Trong Thánh Lễ An Táng, khi đứng phía trên cung thánh để cảm tạ các Cha và thân hữu, tôi nhìn thấy ông đứng ở cuối nhà thờ, đôi mắt đầy trắc ẩn, cảm thông.

Trong buổi lễ tưởng niệm, với cử chỉ và giọng nói chân thành, Tuyên Úy Schenone đã đọc những bài thơ, trích những câu chuyện trong Phúc m, và có những lời lẽ làm xoa dịu niềm đau của chúng tôi. Tôi sẽ nhớ hoài câu ông nói, «Đức Chúa đã ban cho, Đức Chúa lại lấy đi. [5] Chúng ta có thể không hiểu tại sao thảm kịch xảy ra. Chúng ta có thể không đồng ý. Chúng ta có thể giận dữ. Chúng ta có thể đau khổ. Nhưng chúng ta phải chấp nhận nó đã xảy ra, vì chỉ khi đó, chúng ta mới thật sự có thể thương tiếc người thân và bắt đầu quá trình chữa lành vết thương. Với niềm cậy trông vào Đấng Tối Cao, chúng ta tin tưởng rằng, sẽ có một ngày chúng ta gặp lại người thân ở nơi không còn khổ đau và nước mắt...» Và ông đã kết :

«Lạy Chúa, dầu qua thung lũng âm u
con sợ gì nguy khốn, vì có Chúa ở cùng.
Côn trượng Ngài bảo vệ, con vững dạ an tâm. [6]»

David Schenone, ông là Simon thành Cyrene [7] của chúng tôi.

Và còn rất nhiều Simon nữa.

Bạn bè thân hữu, các linh mục và tu sĩ nam nữ, các hội đoàn Công Giáo, cộng đồng Việt và cộng đồng ngoại quốc tại địa phương đã đối xử quá tốt với gia đình chúng tôi. Hôm Khiêm mất tích, đài KTVU đã đến phỏng vấn gia đình và đưa tin lên TV ngay tối đó. Đêm canh thức bắt đầu với biết bao nhiêu người cầu nguyện cho cháu. Khi thi thể Khiêm được tìm thấy vào ngày hôm sau, Andrew và nhóm bạn của Khiêm lập tức xin phép gia đình để mở trang GoFundMe cho Kian. Gia đình chúng tôi đã quyết định không nhận phúng điếu cho tang lễ, nhưng cũng không thể từ chối những tấm lòng thành này. Những gì xảy ra sau đó thật quá sức tưởng tượng của chúng tôi. Qua tin nhắn, email, điện thoại, trang mạng xã hội, báo chí, truyền hình... tin tức về cái chết bi thảm của Khiêm lan nhanh. Chúng tôi nhận được biết bao lời chia buồn và an ủi. Quỹ học bổng cho Kian lên đến hơn 40 ngàn đồng, từ những người quen và không quen.

Và sẽ là một thiếu sót lớn nếu không nhắc đến những đội bóng đá. Ba của Khiêm là một cầu thủ bóng đá có tiếng tại San Jose trên 30 năm qua. Các chú bác và anh em họ bên mẹ của Khiêm cũng mặc áo cầu thủ cho các đội bóng người Việt. Khiêm bắt đầu ra sân đá banh từ lúc còn bé xíu và được các cầu thủ cha chú cưng chiều, không phải vì cháu là một tiền vệ xuất sắc đã bao lần giúp mang vinh dự về cho các đội bóng tại bắc Cali và miền Tây, mà vì tính tình ôn nhu hiền hòa của cháu. Đối với các cầu thủ trẻ thuộc thế hệ sau, Khiêm là người lãnh đạo khiêm tốn, tận tình chỉ dẫn kỹ thuật và cổ võ cho các em.

Sự ra đi của Khiêm là một cú sốc và là một mất mát lớn cho các đội bóng người Việt trong vùng. Hôm ra nhà quàn rất đông cầu thủ đến viếng. Hai người đại diện đã lên chia sẻ kỷ niệm về cháu rất chân tình. Cảm động nhất là chuyện những cháu nhỏ trong đội The Strikers của thành phố Milpitas mà Khiêm làm huấn luyện viên thiện nguyện xin được đến thăm viếng và tiễn đưa coach lần cuối. Ba mẹ của các cháu đã lên cảm ơn Khiêm đã cho con của họ niềm đam mê bóng đá và sự tự tin trên và ngoài sân cỏ. Trái tim chúng tôi được vỗ về khi biết Khiêm đã chạm vào rất nhiều cuộc đời và được quý mến thương yêu.

Món quà tinh thần cuối cùng từ cộng đồng đến một ngày trước đêm Giáng Sinh. Khi biết tin Khiêm qua đời trước khi có thể thực hiện giấc mộng trở thành cầu thủ chuyên nghiệp cho đội bóng nhà San Jose Earthquakes (Khiêm đang chuẩn bị tham dự tryout vào mùa xuân tới) , cơ quan này đã liên lạc với gia đình và đề nghị ký hợp đồng danh dự và trao chiếc áo cầu thủ của đội cho Khiêm. Đích thân Tổng Giám Đốc John Doyle và huấn luyện viên trưởng Dominic Kinnear của San Jose Earthquakes trao chiếc áo kỷ niệm đến gia đình tại sân vận động Avaya Stadium đang sắp được xây cất xong. Đây là một vinh dự mà chúng tôi ao ước phải chi xảy ra bằng cách khác.

Biết nói làm sao để tỏ bày hết niềm tri ân đến tất cả những tấm lòng đã dành cho Khiêm và gia đình chúng tôi. Nguyện xin ơn Trên tuôn ban phúc lành và trả công bội hậu cho tất cả mọi người.

Thời gian tiếp tục trôi sau ngày Khiêm mất.

Lễ Tạ Ơn đến một tuần sau đám tang, tôi do dự mãi có nên ăn mừng như hằng năm không ? Tôi sợ chị buồn khi nhìn cảnh con cháu đầy đủ mà không có Khiêm. Chị hiểu lòng tôi nên trấn an, «Khiêm rất thích những cuộc họp mặt gia đình bạn hữu. Cháu sẽ muốn mọi người vui vẻ đến với nhau.»

Tôi chạnh lòng nhớ đến lời chia sẻ của tuyên úy Schenone. Dù đau đớn, dù tiếc thương, chúng tôi vẫn phải chấp nhận là Khiêm đã không còn. Trái đất vẫn xoay, cuộc đời vẫn tiếp diễn, mọi người vẫn phải tiếp tục sống. Điều hay nhất mà chúng tôi có thể làm để vinh danh ký ức về Khiêm là sống cho thật trọn vẹn và ý nghĩa như cháu đã sống. Cháu vẫn thường nói, «Đừng sợ. Hãy sống hết mình. Hãy làm theo trái tim, vì cuộc sống quá ngắn ngủi. Tất cả mọi giây, mọi thời khắc đều tính.»

Khiêm mất đi nhưng nhiều điều tốt đẹp đã nẩy sinh ra sau đó. Đại gia đình khắn khít hơn, thương yêu nhau nhiều hơn. Những mối quan hệ bị ghẻ lạnh từ lâu nay bắt đầu được nối lại. Anh ruột của Khiêm có người yêu. Anh họ đính hôn. Thêm một đứa cháu trai được sinh ra đời. Kian thì lớn hẳn. Khi được hỏi cháu có nhớ ba, Kian trả lời rất nghiêm trang, «Con vẫn gặp và nói chuyện với daddy trong giấc mơ. Daddy luôn ở bên con.»

Phải rồi, Khiêm sẽ ở mãi trong tim những người thương yêu cháu. Cũng như cháu sẽ luôn ở bên cạnh và phù hộ cho con trai của mình, tôi tin như thế.

Ngày Lễ Giáng Sinh, gia đình lại họp mặt. Ăn uống, nói chuyện vui, nhớ về Khiêm, xem hình Kian nhận huân chương thay ba, hình anh rể nhận áo cầu thủ thay

con. Nhìn tấm hình chụp trong buổi lễ nhận áo, tôi nhớ ra hôm đó có nói chuyện với người quản lý quan hệ truyền thông cho đội San Jose Earthquakes về việc tổ chức ngày Di Sản Việt khi sân vận động Avaya xây xong vào mùa xuân năm tới. Anh Frank Stranzl có nhã ý mời Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc - Giới Trẻ La San đến trình diễn trống, như các em đã từng trình diễn trong half- time show cho các trận bóng đá của Earthquakes tại sân Buck Shaw stadium trong mấy năm qua.

Giống như Khiêm, các em Giới Trẻ La San thuộc thế hệ di dân 2. Các em được sinh ra và lớn lên ở Mỹ, là sự sống bắt nguồn từ cái chết của Sài Gòn năm nào. Ngày xưa nước Mỹ và người Mỹ đã mở rộng vòng tay đón nhận ông ba và ba mẹ các em thế nào, thì bây giờ các em phục vụ lại mọi người với tấm lòng rộng mở như vậy. Khiêm đi lính để phục vụ quốc gia, các em Giới Trẻ La San dùng nghệ thuật để phục vụ cộng đồng.

Các em cũng không quên nguồn gốc của mình. Khiêm dự định về thăm quê cha đất tổ, các em Giới Trẻ La San đã trở về. Tận mắt nhìn thấy quê cha nghèo khổ, đất mẹ tang thương, trở lại Mỹ các em giúp gây quỹ để xây trường học, xây giếng nước, mở tủ thuốc tình thương... cho họ trò và dân nghèo.

Tết Ất Mùi 2015, để đánh dấu 40 năm người Việt xa xứ, các em tổ chức một buổi văn nghệ quy mô để phục vụ cộng đồng. Bằng hồi trống uy hùng và những vũ khúc chứa chan tình dân tộc, các em sẽ đưa các khán giả Việt và ngoại quốc qua bốn giai đoạn dựng nước, mở nước, giữ nước và giắc gieo vào muôn nước của dân tộc Việt. Với vũ nhạc kịch «Đóa Hoa Hồng Trà» , các em hy vọng vực dậy hào khí Việt Nam và nhắc nhở mọi người rằng, «vận nước có lúc thịnh lúc nguy, nhưng anh hùng hào kiệt thời nào cũng có.» [8]

Tôi rất tiếc sẽ không thể cùng Khiêm xem chương trình văn nghệ này. Tôi càng tiếc hơn sẽ không có ngày cùng cháu về thăm quê hương và chỉ cho cháu thấy sự khác biệt giữa hai đất nước và hai nền văn hóa. Tôi từng mơ ước được làm gạch nối giữa thế hệ 1 và thế hệ 2, và đã từng viết,

«Chúng tôi là thế hệ 1. 5 may mắn, được hấp thụ cả hai nền văn hóa và được chọn lựa những gì tốt nhất cho mình. Chúng tôi biết tại sao, bằng cách nào, mình có mặt nơi này và không quên những cơ cực, tủi nhục của thuở ban đầu. Chúng tôi tự hào với di sản của cha ông để lại và nguyện giữ gìn và chuyển đến thế hệ sau, để những người trẻ như lũ cháu tôi có thể hiểu và ngẩng đầu khi nhắc đến hai chữ «Việt Nam» .

Thế hệ 1. 5 xin được làm gạch nối giữa thế hệ 1- 2, để những trang sử bi hùng của thế hệ 1 không bị lãng quên. Với cái nền mà thế hệ 1 đã đổ máu và nước mắt xây, chúng tôi xin được làm bậc thang kế cho thế hệ 2 bước lên, với hy vọng tạo cơ hội và điều kiện cho họ viết lên những trang sử mới cho người dân gốc Việt.» [9]

Và tôi nghiệm ra, tuy những người trẻ như Khiêm và các em Giới Trẻ La San có thể không biết nhiều lắm về lịch sử và văn hóa Việt, nhưng các em đã và đang viết lên những trang sử mới cho người dân gốc Việt. Sự đóng góp và thành quả của các em cho nước Mỹ và cho quê hương Việt Nam rất rất đáng kể và đáng cho chúng ta tự hào.

Rồi tôi tự hỏi tại sao lại dừng lại ở thế hệ 2. Tại sao tôi không giúp truyền di sản Việt đến thế hệ 3 và sau đó ? Tôi quyết tâm, trong chương trình Văn Nghệ Tết Ất Mùi, ngồi ở hàng ghế danh dự sẽ có Kian cùng với mẹ Elizabeth, ông bà nội và ông cố ngoại của Kian, và đại gia đình. Bốn thế hệ sẽ cùng nhau ôn lại sử Việt, cùng ngậm ngùi nhìn lại những ngày đau thương tang tóc, và hãnh diện nhớ tới những ngày thịnh vượng của dân tộc.

Tôi sẽ dẫn Kian theo khi Giới Trẻ La San trình diễn trống tại sân vận động Avaya. Tiếng trống sẽ vang rền giữa trời đêm, phục vụ 18 ngàn khán giả đi xem bóng

đá và để khen thưởng và vinh danh những cầu thủ, trong đó Khiêm, người tiền vệ danh dự mang áo số 10 của đội bóng nhà San Jose Earthquakes.

Vâng, cuộc sống quả có những ngày buồn ngày vui, cũng như vận nước có lúc thịnh lúc suy. Đáng nhớ và quan trọng nhất, là những sự tốt lành từ những tang tóc đau thương, là «từ chết chóc, sự sống luôn luôn nẩy sinh» [10].

Sau bi kịch 9/11, tinh thần quốc gia dân tộc của người Mỹ đã lên tới cao điểm. Người Mỹ đoàn kết và ái quốc hơn bao giờ.

Biến cố 30 tháng 4 đẩy hàng triệu người Việt ra biển khơi, nhưng cũng từ đó hạt giống Việt nẩy mầm và đơm hoa kết trái trên đất Mỹ và khắp nơi trên thế giới.

Lá cờ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục bay trước sân nhà tôi ngày 11 tháng 11 hằng năm để vinh danh những người Cựu Chiến Binh. Nhờ những hy sinh của họ cho tổ quốc mà tất cả chúng ta sống bình an hơn, yên ổn hơn.

Và Khiêm thương yêu,

Ngày 11 tháng 11 cũng nhắc nhở dì đến Đơn Vị Cứu Cánh 129 và tất cả những tấm lòng đã dành cho con và gia đình. Phần con, không cần đợi đến ngày giỗ, vì con luôn luôn ở trong tim của Dì.

Mùa Xuân 2015.

Nguyễn Trần Phương Dung

[1] Nhạc Trịnh Công Sơn

[2] http : //en. wikipedia. org/wiki/Military_funerals_in_the_United_States

[3] Thánh Vịnh 23

[4] Bài Trích Sách Khôn Ngoan (4 : 7- 15)

[5] Bài Trích Sách Gióp (1 : 13- 22)

[6] Thánh Vịnh 23

[7] Ông Simon là người vác đỡ Thánh Giá cho Chúa Giêsu trên đoạn đường lên đồi Golgotha

[8] Nguyễn Trãi

[9] Bài «Thế Hệ Gạch Nối» của cùng tác giả

[10] Nguyên văn của Boris Pasternak trong Doctor Zhivago : «He realized, more vividly than ever before, that art had two constant, two unending preoccupations: it is always meditating upon death and it is always thereby creating life.»

Trò chuyện về Yoga

Sao Nam Trần Ngọc Bình

Tác giả là cựu sĩ quan VNCH, giảng viên trường Sinh ngữ quân đội, cựu tù cải tạo. Ông cũng là tác giả sách «Hành Trình về Phương Đông» do «Xây Dựng» xuất bản năm 2010. Mới nhất, là cuốn «Within & Beyond» do tác giả viết bằng Anh ngữ và tự xuất bản.
Cháu ngoại của tôi muốn học về ngành Y vì thế tôi bèn đến Trung Tâm Tuyển Mộ và Nhập Ngũ của Quân Đội Mỹ nằm trên đường Pelham Thành Phố Greenville Tiểu Bang South Carolina để hỏi rõ chi tiết.

Theo như tôi biết hình như chỉ Hải Quân Mỹ mới có Trường đào tạo Sĩ Quan Quân Y từ A đến Z như Trường Quân Y của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa khi xưa.

Trường Quân Y của Hải Quân Mỹ đã đào tạo được một vị Bác Sĩ đáng ghi nhớ vào tâm khảm của người Việt di cư năm 1954 khi từ Hải Phòng vào Saigon : đó là Bác Sĩ Thomas A Dooley. Ông là người đã săn sóc người di cư và đã chữa bịnh cho nhiều người Việt bị CS hành hạ tra tấn một cách dã man khi họ tìm cách trốn khỏi cái thiên đường mù của CS mà không một ai muốn sống.

Tôi còn nhớ cách đây lối 50 năm, vào năm 1964, khi

tôi ghé thăm ông già tôi tại Cư Xá Kiến Ốc Cục ở Tân Định Saigon thì gặp lúc ông cụ đang nói chuyện với chú em về ý định của ông cụ cho chú tiếp tục học lên đại học theo ngành kỹ sư vì chú giỏi toán.

Tôi nói với ông cụ là nước mình có bao nhiêu nhà máy mà lại cho chú ấy học kỹ sư tại sao không cho chú học ngành Y thì được ông cụ trả lời là ngành Y học lâu quá sợ không có tiền.

Tôi trả lời :

Cậu lo gì. Cho chú ấy thi vào Trường Quân Y thì Quân Đội sẽ nuôi chú ấy ăn và học thành tài mà lại có lương trong suốt thời gian học nữa. Khi ra trường chỉ cần phục vụ cho Quân Đội 10 năm là trả xong nợ «dao, kéo» và trở về đời sống dân sự ngon ơ.

Ông già khoái chí và cho chú ấy thi vào Trường Quân Y của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Mười năm thấm thoắt qua mau chú em không những tốt nghiệp Trường Quân Y mà lại còn được học thêm để trở thành bác sĩ giải phẫu phục vụ cho Ngành Quân Y của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cho đến ngày mất nước !

Năm mươi năm sau tôi trong vai ông ngoại của cháu trai tôi, lại lập lại bài học kinh nghiệm của tôi năm xưa khi đi hỏi học ngành Y cho cháu của tôi tại Trung Tâm Tuyển Mộ và Nhập Ngũ của Quân Đội Mỹ.

Nhân viên tại đây tiếp đón tôi rất niềm nở và yêu cầu tôi cứ dẫn cháu đến đây làm thủ tục nếu đủ điều kiện sẽ cho thi để trắc nghiệm khả năng xem sao.

Xong việc tôi trở ra xe để ra về. Thoáng nhìn lên căn phố đối diện tôi thấy hàng bảng quảng cáo với hàng chữ «Yoga» như chào mời tôi ghé thăm.

Thế là tôi mở cửa bước vào Yoga Studio này và gặp ngay một học viên đang sửa soạn ra về. Tôi ngỏ ý muốn gặp người chủ Studio. Rất mau mắn bà ta nói tôi chờ rồi mở cánh cửa hông và đi vào trong phòng tập.

Một lát sau một bà người Mỹ thon nhỏ, hơi cao dáng điệu nhanh gọn từ trong phòng tập bước ra tay bắt mặt mừng tự giới thiệu là Allison, chủ nhân của Studio, vồn vã hỏi xem tôi cần gì

Trả lời Bà Allison tôi cho Bà biết tôi đã tập Yoga từ hồi tháng Giêng năm 1980 lúc tôi còn ở trong Trại Tù CS tại Gia Trung thuộc Tỉnh Pleiku Việt Nam tính đến nay (2014) đã được 34 năm.

Trong khi nói chuyện tôi dùng những tiếng Phạn cổ (Sanskrist) như asana, pranayama v... v... nên chủ nhân biết ngay là người đồng điệu như trong câu :

Đồng thanh tương ứng
Đồng khí tương cầu

Kế đó tôi hỏi thêm nếu tôi muốn học khóa Huấn Luyện Viên Yoga thì tôi phải trả bao nhiêu. Bà Allison cho biết là nếu tôi muốn học thì hiện nay đang có một khóa học và tôi phải đóng lối hai ngàn đô

Nghe số tiền hai ngàn đô tôi lạnh cẳng liền và tôi quay trở lại đề tài tập Yoga. Tôi cho Bà Allison biết khi tập Yoga điều quan trọng nhất là cái thở mà theo tôi thì hình như, tôi nhấn mạnh hai chữ «hình như,» nhiều lần, cho đến bây giờ, ở Mỹ này, tôi chưa thấy quyển sách nào nói rõ ràng về cách thở 4 thời như trong quyển «Phương Pháp Dưỡng Sinh» của Bác Sĩ Nguyễn văn Hưởng xuất bản năm 1973 tại Hà Nội và sau này có thêm Bác Sĩ Huỳnh uyển Liên cùng cộng tác.

Mà hơi thở mới là quan trọng trong việc duy trì đời sống. Nghe đến đây Bà Allison không nói gì chỉ mỉm cười chứng tỏ Bà đã nắm vững vấn đề.

Chỉ ít phút sau tôi mới biết Bà này cũng là người lịch lãm, từng trải và biết cách ứng xử với người đối thoại khi có sự bất đồng.

Không nói gì Bà Allison chỉ tay về phía tủ sách và nhờ tôi bước tới lấy một quyển sách ra đưa cho Bà. Đây là quyển sách có tựa đề là «Hot Yatra Yoga» do Bà là tác giả.

Thế còn «Hot» là gì ? Tôi hỏi thì được giải thích khi có hơi nóng người ta sẽ đổ mồ hôi và đây là cách giúp cơ thể thải ra chất độc thay vì bằng cách đi tiểu thì bằng mồ hôi.

Tôi hỏi tiếp :

Thế còn «Yatra là gì ?»

Bà trả lời :

Nó có nghĩa là cuộc hành trình thế thôi chứ không có gì bí ẩn cả.

Xong, Bà trao cho tôi cuốn sách. Lật qua từng trang tôi mới nhận ra sự thận trọng của tôi khi tôi nhấn mạnh hai chữ «hình như» lúc mới nói chuyện với Bà Allison không phải là thừa vì với mỗi một thế tập trong cuốn sách mà Bà là tác giả đều có nhắc đến cách thở !

Lúc đó tôi mới hiểu tại sao Bà Allison chỉ mỉm cười, im lặng mà không trả lời khi tôi đề cập đến sự quan trọng của cái thở trong khi tập Yoga vì chuyện này Bà đã hiểu rõ rồi.

Tới đây thấy đã quá đủ tôi kiếu từ ra về mà không quên bỏ quyển sách «Hot Yatra Yoga» vào tủ sách. Khi tay vừa chạm nắm cửa tôi nghe Bà Allison gọi với theo:

Ông chờ tôi một chút.

Từ trong quầy tiếp khách bước ra tới tủ sách Bà Allison mở cánh cửa tủ, lấy một quyển và trao tận tay tôi :

Tôi tặng ông quyển sách này.

Dĩ nhiên tôi nhận cả» hai tay» và không từ chối nhất là khi món quà lại là cuốn sách mà tôi thì thích sách hay nói đúng hơn là con mọt sách.

Ít ngày sau nhân có dịp đi công chuyện tôi tạt ngang qua Yoga Studio và mang quyển «Within & Beyond» do tôi viết bằng Anh Ngữ tặng Bà Allison vì như các cụ ta đã chẳng dạy :

«Bánh sáp đi bánh quy lại» trong cách xử thế cho đẹp người mà lại đẹp cả ta nữa cho con cháu biết cách cư xử

cho phải đạo là gì.

Vài ngày sau tôi nhận được email của Bà Allison có đoạn như sau :

Hi Binh

I have been truly enjoying your book. Thank you again.

I even quoted a piece from it today while helping one of my students in a personal situation. I was touched by the story of the woman who gave you sugar canes and tea. But mostly that you ended the chapter stating kindness and benevolence is everywhere ! What a wonderful ability to choose to see good things - even when it is not obvious.

I am thinking about a speaking engagement on Nov. 5th

6 : 30pm- 7 : 30pm

«Within and Beyond»

Author of «Within and Beyond» , former prisoner of war in Vietnam for over 10 years, Binh will teach how Yoga can save your life - even under distress. With his light and caring energy Binh speaks of the kindness

he found in a place where there would be none, the opportunities he found even in a time where none should be found and how he practices the real science of Yoga - the Yoga of the mind.

Xin tạm dịch :

Tôi thực sự rất thích thú khi đọc quyển sách của Ông. Xin cám ơn Ông thêm một lần nữa. Không những thế, hôm nay, tôi đã lấy một đoạn trong một chương của cuốn sách của Ông để giúp một trong những học viên trong khóa học giải quyết vấn đề cá nhân.

Tôi rất xúc động trước nghĩa cử của người đàn bà đã cho Ông những lóng mía và nước trà. Cái hay của chương này là Ông đã có một kết thúc có hậu khi Ông cho rằng sự tử tế và tấm lòng nhân hậu luôn luôn có ở mọi nơi và trong tâm hồn mọi người.

Thật là một khả năng kỳ diệu (của tác giả) khi nhận ra sự tử tế - ngay khi sự hiện diện rất khó nhận ra !

Tôi đang suy nghĩ để mời Ông thuyết trình về Yoga vào ngày 5 tháng 11 (năm 2014) từ 6 : 30 đến 7 : 30 chiều

Đề tài :

* Gục Ngã & Chỗi Dậy»

Tác giả tác phẩm «Gục Ngã & Chỗi Dậy» , cựu tù nhân chiến tranh Việt Nam trong hơn 10 năm trời, Ông Bình sẽ nói chuyện với quý liệt vị về Yoga cứu sống Ông ta như thế nào- ngay cả khi ở trong tình trạng cùng quẫn nhất.

Với nghị lực tinh tế và quan tâm tới người khác tác giả đã tìm thấy sự tử tế ở một nơi mà lẽ ra không có;những cơ hội mà tác giả đã tìm thấy ngay cả trong thời kỳ tại nơi mà những cơ hội này không hiện diện và tác giả đã thực hành môn Yoga của trí tuệ như thế nào.

Tôi luôn luôn tin vào thuyết Luân Hồi ngay khi gặp Bà Allison tôi đã nói với Bà là có lẽ là kiếp trước tôi với Bà đã nợ nhau nên kiếp này tôi mới gặp Bà.

Năm ngoái khi tôi tới một Yoga Studio khác tôi cũng nói với Bà Chủ ở đó như đã nói với Bà Allison về cái duyên gặp gỡ và khi về nhà tôi cũng đã gởi bài «Let's Practice Yoga to Improve our Health» cho chủ nhân Studio này nhưng có lẽ vì Bà này không viết sách như Bà Allison nên tôi đã không có duyên để gặp «người đồng điệu» như Bà (Allison) nên đã không có cái dịp để

trả món nợ từ kiếp trước !

Người ta phải có cái duyên gặp gỡ như các cụ ta vẫn thường nói :

Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định. (Miếng ăn, miếng uống tất cả đều được định trước)

Vì thế, việc Bà Allison mời tôi thuyết trình về Yoga cũng không phải tự nhiên mà có mà phải do tiền định. Tôi tin như thế.

Sao Nam Trần ngọc Bình

Thuyết Trình về Yoga

Sao Nam Trần Ngọc Bình

Như bài kỳ trước đã kể rõ, theo sự yêu cầu của Bà Alison, chủ Nhân Hot Yatra Yoga studio, tác giả đã có dịp nói chuyện tại lớp học Yoga này ngày 5 tháng 11 năm 2014, từ 6 : 30 đến 7 : 30 chiều, về đề tài : *Gục Ngã & Chỗi Dậy.» Bà Alison giới thiệu tác giả là một cựu tù nhân chiến tranh Việt Nam trong hơn 10 năm trời, nói chuyện về Yoga đã cứu sống Ông ta như thế nào - ngay cả khi ở trong tình trạng cùng quẫn nhất.

Thưa Quý Vị,

Thưa Bà Allison,

Đầu tiên tôi xin gởi lời cám ơn quý vị đã đến tham dự buổi thuyết trình về Yoga. Nhân đây tôi cũng xin cám ơn Bà Allison đã ưu ái dành cho tôi cơ hội bằng vàng này để cho tôi có dịp được nói kinh nghiệm của tôi khi tập thở 4- thời theo Phương Pháp thở của Yoga. Chính phương pháp thở này đã cứu sống tôi khi tôi còn trong vòng lao lý.

Thứ hai, tôi hân hạnh được tự giới thiệu tôi là Bình Trần, cựu Đại Úy của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, và cũng là cựu tù binh chiến tranh trong cuộc chiến

Việt Nam. Tôi đến vào năm 1991 ở Mỹ theo diện tỵ nạn chính trị.

Thứ ba, tôi xin nói ngay rằng tôi không phải là một người chuyên môn về Yoga, mà chỉ là một người đã tập Yoga lúc còn ở trong tù, với mục đích duy nhất là để sống sót cho đến một ngày nào đó khi CS bắt buộc phải thả tôi ra khỏi trại tù để tôi gặp lại bà xã tôi cũng như các con của tôi.

Tôi cũng là người tập Yoga với mục đích để sống một cuộc sống khỏe mạnh không bị bịnh tật quấy rầy. Vì lý do đó, cuộc thuyết trình của tôi hôm nay sẽ chỉ tập trung vào những kinh nghiệm gặt hái được trong lúc tập Yoga mà thôi.

Thưa Quý Vị,

Thưa Bà Allison,

Vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam Việt Nam Cộng Hòa đơn thương độc mã đã bị rơi vào tay của quân xâm lăng Bắc Việt với sự tiếp tay của khối CS Nga-Tàu

Vào ngày 23 tháng 6 năm 1975 chúng tôi được lệnh trình diện bằng thông cáo của cái gọi là «Ủy Ban Quân Quản Thành Phố Saigon để đi «học tập cải tạo» tại

nhiều địa điểm ở các trường học khác nhau ở Saigon và Chợ Lớn và thông cáo này cũng nói rõ chúng tôi phải mang theo 10 ngày tiền ăn.

Cuối cùng chúng tôi mới té ngửa ra cái gọi là «học tập cải tạo» chỉ là một «quả lừa vĩ đại» của bọn cầm quyền lưu manh chuyên môn nói dối có một không hai trong lịch sử của dân tộc Việt Nam vì thực chất của việc «đi học tập này» là «đi vào nhà tù của CS.» Nói rõ hơn là đi vào nhà tù để chết lần chết mòn nếu không có phép lạ là CS Nga Xô sụp đổ, CSVN cần tiền để tồn tại và nhờ sự vận động của Bà Khúc minh Thơ nên Tổng Thống Reagan đã phái Tướng Vessey qua Việt Nam thương lượng để CS nhượng bộ thả anh em tù ra khỏi vòng lao lý và để chúng tôi đi Mỹ định cư.

Thực tế mà nói cái gọi là «mang theo tiền ăn 10 ngày để đi học tập cải tạo» đã trở nên đối với tôi 10 năm, 4 tháng 1 ngày và đối với nhiều anh em bạn tù và nhiều, nhiều hơn nữa của cái gọi là «mang theo 10 ngày tiền ăn để đi học tập cải tạo này» đã trở nên «Dòng Sông Vĩnh Biệt» vì họ đã không có dịp sống sót để trở về với vợ, với con, với mái gia đình thân yêu nữa. Họ đã chết trong tù vì bị bỏ đói, bị đủ thứ bịnh tật, bị hành hạ phải đi lao động cật lực mà không đủ ăn. (Dòng Sông Vĩnh Biệt là tên một cuốn phim Mỹ : The River of No

Return, do nữ tài tử nổi danh Marilyn Monroe đóng.) Vào thời kỳ đầu tiên chúng tôi bị giam trong các trại tù rải rác ở Miền Nam Việt Nam.

Năm sau đó vào tháng 6 năm 1976 chúng tôi bị đưa lên xe tải chở đến Tân Cảng nằm bên hông xa lộ Saigon-Biên Hòa rồi bị đưa lên tàu Sông Hương chở đến Cảng Hải Phòng Bắc Việt Nam. Từ đây chúng tôi phải lên những toa xe lửa dành cho súc vật để đi đến Sơn La một tỉnh nằm sát biên giới Tàu- Việt Nam.

Ngày 25 tháng 10 năm 1985 CS tha tôi khỏi Nhà Tù Gia Trung, Tỉnh Pleiku thuộc Cao Nguyên Trung Phần.

Tổng cộng tôi đã trải qua 10 năm 4 tháng 1 ngày trong nhiều nhà tù ở rải rác từ Miền Nam tới Miền Bắc Việt Nam.

Trong thời gian tôi bị tù tại Trại tù Nam Hà, Tỉnh Hà Nam Ninh, một anh bạn tù cho tôi mượn quyển Phương Pháp Dưỡng Sinh của bác sĩ Nguyễn văn Hưởng, xuất bản năm 1973 tại Hanoi, những lần tái bản sau này có thêm sự cộng tác của bác sĩ Huỳnh uyển Liên.

Đây là một cách chọn tên của cuốn sách rất khôn khéo để đánh lừa bọn cầm quyền CS vì đây thực ra là cuốn sách chỉ cách tập Yoga với những thế tập (asana)

Yoga dành cho người lớn tuổi. Vốn là người lo xa tôi cặm cụi chép cuốn này vào một cuốn vở trong những ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật vì tôi nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ phải dùng đến cuốn này.

Trong thời gian ở tù, tôi (và các anh em đồng tù) bị bắt buộc phải đi lao động khổ sai rất cực khổ mà lại thiếu ăn. Tôi cứ bị chết đói từng bước một, từng ngày một do đó tôi trở nên rất yếu do bị suy dinh dưỡng.

Mỗi khi tôi nói thì không khí đi qua hai lỗ tai và giọng nói của tôi trở nên rì rào như tiếng gió thổi qua bụi cây sậy, khi tôi đi cầu thì chỗ trĩ của tôi lại ra máu.

Tôi cảm thấy thất vọng. Tôi tự hỏi tôi phải làm gì đây để sống sót trở về với bà xã, với lũ con nheo nhóc đang căng mắt ra trông chờ một cách tuyệt vọng từng giây, từng phút, từng giờ sự trở về của người chồng, người cha thân mến. Nhất là đứa con gái út vì khi tôi «đi học tập» cháu chỉ mới lên 3 nào đã biết gì về hình ảnh người cha thân yêu !

Người Pháp có câu «Sống là tranh đấu. Những người sống là những những người tranh đấu»

Khi chúng ta còn sống chúng ta phải tranh đấu. Tranh đấu chống lại sự dốt nát, chúng ta đi học. Tranh đấu chống lại sự nghèo khổ, chúng ta đi làm. Tranh đấu chống lại bịnh tật chúng ta tập thể dục.

Trong những môn thể dục Yoga là môn thể dục thích hợp nhất, cho bất cứ ai với ý chí mạnh mẽ để cải tiến sức khỏe cho tốt hơn vì Yoga chỉ cần một khoảng không gian rất hạn hẹp là có thể tập được rồi.

Trong khi ở tù tôi chỉ có cái chiếu cói với bề ngang 60cm để nằm ngủ và tôi đã tập Yoga trên diện tích ít ỏi cho phép đó.

Người Việt chúng tôi có câu «Còn sống còn hy vọng» Thực thế đời sống là như vậy. Người ta không nên mất hy vọng dù là đang sống trong cảnh tuyệt vọng nhất. Vì tuyệt vọng hay thất vọng là do cái tâm của ta mà thôi.

Nghĩ thế tôi cảm thấy được nhiều phần an ủi. Tôi lấy ra quyển vở mà tôi đã nắn nót chép quyển Phương Pháp Dưỡng Sinh đọc lại. Sáng ngày hôm sau tôi thức dậy sớm hơn thường lệ và với hy vọng tràn trề tôi bắt đầu tập Yoga.

Quả thật như các cụ ta nói «Trong cái rủi lại có cái may.»

Sau hai tháng chuyên cần tập Yoga, sức khỏe của tôi đã được cải thiện rõ ràng. Chỗ bị trĩ đã ngưng ra máu (luôn cho tới bây giờ) và giọng nói của tôi đã vững chắc. Bịnh phong ngứa cũng mất tiêu, không còn hành hạ tôi nữa.

Cảm thấy hưng phấn tôi kiên trì tập Yoga từ tháng Giêng năm 1980 cho tới bây giờ, như vậy đã được 34 năm khi tôi viết những dòng chữ này.

Bây giờ người mới quen khi lần đầu gặp tôi cứ nghĩ là tôi chỉ lối 60 mà thôi vì tóc tôi chưa bạc hết, giọng nói vẫn còn dõng dạc. Anh Ng. bạn cùng học Trần Lục, khi nghe tôi nhắn máy đã cho tôi biết sức khỏe của tôi vẫn còn tốt chán dù chỉ nghe giọng nói của tôi !

Khi còn đi làm tôi thường đi ngủ vào lúc 9 giờ tối, tự động thức dậy vào lúc 2 giờ sáng và tập Yoga lối 1 tiếng rưỡi đồng hồ rồi đi ngủ trở lại. Lối 5 giờ sáng tôi thức giấc và sửa soạn đi làm.

Khi tôi về hưu tôi đi ngủ lúc 10 giờ, thức dậy lúc 1 giờ sáng rồi tập Yoga như lệ thường. Về lâu về dài khi tập Yoga đã thành thói quen cơ thể tôi trở nên phản xạ với giấc ngủ. Cứ đến giờ, dù tôi còn đang ngủ tôi tự động hít vào thật sâu và tỉnh giấc, tập Yoga. Tôi không cần đồng hồ báo thức !

Điều quan trọng đòi hỏi người tập Yoga là sự kiên nhẫn. Đó là tất cả và không có điều gì khác !

Yoga giúp người tập tránh được nhiều thứ bịnh do cách thở xâu. Liệt quý vị có thể hỏi tại sao.

Đây là lý do. Môn Cách Trí dạy chúng ta rằng máu đen từ trong cơ thể đi lên phổi để thải thán khí (carbon dioxide hay còn gọi là khí co2) và hấp thụ oxy rồi trở thành máu đỏ để trở lại đi nuôi tế bào trong cơ thể.

Cái chân lý đơn giản này đã được các Yogi Ấn Độ tìm ra cách đây nhiều ngàn năm. Con người có thể nhịn đói lối 3 tháng mà vẫn sống nhưng nếu không có không khí chỉ trong 5 phút thì họ sẽ chắc chắn chết !

Không khí quan trọng biết bao cho đời sống. Hãy nhìn những người bịnh không thể thở được và họ phải có bình oxy kế bên để thở.

Chúng ta có thể nói rằng con người cần hai loại phẩm vật để sống đó là đồ ăn và không khí để thở.

Điều ích lợi của Yoga là Yoga giúp con người thích ứng với sự thay đổi khí hậu. Trong suốt thời gian 34 năm dòng dã tập Yoga (bắt đầu từ tháng Giêng năm 1980) cho tới nay, tôi chưa bao giờ bị nhức đầu hay cảm, cúm!

Yoga kích thích và tăng cường hệ miễn nhiễm của cơ thể để giúp cơ thể đẩy lui tật bịnh đó là lý do tại sao người chuyên cần tập Yoga hiếm khi bị ốm và người tập Yoga được thưởng thức hương vị cuộc đời nhiều hơn là người không tập Yoga !

Cho tới bây giờ khi mùa Đông tới tôi chẳng bao giờ lo chích ngừa cúm. Tôi nghĩ rằng sức đề kháng với các căn bịnh của tôi tốt hơn những người khác. Vì thế chẳng bao giờ tôi mất công đi chích ngừa cúm cả !

Theo cuốn sách Phương Pháp Dưỡng Sinh, Yoga có tới 84, 000 pháp môn thở. Trong phạm vi bài này tôi chỉ đề cập tới pháp môn thở 4- thời.

Theo phương pháp này một hơi thở có 4 thời kỳ :

Thời kỳ 1 từ từ hít vào đến khi không khí đã đầy phổi.

Thời kỳ 2 tiếp tục hít vào để giữ không khí trong phổi và đếm nhẩm từ 1 tới 10, 20 hay 30 tùy theo sự chịu đựng của mỗi người. Mục đích để máu đen có đủ thời gian hấp thụ không khí để trở thành máu đỏ.

Thời kỳ 3 từ từ thở ra như con cò nhẹ nhàng đáp xuống cánh đồng để cho thán khí hay khí carbon dioxide ra khỏi phổi càng nhiều càng tốt.

Thời kỳ 4 thở bình thường cho đến khi nhịp tim trở lại bình thường thì mới tiếp tục cái thở thứ 2.

(Nếu thở đúng thì người tập yoga sẽ cảm thấy máu chạy rần rần trong hai tĩnh mạch của hai cánh tay hay sẽ cảm thấy tê tê 10 đầu ngón tay)

Nói tóm lại một cái thở gồm có 4 thời :

Thời kỳ thứ 1 Hít vào cho phổi đầy không khí mới

Thời kỳ thứ 2 Giữ không khí mới trong phổi bằng cách đếm để cho máu đen có đủ thời gian hấp thụ oxy.

Thời kỳ thứ 3 thở ra từ từ nhẹ nhàng như con cò đáp xuống cánh đồng !

Thời kỳ thứ 4 Hãy nghĩ cho đến khi nhịp đập của tim trở lại bình thường rồi mới tập cái thở thứ 2

Phương pháp thở 4 thời mất tất cả 1 phút. Mỗi thời là 15 giây.

Nên nhớ là khi tập thở 4 thời, nhịp tim sẽ đập nhanh hơn bình thường và cần để cho nhịp đập của tim trở lại bình thường thì mới bắt đầu tập cái thở thứ 2 !

Vì đã quen nên bây giờ khi tôi tập thở, tôi có thể đếm nhiều hơn cho tới khi tôi cảm thấy phổi của tôi đã đầy ắp không khí mới tôi mới từ từ thở ra.

Nếu người tập hít vào đúng cách thì sẽ cảm thấy không khí mới này chạy rần rần trong tĩnh mạch của hai cánh tay hay sẽ cảm thấy 10 đầu ngón tay tê tê một cách dễ chịu.

Đối với người mới tập chỉ nên đếm từ 1 tới 10 nhưng dần dần số đếm sẽ tăng dần lên 20, 30, hay 40 hoặc hơn nữa vì tập thở chẳng khác gì tập cử tạ. Cuối cùng ta sẽ có thể sử dụng hết dung tích của hai lá phổi và máu của ta sẽ có đủ oxy để nuôi các tế bào trong cơ thể và đó là lý do tại sao người tập Yoga ít khi bị cảm cúm. Vì máu có đủ oxy thì cũng như bầu sữa căng đầy của người mẹ dư đủ để nuôi em bé mau ăn chóng lớn !

Để tập Yoga người ta cần phải kiên nhẫn vì cơ thể người ta chỉ muốn nghỉ ngơi và không muốn bị ép phải làm bất cứ thứ gì. Khi sự chuyên cần tập luyện Yoga đã trở thành thói quen thì người ta sẽ thấy thích thú và việc tập Yoga sẽ trở nên dễ dàng. Nhất là khi thấy những lợi ích mà Yoga mang lại cho sức khỏe cũng như tinh thần.

Đã có những ông Yogi Ấn Độ tình nguyện nằm vào quan tài để mang đi chôn dưới đất, lớp đất trên cùng có rải hạt cỏ cùng với người lính gác 24/7. Ba tháng sau khi được đào lên thì những Yogi này vẫn sống vì họ biết «thở bằng xương !» Phương pháp thở bằng xương này hiện vẫn còn là một điều huyền bí với người ngoài đời !

Điều cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng. Tập Yoga giúp kích thích Hệ Thống Miễn Nhiễm của cơ thể và Hệ Thống Miễn Nhiễm này tự động điều chỉnh và điều trị các chứng bịnh của cơ thể. Rồi người tập sẽ cảm thấy thư giãn, yêu đời như ta vẫn thường nói «Một thân thể khỏe mạnh trong một thể xác tráng kiện.»

Xin quý vị cho phép tôi kể một chuyện vui về Yoga. Tôi có một anh bạn tù cùng bị nhốt trong một xà lim như tôi. Anh cũng tập Yoga như tôi. Một buổi sáng trong khi anh đang ngồi theo thế hoa sen để tập thở theo Yoga ngay cửa sổ mà không ngồi trong mùng như tôi thì anh chàng cai tù trực trại đi qua. Anh chàng này được anh em tù đặt cho một hỗn danh là «Quý búa» vì lúc nào anh ta cũng cầm trong tay một cái búa để làm ra vẻ ta đây với tù.

Anh ta kêu lên : «A ! Thằng kia mày cầu nguyện hả ? Há miệng cho tao coi !»

Vừa dứt lời anh ta liền dùng cái cán búa đưa thẳng vào miệng anh bạn tôi. Rất nhẹ nhàng anh bạn tôi liền nghiêng đầu qua một bên để tránh cái cán búa đang trên đường lao tới và viên cai tù trực trại liền bật cười và bỏ đi.

Thưa Quý Vị,

Thưa Bà Allison,

Tới đây Quý Vị có hỏi gì không ? Nếu không chúng ta sẽ tập vài hơi thở.

Rất mong Liệt Quý Vị tập Yoga thành công !

Xin Trời phù hộ cho tất cả chúng ta !

Sao Nam Trần Ngọc Bình

40 Năm Tan Tác

Phạm Hoàng Chương

Tác giả là một nhà giáo hưu trí, cư dân Riverside, đã góp nhiều bài viết đặc biệt cho giải thưởng Việt Báo và nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2009. Bài mới, nhân 40 năm sau tháng Tư 1975, kể chuyện một gia đình miền Việt tị nạn rải khắp bốn lục địa Mỹ Âu Á Úc...

Chuyện bắt đầu từ 1964, khi tai họa dồn dập xảy đến đổ lên đầu gia đình Lam.

Ba làm hiệu trưởng trung học bán công Phan rang, mẹ có căn tiệm áo quần giày dép ở mặt đường phố chính. Bà cô họ, tên Hòa, ra Bắc đoàn tụ với chồng năm 54, để lại 6 căn nhà cu, ông bà để lại cho ba mẹ quản lý cho thuê, hơn ngàn bạc một tháng, phụ vào lợi tức đi dạy và buôn bán khiêm nhường nuôi đám con đông. Cha cô là chú ruột của ba, mẹ cô là cô ruột của mẹ, ông bà lúc sinh tiền không có con trai, nên nhận ba làm con trai thừa tự.

Cuộc sống đang bình yên thì tháng 10, ba mất vì tai nạn xe ở Sông Mao, bỏ lại mẹ với 9 đứa con. Lam, con trai đầu, đang học Đại học sư phạm Huế. Em gái út mới

lên 2. Lam về chịu tang ba, đường xá xa xôi, hư hỏng, phải «đăng bố» xuống xe đi bộ mấy đoạn, phải ngủ 2 đêm ở Đà nẵng và Ninh hòa, tờ mờ sớm ngày thứ ba mới tới Nha Trang, hấp tấp vô nhà xác bệnh viện, vuốt mắt cho ba.

Tháng 11, bà ngoại mất vì lao thận, sau mấy tháng nằm liệt giường. Hai nấm mộ đắp xong thì đầu tháng 12, mưa to gió lớn, lũ lụt từ ngoài Trung kéo vào, đập Đa nhim vỡ, cả thành phố Phan Rang chìm trong biển nước cao 4 thước, trâu bò xe cộ nổi lên lềnh bềnh, trôi theo dòng nước chảy xuống biển. Mẹ hốc hác xác xơ, khóa cửa nhà, dẫn bầy con nhỏ lội nước chạy lánh nạn, tắp vô nhà lầu hai tầng bà con gần đó. Đúng là «lụt năm Thìn» . Lụt ngập 4 thước, xe vận tải chở cả trăm bao tạ đường cát ở Saigon về, đứng bánh giữa đường trước căn tiệm mẹ, đường ngọt tan trong nước, xe nổi lên vật vờ nghiêng ngả trôi theo dòng nước.

Nhà một nơi, tiệm một nẻo, khi nước rút, nhà ở đồ đạc ngập bùn bê bết, các con còn nhỏ, mẹ phải nhờ người quen giúp tẩy rửa cả tuần mới xong. Căn tiệm bán quần áo, lụt tràn vào 3 thước nước, hư hỏng hết hàng hóa. Tết năm đó Lam về nhà, ra khấn vái hai nấm mồ mới đắp ngoài Nghĩa trang, tối thắp nhang bàn thờ Phật và ông bà, nhìn đèn cầy leo lét thê lương, ngồi ăn cơm với đám

em mất cha buồn rầu ngơ ngác. Anh cả mắc đi học xa, nên mẹ một mình lo cho 8 đứa con còn lại, thức khuya dậy sớm, lo lắng đến nám phổi, phải nhờ cô y tá quen tới chích trụ sinh thường xuyên.

Qua 65, một hôm có bà bạn đi ngang tiệm mẹ, tạt vô tặng bài thơ tựa đề «Gương sống» , nói của một vị bồ tát xuống «cơ» cho. Mẹ đọc tới đâu, nước mắt chảy tới đó, tìm hỏi thăm cô đồng tử hầu «cơ «ở đâu, xin hội kiến. Cơ này là cơ đặc biệt, chỉ có cô này đụng tới con cơ, ngài mới giá lâm. Ngài xuống «cơ «an ủi mẹ, cho pháp danh, khuyến khích mẹ can đảm lên, năng làm phước thiện, ở trên sẽ thường xuyên yểm trợ giúp đỡ gia đình.

Từ đó, mỗi khi có chuyện cần, mẹ nhờ cô đồng tử «hầu cơ» giúp cho gặp ngài, đôi khi các vị Bồ tát khác cũng cùng xuống, cho thơ khuyến tu, dạy đạo, chỉ dẫn giúp đỡ mẹ vượt qua khốn khó và đối phó với nhiều vấn đề tài chính khó khăn. Ngài hướng dẫn mẹ đòi lại ngôi nhà cũ đất rộng bà cô để lại đang cho thuê ở ngã ba, phá bỏ, vay tiền xây nhà đúc mới kiên cố 2 mặt cửa, giới thiệu một nhà thầu khoán đáng tin nhất trong tỉnh để xây nhà.

Có lần, ngài cho cả vong hồn ba và bà ngoại xuống gặp gia đình, nói chuyện, làm thơ tặng mẹ. Ba cho biết đi theo ngài tu học, bà ngoại thì nhờ lúc hấp hối niệm

hồng danh A di đà liên tục nên sanh vào cõi tiên, an nhàn cai quản cả trăm loài chim. Ngài còn đi dò tìm, cho hay ông ngoại hiện đầu thai vào làm con trai một nhà giàu bên Pháp, bà cô của mẹ hiện là một sư cô ở Huế. Mẹ nhờ vậy, hướng về Phật pháp như cái phao của người sắp chết đuối, như nguồn an ủi còn sót lại, tụng kinh, niệm Phật, cúng chùa, cúng cho cô nhi viện sữa, gạo, tiền, cúng dường tăng sinh theo học ở chùa Tỉnh hội, ủng hộ tiền bạc giúp một sư cô trong tỉnh trùng tu lại ngôi chùa xưa cũ nát.

Cuối 1967, Lam ra trường xuống lục tỉnh dậy, bắt đầu giúp được cho gia đình thì xảy vụ Tết Mậu thân, bị nhập ngũ, ra sĩ quan lính địa phương, đến cuối 69 được biệt phái về dạy lại vì trường học thiếu giáo sư. Qua 70, nhờ đã tòng quân, xin được về Phan Rang dạy, ở cạnh mẹ và em, lương tháng Lam đưa hết cho bà thêm vốn mua bán, lấy vợ đỡ đần mẹ mua bán nuôi em... Chiến tranh ngày càng ác liệt, mẹ chơi huê, vay tiền vào Saigon cất hàng buôn bán, gửi tiền nuôi Long, em kế Lam, học lấy cử nhân luật, rồi chạy cho em hoãn dịch để được ở Saigon tập sự luật sư, hy vọng làm có tiền sau này phụ bà lo cho đám em đông.

Năm 71, mẹ đòi lại một căn phố cho thuê của bà cô họ để lại trước khi ra Bắc năm 54, thay mái mới, lót

gạch hoa cho hai vợ chồng Lam ra riêng làm ăn. Lam bỏ tiền kéo cửa sắt, mở tiệm sách, đi dạy, giao vợ ở nhà buôn bán, chơi huê dành tiền mua được miếng đất lớn gần bến xe đầu tư. Năm 73, chiến tranh leo thang, sợ đứa con thứ ba vào lính, mẹ cố gắng lo cho Tùng đi Nhật du học. Chưa được 2 năm thì «30 tháng tư» , Việt cộng vào, Saigon nhốn nháo, đứt liên lạc, Tùng lạc lõng xứ người, phải tự lực cánh sinh. Long 27 tuổi, sắp ra luật sư, tương lai sụp đổ, thất thểu bỏ về Phan Rang, cuốc đất trồng mía ở Sông Pha, trên miếng đất mẹ đã lo xa mua rẻ trước đó một năm.

Năm 75 đó, tai họa đổ lên đầu gia đình lần nữa, cùng với cộng nghiệp toàn dân miền Nam gánh chịu : quân Bắc Việt vào, quân trong Nam tan hàng từ ngoài Trung chạy vào, tỉnh trưởng Ninh thuận bỏ chạy, kho súng tiểu khu bị cướp, dân theo lính lấy súng cướp phá các hiệu buôn. Ngày 1 tháng 4, cửa sắt tiệm nhà mẹ bị bắn khóa, lính kéo toạc ra, cả trăm người ùa vào hốt của, tủ kính dày 5 ly đầy vải vóc tơ lụa áo quần cao 3 thước bể loảng xoảng, gia đình mất sạch gần hết tài sản.

Qua tháng 5, nghe cán bộ ngoài Bắc vào kể mỗi hộ chỉ được quyền có một nhà, mẹ ký giấy tay bán chui căn tiệm nhỏ lầu đúc ông ngoại để lại có 5 cây vàng, coi như cả nhà chỉ còn ngôi nhà to 2 cửa ở ngã ba... Cô Hòa

ngoài Bắc đã chết, chỉ còn lại cô Nghệ là chị cả, gửi thư tay nhờ người cầm vào xin mẹ bán gấp mấy căn nhà cô Hòa ủy quyền, hẹn tháng 7 vào. Mẹ chỉ kịp bán chui 1 căn phố kế bên nhà Lam được 2 lạng vàng, còn thì nhà nước cộng sản tịch thu hết 5 căn còn lại cho cán bộ ở.

Cô vào thăm mẹ và các cháu, ra ngồi bên mộ bà cô mất năm 54, khóc nức nở, tiếc công cha mẹ ngày xưa khó nhọc làm ăn để của cho con mà bây giờ nghèo túng cũng không được hưởng trong lúc tuổi già. Chồng cô Hòa là đại tá về hưu, đảng viên, từ Bắc vào Phanrang chạy chọt cũng không xin được, vì miền Nam đang trong chiến dịch đánh «tư sản» .

Tiệm mẹ tuy bị cướp sạch mặt tiền, vẫn bị chính quyền mới bắt đóng thuế «siêu ngạch» , Lam nhớ đâu khoảng 1 triệu rưỡi 2 triệu gì đó. Mẹ sợ bị tịch thu nhà, hay bị «đánh tư sản» phải học cải tạo, nên vót vét bán hàng sót lại dưới nhà kho lấy tiền nộp thuế cho đủ số... Tiệm sách của Lam tuy không ai thèm bắn cướp, nhưng mấy em học sinh nhận lệnh Ty văn hóa, đạp xe ba gác tới tịch thu sách «đồi trụy» chở đi hết, kể cả sách giáo khoa toán, lý hóa, vạn vật...

Lam đi tù cải tạo, hết dạy. Long từ ông luật sư biến thành anh nông dân trắng tay trên rừng, chỉ có mỗi Tùng ở nước ngoài, đang học tiếng người lõm bõm, giờ đây

phải tự lực nuôi thân vì bưu điện hai nước không liên lạc nhau, mẹ cũng không còn tiền để gửi. Hoàn cảnh gia đình trở lại gần như trắng tay như sau cơn lụt 11 năm trước, chỉ khá hơn một chút ở chỗ các con đều đã lớn hơn, biết tìm cách tự lo cho bản thân, hay trốn ra nước ngoài...

Minh Châu, em gái kế Long, có nghề may nên xin vào làm công nhân cho quốc doanh gần nhà để hộ khẩu có người làm công nhân viên nhà nước, khỏi bị ép đi kinh tế mới, an phận ngày 2 buổi, lương ba cọc ba đồng. Huệ tốt nghiệp trung học, nhờ tham gia Đoàn và hạnh kiểm tốt, được chọn đi học khóa kế toán, về làm kế toán trưởng cho Lâm trường gần nhà. Mẹ đóng một bên cửa tiệm, bên kia hé cửa duy trì một tủ kính nhỏ bán lặt vặt kiếm đồng ra đồng vào. Một lần, mẹ mua hàng ở Saigon về, dọc đường xe bị công an chận xét ở rừng Xuân lộc, không quen hối lộ nên hàng hóa mẹ bị vất hết xuống đất, đành ngồi mếu máo giữa rừng lạnh lẽo giữ của, gần sáng mới quá giang được xe khác tử tế chở về dùm. Từ đó, các con không cho mẹ đi Saigon cất hàng nữa.

Liên Hoa, em kế Châu, chồng đi học cải tạo, lăn ra chợ buôn vải và thuốc tây, cầm mẩu, ai hỏi, chạy tới chỗ dấu hàng, cầm đem tới. Rồi mặt tiền buôn bán bị trưng dụng làm hợp tác xã vì ngay ngã ba địa điểm tốt, gia

đình rút ra phía sau ở... Liên Hoa đảm đang, ban đêm mở quán giải khát nhỏ ở cửa hông sau nhà kiếm tiền giúp gia đình, ban ngày ra chợ trời bon chen bán vải, thuốc tây, tối về hì hục làm kem chuối phết nước cốt dừa bỏ tủ lạnh bán. Hồi đó quán lớn ngoài phố dẹp hết, nên những quán nhỏ bán với tính cách gia đình trong hẻm mấy tiếng đồng hồ ban đêm được khách chiếu cố đông và công an khu vực làm ngơ. Dưới Huệ còn lại 3 em, Hà học Đại học sư phạm 3 năm ở Saigon, 2 đứa út trung học, Việt và Thanh Hy, học lớp 9 và 8 trường gần nhà, ngoài giờ sinh hoạt học đường, chỉ phụ việc nhà lặt vặt.

Lam học cải tạo một năm về, bị quản chế 6 tháng. Biết câu «lao động là vinh quang, buôn bán là bóc lột» , đóng cửa tiệm, cùng vợ ra làm lò gạch, chồng xúc đất, vợ phơi gạch. Rồi Lam ho ra máu, xin qua tổ hợp thợ mộc gần nhà làm, rồi xin làm cho ty y tế trồng thuốc nam, cuốc đất, lại nhảy qua làm tổ hợp điêu khắc xuất khẩu, kiếm chuyện làm cho công an khỏi để ý. Nhờ có học trò cũ cha làm khu trưởng nên không bị ép đi kinh tế mới, hai vợ chồng bán lần đồ trong tiệm ra ăn, sinh thêm một con gái năm 78 cho đủ cặp rồi nghỉ luôn.

Thời kỳ đó, chế độ hộ khẩu, công an khu vực rình mò kiểm soát đời tư người dân chặt chẽ, đi lại hay tạm

trú ngủ đêm nhà ai phải xin phép, trình giấy. Mua bán là bóc lột, lao động là vinh quang, kiếm ăn khó khăn. Con cái ngụy quân, ngụy quyền» không cho học lên đại học. Cộng sản ngăn sông cấm chợ, đổi tiền hai ba đợt để bần cùng hóa nhân dân, đẩy lên kinh tế mới thành phần nghèo thất nghiệp, thiên hạ oán hận ta thán khắp nơi. Những kẻ can đảm, nhìn xa thấy rộng, bắt đầu rục rịch lén lút vượt biên.

Năm 77, một gia đình thương gia Hoa kiều ở thành phố vượt biên ở bãi Ninh Chữ, ra khơi bị tàu Liên Xô bắt đem vô Vũng tàu, giao cho nhà nước bị nhốt tù. Đi cả gia đình lọt là một đại phúc, nhưng không phải dễ. Một người bạn cũ Lam đi chui đâu trong Nam, nghe nói ghe chìm, chết bỏ lại vợ 2 con.

Năm 79, Luận, chồng Hoa, học cải tạo về, hợp tác với ai đó có ghe, có bãi, lén lút tổ chức đi ở Bình sơn. Hoa dẫn em gái Thanh Hy theo chồng xuống biển, đêm khuya bị bể, Luận chạy thoát ra Quy nhơn, 2 chị em chậm chân bị bắt giam. Luận cho em gái vào Phanrang kéo Hoa đêm khuya leo rào kẽm gai từ trại tù ra, chạy lên ga xe lửa, vừa lúc tàu hú còi chuyển bánh... Hoa chạy rượt theo, nhân viên trên tàu đưa tay ra kéo lên. Số Hoa may mắn, nhờ mẹ chồng lo cho 2 vợ chồng theo chuyến bán chính thức người Hoa, từ Quy nhơn lọt qua

trại tị nạn Hong Kong, bắn tin về nhà. Mẹ thở phào, cảm ơn Trời Phật, thêm một đứa con thoát ra nước ngoài.

Thanh Hy bị đuổi học ngang lớp 11 vì tội vượt biên, thấy mẹ lo cho chị Hà và anh Việt học đại học ở Saigon, muốn phụ giúp gia đình, xin ít vốn đi buôn trà và cà phê đường Lâm đồng - Phan Rang. Đám đàn bà trong ban phụ nữ ganh tỵ con nhà «tư sản» có chị đi vượt biên, bắt Hy đi thủy lợi đào mương một tháng trên Sông Pha cho bõ ghét. Mẹ thương xót con gái út 17 tuổi thất học, vất vả lăn lộn đi buôn chuyến, không biết tương lai trôi dạt về đâu với chế độ khắc nghiệt này, tìm vào Saigon, qua giới thiệu một người thân, tới nhà một thầy tướng số nổi tiếng, ngụy trang dưới danh «nha sĩ Cát» , hỏi về tương lai con cái. Thầy bói, thầy tướng thời đó bị bắt đi học cải tạo, nằm trong chính sách bài trừ mê tín dị đoan, nên có ai tin cẩn giới thiệu mới dám coi cho khách.

«Nha sĩ» quan sát khuôn mặt, dáng đi, hỏi mẹ có phải góa chồng không. Mẹ giật mình gật đầu. Thày trấn an :

- «Bác đừng lo, chính nhờ bác trai mất mà bác chịu thương chịu khó nuôi con, hướng về Phật pháp, siêng làm Phật sự, chuyên lo làm phước, số bác chuyển xấu thành tốt. Con bác đứa nào cũng biết sự hy sinh đó, kính thương bác, tự lo lấy thân, lo cho bác. Bác ngày xưa từng là bà chủ, cơ ngơi lớn, bà con trong tỉnh đều quý

trọng, bây giờ tuy không còn giàu nữa, nguồn tiền của bác sẽ không lúc nào cạn. Một số con bác hiện ra ngoại quốc, một số còn trong nước. Có người ở trong quân đội, có người công danh sắp sụp đổ tan tành, nhưng ai rồi cũng sẽ gặp may mắn, có gia đình con cái sự nghiệp trở lại, và tất cả sau này sẽ gặp lại nhau, về thăm và đoàn tụ với bác. Tuổi thọ bác rất cao, bác sống tới 82 tuổi.»

Luận và Hoa ở trại tị nạn Hong Kong, chờ Mỹ cả năm chưa bốc nên nóng ruột, nhân phái đoàn Thụy sĩ vô trại thông báo cho định cư nhân đạo, bèn đăng ký đi Suisse, cứ nghĩ ở nước trung lập thì dễ về VN thăm nhà hơn ở Mỹ là nước «kẻ thù» . Sinh kế gia đình lúc đó ở lại thật tiêu điều, chính quyền cấm mua bán nên mặt bằng phía trên bỏ trống, mẹ làm đơn xin lại mở tổ hợp nón lá, tạo công ăn việc làm cho các phụ nữ thành phố. Hoa đi rồi nên quán kem đóng cửa, mấy mẹ con sống tằn tiện đùm bọc nhau, bán dần giường tủ, bàn ghế, đồ dùng trong nhà ra ăn.

Năm 80, tổ hợp nón lá của mẹ không biết ra sao, chứ Lam làm tổ hợp điêu khắc xuất khẩu không kiếm được mấy đồng, phải ăn thâm vốn. Lam bỏ một lạng vàng ra mua chiếc xích lô đạp quanh quẩn trong thành phố kiếm sống. Ở Saigon, không ai cấm «ngụy quân «đạp

xích lô kiếm sống nuôi gia đình. Nhưng tỉnh nhỏ, «phép vua thua lệ làng» . Đạp được một năm thì công an chú ý, nói Lam «con nhà giàu, dân trí thức» có em ở nước ngoài mà giả đò đạp xe, chở khách là có ý đồ, làm «giao liên» cho tàn quân «ngụy» , nên cấm. Lam cười nhạt, bán rẻ xích lô.

Cũng may lúc đó phường cho buôn bán nhỏ trở lại, lấy thuế điều hành công việc, nên Lam bảo vợ nộp đơn xin mở lại tiệm tạp hóa, ngồi nhà dạy con học, nghe ngóng tìm mối vượt biên. Những năm đó, thiên hạ dở sống dở chết, lớp đi kinh tế mới, lớp cầy cuốc lên rừng khai đất làm rẫy, ăn độn bo bo khoai độn, rất ít người mở tiệm buôn bán, Lam may mắn có cửa hàng, lại giỏi kiếm hàng theo nhu cầu khách, lanh lợi mua bán có tiền, lai rai sắm vàng, tính chuyện vượt biên.

Năm 81 Huệ thấy ở lại VN không có tương lai bèn bỏ nhiệm sở, cùng em gái út là Thanh Hy đi ghe người quen giới thiệu ở Tuy hòa, ra khơi mấy ngày hết nước uống, may được tàu Na Uy vớt đưa về gởi tạm ở Singapore. Liên Hoa lập tức bảo lãnh 2 em, chỉ 2 tháng sau ba chị em đã đoàn tụ ở một thành phố Nam Thụy sĩ, sát biên giới Ý. Mẹ mừng rỡ, rưng rưng nước mắt, vào bàn thờ Phật đốt nến thắp hương, ngồi quỳ hàng giờ tạ ơn : bốn đứa đã thoát, ba gái một trai.

Ba em gái đi lọt trong 2 năm liền khiến công an địa phương tập trung chú ý vào đám con còn lại, nhất là Lam, bắt đầu gài người theo dõi rình rập. Lam làm chủ tiệm buôn ngay phố chính, có vợ 2 con, muốn đi cũng khó. Vắng mặt 2 ngày là láng giềng biết ngay, đồn lan ra khắp xóm, nếu kéo nhau vào Saigon hay lục tỉnh nằm chờ đi mà bể thì trở về lại không ở tù cũng mất nhà, bị buộc lên kinh tế mới... Có một người trong đám được lệnh theo rình, nhưng mang ơn Lam giúp đỡ vật chất lúc ở tù về, tới nhà rỉ tai,» Công an, tổ trưởng, tổ phó biết ông đang tính đi, đang theo dõi, ông phải cẩn thận... «. Lam chối đây đẩy,» làm gì có, tiền đâu mà đi» . Thời buổi này không dám tin ai, ngay cả bạn bè thân.

Long lúc đó đã bỏ rẫy mía, với bằng cấp cử nhân luật cũ, được nhận vô làm nhân viên nhà nước, đạp xe một ngày 20 cây số lên xuống Phương cựu, phụ trách sổ sách cho công ty chế biến xi măng quốc doanh, tháng tháng lãnh 10kg gạo và mấy chục bạc, dẫn vợ và con gái nhỏ từ Saigon về sống bám mẹ. Long bất mãn chế độ, nuôi mộng thoát ra nước ngoài cứu đói vợ con, nên ngoài giờ làm, chịu khó học lén thêm Anh văn. Lam đưa vợ Long mấy ngàn đồng làm vốn, nấu chè gánh ra chợ bán, được hai tuần thì cụt vốn. Long biết anh có ý cũng ra đi, xin anh giúp cho ít vàng đi vượt biên, khi có mối tốt. Lam bảo đừng lo, rồi căn dặn :

- Lúc này công an chìm nó theo rình ngặt lắm, không thể đi cả hai vợ chồng, phải đi 50/50, gia đình tách ra làm hai, nửa đi nửa ở, lỡ có bể, chạy về không ai biết.

- Em biết, em chỉ đi một mình thôi, đem con gái theo lỡ gặp hải tặc, có bề gì...

Lam sẵn sàng giúp, nhưng số Long còn trong đại hạn xấu, nên bị bắt. Hè 83, khi Lam có mối đi ở Nha Trang, toan kêu em từ Saigon ra, thì Long đã bị tóm vì vượt biên bể ở Vũng tàu mấy ngày trước... Nguyên do chỉ vì có đứa xin đi hôi mà chủ ghe đuổi xuống không cho, nên chạy báo công an đất liền điện ra công an biên phòng chận bắt. Long ngồi tù hai năm, mẹ lo tiền chạy ra không được.

Tháng 6, trước khi Lam đi Nha Trang vượt biên bỗng có người ở kế bên miếng đất Long mua lúc trước, tới hỏi mua lại cho con gái, là học sinh cũ Lam, sắp lấy chồng bộ đội nghèo, với giá một triệu bạc, tương đương có một chỉ vàng lúc đó. Nhìn cậu bộ đội Bắc kỳ hiền khô 2 tay cầm xấp tiền dành dụm mấy năm trời đi lính, trình bày hoàn cảnh xin giúp đỡ mà động lòng không nỡ từ chối. Lam nghĩ, vợ con bỏ lại còn được, sá chi miếng đất, đi bỏ lại nhà nước cũng tịch thu, nên cắn môi ký giấy tay bán. Mua 15 cây mà đành bán lại một chỉ, chỉ vì đầu tư mà không đoán trước thời cuộc. Năm

70, có ai ngờ được 13 năm sau vĩnh viễn bỏ nước ra đi.

Chuyến ra đi, anh chị vợ tổ chức đã xong, nội tháng này, tháng tới, không biết hôm nào gọi đi. Muốn đi lọt phải buông bỏ hết, còn tiếc của, sẽ gặp nhiều trục trặc. «Qua xứ người rồi mình sẽ gầy lại, ở Saigon biết bao người triệu phú mà còn mất hết, vô tù, huống chi mình,» Lam nhủ thầm.

Thật vậy, chuyến đi của Lam suôn xẻ, thành công, chỉ tốn có một lượng vàng tượng trưng. Đem theo thằng con đầu 10 tuổi, gạt nước mắt bỏ lại vợ và con gái, tấp vào Hongkong ở 10 tháng, qua Phi học ESL 4 tháng, rồi sang Mỹ, định cư San Diego. Một tháng trước ngày đi, Lam phải đánh lừa công an và láng giềng bằng cách kêu thợ hồ tới xây thêm phòng và hầm cầu mới. Họ đổ một xe cát và gạch thẻ trước nhà, hai thợ hồ lăng xăng ra vô làm việc, ai mà ngờ được một vụ đào thoát táo bạo đang toan tính ngay giữa thành phố. Hai ngày sau khi Lam vắng mặt, tin tức đã lan truyền qua mấy dãy phố, xuống tới chợ Dinh, lan lên bến xe phía Bắc đầu thành phố... Mẹ mừng lắm, lại chảy nước mắt, vào xì xụp lạy bàn thờ Phật cảm tạ.

Trong nhà, Lam là đứa ra đời sớm nhất, tháo vát nhất, cần kiệm chịu khó và bản lãnh nhất, giỏi sinh ngữ, khéo xoay sở, lanh lợi, khôn ngoan, ở hoàn cảnh nào cũng

làm ra tiền được, nên mẹ đặt nhiều hy vọng ra ngoại quốc có thể gửi tiền về giúp các em còn lại.

Ở Hongkong, Lam đổi thuốc lá trại phát lấy áo thun Trung cộng mới toanh trại cho dân tị nạn, đem qua Phi bán 1 lời 20, lấy tiền tiêu. Hoa ở Thụy sĩ gửi cho 200 đô, bà cô ở Mỹ, em họ ở Canada mỗi người cho 100, Lam gửi bà sơ mua giùm cái camera, qua Phi chụp ảnh dạo kiếm sống...

Thế là năm 83, năm trên chín anh em đã ra được nước ngoài, ba gái hai trai. Hà bấy giờ ra cô giáo trung học cấp 3, đính hôn với Phú, bạn trai đồng nghiệp. Châu làm thợ may, đã ngoài 30 tuổi, cũng đã có anh chàng đại úy phi công tên Đông, ở tù cải tạo về làm quen, đi hỏi. Mẹ nhẹ bớt mối lo.

Năm 85, Long ra tù, xin vào làm cho tổ hợp xì dầu ở gần nhà mẹ, phụ trách khâu cung cấp hàng và kế toán, hay vào Saigon giao dịch. Hà và chồng là Phú được bổ nhiệm dạy cấp 3 ở Phan Rang, ở bên cạnh mẹ. Đông cưới Châu, hộ khẩu ở Saigon, đạp xe đạp chở nước ngọt, bia, cam giao cho các quán làm kế sinh nhai. Em trai út, Việt 23 tuổi, mới ra trường là kỹ sư cơ khí, xin được việc ở Saigon. Người quen ai nhắc tới gia đình Lam cũng khen nhà có phước, con cái lớp nước ngoài gửi tiền về, lớp trong nước có công việc gần nhà.

Lam qua Mỹ được 6 tháng, học nghề thợ tiện cấp tốc 2 tháng, làm machine shop, lãnh check 800 đô lương tháng đầu, mừng lắm, mua vải vóc đóng một thùng đồ bự gửi về gia đình. Mẹ đi lãnh, mang ra chợ bán thành tiền chia cho vợ con Lam và các em. Hồi đó, dịch vụ chuyển tiền về Vn chưa có, nên chỉ có cách mua hàng gửi về, người nhà lãnh bán ra chợ trời lấy tiền sống. Sau đó, Lam bị laid off, thay đổi ở share nhà thiên hạ mấy lần, có job mới, rồi lại bị laid off, đành theo chủ nhà trọ đi cắt cỏ mướn, hoang mang chưa biết tính sao. May sao, bà cô họ qua Mỹ từ 75, làm rẫy trồng rau trên Fresno kêu lên ở, cho mượn xe truck, ứng ra mua máy móc cho Lam làm chủ đi cắt cỏ.

Lam chất hết hành lý lên chiếc Toyota Corona cũ đời 74, chở con lên Fresno. Fresno thành phố mộc mạc yên tĩnh, xung quanh đồng cỏ nương rẫy đất đai trồng trọt, có nhiều người Hmong ở.

Lam mua chiếc xe đạp cho con đạp đi học, thằng bé cũng khỏe, biết tự lo lấy thân, Lam lao động mệt nhừ cả người tối về cũng không có thì giờ kèm con... Được 6 tháng, thấy cắt cỏ không khá mà cực quá, Lam trả lại hết tiền máy móc cô mua, xin ra ở riêng, đi học college trở lại. Với vốn sinh ngữ căn bản sẵn có, Lam đầu tư hết thì giờ và tiền bạc vào sách vở, từ community college

lên University, lái xe truck cà tàng vừa đi học, vừa cắt cỏ thêm chút đỉnh để dành dụm tiền phòng thân, lớp gửi về Vietnam giúp gia đình. Có lần Lam thi thử vào bưu điện, đỗ 7 nơi khác nhau với điểm rất cao, được gọi phỏng vấn ngay, nhưng họ chỉ offer part- time jobs ở tỉnh lẻ, nên từ chối. Lại đậu eligibility worker vào làm cho Sở welfare, nhưng làm thử một tháng cũng bỏ, tiếp tục học luôn lấy bằng cấp giáo viên, dạy trường công lập, có lương cao tăng đều mỗi năm và health benefits tốt hơn. Học thêm ban đêm lấy luôn bằng Master sau 4 năm dạy ở San Bernardino.

Thời gian đó, Tùng bên Nhật về VN cưới vợ. Đám cưới vội vã trong 2 tuần lễ, Yến ở làm dâu mẹ vài năm thì Tùng về, bảo lãnh qua Nhật. Tiếng Nhật khó khăn, đời sống đắt đỏ, hai vợ chồng ở thuê căn hộ thứ 8 của một khu nhà lầu cao 12 tầng khổng lồ ở ngoại ô Tokyo, Tùng đi làm nuôi vợ con, cuộc sống khá chật vật.

Năm 88, nhà nước VN theo gương Đặng tiểu Bình, đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường. Hà sinh được 2 con gái, Phú bỏ dạy, vô Saigon học sửa chữa máy điện tử và vi tính, về Phan Rang sẵn tiệm buôn lớn của mẹ, mở tiệm bán tivi, đầu máy, DVD players, cassettes, computer, tủ lạnh, máy lạnh, kéo 2 đứa em trai dưới quê lên phụ giúp... Rồi làm đại lý cho Samsung, Sony, hàng

chứa đầy nhà... Dân chúng được tự do kinh doanh làm ăn cá thể, sở hữu ruộng đất tư, bắt đầu có tiền rủng rỉnh mua sắm, xây nhà. Nhà cửa ở ngoại ô, nhà quê tự do xây cất, mọc lên như nấm. Lúc đó diện H. O. cho lính cải tạo trên 3 năm được sang Mỹ định cư bắt đầu, Đông nộp hồ sơ, chuyển hộ khẩu về Phan Rang ở chung với vợ con, trong lúc chờ đợi, bắt chước Phú, mượn vốn mua bán radio, máy hát... Ngôi tiệm lớn 2 ngăn của mẹ ngày xưa giờ trở thành tiệm buôn máy móc lớn nhất tỉnh, lôi cuốn khách hàng nườm nượp. Hai cặp Châu-Đông và Hà- Phú chia nhau cửa hàng lớn của mẹ làm 2 bên, mỗi bên một tiệm, bên bán đồ điện tử, tivi, máy hát, bên chủ yếu bán computer, tủ lạnh, máy giặt sấy, tránh không đụng hàng. Dân tỉnh nhỏ bỏ hợp tác xã, làm ăn cá thể trở lại, có tiền, xây nhà, mua sắm tivi, máy hát, máy coi phim bộ, máy giặt, máy sấy vừa túi tiền, đua nhau mua sắm hưởng thụ nếp sống văn minh. Phú khôn khéo ngoại giao, bán cho các công sở vô số máy vi tính và tivi hợp với trào lưu mới. Phú đào tạo một đội ngũ chuyên viên sửa điện và điện tử, có lần dám thầu bắt điện cho cả một làng Chàm ở nhà quê. Hà thấy buôn bán làm ăn phát đạt, bỏ dạy, ở nhà trông nom con, phụ chồng trông coi tiệm nhân viên bán hàng.

Giữa lúc không còn hi vọng có em nào ra khỏi nước nửa thì một đêm khuya, Lam thức giấc vì một cú phone Thụy sĩ gọi qua. Hoa hớn hở báo tin Long đã lọt qua đảo Bidon. Lam mừng quá, tỉnh ngủ thức luôn tới sáng. Cảm ơn Trời đã ban phước cho gia đình, người nào cũng có phần. Sáu trong 9 anh em đã ra nước ngoài tự do... Lên INS làm hồ sơ xin bảo lãnh Long qua Mỹ, Lam bị từ chối, họ nói «ai làm nấy hưởng» , anh đi lính anh hưởng, em không lính không hưởng. Bèn nhờ người học trò cũ định cư ở Canada từ 75, làm giáo sư đại học ở Montreal bảo lãnh. Lộc sốt sắng giúp thầy, mua nhà, chuẩn bị lo thủ tục bảo lãnh, nhưng người em bà con du học từ 65 ở Quebec, lại khuyên Long đi Úc, khí hậu ấm áp và có nhiều ưu đãi đặc biệt hơn Canada. Thế là Long nhờ bà sơ Úc, hiệu trưởng lớp ESL ở Bidon Long đang phụ tá, nói giúp với phái đoàn Úc cho đi diện nhân đạo. Số Long, cũng như Tùng ở Nhật, Lam ở Mỹ, phải sớm ở xa cha mẹ anh em. Định cư ở Úc, được 2 em vợ qua trước đó 2 năm, đưa vào hãng có việc làm ngay, làm đơn bảo lãnh có 6 tháng, vợ con đã qua đoàn tụ. Phần Lam phải qua tới đầu 91, vợ con mới sang được Mỹ. Long gửi thư qua thăm anh, kể lể chuyến đi, tâm sự, trút hết nỗi hờn lên đầu bọn cộng sản đã vùi dập tan nát tương lai tuổi trẻ mình, thề không bao giờ quay về VN nữa.

Năm 92, thêm một em nữa ra khỏi VN. Đó là Minh Châu, dẫn 2 con trai nhỏ theo chồng qua Mỹ diện H. O. Lam đang dạy học, ở apartment, sẵn có tiền, bỏ 10 ngàn ra «down» mua quách cái nhà 3 phòng cho hai gia đình ở chung, khỏi mướn 2 căn hộ riêng tốn tiền, lại được lợi có cái garage cho vợ chồng em gái ngồi may đồ lãnh về từ các shop may... Như vậy 9 đứa con đã có tới 7 thoát ra nước ngoài, mẹ bắt đầu an nhàn, thoải mái, không còn lo lắng nữa.

Vợ chồng Hà buôn bán lớn, ăn nên làm ra, phụng dưỡng mẹ, mua thêm một ngôi nhà lầu mặt tiền ở đường Trung tâm, mở chi nhánh chuyên bán computers, rồi mua luôn căn phố vợ chồng Lam bỏ lại cho bà cô trước khi đi Mỹ với giá 11 cây. Cô Nghệ phải cầm giấy tờ thừa kế vào Phan Rang chạy chọt hối lộ các nơi để bán cho được căn đó, nếu không sẽ bị tịch thu... Tùng ở Nhật đi làm có tiền, về Vn mua một ngôi nhà trong hẻm quận 3 Saigon, giá bấy giờ có 7 cây, cho vợ chồng em trai út là Việt đứng hộ khẩu để gia đình có chỗ trú ngụ mỗi khi vào Saigon, hay anh chị em về VN chơi có chỗ ở.

Ở Thụy sĩ nơi phương trời u, chính phủ không cho 3 chị em Hoa đi học lại, bắt đi làm. Luận làm tài xế và bảo trì dinh thự cho một tỷ phú buôn đồ cổ, được cấp nhà ở free, lương tháng vài ngàn euros. Hai vợ chồng

dư tiền, đầu tư mua nhà cho thuê, sinh một con trai. Huệ và Hy làm trong một siêu thị, lần lượt lấy chồng. Chồng cũng dân tỵ nạn Thụy sĩ, gốc người Vũng tàu. Đời sống đắt đỏ, nhưng cả hai đều được chính phủ giúp mua nhà.

Ở Mỹ, cặp Châu- Đông để dành một số vốn dọn qua Little Saigon ở, bắt đầu đi học nghề. Long bên Úc trở lại đại học và đi làm hãng bện lông cừu part- time. Các con trong nước, ngoài nước, như vậy đều sớm được ổn định. Nhiều năm về sau, hồi tưởng lại, Lam và các em đều nghiệm ra nhờ phúc ấm của cha mẹ để lại mà hầu như tất cả anh em ra nước ngoài an toàn, cuộc sống chỉ có ngày càng đi lên, trong khi đa số thiên hạ ở lại trong nước, ngày càng đi xuống... Thiên hạ trong tỉnh ai cũng cho là hiện tượng ít thấy, khen nhà có phước lớn nên con cái dưới chế độ cộng sản mà «đi ngoại quốc như đi chợ» .

Đâu khoảng năm 90, hai vợ chồng Hoa chê đời sống ở Thụy sĩ không có cơ hội «phất» , bán nhà Thụy sĩ được hơn trăm ngàn, gửi em gái ở Texas mua 2 ngôi nhà gạch to tướng và một tiệm giặt sấy, dẫn con trai duy nhất qua Mỹ ở lậu tại Houston, gần nhà cô em gái út. Luật sư di trú ở Houston bảo phải bỏ ra 500 ngàn «đô» đầu tư mới được thẻ xanh định cư theo diện kinh tế. Luận cho thuê nhà nhỏ, ở nhà lớn, ngày ngày ra

tiệm giặt coi, hay đi sửa nhà trong thành phố cho ai có nhu cầu, rồi gọi bạn bên Ý qua hùn mua chung cư cho thuê. Hoa học college trau dồi tiếng Anh, làm part- time cho một video store. Thấy Bưu điện tuyển nhân viên phát thư, bắt chước Lam, Hoa làm đơn thi, ai ngờ đậu điểm cao, được interviewed, nhận vào làm, lương 14 $/giờ. Số Hoa thật hên, làm cho Bưu điện một năm thì thẻ xanh hết hạn, không được gia hạn, không được cấp thẻ mới, nhưng bưu điện không biết, cũng không hỏi. Hoa trở thành công chức chính ngạch thực thụ của Liên bang, ngồi office bán tem gói hàng an nhàn, mà chẳng có chút giấy tờ gì hợp lệ hộ thân ngoài bằng lái xe... Có lần Christmas, Lam qua thăm Hoa, Luận chở đi coi nhà cửa. Nhà ở Texas xây bằng gạch như ở VN, giá quá rẻ, nhưng mùa đông thật lạnh, nước đóng cục trong vòi nước bên ngoài nhà, vặn không chịu chảy ra.

Long bên Úc, «sống lâu lên lão làng» , lại nhờ bằng cấp cao, được hãng tin cậy «promote» lên làm full- time manager, lương cao, mua nhà. Đông ở Little Saigon, học college sửa ô tô, Châu học nails, học tóc. Hai năm sau Đông làm cho Toyota hãng Mỹ, Châu làm cho các tiệm nails, tóc. Mười năm sau, Đông chuyển qua làm check smog cho khỏe, Châu xin vô hãng chế dụng cụ y khoa lớn làm, có benefits đầy đủ, đóng thuế, để sau này có tiền hưu. Năm 2009, địa ốc bể bong bóng, hai người

may mắn có job vững và credit tốt, được bank cho vay mua được căn nhà giá rẻ, có 330 ngàn so với trước đó là nửa triệu.

Năm 95, mẹ bay qua Thụy sĩ du lịch, ở chơi 6 tháng với 2 chị em Huệ, Hy, có nhà ở gần nhau. Lam bay qua thăm mẹ và hai em, ở một tuần. Suisse xanh rờn cây cối, môi trường không khí và nước uống tinh khiết trong trẻo, cuộc sống êm đềm thanh tịnh như ở Thiên đàng. Chồng Huệ lái xe đưa cả nhà đi thăm các nơi trong thành phố, rồi qua Ý chơi, coi nhà thờ cao vút, đi thuyền «gondola» ở Venice, chụp được nhiều hình rất đẹp, rồi về lại trong ngày.

Năm 99, Lam về Vn thăm nhà lần đầu. Công an xuất khẩu địa phương gửi giấy mời tới hỏi thăm, chiêu dụ đầu tư. Lam cười, «tôi làm công chức mà tiền đâu đầu tư ?» . Nhà cửa dân chúng, công sở, dinh thự khắp nơi mọc lên như nấm. Việc đi lại giữa Vn và các nước tư bản đã dễ dàng, Việt kiều hải ngoại đua nhau về VN liên tục. Qua 2000, Mẫn, con trai lớn Lam ra đi làm, Lam bán nhà cũ, mua ngôi nhà lầu mới 4 phòng ở Riverside. Các em bên Thụy sĩ lục tục dẫn các cháu qua Mỹ thăm anh và 2 chị Châu, Hoa, cả đám kéo nhau đi chơi Disneyland, coi Holywood, thăm Las Vegas chụp hình, quay phim...

Trên đường về lại Mỹ từ VN, Lam quá cảnh phi trường Nhật 8 tiếng, gọi Tùng ra đưa về nhà chơi cho biết. Tùng đi xe điện 2 tiếng ra phi trường đón anh. Căn hộ Tùng ở tít từng thứ 7 cao chót vót, phải đi thang máy lên. Căn hộ chật chội mà cả ngàn đô một tháng. Gặp Yến và 2 con gái Tùng, con Tùng không biết nói tiếng Việt, chỉ biết gật đầu chào bác. Tùng kéo ra quán ăn mì nước, coi siêu thị, thấy giá thức ăn rau trái «siêu» đắt đỏ. Cuộc sống ở Nhật vất vã, đất hẹp người đông, nhà đất đắt bạc triệu, có xe nhưng nhà không có chỗ parking, nên đa số ai cũng di chuyển bằng xe điện công cộng. Phải chi năm đó, mẹ gửi đi u châu học thì số phận Tùng có lẽ đã khác, có thể đã ở Thụy sĩ cùng với ba chị em, gần gũi ấm áp hơn.

Long, sau khi mua nhà ở Úc, đời sống ổn định, thoải mái, cũng phá lời thề xưa, dẫn vợ con bay về Phan Rang thăm mẹ năm 2001. Qua năm sau, Lam bảo lãnh mẹ sang Mỹ du lịch, qua lại giữa nhà Lam ở Riverside và Châu ở Westminster. Hoa từ Texas bay qua Cali thăm mẹ. Lam chở mẹ đi San Jose, đi San Francisco, coi cầu Golden Gate, cầu Oakland. Con gái Lam đưa mẹ bay qua Carolina thăm xui gia cha mẹ chồng tương lai. Hỏi ý mẹ có muốn ở lại Mỹ luôn thì Lam xin chuyển diện du lịch qua thường trú luôn, dễ ợt. «Ở Mỹ, già có đầy đủ hết, medicare, tiền già, má muốn đi nước nào cũng

dễ, má muốn thì con lo có liền» . Mẹ suy nghĩ mấy ngày rồi từ chối, quyết định về lại VN với Hà và Việt... Con cái ở khắp thế giới, tuy nơi nào cũng muôn màu, đẹp đẽ, giàu có, sung túc, không nơi nào đích thực là nhà của mẹ cả, hơn 70 năm trời mẹ đã lớn lên và sống ở Phan Rang.

Năm 2002 Lam lại về VN, ra Bắc thăm chùa Hương, ngủ đêm ở vịnh Hạ long, ở Sapa, Lào Cai. Cùng năm đó, Long bảo lãnh mẹ qua Úc chơi, thấy vậy, Châu và Thanh Hy bay qua Úc ở một tuần, thăm Long và mẹ. Huệ và Thanh Hy cũng cứ vài năm một lần, dẫn con bay về VN thăm mẹ và bạn bè cũ.

Năm 2003 mẹ lại qua Thụy sĩ chơi, chẳng may có một hôm ho ra máu, ngã quỵ xuống, 2 em gái chở vô emergency cấp cứu, bác sĩ nói phổi bị rách vì ngày xưa bị nám mà lại chích quá nhiều trụ sinh, làm ngay thủ tục cắt bỏ nửa lá phổi. Long từ Úc cấp tốc bay qua phụ 2 em gái, săn sóc mẹ. Mẹ sơ ý không mua bảo hiểm sức khỏe trước khi đi, tiền bill nhà thương lên tới 2 trăm ngàn, lấy tiền đâu trả. Nhưng Thụy sĩ quá nhân đạo, thấy 2 cô con gái Thụy sĩ gốc Việt income thấp, mà lại phải nuôi con ở đại học, nên không nỡ ép trả tiền. Các con ở các nước, Lam, Long, Châu, Hoa, Hà áy náy, góp lại trả nhà thương đâu được 8 ngàn thì họ nói «thôi, đủ

rồi» , xí xóa, đóng hồ sơ bệnh, xóa nợ.

Như là có phép màu, anh em ngơ ngẩn nhìn nhau, chuyện không thể nào ngờ được. Mẹ sau đó được nằm dưỡng bệnh nhà thương thêm một tuần nữa, tái khám, mới cho về nhà. Tháng sau, khi bác sĩ chứng nhận đã hoàn toàn bình phục, mới cho lên máy bay về VN. Cảm ơn, Thụy sĩ, cảm ơn... Mẹ phước lớn, ở Vn nhiều năm không sao, mà qua tới xứ văn minh mới lăn ra bệnh, lại là bệnh ngặt nghèo. Nếu ở VN, chắc gì mà còn sống. Từ biến cố đó, mẹ ở Vn luôn, không dám đi du lịch thăm con cái nữa. Lạ thay, lá phổi bị cắt từ từ phình ra và phát triển mọc lại đầy đủ như cũ. Lo trước hậu sự cho mẹ, Phú và Hà bỏ tiền ra xây khu mộ gia đình họ Phạm khang trang trên núi chùa Trà Can, cách thành phố 12 cây số, nơi vợ chồng Lam ngày xưa lên quy y làm đệ tử thầy tổ, nay đã viên tịch. Khu mộ gia đình có cổng đá xây gạch cao và rào kiên cố. Mỗi lần con cháu ở xa về nước đều lên núi thắp hương thăm mộ ông bà ngoại và ba, quanh quẩn hồi lâu ngắm cảnh núi đồi cây cỏ xung quanh, bùi ngùi ôn lại kỉ niệm gia đình mấy chục năm qua, không biết sau này chết ở xứ người hay về đây chết...

Năm 2003, Thanh Hy và Châu bay qua Úc dự đám cưới Kiều Giang, con gái đầu Long. Năm sau, Lam gả con gái lấy chồng qua miền Đông ở. Qua 2005 lại cưới vợ cho con trai, giúp con mua nhà mới ở Los Angeles. Thấy hai con đã tự lập, tiền hưu dạy học cũng đủ sống, cái nhà trả sắp xong, Lam xin nghỉ hưu, về nước thăm mẹ. Sư cô Tâm (thư ký Hội từ thiện của mẹ) nhờ Lam lên chùa thông dịch cho một nhà sư từ Ấn độ sang thăm vì chùa không ai hiểu tiếng Anh. Ông cho biết muốn gặp các cha cả ở các làng Chàm để hỏi thăm đạo Bà la môn họ tu có còn giống hồi nguyên thủy 2500 năm trước không. Ủy ban tôn giáo tỉnh và công an tưởng là sư Mỹ đen từ Hoa kỳ qua điều tra vụ người Chàm thiểu số bị cướp đất hay bị hà hiếp gì đó, không cho gặp, nói thác họ mắc ra đồng làm ruộng cả rồi. Ông sư về lại Saigon, tối hôm sau, Lam lập tức bị rắc rối với công an địa phương. Họ kéo tới nhà tra hỏi, tưởng Lam dẫn nhà sư lạ từ Mỹ về điều tra chuyện bạc đãi dân tộc thiểu số trong nước, rồi khi hiểu sự thật không phải vậy, quay ra phạt vi cảnh hành chánh vì một lý do vớ vẩn khác : không chịu «tái đăng ký» khi từ Saigon về lại Phan Rang. Lam thấy vô lý bực mình cãi, nhưng rồi cũng trả tiền phạt cho xong, «book» ngay máy bay về lại Mỹ. Từ lúc đó, tự nhiên Lam dị ứng, chán ngán không thích về VN chút nào nữa. Ở trên thì chiêu dụ Việt kiều mang

đô la về, ở dưới thì theo dõi, tra hỏi, hăm dọa, moi tiền. Trên thế giới, không có nước nào kỳ cục như vậy hết.

Vợ chồng Hoa ở lậu tại Mỹ không có giấy tờ nên không đi đâu được. Cũng như Huệ và Thanh Hy, hai vợ chồng Hoa phát tâm ăn chay trường, nhờ luật sư giỏi làm lại hồ sơ đầu tư. Năm 2008, sau một lần gặp thượng nghị sĩ Mỹ xin cứu xét, hai vợ chồng với đứa con trai đang lấy bằng tiến sĩ, được chánh án chấp thuận cho ở lại Mỹ hợp lệ, cấp thẻ xanh thực thụ, rồi qua năm sau, có luôn quốc tịch chính thức.

Năm 2009, vợ chồng Long bay qua Mỹ thăm anh em. Con trai Lam đãi chú thím đi tiệm ăn, tò mò hỏi ngày xưa chú và ba con còn nhỏ sống với ông bà nội thế nào, có những kỉ niệm gì. Long đăm chiêu ngồi thừ người ra, phảng phất buồn. Lam nhớ lại những ngày ba kèm 2 anh em học, thời gian lên Đà Lạt chơi, những ngày ba chết, nước lụt, Việt cộng vào... Chuyện gia đình như cuốn phim cũ đen trắng đem ra chiếu trở lại, buồn nhiều hơn vui..... Weekend, Lam và Đông đi 2 xe chở gia đình mấy anh em đi L. A và Hollywood coi cho biết. Long quan sát đời sống Mỹ, trầm trồ khen ngợi Cali xưa là sa mạc mà nay biến thành đô thị trù phú, sầm uất, cây cối xanh tươi. Rồi theo lời mời con gái và rễ Lam ở miền Đông, 2 vợ chồng bay luôn qua Carolina chơi, được 2

cháu lái đưa đi suốt dọc miền Đông nước Mỹ lên tới New York. Về lại Cali, Long trầm ngâm ít nói.

- Ai cũng khen nhà mình có phước, gần hết ra được nước ngoài sống tự do, mà thực ra là vô phước, anh em con cái cha mẹ lưu lạc mỗi người mỗi nơi, không được đoàn tụ một chỗ, sớm hôm gần gũi, qua lại an ủi, giúp đỡ lẫn nhau khi có chuyện khó khăn, lo buồn. Các cháu ở xa cô bác, chú cậu, mợ dì, không có tình thân kỉ niệm gì ràng buộc, gặp nhau chào hỏi như người xa lạ. Nhiều khi anh em nhớ nhau cũng không có điều kiện đi thăm nhau được...

- Đúng vậy... nhiều khi lang thang trên xứ lạ quê người, anh chợt tự hỏi «Sao ta lại ở đây, cha mẹ anh em ngày xưa ấm cũng xum vầy bây giờ đâu hết rồi ? Chừng nào tất cả gặp lại nhau ? Đây là nơi mình ở luôn tới chết, hay chỉ nơi ở chơi tạm rồi về lại VN ở cạnh mẹ ?»

Cuối năm đó, có giấy tờ hợp lệ, Hoa nghỉ phép một tháng, dẫn con về VN thăm mẹ sau 30 năm xa cách quê hương, rồi đi Nhật thăm Tùng. Vợ chồng Hà bây giờ là thương gia lớn ở VN, được nhiều vé du lịch free liên tục của Samsung và Sony thưởng hai lần mỗi năm vì bán được nhiều hàng. Hà đưa mẹ đi chơi các nước gần như đảo Hải nam, Đài loan, Singapore... Phú cho 2 con qua Mỹ du học, hai năm về chơi nhà một lần.

Hè năm 2012, Lam, Long và Thanh Hy rủ nhau tham dự một tour đi nhiều nước u châu do nhóm Thụ nhân, cựu sinh viên quốc gia hành chánh trước 75 tổ chức, gặp nhau ở Paris. Ba anh em đi bên nhau giữa phố xá đền đài cung điện xe cộ tấp nập của kinh đô ánh sáng mà nhớ tới quê hương đất nước mịt mù, tự hỏi sao chỉ có 3 đứa lạc lõng chốn này. Đây là đâu, cảnh thật, hay cảnh trong mơ ?

Thanh Hy lúc đó đã ly dị chồng, chán cuộc sống lạnh lẽo buồn ở Thụy sĩ, quyết định nghỉ hưu non, bán nhà có lời, chia cho 2 con một phần, rồi về Phan Rang ở luôn bên mẹ săn sóc. Việt dạy vi tính ở đại học, vợ làm giám đốc doanh nghiệp lớn, mua thêm một cái villa đầu tư.

Năm 2014, con trai Hoa được công ty Google offer job ngon lương trên trăm ngàn ở San Jose thung lũng hoa vàng, hai vợ chồng Hoa từ Houston lái xe chở con qua Cali lo chỗ ở cho con, xuống Westminster thăm Châu, đãi cha con Lam và mấy mẹ con Châu đi ăn cơm chay mừng cháu. Anh em lâu ngày không gặp, chuyện trò tưng bừng rộn rã. Từ Nhật, Tùng 61 tuổi, cũng mang con gái lớn xinh đẹp và rễ là cậu trai Nhật mồ côi cha mẹ, về Phan Rang làm đám cưới theo nghi lễ cổ truyền. Wasaki mặt hiền khô, sống với bà nội từ nhỏ, bà nội

giàu, có mấy ngôi nhà cho thuê, giao cho cháu thừa kế quản lý. Con gái Tùng không biết nói tiếng Việt, phải dùng tiếng Anh để trao đổi với cô chú và cousins ở Mỹ về. Hai bà Châu, Hoa, tuổi sắp về hưu, ở Mỹ dẫn con cái về dự đám cưới, thăm mẹ và các em. Suốt 2 hai tuần liền, mấy chị em và đám con cháu kéo nhau đi Hội an, Nhatrang, Phan thiết chơi vui vẻ xả láng.

Năm nay, mẹ đã 88 tuổi, tóc bạc phơ, tai hơi lãng, chân hơi yếu, quanh quẩn trong nhà, ngồi thiền, niệm Phật, nghe kinh Kim Cang thầy Thanh Từ giảng, tối tối thắp nhang lạy Phật. Lam đã 70, cũng như Long 66 tuổi sắp về hưu, đã có cháu nội ngoại. Coi các tấm hình mẹ chụp gửi qua mạng, cũng như qua DVD, thấy mẹ đẹp lão như bà tiên, vượt qua tuổi thọ năm xưa ông thầy tướng đoán. Mẹ sống lâu hơn, mạnh khỏe không đau ốm gì, có lẽ do «đức năng thắng số» . Nhưng, ở đời, có sanh tất có diệt. Thân người ngũ uẩn giai không, chắc cũng vài năm nữa thôi, mẹ sẽ đi theo ông bà...

Khi ngày đó đến, các con khắp nơi sẽ bay hết về nhà, tề tựu quanh giường, chịu tang, làm phước báo hiếu cho mẹ, trong lúc thời cuộc đất nước còn ngổn ngang trăm mối chưa biết về đâu. Xa quê nhiều năm, tình quyến luyến quê hương các con cũng phai dần. Khí hậu ô nhiễm, thức ăn độc hại, dân nghèo đói khổ, đạo đức suy

đồi, luật lệ hà khắc, công an du đãng, tham nhũng tràn lan, xã hội tan rã, có gì hấp dẫn để về ở, nói chi tới đám cháu chắt sanh đẻ ngoại quốc, nói tiếng nước người rành hơn tiếng Việt...

Mừng mẹ tuổi cao khỏe mạnh, nhưng lòng con băn khoăn, buồn cho vận nước điêu linh, nô lệ giặc Tàu, chưa được dân chủ, tự do, no ấm. Tương lai dân tộc tối đen, biết hết đời con qua đời cháu có thay đổi gì không... Kỉ niệm năm tháng êm đềm hạnh phúc với cha mẹ ngày xưa có thể còn giữ trong đầu các con, nhưng trở về sống lại với quá khứ ở quê nhà là chuyện vô tưởng, không riêng gì anh em Lam, mà hầu như đối với tất cả các con dân Việt hải ngoại thế hệ thứ nhất, thứ hai...

Phạm Hoàng Chương

Người Hoa Kiều Phố Cổ

Trần Du Sinh

Tác giả cho biết ông là một kỹ sư hàng hải, 37 tuổi, lớn lên khi cả nước đã thành xã hội chủ nghĩa. «Trong khi đợi bảo lãnh diện đoàn tụ gia đình, tôi có cơ may được học bổng của Liên u (EU) để hoàn thành chương trình BA và MBA International Management.» Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, ông đã hoàn tất luận án tiến sĩ tại Đại Học ợ Argosy, San Diego, và là một Phó Giám Đốc kỹ thuật hàng hải của Bộ Quốc Phòng Mỹ, làm việc tại Á Châu, và đã bay từ Nhật về Little Saigon để họp mặt Viết Về Nước Mỹ 2014 và nhận giải Vinh Danh Tác Phẩm. Sau đây là bài viết mới nhất.

Nội chiến Bắc Nam đã qua đi gần 40 năm. Đã có biết bao buồn vui khơi lên từ đống tro tàn của cuộc chiến. Có những vết thương đã lành và cũng có những vết thương sẽ không bao giờ hết đau. Có những người đã được lưu vào sử sách nhưng cũng có nhiều người bị lãng quên, trong đó có Việt Nam Hoa Kiều, nói theo cách nói của người Hoa để phân biệt với hải ngoại Hoa Kiều sinh ra ở các lân bang khác của Trung Hoa lục địa.

Truyền thông và văn chương Việt Ngữ cũng ít khi nói về Hoa Kiều tị nạn từ cuộc nội chiến Bắc Nam. Có lẽ vì chính trị vốn nhạy cảm, và cũng có lẽ vì phong trào chống Trung Cộng đang dâng cao trong cộng đồng Việt ở hải ngoại cũng như người dân trong nước trong năm 2014 với điểm nóng Biển Đông.

Người Hoa Kiều di dân đầu tiên mà tôi biết tới là người đầu bếp của một nhà hàng Tàu ở Châu u. Ông vượt biên bằng tàu sắt có sự thoả thuận của chính quyền mới sau năm 1975, chứ không bỏ chạy trên những chiếc ghe đánh cá mong manh như đa số người Việt tị nạn khác. Họ trả tiền để đi vượt biên, cũng trải qua nhiều gian truân với biến cố họ gọi là «nạn kiều» . Đa số Việt Nam Hoa Kiều khi qua hải ngoại lại dùng tiếng Hoa để liên lạc nhau, và không dạy cho con cái tiếng Việt nên nhiều em sanh ở trời Tây Mỹ, mang họ Việt nhưng chỉ biết tiếng Hoa bồi.

Qua tới Quận Cam thì tôi biết được người Hoa Kiều là một trong những người đầu tiên dựng nên Little Saigon với Thương Xá Phước Lộc Thọ và chợ bán đồ ăn Châu Á.

Người Hoa khắp thế giới luôn có những hội tương tế đồng hương hay bang hội để giúp nhau lập nghiệp, tạo dễ dàng cho việc gom vốn để mở chợ, nhà hàng, cơ

sở thương mại với hệ thống tài chính riêng. Đây cũng là nét khác của cộng đồng Hoa Kiều so với cộng đồng Việt, vì họ gắn bó và hỗ trợ nhau nhiều hơn. Đây cũng là nền tảng của các Phố Tàu khắp thế giới : tình đồng hương và chữ tín trong tài chính và kinh doanh.

Hoa Kiều ở Chợ Lớn hay ở các tỉnh của Việt Nam vốn là dân tị nạn từ Trung Hoa qua các thời đại. Họ vốn là dân trọng thương, từng gánh chịu hậu quả của chiến tranh đói khát, nên khi qua đến quê hương mới, họ ít dính tới chuyện chính trị, âm thầm làm ăn, chăm lo cho gia đình và mở rộng cộng đồng thông qua những sự tương tế giúp đỡ đồng hương và họ hàng.

Sau này khi coi cuốn phim phỏng tác từ tác phẩm của nhà văn gốc Hoa, Amy Tan, có tựa đề «Phúc Lạc Hội» (The Joy Luck Club) , tôi được hiểu thêm về người Hoa tị nạn trước chiến tranh Việt Nam ở bên Tàu. Tôi yêu thích cuốn phim đó cũng vì tài diễn xuất tuyệt vời của nữ tài tử Kiều Chinh, một tượng đài điện ảnh Việt vượt thời gian, trong vai một người mẹ Hoa tị nạn ở Mỹ bỏ lại hai đứa con gái sanh đôi trên đường tị nạn. Cũng nhờ cuốn phim này mà tôi yêu cái thành phố San Francisco, nơi có khu Phố Tàu cổ xưa nhất thế giới ở Hoa Kỳ làm bối cảnh của bộ phim nổi tiếng này.

Sau này học về kinh doanh, tôi ngưỡng mộ doanh

gia Trần Đức của công ty Huy Fong Foods chỉ chuyên làm tương ớt. Ông là Hoa Kiều tị nạn từ Việt Nam và cũng từng đi lính cho miền Nam. Tôi biết tới ông qua một bài phỏng vấn. Ông nổi tiếng vì đã làm ra một sản phẩm gốc Việt phổ biến nhất thế giới. Đó là chai tương ớt Sriracha có nhãn hiệu con gà trống, nó có mặt ở bất cứ nơi hẻo lánh nào trên thế giới có nhà hàng Tàu hay Việt, và đây cũng là sản phẩm gốc Việt mà nhiều đồng nghiệp Mỹ của tôi biết tới nhiều nhất, nhờ khoái đi ăn phở. Họ đều hỏi tôi chỗ mua để đem về nhà ăn với mì gói hay xúc xích.

Uy tín và đạo đức kinh doanh của ông Trần Đức đã được cả thế giới kiểm chứng, vì chất lượng ổn định và giá cả không hề tăng trong vòng mười năm, dù năm nào Hoa Kỳ và kinh tế thế giới cũng có lạm phát.

Trong khi đó, ở Sài Gòn, năm nào cơm bình dân cũng tăng vào dịp Tết và không bao giờ xuống lại, dù khách hàng chính là thành phần sinh viên và dân có lợi tức thấp trong xã hội. Tính ra ở điểm này thì giới làm ăn thuần Việt ở Việt Nam chắc phải đợi nhiều thế hệ nữa mới có được đạo đức kinh doanh của ông Trần. Từ chuyện đạo đức và triết lý kinh doanh của ông thì người ta cũng hiểu được vì sao người Hoa Chợ Lớn và miền Nam ngày xưa làm ăn thành đạt và thịnh vượng.

Nhưng những người Việt gốc Hoa trên đều có xuất xứ miền Nam, đều nói giọng Nam với một chút âm tiếng Hoa trong cách phát âm các phụ âm thuần Việt tạo nên cái lơ lớ rất đặc trưng. Giọng người Hoa ở miền Nam cũng rất quen thuộc với người Việt qua các bộ phim Hồng Kông được lồng tiếng ở hải ngoại.

Còn người Hoa Kiều tôi sắp kể ra đây lại đến từ phố cổ Hà Nội, nói giọng Hà Nội chuẩn của thời chưa pha tạp Bắc Trung Bộ và họ hàng của lính Trường Sơn kéo về. Anh phát âm tiếng Bắc nghe rất hay, và nói tiếng Hoa cũng hay không kém. Chuyện tôi gặp anh cũng rất tình cờ.

Một tối tháng Mười hơi lành lạnh hơi sương từ Vịnh Kim Sơn, tôi đi ngược từ phía cầu tàu, dọc theo con đường Broadway để tìm tới Phố Tàu. Cách đây đúng mười năm, cũng vào mùa này, cũng trên con đường này, tôi thả bước về phố Tàu để tìm ăn một tô hủ tiếu. Phố Tàu San Francisco sau chừng ấy năm cũng vậy, cũng là những cửa hiệu cũ, những cửa hàng bán đồ rẻ tiền made in China, và cũng những khuôn mặt nhăn nheo của người già. Người Hoa lớn tuổi thường xuống phố đi chợ, cũng là nơi gặp gỡ đồng hương, nên Phố Tàu thường có nhiều người già Á Châu hơn người trẻ. Có lẽ đối với Mỹ con gốc Châu Á, phố Tàu quá dơ bẩn

và buồn chán đối với họ. Nếu không thèm đồ ăn Tàu chắc là họ sẽ không tới đây để làm gì. Người qua đường ở đây đa phần là dân du lịch hay khách vãng lai, chứ không phải thế hệ Tàu con kiểÂu Mỹ con, mà dân Tàu di dân gọi là ABC (American- Born Chinese) . Tôi tạm dịch là «Tàu con» .

Phố Jackson vẫn vậy, vẫn cũ kỹ với nhiều hàng quán ghi ẩm thực Hồ Nam hay Tứ Xuyên rất đông khách. Nhìn xuyên cửa kiếng vẫn thấy nó cũ kỹ với bàn ghế cũ sắp xếp hơi bề bộn, thiếu không gian cho người thích ngồi nhâm nhi ly rượu vang và hoài niệm mười năm tình cũ với Cựu Kim Sơn như tôi.

Rồi từng quán cứ lướt qua không vương vấn, cho tới khi tôi thấy chữ «ẩm thực Đông Dương» (Cuisine Indochine) . Chữ Đông Dương có ý nghĩa gợi nhớ rất nhiều với tôi, cũng nhờ hai cuốn phim nổi tiếng của điện ảnh Pháp mà tôi đã coi qua và mua đĩa gốc làm kỷ niệm và kho tư liệu. Phim thứ nhất mang đúng một chữ «Indochine» , nghĩa là «Đông Dương» , do huyền thoại điện ảnh Pháp là nữ tài tử Catherine Deneux và tài tử gốc Việt Phạm Linh Đan thủ diễn hai vai nữ chính.

Cuốn phim thứ hai là «Người tình» (L'amant) do tài tử Hồng Kông Lương Gia Huy đóng vai chính với cảnh miêu tả ân ái quá sức gợi tình với nữ tài tử Pháp Jane

March trong vai cô nữ sinh trung học người Pháp yêu một công tử Hoa Kiều từng đi du học ở Tây về. Phim có kịch bản từ một tác phẩm văn chương nổi tiếng cùng tên. Một kiệt tác văn chương và điện ảnh có số phận đặc biệt với lịch sử thuộc địa của xứ An Nam. Cái lịch sử này làm tôi ám ảnh về sự trù phú của miền Tây thời thuộc địa với những địa danh và điển tích «Công Tử Bạc Liêu» , không như mấy anh chàng miền Tây thời xã hội chủ nghĩa nghèo khổ đến nỗi không đủ tiền cưới vợ, để rồi có hàng trăm ngàn cô gái miền Tây phải lấy chồng Đài Loan, Hàn Quốc hay ăn sương khắp Đông Nam Á.

Chữ «Indochine» đã đủ mạnh để kéo tôi bước vào quán không một chút đắn đo. Vào tới bên trong, tôi hơi khá ngợp trước vẻ sang trọng tao nhã của quán, dù bên ngoài cũng cũ kỹ như mấy nhà hàng Tàu khác. Nhìn qua là biết quán vừa mới tân trang với thiết kế nửa Tây nửa Việt sang trọng dưới ánh đèn vàng rọi lên nhiều thớt gỗ cùng màu. Quầy tính tiền cũng là một bar rượu có dáng dấp của một nhà hàng hiện đại, và không gian bày biện rộng rãi kiểu Tây. Quán đúng là một sự hoà hợp Đông-Tây giữa phố Tàu cũ kĩ, một điểm nhấn của một vùng đất lịch sử. Cái tên quán cũng khá Tây : Begoni Bistro.

Chọn cái bàn ngay cửa sổ nhìn ra phố nhỏ, tôi gọi món Tây : cá hồi nướng phô mai và khoai tây chiên, cùng với một ly rượu Bordeaux để tưởng nhớ tới những cuốn phim thời Pháp thuộc. Món cá hồi nướng lò vừa tới để lại hương vị rất tươi, ngọt nhẹ nhưng không có vị tanh của thịt cá, cộng với chút béo ngậy của phô- mai tan chảy và chút nước sốt kiểu Tây làm tôi không thể tìm ra điểm nào để chê. Đã khá lâu rồi tôi mới ăn sạch một đĩa đồ ăn theo khẩu phần Mỹ như vậy. Miếng cá khá lớn nằm trên một cái đãi cũng khá lớn ban đầu đã cho tôi cảm giác là sẽ ăn không hết.

Khá no bụng nên tôi ngồi nhâm nhi vị chát của ly rượu đỏ. Bỗng một người ăn vận kiểu đầu bếp ghé tới, trên tay cầm một chai rượu đỏ cùng một nụ cười hiền hậu. Anh nhìn trạc ngoài ngũ tuần, nhìn có vẻ hơn tôi độ chục tuổi. Anh trờ tới hỏi thăm xem tôi có thích món ăn do anh làm hay không, và cái đĩa sạch trơn trên bàn đã thay câu trả lời.

Thoáng một chút thì anh đã biết tôi là người Việt, vì tôi đang đưa hình món ăn của anh lên trang Facebook để chia sẻ cùng bạn bè. Anh mời tôi một ly rượu và chúng tôi bắt đầu nói chuyện với nhau bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Anh nói giọng Hà Nội rất hay, và trong từng cách nói và chọn từ đều khác với tiếng Bắc của phát

ngôn viên VTV hay các phim miền Bắc, nghe có vẻ gần với ngôn ngữ của Bắc 54 hơn, dù vẫn còn dùng nhiều thổ âm và tiếng lóng rặt Bắc Kỳ 75. Có lẽ anh chưa bao giờ là Bắc Kỳ 54, vì anh sanh ở Hà Nội sau cái thời điểm chia cắt lịch sử đó.

Khi biết tôi từ Quận Cam tới, anh khen ở Quận Cam đồ ăn ngon, phở ngon nhưng lại khăng khăng mời tôi ăn một tô phở Bắc. Tôi từ chối lịch sự vì quá no nhưng thấy vẻ nhiệt tình và kiên trì của anh nên tôi gật đầu. Anh quay lại bếp để «tiếp thị» cho tôi một tô phở thuần Bắc.

Một tô phở gà nóng hổi được bưng ra, khói bay nghi ngút. Bánh phở tươi, gà chặt khá mảnh, ở giữa tô phở là nhúm hành và rau thơm, và đặc biệt là không có dĩa rau kèm theo. Anh giải thích rằng, phở Bắc ở Hà Nội không ăn kèm với giá cộng hay ngò gai, cũng không có hành trần nước béo như người miền Nam vì nước phở phải trong, không đậm mùi nước lèo, và nếu cho giá hay rau nhiều vào vì sẽ mất đi hương vị gốc.

Nghe cũng có lý, nhưng đúng là tô phở Bắc nhìn thanh cảnh hơn tô phở Nam, nhất là phở đặc biệt của Quận Cam với đội ngũ hầm bà lằng nào là thịt, gân, gầu, xách cũng như đủ loại rau nhúng vào. Dù chỉ ăn phở gà nhưng tôi cũng đoán được phở bò Bắc cũng thanh cảnh

không kém. u cũng là nét văn hoá riêng, mà lại là văn hoá Hà Thành trước khi dân tỉnh về biến nó thành cái chợ quê khổng lồ xứ Bắc. Thầm nghĩ đêm nay đúng là đêm của du lịch văn hoá, khi gặp đúng người Hà Thành xưa với nét ẩm thực Bắc xưa, dù anh bạn mới này nói tiếng Hoa cũng rành như tiếng Việt. Anh là Hoa Kiều phố cổ xuyên lục địa, từ phố cổ Hà Thành qua phố cổ Cựu Kim Sơn.

Tô phở gà kiểu Bắc và sự hiếu khách khéo léo của anh bạn mới quen đã theo tôi về với miền Nam cũ ở Quận Cam với một kỉ niệm mới. Nhưng rồi hương vị Bắc cũng phai theo ngày tháng bởi tôi lại về với công việc và những bữa cơm tối miền Trung.

Hai tháng trôi qua, mùa Giáng Sinh lại đến. Trong lúc tìm một thành phố lạnh hơn để đón đêm Giáng Sinh, cái tên San Francisco lại vang lên trong đầu tôi và đã được chọn làm nơi đóng Nô- en, dù miền Bắc Cali không lạnh hơn miền Nam nhiều cho lắm. Có lẽ vì cái lãng mạn của thành phố của nghệ sĩ này lôi kéo tôi, cộng thêm sự hấp dẫn của một phố Tàu cũ kĩ. Tôi lại lên đường cùng những du học sinh cho một chuyến dã ngoại lái xe đường dài.

Bữa tối đầu tiên ở San Francisco, tôi tìm về quán Begone. Vừa tới quán tôi đã biết họ còn nhớ mặt tôi qua nụ cười thân thiện. Lần này chúng tôi không gọi món Tây hay món Đông Dương mà gọi ngay món ăn Hà Nội : chả cá Thăng Long, chả cá Hà Nội và phở gà. Một lát sau, anh chủ kiêm bếp chính tự tay bêta món chả cá Thăng Long do chính tay anh làm. Anh đang ở trong bếp và nghe người hầu bàn nói là có khách ở xa tới gặp. Lần này chúng tôi có dịp nói về ẩm thực Hà Nội phố và một chút Hà Nội cổ.

Tôi khá bất ngờ khi nghe anh nói là mới về Hà Nội chơi. Anh lấy phone ra cho tôi coi hình anh chụp về Hà Nội. Những bức hình của anh rất đời thường, có nhiều gánh hàng rong, nhiều quán ăn nhỏ bé và gánh ăn vỉa hè của phố cổ Hà Nội. Anh dừng lại một tấm hình có cảnh anh ngồi ghế đẩu ăn bún chả bên một gánh bún của một phụ nữ trung niên. Anh chỉ cho tôi thấy một ngôi nhà hai tầng khá lớn so với những căn còn lại trên con phố nhỏ trong bức ảnh trắng đen rồi nói :

- Đấy nhà của tôi đấy. Nhưng bây giờ họ lấy rồi. Mỗi lần về tôi đều chụp nó cho đỡ nhớ. Còn cái con bán bún này, nó là con của đứa bạn cũ. Nhà nó mấy đời bán bún chả, ngon lắm. Lần nào về tôi cũng ăn gánh của nó, lại còn giành rửa bát cho nó nữa.

Anh nói xong lại cười rất vô tư. Để tiếp nối câu chuyện, tôi khen miếng chả của anh ngon. Không ngờ anh lại nói :

- Không ngon bằng miếng chả ở Hà Nội.

Tôi tưởng là anh nói khiêm tốn kiểu người Bắc nên cố nói thêm một câu :

- Nhưng với em, nó đã tươi, mềm và thấm, đủ để gọi đó là món chả ngon của Hà Nội rồi.

Anh mỉm cười và nói thêm một câu :

- Em biết tại sao nó không ngon bằng chả ở Hà Nội không ? Vì bên kia người ta lấy thịt con heo vừa mới mổ xong, thịt còn tươi rói đem quết làm chả ngay thì nó mới ngọt và tươi đúng chất Hà Nội, còn bên này thịt phải qua phòng lạnh rồi mới cho bán nên làm chả không có vị tươi như ở Hà Nội.

Lúc này thì tôi đã hiểu độ tinh tế của người Hà Nội cũ, cũng như anh đầu bếp tài hoa này. Nhà hàng của anh tuy mới mở nhưng được xếp hàng rất cao bởi các trang Web chuyên về ẩm thực, và cũng là ngôi sao mới nổi ở phố Tàu trứ danh về ẩm thực Phương Đông này.

Rời San Francisco với chút lâng lâng của một trải nghiệm mới, của hương vị Hà Nội mà cách đây chỉ vài tháng thôi vẫn còn xa lạ với tôi. Tôi chưa một lần ra phố cổ Hà Nội nhưng hình ảnh ông Hoa Kiều ngồi xổm ăn hàng gánh trước ngôi nhà cũ của ông bị tịch thu cũng đủ gợi nên niềm nuối tiếc của một thời chưa có di cư và tị nạn, cái thời mà Hà Nội còn mang hình ảnh Đông Dương quí phái và thanh lịch.

Có lẽ chuyện người Hà Thành thanh lịch cũng đã qua đi cùng năm tháng, chỉ còn người Hà Nội cũ thanh lịch làm khách du lịch trước mái nhà xưa của mình. Và trong số người Hà Nội xưa có cả những Hoa Kiều phố cổ.

Trần Du Sinh

Xuân Như Ý

Orchid Thanh Lê

Đây là bài trích từ báo xuân Việt Báo Tết Ất Mùi 1015, hiện đã phát hành khắp nơi. Tác giả định cư tại Hoa Kỳ tháng 9 năm 1997, hiện là Phó Giáo Sư Tiến Sĩ tại Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ, Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ tại Monterey, California. Với bài «Đi Tìm Tên Một Người Vô Danh» , cô đã nhận giải vinh danh tác giả Viết về nước Mỹ 2014. Đồng thời với bài «Thầy Việt Trò Mỹ» , cô nhận thêm giải viết văn Trùng Quang 2014.

Tôi nghe tiếng Việt loáng thoáng của ai đó «Bà đừng chộ tui chớ ! Sẽ có người đón mà.» Tiếng ai khác đáp lại «Vậy thì mình cứ theo họ vào trong đã.»

Bước vội lại phía có tiếng nói, tôi len lỏi giữa đám đông xôn xao từ chiếc xe buýt lớn vừa đổ xuống và nhận ra cặp vợ chồng cụ già người Việt không mấy khó khăn. Ông đội mũ phớt, mặc áo sơ mi dài tay xám nhạt, bên ngoài là gi- lê nỉ đen, chiếc quần tây hơi thụng màu sậm, tay ông vịn vào chiếc can. Bà một tay xách chiếc túi da nhỏ, bàn tay kia đặt trên chiếc gậy trúc. Bà ăn bận ấm hơn, ngoài khăn nhung đen bông trùm đầu còn dễ chừng có đến hai lớp áo hộ thân rồi mới đến áo len

khoác ngoài màu gụ.

- Dạ, có phải hai bác Vinh không ạ ?

Bà mừng ra mặt :

- Ông nhà tôi tên Vĩnh, cô ạ. Ông cứ lo không có người giúp tiếng Việt. Cháu nội tôi học ở đây bốn năm trước. Bây giờ cháu đang ở chiến trường Iraq.

Tôi thầm nghĩ ắt hẳn cháu nội của ông bà đã học tiếng Ả Rập từ trường tôi. Nhưng trước hết phải đưa hai ông bà vào hội trường đã. Ông dường như đi đứng khó khăn hơn dù có chiếc can trợ lực. Tôi đi chậm lại đợi. Ông cười móm mém khập khiễng bước, giọng phân bua :

- Tui đau khớp, trời lạnh chân tay có phần ngúc ngắc.

- Để con đi lấy xe lăn cho bác.

Ông ngần ngại sợ phiền. Tôi cho ông biết đường đi bộ vào hội trường dễ đến năm trăm mét vì vậy nếu để tôi đẩy xe cho ông ngồi thì tiện hơn, còn vào bên trong thì ông có thể bỏ xe lăn để đi đứng thoải mái. Ông gật đầu cám ơn. Tôi lấy chiếc xe đẩy ông vào hội trường, bà chống gậy trúc bước đi bên cạnh thong thả. Tiếng trống thùng thình phối hợp với những vũ điệu uốn khúc, trườn đảo nhịp nhàng của đội múa rồng đang biểu diễn

đón chào các khách đến. Cả tuần trước đó, tôi đã thấy có đến vài mươi em sinh viên học tiếng Trung Hoa đã cất công luyện tập để có được những động tác đồng bộ thể hiện thần oai của linh vật này.

Đây là lần đầu tiên trường tôi tổ chức Ngày Tri n Gia Đình Quân Nhân mà con, em của khách mời đã từng là sinh viên của trường và hiện nay đang làm nhiệm vụ tại nhiều chiến tuyến khác nhau. Người nhà của các quân nhân nếu cư ngụ trong phạm vi 300 dặm đều có xe buýt đưa đón đến nơi tham dự. Có một số thân nhân không thể giao tiếp bằng tiếng Anh nên trường kêu gọi các ban ngành góp sức. Nhìn vào danh sách thấy họ có nhu cầu trợ giúp tiếng Việt, tôi ghi tên thiện nguyện.

Một tuần trước ngày này, ban tổ chức cho họp các thiện nguyện viên nhằm trình bày kế hoạch tổ chức và phân công để kết quả được mỹ mãn. Ngày Tri n Gia Đình Quân Nhân được chọn đúng vào mùa lễ hội : Tết Việt, Tết Trung Hoa, Tết Đại Hàn, Lễ Tình Nhân nên họ khuyến khích thiện nguyện viên góp sức tạo một ngày vui kết hợp sắc thái đa văn hóa.

Ngày hôm trước tôi đã chọn một bàn bên góc hội trường cho hai vị khách lớn tuổi mà tôi trợ giúp. Từ góc bàn này ông bà sẽ quan sát rõ những tiết mục trên sân khấu và thuận tiện cho ông bà đi ra ngoài xem biểu diễn

ngoài trời hoặc đi nhà vệ sinh. Tôi trang hoàng chiếc bàn với chút không khí Tết. Chiếc độc bình nhỏ với cành đào tươi màu hồng điều cùng vài tấm thiệp xuân treo trên cành. Hộp mứt Tết và đòn bánh tét tự gói để góp vui đón Năm Mới. Tôi chọn đủ năm loại trái cây tươi mà tôi có thể kiếm được để bày đĩa ngũ quả ngày Tết gồm bưởi, hồng, quýt, thơm và Phật thủ.

Thời gian eo hẹp, ở xa cộng đồng Việt nên tôi không thể đến chợ mà đem cả cái Tết về. Thôi thì vài thứ gọi là để Tết có thể len lỏi giữa trời mùa đông nước Mỹ.

Khi đưa được ông bà đến bàn, tôi xếp gọn chiếc xe lăn rồi đem nước trà nóng đến. Ông bà đang tần mẩn ngắm các thứ bày Tết trên bàn. Ông nói «Thằng cháu nội vắng nhà nên chẳng có ai lái xe đưa tụi tui đến chợ Việt sắm Tết, cô à !»

Bà tiếp lời «Nó nhắc nhở, thúc giục ông bà nội ghi tên tham dự ngày hôm nay để biết đâu họ kết hợp mừng Tết luôn thể mà ngờ đâu đúng thật.»

Thấy ông bà ra chiều thích thú, lòng tôi vui lây.

Mở đầu cho Ngày Tri n Gia Đình Quân Nhân là nghi thức đơn giản : lời chào mừng người thân của các quân nhân đã đến tham dự và cám ơn sự hy sinh đóng góp

của con, em họ hiện đang phục vụ khắp miền đất nước xả thân để bảo vệ tự do. Quân đội chu đáo, người chiến sĩ từ nơi xa xôi được nhớ đến đã đành, người thân của họ cũng không bị quên.

Tôi nhắc sơ qua cho ông bà những tiết mục trong chương trình, tùy ông bà thấy hợp phần nào thì tham gia, không bắt buộc. Có một tiết mục tặng giải thưởng vào cuối chương trình thì tôi phải giải thích trước để ông bà chuẩn bị.

Tiết mục này yêu cầu người tham gia ghi lại cảm tưởng hoặc một điều đáng nhớ nhất đối với họ về Ngày Tri n này để ban tổ chức bình chọn điều nào ý nghĩa nhất sẽ được tặng giải. Cả ông lẫn bà đều chần chừ. Tôi hiểu rằng mới đầu ngày thì người tham gia chưa dễ có được một ấn tượng hay cảm xúc sâu lắng nên góp ý :

- Hai bác cứ tham gia các hoạt động giải trí khác, đến sau bữa trưa thì nộp giấy vẫn kịp.

Ông và bà gật đầu. Tôi ra quầy chọn vài món ăn Á Châu quen thuộc đem đến, chúc ông bà ngon miệng và hẹn quay trở lại sau khi ông bà dùng xong bữa sáng. Cả ông và bà tha thiết muốn tôi cùng ăn sáng chung. «Chúng tôi thèm nói tiếng Việt.» Thay vì có những giây phút riêng tư để dùng bữa với nhau thì ông bà lại chọn

sự giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ. Tôi hiểu rằng mình không cần nói nhiều, cốt chỉ lắng nghe cũng làm ông bà vui.

Những câu chuyện rất đỗi đời thường được ông và bà thay phiên chia sẻ. Qua đó, tôi biết ông bà chỉ có một con trai duy nhất, anh lập gia đình và có một con trai là cháu nội hiện tại của ông bà. Không may anh con trai bị tai nạn xe chết trẻ, ông bà thương con dâu góa bụa quá sớm, giục cô đi lấy chồng khác và xin giữ cháu nội để nuôi. Ông bà dẫu thương cháu nội cách mấy đi nữa cũng đành tôn trọng lý tưởng riêng của cháu, để cháu tham gia phục vụ đất nước làm phận sự người trai. Ông bà lớn tuổi có chính phủ lo, thằng cháu săn sóc ông bà theo khả năng của nó.

Ăn sáng xong, tôi đưa ông bà đi đến từng quầy trò chơi vui nhộn. Nhằm mục đích mang lại niềm vui cho khách tham dự, tiết mục nào cũng có tặng thưởng để khuyến khích mọi người tham gia. Chẳng mấy chốc, chiếc túi in hàng chữ «Ngày Tri n Gia Đình Quân Nhân» mà ban tổ chức phát từ đầu ngày cho ông và bà đều rủng rỉnh quà tặng. Tham gia một hoặc hai tiết mục thì ông phải nghỉ chân một lát hoặc ngồi vào xe đẩy nhưng cả ông bà đều hứng khởi muốn tiếp tục tham gia thêm trò chơi. Có trò chơi đoán hình, ông nhắc tuồng bà nhưng không trúng. Ông cười chọc quê «Mắc chi bà nghe tui nói bù

trất. Thôi để tui đền bà mấy món quà tui trúng nè.» Bà háy ông một cái thật dễ thương.

Sang tiết mục khiêu vũ, người già người trẻ rộn ràng kéo tay nhau bước ra hoà theo điệu nhạc. Ông và bà nhìn nhau lắc đầu. Bà quay sang bảo tôi :

- Chúng tôi không biết khiêu vũ gì sất, cô ạ !

- Dạ không sao, con đưa hai bác ra ngoài đi dạo một chút.

Căn cứ Ord thuộc Lục Quân Mỹ nơi Ngày Tri n Gia Đình Quân Nhân diễn ra hiện nay đã chuyển thành trung tâm sinh hoạt dành để tổ chức các buổi họp mặt, lễ hội. Các công sự, ụ đắp ngày trước dùng làm nơi huấn luyện binh sĩ vẫn còn đó. Tiếng ông bỗng như lạc đi :

- Xem nè bà, cái hào này làm tui nhớ lại ngày đầu tiên tui gặp bà.

Có những điều tưởng chừng như rất đỗi bình thường trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người nhưng tưởng đã lưu lại trong tiềm thức rồi đến một lúc nào bỗng trỗi dậy trong tâm trí. Bà nhìn sững theo tay chỉ của ông, giọng bà bồi hồi :

- Phải đấy !

Ông quay nhìn bà hết sức trìu mến, giọng nhẹ hẳn :

- Nhị ơi, đã bao nhiêu năm rồi còn gì !

Bà có phần nào ngỡ ngàng khi nghe ông gọi, nhưng ánh mắt rạng rỡ hẳn. Bà quay sang thì thầm với tôi :

- Lâu lắm nhà tôi mới gọi tôi bằng cái tên thời con gái của tôi đấy. Ngay từ lúc mới quen, ông đã gọi tôi là «Nhị» theo giọng người miền nam dù tên khai sinh của tôi là «Nhụy» đấy chứ !

Tủm tỉm cười, bà kể với giọng đều đều :

- Chúng tôi quen nhau không bao lâu, ông ấy đã kiếm dịp ghé đến gia đình tôi. Nghe tôi thưa gọi «cậu mợ» , ông cũng bắt chước «Con chào cậu mợ.» Đợi ông Vĩnh về, ông cụ tôi mới nói với bà cụ «Anh này tự nhiên ra phết, bà ạ. Ta đã nhận anh ta làm rể đâu cơ chứ !» Sau đó tôi kể lại điều ông cụ tôi nói cho ông Vĩnh. Chẳng biết ông có giả ngộ hay không mà nói với tôi : «Bộ không phải em mồ côi ba má hay khó nuôi nên mới phải ở với cậu mợ đó sao ?»

Nhưng hình như ông không nghe điều bà kể với tôi. Ông bận mơ màng với kỷ niệm lần đầu gặp bà.

- Cô không tưởng tượng được đâu, tụi tui gặp nhau trong cảnh đạn lạc bom rơi.

Bà chùng giọng :

- Ngày đó, tôi là cô giáo tiểu học trong căn cứ Đồng Tâm, còn ông Vĩnh làm ở Quân Y Viện đóng trong căn cứ. Chưa bao giờ tôi quên được cảm giác của cái ngày trường bị pháo kích, phụ huynh và thầy trò hoảng loạn, sợ hãi cực điểm. Bao nhiêu năm qua rồi tôi vẫn nhớ hình ảnh những bức tường lớp học đầy máu. Các đồng nghiệp và tôi cứ vớ được trò nào đẩy nhanh chúng xuống đường hào bao quanh trường. Mặc kệ bùn sình, mặc kệ rắn rít, học trò lớn cứ tự nhảy xuống, tụi bé hơn sợ hãi khóc thét. Lóp ngóp giữa tiếng đạn pháo gầm rú và bị chen chúc đạp nhau dưới mương, bọn trẻ con cả trăm đứa chỉ biết khóc lóc kêu cha mẹ.

Ông tiếp lời bà :

- Có một đứa học trò của bà xã tui lúc đó chạy khắp nơi trong khu vực nguy hiểm để tìm đứa em gái và sau đó bị miểng đạn lướt qua cắt vào đùi nên bả mới chặn lại được. Đâu phải khi khổng khi không mà quen bả đâu. Tui là y tá quân y nên xuống hào phụ bả lúc đó quýnh quáng với tụi nhỏ rồi đưa mấy đứa vô quân y viện sau khi tiếng đại bác vừa ngớt. Tụi tui biết nhau từ đó.

Tôi đẩy xe ông đến sát gần nơi gợi hồi ức lần đầu ông bà gặp nhau. Bà bước theo. Tôi bước ra xa nhìn ngắm cảnh trí để ông bà có những giây phút riêng tư, lắng đọng.

Khi trở vào trong hội trường ăn trưa, ông thích chọn món ăn cho cả bàn và nhờ tôi đi lấy. Ông dặn với «Cô lấy kha khá món mực nướng sả ớt nghen cô, ăn với Kim Chi Đại Hàn là ve kêu luôn đó !»

Ông bà dùng bữa trưa thật ngon miệng trong lúc kể chuyện tôi nghe về bất cứ điều gì ông bà có thể nhớ. Khi món tráng miệng được dùng gần xong, tôi đặt trước mặt ông bà mỗi người một mảnh giấy và một cây bút họ phát sẵn để viết xuống điều mình thích nhất trong ngày. Ông hí hửng, một tay cầm bút một tay che khum mảnh giấy như thể sợ bà nhìn thấy điều ông viết. Bà có nét đáng yêu của bà, tặng một cái lườm trước cử chỉ trẻ con của ông rồi xoay hẳn lưng về phía ông để viết phần mình. Bà viết xong trước, yêu cầu tôi đi gửi ngay cốt ý không cho ông xem. Tôi cười, thưa với cả hai :

- Con phải dịch điều hai bác viết thì họ mới hiểu.

Viết xong phần dịch cho bà, tôi gấp mảnh giấy theo đường răng cưa định sẵn rồi xé phân chia phần cuống giấy có in số đưa cho bà giữ làm biên lai, phần mảnh

lớn đem bỏ vào thùng rồi quay lại cũng kịp lúc ông vừa viết xong. Tôi đọc qua để viết phần dịch. Tim tôi đập mạnh. Có một ký ức đã in sâu trong tiềm thức của ông bà bởi vì đó là điều không thể quên, sự đồng cảm giữa hai trái tim dù chỉ là thoáng qua nhưng lại khiến ông nhớ bà thương để rồi cả hai chung nỗi hoài niệm.

Tiếng chuông rung leng keng kêu gọi sự tập trung của mọi người khi một tiết mục mới xuất hiện. Tôi quỳ ngồi giữa hai ông bà để tiện thông dịch cho hai người kịp hiểu.

Người phụ trách tiết mục này cho biết giải thưởng là một phiếu mua sắm trị giá 100 Mỹ Kim cùng một phiếu ăn tối trị giá tương đương. Họ lựa ra mười ý tưởng có yếu tố gây cười của người tham gia để chọc vui khán giả trước khi tuyên bố giải thưởng chính và đọc phần ý tưởng được chọn.

Đa số các ý tưởng được đọc lên làm ông bà cười vui. Chỉ một, hai ý tưởng là ông cho rằng người nước ngoài có cảm nhận hài hước khác người Việt. Đến phần đọc kết quả, người phụ trách cho biết lần này sẽ có hai người cùng chia giải thưởng này. Họ gọi số 14. Tôi thiếu điều muốn nhảy lên, vui mừng quay lại ông :

- Bác xem phần giấy của bác là số 14 không ?

Ông lúng túng, loay hoay quay sang hỏi bà. Bà dỗi. Phần ông, ông cất mà. Tìm lại xem. Đây rồi !

Ông không tỉ mỉ như bà. Ông chỉ đặt phần cuống giấy trên bàn, dằn dưới dĩa trái cây ông ăn chưa xong. Đúng số 14.

Tôi đưa cao tay hân hoan cho người phụ trách biết đã có người trúng giải. Ông được mời lên sân khấu. Tôi loay hoay đỡ ông ngồi vào xe đẩy. Họ xướng tiếp số 67 được chia giải thưởng. Thâm tâm tôi dự đoán phần nào có thể là niềm vui nhân đôi của ông bà nhưng không lên tiếng để theo dõi cảm xúc của bà. Đến phiên bà quýnh quáng. Bà đứng lên ngay, bà đưa cao 6 ngón tay rồi 7 ngón tay. Bà vẫn chưa chắc ăn, giọng hơi run nhưng đủ rõ bằng tiếng Anh :

- Seven.

- Vâng, còn chần chờ gì nữa. Mời bà lên đây cho.

Một nhân viên giúp đẩy xe cho ông để tôi rảnh tay dìu bà lên sân khấu. Người phụ trách chương trình cho biết hai ý tưởng ngẫu nhiên lại đến từ hai người bạn đời của nhau nên ban tổ chức đã quyết định tặng giải thưởng cho cả hai. Phần ông viết được chia sẻ đến khán giả «Cảnh trí nơi này gợi nhớ ngày đầu tiên tôi gặp Nhị,

vợ tôi.» Bà đứng chết trân, xúc động. Tiếp nối là phần của bà «Ở đây có đường hào làm tôi nhớ đến nơi vợ chồng tôi gặp nhau lần đầu.» Nghe dịch lại, ông run run nắm tay bà, khe khẽ gọi «Nhị ơi ! Nhị ơi !»

Điều chân thật thường đơn giản. Người tham gia vỗ tay chúc mừng. Ông bối rối. Bà thấy chân tay thừa thãi. Ông và bà mỗi người nhận một phiếu quà giải thưởng. Ông không biết nói gì. Bà đưa tay đỡ micro, chút ngại ngùng trước đám đông «Thank you very much !»

Hân hoan về lại chỗ ngồi cũ, ông bà trông rạng rỡ quá. Tôi tin rằng niềm vui lớn là cả ông và bà đều tìm thấy hai trái tim họ có chung nhịp đập, chung cảm xúc và đó chính là điều ý nghĩa nhất của họ trong ngày này. Tôi đứng lùi vào góc khuất ngắm ông bà tận hưởng men vui ngây ngất còn thấm đẫm trong tim. Ông chụm đầu nhỏ to với bà, bà gật gù ra chiều đồng ý. Bà lần tay vào trong túi xách lấy ra cái bao ny lông nhỏ để bỏ hai phiếu tặng quà vào trong, vuốt nếp bao phẳng phiu lần nữa trước khi cất vào túi áo ấm và gài cẩn thận.

Bà vẫy tôi đến gần, thì thào :

- Ông nhà tôi và tôi dành hai phiếu quà cho thằng cháu nội để nó dẫn bạn gái đi ăn và mua sắm, cô ạ.

- Dạ, vậy thì hay quá rồi, thưa bác !

- Ấy ! Thằng cháu vẫn chưa có bạn gái. Cô xem ai người Việt thấy được thì giới thiệu cho cháu nhé.

Chà ! Ông bà thương cháu nội đến thế là cùng. Ông bà dồn hết niềm vui ngày này để dành san sẻ cho đứa cháu yêu và bạn gái tương lai của cháu. Tôi quan sát ánh mắt ông bà ngời ngời đến tận lúc tạm biệt. Tôi không quên gửi chúc Tết nơi này về theo ông bà cùng với bánh, mứt, trái cây và cành đào. Ông bà xiết tay tôi nồng ấm. Cả ông bà và tôi đã có một ngày mừng xuân trọn vẹn.

Tôi trở lại công việc thường ngày, trong đó có phần phụ trách một lớp học tiếng Việt qua vi tính vào mỗi chiều thứ năm trong tuần. Các trò của tôi trong suốt hai giờ học nếu có câu hỏi nào thì có thể ghé đến lớp. Lớp học kéo dài từ tháng này sang tháng khác, lúc đông lúc thưa tùy thuộc vào yêu cầu công việc của trò. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ kính, trời đang trong, gió se lạnh, buổi chiều vẫn còn nắng. Lúc này ở nơi khác có trò còn đang thức khuya, có trò vẫn còn ngái ngủ vào rạng sáng.

Đầu giờ lớp học yên ắng, tôi nghe tiếng «bing boong» báo hiệu có trò xin phép vào lớp. Tôi nhấp chuột mời vào. Nhìn vào địa chỉ, tôi hiểu rằng nơi trò đang đóng quân không cho phép dùng microphone hay webcam.

Không sao, chúng tôi giao tiếp bằng thư vậy.

Chăm chú đọc dòng chữ đánh máy theo kiểu telex, một kiểu gõ theo hình thức bỏ dấu của tín hiệu điện tín tiếng Việt, gửi từ người mới đến, tôi khá ngạc nhiên vì từ hơn mười năm nay khi các lớp học tiếng Việt đóng cửa, tôi đã không còn luyện các em đánh máy theo kiểu chữ này nữa. Hiện tại tôi khuyến khích các em dùng tiếng Việt có dấu khi giao tiếp qua vi tính.

- Bill Trinhj ddaay. Coo nhows ra em khoong ? (Bill Trịnh đây. Cô nhớ ra em không ?)

Đương nhiên là sinh viên Mỹ gốc Việt rồi. Có vài sinh viên tên «Bill» nhưng hình như không có tên nào đi với họ «Trịnh» . Bộ nhớ của tôi tăng tốc hoạt động nhưng vẫn chưa có câu trả lời cụ thể. Tôi mím môi gõ một loạt dấu hỏi, hàm ý «Trò nào vậy cà ? Nhớ chưa ra. Cô chịu thua.»

- ?

Vẫn dùng kiểu chữ telex, Bill viết tiếp :

- Cuối tuần trước cô với ông bà nội em mừng Tết với nhau đó.

Ôi trời, thằng cháu nội Bill của ông bà cụ trong buổi sinh hoạt Tri n Gia Đình Quân Nhân ! Cháu Bill mà ông bà rất tự hào rằng dạy được cháu biết đọc và viết tiếng Việt. Tôi nhớ lại lúc bịn rịn chia tay, bà cụ hứa : «Tôi sẽ nói thằng cháu liên lạc với cô giáo.» Tôi vâng dạ cho qua chuyện mà ngờ đâu bà cụ giữ lời, nhắc Bill tìm ra được lớp học của tôi để ghé chào.

- Ừm ! Ông bà đã kể cô nghe nhiều về cháu nội Bill.

- Cám ơn cô đã giúp ông bà em hưởng một ngày thật ý nghĩa. Đây là năm đầu tiên ông bà nội ăn Tết mà không có em.

Thảo nào mà thằng cháu lo Tết không đến với ông bà. Tôi mường tượng đến cảnh Bill gọi điện thoại về thăm, ông và bà tranh nhau kể cho cháu nghe về niềm vui vẫn còn đọng lại từ hôm đó. Tết hẳn còn nằm dễ thương trong tim. Trời hẳn đương xuân trên nét mặt ông bà.

- Bây giờ em phải đi. Bữa khác em sẽ ghé lại lớp cô. Chúc cô vui Tết.

- Cám ơn Bill. Lần sau cô bày em đánh máy tiếng Việt có dấu, nhé !

- Dạ, cô !

Một hình mặt cười gửi đến tôi liền sau đó thay lời chào tạm biệt của Bill.

Xuân này ai cũng vui.

Orchid Thanh Lê

5 Năm Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ

Anthony Hưng Cao

Tác giả đã nhận giải vinh danh tác phẩm Viết Về Nước Mỹ 2010. Ông là một nha sĩ hiện hành nghề tại Costa Mesa, đồng thời cũng là người soạn ca khúc và hăng hái tham dự nhiều sinh hoạt cộng đồng.

Thấm thoát đã gần 5 năm trôi qua, tôi vẫn còn nhớ như in những ngày đầu tiên khi Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ mới được thành lập. Bên hiên của nhà hàng Mon Ami, dưới tàng cây hoa giấy nở rộ, một số văn nghệ sĩ đã có mặt trong buổi ra mắt tuy đơn sơ nhưng ấm tình nghệ sĩ, đúng như tên gọi của một tổ chức vừa mới được ra đời trong thời điểm đó : Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ.

Trong buổi ra mắt CLB Tình Nghệ Sĩ, có sự hiện diện của 3 sáng lập viên là Nhạc sĩ Anh Bằng, Nhà văn Việt Hải và cá nhân chúng tôi, Cao Minh Hưng. Tham dự trong buổi ra mắt còn có sự hiện diện của Nhạc sĩ Lam Phương, Nhạc sĩ Lê Văn Khoa, Ca nhạc sĩ Diệu Hương, Ca nhạc sĩ Nam Lộc, Ca sĩ Paolo, Nhạc sĩ Đinh Trung Chính, Ca nhạc sĩ Hạnh Cư, Giáo sư Song Thuận, Thi sĩ Khiếu Long, Hoạ sĩ Lê Thúy Vinh, Thi sĩ Quỳnh Giao, Nhà văn Dương Viết Điền, v. v.

Mục đích của CLB Tình Nghệ Sĩ được đề ra từ ngày đầu thành lập là đoàn kết các văn nghệ sĩ ở hải ngoại trong việc bảo tồn và phát huy nền văn hóa Việt Nam ở hải ngoại đồng thời nâng đỡ và phát triển các tài năng trẻ, song song với việc tham gia các sinh hoạt đấu tranh cho dân chủ, tự do và nhân quyền cho Việt Nam.

Từ ngày đầu thành lập đến nay, với mục đích này, CLB Tình Nghệ Sĩ đã nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc thực hiện những Tuyển Tập Văn Học Nghệ Thuật Hải Ngoại hàng năm với bài viết của những tác giả đã thành danh cũng như các cây viết trẻ yêu thích bộ môn văn học nghệ thuật và hội họa. CLB Tình Nghệ Sĩ cũng đã giúp tổ chức một số chương trình ra mắt sách của nhiều tác giả ở khắp nơi. Trong lĩnh vực âm nhạc, mặc dầu thiếu thốn về tài chính, nhưng CLB Tình Nghệ Sĩ đã tổ chức các buổi Thi Tuyển Giọng Ca Hay để giúp khám phá những tài năng mới cho vườn hoa âm nhạc ở hải ngoại.

Song song với những buổi tổ chức ra mắt sách, CLB Tình Nghệ Sĩ cũng đã tự thực hiện hoặc phối hợp với một số tổ chức bạn để thực hiện một số quyển sách nhằm vinh danh các văn thi sĩ đã có những đóng góp đáng kể cho nền văn học Việt Nam như Tuyển tập «Mừng Thinh Quang 90» , «Giáo Sư Lưu Trung Khảo,

Dưới Mắt Nhìn Của Bạn Bè» , «Minh Đức Hoài Trinh : Chính Khí Của Người Cầm Bút» , v. v. Nhà văn Việt Hải là người đã miệt mài bỏ nhiều thời gian và công sức để đứng ra thực hiện các dự án sách này với việc kêu gọi các bạn bè, các văn thi sĩ ở khắp nơi viết bài và gửi bài về tham dự.

Ngoài 4 quyển Tuyển Tập do CLB Tình Nghệ Sĩ thực hiện, còn có thêm 4 CD chung với các nhạc phẩm của các nhạc sĩ trong CLB Tình Nghệ Sĩ với các chủ đề như «Quê Hương và Tình Yêu» (CD chung số 1) , «Em & Anh - Kẹo Hồng» (CD chung số 2) , «Hương Thời Gian» (CD chung số 3) và «Niềm Nhớ» (CD chung số 4) .

Chương trình «Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ Talk Show» do cá nhân chúng tôi thực hiện trong nhiều năm qua trên làn sóng TV 57. 8 cũng đã giúp các văn nghệ sĩ giới thiệu nhiều chương trình sinh hoạt trong các lĩnh vực âm nhạc và văn học nghệ thuật đến với nhiều khán giả đồng hương Việt Nam cũng như tạo một nhịp cầu để các văn nghệ sĩ có dịp chia sẻ với khán giả về những hoạt động trong các lĩnh vực của mình đến với khán giả ở khắp nơi.

Một trong những sinh hoạt của CLB Tình Nghệ Sĩ đã gây tiếng vang và mang tên tuổi của CLB Tình Nghệ Sĩ đến với cộng đồng người Việt ở khắp nơi là sự ra đời và phát triển của Ban Hợp Ca CLB Tình Nghệ Sĩ.

Nhìn lại lịch sử của nền âm nhạc Việt Nam, chúng ta thấy có sự xuất hiện của một số ban hợp ca gắn liền với những giai đoạn lịch sử. Trước năm 1975, chúng ta có những ban hợp ca nổi tiếng như Ban Hợp Ca Thăng Long với các giọng hát chủ lực như Hoài Bắc (Phạm Đình Chương) , Hoài Trung, Thái Thanh và Thái Hằng; Ban Hợp Ca Tiếng Tơ Đồng do Nhạc sĩ Hoàng Trọng thành lập cũng như trong giới sinh viên học sinh, có Đoàn Văn Nghệ Nguồn Sống do Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát thành lập và hướng dẫn, v. v.

Sau biến cố năm 1975, theo dòng người Việt tị nạn cộng sản bỏ nước ra đi tìm tự do, chúng ta có một vài ban hợp ca được thành lập và sinh hoạt trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại như Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi, Ban Tù Ca Xuân Điềm, v. v. Ban Hợp Ca Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ tuy ra đời sau một vài ban hợp ca khác, nhưng với sự dìu dắt hướng dẫn của những nhạc sĩ dày dặn kinh nghiệm đi trước như Nhạc sĩ Anh Bằng, Nhạc sĩ Lê Văn Khoa, v. v. cộng với tấm lòng nhiệt tình của các anh chị em trong Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ

Sĩ, ban hợp ca đã có những bước tiến đáng kể và đã nhận được sự quý mến và đón nhận của cộng đồng Việt Nam ở khắp nơi, đặc biệt là ở quận Cam, thủ phủ của người Việt tị nạn.

Nhân đây, tôi cũng xin nhắc lại về sự ra đời của Ban Hợp Ca CLB Tình Nghệ Sĩ. Sau khi bản nhạc «Vùng Lên Cứu Nước» được sáng tác xong vào năm 2011, tôi nhờ đôi song ca Lan Hương và Xuân Thanh hát để thâu bản nhạc này. Sau khi thâu bản nhạc xong, hai anh chị đề nghị hát bài này trong chương trình của Hội Đền Hùng sau đó. Trong lần đầu tiên trình diễn, ban hợp ca chỉ có một vài người là anh Vũ Hùng, anh chị Lan Hương - Xuân Thanh, chị Mindy Hà, chị Ninh Thuận và cá nhân chúng tôi. Không ngờ sau khi trình diễn xong, chúng tôi đã nhận được nhiều tràng pháo tay từ khán giả. Có hai vị quan khách đến gặp tôi ngay sau đó và cho biết họ hoạt động trong các hội đoàn trong cộng đồng và mời chúng tôi tham dự hai chương trình của họ vì thích bài hát mà chúng tôi vừa mới trình diễn xong. Đó là điểm khởi đầu cho Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ được cá nhân chúng tôi chính thức thành lập. Sau đó để tiện việc tập hợp và tập dợt cho các anh chị em chuẩn bị cho các chương trình mà chúng tôi được mời sau đó, những bài hát mới cho ban hợp ca cũng đã được ra đời sau đó để phù hợp với chủ đề của các

chương trình mà Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ được mời tham dự.

Trong khuôn khổ của bài viết này, thật khó mà có thể kể ra hết tất cả các chương trình mà Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ đã tham dự hoặc đứng ra tổ chức trong suốt 5 năm qua. Chúng tôi xin điểm qua sơ lược một vài chương trình mà Ban Hợp Ca đã tham gia.

Trong những chương trình văn hóa xã hội, Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ đã có mặt trong các chương trình Hội Chợ Tết, Diễn Hành Tết của cộng đồng, các chương trình bảo tồn văn hóa của Hội CLB Hùng Sử Việt, buổi lễ khánh thành Tượng Đức Thánh Trần, các buổi lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, lễ Vu Lan, chương trình Giáng Sinh, Năm Mới, v. v. do các đài TV tổ chức hàng năm. Trong các chương trình thiện nguyện, Ban Hợp Ca CLB Tình Nghệ Sĩ cũng đã góp mặt trong các chương trình gây quỹ cho các nạn nhân của cơn bão Sandy, Đại Nhạc Hội «Cám Ơn Anh» , chương trình Hội Bạn Người Cùi, những buổi tiệc gây quỹ của cộng đồng, tham gia văn nghệ trong các chiến dịch vận động ghi danh bầu cử, v. v... Đặc biệt trong các chương trình văn nghệ đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền cho quê hương Việt Nam, mọi người thường thấy những tà áo dài đồng phục của Ban Hợp Ca CLB TNS xuất hiện, từ

những chương trình đốt nến cho Tự Do và Nhân Quyền cho quê hương Việt Nam, yểm trợ tinh thần cho các giáo dân, các dân oan, đến các buổi văn nghệ đấu tranh và yểm trợ tinh thần cho các nhà đấu tranh trong nước, cho các bạn trẻ sinh viên như Nguyễn Phương Uyên, Đinh Nguyên Kha, hay cho Nhạc sĩ Việt Khang, v. v.

Chúng tôi cũng muốn chia sẻ những sinh hoạt «phía sau hậu trường» mà chỉ có những người trong cuộc mới biết hết những tấm lòng nhiệt tình, những hy sinh của các anh chị em trong Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ. Cứ vào mỗi Chủ Nhật cuối của tháng, các anh chị em trong Ban Hợp Ca tập hợp lại để tham gia một buổi tập dợt. Thường thì buổi tập này để chuẩn bị cho các bài hát sẽ được trình diễn trong các chương trình kế tiếp. Những bài hát được các anh chị phụ trách trong Ban Văn Nghệ như anh Hạnh Cư, chị Thanh Thanh, anh Châu Hiệp và cá nhân chúng tôi giúp tập dợt cho các anh chị em từng nốt nhạc, từng câu hát, từng động tác phụ họa cho lời nhạc, v. v. để giúp các anh chị em trong Ban Hợp Ca sẵn sàng cho các buổi trình diễn sắp tới. Ngoài ban hợp ca, trong thời gian gần đây CLB Tình Nghệ Sĩ còn phát triển thêm các bộ môn múa, kịch, fashion show, v. v.

Hầu như cuối tuần nào, Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ cũng được mời tham dự các chương trình văn nghệ của cộng đồng, của các Hội đoàn hoặc những chương trình do chính CLB Tình Nghệ Sĩ tổ chức. Có những cuối tuần, các anh chị em trong Ban Hợp Ca phải chạy đến 2- 3 nơi để tham gia các chương trình vì không muốn phụ lòng Ban Tổ Chức mặc dầu đôi khi Ban Điều Hành của CLB Tình Nghệ Sĩ buộc lòng phải từ chối một số chương trình vì sự trùng hợp giờ giấc. Đôi khi các anh chị em phải ăn qua loa những ổ bánh mì, không kịp nghỉ ngơi để kịp đến nơi trình diễn. Những buổi tập dợt cũng không thiếu những giọt mồ hôi và nước mắt. Ví dụ như trong màn nhạc cảnh «Vì Sao ?» , các diễn viên trong vai đoàn biểu tình như anh Bình Trương và chị Phi Loan phải chịu những cú đánh bằng dùi cui của những tên «công an» và vì khi diễn tập quá nhập vai, nên những lúc té cũng làm cho các anh chị bị trầy xước chân tay. Trong một màn hoạt cảnh khác dựa theo bài hát «Lời Nguyện Cầu Đêm Noel» , «cô dâu» Thúy Quỳnh cũng phải rơi nước mắt nhiều lần khi tập và trình diễn cảnh chia tay người mẹ già đang đau bệnh để cam chịu cảnh lấy chồng xa xứ để có tiền giúp cho gia đình, v. v.

Tuy bận rộn cho các chương trình văn nghệ, nhưng các anh chị em trong Ban Hợp Ca luôn gắn bó, chia sẻ những kinh nghiệm của mình trong quá trình tập dợt và thỉnh thoảng Ban Điều Hành vẫn tổ chức những chương trình sinh hoạt cho các anh chị em như chương trình mừng sinh nhật chung mỗi 3 tháng, chương trình countdown vào cuối năm hay những chương trình du ngoạn, v. v.

Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ cũng có sự tham gia sinh hoạt của các văn nghệ sĩ ở một số chi nhánh trong các thành phố lớn có đông người Việt như San Diego, San Jose, Houston và các quốc gia khác như Úc, Đức (Châu u) , và sắp tới đây là chi nhánh ở Canada.

Năm năm, một chặng đường tuy không dài lắm, nhưng CLB Tình Nghệ Sĩ đã để lại dấu ấn trong nền văn học nghệ thuật ở hải ngoại bằng sự nhiệt tình và tinh thần hy sinh dấn thân phục vụ cho cộng đồng và cho quê hương Việt Nam.

Những tuyển tập văn học nghệ thuật qua bài viết của những ngòi bút của các thế hệ khác nhau, những CD giới thiệu những nhạc phẩm mới của các nhạc sĩ sáng tác ở hải ngoại cũng như những bài hát trong dòng nhạc đấu tranh cho quê hương mà Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ đã trình diễn trong các chương trình văn nghệ

suốt 5 năm qua, v. v. chắc chắn sẽ lưu lại cho những thế hệ mai sau được biết thêm về một chặng đường lịch sử mà người Việt tị nạn của chúng ta đã đi qua. CLB Tình Nghệ Sĩ hãnh diện đã góp phần vào công việc bảo tồn và phát huy nền văn hóa Việt ở hải ngoại, như trong lời bài hát «Tình Nghệ Sĩ Hành Khúc» mà các anh chị em thường hay hát trong các buổi sinh hoạt «cùng chung tay dựng xây văn hóa, cho tương lai tiếng Việt của ta mãi vươn cao tựa ngàn tiếng ca... «.

Con đường phía trước còn đòi hỏi nhiều vất vả, hy sinh, nhưng chắc chắn các anh chị em trong Ban Hợp Ca của CLB Tình Nghệ Sĩ vẫn tiếp tục cất cao tiếng hát, tiếp tục thắp sáng ngọn lửa đấu tranh cho đến ngày quê hương Việt Nam được Dân Chủ, Tự Do, Nhân Quyền.

Anthony Hưng Cao

Thêm 15 Năm Nữa

Trương Ngọc Bảo Xuân

Với bài viết «32 Năm Người Mỹ và Tôi» , tác giả nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2001, và từ nhiều năm qua, đã là thành viên Ban Tuyển Chọn Chung Kết.

Sáng nay mở cửa bước ra, nhìn cái sân sau như bãi chiến trường.

Cả sân đầy lá một màu vàng tươi.

Sân nhà tôi không có cây lớn, lá nầy là từ nhà bên kia bờ tường bay sang. Tôi không biết tên cây gì nhưng lá thì dài dài như lá trúc.

Năm nào cũng vậy, bao nhiêu lá của cây cổ thụ trăm năm đó tuốt hết qua nhà tặng tôi. Có lẽ kiếp trước tôi mắc nợ chủ nhà ấy. Phải chi, đó là cây bạch quả thì đỡ biết mấy. Nghe nói lá bạch quả nấu nước uống trị được bá bịnh, cứ tuôn hết qua đây, tôi tình nguyện hốt vô, làm sạch, khử trùng, đóng gói, đem vô EBay, bán khắp thế giới, kiếm khá bộn à.

Cha a a... cứ suy diễn lung tung. Chỉ là một cây cổ thụ tôi đặt tên là «ông cố hỉ» mà thôi.

Tối hôm qua gió quá gió, gió mạnh làm đổ mấy chậu kiểng, tốc bay cái giàn khổ qua, ngả nghiêng xiêu vẹo dựa tường. Lá tráng một lớp dày che lấp mặt nước hồ bơi. Thôi, kể như nguyên buổi sáng này sẽ đổ mồ hôi vì lá.

Cầm cây chổi tôi bắt đầu quét.
Vừa quét lá tôi vừa nhớ từng khúc phim cuộc đời.
Kể từ năm 2000 tới nay, 15 năm.
15 năm qua cái vù, như ngôi sao băng.

Nhưng dù xẹt qua một cái vù, ngôi sao cũng để lại một vệt dài. Trên nền trời đen, thấy rõ, như cầm chổi mà quét một cái.

Năm 2000 tôi đã viết bài «32 Năm Người Mỹ Và Tôi» cũng là do chương trình Viết Về Nước Mỹ cho tôi niềm hứng khởi. Đọc những chuyện của các tác giả khác, khiến tôi thấy cảm thông và thương quá, gần quá. Thế rồi chuyện xưa nhắc lại, niềm nhớ thương ba tôi cùng với quê hương đã xa rời thúc đẩy tôi phải viết xuống, kể ra.

Thời gian tôi viết bài ấy là lúc đang sống nhịp nhàng trên chiếc du thuyền đậu bến Marina del Rey, Boat City.

Có những chiều mưa, ngồi trong tàu nhìn mưa rơi trên nước gợn sóng lăn tăn, tôi không khỏi nhớ về mùa mưa Sài Gòn. Nhớ ray rứt. Lạ thay, tôi lại nhớ những buổi chiều đi dưới mưa, cùng che chung dù với người yêu đầu, lãng mạn biết bao. Tôi không thể quên cho nên tôi vẫn cứ nhớ, người này người kia, chuyện này chuyện nọ.

Trải qua hai trận tai nạn xe cộ, một lần tiêu tùng chiếc corvette le lói và tôi xém chết nếu chiếc xe hàng kia không bị cái dàn xe cứng chắc cản lại, cái bánh xe có thể trèo lên cửa xe và tôi cũng đã dẹp lép như con khô mực ba nắng rồi. Lần thứ nhì, chồng tôi một mình lái xe mô tô Harley Davidson ngang tàng giựt le, bị xe hơi tông, bị thương đầu và gãy chân, giữ được tính mạng, tôi tin, cũng là do ba tôi phù hộ. Nhớ tới còn hãi hùng !

Vì chồng tôi không thể điều khiển chiếc tàu như trước nên chúng tôi từ giã kiếp người cá, trở lên đất liền làm người thường.

Lên bờ, chúng tôi tìm mua nhà, ở cho nó rộng rãi, cho bỏ khoảng thời gian tôi bị chồng dụ dỗ sống tù túng muốn chết, trên chiếc tàu dài chỉ 42 feet.

Tôi theo chồng qua nước Mỹ từ tháng 11 năm 1970 cho tới nay. Trong khoảng thời gian sao xẹt này chúng tôi đã ở qua 16 căn nhà rồi.

45 năm, chúng tôi đã từng sống gần với đủ hạng người, đủ chủng tộc, tùy theo địa điểm căn nhà ấy ở vùng nào.

Nói lên sự thật có khi mích lòng.

Hàng xóm như thế này, sống gần nơi thì e dè từng ngọn cỏ, tức là sân cỏ phải cắt cho sát, hông thôi hàng xóm sẽ mét với city là nhà tôi không săn sóc sân cỏ làm hạ thấp giá trị nhà họ, sau 10 giờ phải giữ âm thanh vừa đủ nghe; gần người chỗ thì phải nghe họ xào mạc chược thâu đêm, vừa sát phạt vừa nói chuyện nghe như đám cãi lộn; tệ nữa là cái chốn bị trộm leo vô nhà ăn cắp đồ, để lại dấu giày trên bệ cửa sổ rõ ràng từng đường kẻ, thế mà cảnh sát điều tra chẳng làm được gì. Ớn ợn !

Bây giờ tạm gọi là yên ổn khi sống gần người đồng hương. Nhưng, tuy gần mà xa à nha, vì nhà ai nấy ở, không phải như hàng xóm bên quê hương xưa, chung tường khít vách, qua lại luông tuồng thân thiện. Tới ngày đám giỗ, nấu vừa chín, thế nào cũng múc hai tô đem qua mời nhà hai bên ăn lấy thảo.

Ngôi nhà màu nâu chúng tôi mới mua, giờ qua năm năm rồi. Bên tay trái nhà tôi là đôi vợ chồng bằng trạc tuổi con gái tôi, chưa tới bốn mươi. Chồng là một công chức, vợ là dược sĩ, hai đứa con chắc lép có đủ. Bên tay mặt nhà tôi, chồng là một doanh nhân, vợ ở nhà nuôi con mới hai ba tuổi. Đối diện bên kia đường là người cỡ cỡ tuổi tôi. Năm trước ông chồng còn sống, chiều nào hai ông bà cũng đi bộ. Bà vợ đã từng bị stroke nên dáng đi xiêng xiêng cạnh ông chồng còn vững chãi. Thế mà ông lại đi trước. Sau khi ông mất, thỉnh thoảng thấy bà đi bộ, hình dáng lẻ loi buồn lắm.

Thấy tuổi già của người, nhìn lại mình. Đời của mình coi như gần qua, bây giờ tới đời con cháu.

Con trưởng tôi, Lawrence Long, vẫn còn làm chỗ cũ, một hãng chuyên đông lạnh thực phẩm, nhứt là hải sản. Đứa cháu nội lớn, Emily năm nay 18 tuổi đã vô đại học, xa nhà xa ba em nhỏ. Mới ngày nào còn bồng ẵm trên tay, nay đã là sinh viên rồi. Elaine mẹ chúng rất hay, dạy đám con học tại nhà cho tới lúc vô trung học.

Con trai thứ, Tommy Phương, vừa đi làm bán thời gian vừa trở lại đi học sau thời gian dài thất nghiệp. Cuộc đời nó may mắn cưới được người vợ tốt, Stephanie, một cô gái Mỹ chánh cống tóc vàng mắt xanh, mẹ hiền của hai thằng con, dâu thảo với cha mẹ chồng.

Tội nghiệp con trai tôi, nó cứ tiếc rẻ hai chục năm trôi qua đã phí phạm, bây giờ phải vô ngồi học với «con nít» 18 tuổi mới ra trung học. Tôi cứ phải nói lời an ủi, ủng hộ, khuyến khích nó, con ơi, sự học không bao giờ trễ.

Còn đứa con gái út tuổi con rồng, Elizabeth, vừa đi làm vừa trở lại học bán thời gian. Nhưng, thay vì làm việc với bịnh nhân ung thư thì bây giờ con rồng làm việc tại văn phòng sửa sắc đẹp. Trúng mối.

Nó làm việc cho bà bác sĩ chuyên căng da mặt nâng ngực sửa chân mày. Suốt ngày gần gũi với những người thích làm đẹp, nó bớt đi tâm trạng luôn căng thẳng lúc trước, luôn đối diện với những bịnh nhân bịnh nan y chờ chết, việc làm cũ nó đã làm hơn năm năm ngán ngao.

Chuyện tài chính kinh tế của toàn quốc quá tệ hại. Giá xăng tăng vùn vụt lên gần 5 đô một gallon. Cùng nhau chia sớt tình trạng khó khăn, công chức chúng tôi đã bị cắt bớt bốn ngày mỗi tháng. Thế rồi năm 2013 trở lại bình thường, tuần làm năm ngày, đầu năm 2014 chúng tôi đã được tăng lương, chứng tỏ, ngân sách tiểu bang giờ có màu xanh đô la lấp lánh ! Thế nhưng, luật bù trừ có điều không cân bằng. Được lên lương nhưng tiền bảo hiểm sức khỏe lại tăng gần gấp ba, lấy tiền này

đắp vô tiền kia, lỗ quá chừng.

Hiện tại, cuối năm con ngựa, giá xăng xuống vùn vụt thấy ham. Con ngựa biết thân rút nước kiệu. Tại Cali, tôi thường đổ ở cây xăng giá $2. 65; trên toàn quốc, có chỗ chỉ còn $1. 80, ai nấy phấn khởi.

Sở làm của tôi, thí sinh tới thi càng ngày càng đông, đa số là người mới qua từ Việt Nam. Thấy thí sinh càng ngày càng trẻ, là tại mình càng ngày càng già đi.

Cả một thế hệ trẻ, rường cột của nước nhà tuôn qua đây, còn ai ở lại ?.

Chương trình thi cũng có nhiều thay đổi. Ngày xưa thí sinh đi thi phải đem theo người mẫu bằng xương bằng thịt, đông vui như cái chợ, hai năm gần đây họ chỉ cần đem theo bàn tay năm ngón và cái đầu tóc giả là thi được rồi. Nguyên cái tầng lầu bốn êm ru như phòng mạch bác sĩ. Thỉnh thoảng, tôi nhớ những người mẫu dễ thương đó chớ.

Đa số thí sinh trẻ tuổi này, theo gương thế hệ tiên phuông, họ dùng nghề làm nails dưỡng da làm bàn đạp, lấy ngắn nuôi dài. Hôm nay làm tay làm chân cho khách, ngày mai sẽ là những bác sĩ kỹ sư, cuộc đời lên hương người người kính trọng. Còn nếu như muốn giữ

luôn nghề làm nail làm tóc, sản sanh thiếu gì triệu phú.

Thế hệ nối tiếp, có biết bao người tài giỏi. Trong bất cứ phương diện nào trong xã hội, nơi nào cũng có người Việt. Thật đúng là người Việt thông minh hết xẩy.

Con cháu của ta, biết đâu ngày nào đó, sẽ có người xuất sắc, trở thành Tổng Thống của nước Mỹ này. Nói như vậy, chẳng phải là giấc mơ bảy sắc cầu vồng ngoài chân mây đâu. Cứ nhìn thì thấy đó, thế kỷ trước có ai mà ngờ nước Mỹ có Tổng Thống là người da màu như ông Tổng Thống Obama đâu. Vậy mà đã xảy ra rồi rồi.

Nhìn xa hơn, thế giới có biết bao nháo nhàu. Nói nào ngay, từ thuở khai thiên lập địa, có bao giờ dứt chiến tranh đâu ?

Cũng may, đa số quân nhân từ các chiến trường Iraq, A Phú Hãn được trở về nước.

Tuy vẫn còn những cuộc chiến rải rác đâu đó, hy vọng người ta sẽ dùng mọi biện pháp hữu hiệu để bảo vệ sinh mạng con người.

Đế quốc Nga vừa mới sáp nhập một phần lãnh thổ của nước tiếp cận, liền bị các nước phương Tây, cầm đầu là nước Mỹ ta đì liền, lên án, «xịt» ra, nghỉ chơi. Nga bị phong tỏa kinh tế, ngất ngư cả năm nay. Đồng

tiền của Nga bị mất giá thảm hại và còn kéo dài dài. Chỉ tội cho dân lành phải lãnh đủ.

Bên Trung cộng thì ngành thương mại tăng trưởng choáng mắt ngợp trời mù ô nhiễm. Sản xuất nhanh, rẻ, nhiều, hàng hoá của Trung cộng tràn ngập thị trường trên thế giới. Chuyên chở bằng tàu, khi đi đầy tàu khi về tàu trống không, chứng tỏ họ chỉ đem hàng của mình đi bán, không thèm mua giống gì đem trở về, chơi khôn vậy, thử hỏi, không giàu cấp tốc sao được ?. Đã vậy ông Trời còn bất công, cho họ tìm ra được giếng dầu khí ngoài biển Đông tự cướp kia kìa.

Giàu, mạnh, dữ dằn, ngang ngược, rồi họ bắt đầu gây hấn, xâm chiếm hiếp đáp láng giềng. Nhìn lên bản đồ, thấy nước Việt ta sao bé tí tẹo. Làm sao ? Lòng tôi rất xót xa.

Mạng lưới internet càng ngày càng tân tiến, phát triển rộng mạnh trên toàn thế giới. Bây giờ người từ bên nây quả địa cầu có thể nhìn thẳng vào mặt người đối diện ở bên kia nửa vòng trái đất mà chuyện trò vui vẻ.

Đôi khi, tôi ước gì, tìm ra được những đứa bạn tiểu học, lúc còn sún răng.

Tìm ra mấy nhỏ bạn thân ngồi cùng bàn thời trung học, để cười đùa vui vẻ tâm sự mơ màng.

Tôi nhớ thời học trò ngây thơ, vui đẹp biết bao, trước khi tôi tròng vô cổ cái «gông anh đào» *

Tôi ước gì có thể tay nắm tay nhỏ bạn tên «» trăng rằm» của tôi, để nghe nó kể chuyện đời hồng nhan bạc phận của nó, coi giữa tí Thu và tí Xuân, ai sầu hơn ai ?

Tôi mơ ngày tìm lại người yêu đầu tiên của tôi, Lương Minh, để nhắc lại chuyện xưa, sống lại những rung động đầu đời. Cho dù đã xa nhau đúng 46 năm, cho dù bây giờ ai cũng đã già, nhiều thay đổi, nhưng tôi chắc chắn, khi nhìn vào ánh mắt và nghe giọng nói, tôi sẽ nhận ra Minh ngay.

Tôi cũng ước gì chồng tôi tìm được người yêu đầu của y, Mary, lên hình để coi giữa tôi và «nàng» cái «gối ôm nào bự hơn cái nào ?»

Cho huề !

Về sự phát triển tiếng Việt, quá nhanh, kể từ lần đầu tiên gõ lên bàn phím những bài Viết Về Nước Mỹ của năm 2000, là cái gọi là word processing không có dấu chữ Việt. Đánh xong bài, in ra rồi dùng viết mực, lựa loại có đầu thật nhỏ để rị mọ bỏ từng dấu sắc huyền hỏi

ngã nặng dấu mũ dấu á dấu ớ dấu gạch ngang từ d cho thành đ, lên từng chữ, một việc làm cần kiên nhẫn mất rất nhiều thì giờ. Nói thiệt, đánh máy mấy chục trang coi như «pha» , chỉ ngán bỏ dấu thôi.

Bây giờ các phương trình bỏ dấu tiếng Việt đã được nhiều người sáng lập. Họ đã tử tế cho phép mọi người cài vô máy miễn phí, rất tiện gọn, xin cảm ơn.

Muốn theo gương của bậc tiền nhân đã nói «tiếng Việt còn thì người Việt còn» tôi cho hai đứa cháu nội học thêm tiếng Việt. Thấy hai đứa học có hơi khó khăn vì ở nhà cha mẹ nó nói tiếng Mỹ với nhau, tôi có ý muốn trở thành một phụ giáo để có thể vô lớp giúp cháu.

Giữa năm nay tôi đã đi họp tại một trường trung học, vô chương trình làm phụ giáo dạy trẻ tiếng Việt, mỗi trưa chủ nhựt, nhưng, thấy mình có thể không đủ sức khỏe để vừa đi làm việc toàn thời gian, lái xe mỗi ngày cỡ 3 tiếng đồng hồ, cuối tuần không có thì giờ nghỉ ngơi lấy sức nên tôi hẹn lại năm sau.

Gom đống lá vàng màu thời gian lại thành đống cao như một ngọn đồi nhỏ, vừa lúc hai thằng cháu nội ùa ra, thấy đống lá gom sẵn chúng mừng quá chạy lại nhảy lên tưng tưng làm lá bay tứ tung. Chúng vừa đạp vừa đá vừa hốt lá thảy lên tung cánh bay lả tả trên đầu và

cười ngặt nghẽo và réo «pà nọi pà nọi... «. Thôi kệ, cho chúng chơi cho đã, bất quá chút nữa gom lại cũng dễ thôi. Chơi ngoài trời tốt cho cơ thể chúng và cho tôi, sẵn dịp gom lá lần nữa, thể dục thể thao hy vọng bớt đi được vài gram mỡ sa !

Nhìn cháu nội chạy chơi, tôi có ước mơ. Chúng nó trong sáng biết chừng nào. Chúng may mắn sanh ra trong một xứ sở mà 46 năm về trước, bà nội chúng đã quyết định tới cho bằng được, nhờ sự tiếp tay của ông nội chúng. Nhìn hai thằng cháu, nhứt là thằng em có mái tóc vàng óng ánh, nhiều lúc tôi bật cười, sao mình có hai thằng cháu «Mỹ con chánh cống» vậy cà.

Nhìn chúng, tôi mong chúng cũng giỏi dang như thế hệ sau của dòng người Việt lưu vong. Tôi mơ, trong số ấy sẽ có người đủ tài đủ đức trở thành một ông hay bà Tổng Thống Mỹ. Dám lắm à, vì ngay bây giờ trên thế giới chúng ta đã có người Việt trở thành Phó Thủ Tướng, ở Mỹ đã có Thượng nghị sĩ, Thị trưởng và nhiều nhiều nữa trong chính trường để góp tiếng nói của người Việt rồi. Đó là chưa kể trong mọi ngành nghề, đều có mặt bao người Mỹ gốc Việt ta.

Bao nhiêu người đã sống trên đời này mà ta đã gặp, vài người đã ra đi vĩnh viễn, để lại bao tiếc thương cho người ở lại.

Trong ban giám khảo đầu tiên của giải VVNM thì hai vị giám khảo Thảo Trường và Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh đã về miền miên viễn. Ta còn lại nhà văn Nhã Ca, nhà văn Phan Tấn Hải và nhà văn Giao Chỉ.

Tác giả cao niên nhứt của VVNM là cụ bà Trùng Quang cũng đã an nghỉ đời đời, để lại cho ta giải thưởng Trùng Quang hiếm quý.

Còn mái ấm Việt Báo nhà ta, tuy qua bao thăng trầm, vẫn hãnh diện ngày ngày cống hiến cho độc giả những bài Viết Về Nước Mỹ càng ngày càng phong phú.

Tôi mơ, thế hệ tới, hay tới tới nữa, có ông hay bà Tổng Thống người Mỹ gốc Việt, cầm trên tay, lần lượt, từng quyển sách Viết Về Nước Mỹ mà thế hệ của chúng ta hiện đang bồi đắp. Ông hay bà Tổng Thống Mỹ gốc Việt ấy, đọc say mê, sẽ cảm kích, sẽ biết ơn ông cha đã ra công gầy dựng nên bộ sách để đời, cho con, cháu, chắc, hiểu, vì sao mà họ có mặt trên đất nước Hoa Kỳ này.

Họ đọc để biết từng chi tiết, từng mẩu chuyện thật, người xưa chúng ta viết bằng cả tấm lòng thành thật chia sẻ với người cùng cảnh ngộ và không cùng cảnh ngộ.

Nói cách khác, cũng chẳng cần phải là ông to hay bà lớn gì, mà chỉ là một người làm nghề lao động, hay bất cứ ngành nghề nào, miễn là họ còn đọc được tiếng Việt, hiểu được tiếng Việt, thì không uổng công một món ăn tinh thần vĩ đại, Việt Báo và chúng ta đang tiếp tay gây dựng thiên truyện vạn người Viết Về Nước Mỹ này.

Mong lắm thay !

Năm nay, 2015, «biết bao mùa lá rụng» biết bao chuyện đổi đời ?

Cầm cây chổi quét tiếp, tôi lại nhớ.

Cây chổi này đây, là một trong những vật dụng làm nhớ cái thời mới qua Mỹ, cái gì cũng lạ, cái gì cũng khác, con người, mọi vật, mọi nơi. Tôi nhớ đã nghĩ bụng, chổi gì mà kỳ cục, dài thoàng, cọng chổi nylong cứng ngắc, đứng thẳng lưng quét làm sao sạch nhà ?

Nhớ hồi nhỏ mỗi lần quét nhà má tôi hay dặn -con khom lưng xuống, móc vô góc kẹt góc tủ dưới sàn giường thì mới sạch chớ quét nhà mà đứng xổng lưng vậy làm sao sạch ? rồi tôi nhớ «nhà» Nhà đây là nhà của ba má, hồi tôi còn nhỏ. Tôi đã ứa nước mắt.

Quét tới bụi bông vạn thọ, à, mùa này vạn thọ tươi tốt quá, cũng phải thôi, mùa gần tết mà. Quét tới gần cái chuồng con chim két Africa Gray biết nói, chợt nghe :

- Sạch rồi con.

Rất rõ ràng, giọng con chim nói, nhái y chang giọng của má tôi, lúc nó còn ở với má tôi, mỗi lần dọn chuồng cho nó má tôi hay nói vậy - sạch rồi con.

Cho dù có nghe nó nói chuyện hằng ngày nhưng mỗi lần nó nói những câu thích hợp với hoàn cảnh, bao giờ cũng làm tôi giựt mình.

Sau 45 năm sống trên đất Mỹ, tôi đã quen cây chổi sổng lưng này rồi. Tôi quét lẹ lẹ hơi ẩu cho mau cho xong hết cái sân rộng rồi trở lại bụi vạn thọ cắt một mớ đem vô rửa sạch sẽ rồi để vô cái bình lùn, chưng trên bàn thờ.

Nhìn lên bàn thờ, nhìn hình ba tôi, tôi nhớ ba tôi quá. Nhớ khi xưa hễ tết đến là ba hay mua bông vạn thọ về trồng trước sân, chưng một bình trên bàn thờ ông bà nội ngoại. Ba đốt vài cây nhang, cúi đầu, thầm vái.

Nhìn bàn thờ trong căn nhà bên Mỹ, tôi nhớ tới cái bàn thờ hồi đó bên Việt Nam. Năm 1969 trước bàn thờ ấy tôi đã thắp nhang van vái linh hồn ba tôi phù hộ cho

tôi đi lấy chồng.

Vợ chồng tôi, mới ngày nào rất trẻ trung rất khờ khạo ngượng ngùng đứng bên nhau trước bàn thờ ba tôi, không chắc gì cho tương lai.

Ngày nay, đã 46 năm qua, chúng tôi vẫn cùng mang cái gông anh đào, trả nợ cho nhau.

Má tôi năm nay 89 tuổi, trí nhớ vẫn còn minh mẫn. Hôm trước mấy chị em họp lại «phò mẫu hậu» đi chơi xa. Những lúc như thế này chúng tôi hay nhắc về quá khứ. Rõ là đám con bầy, mấy chị em thân thiết. Gặp nhau thì khoảng thời gian mấy chục năm chỉ như làn sương khói, chúng tôi tranh nhau nói chuyện chí chóe như bầy chim con, như hồi còn nhỏ sống chung một nhà, vui quá trời vui.

Trên xe, tôi hỏi về những người bạn của tôi ngày xưa, má tôi đã nhắc từng tên, không quên đứa nào.

Má tôi có 8 đứa con, 18 cháu ngoại 2 cháu nội và hiện tại có 25 cháu cố.

Tôi không dám nói nhiều về tuổi già, vì tôi mít ướt lắm, mỗi khi nghe câu «Mẹ già như chuối chín cây...

Còn tôi, hai đứa con trai tuổi 45, 44, con gái út 39 và 6 cháu nội, ba trai ba gái đồng đều.

Bây giờ là thời của tụi nó, lo cho đám cháu nội của tôi. Tụi nó làm chồng làm cha rất tốt. Ít ra, đó là một sự hãnh diện của vợ chồng tôi, con mình cũng không đến đổi nào.

Hy vọng tụi nó có đầy đủ sức khỏe để nuôi đám con cho nên người, dù đi làm cực nhọc nhưng vẫn có thì giờ chơi đùa với con, là điều vợ chồng tôi thiếu sót, khi xưa.

Hồi còn trẻ, tôi cứ nghĩ, ráng làm việc kiếm tiền, đợi tới khi hưu trí rồi hai vợ chồng sẽ cùng đi du lịch. Hỡi ôi, sau khi bị gãy chân lần đó chồng tôi không thể đi xa được, vậy là đi đứt mộng du lịch của tôi rồi.

Nhưng không sao, không đi xa thì đi gần, cứ sân trước du lịch tới sân sau, sân sau trở vòng qua sân trước, thì cũng như là đi từ bắc xuống nam từ đông sang tây rồi. Muốn le hơn nữa, bước vô nhà mở computer lên mạng tìm kiếm, du lịch bằng mắt, vừa an toàn trong nhà vừa đỡ tốn vé máy bay, những chiếc máy bay cũng cỡ tuổi tôi, rệu rồi hay sao ? nay rớt chiếc này mai rơi chiếc khác, có chiếc biến mất luôn. Ớn !

Thời «a còng» đi chơi kiểu ảo, ta thấy thiên hình vạn trạng. Muốn coi cảnh đẹp của nước nào, chỉ cần nâng ngón tay nhấp «con chuột» là tức khắc «hô giáng !» đi ngay tới đó. Khi coi đã con mắt rồi, ngồi lâu đau lưng, «hô biến» tắt máy đi nghỉ ngơi. Quá khỏe.

Du lịch của tôi vậy đó, miễn trong lòng vui vui, hạnh phúc, an phận, là đủ rồi.

Như vậy, thêm 15 năm nữa sau 32 năm ấy, nhịp sống của chúng tôi có phần chậm lại, thanh thản hơn. Cũng phải thôi, chậm lại để có cảm tưởng như còn xa lắm mới tới «bên kia sông» !

Sau bao thăng trầm, nước Mỹ đã giúp gia đình tôi có đời sống ấm no yên ổn, tự do cùng bình đẳng, không bao giờ tôi quên ơn.

Đứng trước bàn thờ, tôi tin tưởng, ba tôi vẫn luôn theo dõi và phù hộ cho gia đình chúng tôi.

Và cứ mỗi ngày thức dậy, tôi luôn luôn tự nhủ :

«Cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy
Ta Có Thêm Ngày Nữa Để Yêu Thương»

Trích Kahlil Gibran.

Chú thích : * cái gông anh đào : ý ám chỉ cái giường, đóng bằng gỗ cây anh đào.

Trương Ngọc Bảo Xuân

Ngôi nhà màu nâu

Tiểu Sài Gòn, ngày 7 tháng 1 năm 2015

Chuyện Báo Xuân, Nàng Xuân

Đoàn Thị

Tác giả định cư tại Pháp, tham gia Viết Về Nước Mỹ từ tháng Ba 2010. Họp mặt giải thưởng năm 2011, Đoàn Thị đã bay từ Paris sang California để nhận giải Vinh Danh Tác Giả, thường được gọi đùa là giải Á Hậu. Báo xuân Việt Báo năm con dê, bà kể về «Chợ Tết Phây Búc» rất vui. Nhưng trước khi đọc Đoàn Thị trong báo xuân, mời coi tác giả kể về báo xuân và chuyện nàng xuân Sài gòn năm xưa xuất chiêu «dê» các cậu.

Bạn đọc báo xuân Việt Báo chưa ? Tôi biết nó ra rồi, bán đầy Bolsa rồi. Tôi đang ganh với bạn. Tôi biết nó đang trên đường đến. Mà ấm ức, mãi chưa thấy nó đến. Vì, thú thật, tôi ở hơi xa, mãi bên trời tây. Tức thì có tức, nhưng tức chỉ tổn thọ. Thôi thì trong lúc chờ, nói chuyện báo xuân nàng xuân cho vui nhà vui cửa.

Trước năm 75, gần đến Tết Ta tôi thường mua Báo Xuân về nhâm nhi với mứt trà, coi như mình tự «ăn Tết» trước Tết, ba ngày xuân đàn đúm bạn bè đi chơi thả cửa, làm gì có thời giờ đọc báo xuân.

Báo Xuân thường có mục Tử Vi, Sớ, bài luận văn dài lê thê tả con giáp năm đó, bài của tác giả tên tuổi không thiếu «quan quân» nào cả, truyện dịch thế giới, thơ lục bát, thơ tự do, thơ tình đám con gái bu vào sưu tầm «làm của» .

Gia chánh chuyên đề Tết lôi cuốn hầu hết phụ nữ không rành bếp như tôi, bánh mứt ngày xuân đủ loại, tôi chúi mũi vào mấy loại mứt dễ thực hiện vì là món khoái khẩu của tôi, cơm Tết có mẹ lo.

Trước Tết tôi phụ mẹ gọt rửa củ kiệu, củ cải trắng, phơi nắng rồi xếp vô keo, tới đây là tôi hết việc, dấm ngâm kiệu, nước mắm ngọt ngâm củ cải một tay mẹ làm, đứng xớ rớ chỉ tổ rách việc nên tôi chuồn nhanh.

Sau này làm dâu, tôi học thêm món mứt cà chua, ngon tuyệt vời, cà Đà Lạt thon dài, moi ruột bỏ hột ngâm nước vôi một đêm, xả nước cho sạch, phơi hai nắng rồi sên với đường, mứt dẻo ngọt hơi chua, đúng là có một không hai.

Sau 75 tôi hết mua báo Xuân, có biếu tôi cũng chả đọc, chữ nghĩa XHCN rối rắm làm mình mất hứng, khẩu hiệu «Vui Xuân chớ quên Nhiệm Vụ» sáo rỗng nhan nhãn đầy đường làm mất cha nó mùa xuân lấp ló trước cửa.

«Mùa Xuân đến rồi bản làng ơi» ca từ một bài hát làm tôi xao lòng, giá mình ngu ngơ như người miền núi, không rành chữ việt nên không hiểu XHCN là cái quái gì mà đời lại đẹp.

Bên trời Tây, văn chương hải ngoại nở rộ nhờ mấy tờ báo trên mạng, hội đoàn nào cũng có trang nhà, từ Quân Đội cho đến Đại Học, Trung Học, Hội Đồng Hương, Thơ, Văn, Thời Sự, mẹo vặt, gia chánh... , đủ gia vị của một tờ báo hoàn chỉnh.

Văn nhân nghệ sĩ tự phát khắp nơi đông vui đến bất ngờ, làng văn hải ngoại đã hồi phục văn hóa VNCH, Miền Nam Tự Do Dân Chủ bây giờ tuy là quá khứ nhưng lại là giấc mơ thầm kín của cả chục triệu dân VN bên nhà đang thoi thóp thở.

Báo Xuân được gọi là «Giai Phẩm Xuân» kiêu sa chưa, văn hoa ra phết, gọi như rứa cũng không ngoa, vì báo nào cũng có bài của những cây viết lớn trước 75, và những cây viết đình đám ở Hải Ngoại đương thời.

Năm con Dê, đặc tính của đàn ông, nhưng thế kỷ 21 đờn bà lên hàng «lê đi phớt» lờ đàn ông, lấn lướt nam quyền đến chóng mặt nên dân cầm bút tha hồ khai thác phi vụ «Đào già kép trẻ là tiên... huyền» .

Không biết từ bao giờ bà đầm phương Tây công khai đi ruồng kép trẻ, sắm một tình nhân nhí nhố để giải sầu, đàn bà cũng có trái tim, cảm hứng như đàn ông, cũng xác phàm sao lại cấm người ta yêu đương.

Quê mình giỏi bắt chước những thứ rởm đời, nhanh như vận tốc ánh sáng, mấy «mợ thành đạt» bắt kịp chị em phương Tây biến đám thanh niên mang «đời trai ngang dọc» thành «trai bao» , nghề nào chả là nghề làm ra tiền.

Mợ sắm cho mình gã trẻ măn để kình địch với ông chồng dê xồm, chả ngại người ta xầm xì, XHCN loạn lạc đến độ trật tự xã hội, đạo đức trong nháy mắt biến mất, thời nay đạo đức là đặc tính của đứa ngu ngơ.

Chuyện đàn ông dê con gái còn cười được chứ đàn bà cua cáy trai tráng thì nín thở mà đọc nếu tò mò muốn biết đoạn kết ra răng, thường thì «đào già kép trẻ cũng chỉ là tiên huyền» thôi, tiền là tiên là Phật mà.

Tôi không hợp chuyên đề «Mùi» , hành động «Dê» kém lịch lãm, hơi gian dối, có thể hiểu «chơi qua đường» , độc hơn là «dê rồi bỏ» cho bỏ ghét, có đứa «dê» vì lời thách đố của đám con trai nghịch ngợm chứ có «phải lòng» ai đâu.

Một trường hợp «dê» khá đặc biệt xảy ra sau ngày 30 tháng 4 năm 75 của lớp Ngoại Ngữ ĐH Văn Khoa, mà đứa «được dê» lại là cây si nhút nhát, tưởng cây si bật gốc, giờ cuối «ngựa về ngược» mới lạ.

Trong chuyến lao động XHCN ở nông trường khoai mì trên Thủ Đức, đám sinh viên chúng tôi, dạo đó bị liệt vào thành phần «tàn dư chế độ cũ» , khởi hành từ cổng trường đạp xe đến Trạm biến điện Thủ Đức.

Sau một tuần lao động, đám tàn dư này tàn tạ như cọng bún thiu, cơm hàng ngày bốn người chỉ có một trứng vịt với rau, vì thế ban đêm trong lúc tổ trưởng chong đèn họp với cấp trên, tổ viên chôm khoai mì trong kho luộc ăn đỡ dạ.

Giã từ nông trường đứa nào cũng vui như tết, nhưng ra đến bãi xe đạp thì hỡi ơi, bánh xe trước không xẹp thì bánh sau cũng làm nũng tự xả hơi năm mươi phần trăm dưới cái nắng cháy da, đám con gái gãi đầu, bứt tóc, muốn khóc.

Phú được gọi là «Phú đầu bự» để phân biệt với những Phú khác trong lớp, có biệt danh Lucky Luke vì lúc nào hắn cũng đội nón tai bèo, hắn đeo đuổi Thanh cả lớp đều biết, vậy mà cô nàng cứ giả nai, ngây ngô vô tình đến tệ tình.

Đang hoang mang bỗng Lucky xuất hiện với cái ống bơm xe đạp trên tay, giời ạ hiệp sĩ xuất hiện đúng lúc làm cả đám con gái hoa mắt, bối rối chưa biết mở lời làm răng để người hùng giúp đỡ.

Không sao, Lucky có thừa lịch lãm và đề nghị các bạn mang xe ra đây để hắn phục vụ, bỗng dưng Phú sáng giá trong mắt con gái, giá đây là «giá trị sử dụng» chứ không phải gã làm con tim ngủ quên của đám con gái thức giấc đâu nhe.

Chúng tôi ngoan ngoãn xếp hàng nhờ Phú giúp đỡ, Lucky galant hết cỡ nên trạm bơm bánh xe của hắn đắt gái đứng chờ, nhưng không phải vì thế mà hắn hết «ế đào» .

Phú ế vì là dân ngụy thứ thiệt hồi trước tóc dài hippie, nhảy đầm giỏi như con nít nhảy cò cò, bi giờ lại là «đối tượng đảng» mới khiếp, đám tàn dư sợ «Vi Xi» bỏ bu làm răng dám «chơi bời» với hắn.

Gần đến phiên tôi, Thanh thúc cùi chỏ vào tôi, nói nhỏ,

- Mi nhường cho tao nhờ Phú bơm xe.

Tôi gật đầu lùi bước cho nó dẫn xe vào, con nhỏ liếc mắt đưa tình với Lucky, thỏ thẻ,

- Anh Phú ơi, làm ơn bơm bánh xe giùm «Con» .

Tôi ngẩn ngơ nhìn con nhỏ «dê đúng điệu» con gái ruồng con trai, đôi mắt nhung đưa tình lẳng lắm, nhưng lại dứt lời với cách xưng hô diễu cợt đến tàn nhẫn.

Tội nghiệp Lucky, vị ngọt từ tiếng «Anh» chưa trôi qua cổ họng thì chữ «Con» như một cái tát chát chúa làm hắn giận run lên nhưng vẫn lẳng lặng bơm bánh xe cho nàng.

Tôi mắng con nhỏ,

- Đồ ác ôn, bộ hết chuyện sao lại đùa cợt với tình cảm của người ta, mi coi chừng có ngày mê hắn cho coi.

Sau đó cả lớp đồn ầm câu thỏ thẻ của Thanh với Lucky khiến hắn bị tổn thương đến độ không dám giáp mặt con nhỏ, và như một phép màu, Thanh âm thầm chuộc lỗi bằng cách «dê dẫm» Phú, con nhỏ múm Lucky dễ như chơi.

Một buổi tan trường, hôm đó nhóm tôi về muộn sân trường vắng hoe, đi ngang sân vận động Hoa Lư đối diện Văn Khoa, tụi tôi bắt gặp Thanh ngồi uống nước mía với Phú.

Tôi tấp vào lề đường gọi Thanh, con nhỏ thấy tôi hoảng vía chạy ra, tôi cười thích thú,

- Đừng nói là mi đang dê Phú nhe, mất mặt con gái chúng mình lắm.

Thanh cười giả lã,

- Thì tao làm hòa với Phú coi như tạ lỗi cái vụ «hỗn xược» trên Thủ Đức.

Chuyện Thanh bồ với Lucky rồi cũng thành sự thật, tụi con gái hơi bực vì Thanh dê trắng trợn con trai, nhưng chả ai phản đối, vậy là mối tình câm có ngày cũng lên tiếng. Sau khi ra trường hai đứa làm đám cưới và đi vượt biên đến Mỹ.

Tết con Dê mười hai năm về trước tôi định viết chuyện «con gái dê con trai» của Thanh, nhưng các bạn đều can vì hai đứa nó đã rã đám, nghe tin không vui tôi cụt hứng.

Trở lại chuyện báo Xuân, có cái Tết con Dê một tờ báo Xuân đăng câu chuyện muôn thuở của loài người, đàn ông dê gái trong mục «gỡ rối tơ lòng» , vì là giai phẩm Xuân nên bà cố vấn phải «gỡ» làm sao để độc giả nhớ đời.

Mợ kia tâm sự, Sàigòn (TP HCM) bi giờ gái trẻ đẹp đầy đường, chồng mợ bèn sắm bồ nhí, nó tuổi đáng con ổng, mình ngoài năm mươi, hốc môn hốc miết cạn nguồn, da nhăn, tóc rụng, eo hết thon... , có ngọt ngào cách chi vẫn thua con tiểu tặc.

Bà cố vấn bó tay với thời gian vì không ai níu kéo được tuổi xuân trở về với mình, nhưng sách lược cứu nguy gia đạo thì bà có thừa, chỉ ngại mợ không đủ sáng suốt nhận ra khuyết điểm của mình và có đức vâng lời tuyệt đối «bà cố» thôi.

Khi bị ruồng bỏ, mợ tức cành hông, la làng, khóc lóc, nài nỉ mà ông vẫn «biền biệt» , mợ lau nước mắt ra phố sắm áo, tô son làm đẹp, diện như rứa mà ông vẫn làm lơ, mợ đổi chiến thuật dọa bỏ nhà đi tu, ông chồng rung đùi ưng ý, mợ sập bẫy ông rồi.

Bà cố khuyên, những thứ hao mòn theo thời gian hơi đâu mà níu kéo, già da nhăn mợ không cản được nhưng mợ đừng nhăn nhó chỉ tổ làm khổ thân già, đừng kể lể, khóc lóc nỉ non, cải lương lắm khiến chồng sợ xanh mặt lặn sâu.

Thuở mới yêu mợ có như rứa đâu, mợ «hiền như ma sơ» ngọt ngào, nghiêng đầu tựa vai chàng, bi chừ la hét, rên rỉ, thảm quá, lại đua đòi tô son trét phấn, lên áo đầm

hai dây, sến lắm, mấy thứ đó không qua mặt được cô đào nhí, chiêu của mợ không ăn tiền.

Bà cố viết tiếp làm mợ hết hồn, độc giả mất vía, có người hét lên cứ như mình bị chồng phụ không bằng, bà dạy như ri. Khi mợ đã xế bóng, ông chồng ham vui ra phố ăn «phở» dài dài, lấy «phở» làm «cơm» , khuya lơ khuya lắc mới mò về nhà, «cơm» nên kiên nhẫn đợi cửa không một lời trách móc, cảm động chưa, ông chồng muốn lơ là với mợ cũng khó.

Thay vì xáo động con tim đang vui của chồng, mợ lẳng lặng chu toàn bổn phận, tân trang sắc mặt một cách kín đáo, áo quần bảnh bao hợp với lứa trung niên, đại khái là «trong héo ngoài tươi» .

Mợ phải im lặng nghe chồng trải lòng, dù lòng mợ đau như cắt, vì kẻ đang yêu bao giờ cũng lắm lời, đang sướng với gái trẻ mà không có ai chia sẻ chịu sao thấu đời, nói với bạn bè sợ bị cười chê, chi bằng tâm sự với «vợ già» cho chắc ăn.

Giời ạ, bà cố đúng là thứ dữ, «vấn» kiểu này khó hơn con lạc đà chui qua lỗ kim, nhưng khi bà đưa ra một trường hợp «nổi tiếng thế giới» thì mợ cũng như độc giả, sáng bừng con mắt, suy tư miên man.

Chuyện thái tử Charles mê bà già Camilla đến bỏ rơi công nương trẻ đẹp Diana, khiến phụ nữ khắp nơi tức điên lên, nhưng thái tử lờ tịt quyết yêu em già đến cùng, mặc cho nhân gian xôn xao, thần dân ghét bỏ.

Vụ này không ai chối cãi, nhưng lời giải của bà cố mới ác liệt, thái tử lớn hơn công nương cả chục tuổi, lại được giáo dục theo cung cách Vua Chúa, sở thích cũng chỉ quanh quẩn bảo tàng, đọc sách lịch sử thế giới, nghệ thuật, cưỡi ngựa...

Trái lại công nương quá trẻ lại sống trong xã hội đương thời, khoái nhảy nhót hát hò, đi xi nê... , những thứ thái tử không biết đến và cũng không ưa, hai thế hệ xa nhau vạn dặm, không đồng sàng dị mộng là gì.

Trong lúc công nương buồn phiền ta thán, thì mụ Camilla lại ngoan ngoãn nghe thái tử trút bầu tâm sự về cô vợ trẻ chả hiểu mình gì cả, thỉnh thoảng mụ rót mật vào tai khiến thái tử «dính chấu» , «vâng, thưa ngài, ngài nói chí lý lắm» .

Giá công nương Diana dằn cơn ghen, nài nỉ thái tử thử đi nhảy đầm cho giảm gân, kiên nhẫn nghe chàng nói về văn học nghệ thuật, giả vờ thắc mắc cứ như mình cũng đam mê như chàng, như rứa thái tử đâu còn cô đơn đến phải tựa đầu vào vai mụ già Camilla.

«Bà cố» giải mã làm mọi người bật ngửa, đàn ông như đứa con nít, thích được nâng niu chìu chuộng, vậy mà mợ chả lắng nghe nỗi lòng của chồng, lớn tiếng đòi ông chịu trách nhiệm này nọ, ông phát khiếp nên vắng nhà dài dài.

Bà đưa ra thí dụ, khi mình chơi với cậu bé năm ba tuổi, mình làm gì nhỉ, cưng chìu, mua bánh kẹo, dụ ngon dỗ ngọt, đôi khi lại giả vờ chơi cút bắt, bắn bi cho cậu vui, dù mình chả thích chơi như thế, vì vậy cậu bé mới mê tít mình.

Đời nào mình dám bắt cậu bé chịu trách nhiệm nếu cậu lỡ làm vỡ cái ly, lúc cậu nghịch bị đứt tay chảy máu, mình phải mắng con dao hư đốn làm cậu đau, chớ có dám lớn tiếng với cậu đâu, đấy với đàn ông cũng như rứa.

Đờn bà lắm mồm mới mắc bẫy con rắn trong vườn địa đàng, hãy làm người vợ ngoan, dù mình đang căm hờn, hãy im lặng dù mình muốn hét toáng lên, hãy kiềm hãm cơn lôi đình khiến mình muốn đốt nhà.

Khi mình kiểm soát được cơn tức giận, trấn áp sự phẫn nộ là mình đã tìm ra giải pháp ứng xử với nghịch cảnh, cách xử sự nào hay nhất, điều đó tuỳ thuộc tài ứng biến của người trong cuộc.

Bà cố vừa đưa ra một bài học cũ xì, «chồng Chúa vợ Tôi» , trong mọi xung đột bà vợ nên im lặng, dù mình chả có lỗi, có chăng là mình bị thời gian đào thải, thời gian là liều thuốc thần diệu băng bó vết thương lòng, nhưng cũng tàn nhẫn đưa mình xa rời tuổi thanh xuân.

Bà cố có lối kết bài «để đời» , phải biết dùng thời gian đúng lúc, khi trẻ ta tha hồ «ăn vạ làm nũng» , già rồi phải biết phận, phải an phận, chỉ thế thôi, nghe tức như bị kép đá đít, nghĩ lại bà có lý, vì thế bà mới làm «bà cố» .

Dĩ nhiên sách lược của bà có kẻ khen, người chê, ai kia đọc đến hai ba lần vẫn còn thẫn thờ như người mộng du, tôi chả suy tư, cắt trang báo làm «kỹ nghệ» , tôi luyện chưởng của «bà cố» sắp thành «nữ hoàng ú ớ» nói không nên lời.

Tuy chàng ngoan không có đào nhí, chỉ thỉnh thoảng lên giọng «ông cố nội» làm tôi bực.

Theo sát độc chiêu của bà cố, tôi không trả treo, lặng lẽ mở máy trút cơn giận vào chữ nghĩa, sau đó gặp chàng nhe răng cọp mà cười như mếu.

Từ ngày đọc bài của «bà cố» , tôi có truyền khẩu kinh nghiệm này với bạn bè, vậy là có người chỉ mua Báo Xuân nào có mục gỡ rối để sưu tầm thêm kinh nghiệm.

Riêng tôi, bài học của «bà cố» năm đó rất kinh điển, không sai một ly ông cụ, cứ thế mà thực hành, đôi khi giận tái mặt, nhớ lời bà răn dạy «im lặng là vàng» , ai chả tham vàng, thấy vàng không mờ mắt mới lạ.

Thế là sau cơn bão trời nắng đẹp, có rối chỗ nào đâu mà gỡ, phương châm của ông bà ta «một câu nhịn chín câu lành» không ngoa chút nào.

Mua Báo Xuân tôi chả đụng đến mục «gỡ rối» , coi Tử Vi để cười chứ con giáp nào cũng có Hên Xui, tuổi càng cao đau bệnh càng nhiều, chiêm tinh tiên đoán không đúng thì sai, y như cảnh lắc bầu cua của đám con nít.

Năm nay ai tuổi con Dê coi chừng, Hên và Xui nữa đấy, hiển nhiên như trời đất hết Đông lại sang Xuân, mà con giáp nào chả có Hên và Xui đợi chi đến «năm tuổi» mới kiêng cử.

Không tin cứ lật bản tử vi ra mà xem, từ lúc «biết yêu» cho đến bi chừ, năm nào cũng có vui buồn lẫn lộn, có năm Hên nhiều hơn Xui dù năm đó là «năm tuổi» .

Báo Xuân, cành Mai, câu đối, bánh mứt trà, gia vị ngày Tết không thể thiếu, đặc biệt phong pháo đỏ hợp «tông» với bao lì xì, hình như màu đỏ mang đến Tài Lộc.

Đấy trong nháy mắt Tết Ta biến thành «Tết Ma rốc» , không tin cứ đợi đến mồng Một, Hai, Ba gặp đám con nít «móc ra» mấy bao lì xì là biết liền.

Trước thềm năm Ất Mùi, xin chúc các bạn Sức Khỏe Dồi Dào để vui chơi với đời, Tài Lộc có đủ, Thịnh Vượng đến hết năm con Dê, sang năm sau lại chúc nhau như rứa.

Đoàn Thị

Bốn Mươi Năm, Nỗi Niềm Ba Thế Hệ

Khôi An

Bài trích từ báo xuân Việt Báo Ất Mùi 2015, đang phát hành khắp nơi. Tác giả từng phải rời bố mẹ để vượt biển từ tuổi học trò, đến Mỹ năm 1984, hiện là một kỹ sư điện tử, cư dân San Jose. Với nhiều bài viết giá trị, Khôi An đã nhận Giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2013. và là một trong những tác giả đạt số lượng người đọc nhiều nhất trên Việt Báo online.

«Hai mươi năm,
bầy trẻ thơ nay đã lớn
và chàng trai nay đã già !»

Tháng Tư 1995, tôi lặng người khi nghe câu hát đó. Rồi bùi ngùi nhận ra mình là một trong bầy trẻ đã lớn. Lớn, nhưng chưa làm được gì nhiều, chỉ đau đáu trong lòng những ước mơ cho một quê hương xa vời vợi.

Thoáng một cái, đã 2015. Trong email với những người bạn thân từ thuở học trò, tôi sửa lời của nhạc sĩ Phan Văn Hưng để đùa chơi

«Bốn mươi năm,
bầy trẻ thơ nay đã xế
và chàng trai nay quá già»

Các anh chị, cô chú mà nghe «chàng trai nay quá già» chắc sẽ không vui.

Tôi cũng biết lẽ ra không nên diễu (dở) với sự thật... phũ phàng. Nhưng, thay vì thở dài hoặc chống trả thứ không thể chống trả, có lẽ cách hay nhất là làm theo câu thơ tiền chiến : Tôi nói lòng ra để tự cười.

Khi Bố tôi tự nhận là «tuyến đầu» - tiếng của Bố đặt cho những người đứng mũi, chịu sào cho cả ba thế hệ gồm có cha mẹ, chính mình, và con cái - thì tôi chỉ có vừa đủ trí khôn để gom góp vài ký ức về ông bà.

Ký ức đó gồm có nét thanh lịch của các bà vấn khăn nhung, mặc áo dài lụa, cổ đeo chuỗi cẩm thạch xanh rờn nước lý trong ngày Tết. Có sự ấm áp của hình dáng bà ngoại tôi ra vào, vun vén, trông nom. Có hình ảnh trang nghiêm của các ông, áo the khăn xếp, cầm bó hương cháy nghi ngút đứng khấn thật lâu trước bàn thờ trong những ngày giỗ kỵ. Có những «nụ cười đen nhánh sau tay áo» (3) , có các bà luôn luôn mặc áo dài khi ra khỏi nhà và gọi con là «các anh, các chị» . Và có cả sự kính cẩn trong cách tôi gọi nhiều người, không bằng tên mà

bằng chức vị ở miền Bắc trước khi họ di cư vào Nam : bà Thông, bà Hộ, ông Chánh...

Ngày đó, đối với tôi, tuổi già là những ông bà hay nhắc tới những địa danh, những kỷ niệm ở miền Bắc xa xôi. Họ có cách ăn nói và hỏi chuyện con cháu giống nhau, rất gần gũi, quen thuộc trong gia đình nhưng khác với những ông bà cụ người Nam ở chung quanh. Chỉ như thế. Những điều khác như sự đau yếu, qua đời chỉ lờ mờ đằng sau sự hiện diện vững chãi của Bố Mẹ tôi. Chúng tôi nhởn nhơ trong bóng mát bình yên khi những gay gắt của cuộc đời đã được thế hệ cha mẹ lọc đi.

Bà ngoại tôi mất năm 1974, đem theo niềm mơ ước gặp lại hai người con trai đi kháng chiến chống Pháp từ thập niên 40 và ở lại ngoài Bắc. Tuy vậy, nhiều người vẫn nói là bà có phước vì không phải chứng kiến cảnh lạc đàn tan nghé, con tù cháu tội, nheo nhóc đói khổ sau cuộc đổi đời năm 1975. Các ông bà khác thì một số kẹt lại Việt Nam, một số ôm nỗi nhớ thương miền Bắc còn chưa ráo theo con cháu đi tứ tán. Sau đó, vì chia cắt, tôi không được gặp lại các ông bà. Tôi chỉ nghe nói thời gian đầu ở nước ngoài họ coi nhà, trông cháu cho các con lao ra ngoài kiếm sống. Những gia đình may mắn có ông bà thì các cháu bé không phải lang thang ở những nhà giữ trẻ, nơi mà mọi thứ đều xa lạ.

Ông bà giữ ngọn đèn trong nhà bật sáng, dọn mâm cơm để các cháu ngồi cùng ăn khi cha mẹ đi học lớp tối hay làm thêm giờ về trễ. Họ ru cháu ngủ khi cha mẹ làm ca đêm. Họ là bếp sưởi ấm áp, là hình ảnh đậm đà của quê hương vừa lìa xa...

Khoảng mười lăm năm sau, khi cộng đồng người Việt tạm cứng cáp thì hầu hết các cụ đã yên lặng ra đi. Thời đó bận rộn, xa xôi quá nên tin về các ông bà chỉ được biết qua những lá thư hay những cuộc điện đàm hiếm hoi. Tôi đã không nghĩ nhiều đến các cụ, không thắc mắc họ đã sống tuổi tám mươi, chín mươi như thế nào ở những thành phố của Mỹ, Canada, Pháp, Úc và ra đi trong hoàn cảnh ra sao. Một phần vì tôi còn «trẻ người, non dạ» , nhưng lý do chính là vì Bố Mẹ tôi vẫn còn khỏe nên chúng tôi được núp bóng, vô tư trước quy luật đến và đi của đời người.

Sau khung kính vuông trên trần là một khoảng trời xanh dịu, hoe chút nắng nhẹ nhàng.

Đó là một buổi sáng mùa Đông ở Bắc California, ba ngày sau khi tôi đến Mỹ. Hôm đó là ngày thứ Hai, mọi người đều đi học, đi làm. Ở nhà chỉ có hai chị em tôi mới từ trại tị nạn sang, vừa được Dì đón về nhà.

Căn nhà vắng vẻ dường như rộng hơn bình thường. Tôi đi ra phòng khách, ngồi trên ghế sofa, nhìn lên tấm skylight trên trần trời, ghi vào óc hình ảnh đang thấy, và thầm nói «Tôi đã đến ! Bầu trời nước Mỹ là như thế này đây.»

Mới đó, mà hơn ba mươi năm !

Dì là em gái của Mẹ tôi, nhưng trong gia đình gốc Bắc tôi gọi bằng «Cô» và chồng của Dì thì gọi là «Chú» . Bây giờ, tôi gọi là «Dì» (để nói rằng đó là người thân lắm, giống như trong câu tục ngữ «Xảy Cha còn Chú, mất Mẹ bú Dì» .)

Trong gia đình, Dì qua Mỹ trước tiên, vào tháng Tư năm 1975. Dì kể, ra khỏi trại Pendleton gia đình Chú và Dì được một nhà thờ ở Hayward, Bắc California bảo trợ. Đó là một điều buồn vui lẫn lộn. Vui vì California là nơi khí hậu dịu dàng, không lạnh cóng như những vùng khác, nhưng lại buồn vì bạn bè trong quân đội của Chú phần lớn sang miền Đông Hoa Kỳ qua sự đỡ đầu của những người bạn cố vấn Mỹ ngày trước. Nhưng Dì nghĩ thân tị nạn trên đất nước xa lạ, biết đâu mà lựa chọn, cứ theo duyên phận, rồi «nước chảy tới đâu, bắc cầu tới đó» .

Chú cất bộ quân phục có gắn bông mai vàng vào ký ức, ngày ngày mang bộ đồng phục của thợ lắp ráp trong hãng xe hơi. Ở thắt lưng chú đeo nguyên một bộ kềm vặn ốc lớn nhỏ đủ cỡ, sắp xếp theo đúng thứ tự đã thuộc lòng. Khi chiếc xe trên đường dây chuyền trờ tới, chú nhảy phóc lên, rút kềm, gồng tay vặn những con ốc ở những vị trí cũng nhớ nằm lòng. Xe đi khoảng bốn mét là hết khâu, chú phải nhảy xuống, chạy ngược lại đón chiếc xe mới tới. Cứ chạy nhảy liên tục như vậy. Một ngày tám tiếng.

Dì cũng thay áo luật sư bằng áo khoác trắng và lưới trùm tóc của hãng trái cây đóng hộp. Cũng ngày ngày đứng trước một bộ máy dây chuyền gồm những thùng sắt khổng lồ đi chầm chậm. Trái anh đào hay trái dâu từ trên đổ xuống ào ào, hai tay Dì phải lựa thật nhanh những trái xấu, bỏ ra ngoài. Lúc mới làm chưa nhanh tay, nhanh mắt, có đôi khi trái xấu sót lại, bà đốc công lượm ra đem dí vào mặt la xối xả. Dì không dám phân trần nửa lời, chỉ im lặng làm tiếp. Hai tay bốc lia, bốc lịa nên không thể gạt nước mắt chảy ròng ròng.

May mắn cho Chú, Dì và cả cộng đồng người Việt tị nạn ở Bắc California, kỹ nghệ điện tử được phôi thai từ những năm 1965, 1968 đến giữa thập niên bảy mươi bắt đầu cứng cáp. Các hãng bắt đầu cần rất nhiều chuyên

viên điện tử và, nhờ ơn trời (như Dì nói) , nghề này hợp với rất nhiều người Việt. Kiến thức khoa học : có đủ, vì hầu hết là sĩ quan, công chức ở Việt Nam; sự cẩn thận, chịu khó : có thừa; khả năng học hỏi và lòng cầu tiến : tràn trề. Bắt đầu là những người có sẵn bằng cấp từ Việt Nam lấy một vài lớp học về điện tử rất dễ so với khả năng của họ, rồi được tuyển vào các hãng làm chuyên viên kỹ thuật (technician) . Từ đó họ chỉ đường cho gia đình và bạn bè.

Dì và Chú sau giờ đi làm đã ghi danh học lớp tối ở San Jose City College, lấy nhanh tấm bằng hai năm rồi đầu quân vào đội ngũ chuyên viên kỹ thuật đang tăng vọt. Từ các tiểu bang khác, sinh viên Việt Nam đi du học trước năm 1975 mới tốt nghiệp cũng đổ về San Jose tìm việc. Đã có nhiều cuộc gặp gỡ ngỡ ngàng khi những kỹ sư trẻ măng biết ra rằng những technician tóc loáng thoáng sợi bạc, im lặng, chăm chỉ làm cùng phòng thí nghiệm chính là những nhân vật mà họ từng nghe tên tuổi lẫy lừng trong những trận đánh của Tết Mậu Thân 1968, của Mùa Hè Đỏ Lửa 1972.

Gia đình Chú Dì cũng như nhiều người Việt khác dần dà khá giả hơn. Nhiều gia đình chồng đi học có bằng làm technician, vợ chưa tốt nghiệp cũng hăng hái đi làm nhân viên khâu lắp ráp (assembler hay assembly

line worker) .

«Ở đây chồng Tách (technician) , vợ Ly (assembly)
Cùng làm một buổi, còn gì sướng hơn»

Hạnh phúc của người tị nạn thời đó đơn giản là vậy. Đầu óc, công sức và sự khéo léo của họ đã chăm chút, hoàn thiện biết bao sản phẩm của các hãng điện tử. Thành công đem lại thành công, các hãng mọc lên ngày càng nhiều, và người Việt tị nạn đã góp công rất lớn vào sự phát triển của Thung Lũng Điện Tử, nơi ra đời của những sản phẩm thay đổi đời sống con người trên toàn thế giới.

Trong guồng máy của thung lũng này, Dì và Chú vừa xây dựng lại cuộc đời trên đất mới, vừa dành dụm gởi về giúp đỡ hàng chục anh chị em trong họ hàng hai bên.

Rồi đại gia đình dần dần đoàn tụ, lúc đầu là những người trẻ đi bằng đường vượt biển, sau đó là người lớn tuổi đi theo diện bảo lãnh. Là con gái út nhưng vì quen gánh vác họ hàng từ sau cuộc đổi đời, Dì đã trở thành người đầu đàn của họ ngoại tôi trên đất Mỹ.

Có một lần tôi mỉm cười và nghĩ rằng Dì không giống với hình ảnh quen thuộc của những người đàn bà Việt Nam trong văn chương : đơn giản, đảm đang, hy sinh,

và chịu đựng.

Dì không chỉ vậy, mà hơn vậy.

Dì hy sinh, chịu khó, nhân từ, và can đảm. Dì đẹp và cao. Dì ăn mặc lịch lãm. Hồi tôi mới sang, thỉnh thoảng cuối tuần Dì chở đám cháu đi mua sắm ở những tiệm quần áo clearance. Mấy Dì cháu hí hửng tìm kiếm trong đống quần áo giảm giá tới bảy mươi, tám mươi phần trăm. Phần lớn là mua gởi về Việt Nam, nhưng Dì cũng giữ lại vài thứ để mặc. Những chiếc áo có nơ ở cổ, có kiểu dáng điệu đà, thanh nhã rất hợp với Dì. Và điều đặc biệt nữa là hai bàn tay của Dì. Trải qua bao năm tháng nhặt trái cây, làm việc nhà, vật lộn với những máy móc điện tử, bàn tay Dì vẫn thon đẹp với những ngón búp măng dài muốt.

Ba mươi chín năm qua nhà Dì là nơi nhóm họ. Hàng trăm lần giỗ Tết đến, rồi đi, rồi trở lại. Họp mặt ở nhà Dì đã trở thành một điều tưởng như không bao giờ thay đổi...

Gần đây, có một lần tôi ghé thăm Dì. Khi bước xuống xe, ánh nắng vàng trên con đường, hai dãy nhà màu nâu nhạt dọc hai bên, những bụi hoa và bãi cỏ, chúng quen thuộc đến mức làm tôi ngỡ ngàng ! Cánh cổng sắt vẫn sơn màu xám, đưa vào căn nhà nơi Chú và Dì đón

hai chị em tôi về sau chuyến bay từ trại tị nạn Galang tới San Francisco. Thời đó bãi cỏ tươi hơn và giàn hoa giấy đỏ mới chập chững leo trên cái giàn tạm nhỏ xíu. Nhưng, nhìn chung căn nhà vẫn rất giống như xưa.

Vậy mà rất nhiều điều đã vô cùng khác.

Kể từ năm nay, ngày 29 Tết Dì không còn gọi điện thoại cho từng đứa cháu, nói «Giao thừa đến nhà Cô cúng ông bà, nghe !» Căn nhà này sẽ không còn là nơi mà mấy chục người trong ba thế hệ bên ngoại gặp gỡ nhau. Vì Chú đã qua đời, còn Dì thì liệt nửa người sau cơn tai biến mạch máu não.

Lần đó tôi vào bệnh viện thăm lúc Dì mới hồi tỉnh. Khi ra về, tôi nắm tay Dì và nói to «Cháu đi về nha. Cô bye cháu đi.» Dì bập bẹ «Bye» rồi vẫy vẫy tay. Và, tôi bùi ngùi thấy rằng bệnh tật đã làm Dì thay đổi, nhưng vẫn không cướp được hai bàn tay đẹp của Dì. Chúng vẫn đẹp, như xưa. Nhưng vẻ đẹp ấy như đang dùng sự tương phản để đánh thức tôi, nhắc tôi là đời người ngắn ngủi, là đã đến lúc tôi phải đối diện với lẽ tử sinh.

Ở trung tâm thành phố (downtown) San Jose có một cửa tiệm nằm trong một căn phố nhỏ. Từ xa lộ 280 ra hầu như lần nào tôi cũng phải ngừng lại ở đèn đỏ góc đường Mười Một trước khi quẹo trái vào Santa Clara,

con đường chính của downtown. Ở chỗ ngừng xe, nhìn xéo qua tay phải là tấm bảng có những ba dòng chữ đỏ bằng tiếng Anh, Hoa, và Việt. Dòng tiếng Việt đề «Vịt Quay Tôn Thọ Tường» nên tôi đoán chủ tiệm là người Việt gốc Hoa. Vẻ hơi tồi tàn, xập xệ của tiệm với cái tên Tôn Thọ Tường gợi nhớ những hàng quán ở Sài Gòn, Chợ Lớn ngày xưa. Tiệm này đã ở đó trên dưới ba mươi năm.

Trong thời gian cộng đồng Việt ngày càng ăn nên làm ra. Khu thương mại Lion được mở ra trên đường Tully. Tiếp theo là khu Grand Century sang đẹp cùng khu Vietnam Town lộng lẫy trên đường Story. Nhiều tiệm Việt Nam đã dời về phía Đông San Jose, và khu downtown không còn là nơi tụ họp chính của các dịch vụ cho người Việt. Trong suốt thời gian đó, tiệm vịt quay vẫn nằm ở góc đường. Cũ kỹ, cô đơn, nhưng kiên trì, tiệm đứng đó như một «chứng nhân» cho thời mở đầu của cộng đồng Việt tại San Jose.

Cho nên, cuối năm 2013, khi ngừng xe ở đường Mười Một, tôi hơi sững sờ khi thấy tiệm treo bảng đóng cửa. Tôi thấy nhớ cửa tiệm như tiếc một thời đã qua.

Nhưng rồi tôi lại «tự cười» và tự nhắc rằng nền tảng của sức mạnh Mỹ quốc là sự hiệu quả. Chủ tiệm vịt quay có lẽ cũng đã đến tuổi về hưu, và một tiệm mới

đang trên đà đi lên sẽ làm ăn hữu hiệu hơn ở góc đường này. Bây giờ là 2015. Trong thời đại khi iPhone 6 vừa ra đời đã có người mơ mộng tới iPhone 7, khi mỗi phút có ba triệu người lướt mạng thì lòng hoài cổ của tôi không thể chen chân ở ngay Thung Lũng Điện Tử, cái nôi của máy vi tính và điện thoại di động, đất nhà của Google, Yahoo, Facebook, và mấy ngàn hãng xưởng lớn nhỏ khác.

«Sóng sau dồn sóng trước» , không nơi đâu mà câu thành ngữ đó đúng hơn là ở vùng này. Mọi thứ đều tuân theo quy luật sóng, kể cả con người.

Tôi quen cô Hòa trong một lần ghé văn phòng Bác Sĩ. Hôm đó chúng tôi phải chờ khá lâu. Cô mệt mỏi dựa lưng vào tường, nhắm mắt lại, hai tay chắp trên bụng. Những móng tay của Cô sơn màu hồng cánh sen có ánh tím trang nhã. Khi Cô mở mắt nhìn tôi mỉm cười, tôi bắt chuyện và khen màu sơn móng tay của Cô. Cô trở nên linh hoạt hẳn lên «Màu sơn này do người đệ tử làm nail ở Hollywood gởi tặng cho cô đó. Mua ở tiệm thường không có đâu nghe ! Cô làm Nail mấy chục năm mà, đệ tử của Cô bây giờ ở khắp nơi...»

Từ đó, thỉnh thoảng chúng tôi lại nói chuyện điện thoại và tôi được nghe cô Hoà kể nhiều chuyện về buổi đầu tị nạn.

«Cô qua Mỹ với Ba Má chồng và đứa con, thằng Tâm, mới hơn một tuổi. Năm 1975, Cô mới lấy chồng được chưa đầy ba năm, ở chung với ông bà nội thằng Tâm. Bữa đó, đang ở nhà thì chồng Cô về, kêu gom góp đồ đạc vô vali rồi chở lên phi trường Tân Sơn Nhất. Ổng biểu cả nhà ngồi chờ để ổng đi đón thêm vài anh em rồi trở lại liền. Cô chờ mỏi chờ mòn, hơn hai ngày ổng không trở lại. Ngày thứ ba, phi trường bị pháo kích, người ở chung quanh nói chuyến bay bữa đó là chuyến cuối cùng. Cô thì «bên dắt Mẹ già, bên nách con thơ» , muốn ra cũng không được, ở lại thì sợ bom đạn, nên đành lên máy bay mà nước mắt chứa chan. Em tưởng tượng được không, Cô mới hai mươi hai tuổi đầu, tiếng Anh tiếng U không biết. Từ trong trại tị nạn ở California, Cô nhờ người ta kiếm ổng ở tất cả bốn trại tị nạn trên nước Mỹ. Văn phòng trại đọc loa kêu tên ổng mỗi ngày mà ổng vẫn bặt tăm. Cô khóc sưng mắt nhưng rồi nghĩ mình phải cố gắng lên vì bây giờ mình là người đứng lo cho gia đình. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng cũng không biết phải làm sao. Cô không biết đường lối gì hết, không quen biết ai nên ở trại tị nạn lâu nhất. Mà Cô cũng muốn ở lâu, trong đầu cứ nghĩ là một ngày kia chồng mình sẽ xuất hiện trong trại, với lại cứ sợ là đi định cư rồi thì ổng biết đường đâu mà kiếm.»

Thấy tôi chăm chú nghe và hỏi thăm chuyện tị nạn, Cô Hoà hào hứng kể chuyện cũ.

«Từ trại ở đảo Guam, gia đình Cô qua Camp Pendleton ở San Diego, rồi lên trại Hope Village ở Sacramento. Mùa hè năm 1975, trại này có tổ chức buổi lễ chào đón năm trăm gia đình Việt Nam đầu tiên đến định cư tại California. Buổi lễ đặc biệt này bắt đầu bằng một lễ chào cờ. Đây là lần đầu tiên Cô thấy lại lá cờ vàng của mình trên đất Mỹ. Khi lá cờ được kéo lên, nhiều ông mặc đồ dân sự mà đứng nghiêm dơ tay chào theo kiểu nhà binh. Sau đó Cô mới biết họ đều là tướng, tá của Việt Nam Cộng Hoà, có cả ông tướng Nguyễn Cao Kỳ nữa. Nhìn họ chào cờ Cô khóc như mưa vì nhớ ông chồng sĩ quan. Nhưng đâu phải mình Cô. Cả ngàn người tị nạn, nhiều người có đầy đủ gia đình bên nhau, vậy mà ai cũng khóc !»

Thình lình cô Hoà hỏi «Em biết cô tài tử Kiều Chinh không ?»

Rồi không chờ tôi trả lời, Cô kể tiếp «Sau lễ chào cờ, ngoài mấy người Mỹ, cô Kiều Chinh được mời đọc diễn văn. Nhờ cổ nói thêm bằng tiếng Việt mà Cô hiểu là trại này có một bà tài tử lớn của Hollywood tên là Tippi Hedren làm trong ban quản trị. Trời, bà ta đẹp như thiên thần, tóc vàng óng, dáng người thon thả, sang

trọng. Mọi người ai cũng thích bả, có nhiều chị cứ trầm trồ ngưỡng mộ hai bàn tay với móng dài, sơn màu san hô tuyệt đẹp của bả. Có lẽ nhờ bả mà nhiều nam, nữ tài tử từ Hollywood cũng tới thăm, giúp đỡ trại. Riêng cô Kiều Chinh, bạn thân của bà Tippi, thì sau khi đọc diễn văn còn tình nguyện ở lại trại cả tuần lễ để phụ giúp đồng bào. Hàng ngày cô Kiều Chinh cùng bà Tippi đi thăm mọi người. Hồi đó người mình chưa nói tiếng Anh giỏi, nhờ có cô Kiều Chinh mà đôi bên mới hiểu nhau. Theo cô Kiều Chinh nói, Bà Tippi để ý cách các cô, các chị làm tóc, chăm sóc con cái, và bả kết luận là đàn bà Việt rất khéo tay. Từ đó, bả nảy ra ý định dạy cho người Việt Nam làm nail vì bả tin rằng nghề này rất thích hợp mà lại kiếm khá. Vậy là bả đem bà Dusty, người làm nail cho bả, vào trại dạy những điều căn bản cho hai mươi người Việt. Sau đó, họ đi xe của trại tới trường để học những kỹ thuật mới nhất như làm móng tay giả bằng lụa. Cô có tới lớp coi họ làm. Mèn ơi, nhìn đố ai biết là móng giả ! Nhưng mà hồi đó Cô còn lo đi kiếm ông chồng nên không có tâm trí ghi tên học...»

Cô Hòa còn kể cho tôi nhiều chuyện về những đội ngũ «hạt giống» thợ nail Việt Nam xuất phát từ Hope Village đã được sự giúp đỡ của bà Tippi để đi thi lấy bằng ở Sacramento. Hai mươi người đầu tiên đã chỉ đường cho bạn bè khác và Cô đã vào nghề khoảng giữa

năm 1976. Nghề nail đã giúp Cô trang trải cho gia đình và còn đem lại cho Cô sự tự tin «Em biết không, giá làm móng tay thời 1976 là sáu chục đồng một bộ. Mà lúc đó lương tối thiểu là hai đồng rưỡi một giờ ! Em nghĩ coi, không có nhiều người Việt vô nghề, làm cách nào mà giá xuống thành vừa phải để cho những người bình thường cũng có thể làm nail ? Bởi vậy, thợ Việt đúng là giúp làm đẹp cho đời đó em à !» Cô vừa nói vừa cười.

Rồi Cô kể về thời gian Cô đi làm nail từ sáng tới tối, ông bố chồng đi phụ bếp, cậu con trai ở nhà với bà nội. Rồi chuyện nghe tin chồng Cô bị kẹt lại, đi tù trong trại tập trung ở Việt Nam «Nghe tin ổng bị tù mà vừa khóc vừa mừng. Ít gì ổng cũng còn sống, còn hy vọng có ngày gặp lại.» Gia đình Cô đoàn tụ giữa thập niên 80 khi chồng Cô ra khỏi tù và vượt biển thành công.

Bây giờ thì cậu bé Tâm một tuổi ngày mới tới đã là một kỹ sư điện toán, thêm người em sinh tại Mỹ sau này hiện làm cô giáo dạy Anh Văn ở trường trung học. Cả hai đã có gia đình riêng. Bố mẹ chồng và cả ông chồng đã qua đời. Còn một mình, cô Hòa sống trong nhà riêng khang trang nhưng không được khỏe. Cô bảo là mấy chục năm ngồi khom lưng và dùng tay quá nhiều đã làm cho Cô bị đau lưng và đau khớp thường xuyên. Các khớp ngón tay của Cô sưng lên, nhưng Cô vẫn giữ thói

quen sơn móng, chỉ khác là bây giờ Cô phải ra tiệm.

Cô Hòa làm tôi nhớ đến Chú, Dì tôi. Ở trong hãng kỹ thuật phức tạp hay ngành nail tưởng như đơn giản nhưng không kém phần vất vả, họ đều là những hạt giống đầu tiên trong hai nghề chính đã chống đỡ và nuôi lớn cộng đồng Việt Nam tại Mỹ.

Người thợ nail hai mươi hai tuổi ngày xưa giờ đã sáu mươi hai. Đôi tay cô không còn đủ sức tự chăm sóc, phải trông cậy vào thế hệ tiếp nối. Nhưng cô vẫn có vẻ mãn nguyện vì đôi tay đó đã kiếm sống cho cả ba thế hệ, đã làm đẹp cho đời, đã cống hiến hết khả năng.

Có lần sau khi đọc một bài viết về Hội Chứng Rối Loạn Sau Ác Biến (Post- traumatic Stress Disorder) của những quân nhân sau khi tham chiến, tôi tự nhủ là mình nên cám ơn trời. Những cực khổ tôi trải qua ở Việt Nam chắc vẫn còn rất nhẹ so với nhiều người khác, không phải là traumatic experience. Ký ức ấy, sau chuyến vượt biển may mắn, có lẽ đã được xoa dịu bằng sự đùm bọc của bao người thân thiết. Nhờ vậy, tôi cảm thấy là tinh thần tôi khỏe mạnh, không có triệu chứng khác thường nào cả.

Mãi tới gần đây, tôi mới nhận thấy là có lẽ sự kiện trốn khỏi Việt Nam rồi sang định cư ở Hoa Kỳ đã làm ý niệm về thời gian của tôi hơi bị lệch lạc. Ba mươi năm sống ở Mỹ mà tôi cứ cảm thấy là rất ngắn. Nhiều kỷ niệm và hình ảnh cứ đứng nguyên như lúc tôi mới bắt đầu thu góp những ý niệm về cuộc đời, về người lớn ở chung quanh. Những nhà thơ, nhà văn. Những nhạc sĩ, ca sĩ. Những thầy, cô giáo. Những danh tướng một thời. Và những người thân. Trong đầu tôi, thời gian qua chưa bao lâu, những người ấy vẫn mạnh khỏe, vẫn là một phần của cuộc sống hàng ngày, là hình ảnh của xã hội chung quanh, như trong những thập niên bảy mươi, tám mươi.

Cho tới vài năm gần đây, tôi phải đối diện với sự ra đi và đau yếu của họ. Mỗi khi nghe tin, tôi cảm thấy bâng khuâng, trống trải. Như thể tấm khăn ấm áp, thân thiết bao năm che chở quanh vai tôi đang bị rút bớt, từng sợi, không ngừng. Rồi tôi nhận ra rằng ba mươi năm không ngắn như một giấc mơ. Đã tới lúc tôi nhìn lại và thấy đó là quãng thời gian dài, dài lắm.

Tôi đến Mỹ năm 1984. Khi mới đến chưa biết đường lối, lỡ dịp ghi tên khóa mùa Xuân ở trường đại học, nên phải học tiếng Anh gần chín tháng tại trường dạy người lớn (Adult Education Center) . Thời đó, số người vượt

biển đã giảm bớt so với những năm đỉnh 80, 81 nhưng vẫn còn rất nhiều. Hầu như tuần nào cũng có chuyến bay chở người từ các trại tị nạn Bataan và Galang đến định cư ở Mỹ. Cho nên, vào trường tôi gặp lại rất nhiều người quen ở đảo. Mới tới Mỹ gần một tháng mà ai cũng trắng trẻo và tươm tất hơn nhiều so với thời ở trại. Gặp nhau tít tít hỏi han, trao đổi tin tức về chỗ nào thuê nhà tốt, chỗ nào đang mướn người, cách xin trợ cấp xã hội, ngày giờ ghi danh ở trường đại học... Giờ ăn trưa giở hộp cơm, miếng bánh mì ra mời nhau, ăn xong ra vòi uống nước, chỉ có vài cậu thanh niên trẻ xài sang mới bỏ mười lăm xu vô mua lon nước ngọt trong máy của trường. Mừng rỡ, chia sẻ vậy nhưng người tị nạn mới sang thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi cảnh đời. Người phải đi làm nuôi gia đình, người thích kiếm tiền sớm, người chuyển đi vùng khác, người tiếp tục học lên... Vì thế, chẳng bao lâu là mỗi người mỗi ngả.

Mùa Thu năm đó, hai chị em tôi vào học ở trường College ở thành phố Fremont gần nhà. Ngôi trường nằm trên đồi, biệt lập, và thơ mộng dịu dàng. Lớp học nằm trong những tòa nhà trắng viền gỗ nâu đậm nhìn xuống những bãi cỏ thoai thoải và nhiều hàng cây cao vút. Thời đó người Việt tụ tập nhiều ở phía Đông thành phố, gần downtown San Jose. Vì thế, hai trường Evergreen College và San Jose City College ở vùng

đó thu hút đông học sinh Việt nhất. Ngoài hai nơi này, những trường khác ở hạt Santa Clara cũng được nhiều người Việt chọn học. Hạt Santa Clara giàu có nhờ thu được nhiều thuế từ các hãng điện tử, do đó họ có thêm chương trình giúp đỡ sinh viên nghèo, và quỹ cho sinh viên vừa làm vừa học (Work Study) cũng rộng rãi. Ngôi trường tôi học thuộc quận Alameda, không được trù phú bằng Santa Clara nên chỉ có các phúc lợi của liên bang và tiểu bang. Đó là sau khi đã vào trường nghe các bạn học nói vậy chứ thật ra tôi không để ý. Đối với tôi ngày đó, được đi học đã là một hạnh phúc to lớn, được hưởng tiền trong khi xây đắp cho chính tương lai của mình thì là một điều kỳ diệu. Thời đó học sinh tị nạn gồm đủ mọi lứa tuổi và đặc biệt là có rất nhiều anh chị em cùng sang một lúc và cùng đi học với nhau. Năm đó, ngoài «cặp bài trùng» là chị em tôi còn có mấy nhóm ba, bốn anh chị em cùng học một lớp.

Lúc mới sang, tôi nghe nói thời đó sinh viên gốc Việt trong trường đại học chia làm hai nhóm : nhóm di tản năm 1975, đã học trung học ở Mỹ và nhóm mới sang. Nghe thì có vẻ «chia rẽ» nhưng khi vào trường tôi thấy đó chỉ là điều tự nhiên. Những sinh viên lên từ các trường trung học thường rất giỏi tiếng Anh, thường ăn mặc rất thời thượng, theo phong cách của thần tượng âm nhạc thời 80 là Madonna và Michael Jackson. Những chiếc

mũ đội lệch, những lớp áo thun và váy ren xòe kết hợp khéo léo, quần jean mặc xệ, chuỗi hạt đeo cổ, thánh giá lủng lẳng trên tai, giày cao cổ sành điệu, găng tay đen hở ngón... Cách ăn mặc rất- Mỹ của họ là một điều khác biệt rất dễ thấy và thú vị đối với tôi. Trong lớp họ thoải mái đặt câu hỏi và có khi còn đùa giỡn với thầy. Giờ nghỉ họ đi với nhau, nói tiếng Anh ríu rít rồi cười vang. Họ vui nhộn, rộn ràng. Rất khác với đám sinh viên tị nạn như chị em tôi.

Đám sinh viên thứ hai này ăn mặc đơn giản, thường ngồi im trong lớp. Ngoài giờ học, họ nói chuyện với nhau khẽ khàng, bằng tiếng Việt. Sự khiêm tốn gần như rụt rè đó lẽ ra sẽ làm họ chìm lỉm, nhưng sự thật thì không phải vậy. Người học sinh nổi tiếng, suốt hai năm đứng nhất trên «bảng vàng» với số điểm trung bình cao nhất trường là một trong ba anh em mới sang, đi học chung với nhau. Trong lớp, các sinh viên tị nạn hay đạt điểm tuyệt đối trong các bài thi. Tại Math Lab (Phòng Kèm Toán) , những sinh viên tị nạn gốc Việt trong chương trình Work Study thường nổi tiếng là giảng bài dễ hiểu và «giải Toán như làm ảo thuật» . Trong số đó, một vài người đã có trình độ cao từ Việt Nam, nhưng hầu hết thành tích của họ đến từ sự chăm chỉ và lòng quyết tâm.

Thời đó, ngoài giờ học, có một nơi tôi đến thường xuyên là tiệm Vinatrade, chuyên gởi đồ về Việt Nam. Lúc ấy việc chuyển tiền từ Mỹ về Việt Nam bị cấm tuyệt đối và những thùng quà này là để người thân đem ra chợ trời bán lấy tiền sinh sống. Mỗi cuối tuần tiệm này đông lắm. Những khách hàng ăn mặc sơ sài, nhiều người da còn chưa nhả hết sắc đen của nắng đảo tị nạn, hăng hái mua vải, dép nhựa, dầu gió xanh, viết Bic... rồi đóng thùng. Mọi người vừa mua sắm vừa chỉ vẽ cho nhau những mặt hàng đang có giá ở Việt Nam. Ở nơi đây tôi đã gặp nhiều bạn học, nhưng tất cả đều là người mới sang Mỹ. Và tôi đã khám phá ra sự khác nhau căn bản nhưng rất khó thấy giữa những sinh viên di tản và sinh viên vượt biên. Không phải là bề ngoài hay cách ăn nói, mà là sự vô tư của những người đến đã lâu bên cạnh sự đau đáu của người mới tới.

Người sang năm 1975 thường có gia đình đầy đủ, họ chỉ cần lo cho tương lai, việc giúp đỡ người thân còn ở lại là chuyện của cha mẹ, của người lớn trong nhà. Ngược lại, đa số sinh viên vượt biên là những thanh niên đến Mỹ một mình. Trách nhiệm, nỗi nhớ thương và lòng biết ơn gia đình đã làm cho họ chỉ chuyên chú vào hai việc : học giỏi để tiến thân và giúp gia đình còn ở lại. Họ im lặng học, cắm cúi học. Sau giờ học thì cần cù làm, chắt chiu gom góp gởi về Việt Nam.

Dù sao thì tuổi trẻ cũng hội nhập nhanh chóng và rất dễ gần nhau. Sau khi tôi từ giã ngôi trường College êm đềm, lên học ở Berkeley rồi ra đi làm, tôi không còn cảm thấy sự khác biệt giữa những người đến Mỹ vào những thời điểm khác nhau nữa. Lý do chính là khi đi làm, tiền bạc không còn là mối ưu tư, và, hơn nữa, gia đình cũng dần dần đoàn tụ.

Đã bốn mươi năm.

Thế hệ thứ ba của chúng tôi bây giờ đang vun xới cho thế hệ thứ tư. Cách đây không lâu, tôi dắt các con đi thăm đại học Berkeley.

Tới lúc đó tôi mới được nghe hướng dẫn viên kể về lịch sử của nhiều tòa nhà, và mới thấy rõ rằng ngày xưa tôi chỉ quanh quẩn ở một góc nhỏ trong trường. Ngày đó, Berkeley của tôi, cô sinh viên mới từ đảo tị nạn qua được hai năm, chỉ là những tòa nhà dạy các lớp kỹ thuật, thư viện, computer lab, và phòng thí nghiệm. Nhưng tôi vẫn không cảm thấy mất mát gì. Những tòa nhà cũ vẫn còn đây cho tôi thăm, dù đã hơn hai mươi năm. Và còn mọc lên những tòa nhà mới tinh, hừng hực kỹ thuật tân kỳ... Tất cả đều chào đón tôi trở lại và mở rộng cho bước chân những thế hệ sau khám phá và học hỏi.

Tuổi trẻ bao giờ cũng đẹp. Ước mơ tương lai lúc nào cũng cao. Bởi vì chúng vươn lên từ trên vai của thế hệ cha ông.

Bốn mươi năm qua, hai thế hệ đầu tiên của người Việt tị nạn đã hoàn thành nhiệm vụ đặt những viên gạch làm nền cho gia đình và cộng đồng. Và tôi lại phải tự nhắc - bốn mươi năm là thời gian dài lắm. Như những cây lúa đã dâng hết gạo cho đời, thế hệ trước tôi đã tới lúc đi vào giai đoạn cuối của hành trình.

Chúng tôi đã trở thành «tuyến đầu» . Ở trong vị trí này, tôi mới thấm thía hành trình của những người đầu tiên chèo chống con thuyền Việt Nam tị nạn. Họ đã bên dắt cha mẹ, bên nách con thơ đến quê hương mới. Họ đã khai đường mở lối cho hôm nay, cho ngày mai. Họ đã cống hiến tất cả tuổi trẻ và sức lực bằng đầu óc, chân tay.

Sự ra đi của họ, đối với tôi, là kết thúc của cả một thời đại. Thời đại của mấy mươi năm chiến tranh đằng đẵng, của hai lần lìa bỏ quê hương, hai lần làm lại từ đầu. Thời đại của những người đóng và gởi những thùng đồ cứu đói đầu tiên về Việt Nam, những người đã đắp đập be bờ giữ gìn nguồn cội Việt Nam cho tương lai gốc Việt ở khắp nơi trên thế giới.

«Bầy trẻ thơ» chúng tôi đã lớn trong sự cưu mang và hy sinh của họ. Tôi, và con cháu tôi, mang ơn họ.

Đời sống ở quê hương mới êm đềm và đầy đủ. Nhưng trong tôi vẫn thường xuyên dậy lên nỗi «ruột đau chín chiều» (4) khi nghĩ về quê cũ. Nhất là khi người thân yêu đã già. Nhìn họ và nghĩ đến lúc phải chia tay, tôi bâng khuâng như mất đi thêm một phần của quê hương

«Nhìn nhau chợt thấy ra sông núi
có chút gì nghe rất thốn đau» (5)

Khôi An

(1) Nhạc : Hai Mươi Năm của nhạc sĩ Phan Văn Hưng

(2) Thơ : Cách Xa của thi sĩ Huy Cận

(3) Thơ : Nắng Mới của thi sĩ Lưu Trọng Lư

(4) Ca dao : «Chiều chiều ra đứng ngõ sau. Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều»

(5) Thơ : Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi của thi sĩ Du Tử Lê

Bằng Nửa Con Cò

Khôi An

Kỳ trước, bài Khôi An Viết Về Nước Mỹ là trích từ báo xuân Việt Báo Ất Mùi 2015 đang phát hành. Vẫn Khôi An, sau đây là bài mới, viết cho những ngày mua sắm sửa soạn đón tết đã chính thức bắt đầu.

Tuần trước, chỉ trong vòng vài ngày, Linh đã làm cho hai người giận.

Là người nhỏ nhẹ, không thích hơn thua, chuyện này làm Linh rầu không ít. Chiều nay, vô tình đọc mục Horoscope trên báo, thấy trong phần tuổi của nàng có những câu : «Bạn nên giữ cho đời đơn giản và tránh đương đầu với người chung quanh.» Bình thường Linh không tin bói toán, nhưng hôm nay, trong lòng đang băn khoăn nên những câu này làm cho nàng chú ý.

Thật lòng Linh không muốn «đương đầu» hay «sửa lưng» ai. Nàng chỉ thấy phải nói những điều, mà đối với nàng, là vô cùng quan trọng. Biết vậy nhưng sao vẫn thấy lạc lõng, buồn buồn. Không lẽ lại nương theo Horoscope mà nghĩ rằng... vì «số mạng» nên tuần này không vui ?

Năm nay Tết Ất Mùi đến khá trễ, mãi ngày 19 tháng 2 vì có tháng Chín nhuận. Nhờ vậy, khoảng cách giữa Tết tây và Tết ta khá xa, cho Linh có thêm chút thì giờ dọn dẹp. Cuối tuần rồi, lúc lau kệ sách, thấy quyển Báo Xuân Việt Báo năm Nhâm Thìn 2012, nàng đem ra đọc lại. Dù đọc lần thứ hai, bài viết «Thông Điệp Cửu Long» vẫn làm cho tim nàng thắt lại.

Có thể nào không lo lắng khi đọc những sự thật được tác giả Nguyễn Xuân Nghĩa nhắc lại về dòng Cửu Long, mạch sống của đồng bằng miền Nam :

«Bắt nguồn từ Tây Tạng, trên cao độ hơn 5. 000 thước của rặng Hy Mã Lạp Sơn, sông Mekong chảy qua gần 5. 000 cây số, tỏa nhánh trên mấy trăm ngàn cây số vuông của năm nước là Trung Hoa, Miến Điện, Lào, Thái Lan và Cam Bốt, trước khi trở thành dòng Cửu Long hùng vĩ mà hiền hòa của Việt Nam.

... Trên thượng nguồn, con sông bị Trung Quốc lạm thác để giải quyết nhu cầu của họ, nhân tiện khống chế các nước họ coi là hạ lưu ở bên dưới !

Mọi chuyện khởi đầu từ năm 1949 : Trung Quốc khống chế Tân Cương, chiếm đoạt Tây Tạng rồi sau này xây đập trên thượng nguồn Mekong để có thể trấn nước 60 triệu dân dưới hạ nguồn. Hoặc cho hạn hán vào

mùa mưa. Một phần ba dân số 60 triệu đó là người Việt, những người sống trên vùng đồng bằng Cửu Long !

Nghĩa là khi chúng ta mơ ước trùng phùng để xây đời tự do ở bên dưới, thì từ đầu nguồn, chín con rồng của chúng ta đã bị bó gân, khoét ruột... «(1)

Càng nghĩ càng đau lòng. Người dân Việt Nam cực khổ đủ điều mà còn phải sống cạnh Trung Hoa với một chính quyền vô cùng tham tàn, độc ác. Khi đấu đá các «đồng chí» xuống tay hạ nhau không ngần ngại; khi đàn áp họ giết dân của họ không chút xót thương; cho nên, đối với người nước ngoài họ tàn nhẫn hơn lang sói. Bao nhiêu năm nay, vận mệnh Việt Nam vẫn mong manh, chỉ trông cậy vào sự đoàn kết với các nước Đông Dương và sự quan tâm của quốc tế.

... Dù sao, nắng cuối Đông ở ngoài kia vẫn đẹp và đời sống ở Mỹ vẫn đều đặn trong sự bình yên, dù mong manh. Để khuây khỏa, Linh lên máy đọc thư.

Có một lá thư của nhóm bạn từ thời Trung học. Mấy chục năm đã qua, giờ chỉ còn có khoảng mười người còn giữ liên lạc. Hồi mới tìm lại được nhau thì thân thiết lắm, nhưng bây giờ khoảng cách giữa ba châu lục cùng với vô số lo âu, bận rộn hàng ngày đã làm sự liên lạc thưa thớt đi nhiều. Tuy vậy, mỗi khi mở hộp thư,

Linh đều tìm thư của nhóm trước tiên, và thấy vui mỗi khi có một lá thư từ những cái tên quen thuộc. Tình thân từ những người bạn thời niên thiếu từng chia sẻ bao buồn vui, đâu phải ai cũng có.

Lá thư lần này đã được bắt đầu từ hôm tòa báo Charlie Helbo ở Paris bị khủng bố. Dù người bạn trong nhóm ở Lyon, cách Paris gần năm tiếng lái xe, mọi người vẫn gởi thư hỏi thăm. Thư qua thư lại, biết bạn vẫn bình an, ai cũng thở ra nhẹ nhõm. Lá thư hôm nay viết tiếp : «Mọi người mạnh khỏe là mừng rồi. Giờ lo chuẩn bị để đón Chinese New Year.»

Linh sực nhớ lại hai mươi năm trước, hãng của nàng cũng gọi ngày Tết âm lịch là «Chinese New Year» - Tết của Tàu. Thời đó, hội nhân viên gốc Hoa cũng rủ người Việt tổ chức tiệc mừng chung. Nhưng họ dùng toàn hình ảnh, câu đối Tàu để trang hoàng bàn đón khách. Bánh kẹo bọc trong giấy đỏ chét có chữ Tàu, trò chơi văn hóa là học cách viết chữ Hán bằng bút lông. Người Việt đứng xớ rớ trong một góc, đồng nghiệp ngoại quốc nhìn vào cứ tưởng như văn hóa Việt là một phần của văn hóa Tàu. Sau đó, Linh cùng các bạn người Việt giải thích cho Employee Communication Department (Nhóm Thông Tin Liên Lạc) rằng ngày đầu năm âm lịch là ngày Tết của nhiều nước, trong đó có Trung Hoa,

Việt Nam, Đại Hàn chứ không phải chỉ là Tết của Tàu. Mỗi khi có văn kiện nào dùng chữ «Chinese New Year» là nhóm Linh yêu cầu sửa lại thành «Lunar New Year» - Tết m Lịch. Người Mỹ, nhất là các cơ quan lớn, rất quan tâm trong cách dùng chữ để tránh gây thiên vị, hiểu lầm cho nên họ rất nhạy bén trong những chuyện như vậy. Người đại diện cho Employee Communication Department nhanh chóng xác nhận thiếu sót và hứa sửa đổi. Sau đó, không những chỉ riêng hãng của Linh mà hầu hết các hãng trong vùng đều gọi ngày đầu năm âm lịch là «Lunar New Year» . Cũng từ đó, mỗi năm nhân viên gốc Việt trong hãng Linh tổ chức đón Tết riêng với bánh chưng, bánh tét, mứt dừa... để chia sẻ màu sắc Việt tới các dân tộc bạn.

Linh bấm nút, viết thư trả lời «Vậy là mọi người đều khỏe, sẵn sàng đón Tết há. Mà Linh chỉ đón Tết chứ không đón Chinese New Year nha :-)»

Thường thì trong nhóm bạn thân sẽ có người trả lời ngay rồi tiếp tục thư qua thư lại, rộn ràng, vui vẻ. Nhưng lần này thì êm như tờ, không ai nói thêm tiếng nào. Linh chột dạ, coi lại thư và nghĩ mình đã... phạm lỗi nói thẳng. Mà lần này lại đụng chạm anh bạn vui nhộn được cả nhóm ưu ái.

Đúng là «chẳng cái dại nào giống cái dại nào» . Nghĩ tới rồi lại nghĩ lui... Tàu đang đe dọa siết cổ dân mình mỗi ngày mà bạn mình viết là đón Tết của Tàu, không lẽ mình im ? Bạn bè từng đùa giỡn mấy chục năm, đã cười với nhau những lúc vui, đã khóc cùng nhau khi mất mát, bây giờ có chuyện nhỏ-mà-lớn này lẽ nào không thể chia sẻ ?

Nhưng vẫn không ai trả lời, dù chỉ là một lời nói vui hay chuyển sang đề tài khác. Im lặng. Lá thư của Linh biến vào khoảng không như một tiếng chim kêu lạc loài trong buổi chiều sắp bão.

Nhưng rồi Linh lại nhủ thầm nếu lá thư này có gây chút căng thẳng thì cả đám sẽ nhớ lâu hơn và sẽ không ai gọi Tết là Chinese New Year nữa. Và cũng có thể không ai trả lời thư vì những lý do riêng. Suy nghĩ nhiều quá chỉ mệt óc, mệt tim.

Có những chuyện khi làm đem lại ít lợi lộc nhưng nhiều phiền muộn, nhức nhối. Biết vậy mà vẫn làm thì người ta gọi là cái «nghiệp» , chẳng hạn như nghiệp làm thơ mà thi sĩ Nguyễn Bính đã diễn tả rằng «Còn tôi sống sót là may, Mẹ hiền mất sớm, trời đày làm thơ» . Bạn thân và gia đình cũng có người nửa đùa, nửa thật bảo là Linh có cái «nghiệp» nên hay lên tiếng phản đối những nét văn hóa kiểu Tàu. Nàng thường cười và trả

lời rằng Linh chỉ chia sẻ suy nghĩ để mong có người đồng ý, dùng chi chữ «nghiệp» nghe nặng nề như cối đá. Đôi khi nàng giải thích thêm là Linh làm theo lớp trẻ, áp dụng những ý nghĩ độc lập, hay ho học được từ nước Mỹ văn minh.

Nói chính xác thì «lớp trẻ» đó chính là bé Vi, con gái của nàng.

Từ lúc bé Vi mới biết nói, đêm nào Linh cũng kể chuyện cho con. Bé Vi thích nhất là những chuyện cổ tích Việt Nam như chuyện Phù Đổng Thiên Vương, Hai Bà Trưng, Trọng Thủy Mỵ Châu, Trần Quốc Toản, Quang Trung... Con bé thông minh, nhớ vanh vách các câu chuyện, rồi còn hỏi thêm, có khi làm nàng... toát mồ hôi. Chẳng hạn lần nàng kể rằng vua Quang Trung có ý chí độc lập, sau khi lên ngôi ngài ra lệnh dùng chữ Nôm thay chữ Hán trong tất cả mọi văn kiện thì con bé hỏi «Chữ Nôm là gì ? Có giống tiếng Việt bây giờ không ?» Linh phải lên mạng xem lại rồi hôm sau mới có thể giải thích rằng chữ Nôm là bộ chữ do người Việt đặt ra để ghi lại những từ Hán Việt và những từ thuần Việt. Chữ Nôm đọc lên giống hệt như tiếng Việt chúng ta nói bây giờ nhưng cách viết thì giống chữ Hán của Tàu. Tuy cách viết Nôm và Hán khá giống nhau nhưng chữ Hán đọc lên thì mình sẽ không hiểu, dù đọc theo

âm Việt, còn chữ Nôm đọc lên mình sẽ hiểu ngay. Con bé đòi thí dụ, Linh moi óc ra câu đối nửa Hán nửa Nôm của cụ Nguyễn Khuyến : «Nhất cận thị, nhị cận giang, thử địa tích tằng xưng tị ốc; Giàu ở làng, sang ở nước, nhờ trời nay đã vểnh râu tôm.» Bé Vi thấm ý, lấy làm khoái chí lắm.

Một buổi chiều, hai mẹ con ngồi xem chương trình ca nhạc Tết của một trung tâm danh tiếng. Sân khấu trình bày lộng lẫy với mai vàng, pháo đỏ, và một chữ Hán thật to treo chính giữa. Bé Vi hỏi «Họ treo hình gì vậy mẹ ?» «Đó là một chữ Tàu, mẹ đoán là chữ Phúc, nghĩa là hạnh phúc - happiness đó con» «Người Tàu hay đánh nước Việt Nam, tại sao mình lại treo chữ Tàu hả mẹ ?» Linh quay người nhìn con, vừa vui vừa thoáng bối rối trước sự sắc bén của con bé mười tuổi. «À... vì một số người Việt mình vẫn bị ảnh hưởng của Tàu.» «Tại sao vậy mẹ ?» «Ờ... tại vì người Tàu đã chiếm nước Việt nhiều lần, tổng cộng cả ngàn năm, cho nên người Việt bị nhiễm một số phong tục Tàu.» «Nhưng mà bây giờ Tàu đâu có chiếm Việt Nam nữa ?» Ái cha ! Con bé này lý luận quá lẹ làng và chính xác ! Linh suy nghĩ một giây rồi trả lời «Con nói đúng, Tàu không còn đô hộ Việt Nam nhưng có những thói quen mà người ta chưa bỏ được.» Con bé nhăn mặt, nói nhanh «But that's a bad habit !» rồi lập lại, chậm và rõ ràng, bằng tiếng Việt

«Đó là một thói quen sai, ơ... thói quen xấu, mẹ à !» Linh nhìn đôi lông mày cau lại trên nét mặt «bà cụ non» dễ thương tới nao lòng, nàng nắm hai tay con bé và nói «Con nói đúng. Đó là một trong nhiều thói quen không tốt do bị ảnh hưởng của Tàu. Gia đình mình sẽ không bao giờ lập lại những thói quen đó, con chịu không ?» Con bé mỉm cười gật đầu.

Linh đã giữ lời hứa với con. Nàng cũng suy nghĩ nhiều về sự việc đó. Đầu óc con bé như một trang giấy trắng đã được dạy những ý tưởng đúng đắn, mạnh mẽ, từ nền giáo dục Hoa Kỳ văn minh và tiến bộ. Không bị nhồi sọ để đi theo những lối mòn, con bé đã đặt câu hỏi và phản đối điều mà người lớn - như Linh - chấp nhận từ bao đời.

Từ đó Linh thường tìm cách chia sẻ nhẹ nhàng để mong người khác bỏ bớt ảnh hưởng của Tàu. Và Linh thấy rằng việc đó rất khó. Bởi vì nhiều người nghĩ Linh «lên mặt dạy đời» . Bởi vì rất nhiều người không muốn nhìn nhận sự lỗi thời của những việc họ làm, nhất là khi người khác chỉ ra điều đó. Người ta dùng những lý do «văn hóa» , «truyền thống» , «tục lệ» để bào chữa cho những điều đặc Tàu làm Linh vừa rầu vừa tức cười. Nàng cố lựa lời thật kỹ lưỡng, nhưng thuyết phục người khác quả là điều không dễ.

Có người bạn đọc hai câu thơ của nhà thơ Nguyên Sa «Bạn tôi bằng nửa con cò, Vác trên lưng cái đền thờ con voi» để nói Linh ham làm chuyện... quá sức. Dù biết là bạn có ý ghẹo, nhưng Linh không phiền lòng, một phần vì nàng rất yêu hình ảnh con cò. Trên những cánh đồng Việt Nam cò bay thẳng cánh, cò là nét chấm phá êm đềm, thơ mộng «Mây trắng về đâu bay gấp gấp, Con cò trên ruộng cánh phân vân» (2) . Cò còn tượng trưng cho người đàn bà Việt đảm đang, chịu đựng, và nhiều đau khổ «Cái cò lặn lội bờ sông, Gánh gạo đưa chồng nước mắt nỉ non.» Hình ảnh con cò gầy guộc có nét gì tần tảo, rất đàn- bà- Việt- Nam, làm Linh nao lòng mỗi khi nghĩ tới. Vì thế, Linh chỉ cười, nói : biết là cò gầy vác nặng mà sao không vác dùm cho «con cò» với !

Mùa Tết đang trở về. Cũng may gần đây trong các chùa chiền người ta ít dùng câu đối bằng chữ Hán mà thay thế bằng các câu tiếng Việt theo lối thư pháp. Mỗi khi đọc những câu đối tiếng Việt, Linh thấy nhẹ lòng và lại nhớ một kỷ niệm vui thời còn đi học. Năm đó, Linh và một nhóm bạn kéo nhau đi chợ Tết. Khi đi ngang hàng bán câu đối chữ Hán, một anh bạn diễu «Không biết tiếng Tàu mà bày đặt mua mấy câu này về treo coi chừng tổ trác nha bây ! Lỡ họ viết sai hay là đứa nào chơi viết một câu chửi là... xui cả năm đó. Như câu này họ biểu là Nhứt phàm phong thuận đã hổng hiểu nghĩa

là cái... con khỉ gì, mà họ có viết thành Nhức phù phong ngứa cũng đâu có biết !» Cả đám cười rần.

Bây giờ, các cửa tiệm đang bắt đầu bày bán các món ăn truyền thống Tết. Rất nhiều món được giao từ những nhà sản xuất nhỏ, chẳng hạn như bà cô của Linh. Cô nấu ăn món nào cũng ngon, nhưng cô chỉ nhận làm hai món mà cô nổi tiếng nhất là kẹo lạc và bánh chưng. Kẹo lạc có đậu phộng được nướng vừa chín, giòn và thơm phức, quyện với mè rang vàng ươm trong nước đường thắng khéo có vắt vài giọt chanh nên ngọt thanh và trong suốt. Bánh chưng cô gói không cần khuôn mà vuông chằn chặn. Bánh gói chặt tay, luộc đủ mười tiếng rồi nén thật ráo nước cho nên cái nào cũng chắc nịch mà cô gọi là bánh «rền» . Mở lớp lá ra, bánh mịn láng và xanh mướt như một tảng cẩm thạch. Khi cắt nhỏ, miếng nào cũng đều đặn hai lớp nếp ôm lấy lớp nhân đậu vàng óng, ở giữa là miếng thịt heo nâu hồng, điểm một lằn mỡ trắng. Cắn vào miếng bánh, nếp dẻo quánh, đậu xanh thật nhuyễn thấm mỡ heo bùi thơm, quấn quýt với thịt được nêm vừa vặn, mềm tan và thoảng mùi tiêu. Tuyệt vời !

Nhưng có một điều làm Linh băn khoăn là ngoài cái nhãn nhỏ có số điện thoại liên lạc, cô hay dán thêm một tấm hình hoa hoét với chữ Tàu lên nắp hộp kẹo hay trên

mặt bánh chưng. Có lần Linh đem kẹo biếu người thân thì bị nhắc là đừng mua hàng Tàu nổi tiếng độc hại làm nàng phải vội vã đính chính. Lần đó Linh kể lại thì cô nói là để vậy trông đẹp mắt và nhiều tiệm Việt khác cũng làm vậy ! Lúc đó đã cận Tết, hàng bán cho khách quen gần hết rồi nên Linh cũng không nói gì thêm.

Năm nay, ghé thăm cô lúc cô đang chuẩn bị làm hàng bán Tết, Linh nhắc «Năm nay cô đừng dán giấy có hình chữ Tàu nữa nha cô !» Cô chép miệng «Vẽ chuyện ! Từ trước đến giờ nhiều nơi làm vậy mà có sao đâu ! Thiếu gì chuyện mình khác học của Tàu... «Cậu con trai cô đứng gần đó xen vào «Biết đâu không phải mình học của Tàu mà là bọn Tàu ép người mình làm theo trong những lúc nó chiếm nước mình ? Nó đày người mình lên rừng, xuống biển vơ vét tài sản cho nó rồi muốn đồng hóa mình để làm «nô lệ vĩnh viễn» cho nó. Chắc lúc đó ai không làm theo văn hóa Tàu thì bị hành hạ, đánh đập tới chết chứ chẳng chơi. Nhưng bây giờ là thời đại khác rồi, mẹ «tiên phong» làm cái đúng mới «ngon lành» chứ. Một người thay đổi là được một người, từ từ sẽ đông. Người Việt có tiếng Việt, có thiếu gì cái hay cái đẹp, phải dùng cái của mình và tẩy chay cái bọn lúc nào cũng lăm le cướp nước mình chứ !» Thấy hai người trẻ «hùng hồn» quá, cô dỗi «Gớm, hai đứa đúng là... nhiều lời» .

Linh ngắm nghía những phong bao mừng tuổi màu vàng tươi, màu xanh lá mạ với hình ảnh trống đồng, bánh chưng, bánh tét, dưa hấu mà lòng thấy vui rộn ràng. Nàng mới đặt mua những phong bao này và họ gởi tới tận nhà. Có đi tìm mới biết là có nhiều nơi từ Mỹ, Úc, tới Việt Nam đã sản xuất những phong bao với hình ảnh thuần Việt vừa đẹp vừa đầy tình tự dân tộc.

Linh đem phong bao và những tấm hình có cành mai vàng rực rỡ với giòng chữ Chúc Mừng Năm Mới tươi rói đến biếu cô. Linh ôm vai cô và nói con biếu cô hình ảnh Tết Việt Nam để cô dùng. Cô mỉm cười hiền hòa và khen hình ảnh thật có duyên làm cô nhớ Tết quê nhà quá.

Mùa Xuân đang về, hoa lá xinh tươi đang rạo rực vươn lên. Nhìn lên bầu trời xanh trong, Linh nghĩ đến sự đổi mới của đất trời và của lòng người. Những thay đổi nho nhỏ như sự ra đời của những phong bao thuần Việt làm cho Linh nhận thấy nàng không cô đơn. Như những cánh én đem Xuân trở lại, bao người già, trẻ ở khắp nơi đang làm nhiều cách để đem lại cái Tết đầy hương vị Việt Nam.

Và Linh thích nghĩ rằng bên cạnh những cánh én còn có những cánh cò. Những cánh cò gầy guộc nhưng rất thân thương, và rất Việt.

Khôi An

(1) Thông Điệp Cửu Long của tác giả Nguyễn Xuân Nghĩa trong Việt Báo Xuân Nhâm Thìn 2012.

(2) Thơ Duyên, thi phẩm tiền chiến của Xuân Diệu.

Bà Nội

Mimosa Phương Vinh

Hai mươi năm, gặp lại tình cờ trong những ngày cận tết. Chuyện về một «grandma» người Việt miền nam nói năng rổn rảng và cháu nội mắt xanh tóc vàng. Tác giả định cư tại Hoa Kỳ theo diện H. O. đầu thập niên 90, cư dân Berryhill, Tennessee, làm việc trong Artist room của một công ty Mỹ.

Chuyện xảy ra hơn hai mươi năm trước. Trong cửa hàng Walgreens tôi nghe mẩu đối thoại giữa ba bà cháu, bà nói tiếng Việt còn hai đứa cháu nói tiếng Mỹ. Tuy nhiên sự trò chuyện lại trơn tru như giữa ba người cùng chung ngôn ngữ. Điều đó thật lạ lùng đối với tôi trong những năm tháng mới đến nước Mỹ, nhưng sau một thời gian dài sống ở đây điều đó trở thành bình thường - đôi khi trong gia đình tôi cùng vậy mà thôi !

Người đàn bà nói rặt giọng miền Nam, tiếng bà to và rổn rảng như không cần để ý những người Mỹ xung quanh thỉnh thoảng quay lại nhìn ba bà cháu và mỉm cười. Câu chuyện xoay quanh việc hai đứa cháu đòi mua đồ chơi mà bà thì luôn luôn từ chối.

Đứa bé trai khoảng bảy tám tuổi tóc nâu vàng, người mảnh khảnh và đứa bé gái nhỏ hơn tóc vàng hoe, mắt xanh trông rất xinh xắn. Qua sự đối đáp giữa bà cháu tôi biết đứa con trai tên Jimmy, đứa con gái là Annie và bà là Grandma (không biết bà nội hay bà ngoại) .

Tôi mỉm cười làm quen :

- Hai đứa cháu của chị dễ thương quá !

Bà trề môi nhún vai :

- Dễ thương nhưng thương không dễ đâu cô, nhất là thằng Jimmy này, lì như quỷ. Con Annie thì đỡ hơn một chút.

Hai đứa nhỏ ngẩng đầu nhìn tôi, chúng hiểu bà nói gì nên mặt Jimmy xụ xuống ra vẻ không bằng lòng.

Tôi hỏi :

- Cháu nội hay ngoại hả chị ?

- Cháu nội, mệt lắm cô ơi ! Già rồi mà cũng chẳng được yên, con một mà cháu đàn (!) .

Tôi thấy hơi tức cười vì bà thật sự chưa già mấy, và có hai đứa cháu mà gọi là đàn thì cũng quá đáng.

Jimmy thấy bà đang nói chuyện với tôi liền lợi dụng cơ hội năn nỉ :

- Grandma ! Mua cho con chiếc xe đi !

Bà nạt nộ :

- Nói mẹ mày mua cho, bà không có tiền đâu !

- Grandma, Please ! Ba con sẽ trả lại cho bà mà.

Thấy thằng bé long lanh nước mắt tội nghiệp quá, tôi vội nói :

- Để tôi mua cho cháu, không sao đâu chị !

Bà xua tay nói :

- Cô đừng làm vậy, tôi mua cho nó. Để tôi kể chuyện cho cô nghe. Khổ lắm cô à.

Bà bằng lòng cho Jimmy lấy chiếc xe rồi bắt đầu kể lể :

- Tôi qua đây từ năm bảy mươi lăm, hai vợ chồng chỉ có thằng Quân là con trai độc nhất. Thành phố này bây giờ còn có người Việt chứ hồi đó hiếm hoi lắm. Quân học hành ra trường rồi có bạn gái Mỹ, nó đòi cưới con Dial mà vợ chồng tôi không chịu. Con gái lấy chồng

Mỹ thì được chứ con trai thì không xong cô ạ ! Lấy vợ Mỹ không nuôi con cho chúng thì cũng chuẩn bị ly dị rồi nuôi con mình mà thôi ! Đâu phải vợ chồng tôi khắc nghiệt hay phân biệt chủng tộc mà đó là thực tế cô à.

Tôi nói :

- Nhưng chị cũng nên thông cảm cho Quân vì hồi đó đâu có nhiều con gái Việt Nam ở đây nên cậu ta lấy Mỹ cũng đúng thôi. Vã lại, dân tộc nào chẳng có kẻ xấu, người tốt, miễn sao có tình yêu là được rồi !

Bà nhún vai :

- Tình yêu à, tình yêu cũng không bằng tình nghĩa đâu cô. Mới đầu tôi cũng nghĩ giản dị như cô mà thôi nhưng sau này tôi mới biết mình lầm to. Vợ chồng tôi cố cản ngăn cũng không được, chúng nó yêu nhau nên tự ý ra riêng sống với nhau rồi mới làm đám cưới. Hai đứa con Jimmy, Annie ra đời, mới đầu cũng hạnh phúc lắm nên vợ chồng tôi rất mừng và hơi hối hận vì mình đã có thành kiến với những cô dâÂu Mỹ. Quân làm có tiền nên rất rộng rãi với vợ con, hơn nữa vợ chồng tôi cũng còn đi làm nên cũng chẳng mong chờ gì ở con trai, lòng cha mẹ mà cô.

Không biết cô nghĩ sao chứ ngày xưa ông bà mình

hay nói : «Không chồng đi dọc, đi ngang / Có chồng cứ giữ một đàng mà đi.»

Nếu vô phước gặp người chồng trai gái, rượu chè, bài bạc không nói làm chi chứ nếu có phước gặp người chồng như thằng Quân con tôi thì còn ức hiếp gì mà đi sớm, về tối phải không cô. Con Dial đã từng nói là nó yêu thằng Quân nhất cuộc đời nó từ quá khứ, hiện tại và cho đến tương lai. Hừ ! Tình yêu bất diệt và chính cô cũng vừa nói về tình yêu đó mà !

Tôi thấy hình như bà bắt đầu nổi nóng khi nói đến hai chữ tình yêu :

- Yêu nhau, mà yêu nhau đến bao lâu mới được chứ ! Vợ chồng ở với nhau phải có tình nghĩa chứ, bộ hết yêu nhau rồi bỏ nhau hay sao ! Con Dial bắt đầu than buồn vì chỉ ở nhà chơi và đề nghị chồng nó mỗi tuần phải có một ngày cho bạn bè. Chúng đồng ý với nhau mỗi ngày thứ bảy con Dial muốn đi đâu thì đi, còn thằng Quân đem con về gởi cho vợ chồng tôi rồi muốn đi đâu tự ý. Tôi biết là cuộc tình đã bước vào giai đoạn cuối rồi nhưng chẳng muốn nói ra. Và y như thế, chỉ một năm sau tụi nó lôi nhau ra tòa ly dị. Con Dial có bạn trai khác - dĩ nhiên là người Mỹ - Nó còn mồm năm, miệng bảy nói còn yêu thằng Quang nhưng vì có những điều không hợp nên đành xa nhau.

Tôi mắng cho con Dial một trận. Tôi nói cô muốn bỏ con tôi thì cứ bỏ, đừng nói chuyện không hợp nhau. Cô nghĩ coi cô quen và ăn ở với con tôi gần hai năm rồi mới cưới nhau chứ đâu phải ngày một, ngày hai gì. Vợ chồng đâu phải ai cũng hợp nhau. Ba thằng Quân với tôi có hợp nhau đâu. Ổng thì cả ngày không nói một câu, còn tôi thì lép nhép suốt buổi. Tôi ghét nhất đàn ông hút thuốc lá biểu ổng cai thì ổng tuyên bố : nếu tôi bảo đảm bỏ thuốc lá sống được một trăm tuổi thì ổng bỏ. Còn nếu không thì thôi, ổng thà bỏ vợ chứ không bỏ hút thuốc. Tôi thì gọn gàng, dọn dẹp suốt ngày còn ổng thì luôn bừa bãi, ưa bày vẽ lung tung cho tôi thu dọn. Vậy mà chúng tôi đã sống chung gần bốn mươi năm rồi có đem nhau ra tòa mà ly dị nhau đâu ! Tự do luyến ái rồi tự do bỏ nhau, không tình yêu thì cũng còn tình nghĩa chứ !

Bà ngừng lại phút giây cho cơn giận nén xuống rồi nói tiếp :

- Thằng Quân có job tốt nên được giữ con, mà thật ra con Dial cũng đâu có cần nuôi con. Nó đã có bồ trẻ nên không muốn hai cháu tôi làm phiền cuộc tình của nó. Tôi giận tím ruột thằng con không nghe lời cha mẹ nhưng biết sao đây ! Nhìn hai đứa cháu nội lòng tôi đứt từng khúc cô ạ !

Tôi hỏi :

- Rồi Quân đem con về nhà ở với chị à ?

- Mới đầu tụi nhỏ ở với cha nhưng sau thấy cảnh gà trống nuôi con cực khổ quá nên vợ chồng tôi mang hai đứa cháu về nuôi phụ cho cha nó đi làm. Ý tôi muốn giúp nó một thời gian đến khi tụi nhỏ tạm lớn rồi trả lại cho cha nó thôi, chứ vợ chồng tôi cũng khá già rồi làm sao mà kham cho nổi.

Tôi gật gù ra vẻ đồng tình :

- Anh chị tính vậy cũng phải, dù gì cũng là con cháu mình bỏ qua sao được. Làm cha mẹ mà...

Bà vội xua tay ngăn tôi :

- Cô khoan nói đã vì câu chuyện chưa hết đâu. Chưa đầy một năm sau thì thằng Quân đòi cưới vợ khác.

- Vợ người Mỹ nữa à ?

- Không, lần này nó đòi cưới cô người Việt. Cô này đã xinh đẹp lại là con nhà đàng hoàng, đi qua Mỹ theo diện H. O.

Tôi reo lên :

- Như vậy là may mắn quá rồi. Xin chúc mừng anh chị.

Bà lắc đầu quầy quậy :

- Khoan, khoan ! Cuộc đời không đơn giản như cô nghĩ đâu. Bởi nhà người ta đàng hoàng nên đời nào cho con gái tơ kết hôn với người đàn ông đã có vợ Mỹ và hai đứa con lai như Quân. Mới đầu gia đình họ phản đối dữ lắm, nhưng sau thấy tụi nó yêu nhau quá (cũng là yêu !) và con nhỏ đòi tự tử nên họ phải bấm bụng mà gả con. Hai vợ chồng tôi từng đau đầu vô cùng vì cái đám cưới này cô ạ. Ôi, vô số lời ong tiếng ve.

- Vậy là chị phải nuôi hai đứa cháu nội luôn rồi !

Grandma vội «A» lên một tiếng thích thú :

- Cô cũng tâm lý quá chừng ! Còn đường nào mà trốn, mình cũng phải biết điều một chút chứ. Con người ta là gái tơ lấy kẻ góa vợ (!) đã có hai con, không lẽ bắt nó nuôi cả gà trống lẫn gà con lai Mỹ à. Con dại cái mang mà cô. Đây hổng phải cháu bà nội, tội bà ngoại mà là cháu bà đầm, gông bà nội.

Lối nói chuyện của bà làm tôi tức cười quá. Giọng bà chợt nhỏ xuống :

- Con vợ sau của Quân người Huế nên nó ghen dữ lắm ! Nó cứ hỏi lui, hỏi tới về con vợ Mỹ hoài à.

Tôi phản đối :

- Vợ nào chả ghen chồng chứ đâu riêng gì người Huế. Chị người Nam ngó bộ chị không biết ghen sao ?

- Ậy, để tôi nói cô nghe. Tôi người Nam nên khi ghen thì la lối om sòm rồi thôi, vậy mà dễ chịu. Còn người Huế họ ghen câm lặng, ray rứt và hay ngắt véo, càm ràm khó chịu lắm cô ơi ! Mà dù gì mình là mẹ chồng cùng phải thông cảm cho con dâu chứ. Bắt nó thiệt thòi quá coi sao được phải không cô ? Đi ra, đi vô hầu mấy đứa con lai Mỹ nó chịu sao thấu.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với việc làm của chị. Tuy nhiên, thú thật với chị rằng dù không phải là người Huế nhưng khi ghen tôi cùng hay càm ràm, ngắt véo khó chịu lắm.

Tôi hỏi tiếp :

- Quân có hạnh phúc với người vợ sau không ?

- Chắc cũng hạnh phúc nếu con vợ bớt ghen một chút xíu, nhưng nói nào ngay có thương mới ghen chứ, phải không cô ! Dù sao cũng người Việt mình mà cô. Nó sạch sẽ, nấu nướng giỏi. Nó nấu bún bò Huế ngon và cay thì phải biết, mà nó giả ớt cũng cay lắm. nghe nói mấy người đàn bà hay ghen đều giả ớt cay như thế cả.

Điều này thì tôi dơ tay đầu hàng, không có ý kiến. Tôi nghĩ vậy nhưng không nói ra vì còn mãi nghe lời bà nội kể chuyện.

- Ý cha ! Thằng Quân tôi đẹp trai lắm, cao to còn hơn Mỹ - nó giống ông nhà tôi y chang- nên mới lọt vào mắt xanh con Dial. Con vợ sau ăn rồi lo canh chồng nên đâu có thì giờ mà lê la khắp nơi như con vợ Mỹ. Nói gì thì nói chứ ta về ta tắm ao ta vẫn hơn cô ạ. Tụi nó cũng có con với nhau rồi, thấy con Bambi được cha mẹ lo lắng đầy đủ tôi cũng mừng mà cũng nghĩ thương cho thằng Jimmy và con Annie này.

Bà rơm rớm nước mắt đưa tay vuốt tóc đứa cháu gái rồi nói với Jimmy thật ngọt ngào (lần đầu tiên tôi thấy bà ngọt ngào như vậy) :

- Bà nội giận mẹ mầy nên nói vậy chứ thật ra bà không ghét tụi bây đâu. Con hiểu không Jimmy ?

Thằng bé gật đầu lia lịa :

- Con hiểu grandma ! Con vẫn được mua thêm một chiếc xe nữa, phải không grandma ?

- Ừ, còn Annie thích con búp bê nào thì lấy đi bà mua cho đó.

- Cảm ơn Grandma !

Theo tôi bà nội là một người miền Nam thẳng thắn và tốt bụng, nghĩ sao thì nói ra vậy. Bà mang nặng tâm sự đa đoan, những cuộc hôn nhân của người con trai đã đem đến cho bà quá nhiều phiền toái, bực bội. Những tình cảm thương yêu, hờn giận mâu thuẫn, xung đột nhau trong tư tưởng của bà.

Cách diễn đạt ý nghĩ, sự biểu lộ tình cảm và lối trò chuyện của bà như những nhân vật trong tuồng tích cải lương nào đó. Cũng có thể bà bị ảnh hưởng nhiều về nền văn hóa cải lương miền Nam với nhiều tình tiết éo le, bi đát mà bây giờ chính bà là một nhân vật sống thực. Bà giận đó, thương đó rồi cũng dễ dàng rơi nước mắt. Trong câu chuyện bà luôn luôn thanh minh rằng mình không hề phân biệt chủng tộc hay địa phương, nhưng theo tôi sự phân biệt đã có sẵn trong bà tự bao giờ. Sự phân biệt đó không phải hoàn toàn vô lý nhưng nó đã

có ảnh hưởng đến sự cảm nhận hạnh phúc hay đau khổ của chính bà mà bà dường như không bao giờ biết đến.

Tôi an ủi :

- Chị à, chẳng qua cũng là số phận mà thôi. Vợ chồng có duyên, có nợ mới sống với nhau được lâu. Thôi thì dù sao bây giờ Quân cũng có một mái gia đình hạnh phúc mới, đó cũng là điều đáng mừng rồi.

Bà cười nhạt :

- Còn tôi thì sao ?

What's about me ?

Grandma đã hỏi cái câu mà tôi đã nghe quá nhiều lần từ những nhân vật trong phim ảnh hay tiểu thuyết. Những nhân vật thường là vai chính hay bị bỏ quên khi người ta mãi say sưa đi quá xa trong những phân tích hay suy luận nào đó !

Bà nội nói tiếp :

- Ông trời cũng thật oái ăm, nếu là duyên nợ sao không cho vợ sau thằng Quân qua Mỹ sớm độ vài năm để con Dial đừng phá đời con trai tôi chứ (!) .

- Nếu như vậy làm sao chị có hai đứa cháu lai xinh đẹp như Jimmy, Annie.

- Cô không biết đó thôi, thằng Quân đẹp trai lắm, Jimmy chưa chắc lớn lên đẹp trai bằng cha nó.

Tôi chọc đùa bà :

- Con Annie thì sao, ai có được mái tóc vàng óng như nó.

- Cô không biết đó thôi, con Bambi của thằng Quân với con vợ sau này còn đẹp hơn con Annie nữa. Trời ơi thấy thương lắm. Con gái Việt Nam mà, lớn lên đẹp mặn mà phải biết.

Hai đứa nhỏ cũng hiểu bà nói gì nên nét mặt phụng phịu không vui. Annie nảy giờ im lặng bỗng lên tiếng :

- Grandma nói xấu về tụi con, con không thích đâu.

Grandma vội vàng giả lả :

- Bà nội chỉ nói vậy thôi, chứ hai đứa bây cũng đẹp lắm ! Đứa cháu nào bà cũng thương như nhau thôi.

Điều này thì hai đứa cháu có quyền không tin Grandma cũng như tôi không tin vậy thôi.

Khi tôi sắp từ giã bà còn hỏi thêm :

- Cô có con trai không ?

Tôi gật đầu, và bà nói tiếp :

- Nhớ đừng cho nó lấy vợ Mỹ nghe, con gái lấy chồng Mỹ thì được. Tôi nói thiệt đó, tin hay không là tùy cô thôi. Lấy vợ Việt Nam là ngon nhất, đàn ông Mỹ bây giờ cũng khôn lắm cứ tìm vợ Việt mà cưới. Còn mình đâu có ngu hơn họ, tại sao không tìm vợ người mình.

Theo tôi, ngu hay khôn cũng khó có thể nói trong tình yêu hay trong hôn nhân. Những người làm cố vấn hoặc giải đáp những thắc mắc về tình yêu đôi lứa là những người ưa ly dị hay có đời sống tình cảm sóng gió nhất.

Lên xe ngồi rồi, tôi nhìn ba bà cháu dắt díu nhau đi trong bãi đậu xe. Một bà già Việt Nam thuần túy và hai đứa cháu mắt xanh, tóc vàng côi cút. Một Grandma tốt bụng nhưng tính khí bất thường, giận đó rồi thương đó. Bà và hai đứa cháu không có một chút lỗi lầm nào trong cuộc hôn nhân dị chủng giữa Quân và Dial, vậy mà ba bà cháu lại chịu thiệt thòi nhất. Lòng tôi dấy lên một nỗi ngậm ngùi thương cảm. Bóng ba bà cháu mất hút trên con đường vắng về khu Apartment gần đó. Tôi tự hỏi có bao giờ Quân hay Dial trông thấy cảnh này không ?

Hơn hai mươi năm sau, trong một tiệm bán quần áo phụ nữ tôi lại nghe mẫu đối đáp khác của hai bà cháu. Vẫn cái giọng đàn bà miền Nam rổn rảng năm xưa nhưng lần này cái giọng Mỹ trầm ấm là của một người đàn ông trẻ khác :

- Grandma không thích cái áo này sao ?

- Không, tao không thích đâu vì màu sắc nó lòe loẹt quá ! Vợ mầy thì được.

- Không vợ con không thích loại áo này đâu, nó kín mít như áo của bà sơ.

Xen vào đó là giọng nói miền Bắc của một cô gái trẻ :

- Jimmy ơi, em thấy cái này hợp với bà nội nè !

- Ừ phải đó, đúng là con gái Bắc Kỳ, nó chọn cái áo này bà vừa ý liền hà !

Tôi quay lại thì thấy chính là Grandma ngày nọ. Hơn hai mươi năm trôi qua, giờ tóc bà đã bạc trắng, bà đã già đi nhưng nét sắc sảo và giọng nói vẫn còn mạnh mẽ như xưa. Còn Jimmy, thằng bé con ốm yếu năm nào bây giờ đã là một người thanh niên cao lớn, đẹp trai với đôi mắt nâu buồn tuyệt đẹp.

Tôi xúc động khi gặp lại bà cháu Grandma như gặp một người thân thiết trong gia đình. Tôi vội chạy đến chào bà :

- Chị còn nhớ em không ?

Bà nhìn tôi rồi «À» lên một tiếng :

- Nhớ ! Chúng ta gặp nhau lâu lắm rồi trong cửa hàng ở Midtown. Cô trông cũng không thay đổi gì mấy, chỉ già đi chút ít. Ối ! Thời gian mà, mình không già thì làm sao tụi nhỏ lớn lên được phải không cô.

Hoàn toàn đúng, Grandma nói mà. Không có gì thay đổi chỉ già chút ít thôi, hơn nữa nếu mình không già thì làm sao tụi nhỏ lớn lên được cơ chứ.

Trong khi đang tôi gật gù ra vẻ tâm đắc với những phát biểu của bà nội thì Grandma vui vẻ tiếp lời :

- Tôi nhớ cô vì nhớ hoài lời cô nói năm xưa.

Tôi hơi ngạc nhiên hỏi lại :

- Nói gì hả chị ?

- Cô đã nói nếu thằng Quân gặp con vợ Việt sớm hơn thì tôi đâu có hai đứa cháu xinh đẹp như Jimmy và Annie.

Cô nói đúng, nếu thằng Quân không gặp con Dial thì tôi chẳng có gì để phiền trách. Cũng chẳng có những ngày buồn hay vui với hai đứa cháu của tôi. Nhất là khi ông nhà tôi qua đời. Tôi sẽ cô đơn biết bao nhiêu khi không có Jimmy hay Annie. Quân đã có mái gia đình hạnh phúc với vợ đẹp, con ngoan, mà khi hạnh phúc thì làm sao nó còn nhớ đến tôi. Rồi chỉ còn tôi với hai đứa cháu vui buồn hủ hỉ với nhau. Người đời hay nói mẹ gà con vịt, còn chúng tôi là bà gà cháu vịt.

Lối ví von của Grandma làm tôi muốn cười ồ lên, nhưng tôi vội bụm miệng lại khi thấy bà nội vừa nói vừa ứa nước mắt. Tôi để cho bà khóc vì tôi biết vui buồn đối với bà cũng như hai cánh của con chuồn chuồn mà thôi, không bao giờ tồn tại lâu đâu.

Mà thật vậy, chỉ phút giây sau bà tươi tỉnh kể lể :

- Con nhỏ nói tiếng Bắc kia là vợ mới cưới của thằng Jimmy. Jimmy khôn lắm nó không lấy vợ Mỹ đâu dù bao nhiêu đứa con gái Mỹ theo nó sát nút. Cô thấy nó bảnh trai dữ không, thằng Quân cha nó sao sánh bằng.

Tôi cười hỏi vặn lại :

- Sao ngày trước chị nói Jimmy không bằng một góc của ba nó ?

- Ý da, tôi nói vậy vì tôi đâu có ngờ khi lớn lên thằng cháu tôi đẹp dữ dội vậy. Mà nói nào ngay mấy đứa lai chúng đẹp lắm, cô nhớ con Annie không, nó có chồng rồi.

- Chồng Mỹ hén ?

- Ừa, tôi nói với cô rồi mà. Con gái lấy chồng Mỹ thì được, nó sanh đứa con gái thấy thương lắm, lai mà cô.

Tôi chọc ghẹo bà :

- Chứ không phải con gái Việt đẹp mặn mà như con gái của Quân sao ?

- Thì mỗi đứa nó có cái vẻ đẹp khác nhau chứ cô. Bambi con thằng Quân lớn lên cũng đẹp lắm, nó có bạn trai người Saigon hiền lành lắm, người Nam mình mà cô.

- Chị không khuyên nó nên lấy chồng Mỹ sao ?

- Trời ơi, tôi có khùng đâu mà ngăn cản, người Việt lấy người Việt thì còn gì để nói. Trong nhờ đục chịu mà cô. Nè, mà cô thấy vợ sắp cưới của thằng Jimmy ngộ không. Nó gốc người Bắc đó, khôn ngoan, dịu ngọt lắm. Ông nội nó là người Bắc di cư năm tư. Nó nấu bún chả chiên ngon thì phải biết.

Tôi cười cười :

- Nó giả ớt cay không ?

Grandma cười ngặt nghẽo :

- Ý cô hỏi nó có ghen không chớ gì ?

- Thì cũng đâu đó.

Bà nội bỗng nhỏ giọng :

- Ớt nào mà chả cay, có điều không đến nổi xé lưỡi. Người Bắc mà, mà là loại người Bắc gia giáo đó chứ không phải bá vơ đâu. Ăn nói nhỏ nhẹ khôn ngoan, biết chìu chồng và chìu tôi nữa. Thằng Jimmy tìm ra đứa nào hơn được.

Ôi bà nội, Grandma vẫn có đầu óc phân biệt chủng tộc, mang nặng thành kiến địa phương như mấy chục năm trước nhưng nói nào ngay - tôi dùng ngôn ngữ miền Nam dễ thương của bà - Grandma rất nhân hậu tuy hơi nói nhiều. Nếu xếp bà vào loại khẩu xà tâm phật thì hơi quá đáng một chút. Bà là một người đàn bà có nhiều tiên kiến cùng phán đoán thiên lệch và cũng chính bà đã phải chống đối và tìm cách thỏa hiệp với những điều đó để đời sống dễ dàng hơn, tốt đẹp hơn.

Với tôi, bà không phải là một bà nội miền Nam tầm thường hay tuệch toạc. Bà kể chuyện có lớp lang, duyên dáng pha đôi chút trào phúng của nền văn học dân gian và con đường bà đi trong cuộc đời đã chẳng có gì đáng tiếc hay sai trái.

Trong khi tôi đang miên man trong những ý nghĩ về Grandma thì bà kéo tôi về thực tế :

- Cô ở gần đây không ?

- Cũng quanh đây, còn chị ?

- Tôi không còn ở Midtown nữa. Thằng Jimmy ra trường có job ngon nên mua cái nhà to đùng ở Lakeland, nó nói phải bưng bà nội đi theo nó suốt đời.

Cô biết nó nói sao không ?

- Nói sao ?

- Bên Mỹ này không có luật bắt bà nội phải nuôi cháu nhưng Grandma vẫn nuôi. Bên Mỹ không có luật bắt cháu phải nuôi bà nội già nhưng nó vẫn nuôi. Jimmy muốn làm giống như Grandma vậy mà. Nó nói thì mình nghe vậy thôi, được ngày nào hay ngày đó. Nó cũng còn vợ con nữa.

- Chắc vợ nó cũng chẳng đến nào đâu.

Bà giả giọng Bắc :

- Ối dào ! Làm sao biết được. Mà có gì thì vô Nursing Home ở, tại sao phải sợ. Họ sao mình vậy ! Có người còn đòi về Việt Nam để gởi nắm xương tàn còn với tôi thì không bao giờ cô ạ ! Cô nghĩ coi con ruột, cháu ruột còn chưa ra chi hơi sức nào mà tin mấy đứa cháu nhà cô, nhà cậu, nhà chú, nhà bác.

Không tiền thì có nước đi chỗ khác mà chơi.

- Chị hay về Việt Nam không ?

Bà lắc đầu quầy quậy :

- Không, cách đây hơn hai mươi năm thì có, lúc đó cha mẹ còn sống. Bây giờ thì không vì có nhiều điều phức tạp lắm mà nói ra họ ghét ! Họ cho mình là kẻ phản phúc, vong bản.

A ! Bà nội lại còn nói chuyện quốc gia, đại sự nữa chứ. Bỗng dưng tôi tò mò muốn biết bà nghĩ gì về quê hương hay dân tộc. Tôi do dự giây lát rồi rào trước đón sau :

- Chị ơi, gặp nhau chỉ có hai lần mà sao nghe chị nói chuyện vui và hay quá ! Em nói thật lòng đó, nay xin hỏi chị một câu, nếu không phải chị bỏ qua cho nhé !

- Được cô cứ hỏi đi.

- Chị có bao giờ có ý kiến gì về đất nước mình không?

Bà nội làm thinh nhìn tôi im lặng. Tôi hơi quê vì biết mình hố to vì đi quá xa, đáng lẽ tôi không nên hỏi bà như vậy. Bà là một người đàn bà bình dân, phạm vi của bà lẩn quẩn trong mái gia đình với con và cháu. Đừng bắt bà phải trả lời về những việc vượt xa tầm suy nghĩ của bà.

Khoảng im lặng kéo dài hơi lâu. Tôi vội lên tiếng từ giã :

- Thôi, em xin phép chị nhé ! Hẹn gặp nhau lần khác sẽ được nghe chị kể thêm nhiều chuyện hay và mới lạ. Chúc mừng chị có cháu dâu ngoan và sớm có chắt để bồng.

Bà nội vui vẻ nói :

- Tôi cũng chúc cô được mọi điều như ý trong năm mới này vì chỉ còn hơn vài tuần nữa là Tết ta rồi.

Tôi cảm ơn rồi quay lưng đi, chưa được vài bước đã nghe bà kêu giật lại :

- Này cô, tôi chưa trả lời câu hỏi của cô. Phàm già trẻ, có học hay không học, trí thức hay bình dân cũng

có đôi khi nghĩ ngợi về đất nước mình cả. Tôi nói điều này nó hơi kỳ và ác nữa nhưng khổ nổi đời tôi chưa bao giờ làm thinh khi được người khác hỏi tới. Cô ơi, khi người ta vẫn lấy làm hân hạnh và tự hào khi được người khác đè đầu, đè cổ thì mình còn nói hay nghĩ làm chi cho mệt sức. Nước đổ đầu vịt mà cô. Thôi thì đời ta ta cứ lo, đường ta ta cứ đi là ăn chắc.

Tôi trân trối nhìn bà. Ôi bà nội, ôi Grandma, thật là một người đàn bà độc đáo mà tôi đã hân hạnh được gặp trong cuộc đời này/.

Mimosa Phương Vinh

Chào Em, Sàigòn 40

Song Lam

Với 12 bài viết trong năm, cho thấy một sức viết mạnh mẽ, tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Định cư tại Mỹ từ 26 tháng Ba 1992, hiện là cư dân Cherry Hill, New Jersey, bà vui vẻ tự sơ lược tiểu sử «22 năm dạy học trong nước, 22 năm làm culi job trên đất Mỹ» . Bài mới của tác giả kể về Sài gòn mùa Noel vừa qua.

I.

Cuối cùng thì tôi cũng về cái ổ của mình. Nằm thẳng cẳng, hai tay đan trên ngực, mắt nhắm nghiền, tôi giống hệt như những người được Chúa gọi về. Chỉ có khác đôi điều là còn thở phì phò và trái tim còn đập lổn nhổn khi trồi khi sụt. Ba tuần lễ ở Sài Gòn để thăm lại người mẹ ra đi năm ngoái, tôi như con thú hoang đi lạc. Mọi thứ đều lạ lẫm, trễ tràng. Sài Gòn thật sự không còn của riêng tôi.

Đứng thật lâu ở cửa Tây chợ Bến Thành, ngay tiệm vàng Nguyễn Thế Bài trước 75, tôi không hiểu mình muốn tìm gì, gặp ai trong lúc này. Con đường Lê Thánh Tôn ngày xưa đi học bằng xe đạp đôi lần dừng lại vì

xe bị tuột sên, có ít nhất vài anh con trai tới sửa dùm. Bây giờ, đứng đây cả buổi, nhìn ngó tứ tung, chẳng có ma nào ngó tới tôi. Buồn tình, tôi đi lang thang. Đi bộ lòng vòng ngang kem Bạch Đằng, tôi ngán ngẫm chẳng thèm vào. À, nhà sách Khai Trí cũ đây rồi. Vô chút. Hình bóng cũ nào còn đây, sách vở ích gì cho buổi ấy ? Tôi mua vài quyển sách dạy nhạc, Tự học Tây Ban Cầm với ước mong dợt lại bài Thu Ca ngày nào, bài dư âm kỷ niệm ngày hai đứa mới quen nhau, bài Thuyền và Biển mà mấy đứa em già chế lại hát như thế này : «Nếu phải sống xa em, anh chỉ còn bão tố. Nếu phải sống bên em, anh chỉ còn... cái khố.»

Bùng binh Sài Gòn ngày nào có tượng đài Trần Nguyên Hãn oai phong, tượng nữ sinh Quách thị Trang bằng đá trắng... nay đã mất tăm, mất tiêu. Xe cộ thật nhiều, ồ ạt, ào ào khiến tôi chóng mặt.

Sài Gòn bây giờ đầy dẫy, ngập tràn nhà cao tầng không khác gì các đô thị văn minh Âu Mỹ. Sài Gòn có Bitexco Trung tâm tài chính, mà dân Saigon gọi là bà đầm bưng mâm xôi, Saigon có Center Tower 72 lầu, Saigon có đường hầm bắc qua sông Thủ Thiêm. Bến đò Thủ Thiêm bên bến sông Bạch Đằng năm xưa chạy xập xình, ành ạch sóng nước cả ngày cả đêm nay đã không còn. Con đò Thủ Thiêm đã lùi vào dĩ vãng ! Trong trí

nhớ người dân Sài Gòn vẫn còn câu hát : «Bắp non đem nướng lửa lò. Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm» . «Con đò» Thủ Thiêm tức là cô lái đò trẻ tuổi xinh đẹp chèo đò đưa khách sang sông. Tôi thích quá chừng chữ «ve» này, mà chữ «cua» hay chữ «dê» không tài nào sánh kịp!

Sài Gòn có cầu vượt, có xa lộ Đông Tây, có siêu thị lớn nhỏ sang trọng không thua gì ở Mỹ. Sài Gòn có tất cả, nhưng Saigon không có nụ cười.

Sài Gòn không có nụ cười ? Các bạn có cho rằng tôi nói quá sự thật không ? Một lần nữa, tôi xin xác định : Saigon không có nụ cười. Trong công việc hàng ngày của tôi, tôi cười với khách hàng hàng trăm lần, nói hai chữ «cám ơn» hàng ngàn lần. Saigon không có được chuyện này.

Hàng ngàn chiếc xe gắn máy đổ xô ra đường mỗi giờ, mỗi ngày, mọi người chen lấn nhau, tranh giành nhau từng centimet đường, mặt mày hằm hè như sắp sửa gây gổ, chửi mắng nhau và mặt lạnh như... tiền Việt Nam. Vào cơ quan chính quyền, quý vị sẽ thấy được sắc mặt này : họ nhìn mình ghẻ lạnh, soi mói coi mình thuộc tầng lớp nào trong xã hội, họ nhìn qua cách ăn mặc để đoán xem mình có tiền nhiều hay ít... ôi cái nhìn xa lạ, dửng dưng, không có một chút tình cảm con người nào

hết. Sao kỳ vậy cà ? Tôi tự hỏi mình. Biết hỏi ai bi giờ ?

Saigon có những bộ trang phục đắt tiền, những chiếc xe hơi bạc triệu, những biệt thự sang trọng với phòng master bedroom dát vàng ròng bốn số chín, nhưng Saigon không có được tình yêu thương. Saigon vắng bóng lòng nhân ái và chết tiệt sự bao dung.

Những ngày cận kề Christmas, Saigon treo đèn kết hoa cùng khắp những con đường lớn. Những công trình xây dựng còn dang dở khắp nơi gây ra sự kẹt xe dữ dội vào những giờ cao điểm. Dân Saigon ăn nhậu tối ngày, từ sáng sớm cho tới giữa khuya. Quán nhậu san sát, từ bò dê cao cấp cho đến rắn mối thằn lằn. Hình như mọi người đang lâm vào cảnh mê hồn trận cứ ăn nhậu thả cửa chừng nào chết hẳn hay. Tôi có những đêm Saigon mất ngủ triền miên vì tiếng xe gắn máy ầm ầm trong từng hang cùng ngõ hẹp. Bốn năm giờ sáng lại nghe rộn rã tiếng rao hàng : «Bánh mì nóng đây, bánh mì nóng đây» . Saigon lúc nào cũng hực hở lửa nóng, rít rịt tay chân, chỉ nhờ mong ngọn gió mát bất chợt.

Tuổi trẻ Saigon bây giờ cao hơn, đẹp hơn, sang trọng hơn. Con gái ra đường không ai biết đẹp hay xấu, cao hay thấp, da trắng mịn màng hay đen thui rổ chằng chịt, vì họ trùm kín mít, chỉ chừa hai con mắt vẽ chì đen thui, lạnh lùng. Ai cũng chen lấn, vội vã, chụp giựt. Và hoàn

toàn không có một nụ cười nào hết. Ở Saigon ba tuần, tôi không biết mình cười được bao nhiêu lần, chỉ thấy lòng trĩu nặng sầu thương.

Đã nhiều lần tôi thấy được những người già như tôi đã về hưu ngồi trong nhà thu lu bất động. Nếu không bận rộn được làm ô- sin không công cho con cháu thì họ cứ ngồi trước bực cửa nhìn ra ngoài đường. Họ ngồi đó, buồn, bất động và héo tàn.

Central Tower lộng lẫy sửa soạn chào mừng năm mới 2015, sẵn sàng giơ cao dao sắc chém ngọt khách hàng. Ly kem bạc hà chỉ có hai viên kem tròn vo lớn hơn cái trứng cút chút xíu, trả 11 dollars cho tui. Trời ơi giá cả hơn cả bên Mỹ. Nhưng lo gì. Đại gia thừa tiền lắm bạc, «bi nhiêu bi !»

Saigon cũng có những buffet đắt tiền dành cho nhà giàu mới mở mắt sau này như ở Hoàng Yến, Newworld, nhất là ở nhà hàng năm sao Newworld này, ăn trưa 26 dollars và ăn tối 42 dollars trong khi người lao động buôn gánh bán bưng chỉ mong kiếm được 2 dollars/ ngày (42. 000 đồng Việt Nam) . Saigon ơi, nhức nhối lòng tôi.

Mở mắt chào đời ở Saigon, sống và thở với Saigon qua bao nhiêu thăng trầm của đất nước, của thời cuộc,

tôi vẫn ôm Saigon vào trong lồng ngực tưởng như lúc nào cũng son trẻ của mình. Xa Saigon 40 năm, Saigon đã ngủ vùi 40 năm, Saigon đã mất đi vẻ thơ mộng, lãng mạn, đã mất đi hoàn toàn văn hóa phương Nam, để trở thành thứ lai căng chú kiết, Tây chẳng ra Tây, Tàu chẳng ra Tàu. Saigon bây giờ vẫn đang còn một triệu ba trăm ngàn người nghèo khổ đói khát lầm than. Có những cái chết vội vàng non yểu, trăm thứ bệnh lạ do thực phẩm độc hại mang đến, Saigon có trăm ngàn chuyện giả từ lông mi giả đến tôm khô, bánh tráng, gạo lúa ăn uống hàng ngày.

Bên cạnh những building cao vòi vọi, những nhà hàng sang trọng, những resort năm sao, quý bạn đọc sẽ còn thấy được những trường học xuống cấp thê thảm, những bệnh viện ghẻ lở hoang phế hàng trăm năm không sửa sang. Quý bạn đọc hãy ghé mắt vào bệnh viện T. C ở Saigon để thấy bệnh nhân nằm la liệt từ hành lang cho đến trước cửa nhà vệ sinh, nằm luôn cả dưới gầm giường. Y tế quả là quá tải và giáo dục đi đoong. Chúng tôi đến thăm đứa cháu họ tại phòng vô trùng của Trung tâm huyết học mà sững sờ : thằng nhỏ chuẩn bị trình luận án tốt nghiệp cao học kinh tế, lại được phát hiện bị ung thư máu. Tôi phát khóc khi nhìn bốn thanh niên trẻ không quá 25, mặt mũi sáng láng khôi ngô với những cái đầu trọc lóc vì vừa trải qua mấy đợt Chemo. Những

khuôn mặt trắng bệt đang cần vô máu, mà xác suất sống còn chỉ có từ 20- 25% đã làm tôi đau lòng, không biết phải nói gì để an ủi các cháu. Không ai trả lời được câu hỏi tại sao trong khi tiền đóng cho bệnh viện cao ngất ngưỡng được tính bằng hàng chục ngàn dollars, cha mẹ các cháu phải cầm cố nhà cửa, ruộng vườn...

Làm sao ngoảnh mặt quay lưng với cảnh đời trái ngược ở Saigon : bên cạnh cuộc sống xa hoa dư thừa phủ phê của kẻ có quyền lực, vẫn còn hằng hà sa số cuộc đời của những con người Việt Nam bần cùng đói khát kiếm ăn từng bữa toát mồ hôi, còn những mồ hoang mả lạnh, còn bao nhiêu cái chết tức tưởi, âm thầm... những người muôn năm cũ hồn ở đâu bây giờ ? (Vũ Đình Liên- Ông Đồ) . Người lính cũ VNCH, người thương phế binh của chế độ cũ vẫn còn sống vất vưởng, lê la đầu đường xó chợ mà sự giúp hàng năm của đồng bào hải ngoại vẫn không thấm thía vào đâu ! Chương trình «Cám ơn Anh» hàng năm ở California với số thu lên đến bảy tám trăm ngàn dollars vẫn còn quá ít so với nỗi đau quá lớn, những thương tật trùng điệp của hàng chục ngàn chiến binh sau 75. Chúng ta đời đời chịu ơn họ, cái ơn sâu không bao giờ trả nổi...

Saigon thân yêu của tôi ơi. Em đã ngoài 40 từ 1975, từ dạo người Saigon ken chân vội vã chen lấn xuống tàu bạt mạng thừa sống thiếu chết vượt trùng dương tìm đường trốn chạy, biết bao người đã chìm sâu đáy nước, biết bao nhiêu người lưu lạc phương trời ?

Biết nói gì với em hôm nay, Saigon 40 ? Hôm nay thăm lại Saigon, em chỉ còn trong tôi hình bóng cũ : Con đường Bà Huyện Thanh Quan những chiều tan học mát rượi lối đi, vòng xe quay thanh thản nói cười với bạn, tà áo dài trắng quấn quít mối tình đầu.

«Saigon ơi, tôi đã mất người trong cuộc đời. Saigon ơi, thôi đã hết thời gian tuyệt vời... «(Saigon ơi vĩnh biệt- Nam Lộc)

Tôi vẫn còn hoài hình ảnh Saigon tráng lệ, tươi đẹp trong trái tim già nua khô héo của mình. Và Saigon ơi, tôi còn mãi Saigon xưa trong trí nhớ.

II.

Tôi trở lại Valley Forge vào những ngày cuối của năm 2014, tôi nghe lòng giá buốt với cái lạnh 6 độ F về đêm và những tai ương nổ ra từ khắp thế giới trong khi năm 2015 từng bước đến gần. Hai cảnh sát viên New York bị kẻ gian sát hại ngày 20/12 là vết thương lớn cho

nhân dân Mỹ, đặc biệt là cộng đồng New York. Sự sát hại đó có lẽ bắt nguồn từ sự phân biệt chủng tộc âm ỉ, dai dẳng sau khi người thanh niên Michael Brown ngả xuống từ viên đạn của người cảnh sát da trắng trong tháng 8/2014. Và chỉ một tuần sau 28/12, Air Asia của Malaysia mang biển số 8501 lại bị rớt ở đáy biển Java mang theo 162 hành khách và phi hành đoàn, trong khi vừa cất cánh từ Jakarta (Indonesia) đi Singapore được 45 phút...

Dù vậy, ở Times Square New York, trái cầu mà cả thế giới dõi mắt mong chờ count down như một thông lệ chào mừng năm mới, với hy vọng sẽ tốt đẹp hơn năm cũ, đã quy tụ hàng trăm ngàn người trẻ tuổi bất chấp cái lạnh giá mùa Đông. Ở quanh vùng chúng tôi cư ngụ, Valley Forge Casino đã chuẩn bị hàng trăm chai Champagne sẵn sàng mở nắp để đón khách. Liệu 2015 có khá hơn chăng ? Ai mà biết được ?

Tôi đã não lòng với đồng hương của tôi ở Saigon Việt Nam, tức Saigon lớn. Còn Saigon nhỏ ? Khi nghĩ đến Little Saigon là tôi có chút vui. Sao kỳ vậy cà ? Saigon nhỏ hình thành khắp nơi trên thế giới, nơi có người Việt Nam sinh sống và thành lập cộng đồng. Phải chăng người Việt Nam tị nạn khắp nơi trên thế giới muốn tìm lại những gì đã mất ? Vì Saigon lớn không còn của

mình nữa, mà là của họ, của người chủ mới !

Những lần đến Little Saigon ở Cali, tôi tìm lại được hình ảnh quá khứ, rất Việt Nam. Hình ảnh chiếc áo bà ba, vành nón lá, tà áo dài thanh tú ngày xưa đã không còn thấy ở Saigon lớn, lại vẫn ung dung hãnh diện khoe khoang ở Saigon nhỏ, đặc biệt tôi tìm thấy được con người Saigon xưa với đặc trưng văn hóa Saigon và tôi có được từ họ, những nụ cười thân ái.

Làm sao nói hết được những gian khổ, nhục nhằn của người Việt Nam lưu lạc nơi xứ người từ 40 năm qua ? Họ đã từ bỏ hết những gì có được trong tay để làm lại từ đầu bằng bất cứ công việc gì, vị trí nào để mưu sinh nuôi sống gia đình, gầy dựng cuộc sống mới. Biết bao mồ hôi nước mắt đã tuôn đổ cho 40 năm lưu vong ? Hai ba giờ sáng phải trở dậy đáp xe buýt đến chỗ làm với đồng lương rẻ mạt, phải sinh hoạt trong những điều kiện eo hẹp, phải tiết kiệm từng đồng bạc kiếm được, và cũng không thiếu những ê chề, tủi nhục trong quãng đường dài nơi xứ người. Nhưng người Việt Nam với bản tính chịu khó, cần cù, chịu đựng gian khổ để gầy dựng tương lai cho thế hệ thứ hai.

Sau 40 năm ròng, lớp người thế hệ thứ nhất đã già rồi, một số người đã ngàn đời yên nghỉ, để lớp trẻ đầy đủ năng lực, trưởng thành vươn lên nơi quê hương thứ hai

này. Họ có mặt ở các ngành nghề với vai trò lãnh đạo và thật sự bước vào chính trường của Mỹ như Janet, Trí, Andrew... ở Little Saigon Nam Cali, như Nguyễn Xuân Hùng ở Texas hay Tâm Nguyễn ở San Jose... Công việc của họ hãy còn ở phía trước, trong đó có dự định đề nghị Thượng Viện Mỹ can thiệp cho người lính cũ VNCH, những thương phế binh sống vất vưởng ở quê nhà được định cư sang Mỹ, sang Úc để bù đắp phần nào thiệt thòi của họ. Chúng ta hãy cầu nguyện cho mộng ước này thành sự thật !

Người Saigon sống dễ dãi, chan hòa tình cảm với mọi người, với bà con hàng xóm láng giềng, với đồng hương đồng khói. Người viết cứ tự hỏi mình hoài : Ở Cali có nhiều hội đoàn, như Hội Nhớ Huế, Quảng Nam-Đà Nẵng, Bạc Liêu, Gò Công... mà sao không có Hội Saigon ? Có thể Saigon là điểm hẹn, điểm đến của các miền đất nước chăng ? Ở vùng New Jersey, có Saigon Plaza, có chợ Bến Thành... và cái Logo chợ Bến Thành dùng làm bảng hiệu cho khắp nơi có Saigon nhỏ, tức Little Saigon. Đây là niềm hãnh diện chung cho người Việt Nam, cho Saigon, cho người Saigon, cho nên 40 năm qua, tâm tình ấy vẫn đầy thương, đầy nhớ.

Bây giờ ở Little Saigon Nam Cali chắc đang có những lo toan hạnh phúc ? Nào là chuẩn bị Hội Tết hàng năm, cuộc diễn hành ở phố Bolsa, cuộc thi nấu bánh chưng ở Phước Lộc Thọ, thi hoa hậu áo dài truyền thống... để đón mừng năm mới Ất Mùi 2015. Tết Việt Nam vẫn còn mãi trong lòng người Việt Nam, người Saigon !

Những chuẩn bị rậm rịch, rộn ràng của mọi người từ đầu tháng Chạp. Các bà mẹ sẽ lui cui nấu nướng sớm chiều cho ngày 30 Tết cúng rước ông bà, tổ tiên, chào đón Giao thừa. Ngoài chợ lao xao mua sắm đồ ăn thức uống, bánh trái rượu bia và nhất là hoa Tết. Trời ơi làm sao nói hết cái cảm giác vui sướng khi đi dạo chợ hoa tìm mua những cành mai đẹp nhất ? Người bán người mua lao xao nói cười, chợ ngày không đủ ngày giờ, còn có chợ đêm nữa chứ ! Về đêm Cali mát rượi, đi chợ đêm vừa đi vừa ăn bắp nướng thoa mỡ hành thì hạnh phúc biết bao ?

Ngày Tết đến rồi, những chiếc áo dài được phơi phóng, ủi là cho thật phẳng phiu để đem ra chưng diện với mọi người. Áo gấm chữ thọ dành cho các ông, áo gấm đủ màu, đủ các loại hoa Mai lan cúc trúc dành cho các bà và các cô gái trẻ. Ai cũng mặc áo dài, từ trẻ nít cho đến cụ già, thậm chí các dân cử Mỹ lẫn Việt trên truyền hình chúc Tết đồng hương cũng diện áo dài. Áo

dài được mùa. Người viết cảm thấy thật vui, thật gần gũi với họ. Ai cũng trang trọng chúc Tết nhau, nói cười thật vui như... Tết.

Người Việt Nam ở Little Saigon nói cười với nhau trong chợ, trên xe đò, ngoài bãi biển, trên xe buýt, trong buổi coi văn nghệ... dù họ chửa quen nhau, quen nhau đôi lần, gặp nhau đôi bận, họ cũng sẵn sàng chia sẻ tâm tình, mọi hoàn cảnh được phơi bày để hỏi ý kiến, thật hoàn toàn khác với những khuôn mặt «chằm vằm» của người Saigon ở Việt Nam.

Xin lỗi bạn đọc thật nhiều vì tôi cứ nhắc hoài những hình bóng ngày xưa. Quả thật quãng đường 40 năm của người Việt Nam với những kỷ niệm đã cũ, rất cũ, đã là của hôm qua. Và 40 năm lưu vong tị nạn nơi xứ người, cũng tưởng chừng như mới hôm qua. Thời gian như bóng câu qua cửa sổ. Rồi tất cả sẽ qua, sẽ qua, sẽ là của quá khứ rộn ràng trong lòng mỗi người dân Việt.

Dù thế giới hiện giờ chưa được bình an dù chưa hoàn toàn hạnh phúc, nhưng có lẽ nào ta lại hờ hững với mùa xuân đang từng bước đến gần ? Ở miền Đông lạnh giá mù sương này, tôi chỉ ao ước có một ngày nào đó được hưởng sự nồng ấm tình người, tình đất ở Cali, để thấy mình trẻ lại trong ngày Tết truyền thống, với văn hóa Saigon qua tiếng pháo mừng Xuân.

Với đồng hương, bằng hữu, gia đình ở Little Saigon Nam Cali, tôi xin gởi đến quý vị những tình cảm tốt đẹp, lời chúc mừng trân trọng nhất trong ngày đầu năm Ất Mùi 2015 này. Và, với Saigon lớn của tôi ngày xưa, tôi xin chào em, Saigon 40, và chỉ xin em, tha thiết xin em, chỉ một nụ cười.

Song Lam

Chưa Từng Tuyệt Vọng

Tôn Nữ Thu Dung

Thứ Bảy cuối tuần 14- 2 sẽ là ngày Valentine 2015, mời đọc một chuyện tình của Tôn Nữ Thu Dung. Tác giả là cư dân San Dimas, California. Trước tháng Tư 1975, tại Sài Gòn, cô từng cộng tác với tần báo Tuổi Ngọc và là một trong những cây bút học trò được bạn đọc yêu mến. Với bài «Chuyện Cổ Tích Không Phải Cho Bé Thơ» , tác giả đã nhận Giải Đặc Biệt, Viết Về Nước Mỹ 2013.

Ngôi biệt thự nằm đối diện với quán ăn của nhà Nghi, rủ một bóng râm im mát với giàn Hoàng Anh trước ngõ... Năm đó, Nghi mười sáu tuổi, đi học về vừa thay áo dài ra là phải chạy lên ngồi quầy tính tiền cho mẹ... Nghi đẹp mặn mà từ năm mười ba tuổi khi mới vừa trổ mã. Nghi chưa đến tuổi nghĩ rằng mình xinh đẹp, chỉ khi mẹ nói :

- Chị Ngân sắp lấy chồng rồi, bé Nghi thay chị ra ngồi quầy giúp mẹ.

Nghi vùng vằng không chịu, Nghi ghét ánh mắt bọn con trai nhìn mình trên đường, trong trường và ngoài quán. Mỗi lần gặp những ánh mắt bọn nó, Nghi nổi da

gà, ôm chặt chiếc cặp vào ngực hoặc lấy tay che ngang cổ áo như một thói quen... Nhưng không thể nào nói lời từ chối khi mẹ bắt đầu ca bài ca con cá : Thời buổi khó khăn...

Mà thời buổi khó khăn thật, lương của ba không đủ để nuôi bầy con 8 đứa của 2 bà vợ. Mẹ phải gom góp vốn liếng để mở quán cơm này kiếm sống (cũng dựa hơi ba là bót trưởng bót Bà Hòa Chợ Lớn để bọn giang hồ không bắt đóng tiền bảo kê hay quậy phá.)

Mẹ nấu ăn rất ngon, quán càng đông khách chừng nào Nghi càng học dốt chừng đó... Mẹ nói :

- Học giỏi cho mấy rồi cũng bị lấy chồng, như chị Ngân đó, chỉ có Tú Tài 1 mà cũng lấy được chồng Kỹ Sư. Còn bé Nghi đẹp như hoa hậu thế nào chẳng kiếm được một ông Bác Sĩ !!!

Vốn dốt sẵn, thêm tật làm biếng, nghe mẹ dụ dỗ, Nhi xiêu lòng muốn bỏ học để phụ mẹ làm ăn nuôi bầy em 6 đứa và bà vợ bé của ba... Ban đầu nghe tin Nghi định nghỉ học khi mới lớp 10, ba rất giận nhưng ông cũng nguôi ngoai khi nhớ lại rằng nếu không có quán ăn này thì lấy đâu cơm nước xe pháo học hành cho cả gần tiểu đội ông vô tình hay cố ý tạo ra. Lại nữa, ông được an ủi rằng một bầy con trai của ông đứa nào cũng thông minh

đỉnh ngộ (giống ông) ... Còn bé Nghi thì tuy dốt nhưng đẹp quá chừng chừng (như mẹ nó.)

Cho đến một ngày, một ngày không gió to bão nỗi, một ngày không trút mưa thịnh nộ. một ngày không nắng đốt cháy da, một ngày không mây xám âm u... Nghĩa là một ngày... chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ thương... thôi. Nghi choáng váng khi một anh chàng pilot với bộ đồ bay từ ngôi biệt thự bên kia đường, lững thững qua ngồi trước quầy, uống một ly chanh muối... Nghi nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra... không tin đây là sự thật... Một chàng Alain Delon từ màn bạc, vén màn bước xuống đời Nghi... Nghi run như chiếc đuôi con thằn lằn bị đứt lúc bàn tay chàng khi trả tiền có thể vì vô ý chạm (rất nhẹ) vào tay Nghi... Và Nghi luống cuống đến nỗi quên không thối lại tiền dư... Chàng cười... ra về, đưa tay chào Nghi như chào cấp trên vậy... Nhiều ngày Nghi không ngủ được, từ quầy, Nghi cứ nhìn đăm đắm qua sân biệt thự... chờ một bóng người đã chạm vào giấc mơ Nghi... Nghi lơ ngơ, lãng đãng, mẹ than phiền : Con sao vậy, như người mất hồn mất vía... Mẹ còn định dẫn Nghi đi lên đồng coi hồn ma bóng quế nào chọc ghẹo cô con gái cưng của bà !

Nghi không nhớ có phải chàng gọi chanh đường mà Nhi đưa nhầm chanh muối nên chàng giận và không

thèm trở lại

Nghi sợ rằng vì mình luống cuống quên thối tiền nên chàng đã nghĩ Nghi là con bé tham lam

Nghi hình dung nụ cười của chàng và cử chỉ chào Nghi đầy trêu chọc...

Nghi tức tưởi khóc vì giận mình và luôn chép miệng như một bà già nuối tiếc thuở vàng son : Phải chi mình đừng vậy, đừng kia...

Ôi, Nghi đã yêu một người không hề biết Nghi là ai ! Tình yêu đơn phương của Nghi sao đong đầy đau khổ... Nhưng ông trời cũng không muốn hành hạ Nghi quá đáng... Ông chỉ thử thách Nghi đâu chừng một tháng... một tháng là ba mươi ngày dài bất tận, đêm nào cũng đẫm nước mắt tủi thân...

Bức thư tình đầu tiên chàng gởi tới cho Nghi toàn tiếng Anh, Nghi nhìn hoài không hiểu nỗi mà cũng chẳng dám hỏi ai ! Nhìn qua nhìn lại, nhìn tới nhìn lui, Nghi suýt hét lên mừng rỡ vì một câu, một câu then chốt Nghi hiểu được và Nghi chỉ cần hiểu nhiêu đó là đủ : I love you, Baby... Vang quanh Nghi là những tiếng nhạc của Thiên Thần, Nghi choáng váng như đất trời đảo lộn : I love You, Baby... I love You, Baby...

Nghi cất bức thư trong cặp khi đi học, kẹp bức thư trong sổ tính tiền khi ngồi quầy, ôm bức thư trên ngực khi đi ngủ... Khi nó gần như tơi tả thì mẹ bắt gặp, xé tan xé nát, giận giữ vô cùng «Mẹ không muốn con quen với bọn lính tráng sống rày chết mai... «Nghi biết mẹ thương mình, luôn muốn mình kết tóc xe tơ cùng một ông Bác Sĩ nào đó (trong giấc mộng hàng đêm của mẹ), nhưng câu nói của mẹ như một lưỡi dao đâm thốc trái tim bé nhỏ của Nghi... Khi chàng đến chơi, mẹ vô cùng lịch sự và lạnh nhạt đẩy đưa... mẹ xứng đáng là một nhà ngoại giao tài giỏi (ngay cả bà vợ bé của ba cũng tâm phục khẩu phục không dám ghen ngược bao giờ... dù những khi bị mẹ xử oan xử ức chỉ biết khóc rắm ra rắm rứt mà không dám mét với ba) . Mẹ đâu muốn đuổi xua chàng thẳng thừng ra mặt vì sợ mất đường nhờ vã ông bà dân biểu hét ra lửa là ba mẹ của chàng... chỉ có Nghi với trái tim tan nát !!!

Niềm vui của Nghi là những lá thư chàng gửi, Nghi ân hận vì mình đã khá ngu để không thể viết lại cho chàng những điều Nghi nghĩ... Chưa khi nào Nghi thấy học dốt là một tội lỗi lớn lao như bây giờ... Cô chạy bàn tên Thùy là một sinh viên trường Luật, rất giỏi, rất thông minh... Thấy Nghi âu sầu buồn bã, chị hỏi thăm và nghe Nghi nhỏ to tâm sự với ngập tràn nước mắt. Chị đã lau nước mắt cho Nghi, an ủi :

- Được rồi, để chị bày cho Nghi viết, nhưng phải rất bí mật, mẹ em mà biết sẽ thẳng tay đuổi chị.

Nghi mừng rỡ ôm hôn chị Thùy tới tấp, và chép lại những câu sau :

Anh Duy,

Hạnh phúc không có thực
Ở trong bàn tay em
Hạnh phúc như gió bấc
Đến một mùa... rồi quên...

Từ đó, chàng gọi Nghi là cô bé thi sĩ của anh. Tình yêu giấu giấu diếm diếm luôn vô cùng tuyệt vời, chỉ mình chị Thùy chứng kiến với nhiều nỗi xót thương... Đến một ngày khi không giữ nỗi điều bí ẩn luôn dày vò tâm trí, Nghi thú tội qua hai hàng nước mắt :

- Nghi không phải là cô bé thi sĩ của anh... Tất cả những thư, thơ v. v... là chị Thùy viết và Nghi chép lại... Nghi không biết cả viết thư thì sao mà làm thơ được...

Chàng hơi bất ngờ một thoáng rồi gõ gõ đầu Nghi :

- Có sao đâu bé con, Anh cũng chép từ những bức thư tình hay nhất thế giới. Viết thư tình phải rất cần đến một kỹ năng siêu đẳng mới có thể làm đối tác động lòng trắc

ẩn...

Nghi hơi xấu hổ vì không biết chàng đùa cho Nghi đỡ quê hay nói thật tình (vì thực sự Nghi cũng chưa hề nghe ai nói hay đọc được tác phẩm NHỮNG BỨC THƯ TÌNH HAY NHẤT THẾ GIỚI bao giờ. Nghi đúng là một con nhóc ngố ơi là ngố !!!)

Chàng hứa như đinh đóng cột : Khi Nghi đúng 18 tuổi 1 ngày, chàng sẽ đưa ba mẹ sang hỏi cưới Nghi... Nghi hạnh phúc đợi chờ...

Nghi 18 tuổi, chàng biệt dạng... Tháng 4/75 đưa ba Nghi, ba chàng vào trại cải tạo không có ngày về. Quán nhà Nghi đóng cửa, những năm tháng ấy đâu ai còn tiền để ung dung vào quán... Ngôi biệt thự cũng đóng cửa im ỉm, giao cho một bà cô của chàng từ Bắc vào ở để mẹ chàng và các em đi kinh tế mới hầu giảm thiểu án cải tạo của ba chàng...

Cả nhà Nghi phiêu dạt về quê nội, trồng rau trồng sắn đắp đổi qua ngày để chờ đợi ba về...

Chị Ngân rủ Nghi đi buôn, chị Ngân vừa đẹp vừa giỏi, nuôi ông chồng thất nghiệp và chia sớt cho cả một đại gia đình chồng em út nheo nhóc (mà mới vài năm trước đây mẹ không ngừng hãnh diện khoe đã gả được

chị Ngân vào nơi êm ấm danh giá, sang giàu bây giờ thì mẹ không ngớt ngao ngán thở dài khi thấy bên nhà chồng chị Ngân từ lớn tới nhỏ không ai biết cầm cái cuốc !!!)

Nghi lơ ngơ láo ngáo đi theo chị Ngân... xách giỏ, khi thì khô mực, khi thì bột ngọt, khi thì cà phê... cao cấp hơn có khi là một giỏ đầy thuốc tây ngụy trang bằng những đòn bánh chưng, bánh tét...

Những khi về Sài Gòn, trong lúc chờ bạn hàng thu xếp tiền bạc, hai chị em lại đón xe bus lang thang về chốn cũ, về nơi mà mẹ đã bỏ ra ba chục cây vàng để mở quán sinh nhai... Hai đứa cứ chép miệng phải chi... phải chi bây giờ mình có số vàng này...

Còn Nghi thì rơi nước mắt khi nhìn qua ngôi biệt thự kín cổng cao tường bên kia đường... nơi giàn hoa Hoàng Anh rực vàng rủ xuống... nơi mà khi môi chàng chỉ mới chạm nhẹ vào tóc Nghi mà Nghi đã có cảm giác phải chi mình được chết trong giây phút ấy... Một thiên đường vừa khép cửa... Chị Ngân lau nước mắt cho Nghi, dọa :

- Nếu Nghi cứ khóc khi về đây thì chị sẽ không bao giờ dẫn Nghi theo nữa...

Nhưng chị Ngân biết dù chỉ là một con bé ngu ngơ ngốc nghếch nhưng trái tim Nghi đã tan vỡ từ bao giờ, Nghi không nhìn một đứa con trai nào khác, Nghi chỉ lén lén thầm thì trò chuyện với những lá thư... Có một ngày, ăn mặc sang trọng như một mệnh phụ, chị Ngân đến bấm chuông ngôi biệt thự, dõng dạc hỏi :

- Tôi muốn tìm ông bà A.

Cái tướng đài các của chị Ngân đã làm người đàn bà (cô của chàng) vanh vách kể : Ba chàng đã vượt biên sau khi mãn hạn cải tạo. Chàng đã bảo lãnh cho mẹ và các em qua Mỹ năm ngoái... Nhưng khi chị Ngân hỏi địa chỉ chàng thì bà cô thủ thế, chối bai bãi là không hề biết... dù hàng xóm kể là chàng đã liên lạc nhiều lần để gởi tiền, gởi quà về cho mẹ và các em...

Chị Ngân giống mẹ, đầu óc thông minh nhạy bén và có tài ngoại giao thượng thặng... Chỉ với năm chục ngàn và một gói thuốc samit lẫn 3 ngày ngồi đồng trước cửa quán nhà ngày xưa... chị đã có trong tay địa chỉ chàng từ người phát thư...

Chị lập tức dẫn Nghi ra bưu điện, cho tiền Nghi gởi một bức thư hỏa tốc qua Cali. Lần này thì Nghi tự nghĩ ra để viết :

Anh Duy,

Nghi nhớ và thương anh vô cùng tận...

(và cũng là bé Nghi ngớ ngẩn dốt nát như ngày nào, Nghi viết thêm rất bình dân học vụ đúng kiểu Hạnh Nghi, không chút màu mè riêu cua gì cả...) .

Nghi mong rằng anh chưa có người yêu, chưa có vợ và vẫn đợi chờ Nghi.

Chị Ngân đọc, cười, chép miệng :

- Chị cũng mong vậy, Mong rằng Duy còn nhớ chút hương đồng gió nội lúa lác của Hạnh Nghi...

Kệ, ai nói gì thì nói... Nghi đang sống trong mơ... giấc mơ đẹp còn hơn cổ tích...

Duy bay về lập tức (sau khi nhận được thư) . Ôi chàng phi công hào hoa phong nhã của giấc mơ Nghi... Nghi kín đáo nhìn ngón tay đeo nhẫn của Duy trước khi ngã vào vòng tay êm ấm đó. Duy ngạc nhiên :

- Bé con, sao em cứ nhìn chằm chằm vào ngón tay anh ?

Rất ngây thơ, Nghi thỏ thẻ :

- Mẹ dặn, khi định quen với một người đàn ông nào, con hãy nhìn vào ngón tay đeo nhẫn, hãy để ý dù không thấy chiếc nhẫn nào nhưng nếu thấy một dấu trắng vòng quanh, con hãy quay mặt đi vì đó là một người đang có vợ hoặc đã từng có vợ !!!

Duy cười ngặt nghẽo :

- Bé con, anh đã tìm lại được cô nhóc ngu ngơ của mười năm về trước.

Sân phi trường Los Angeles lạnh buốt dù Nghi hai ba lần áo... Nước mắt rơi tràn trên mặt khi vòng ôm của Duy ấm áp chở che, từ nay, Duy là ba, là mẹ, là tất cả gia đình bè bạn... Nghi ngước lên nhìn Duy và câu đầu tiên Nghi thốt ra trên đất Mỹ :

- Cho Nghi đi học tiếp nha anh !

Duy hơi ngạc nhiên :

- Có chuyện gì vậy, bé con ?

Nghi phụng phịu, bặm môi :

- Ai nói gì Nghi cũng không hiểu được, Nghi lạnh mà không biết cách hỏi một cái mền...

Tưởng tượng Nghi bé nhỏ co ro vì lạnh, vì đói trên máy bay, Duy ân hận vô cùng vì đã không thu xếp về được để Nghi phải đi một mình suốt nửa vòng trái đất, hoang mang, sợ hãi...

- Nghi ngu ngốc quá phải không anh ?

Duy cười, ôm chặt lấy Nghi :

- Không đâu bé con, em rất tuyệt. Rồi em sẽ đi học cho đến khi nào... hết chữ thì thôi !

Tôi hay hẹn gặp Nghi trong công viên La Paloma Park, canh Nghi là chiếc xe lăn của Duy... Nghi nghiêng đầu nói gì đó với Duy và cô cười nắc nẻ... Duy không cười, không nói, khuôn mặt vô hồn của Duy như tạc bằng đá xanh lạnh lẽo... Nghi vẫn nói và cười và rơi nước mắt. Một tai nạn đã làm Duy bất động từ vài năm nay, nhưng Nghi không bao giờ thôi hy vọng... Định mệnh đã đưa Nghi tới cùng Duy nơi ngưỡng cửa thiên đàng lẽ nào khép lại... Nghi quay lại nhìn tôi, khuôn mặt xinh đẹp của cô dịu dàng như Đức Mẹ, cô nói :

- Chị Thùy ơi.

Hạnh phúc như gió bấc
Lạnh một thời... rồi thôi đó chị.

Tôi mỉm cười với cô. Can đảm lên, cô nhỏ, mọi người luôn ở bên cô.

Tôn Nữ Thu Dung

Tình Thiên Thu

Lê Quỳnh

Tác giả đã tham dự Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu tiên với một số bài viết về đề tài Du Lịch Nước Mỹ. Sang năm thứ 16, ông góp thêm bài mới, một chuyện tình nhân Ngày Tình Yêu đang tới và chọn thêm một bút hiệu mới. Mong Lê Quỳnh sẽ tiếp tục viết.

Tôi quen nàng khi nàng mới 15 còn tôi thì 18. Chẳng có gì ghê gớm hay ly kỳ, chẳng qua vì nhà nàng gần nhà tôi thế thôi. Nàng thì đẹp, nàng đẹp như công chúa trong truyện cổ tích. Nhưng nàng không điệu, không kiêu kỳ, nàng nghịch như con trai. Điều này làm tôi thích nàng hơn bởi tôi không thích lắm những cô gái quá e lệ. Nàng học giỏi lại có nhiều tài.

Một trong những tài của nàng là làm bánh. Tôi thường được sai vặt mỗi lần nàng trổ tài làm bánh. Nàng thích tranh luận đủ loại đề tài. Khi lớn thêm một tí nàng thích tranh luận về tình yêu. Có lần nàng hỏi tôi đêm tân hôn cô dâu chú rể làm gì. Nàng luôn muốn chứng tỏ nàng hơn tôi «Anh có gì hơn em nào» nàng thường hỏi vậy. «Anh cao hơn em» đó là câu trả lời của tôi. Nàng rất ghét câu trả lời này vì nàng biết không thể nào cao hơn tôi được.

Mùa hè đỏ lửa 1972. Tôi vào quân đội. Như một bài hát nào đó của Trần thiện Thanh «năm hai mươi mốt tuổi tôi đi vào quân đội mà lòng mình chưa hề yêu ai» . Tôi cũng vậy, 21 tuổi, chưa hề yêu ai. Nhưng trời đất ơi nàng yêu tôi. Tôi rất yêu cái tính con trai của nàng và giờ đây tôi không biết trả lời sao khi nàng phát huy cái tính con trai ấy. «Em yêu anh» , Nàng nói với tôi tại nhà nàng, trước mặt mọi người trong bữa ăn tiễn tôi lên đường nhập ngũ.

Tôi thích nàng, tôi hiểu thích và yêu biên giới của nó chỉ mong manh như sợi tóc mà thôi. Tôi yêu nàng, nhưng tôi không thể nói điều này. Tôi nói với nàng «Anh không thể nói gì với em khi ngày mai anh lên đường, anh ra mặt trận nơi đó chiến tranh như một trò đùa nhưng cái chết lại có thật.» Nàng nói nàng không sợ điều đó. Nàng yêu tôi và chỉ biết yêu tôi thế thôi.

Cuối năm 1973 tôi rời quân trường ra đơn vị hành quân tại vùng 2 chiến thuật, Pleiku, Kontum, Ban mê thuột, Tam quan, Bồng sơn... Một ngày nọ tôi nhận được thư của nàng, nàng cho biết nàng gặp tai nạn. Nàng quá đau khổ về điều này và hiện tại nàng chỉ nghĩ đến cái chết. Nàng cho biết nàng không còn sống chung với cha mẹ, bởi nàng muốn đi thật xa cho quên đi nỗi đau này. Nàng cho tôi địa chỉ, tôi viết thư cho nàng nhưng

không nhận được thư trả lời. Tôi lại viết thư cho nàng, vẫn không nhận được thư trả lời của nàng.

Đơn vị tôi lại được lệnh hành quân. Chúng tôi lao vào những trận đánh khốc liệt, tôi say sưa với những trận đánh đó, bởi tin rằng chiến thắng sẽ sớm chấm dứt chiến tranh. Thế nhưng không phải vậy, chúng tôi là người chiến thắng trên mặt trận nhưng người quyết định chấm dứt chiến tranh không phải là chúng tôi. Những hình ảnh mất mát của đồng đội, những hình ảnh chết chóc của kẻ địch, những kẻ địch người Việt Nam tuổi trẻ, chúng tôi chưa hề biết nhau nhưng phải bắn phải giết nhau. Tôi chỉ còn thấy khuôn mặt bỉ ổi của chiến tranh và tôi chỉ còn là người hùng bất lực trước sự tồn tại đáng nguyền rủa của chiến tranh.

Tôi được về phép. Ngoài mặt trận về phép không phải là chuyện dễ dàng, nó hiếm hoi làm sao. Mặt trận không yên tĩnh sao, đúng vậy, mặt trận không yên tĩnh nhưng nó cũng không đáng lo sợ để người ta hà tiện như thế. Tôi được về phép lý do thật đơn giản và cũng thật vững chắc, tôi bị thương. Thế nhưng vết thương ngoài mặt trận cũng chẳng làm tôi đau đớn bằng vết thương trong lòng. Ngày tôi về phép là ngày tôi được biết nàng đã lấy chồng. Buồn quá tôi trở về đơn vị, lấy trò chơi chiến tranh đáng ghét để quên đi, quên đi nỗi buồn.

Rồi 30 - 04 - 75. Không có ngày nào buồn hơn ngày 30 - 04 - 75 Tôi vẫn bộ quân phục trên người, vẫn khẩu súng trên tay, vẫn đông đội chung quanh, can đảm vẫn đầy trong lồng ngực. Thế nhưng tôi hiểu thắng cả trăm trận nhưng để thua trận cuối cùng thì cũng là bại trận. Tôi thấy những bộ quân phục rải rác khắp đường phố, những đôi giày, những quân xa không người lái và những thương binh trên đường phố trên tay còn cầm chai nước biển. Tôi hiểu không có phần thưởng nào cho người bại trận.

Không có phần thưởng nào cho người bại trận, hay một cách mỉa mai chúng tôi những kẻ bại trận cũng có phần thưởng. Phần thưởng đó là được tập trung học tập trong trại tù tập trung của Việt cộng. Năm 1980 tôi trở về Saigon từ trại tù gọi là cải tạo. Tôi hiểu, tôi vừa rời trại tù nhỏ đến trại tù lớn. Dẫu sao trong trại tù lớn tôi vẫn dễ thở hơn và có thể toan tính nhiều việc hơn. Một trong những việc đó là đi tìm nàng. Tôi muốn được gặp nàng và thật vui nếu nàng được hạnh phúc. Nàng đã vượt biên từ năm 1979. Toan tính kế tiếp của tôi là tìm đường vượt biên, tôi vượt biên nhiều lần nhưng đều thất bại.

Năm 1994 tôi đến Mỹ theo chương trình HO. Tôi đến đây một mình. Còn người yêu của tôi, tôi yêu nàng tha

thiết nhưng không thể mang nàng theo được. Đó là tổ quốc của tôi.

Một ngày nọ tôi nhận được điện thoại, thật bất ngờ người gọi cho tôi chính là nàng. Vài tuần sau nàng đã có mặt tại Cali nắng ấm, cùng tôi sánh vai như ngày nào đó tại Saigon. Nàng biết điện thoại của tôi nhờ cô bạn hàng xóm sống cùng thành phố với tôi, tại Orange county. Tôi say sưa với niềm hạnh phúc bên nàng và cũng đau khổ tột cùng khi biết những bất hạnh đã đến với nàng.

Nàng cho biết lá thư nàng gửi cho tôi tại vùng hành quân, thư báo cho tôi biết nàng gặp tai nạn. Một người bạn học đã dùng thuốc mê cho nàng uống và hãm hiếp nàng. Cha mẹ nàng buộc nàng phải lấy tên khốn đó, nhưng nàng không bằng lòng vì nàng yêu tôi. Cha mẹ nàng sẽ không buộc nàng lấy tên khốn đó nếu tôi đồng ý lấy nàng. Nàng viết trong lá thư «Anh hãy cứu em, hãy cưới em dù không yêu em, vì em yêu anh và vì em không thể lấy tên khốn đó.» Nàng hiểu chỉ có tôi mới giúp được nàng thôi vì lúc đó nàng đã mang thai. Ôi khốn khổ cho tôi và cũng khốn khổ cho nàng, những ngày hành quân chìm đắm trong mưa gió, trong bom đạn tôi đã không nhận được thư của nàng.

Nàng bảo tôi hãy quên đi những ngày tháng u buồn đó, vì giờ đây nàng đã có tôi và tôi đã có nàng. Nàng và chồng nàng, người đã hãm hại nàng đã ly dị. Đó là kết quả tất yếu của cuộc sống chung không đặt trên căn bản là tình yêu.

Tôi với nàng sống chung với nhau thật hạnh phúc. Chúng tôi vẫn tranh luận với nhau như ngày nào. Nàng vẫn nghịch ngợm như ngày nào, vẫn hỏi tôi có gì hơn nàng và câu trả lời của tôi vẫn là «Anh cao hơn em» . Nàng vẫn còn bực tức vì câu trả lời này.

Chúng tôi khám phá ra những điều chưa biết về nhau và tự hỏi không hiểu sao chúng tôi lại hợp nhau như thế. Chỉ còn có một cách giải thích là Thượng đế đã sinh ra và kết hợp chúng tôi thế thôi. Chúng tôi đi chơi, đi chợ, nấu ăn, rửa chén, dọn dẹp nhà cửa, làm bất cứ gì cũng có nhau, thật hạnh phúc. Thế nhưng hạnh phúc là danh từ không có trong tự điển của tôi và nàng. Sống chung với nhau được ba tháng thì nàng ngã bệnh, nàng cho tôi biết nàng bị ung thư.

Chuyến tàu vượt biển của nàng bị hải tặc bắt. Chúng đưa tất cả lên hoang đảo, phụ nữ bị cưỡng hiếp và làm những điều tồi tệ. Nàng và những phụ nữ trong chuyến tàu sống như những con vật và lũ hải tặc như bầy quỷ dữ. Một đêm tối trời, một nhóm mười mấy người lấy

được chiếc ghe nhỏ trốn thoát, lênh đênh trên biển, nàng không nhớ là bao nhiêu ngày khi tất cả gần như kiệt lực ngất xỉu thì được tàu buôn cứu vớt.

Tại trại tị nạn nàng được đưa vào bịnh viện. Nàng như điên dại trong bịnh viện gần một năm. Cho đến một hôm, qua khung cửa sổ nàng thấy những đứa trẻ vui đùa, nàng nghĩ đến con nàng. Đứa con mà gần một năm nay nàng đã quên, nàng yêu cầu cho được gặp con. Như một phép lạ nàng trở lại bình thường khi gặp lại con, nàng ôm con, hai mẹ con nước mắt giàn giụa. Thế nhưng gặp con như gặp một phép lạ giúp nàng tìm lại trí nhớ nhưng không giúp nàng thoát được khỏi căn bịnh ung thư.

Lũ hải tặc quỷ dữ và những trò chơi đầy thú tính đã làm nàng kiệt sức. Nàng mỗi ngày mỗi yếu dần. Nhưng nàng vẫn thích tranh luận, nàng vẫn làm cho mọi người cười chảy ra nước mắt về những câu chuyện vui của nàng, vẫn làm cho mọi người cảm động về những chuyện vui buồn ở trại tị nạn Philippine nơi nàng có thời gian làm công tác thiện nguyện sau khi đã định cư. Những đứa con đỡ đầu của nàng ở trại tị nạn, không biết bây giờ chúng ở đâu.

Nàng mỗi ngày một yếu hơn. Nàng không còn đi được nữa, phải dùng xe lăn, nhưng vẫn thích ngồi trên xe lăn cùng tôi đi chợ, ngồi trên xe lăn chỉ tôi nấu bếp, ngồi trên xe lăn đi ăn phở, ngồi trên xe lăn dạo phố Bolsa, ngồi trên xe lăn đi shopping như ngày nào năm xưa tôi và nàng dạo phố trên đường Lê Lợi của Saigon.

Hàng đêm khi ru nàng ngủ xong là giờ tôi cầu nguyện. Tôi cầu nguyện cho được hàng ngày đưa nàng đi chợ, đi dạo phố trên chiếc xe lăn mãi mãi.

Nàng mỗi ngày một yếu hơn nữa. Nàng có lúc tỉnh, lúc mê. Có những lúc cơn mê hiền hòa, cũng có những lúc cơn mê dữ dội, đầy tiếng hét. Ôi những tên hải tặc man rợ vẫn chưa ra khỏi ký ức của nàng. Tôi đưa nàng vào bịnh viện, bác sĩ cho biết ung thư của nàng đã là thời kỳ cuối và nàng chỉ còn sống một thời gian ngắn. Một buổi sáng sau cơn đau dữ dội nàng đã ra đi. Bất chấp tiếng gào thét của tôi, bất chấp những dòng lệ của tôi tuôn tràn trên má.

Hôm nay là ngày đưa nàng về nơi an nghỉ cuối cùng. Quan tài của nàng được đặt trên bục cao, nắp quan tài mở ra, nàng nằm trong đó, khuôn mặt trông thật hiền hòa. Điều này cho mọi người có cảm giác như nàng đã trải qua cuộc sống thật êm đềm, thật bình dị, thật hạnh phúc. Trong nhà quàn có tất cả những người thân của

nàng. Mọi người lăng yên để tưởng nhớ nàng.

Chợt một người đàn ông từ dưới hàng ghế ngồi bước lên, chàng đến bên quan tài, im lặng nhìn người quá cố, rồi chàng khóc, chàng khóc nức nở, nước mắt ràn rụa, gục xuống quan tài. Chàng lại khóc, khóc mãi và từ trong khóe mắt người quá cố hình như cũng đẫm lệ.

Lê Quỳnh

Lá Thư Tình Đầu

Vĩnh Chánh

Tác giả là Bác sĩ Vĩnh Chánh, thuộc Hội Y Khoa Huế Hải Ngoại. Với bài bài «Không Bỏ anh em, không bỏ bạn bè» ông viết Tháng Tư 2013, Vĩnh Chánh đã nhận giải danh dự Viết về nước Mỹ cùng năm. Tốt nghiệp Y Khoa Huế năm 1973, thời chiến tranh, ông là Y Sĩ Trưởng binh chủng Nhảy Dù cấp tiểu đoàn và gắn bó với đơn vị chiến đấu cho tới giờ phút cuối tại vành đai Sài Gòn ngày 30 tháng Tư.

Mấy ngày vừa qua, các diễn đàn trên mạng chuyển một lá thư tỏ tình viết bằng tiếng Pháp được phiên dịch ra tiếng Việt, trúng giải nhất trong mùa lễ Saint Valentin tại Pháp Quốc. Hôm nay, nhân lễ Valentine, xin mạn phép chia sẻ cùng quý vị một lá thư xưa chúng tôi mới lục tìm được từ đống kỷ niệm của quá khứ. Tìm được lá thư thấy như tìm lại một kho tàng tưởng đã mất. Đó là lá thư đầu tiên tôi viết cho người tôi si mê, ngày 19 tháng 4, 1968, đánh dấu bước đầu của cuộc chinh phục khó khăn đầy trắc trở. Tôi, sinh viên YK năm thứ Nhất, đầy đam mê, ngông cuồng của tuổi thanh niên; người ấy, mới học nửa năm lớp Đệ Ngũ trường Đồng Khánh.

Hè 1967, một cô bé nhỏ nhắn xuất hiện tại nhà tôi khiến tim tôi ngạc nhiên đập lỗi nhịp. Nàng đem bánh của Mẹ làm đến biếu «Bà Vú» , tiếng nàng gọi Măng của tôi vì Măng tôi là Vú Đỡ Đầu cho Mẹ nàng khi Ba Mẹ nàng làm đám cưới. Đấy chính là cô bé mặc áo đầm vàng đã thu hút cái nhìn của tôi khi đang đi dạo cùng với Mẹ và các em tại công viên trước trường Đồng Khánh, mới mấy ngày trước. Đây cũng là nhân vật trong bức ảnh gia đình, một món quà tặng của Mẹ nàng, Măng tôi vẫn treo trên tường, gần bàn học của tôi. Mỗi khi nhìn đến, tôi vẫn liên tưởng rằng ngày sau tôi sẽ có được nàng, như một ám ảnh, một ước mơ thầm kín.

Trong thảm họa Mậu Thân 68, khi biết gia đình nàng được an toàn, đang lánh nạn tại Dòng Chúa Cứu Thế, tôi tức tốc tìm thăm dù đường đi còn dấu vết tàn phá và chết chóc. Xác xe, xác người rải rác bên vệ đường; cành cây nghiêng ngã văng đầy khắp nơi do bom đạn, hiện trường như một cảnh phim... để chỉ kịp thấy nàng vài ba phút, trao một ít đồ hộp, rồi nàng vội vã quay vào với gia đình. Hình ảnh xanh gầy của nàng với đầu tóc ngắn thân thuộc trong một buổi sáng có gió lạnh và mây xám trên trời mãi mãi ám ảnh tôi từ dạo đó.

Bận rộn làm việc liên tục tại Bệnh Viện Huế cùng với đàn anh Nguyễn Văn Chử, khóa 4, Bảo Chủ, khóa 4, Trần Tiễn Ngạc, khóa 7, phụ giúp cho BS Thomas Herod giải phẫu trong thời điểm gay cấn, nóng sốt nhất, tôi không có cơ hội đến thăm nàng. Thời gian kề cận ngày rời Huế để vào Saigon học tiếp, tôi lấy hết can đảm viết cho nàng một lá thư không viết nháp, không soạn thảo. Không nắn nót, trau chuốt, viết luôn một mạch. Giọng thư làm ra vẻ ngang tàng, hài hước. nhưng rất chân thật, không có giọng chìu lụy, van xin tình cảm.

Dĩ nhiên thư tôi không được hồi âm.

Nàng theo gia đình dời đi Nha Trang, rồi lên học Đà Lạt, rồi dọn về Saigon. Nàng vẫn là «gái trong song cửa» , tôi đóng bộ «chiến binh» . Mối tình trong tôi vẫn đeo đẳng không thôi.

Và sau đây là bản đánh máy Lá Thư Đầu tiên, không sửa lỗi chính tả :

19-4-1968

Mến gởi cô bạn của anh Vĩnh Chánh,

Chắc cô ngạc nhiên khi nhận được mấy giòng chữ lạ lùng này. Nhưng xin cô hãy bình tĩnh đọc. Theo tôi biết hình như cô đã quen với anh V. C không được lâu đâu

và chắc cô cũng đã được nghe nói đến «lảo tình địch nguy hiểm» của anh ta. Tôi xin tự giới thiệu là nhân vật ấy, ẩn núp trong bóng tối từ mấy năm vừa qua và chẳng có việc gì giữa cô và anh ta mà tôi không biết (?) Hôm nay tôi đánh bạo viết lá thư này mong cô thông cảm dùm tôi, một tâm hồn đã si mê cô nhưng không gặp may mắn như anh V. C. Tôi hiểu cô yêu thương anh ấy lắm nhưng luôn tiện cô cho phép tôi nói xấu anh ta một chút nhé.

Tôi tuy quân tử nhưng trong việc ái tình người ta có thể sử dụng bất cứ một khí giới nào. Anh V. C chắc cô đã biết rõ là một người khó tính, hay khinh người (?) , ăn nói tuy có duyên, nhưng hay luẩn quẩn lắm; anh ta rất cộc cằn, thô lỗ, dữ tợn, ăn nói nghênh ngang và là một con người tự đắc, tự phụ lắm, kêu (kiêu) căng lắm. Anh ấy hữu tài hữu tướng thật, nhưng thời buổi loạn ly này hạng người như thế chỉ vô dụng. Theo tôi nghĩ, cô nên nhìn rõ tình thế mà cuốn gói theo tôi gấp vào Saigon. Trong này tôi sẽ ngâm thơ cho cô nghe (vì tôi có một tâm hồn thi sĩ !!? ?) , sẽ dẫn cô đi xi nê cọp vì tôi, thú thật với cô, tôi nghèo lắm, và tôi sẽ dẫn cô đi lang thang từ tỉnh thành này đến làng mạc kia, dọc ngang trái đất loài người này. Vì cũng như cô, tôi là người bơ vơ, cô đơn. Tôi sẽ đem cô đi mãi cho đến thế giới thần tiên, tôi yêu thương cô nhiều và chỉ muốn trên trái đất này chỉ

có đôi ta thôi. Chắc là cô nghĩ tôi còn lẫn quẫn và «tự phụ» hơn gấp mấy lần anh V. C giả dối đạo mạo đáng ghét kia, lúc nào cũng muốn lên giọng dạy đời. Nhưng cô cũng biết trên đời này cái gì cũng khi lên khi xuống, khi thăng khi trầm.

Thôi nói nhiều làm gì, chỉ khêu thêm lòng mong nhớ của tôi, muôn đời muôn kiếp sẽ không bao giờ nguôi.

Ký tên : Kẻ tình địch của thằng V. C

TB. Xin cô đừng cho anh V. C biết vụ này vì nếu anh ta biết, (anh) ta sẽ nổi cơn ghen thì tôi chẳng biết chạy trốn ở phương nào bây giờ.

Ngày 19 tháng 4, 1975, bảy năm sau ngày tôi viết Lá Thư Đầu Tiên cho nàng, tôi được nàng đến thăm ngay tại Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 5 Nhảy dù khi tiểu đoàn đóng quân tại xưởng dệt Công Thành ở Hóc Môn. Bối cảnh chao đảo của cuộc chiến đã lay động nàng. Tấm lòng của tôi được ngó đến, tình yêu của tôi được vun xới ngày thêm sâu đậm. Mà đoạn kết là một «đám cưới chạy tang» , 3 ngày sau khi mất nước.

Cất giữ được lá thư của tôi sau 47 năm là một điều kỳ lạ, kỳ lạ như những dòng chữ tôi đã viết với rất nhiều lỗi chính tả, lỗi kiểu cách ngông nghênh vụng về thời tuổi trẻ bồng bột.

Em yêu,

Qua bao nhiêu thử thách, trên chiến trận, trong tù đày. Qua bao nhiêu sóng gió, giông bão của cuộc đời, tình yêu của chúng ta đã vượt lên trên hết. Vững mạnh. Đằm thắm. Tăng trưởng trong tin yêu và tha thứ. Thời gian như tên bay, nhìn về phía trước, con đường chúng mình cùng sánh bước sẽ diệu kỳ, như định mạng đã mầu nghiệm sắp đặt.

Cầu chúc em sống đẹp, vui mạnh, an lành bên anh mãi mãi.

Ngày 9 tháng 2, 2015

Bên bờ hồ Mission Viejo, CA

Vĩnh Chánh

Valentine : Gương Vỡ...

Phương Hoa

Tác giả là một nhà giáo tại Marysville, thành phố cổ nhất của tiểu bang Calif. Với loạt bài viết về Vietnam Museum, «Viện Bảo Tàng Của Những Người Lính Bị Bỏ Quên» bà đã nhận giải chung kết Viết Về Nước Mỹ 2014.

Hắn đứng run lẩy bẩy dưới tiết trời lạnh giá bên ngoài ngôi nhà màu gỗ gụ. Trời đã sẩm tối, sương mù ào ạt phủ xuống bộ quần áo phong phanh cũ kỹ, vương đậm mùi thức ăn của hắn. Ngọn đèn đường trước cửa đã tắt mất nên ngôi nhà như chìm trong màn sương. Tay cầm gói quà nhỏ có thắt nơ kỹ lưỡng và một đóa hồng nhung, hắn len lén bước lại gần cửa sổ. Nhìn qua khe trống của tấm rèm hoa, tim hắn đập rộn ràng khi thấy Hiền đang lui cui trải chiếc khăn rực rỡ hoa văn bong bóng lên chiếc bàn cà phê nơi phòng khách. Hôm nay là ngày lễ Valentine, cũng là sinh nhật thứ bảy của thằng cu Ky con trai hắn. Thằng bé sinh vào buổi tối ngày lễ Tình Yêu, nên bạn bè chung sở hắn ngày trước rất là ngưỡng mộ, họ thường gọi nó là «Valentine Baby» , đứa bé của tình yêu.

Hiền trải bàn xong, mở tủ lạnh bưng chiếc bánh sinh nhật màu sô cô la cùng với hộp đèn cầy ra đặt lên bàn.

- Mẹ ! Hôm nay con có quà chứ ? Cu Ky từ trong phòng chạy ra hỏi lớn.

Hắn đặt tay lên ngực, nín thở. Chỉ chưa đầy hai năm không gặp mà thằng con đã cao lên rồi. Thằng bé mặt mũi sáng sủa hồng hào, trán cao mắt to, đẹp trai giống hệt hắn. Hắn muốn gọi cửa chạy vô ôm con vào lòng và trao món quà sinh nhật cho nó, cùng trao đóa hồng nhung cho Hiền, nhưng không dám. Thời hạn một năm đã qua từ lâu, không biết vợ hắn có gia hạn lại cái lệnh tòa cấm hắn đến gần cô ấy hay chăng. Hắn tự nguyền rủa hắn. Sao ngày ấy hắn nỡ mạnh tay với Hiền như thế chứ.

Chợt có ánh đèn xe sáng lóa thật gần, vệt sương mù chiếu thẳng vào hắn. Hắn vội bước tránh sang phía cửa hàng rào bên hông nhà, vì sợ Hiền nhìn ra thấy bóng. Ngôi nhà này nằm chính giữa trung tâm của một ngả đường chữ T. Lúc vợ chồng hắn chuẩn bị mua, vài người bạn làm chung hảng đã nói nhà này không tốt. Nhà quay mặt ra ngã ba chữ T rất nguy hiểm, vì con đường đối diện hướng thẳng vào nhà, dễ bị xe cộ chạy lỡ trớn đâm vào ủi sập. Chẳng những thế, hướng nhà còn «phạm phong thủy» , vì xe cộ liên tục «đẩy khí hư»

vào nhà sẽ mang theo xui xẻo. Hắn không tin, nên nhất quyết mua cho bằng được ngôi nhà vừa rẻ vừa đẹp này. Nhưng giờ đây khi mái gia đình ấm êm hạnh phúc của hắn đã bị tan nát, hắn mới tin họ nói đúng. Hắn thầm nghĩ, nếu có cơ hội trở về sống ở đây, hắn nhất định sẽ bán ngôi nhà này và mua một căn khác.

Xe chạy qua khỏi, hắn rón rén bước trở lại chỗ cửa sổ nhìn vào nhà.

- Tất nhiên là có rồi, con trai yêu của mẹ ! Hiền trả lời cu Ky trong khi cắm mấy cây đèn cầy bé tí lên chiếc bánh.

- Mẹ ! Cu Ky chỉ tay vào chiếc bánh. Sao lại chỉ có chiếc bánh ? Sao mẹ không làm tiệc để con mời bạn ? Sinh nhật các bạn ấy đều có mở tiệc hết, họ mời con thì mẹ không dẫn con đi, bây giờ đến sinh nhật con mẹ cũng chỉ có chiếc bánh mà không mời ai cả ! Mẹ không thương con ! Thằng bé vùng vằng, hờn dỗi. Mới học lớp Hai mà nó đã biết cảm nhận, so bì với chúng bạn.

- Không phải thế đâu con ! Hắn nghe giọng Hiền như nghẹn ngào. Nàng bỗng dừng tay, ôm con vào lòng, mắt nhìn sững vào khoảng không trước mặt. Hình như cô ấy đang khóc, hắn nghĩ. - Là vì mẹ quá bận nên không có thời gian tổ chức tiệc. Nhưng mẹ hứa, sẽ tổ chức một

buổi sinh nhật thật to cho con trong những lần sinh nhật tới.

Hắn nghe tim mình nhói đau. Chắc chắn là Hiền không đủ khả năng làm tiệc cho thằng con mà nàng hết sức yêu quý. Khi thằng cu Ky còn nhỏ, mỗi năm vợ chồng hắn đều tổ chức mừng lễ Tình Yêu, kết hợp với tiệc sinh nhật cho con thật lớn và mời đông đảo bạn bè. Tại hắn tất cả. Hắn bỏ đi đã để lại món nợ nhà cho Hiền gánh. Đến giờ này nàng còn giữ được ngôi nhà là giỏi lắm rồi. Ngày xưa hắn là kỹ sư ngành tiện, Hiền làm nha tá trong một bệnh viện lớn của thành phố, cuộc sống hai vợ chồng rất ổn định. Vì nhà này mua khá rẻ, khi giá nhà lên cao hắn bàn với Hiền mượn thêm một số equity để tân trang, làm mới lại hoàn toàn. Cửa nhà đẹp đẽ khang trang, cộng thêm thằng cu Ky bi bô, cuộc sống vợ chồng hắn hạnh phúc lắm.

Chỉ có điều, dù đã lập gia đình, hắn vẫn không bỏ được cái tật ham vui thời độc thân.

Mỗi chiều đi làm ra hắn thường ghé quán nhậu của người Việt lai rai với bè bạn trước khi về nhà. Lúc đầu vợ hắn không nói gì. Hiền nghĩ hắn làm việc mệt mỏi, cũng nên để hắn có những giờ phút thoải mái với bạn bè. Nhưng đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma. Một thứ Sáu cuối tuần sau khi nhậu ngà ngà, mấy thằng bạn bèn

nổi hứng kéo hắn qua San Francisco tìm tươi mát. Đó là lần đầu hắn qua đêm nơi khác, không phải ở nhà. Buổi sáng hắn trở về trên người còn nặc nồng mùi rượu và mùi phấn son sau một đêm trác táng.

Lần đó hắn năn nỉ trối chết và Hiền đã tha cho hắn. Không ngờ «ăn quen bén mùi» , nhất là khi hắn gặp Lili một ả giang hồ điêu luyện thì chuyện đi San Francisco mỗi cuối tuần coi như... hết gỡ. Bị Hiền làm dữ, hắn nhiều lần nổi điên dùng nắm đấm với nàng. Lần sau cùng, hắn xô vợ té đến gãy tay. Hiền không còn chịu đựng được nữa, nàng đã gọi cảnh sát, và đời hắn bắt đầu sang ngả rẽ khác.

Một cơn gió buốt thổi qua, làn sương lạnh ập vào mặt làm hắn rùng mình. Nhưng hắn vẫn dán mắt nhìn chăm chăm qua khung cửa kính. Nhìn hai mẹ con Hiền cắt bánh rồi ăn bánh với nhau, cô đơn lẻ loi trong căn nhà vắng, bơ vơ trong ngày lễ Tình Yêu, mà hắn chảy nước mắt. Hắn biết chưa có bóng dáng đàn ông nào khác trong ngôi nhà cũ. Ly thân đã hơn hai năm rồi, dù Hiền chưa nộp đơn ly dị nhưng khi còn ở trong tù hắn đã nghĩ cô ấy vừa xinh đẹp lại hiền thục thì thế nào cũng có ai đó tình nguyện chăm lo. Do vậy mà ra tù mấy tháng rồi, hắn vẫn chưa dám về gặp Hiền dù rất nhớ thằng con.

Năm đó tuy Hiền bị hắn đánh đến gãy tay, nàng vẫn bãi nại, tha cho hắn khỏi ngồi tù. Nhưng vì còn giận, nàng đã xin lệnh tòa cấm hắn không cho lại gần. Thay vì hối cải, chờ đợi Hiền nguôi giận sẽ xin tòa xóa lệnh, hắn đã giận dữ tỏ vẻ bất cần, ra ngoài thuê nhà khác. Lili nghe được chuyện hắn bỏ nhà, đã lần mò tìm đến và tình nguyện sống chung với hắn. Hắn nào biết ả là một con nghiện có dính dáng đến chuyện trồng cây cần sa lậu để bán. Có lần cô ả nhờ hắn chở dùm một số chậu «Marijuana» mà ả nói là cây kiểng tên «Phát Tài» đem đi giao hàng. «Marijuana» là loại cây cần sa gây nghiện bị chính phủ cấm trồng. Ả đưa hắn tấm bạt lớn, kêu hắn khi chở cây hãy dùng nó che lại cho khỏi bị nắng làm hư. Hắn cũng tin thật, nhưng hôm ấy trời mát và hắn cũng lười nên không thèm che đậy gì cả.

Những chậu cây xanh đẹp mượt mà, lắt lay trong gió trên xe truck của hắn đã làm cho cảnh sát tuần tiễu chú ý. Thế là hắn vào nhà đá gỡ lịch trong khi ả Lili cuốn xéo biệt dạng. Cộng thời gian bỏ nhà ra ở riêng, hắn đã vắng mặt hai lần sinh nhật của con trai.

Trong nhà, cu Ky đang mở quà. Nhìn thằng con mặt mày hớn hở đang cẩn thận gỡ từng mối băng keo trên hộp quà thật to mẹ nó vừa trao, hắn cảm động mỉm cười một mình. Có lẽ Hiền đã mua món quà lớn này cho con

để đền bù sự thiếu thốn, không có quà từ cha nó. Hắn thấy hồi hộp, nôn nao trong lòng, không biết làm cách nào để trao món quà này cho con. Chắc là thằng bé sẽ thích lắm, hắn nghĩ, tay bóp mạnh gói quà nhỏ hình chữ nhật. Đây là chiếc kèn Harmonica mà hắn đã hứa mua cho cu Ky trước đây nhưng rồi việc tồi tệ xảy ra nên hắn không còn cơ hội mua cho nó. Hắn đã dạy cu Ky thổi kèn Harmonica từ năm lên bốn, và thằng bé rất có năng khiếu. Chiếc kèn này là món hàng xa xỉ đầu tiên hắn mua từ khi ra tù.

Hắn ra tù cũng đã được sáu tháng. Dù trước đây hắn là một kỷ sư tiện rất tài giỏi, nhưng cái vết xấu từng bị ở tù đã lấy đi tương lai của hắn. Không nơi nào chịu thuê, cho dù nhiều chỗ hắn tình nguyện nhận làm với mức lương căn bản, chỉ cầu đủ ăn. Hắn tìm đến những bạn nhậu thân quý của hắn ngày trước nhờ giúp đỡ, nhưng tất cả đều né tránh. Ai lại muốn dính dáng đến một người có tiền án chứ. Bây giờ hắn mới thấy, ở trên đất Mỹ này, nếu để sa chân lỡ bước, bị đi tù là đi đời. Hắn phải ngủ vĩa hè từ khi ra tù đến giờ, ngày ngày vừa đi tìm việc vừa dành thời gian đến chen lấn với mấy người Mễ lậu trên đường High Street, chờ người ta đến mướn dọn cỏ, đổ rác kiếm vài chục mua thức ăn.

Nhưng không phải ngày nào hắn cũng được thuê, và những ngày túi rỗng thì hắn đến sắp hàng ở các trung tâm «Homeless Shelters» nơi bố thí thức ăn cho những kẻ không nhà để kiếm chút thức ăn đỡ dạ. Việc này là một cực hình cho hắn, cực hơn cả việc đi đổ rác cho người ta. Mỗi khi đến sắp hàng, hắn thường đội mũ sụp che mặt lại, mắt lấm lét dòm trước ngó sau, sợ có người quen nhìn thấy. Khi cuộc sống của hắn đã thảm hại đến mức cùng cực, có người tìm đến cho biết muốn giúp hắn. Người này thuộc nhóm của ả Lili, nói sẽ trả hắn thật nhiều tiền nếu hắn chịu làm việc cho anh ta. Nhưng hắn nhất quyết từ chối vì biết đây là cạm bẫy. Đã trải qua kinh nghiệm ngồi tù oan uổng, nên giờ hắn chỉ muốn kiếm những đồng tiền trong sạch. Hắn thề sẽ cố gắng làm lại cuộc đời, cố đứng dậy để một ngày nào đó có thể trở về thăm Hiền và thằng con hắn.

Trước đây dù rất nhớ cu Ky và cũng muốn xem cuộc sống mẹ con Hiền ra sao, hắn vẫn không dám vác cái tấm thân tàn ma dại về gặp họ. Nếu hôm nay không phải sinh nhật của cu Ky, hắn đã không bí mật về đây.

Hắn dám lén về nhà là vì vận hạn của hắn đã có chút khởi sắc. Sự quyết tâm làm lại cuộc đời của hắn cũng đã được ông Trời chiếu cố. Hai tuần trước, hắn tình cờ gặp lại người bạn quen ngày học đại học, và người

này đã giúp giới thiệu hắn đến rửa bát ở một quán ăn người Việt trong thành phố. Hôm nay là lễ Valentine quán bận rộn, hắn phải rửa chén túi bụi suốt cả ngày. Buổi tối xong việc hắn đánh liều năn nỉ bà chủ tốt bụng ứng trước cho hắn chút tiền để mua quà sinh nhật cho thằng con. Có tiền, hắn chạy vội ra phố mua chiếc kèn Harmonica mà hắn đã để ý từ trước, và một đóa hồng nhung của người bán hoa bên vệ đường. Xong hắn đón xe Bart về lại thành phố cũ. Hắn không dám gặp Hiền, nên

dự định sẽ để quà ngoài cửa rồi đi. Bây giờ nhìn con, hắn chần chừ không muốn bước.

Cu Ky đã tháo xong món quà của mẹ. Đó là một chiếc máy bay trực thăng có cần điều khiển. Mặt mày sáng rỡ, thằng bé reo lên sung sướng :

- Wow ! Con thích lắm ! Cám ơn mom ! Rồi nó nhíu mày : - Nhưng nhiều phụ tùng quá, làm sao con ráp lại cho nó bay đây ?

- Mẹ cũng chưa biết, thôi thì chúng ta hãy đọc kỹ tờ chỉ dẫn và cùng nhau ráp nhé. Nói xong Hiền cùng con cặm cụi tháo tháo ráp ráp một hồi. Hiền lục tung thùng đồ nghề trước kia hắn thường dùng để tìm ốc vít, rồi lấy quyển tự điển ra, và cúi mọp người xuống tra từng chữ.

Nhưng hình như nàng vẫn không hiểu gì mấy những từ ngữ chuyên môn về máy móc, nên loay hoay mãi mà vẫn chưa ráp xong chiếc trực thăng. Hắn thấy xót xa, tội nghiệp cho nàng, và càng tự nguyền rủa bản thân hắn, mấy năm rồi đã để vợ một mình nuôi con. Ngày xưa Hiền là cô sinh viên nha tá xinh đẹp, biết bao người đeo đuổi, mà nàng lại yêu và lấy hắn để rồi chịu khổ.

Mày mò một lúc, Hiền bỗng ngừng tay, lắc đầu nói với con : - Ôi, mệt quá ! Ba cái vụ máy móc này sao rắc rối thế hổng biết. Mẹ làm hoài mà vẫn không được. Chắc là để mai mẹ đem vô chỗ làm nhờ mấy ông bạn mẹ chỉ dùm. Đột nhiên Hiền nhìn thằng Ky một lúc rồi nói : - Phải chi có ba con ở nhà...

- Sao ba lâu về vậy mẹ ? Thằng Ky cũng nhìn lại mẹ và hỏi. Ba có biết hôm nay là sinh nhật của con không ?

Nghe những lời này của hai mẹ con, hắn cảm thấy toàn thân rúng động. Nước mắt tuôn trào, hắn đứng bên ngoài cửa sổ dưới sương mù, ôm mặt khóc ngất. Mấy cái gai nhọn của cành hồng đâm vào má hắn đau điếng nhưng hắn cũng không hay. Gói quà trên tay hắn ướt nhẹp nước mắt lẫn sương đêm. Đang khóc, hắn bỗng nghe Hiền nói :

- Thôi con dẹp tất cả lại dùm cho mẹ, để mẹ đem rác bỏ ngoài thùng kẻo lát nữa khuya không dám ra ngoài. Ngày mai họ lấy rác rồi.

Hắn còn lính quýnh chưa biết tính cách nào để đưa món quà cho cu Ky, thì đã nghe tiếng cửa hàng rào mở. Hắn biết Hiền ra tới. Không kịp suy nghĩ, hắn liệng đại gói quà lẫn cành hồng sang phía cửa chính và xoay mình lao ra đường.

Bỗng một luồng ánh sáng chiếu vào mặt hắn cùng với tiếng xe đang lao tới trong màn sương. Hắn hoảng hồn đứng sững lại. Nhưng đã không còn kịp nữa. Hắn chỉ kịp nghe tiếng xe thắng gấp.

Két... Két... R... e... c... c... Ầm ! Và rồi hắn không còn biết gì nữa.

Hắn tỉnh lại trong căn phòng đầy mùi thuốc của bệnh viện. Đầu bị quấn băng kín mít, mũi đeo ống dưỡng khí, ống chân trái hắn bị nẹp lại bằng thanh sắt, mình mẩy đau nhừ. Hắn lơ láo nhìn xung quanh, không biết việc gì đã xảy ra với hắn. Nằm suy nghĩ một lát, hắn nhớ lại tất cả. Chiếc kèn Harmonica quà sinh nhật cho cu Ky. Đóa hồng nhung cho Hiền hắn quăng nơi cửa trước. Tiếng mở cửa hàng rào của Hiền. Và ánh đèn của chiếc xe vẹt sương mù đâm sầm vào hắn.

- Ồ, ông đã tỉnh ! Tiếng người y tá reo lên.

- Là ai đã đưa tôi vào đây vậy cô ? Hắn hỏi, giọng yếu ớt thều thào.

- Vợ ông. Ông bị thương trúng đầu rất nặng, cổ chân thì bị nứt xương. Người tài xế đụng ông là một gã say, hắn chẳng giúp gì cho ông cả. Thật may vợ ông đã gọi xe cấp cứu đưa ông vào đây, nếu để trễ thì ông khó toàn tính mạng. Bác sĩ đã kịp thời làm phẫu thuật loại bỏ máu tụ trong đầu để cứu ông đó.

- Vợ tôi ? Hiền đã đưa tôi vào đây ? Hắn hỏi, giọng xúc động đến run rẩy.

- Phải ! Bà ấy đã ở đây, vừa rời khỏi lúc nãy sau khi nghe bác sĩ nói ông sắp tỉnh lại.

Hắn mừng đến không thở nổi. Miệng hắn há ra ngáp ngáp, sợi dây dưỡng khí rung lên phập phồng trên mũi hắn. Cô y tá lật đật chạy đi gọi bác sĩ. Cô ta đâu biết hắn «lên cơn» vì quá đỗi hạnh phúc, vì nghĩ Hiền đã không nỡ để hắn chết. Nàng đã đưa hắn vào đây chứng tỏ nàng là đã tha thứ cho hắn.

Nhưng hắn đã lầm. Hắn tỉnh lại mấy ngày rồi mà không thấy bóng dáng Hiền đâu. Hắn cứ hỏi đi hỏi lại người y tá có thật sự là Hiền đã đưa hắn vào bệnh viện.

Cô y tá xác nhận đúng, và còn nói trong những ngày hắn hôn mê chiều nào Hiền cũng đưa thằng con trai vào thăm hắn. Hôm nào bận, Hiền gọi điện thoại hỏi thăm hắn tỉnh chưa. Nghe thế hắn thầm mừng, xin số điện thoại của Hiền từ người y tá và nhờ phone của bệnh viện gọi cho nàng. Lần đầu tiên hắn gọi, Hiền nghe tiếng của hắn thì gát máy. Những lần sau nàng không thèm nhấc phone. Hắn đã nhiều lần để lại tin nhắn, năn nỉ, van xin nàng tha thứ nhưng Hiền vẫn bặt tăm. Ngày qua ngày, hắn sống trong sự đau khổ dày vò, đợi chờ Hiền đưa thằng cu Ky vào cho hắn thấy mặt, để hắn được nói lời tạ tội với nàng.

Đến khi người y tá cho biết ba ngày nữa hắn sẽ được xuất viện thì niềm hy vọng của hắn tắt phụt. Hắn nhận ra mình đã mừng hụt. Hiền đưa hắn vào đây chẳng qua là vì lòng nhân đạo muốn cứu một mạng người. Có lẽ Hiền cũng sẽ làm thế với bất cứ ai khác. Sau cùng hắn đành chấp nhận sự thật, vì biết mình không đáng được Hiền thứ tha. Hắn xin giấy bút và viết một lá thư cho Hiền rồi nhờ người y tá gửi đi. Trong thư ngoài việc xin lỗi Hiền, cám ơn nàng đã cứu mạng, hắn còn xin nàng một ân huệ cuối cùng là được một lần gặp lại cu Ky để từ giã nó.

Cuối thư hắn viết, «Dù sau ba hôm nữa khi rời khỏi đây anh sẽ là một tên Homeless, nhưng anh xin thề sẽ làm lại cuộc đời, sẽ sống rất tử tế để tìm lại chính mình, và sẽ không làm cho cu Ky sau này phải hổ thẹn vì có một người cha tồi tệ» .

Thư gửi đi rồi, hắn mong mỏi từng ngày, từng giờ, chờ đợi sự xuất hiện của Hiền và thằng con. Nhưng hình bóng họ vẫn là bóng chim tăm cá.

Ngày xuất viện, hắn chống cây nạng lê từng bước chân uể oải ra cổng. Bầu trời tháng Hai u ám xám xịt như hoàn cảnh hiện tại của hắn. Tâm sự trùng trùng, cộng với đớn đau thể xác đã làm hắn toát mồ hôi, dù tiết trời lạnh giá. Người mệt lả, hắn thất thểu bước lại một gốc cây cổ thụ, rồi ngồi đổ vật xuống tựa vào gốc cây thở hồng hộc. Thế là hết. Hiền không đến tức là nàng muốn cắt đứt quan hệ giữa hắn và cu Ky. Hắn nhắm mắt, hình dung ra khuôn mặt mũm mĩm, ngát mùi thơm con nít của thằng con ngày xưa khi hắn tập thổi Harmonica cho nó, và Hiền thì đứng bên cạnh vỗ tay. Tất cả những kỷ niệm xưa bỗng ào ạt hiện về làm đầu óc hắn muốn vỡ tung. Hắn cảm thấy kiệt sức và thiếp đi.

Tiếng kèn Harmonica bỗng vang lên lãnh lói bên tai làm hắn giật mình bừng tỉnh. Mở mắt ra, hắn thấy cu Ky đang đứng bên cạnh thổi bài «Tò te cây me đánh

đu» mà ngày xưa hắn dạy nó, và Hiền thì đứng ở đàng xa, quay lưng về phía hắn.

Hắn dụi mắt, tưởng mình đang nằm mơ, rồi khi nhận ra đó là sự thật thì hắn bật khóc : - Cu Ky của ba ! Hắn nhào tới ôm thằng bé vào lòng. Cu Ky ngừng thổi, bá lấy cổ hắn :

- Ba ở nhà đừng đi nữa nghe ba !

- Không ! Không đâu con ! Hắn lập cập trả lời, rồi chụp lấy cây nạng, một tay dắt thằng con, hắn bước đi như chạy đến trước mặt Hiền, mặc kệ cổ chân hắn đau đến đứt ruột.

Vất cây nạng sang một bên, hắn quỳ gối trước mặt Hiền, nước mắt chảy dài trên mặt. Hắn bình sinh ít lời lẽ, không biết nói lời ngon tiếng ngọt. Nhưng không hiểu sao hôm nay hắn bỗng trở nên lưu loát lạ thường :

- Hiền ! Xin em tha thứ cho anh ! Cái mạng này là do em lượm lại. Anh xin thề là từ nay anh sẽ cố gắng chăm sóc cho em, cho con để đền bù lại những lỗi lầm anh đã gây ra. Bây giờ anh không có ai là người thân, nếu em giận mà bỏ mặc thì anh không còn chỗ để đi.

Hiền đứng im không trả lời, nhưng hắn thấy mắt nàng ươn ướt. Hắn quay qua cầu cứu thằng con : - Ky ! Con yêu của ba, hãy xin dùm mẹ tha thứ cho ba đi.

- Mẹ ! Tha cho ba đi mẹ ! Thằng bé kéo bàn tay Hiền đặt vào tay ba nó : - Mẹ đã chẳng nói với con là hôm nay mình đi đón ba sao ?

Hắn nghe thế thì mừng quýnh, vội đứng lên kéo Hiền vào lòng ôm chầm lấy nàng, miệng hắn lắp bắp, giọng nghẹn đầy nước mắt :

- Hiền ! Em... em... Anh... đã quá đau khổ, quá ân hận, đã trả giá đắt cho lỗi lầm của mình rồi. Cu Ky cần có ba... Hãy cho anh về với mẹ con em. Anh sẽ vừa đi làm nhà hàng vừa đi học lại để lấy cái bằng Bếp Trưởng. Anh sẽ làm lại từ đầu.

Mắt mọng đỏ, toàn thân run rẩy, Hiền vùng vằng đẩy hắn ra.

Nhưng hắn biết đây là cơ hội cuối cùng, nên hắn càng ôm nàng chặt cứng.

- Mẹ ! Cu Ky chợt cầm lấy tay Hiền, lắc mạnh : Mẹ cho ba về để ba tập con thổi kèn bài

«Ba Ngọn Nến Lung Linh» đi mẹ ! Con biết hát nhưng mà không biết thổi bài này. Thằng bé nói xong quàng một tay qua ôm chân hắn, tay kia ôm chân mẹ nó.

Cử chỉ và những lời nói thơ ngây của cu Ky làm cho Hiền khóc nức nở. Nàng hơi do dự một chút, và đột ngột vòng tay ôm lại hắn. Rồi nàng đứng yên, không nói một lời nào.

Nhưng hắn biết, kể từ giây phút này tấm gương vỡ lại lành...

Valentine 2015

Phương Hoa

Viết Cho Những Người Đang Yêu

Nguyễn Bích Thủy

Tác giả đã nhận giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2014. Cô sinh năm 1962, tốt nghiệp Đại Học Mỹ Thuật năm 1988 khoa Đồ Họa tại Việt Nam, từng làm công việc thiết kế sáng tạo trong ngành quảng cáo. Cô đến Mỹ tháng 4 năm 2000, hiện là cư dân Waxahachie, Texas, đang làm việc trong phân xưởng in của một nhà máy tại địa phương. Sau đây là bài viết của cô nhân ngày Valentine.

Ngàn năm trước người ta đã yêu nhau. Ngàn năm sau người ta còn yêu nhau. Nếu còn sự sống của con người thì chắc chắn Tình Yêu sẽ mãi trường tồn. Nhưng ! Nếu Tình Yêu là cội nguồn của hạnh phúc thì nó cũng là nguyên nhân của những khổ đau mà kiếp người phải gánh chịu ở cõi trần ai này !

Tình yêu đôi lứa là gì ?

Tình Yêu được đúc kết như sau : Cảm xúc về tâm hồn tạo ra tình bạn. Cảm xúc về tri thức tạo ra lòng kính trọng. Cảm xúc về thể xác tạo ra lòng ham muốn. Cả ba tổng hợp lại tạo thành Tình yêu.

Có lẽ mỗi một cá nhân, mỗi một dân tộc, mỗi một thời đại, mỗi một tôn giáo đều có một quan niệm về Tình Yêu khác nhau. Ở các nước Hồi Giáo chắc người ta chọn người yêu cũng khác hơn bên Tây hay bên Ta. Tiêu chuẩn chọn bạn đời của những người sinh ra đầu thế kỷ 20 phải khác với thập niên 60 chúng tôi và hoàn toàn không giống với những người trẻ trong thế kỷ 21 này. Tại Việt Nam với quan niệm «Nam nữ thọ thọ bất tương thân» của người xưa chắc ngày nay chỉ còn trong truyền thuyết mà thôi. Tại Hoa Kỳ, nam nữ thường sống với nhau trước để tìm hiểu lẫn nhau một thời gian rồi mới quyết định kết hôn. Mặc dù vậy nhưng cho đến nay Hoa Kỳ vẫn luôn đứng trong top 10 danh sách các nước có tỷ lệ cao nhất trên hành tinh !?

Nếu vẫn còn sống tại Việt Nam thì tôi vẫn cũng chỉ là một phụ nữ còn sót lại của «Thời Phong Kiến» . Lần đầu tiên tiếp xúc với nền văn hóa của người Mỹ tôi thật sự bị lúng túng ! Trao đổi với nhiều người tôi được biết trường hợp các cặp vợ chồng ly dị chiếm hơn phân nửa, số còn lại sống với nhau không- hẹn- ngày- kết- hôn. Single mom nhiều vô số, các bà mẹ đơn thân nuôi con một mình ở xã hội nào xem chừng cũng vất vả như nhau ! Trong hãng tôi có một cô Mễ mới chính thức bước lên xe hoa lần đầu ở tuổi 55 khi đã có cháu Nội, cháu Ngoại đầy đàng. Tôi cũng đã chứng kiến nhiều

cặp vợ chồng chia tay nhau, ra tòa xé hôn thú, chồng có girlfriend khác, vợ có boyfriend khác nhưng được vài năm sau họ cảm thấy không ai bằng người cũ của mình, rồi quyết định quay lại sống với nhau không cần giấy giá thú vậy mà cảm thấy hạnh phúc hơn xưa ! Tôi nhớ đến câu : «Trái tim có những lý lẽ riêng của nó mà lý trí không thể nào hiểu được» . Chắc là đây !

Tất cả những điều trên đang xảy ra hết sức bình thường trong xã hội Hoa Kỳ. Không ai khinh thường họ, không ai trách móc họ. Họ sống và Yêu theo cách của họ và được luật pháp bảo vệ.

Tình Yêu thời tuổi trẻ

Mỗi một chàng trai hay cô gái đều khao khát đi tìm «một nửa của mình» trong những ngày chập chững vào đường tình. Có khi họ tìm được ngay ở lần gặp gỡ đầu tiên chỉ vì một nụ cười, một ánh mắt, một mái tóc, một khuôn mặt như... trong mơ; mà người ta thường gọi nôm na là «Tiếng sét ái tình» . Nhưng có nhiều lúc họ ngỡ đã tìm được rồi nhưng đôi khi do ngộ nhận, do trắc trở, do không đủ nợ duyên nên bị «nữa đường gãy gánh» . Cũng có lắm kẻ tìm hoài nhưng vẫn không gặp được người ý hợp tâm đầu nên cuối cùng quyết định sống đời độc thân. Bởi vậy mới có câu hát «Đường vào Tình Yêu có trăm lần vui, có vạn lần buồn...»

Tiêu chuẩn chọn người yêu cũng còn tùy thuộc vào tuổi tác, diện mạo, trình độ, tôn giáo và cả địa vị xã hội của từng người. Sự chọn lựa này rất tế nhị vì người ta vẫn thường hay nói nôm na «liệu cơm gắp mắm» . Nếu một anh chàng muốn chọn bạn gái có thân hình sexy như người mẫu hay đẹp không thua gì các Hoa Hậu thì trước hết thu nhập ít nhất phải là sáu số !

Phái đẹp cũng có những tiêu chí riêng của họ. Khoảng thập niên 70, 80 của thế kỷ trước các cô thích mẫu thanh niên với mái tóc bồng bềnh, cao lêu nghêu với cặp kính cận, nếu biết đàn hay hát giỏi nữa thì... duyệt liền ! Sau đó, hình ảnh các thư sinh «trói gà không chặt» này được thay bằng mẫu đàn ông nam tính, lực lưỡng với cơ bắp săn chắc vì họ cần một bờ vai để nương tựa và đòi hỏi người đó phải «hơn họ một cái đầu» cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen !

Ngày nay các nàng đã có đủ bản lĩnh để có thể sống độc lập không cần dựa dẫm vào ai. Cái họ cần ở người yêu, người chồng không phải là tài sản kếch xù trong ngân hàng hay danh vọng, địa vị. Họ cần ở người bạn đời sự cảm thông, thấu hiểu và một trong những điểm nổi trội nhất là tính hài hước. Thật vậy ! Trong một xã hội ngập tràn bon chen cạnh tranh, đầy rẫy những áp lực từ công việc, từ gia đình nên rất dễ bị stress. Hơn

lúc nào hết người phụ nữ rất cần một đấng mày râu có đầu óc khôi hài, biết cười và biết làm cho người khác cùng cười với họ.

Nhưng trên đời này đâu phải chỉ có Tình yêu của phái nam và phái nữ ! Ở tuổi 18, một buổi chiều đi học về con gái tôi đã chạy đến chia sẻ ngay với mẹ những cảm xúc đang dâng trào :

- Mẹ ơi ! Mẹ còn nhớ Michael không ? Bạn ấy đã dọn ra ngoài ở riêng rồi !

Tôi sực nhớ ra ngay :

- Có phải Michael là đứa bạn làm part-time ở trạm xăng gần trường học của con mà hôm nọ mình mới gặp, con bảo nó là gay phải không !?

Con gái tôi gật đầu buồn bã kể tiếp :

- Đúng rồi mẹ ạ ! Michael chưa bao giờ cho ba mẹ bạn ấy biết về giới tính thật của mình ! Có lần cả nhà xem TV nói về những người đồng tính luyến ái. Michael làm như vô tình hỏi thử nếu nó là gay thì ba nó sẽ tính sao ? Ông ta nói nếu là gay thì phải ra khỏi nhà ngay lập tức! Michael vừa mới qua sinh nhật 18 cách đây ít ngày, trước khi ra đi nó đã tuyên bố cho gia đình biết nó là dân đồng tính !

Nói đến đây con gái tôi bỗng ngập ngừng, nhìn mẹ như có vẻ như dò xét :

- Nếu con cũng là lesbian thì mẹ có đuổi con ra khỏi nhà như ba nó không ?

Tội nghiệp đứa con gái bé bỏng của tôi. Tôi đã nói với con mình như sau :

- Dù con tốt hay xấu thì con vẫn là con của mẹ. Nếu con có bị khiếm khuyết thì mẹ phải thương yêu và chăm sóc con nhiều hơn mới đúng. Khi sinh con ra là mẹ đã phải có một phần trách nhiệm với cuộc đời của con !

Tôi lại nghĩ đến ba của Michael mà thông cảm cho ông ! Không chỉ riêng gì ông mà cả thế giới này có rất nhiều người đã không chấp nhận những điều trái với quy luật tự nhiên. Hôn nhân đồng tính chỉ mới được phép công nhận trong đầu thập niên của Thế Kỷ 21 tại một số quốc gia như Luxembourg, Pháp, Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ, Iceland, Na Uy, Thụy Điển, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, New Zealand, Nam Phi, Argentina, Uruguay, Brazil, Canada. Riêng tại Hoa Kỳ cũng chỉ có 34 trên tổng số 50 tiểu bang bỏ phiếu thuận ! Còn những quốc gia khác đang chờ Quốc Hội thông qua.

Suy cho cùng, người đồng tính cũng là một con người ! Họ cũng khao khát yêu và được yêu, họ cũng cần có một gia đình gồm vợ, chồng và con cái như bao nhiêu người bình thường khác. Họ cũng đi làm và đóng góp công sức cho xã hội, thiết tưởng xã hội cũng nên mở một cánh cửa để họ bước vào thế giới này một cách trọn vẹn. Cũng nên nhắc lại cái thế giới mà chúng ta đang sống luôn diễn ra những cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ để đòi hỏi quyền con người ! Trong đó phải kể đến : quyền tự do tín ngưỡng, quyền bình đẳng của người da màu, quyền bình đẳng của phụ nữ và ngày nay là quyền bình đẳng hôn nhân của người đồng tính. Tình Yêu là điều kỳ diệu mà tạo hóa đã ban cho con người và không hề biết phân biệt giới tính thì cớ sao con người lại phân biệt đối xử lẫn nhau ?!

Tình yêu tuổi trung niên.

Cái đẹp của ngoại hình nào rồi cũng phai tàn theo năm tháng. Tình yêu nồng nàn thời tuổi trẻ rồi cũng nguội lạnh theo thời gian. Giờ đây ở tuổi trung niên nhìn lại hai mái đầu xanh hôm nào giờ đã ngả màu sương khói. Những cặp vợ chồng «xồn xồn» ngồi ngẫm lại 25, 30 năm đồng hành bên nhau mà bỗng khâm phục người bạn đường của mình. Cái người đã cùng họ vượt qua bao đoạn đường gian lao, khổ cực của cuộc đời; nếm đủ

mùi đắng cay của thế thái nhân tình suốt mấy chục năm trời ròng rã. Cái người đã âm thầm đi bên họ không đòi hỏi gì cả, chỉ im lặng khi họ cáu gắt, biết dịu ngọt khi họ nóng giận, biết khuyên lơn khi họ nông nổi và biết tha thứ khi họ lỗi lầm...

Ở tuổi ngoài ngũ tuần đã đi qua hai phần ba cuộc đời người ta mới hiểu rằng Tình Yêu không phải là một màu xanh, không phải là một màu hồng, cũng chẳng phải là một màu tím, mà tình yêu là tổng hợp hết tất cả các màu sắc và đủ hết cung bậc hỉ, nộ, ái ố của cuộc đời đan chen, chồng chéo lẫn nhau. Trên thực tế, có rất nhiều cặp đã ly dị trong năm năm đầu chung sống, hoặc chỉ trong năm đầu tiên về với nhau hay tệ hơn có khi chỉ vài tháng sau khi đám cưới và có cả trường hợp đặc biệt các cô gái đòi ly dị ngay sau đêm tân hôn !?! Chuyện tưởng như đùa nhưng điều này nói lên nhiều chàng trai và cô gái chưa chuẩn bị tâm lý khi về với nhau do vậy cảm giác hụt hẫng «không như là mơ» cứ đè nặng khiến họ không thể tiếp tục đi bên nhau trên con đường tình tưởng chỉ có hoa và bướm. Do vậy, những cuộc hôn nhân kéo dài đến Lễ cưới Bạc, Lễ cưới Ngọc Trai... là rất đáng được trân trọng. Quý hiếm nhất vẫn là đến Lễ cưới Vàng, Lễ cưới Kim Cương mà vợ chồng vẫn còn «đủ đôi, đủ cặp» bên nhau.

Trong hãng tôi có một anh chàng Mỹ trắng đã ly dị một lần, anh kết hôn lần hai với một cô Mễ nhỏ hơn anh gần 20 tuổi đã có một đứa con riêng. Họ ở với nhau được ba mặt con, đứa nhỏ nhất khoảng chín tuổi trong khi ông bố cỡ khoảng 55. Hình như anh chàng này cũng không mấy hài lòng với cuộc hôn nhân lần hai này nhưng nếu ly dị anh phải trả tiền child support cho tất cả bốn đứa con thì sẽ «te tua» biết dường nào. Có lẽ nghĩ vậy mà anh cố «ngậm bồ hòn» để trong ấm ngoài êm. Tôi và anh ta cũng khá thân thiết nên có hôm anh tâm sự như sau :

- Bà vợ của tôi bả điên lắm, bả không thể đi làm chung với ai được hết. Làm chỗ nào bả cũng than bực mình và cuối cùng xin nghỉ. Hiện giờ bả nghỉ ở nhà hết cằn nhằn cái này đến cằn nhằn cái kia. Tôi bị stress với bã luôn.

Trông mặt anh ta có vẻ đau khổ lắm vì giờ đây chỉ một mình anh phải đi cày nuôi cả gia đình với sáu miệng ăn. Ngẫm nghĩ sao, tôi bèn nói :

- Hay là anh nói bà xã của anh nộp đơn xin làm việc ở Sở Thú đi, bảo đảm trong đó cô ta sẽ không có nhiều cơ hội để tiếp xúc với con người nữa.

Không ngờ khi tôi nói vừa dứt anh cười hô hố khiến tôi cũng giật cả mình. Thấy anh bớt căng thẳng tôi bèn tiếp :

- Vợ chồng tôi cũng vậy thôi mà ! Vả lại, vợ chồng nào mà chả gây nhau, nếu không gây nhau, cãi nhau thì họ chỉ là bạn chớ không phải là vợ chồng !!!

Anh ta nhìn tôi nghe coi bộ có lý rồi gật gù : «Chắc là vậy» !?

Hai vợ chồng anh có lẽ khó khăn nên chỉ sử dụng chung một chiếc xe, do vậy mỗi buổi sáng cô vợ hay «thả» anh xuống trước cổng và chiều đến đón về. Nhìn dáng anh hăm hở, cười rạng rỡ khi thấy bóng chiếc xe của vợ mình trờ tới trước cổng mỗi buổi chiều là tôi biết anh đang hạnh phúc. Thấy cảnh hai vợ chồng anh hôn nhau sau kính chiếu hậu khi anh đã ngồi yên vào vị trí của mình tôi cảm thấy vui trong lòng và mỉm cười một mình. Hạnh phúc đâu có gì khó khăn lắm đâu, biết chấp nhận và vui với cái mình đang có là hạnh phúc rồi ! Tôi nhớ có một câu nói rất hay : «Hạnh Phúc cũng giống như sức khỏe, chỉ khi mất đi rồi người ta mới biết quý !» Muốn có sức khỏe người ta phải rèn thân, còn muốn hạnh phúc thì chắc chỉ có một cách duy nhất là phải luyện tâm.

Trên đời này có không ít cặp vợ chồng sinh ra để... gây nhau. Giữa họ là những bất đồng, mâu thuẫn, đối chọi. Họ sống với nhau trong mấy chục năm đầu khá «bầm dập» vậy mà mỗi lần một trong hai người đề nghị ly hôn thì người kia ậm ừ rồi... vờ luôn. Ông bà ta chắc nói đúng vì «lia thia đã quen chậu» mất rồi ! Đến một ngày đám con dần đủ lông, đủ cánh, chúng nó lần lượt bay ra khỏi cái tổ của hai người đã gầy dựng mấy chục năm ròng rã. Lúc này căn nhà chỉ còn lại hai vợ chồng già hủ hỉ lúc trái gió trở trời với nhau. Giờ mới biết con cái có thương mình cách mấy nó cũng có đời sống riêng của nó. Mình có thương con cách mấy cũng không đem lại hạnh phúc cho nó bằng người- của- nó. Rồi bỗng dưng ông bớt cáu gắt hơn và giọng của bà cũng trở nên dịu ngọt hơn xưa. Ai dám bảo tuổi về chiều không còn tình yêu. Vả chăng nó không còn nồng nàn như rượu nhưng lại đậm đà như thứ mật ong quý hiếm để lâu ngày !

Tình Yêu ở tuổi trung niên có vẻ đằm thắm hơn, người đàn ông bắt đầu biết trân quý bạn đời của mình hơn trước. Cái người mà trong một khoảng thời gian dài nhiều lần ông đã ruồng rẫy sau lưng hay bỏ quên phía trước vì mãi chạy đua với thời gian, công việc hay những bóng hồng khác. Giờ là lúc mọi cám dỗ của cuộc đời đã lắng đọng hết : tiền bạc, địa vị danh vọng có lúc

đến rồi đi nhưng riêng cái người đó không bao giờ bỏ ông đi, kể cả những lúc ông vấp ngã, trượt dài... tưởng không bao giờ gượng dậy nổi. Vậy mà chỉ người đó đã đến nâng ông lên, vỗ về ông rồi cùng ông bước song đôi.

Tình yêu tuổi già !

Ở tuổi gần đất xa trời này nếu vợ chồng vẫn còn «đủ đôi, đủ cặp» thật không có hạnh phúc nào sánh bằng. Thỉnh thoảng trên đường tôi vẫn thường trông thấy hai vợ chồng già đầu tóc bạc phơ đang chạy xe «chậm rì» phía trước hay bên cạnh mình. Trong các cửa hàng, quán xá tôi vẫn hay bắt gặp các cụ ông, cụ bà tay trong tay nương nhau bước đi từng bước cho vững vàng hơn. Hình như họ cũng chẳng buồn quan tâm đến những ánh mắt ngưỡng mộ xen chút cám cảnh của mọi người chung quanh. Hạnh phúc của những cặp vợ chồng tuổi ngoài bát tuần này chắc chỉ được đong tính bằng ngày, bằng giờ mà không còn là năm tháng nữa ! Có thể đây là khoảng thời gian mà khi nhớ lại đôi khi họ cảm thấy tiếc nuối vì mình đã phung phí quá nhiều thời gian cho những giận hờn, xung đột không đáng có. Nếu biết cuộc đời ngắn ngủi đến vậy có lẽ họ đã sống tốt hơn, đã dành nhiều thời gian cho nhau hơn và đã... yêu nhau hơn !

Rồi thì không có gì buồn cho bằng khi hai vợ chồng sống với nhau 50 hay 60 năm giờ chỉ còn một người lẻ bóng cô đơn ngồi đếm thời gian dài thăm thẳm. Phải nghị lực lắm người ta mới vượt qua được cú sốc đầy nghiệt ngã này. Câu chuyện sau đây cũng khá đặc biệt.

Có một lần cô em họ từ Đức nghỉ hè sang chơi với chúng tôi ba tuần. Nhân dịp này tôi dẫn cô đến thăm một bà đồng nghiệp người Đức sắp về hưu và hiện sống một mình trong một apartment khá «xập xệ» . Chồng của bà sang Đức đi lính, hai người quen nhau rồi tiến tới hôn nhân. Bà theo chồng sang Mỹ định cư lúc ở tuổi chừng đôi mươi. Điều đáng ngạc nhiên là trong ngần ấy năm bà chưa bao giờ về thăm quê hương và gia đình một lần nào cả. Tôi tròn xoe mắt khi nghe điều này và ngạc nhiên hỏi lại rằng :

- Thế bà không cảm thấy nhớ nhà chút nào sao ?

Bà trả lời làm tôi còn ngạc nhiên hơn nữa :

- Tôi sợ phải đi máy bay lắm cô ơi !

Tôi không biết đây có phải là lý do chính đáng và duy nhất không hay có thể do chồng mất khi còn khá trẻ, bà phải bươn chải lo cho đàn con nên quá khó khăn ? Nhưng dù thế nào đi nữa tôi vẫn không thể tưởng tượng

được tình huống đặc biệt đến vậy. Như hiểu được tâm trạng của tôi, bà nói tiếp :

- Thỉnh thoảng ba má tôi có đi du lịch sang thăm tôi là lũ trẻ. Ngập ngừng chút rồi bà nói tiếp, giọng chùng xuống, ba tôi cũng đã mất cách đây mấy năm chỉ còn má tôi thôi nhưng bà cứ đau ốm liền liền.

Tôi hỏi bà có định về thăm mẹ lần cuối không thì bà im lặng không trả lời. Nhìn căn phòng của bà đang ở với những đồ đạc tuềnh toàng tôi thấy thương người phụ nữ này. Gần 45 năm ở xứ người bà cũng không có được một chỗ ở tươm tất để bù đắp lại cho những mất mát không thể nào so sánh nổi khi phải sống đời tha hương.

Bà dẫn chúng tôi đi một vòng chung quanh phòng khách với những tranh ảnh treo đầy trên tường, để trên kệ sách, trên lò sưởi, bàn ăn... Bà chỉ tôi xem những bức ảnh của bà khi còn nhỏ chụp với cả gia đình bên Đức. Rồi những tấm khi bà còn là một thiếu nữ xinh xắn mỹ miều lúc ở quê nhà. Bà cũng chỉ tôi xem chân dung người chồng quá cố mặc quân phục được treo khá trang trọng ở giữa phòng. Lần lượt sau đó là những tấm ảnh của đám con cháu, chúng sống cách bà cũng không xa lắm, khoảng một hay hai tiếng lái xe mà thôi ! Bà bảo vậy.

Theo lời cô em họ cho biết bà quên rất nhiều tiếng Đức và cách phát âm của bà cũng lơ lớ khó nghe, rất nhiều từ cô em tôi nói bà không hiểu được và ngược lại. Cũng dễ hiểu thôi, bà đang sống tại miền Nam Texas, quê hương của những người Mễ, bà dễ gì kiếm một người Mỹ gốc Đức chung quanh để chuyện trò. Hơn 40 năm ở Mỹ bà chỉ sử dụng tiếng Đức khi gọi điện thoại về cho mẹ và nói chuyện với người thân bên nhà.

Chia tay bà trong quyến luyến trên đường về nhà đầu óc tôi cứ nhớ mãi căn phòng khách đầy dấu tích kỷ niệm của bà. Tôi không biết sao bà có thể sống vui được với những hoài niệm về những người thân đã mất và... đã xa ? Hình ảnh của bà làm tôi nhớ đến biết bao người phụ nữ Việt Nam lấy chồng xa xứ đang sống rải rác trên khắp hành tinh này và trong đó có tôi nữa !!! Có thể nói đó là hình ảnh cô độc và đau lòng nhất của những người vợ khi chấp nhận cuộc đời viễn xứ lấy quê chồng làm quê mình. Rồi một mai thì khi sức đã tàn, lực đã kiệt, thân xác của họ sẽ mãi nằm lại trên xứ người nhưng chắc chắn linh hồn họ sẽ lặng lẽ tìm về nơi chốn quê xưa.

Người Việt Nam thường quan niệm dẫu sống với nhau một ngày cũng là tình nghĩa vợ chồng. Dù ngày nay xã hội loài người có «tiến hóa» cách nào đi chăng

nữa thì cuộc sống vợ chồng cũng không có gì khác mấy so với trước đây. Vả chăng chỉ là những ước lệ khi hai người đặt bút ký kết vào tờ giấy hôn thú về mặt pháp lý. Còn trên thực tế họ cũng chỉ là hai con người xa lạ gặp nhau, yêu nhau, tìm hiểu nhau đến với nhau, xây dựng gia đình với nhau và mong rằng sẽ hạnh phúc bên nhau suốt đời. Có đi qua gần hết cuộc tình người ta mới hiểu ra rằng :

Tại sao tỷ tỷ người trên thế giới
Trời chỉ an bày cho anh với em ?!! (nbt)

Ở một góc độ tâm linh nào đó người ta tin rằng vợ chồng là do duyên nợ từ nhiều đời nhiều kiếp mà thành. Không có gì tự nhiên đến và đi chỉ là đủ duyên mà hợp, hết nợ rồi tan. Bốn câu thơ sau đây khá nổi tiếng và đã được nhiều người tâm đắc :

Trăm năm trước thì ta chưa gặp
Trăm năm sau biết có gặp nhau không ?
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống hết lòng với nhau !!!

Tình Yêu thật sự vốn không hề phân biệt tuổi tác, giai cấp, quốc tịch, tôn giáo và giới tính.

Xin chúc cho những người yêu nhau luôn tràn ngập Hạnh Phúc dù họ đang ở bất kỳ nơi đâu và đang sống ở bất kỳ thời điểm nào trong năm mà không chỉ riêng cho ngày Lễ Tình Nhân này.

Nguyễn Bích Thủy

Chuyện Vặt Cuối Năm...

Phan

Tác giả là một nhà báo quen thuộc, trong nhóm chủ biên một số tuần báo, tạp chí tại Dallas. Từ nhiều năm qua, ông liên tiếp góp bài Viết Về Nước Mỹ, luôn cho thấy tấm lòng cùng sức viết mạnh mẽ, và đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả Viết Về Nước Mỹ 2013.

Năm nào cũng thế, những ngày cuối năm ta nhưng ở Mỹ thì đã đầu năm mới. Năm mới dương lịch hay cuối năm âm lịch thì trời đất Mỹ vẫn cứ lạnh cho lòng chơi vơi hơn với thời gian xa quê thêm một năm nữa.

Cuối năm, buồn cũ sống lại, buồn mới nhập về, đi lăng quăng cũng không thành muỗi được để bay về quê cũ; lòng vòng khu Việt nam, quán nhà, mặt quen nào cũng buồn như nhau. Vậy mà cũng vèo hết cái cuối tuần. Sáng thứ hai vào tù (hãng) như thái tử vào cung, thiên hạ sợ mượn tiền ăn tết hay sao mà không có ai hoan hô, cũng chẳng ai ngó ngàng tới mặt cho đỡ tủi thân.

1. Khỏi cần... «anh yêu em !»

Con khỉ Christina là con nhỏ Mễ xinh nhất của cộng đồng ăn đậu. Nó cỡ ba mươi tuổi, nhưng mặt đẹp, dáng đẹp, tính tình hơi mưa nắng vì sáng nó vui như tết, nhưng chiều lại buồn như đêm trừ tịch là thường tình. Nó có cái ngộ là Mễ mà không chơi với Mễ, không chơi với Mỹ, cũng không chơi với phụ nữ Việt nam. Nó cứ xà vào bàn ăn của cánh đàn ông Việt nam. Có hôm, tùy chuyện, nói tiếng Anh thì nó tham gia. Gặp hôm cánh đàn ông Mít nói chuyện Mít nên nói tiếng Mít cho tiện thì nó lặng thinh ngồi nghe, dĩ nhiên là không hiểu gì hết ! Nên chẳng ai hiểu là vì sao nó ngồi đó ?

Đàn ông Việt nam thì thường không tìm hiểu nguyên nhân nên dễ dàng vô cớ tặng con nhỏ danh hiệu «con khùng» !

Mà nó khùng thiệt, hễ thấy đàn ông Việt nam trên những hallway dài mút chỉ là nó hay quàng vai, bá cổ, ôm eo... cùng đi cùng nói chuyện vui vẻ. Cứ vô tư trong cái nhìn vô tư cách của đàn ông Mễ ghen tức vì nó đẹp.

Chỉ là sáng nay, «trời lạnh ù tai» . Một người nói trong tiếng «ồ» của nhiều người. Phe đông đồng thuận là tiếng Việt nói, «lạnh teo chim» chứ ai mà nói «lạnh ù tai» . Nhưng đương sự không vừa, «Chim mấy ông

yếu nên lạnh teo. Còn tai tui không khỏe nên lạnh ù tai. Mấy ông sống ở xứ tự do ngôn xuất mà thiếu tôn trọng từ ngữ của người khác, thì mấy ông là người của Hà nội gài qua hay sao ?»

Đám Việt nam cãi lộn rân một góc phòng ăn. Chụp mũ là nghề của phe ta.

Không gian buồn não nuột... Con khùng xà vào bàn cà phê của cánh đàn ông Việt nam với gương mặt bơ phờ, chắc đêm qua con này không chợp mắt ! Nó gục đầu vào vai anh H, làu bàu, «ngồi yên, làm ơn, cho tôi ngủ chút...»

Một người Việt khác giỡn thôi ! Đưa điện thoại lên, «Ê, H. Tao chụp cái hình này là mày ăn mày không có ống bơ...»

Làm anh H sảng. «Ê, đừng có nói chơi mà làm thiệt nha cha. Vợ tui ghen dữ lắm đó !» Anh H dựng đầu con nhỏ dậy ! «Ê, Christina. Sao mấy hôm nay thấy mày buồn quá vậy ?»

Nó ngái ngủ nói, (tay móc cái điện thoại ra để trên bàn cho mọi người xem) . «Tao làm rớt cái điện thoại, bị bể mặt kiếng... Tao nói với chồng tao, mua cho tao cái khác được không ? Đã cả tuần mà nó không mua.

Sáng nào cũng gởi cho tao cái tin nhắn : I love you.

Tao cần cái điện thoại. Tao không cần : Anh yêu em. Chắc tao ly dị thằng chồng này quá !»

2. Dễ sợ đàn bà...

Anh T mới lột cái bánh ú, (sau khi bị anh em chọc quê là ly dị rồi nên ăn bánh tét hình cái vú cho đỡ ghiền) . Anh T vừa lột vừa nói, «Kệ tui. Ăn nếp hình gì cũng là nếp, miễn tui ăn công khai. Đâu phải ăn vụng rồi sợ vợ biết nên qua đêm bạc đầu. Hè hè.» (Có ai đằng hắng như chửi thề, chắc là người bị nói móc) ! Anh T nói tiếp, «Tui ăn bánh tét hình cái vú mua ngoài chợ thì có gì mà mấy ông lắm chuyện ? Sao không hỏi người ăn bánh ú ở nhà mà răng dính silicone... cạy không ra !» (Lại có tiếng đằng hắng nghe như chửi thề của người cơm nhà quà vợ) .

Nhưng anh T lột xong cái bánh ú thì gói lại, không ăn nữa mà nói, «Nghe con khùng này nói tới hai từ : Ly dị. Là tui nuốt hết nổi rồi ! Ôi, đàn bà. Hồi con vợ tui, nó muốn ly dị. Tui chấp nhận hết mọi điều kiện rồi nha. Nhưng nó muốn chắc ăn hơn là tống tui vô tù để trừ hậu hoạn nữa mấy cha ơi ! Giấy tờ tui đã ký, không tranh chấp gì hết. Nhưng nó cứ nói xóc tui, cho tui tức lên. Chỉ cần giộng nó một giộng là nó kêu cảnh sát, là tui vô

tù. Mấy lần tui tính giộng một giộng rồi tới đâu thì tới. Nhưng bà độ tui không bị ở tù nhờ hôm đó tui về nhà bất tử, thấy cửa rào mở nên không mở cửa garage, thì trong nhà đâu hay tui về. Tui vô sân sau nhà coi có gì không ? Không thấy gì khác thường. Cửa patio lại mở hé hé, nên tui lẳng lặng vô nhà. Tình cờ nghe được vợ tui đang nói điện thoại với bạn của bả, ... tưởng không tranh chấp là yên với tao sao ? Tao chọc cho chả giộng tao một cái là tao kêu cảnh sát... cho ở tù rục xương.

Thiệt là dễ sợ đàn bà !

Thôi thì anh T ly dị vì tài sản không cánh mà cứ bay vùn vụt vào tay má vợ, em vợ... Có người nghe xong hết ham đẻ con trai vì đời nay có con gái lợi hơn ! Nhưng nếu Christina ly dị thật vì cái điện thoại thì đúng là không cần «Anh yêu em» trong đời này nữa !

Cuối năm nào trời đất chả buồn, lòng buồn vô cớ mà không phải vô cớ. Bởi cái cớ để buồn lớn hơn cả sức tưởng tượng của con người. Làm sao mà nghĩ được những chuyện đang diễn ra quanh ta là chuyện thật ! Làm sao tin nổi trong đời mình có một lần đi xa, xa tới... không biết tiền đâu mà về ! Không buồn sao được, và buồn bao nhiêu cho vừa với năm tàn tháng tận.

Tôi thả bộ vô chỗ làm mà đầu hồn bâng khuâng như hồi mới lớn nghĩ về tình yêu, bao nhiêu thuận lợi hay khó khăn thì cuối cùng cũng chỉ là may rủi. Đến lúc nghĩ về ly dị thì cũng chỉ là rủi may vì khi đàn bà muốn thì thượng đế cũng tránh mặt...

3. Ba tao chết rồi còn chơi tao một cú đo ván...

Thằng Bryan ngồi co ro trong góc khuất nên tôi không thấy nó ! Làm hết hồn khi nghe nó hỏi, «Mày có chuyện gì vui mà cười một mình ?» Tôi kể nó nghe chuyện ly dị của anh T vừa kể ngoài phòng ăn. Và hỏi nó, «mày tin đàn bà ác tới mức đó không ?» Bryan nói, «Thường thôi. Vì bà nội tao nghe ông tao nói điện thoại với bạn gái, hẹn đi ăn chơi... Lúc ông nội tao đi tắm, thì bà nội tao lấy kéo cắt kẽm chuồng bò, chui xuống gầm xe truck của ông nội tao, cắt đứt ống dầu thắng. Trong khi nhà ông bà nội tao là đổ xuống cái dốc và ra xa lộ luôn... Ông nội tao nằm nhà thương ba tháng. Và sau đó vẫn bị ly dị !»

«Vậy mày nhớ đừng kể chuyện này cho vợ mày nghe... !» Tôi nói với Bryan.

Tạm biệt Bryan, vì nó làm khác chỗ tôi. Nhưng mới làm được chừng một tiếng đồng hồ thì máy móc bên nó nghỉ chơi. Thợ máy cho biết phải sửa cả ngày. Nó

liền xin xếp cho qua giúp tôi, vì về thì chỉ ăn lương được 4 tiếng. Vậy là hai thằng làm chung nhau một chỗ. Tôi thật sự thích những người đã qua quân đội vì họ thường im lặng làm việc chứ không ồn và lười như bà con tổng thống. Những người đã qua quân đội rất đúng giờ, không có chuyện tào lao ở phòng ăn tới chuông reo đi làm thì mới đi restroom thêm chừng mười phút. Và tinh thần trách nhiệm thì người gốc lính lúc nào cũng hơn dân sự thường lè phè.

Từ khi thấy Bryan tôi đã nghĩ anh ta là lính, vì phong độ trầm lặng, ít nói, thường ngồi riêng một mình. Nhưng thấy ai cần giúp thì anh ta rất nhanh lẹ có mặt và nhiệt tình giúp đỡ người khác.

Một lần tôi cần người giúp và thấy anh ta đang không có việc làm nên tôi xin đích danh anh ta với ông xếp. Chúng tôi thành bạn với nhau từ đó. Càng thân vì bên line anh ta rất ít khi làm thứ bảy, trong khi line tôi làm đều. Và chiều thứ sáu nghe lệnh làm thứ bảy là tôi xin xếp cho Bryan vô làm thứ bảy với tôi... Thật ra ông xếp cũng thích Bryan, và ưu tiên cho cựu quân nhân thì ai cũng muốn thế, nên chưa bao giờ xếp từ chối cho chúng tôi làm việc chung với nhau.

Tôi còn thích Bryan ở những xử sự nhỏ. Như tôi từng cho bao nhiêu bà con của tổng thống mượn mấy chục xu, (ngu sao cho mượn tới một đồng) vì họ có trả lại bao giờ ! Thì một hôm, Bryan khều tôi ra khỏi bàn ăn đang ngồi chung với nhóm Việt nam của tôi. Tới nơi chỉ có tôi với Bryan, anh ta mới hỏi mượn tôi hai mươi lăm xu. Tôi không có bạc cắc nên đưa anh ta tờ một đồng. Anh ta bỏ lại tay tôi 3 cái quarter. Tôi biết bữa trưa hôm đó của anh ta chỉ là một bịt khoai tây chiên nhỏ xíu trong máy với giá một đồng. Nhưng vài hôm sau, anh ta có trả tôi hai mươi lăm xu. Tư cách lớn thường nằm trong những việc nhỏ là vậy !

Hôm nay hai thằng làm chung đều vui vẻ. Tôi định hỏi anh ta lý do vì sao đi bộ đi làm ? Tôi thấy rồi, anh ta mặc quần áo dính liền của người đi săn để chống lạnh vì đi bộ đi làm. Nhưng tôi không biết mở lời thế nào cho đừng mếch lòng bạn vì suy nghĩ, quan niệm Mỹ- Việt khác nhau.

Đến giờ ăn trưa, tôi không ăn trưa nên chỉ đi rửa tay, rửa mặt rồi trở lại chỗ làm (cho yên hơn phòng ăn) mà trả lời tin nhắn, điện thư của bạn bè. Thấy Bryan ngồi thù lù một đống thấy thương, biết chắc là anh ta không có gì để ăn trưa nên không ra phòng ăn. Thường thì anh ta ăn toàn đồ hộp bán sẵn ngoài chợ Mỹ, chỉ cần khui

ra, hâm nóng trong microwave chút đỉnh là ăn liền. Còn hôm hết đồ hộp mà tiền cũng hết thì anh ta «ăn chay» tại chỗ làm. Tôi đi mua cho hắn chai coke với thanh chocolate nhân đậu phộng. Không có một lời mời nên cũng chẳng có tiếng cám ơn, hắn chỉ đấm nhẹ vô vai tôi thay lời. Rồi ngồi ăn ngon lành.

Chúng tôi lại làm việc tới giờ về. Tôi rà thắng xe mình, mở bung cửa bên passenger, «Hey, Bryan. Lên xe. Chỉ đường. Tao chở mày về nhà. Trời lạnh quá !»

Ý hắn muốn từ chối, nhưng hắn lên xe.

Về đến nhà hắn, là một căn apartment trên tít lầu 3. Hắn hỏi tôi, «mày lên phòng tao, uống ly Jack Daniels không ? Tao còn nửa chai...»

Hai thằng cưa bứt nửa chai Jack Daniels với mấy cái hotdog khô khốc trong tủ lạnh - ngoài ra chẳng có gì, thật tội nghiệp cho cái tủ lạnh nhà Việt nam khi thấy tủ lạnh nhà Bryan. Nó kể tôi nghe chuyện, «ba tao chết rồi còn chơi tao một cú đo ván.»

Một câu chuyện lạ nhất với tôi về người Mỹ...

Thằng Bryan lưng tưng nói,

«... tao nhớ chứ. Tao với ba tao không hòa thuận lắm. Sau khi tao xong trung học, mẹ tao muốn tao đi đại học. Nợ học trả được nhưng qua tuổi đi học thì khó vô trường lại được ! Nhưng ba tao muốn tao đi làm. Muốn tao ra khỏi nhà.

Thật sự là tao khó đi học đại học vì học lực của tao chỉ loại trung bình. Tao quyết định đi làm. Khởi sự là xin việc, sau đó cần xe để đi làm. Tao đi làm không lâu thì muốn đi lính... toàn những chuyện tốn tiền. Nhưng ba tao cho mượn chứ không cho luôn.

Hôm tao đã giải ngũ, sau đó cưới vợ. Tao mời ba mẹ tao tới dự đám cưới. Mẹ tao cho vợ tao mấy món nữ trang của bà - là đồ gia bảo. Nhưng ba tao nói, «mày còn nợ tao tổng cộng là năm ngàn.»

Tao nghĩ là ba tao nói chơi, nên về sau. Những lần tao về nhà thăm gia đình, tao đưa ông hai, ba ngàn tiền mặt để ông dễ sử dụng vì mẹ tao không cho ông mua rượu bia, thuốc lá, vé số... Bây giờ tao mới hiểu câu nói của ông sau khi nhận tiền tao đưa, «cái này là mày cho tao?» Dĩ nhiên tao trả lời, «con không cho ba thì con đưa ba làm chi ? Ba cất kỹ mà xài, để mẹ biết, mẹ tịch thu thì ba ráng chịu...»

Sau khi mẹ tao mất thì đúng là tao không gặp ba tao. Tao có hai đứa em gái nên chỉ hỏi thăm tụi nó về ông để biết tình hình rượu bia, thuốc lá và vé số của ông. Còn tao gọi điện thoại cho ba tao thì chỉ hỏi thăm sức khỏe...

Hồi đầu năm 2014, ba tao mất. Hai đứa em tao biết tao không có tiền nên tụi nó lo chôn cất xong hết mới báo tin cho tao hay. Và hẹn tao ngày về để nghe luật sư đọc di chúc.

Mày tưởng tượng nổi không ? Ba tao để lại căn nhà cho con em nhỏ của tao vì vợ chồng nó chưa mua nhà. Phần con chị là tiền bạc, tư trang của mẹ tao. Kể ra cũng tương đương với giá trị căn nhà của con em.

Riêng phần tao, ba tao cho tao năm ngàn đô la. Nhưng là năm ngàn tao còn nợ ông ấy ! Ba tao ghi rõ là không phải trả ra năm ngàn. Nhưng phải trả tiền lời của năm ngàn từ khi mượn. Trời ơi ! Ông ấy tự đặt ra giá tiền lời, cách tính (riêng) của ông ấy. Tổng cộng tiền lời lên tới bảy ngàn năm trăm đô la. - Chia đôi cho hai đứa em tao.

Hai đứa em tao nói với luật sư, «Anh tôi không có tiền. Và chúng tôi đồng ý bỏ qua khoản đó.»

Thằng luật sư : «OK !» Nhưng hai thằng em rể khó chịu. Tao thì tự ái.

Vậy là đi chia gia tài về. Tao mượn nhà bank mười ngàn đô la, vì ký check trả tụi nó bảy ngàn năm trăm. Tao ăn nhà hàng, ở hotel, và mua vé máy bay... hết hai ngàn năm trăm.

Đến giữa năm 2014. Người dì của vợ tao chết. Bà ấy là người sưu tầm đồ cổ. Bà rất thương vợ tao nên nói trước là sau khi chết sẽ cho hết đồ cổ của bà cho vợ tao. Lần cuối cùng hai người nói chuyện với nhau (là vợ tao gọi thăm hỏi bệnh tình của bà) . Bà rất minh mẫn cho giá từng món bà để lại cho vợ tao. Tổng cộng lên đến hàng trăm ngàn đô la.

Tội nghiệp vợ tao khóc thương người dì. Vì vợ tao sống với dì từ nhỏ tới lớn chứ không sống với cha mẹ của cô ấy. Cũng một phần vì gia tài của dì để lại nên vợ tao mau chóng trở về Ohio vì sợ người chồng sau của dì là một tay bợm rượu, vua vé số cạo...

Nhưng vẫn muộn. Khi luật sư đọc di chúc thì toàn bộ đồ cổ để lại cho vợ tao đã bị ông ta bán hết cho tiệm cầm đồ (pawn shop) .

Sự việc phức tạp lên là ông bán tổng cộng chỉ có năm ngàn đô la. Nhưng pawn shop chỉ đồng ý bán lại cho vợ tao với giá hai mươi lăm ngàn. Ngoài vợ tao, họ không bán cho ai khác với giá đó !

Tao nói bỏ đi ! Nhưng vợ tao tin tưởng giá trị đồ cổ cả trăm ngàn nên mượn mẹ cô ấy hai mươi lăm ngàn để trả cho pawn shop và bưng mấy thùng cổ vật về nhà mẹ vợ tao - bên Ohio.

Sự tiếp diễn rất tồi tệ, là vợ tao phải về Dallas để đi làm. Tất cả chuyện mua bán đồ cổ chỉ qua điện thoại. Nhưng cha vợ tao lại không cho người ta vô nhà xem cổ vật để định giá mua- bán...

Vợ chồng tao lại phải mướn xe, chạy về Ohio để chở hết qua đây. Vì không dám gởi đường Bưu điện hay UPS...

Cuối cùng. Tao hiểu được về đồ cổ như sau : Khi người ta biết mình có món đó. Họ tìm tới mình để thương lượng mua thì mình là người ra giá. Nhưng khi mình rao bán những món cổ vật thì người mua ra giá vì họ biết mình cần tiền.

Tổng cộng vợ tao chi ra hết ba mươi ngàn cho mấy thùng cổ vật. Nhưng bán hết chỉ được mười lăm ngàn.

Bà mẹ vợ của tao không có lời trong chuyện cho mượn hai mươi lăm ngàn, nên đòi nợ mỗi ngày. Dù đã trả mười lăm ngàn tiền bán được. Tao làm gì có mười ngàn để trả nợ cho bà ấy im miệng. Tao bán cái xe truck

của tao được năm ngàn, gởi cho mẹ vợ với cam kết là sau tháng 6 năm 2015 thì mới được đòi nợ tao tiếp năm ngàn còn lại. Tao tính đi bộ đi làm cũng được vì tao ở không xa hãng bao nhiêu. Hy vọng từ nay đến tháng 6 thì khoản tiền xăng, tiền bảo hiểm xe mà tao không phải đổ xăng, mua bảo hiểm cũng được hơn một nửa của năm ngàn.

Chai rượu cạn, cả hai thằng cùng lười đứng dậy mở đèn dù căn phòng đã chập choạng tối. Vuông cửa sổ hắt vào ánh sáng cuối cùng của ngày đi, lại là một ngày mưa gió; ngày cuối năm của tôi nhưng là đầu năm của thằng bạn Mỹ - kể ra nó cũng đâu có hên gì ! Hên chăng là nó từng đi lính nên được rèn luyện sức chịu đựng cao.

Tạm biệt thằng bạn nghèo. Xuống cầu thang apartment gió ù ù thổi lạnh mà sao thấy ấm lòng. Nhờ chai Jack Daniels hay lời hứa với nó, «Được rồi ! Tao sẽ rước mày đi làm, chở mày về vài tuần. Để tao có thời gian trả hết nợ sửa xe cho thằng bạn có shop sửa xe của tao đã. Sau đó, tao nói nó bán cho mày một chiếc xe cũ, chừng một ngàn thôi. Nhưng mày trả góp 6 tháng và không tính tiền lời. Vì giá đó thì trường hợp mày trả không nổi tháng nào tao có thể giúp mày tháng đó. Chứ nhiều hơn thì tao phải bán xe tao. Không lẽ tao với mày đi bộ chung... cho vui.»

Mấy chuyện vặt cuối năm con ngựa 2014 rồi sẽ qua. Hy vọng năm mới con dê 2015 được hanh thông thử một năm xem có gì khác với nghèo triền miên mười hai con giáp hay không ?

Phan

Chú Hai Chờ Tết

Tịnh Tâm

Tác giả là cư dân vùng Little Saigon, liên tục góp bài cho giải thưởng Việt Báo từ nhiều năm qua, đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2011. Sau đây là bài viết thứ hai trong loạt chuyện kể của người «cho mượn lỗ tai» .

1.

Sắp Tết rồi đó cháu.

- Dạ. Gọi là Tết Việt Nam được không chú ?

Chú Hai gật gật đầu, tán thưởng :

- Tết Việt Nam ! Nghe hay lắm ! Nghe có lý lắm ! - Chú im lặng hồi lâu- Nhưng Tết bây giờ buồn... Tết làm chú nhớ bà xã chú quá chừng. Mà, càng nhớ thì càng thương.

- Dạ...

- Tết của ngày xưa thì vui.

- Dạ...

- Nhỏ khờ biết ngày xưa là hồi nào không mà vâng vâng dạ dạ ?

- Dạ, có phải ngày xửa ngày xưa, tại một vương quốc thanh bình nọ, có một nàng công chúa sắc nước hương trời ?

Chú Hai bật cười :

- Ừ ! Cháu nói giỡn, nhưng đó là sự thật. Có một nàng công chúa... còn chú là hoàng tử.

- Ồ ! Thú vị nhỉ ! Cháu biết mà. Chú đúng là hoàng tử. Chú có phong thái của một nhà quý tộc.

- Nịnh dữ à nghen ? Chú không có tiền lẻ đâu à nghen.

- Dạ không sao. Chú cứ thưởng cháu tiền chẳn cũng được ạ. Cháu không chê tiền chẳn đâu ạ.

- Hay ! Hay lắm ! Nhưng, công chúa và hoàng tử trong câu chuyện của chú không có cái kết cục hạnh phúc, không có cảnh chàng và nàng sống bên nhau trọn đời như những chuyện cổ tích bình thường.

- Dạ... cháu xin lỗi vì vô ý gợi chuyện buồn.

- Không sao. Được nói ra, chú đỡ buồn hơn cháu à. Chú có đọc đâu đó rằng khi được chia sớt tâm tình,

niềm vui sẽ nhân đôi và nỗi buồn sẽ vơi đi một nửa. Phải không cháu ? Chuyện cổ tích của chú rất đẹp nhưng kết cục buồn.

- ...

- Tết ! Một thân một mình ! Buồn lắm !

- ...

- Bà xã chú là một nàng công chúa kiều diễm, hiền thục, giàu đức hy sinh...

- Dạ.

- Lại là người nội trợ rất siêng năng, đảm đang, khéo léo, dù trước khi ưng chú, bà ấy là công chúa có kẻ hầu người hạ. Cháu biết gì không, mỗi dịp Tết, bà ấy luôn làm nhiều món ngon, đặc biệt là những món nhậu.

- Dạ, những món gì ạ ?

- Để coi... chú nhớ là khoảng trước Tết chừng ba tuần, nhà chú bắt đầu có không khí Tết rồi. Lặt lá mai nè. Quét vôi nhà nè, sơn lại cửa nè. Cháu biết gì không, mỗi bận sửa soạn nhà cửa để đón Tết, bả và chú thường giận nhau.

- Sao lại giận nhau ạ ?

- Vì không đồng ý với nhau về màu vôi, màu sơn. Hễ bả thích màu xanh da trời, thì chú ưa màu xanh lá cây. Hoặc bả thích màu vàng lợt, chú khoái màu lam.

- Lạ nhỉ ? Rồi... ai thắng ?

- Đương nhiên chú thắng ! Đương nhiên bả phải chịu thua, nhưng coi bộ bả buồn buồn, cam chịu. Chú càng tưởng chú bảnh. Hồi đó chú không hiểu tại sao chú ưa làm ngược ý bả, ưa thắng bả. Chú không hiểu tại sao bả luôn làm lành với chú trước, dù bả không có lỗi. Nhưng giờ chú hiểu.

- Chú hiểu sao ạ ?

- Chú hiểu là... chú muốn làm ngon, làm oai làm tướng trong nhà. Chú phải là số một trong gia đình. Chú hiểu, bả không muốn không khí gia đình căng thẳng, không muốn con cái buồn. Giờ ngẫm lại, chú thấy mình bậy thiệt ! Chú ăn hiếp bả quá trời. Nghĩ lại thấy thương bả quá ! Chú bậy thiệt !

- Dạ... bố cháu bảo, trên đời này không ai hoàn hảo. Nhưng, rõ ràng là chú rất yêu vợ chú phải không ?

- Đương nhiên ! Vợ chú là số một của đời chú.

- Thế thì cô ấy hạnh phúc rồi ! Chú tốt thật đấy !

- Chú mà tốt cái nỗi gì ! À, chú kể tiếp, sau ngày mất nước, chú bị đi tù, bị lưu đày hết nơi này tới nơi khác, rồi ra tới tận ngoài Bắc. Vậy mà bả lặn lội đi thăm nuôi chú không sót cái giấy phép nào. Ngày chú về, thân tàn ma dại, ghẻ lở khắp người, bịnh tật tùm lum, mắt mờ chân yếu, coi giống bộ xương biết đi. Vậy mà chỉ vài ba tháng sau, chú lành lặn, khỏe mạnh ngon lành, chính là nhờ một tay bả nuôi nấng, chăm sóc, thuốc thang đó cháu. Nhưng rồi...

- ...

- ... Mà lạ hết sức, cứ Tết đến, chú lại càng nhớ bà xã chú ! Phải chi hồi đó, bả được qua đây sớm hơn, chắc bả đã vượt qua căn bịnh. Bả bịnh cũng tại chú. Chú có lỗi nhiều với bả lắm.

- ...

- Thương nhớ bả, nhiều khi chú muốn đi theo bả mà không được. Coi vậy chớ không dễ chết đâu cháu. Lạ thiệt, có người muốn sống thì phải chết, nhưng có người muốn chết lại cứ phải sống hoài.

- ... Chú ơi... Thế... những món ngon ngày Tết cô làm là những món gì ạ ?

- Ủa, vậy ra chú nói lung tung lang tang quên béng cái chuyện Tết. Ừ Tết. Những món gì ? Chà, nhiều lắm, nào kiệu chua, hành chua, dưa cải chua, tai heo ngâm dấm...

- Sao toàn các món chua chua thế ạ ?

- Nhỏ này thiệt tình... Chú chưa kể hết mà... Nè, dưa món, cháu biết dưa món bà xã chú làm ngon cỡ nào không ? Đu đủ xanh, củ cải trắng, su hào, cà rốt, khóm, củ kiệu, tỏi, ớt... Tất cả đều được phơi heo héo, sắp vô keo, rồi thắng nước mắm đường đổ vào. Mà cháu biết nước mắm đường của bả chưa ? Rất đặc biệt ! Chú cam đoan không ai khéo bằng bà xã chú ! Nước mắm đường dẻo quẹo, thơm phức. Mèng ơi, dưa món đó mà ăn với bánh tét chiên... mèng ơi, ngon gì đâu !

- Còn mấy cái món chua chua thì ăn như thế nào ạ ?

Chú Hai mơ màng :

- Nhỏ này khờ câm hà. Nè, hành chua ăn với thịt kho rệu. Kiệu chua nhắm với tôm khô. Dưa cải chua kho với thịt ba rọi. Tai heo ngâm dấm kẹp với hành chua, kiệu chua. Mèng ơi, ngon gì đâu. Chưa hết, có chai bia bên cạnh thì ngon thấu trời.

- Dạ, ngon quá ! Cháu nghe cũng phát thèm.

- Chưa hết ! Bà xã chú còn làm nhiều thứ mứt : mứt gừng, mứt dừa, bí đao, quất... Ôi, hình như chú đang nghe mùi mứt gừng khi đang riu riu trên bếp, lan tỏa đâu đây- Chú Hai hít hít mũi- Mèng ơi, thơm thơm, ấm ấm, cay cay, ngòn ngọt. Hồi đó, chú cứ rình rình... lúc bả đi chỗ khác... chú nhón mấy miếng... rồi nhấp ngụm trà. Đã quá trời !

- Sao lại phải rình rình hả chú ?

- Nhỏ này khờ câm hà ! Chú ưa giỡn chơi vậy mà. Có lần chú còn giả bộ để bả bắt quả tang chú đang ăn vụng, để cả nhà bò lăn ra cười chơi.

- Vui nhỉ ? Gia đình chú hạnh phúc nhỉ ?

Chú Hai trầm ngâm :

- Ừ ! Nhưng tất cả đã bị thiêu rụi...

- Chú Hai ơi, chú muốn làm quen với cô Một không? Kìa, cô ấy đang ngồi đằng kia kìa !

- Bà đó hả ? Thôi, chú không muốn kết bạn với bất kỳ người đàn bà nào từ hồi vợ chú mất. Vợ chú là người đàn bà duy nhất của đời chú.

- Dạ, ý cháu là chú chỉ làm quen để làm bạn thôi.

- Nhỏ này khờ câm hà ! Tình bạn giữa những người khác phái, lại cùng cảnh ngộ, dễ trở thành tình yêu, cháu hiểu chưa ? Tụi bay trẻ người non dạ, chưa thấu lẽ đời đâu. Thôi, cháu lo về đi, nãy giờ chú nói nhiều cũng hơi mệt rồi. Mà cháu nghe nhiều cũng chán rồi. Cám ơn cháu.

- Dạ, cám ơn chú đã chịu khó kể cháu nghe. Chú cũng về phòng nhé ! Bước cẩn thận nha chú. Cái bậc thềm này hơi cao đấy ạ !

- Ừ, chú luôn cẩn thận. Già mà té khổ lắm cháu ơi. Đó, bà Một đó. Ngồi xe lăn. Tội nghiệp chưa ?

- Dạ, chú vẫn còn may mắn hơn cô Một nhiều phải không. Ủa, cô Một đang hát kìa. Nhiều lần cháu đã được nghe cô ấy hát. Hay lắm chú ạ. Chắc hồi xưa cổ là ca sĩ.

- Nhỏ này khờ câm hà. Bộ ca sĩ mới hát hay sao ? Bà xã chú không phải ca sĩ mà hát hay ăn đứt ca sĩ. Thôi, chào cháu.

- Dạ. Chào chú.

2.

- Chào chú Hai ! Chú khỏe không ?

- Không khỏe lắm. Hổm rày lạnh dữ, chú nghe rêm cả mình mẩy, lại hơi nhức đầu nữa.

- Chú đã uống thuốc gì chưa ?

- Rồi ! Mỗi lần uống thuốc, chú lại nhớ bà xã chú. Hồi đó, nếu bà xã chú qua được đây, chắc giờ vẫn còn sống bên cạnh chú. Nghĩ lại thấy thương bả thiệt là thương. Chú có lỗi với bà ấy nhiều lắm.

- ...

- Tất cả cũng vì chú. Để có tiền lo cho chú, vợ chú đã vay nóng, lãi suất rất cao. Rồi lãi mẹ đẻ lãi con. Nghề bán đồ cũ ngoài chợ trời bữa nào may mắn lắm mới đủ mua gạo cho sắp nhỏ. Khi chú về, bả vẫn âm thầm vay nóng để nuôi chú. Bả vay vốn đầu này, đắp lãi đầu kia. Rồi bà ấy không kham nỗi, chủ nợ hè tới đòi. Lúc đó chú mới té ngửa. Thiệt ra, chú biết cũng đâu làm được gì ? Chú chứng kiến cảnh vợ chú khóc lóc, quỳ lạy người ta. Cháu ơi, có nỗi đau nào bằng ?

- Dạ...

- Rồi bà ấy đổ bịnh. Chú bán nhà, trả nợ nần và đưa bà ấy vô bệnh viện. Chừng tuần lễ sau...

- ...

- Bà xã chú mất vì nhịn ăn nhịn uống nhịn thuốc men. Chú hiểu... Bà ấy đã hy sinh, lặng lẽ hy sinh. Cháu ơi, có nỗi đau nào bằng ?

- ...

- Cha con chú ra nghĩa địa, che cái chòi giữa các ngôi mộ để ở. Nghe ớn quá hả cháu. Hổng sao, trong đó cũng có mấy người ở nên đỡ sợ. Đa số họ là những gia đình bị đuổi ra khỏi nhà, bị bắt đi kinh tế mới. Lên kinh tế mới, họ không sống nổi, phải quay về. Nhà thì đã bị người ta chiếm, biết ở đâu hả cháu ? Vậy là vỉa hè, gầm cầu, lề đường, chợ, nghĩa địa... Chỗ nào che nắng che mưa được là họ ở. Tội nghiệp thím Sáu kia, lên kinh tế mới chừng vài tháng, chồng thím bị rắn cắn chết. Thím bèn đùm túm bầy con về thành phố, về căn nhà của gia đình thím hồi trước. Đêm đầu tiên, mưa gió, thím xin người chiếm nhà của thím, cho mẹ con thím ngủ ngoài hiên, nhưng họ không cho. Thím đành dắt díu bầy con líu chíu ra vỉa hè gần đó ngủ; nghe văng vẳng trong căn nhà của mình tiếng người ta cười nói, tiếng đàn piano vọng ra. Úi chà, ngồi giữa những ngôi mộ, cứ thím kể

tới kể lui về cái đàn piano; đó là kỷ niệm của bà ngoại sắp nhỏ để lại. Thím thuộc lòng từng vết sờn, từng khe nứt, từng đường vân gỗ trên chiếc đàn yêu thương đó. Nghe cũng ngộ đời phải không cháu, cái nhà đáng giá gấp hàng triệu triệu lần cái đàn; cái nhà to tướng che chở cả gia đình qua nắng qua mưa, qua ngày qua đêm, hổng kể, mà cứ đi kể cái đàn piano bé nhỏ, cũ kỹ, sờn nứt. Đó, kỷ niệm thiêng liêng vậy đó cháu. À, ở nghĩa địa, chú làm nghề bán da chai. Các con chú đi bán vé số. Đã vậy còn nơm nớp lo sợ mỗi khi thấy bóng dáng công an. Nếu nước Mỹ không dang tay cứu vớt, không biết bây giờ cha con chú ra sao ?

- Dạ, hồi nọ chú có kể, các anh chị rất thành đạt. Vui quá chú nhỉ ?

Chú Hai nhíu mày, lộ vẻ ngạc nhiên lắm :

- Ủa, bộ... bộ chú kể cháu nghe rồi sao ? Chú kể hồi nào vậy ?

- Dạ... hồi lâu rồi... chú có kể... sơ sơ thôi ạ. Chỉ... một lần thôi ạ.

- Vậy sao ? Vậy mà chú quên mất tiêu. Ừ, các con chú đều học hành đỗ đạt. Cũng may là khi qua đây, chú còn khỏe mạnh, chú đi học, đi làm, dốc sức lo cho tụi

nó. Tụi nó rất ngoan, rất chịu khó. Bước đầu mới tới đây dĩ nhiên có những thử thách, nhưng nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ đó hả cháu ?

- Dạ. Như thế cô đã yên lòng rồi.

- Ừ. Chú cũng nghĩ vậy để tự an ủi mình, để thấy mình không đến nỗi quá tệ.

Chú Hai gật gật đầu, cười nhẹ :

- Chú còn có niềm vui nho nhỏ là... thỉnh thoảng chú cũng gom góp được chút tiền giúp một anh Thương Binh Việt Nam Cộng Hòa đang phải sống lầm than ở quê nhà.

- Dạ. Làm được cái gì có ích cho ai đó, vui chú nhỉ ?

- Ừ. Tuổi già sức yếu, chú chỉ có thể làm chút xíu vậy thôi.

- Chú Hai ơi, hôm nọ chú có nói là chú thích đọc sách tiếng Anh ?

- Ừ, chỉ là một cách để giữ đầu óc chậm lão hóa đó cháu. Tuổi già mà lú lẫn còn đáng sợ hơn nằm một chỗ.

- Chú ơi, giỏi tiếng Anh thích nhỉ ? Đọc nguyên tác thú vị lắm chú nhỉ ?

- Ừ, nhưng lạ một điều là khi đọc, những chữ tiếng Anh rành rành trên giấy, bỗng nhảy vào đầu chú bằng tiếng Việt.

- Ồ !

- Thậm chí tiếng Việt rất trôi chảy !

- Có nghĩa là... như là chú đang dịch ra tiếng Việt ?

- Ừ, đúng như vậy ! Bộ não chú tự động dịch sang tiếng Việt.

- Hay nhỉ... Thế... chú Hai ơi, thế... tại sao chú không dịch sách ? Cháu tin chú dịch sách hay lắm đó !

- Dịch để làm gì ?

- Dạ... Dịch rồi đem in.

- In để làm gì ?

- Dạ... để bán !

- Ở xứ nẩy ai mà thèm mua sách dịch ?

- Cũng có đấy ạ. Nhưng thôi, mua bán làm gì chú nhỉ? Với lại, nhỡ bị lỗ chú lại mắng cháu.

- Mắng cháu có kiếm được lời không hả nhỏ khờ ?

- Dạ không ạ. Mà sao cháu lại thích đọc sách tiếng Việt chú Hai à. Ước gì chú dịch sách truyện cho cháu đọc với. Bạn bè cháu, anh chị em cháu, con cái cháu... tha hồ được đọc sách tiếng Việt của chú dịch.

- Rồi sao nữa ?

- Dạ... rồi để... lại cho đời sau. Cũng vui chú nhỉ ?

- Nhưng tiền in mắc lắm.

- Không sao, chú có thể in lên giấy, rồi photocopy thành nhiều bản, rồi đóng thành tập. Tốn kém chẳng bao nhiêu.

- Ừ... Cũng có lý ! Nhưng cái chuyện để lại cho đời sau nghe to tát quá, mà sức chú thì bé mọn, chú hổng dám. Làm chỉ để cho vui thì được. Chắc con cháu của chú sẽ ủng hộ việc này.

- Nhưng chú phải hứa là chỉ làm việc khi chú khỏe. Chú hứa là không gắng sức quá, chú nhé.

- Ừ, nhỏ này khờ câm. Chưa gì đã lo chú làm việc quá sức ! Nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ đó ! Hồi trong trại tù Cộng Sản, nơi vẫn được kêu là địa ngục trần gian, cháu biết gì không, người tù bị đói khát triền miên, đói muốn đui muốn lòi con mắt, lại lạnh lẽo, bịnh tật, sáng

ra phải đi lao động khổ sai cho tới tối mịt. Còn bị đánh đập, hành hạ, chửi mắng, sỉ nhục. Còn phải đối diện với cái chết, đối diện với tương lai vô định mịt mù nơi rừng thiêng nước độc, thì bất cứ việc gì khác trên đời này cũng chỉ là lẻ tẻ. Nhỏ khờ khéo lo bò trắng răng !

- ...

- Ủa, mà nói tới răng chú mới nhớ, cháu biết tại sao chú đeo răng giả không ? Bữa nọ, thằng cai tù đi cạnh chú, hổng biết ma đưa lối quỷ dẫn đường thế nào, chú lại quay sang dòm nó. Nó trừng chú : «Sao mày dám nhìn mặt tao hử ?» Rồi nó lấy cái báng súng dọng vô mặt chú. Chú bị gãy gần chục cái răng. Môi dập nát. Máu me dầm dề. Đau đớn không sao tả hết. Tiếc mấy cái răng quá trời. Nhưng rồi chú nghĩ, ối, mất mấy cái răng nhằm nhò gì so với chuyện mất nước mất nhà. Cũng may khi qua đây, chú được tặng cả hai hàm răng giả, đẹp hết biết nhưng không bao giờ nhai tốt bằng răng thiệt !

- Ồ ! Đời chú là cả một cuốn hồi ký phong phú, sinh động... Chú Hai ơi, sao chú không viết hồi ký ?

- Thôi, hồi ký về nhà tù của bọn Cộng Sản man rợ thì nhiều người viết rồi. Chú viết ra sẽ bị trùng lặp vô ích. Hơn nữa, chuyện tù của chú nhằm nhò gì so với nhiều

người tù khác. Cháu tìm đọc sẽ biết. Kinh hoàng lắm cháu ơi.

- Nhưng... mỗi cuộc đời con người là một cuốn sách, bố cháu vẫn bảo vậy. Cho nên, không ai có đường vân tay giống ai, dù hơn 7 tỉ người trên trái đất, dù những sợi vân tay mảnh mai mỏng mảnh nằm gọn trong lòng bàn tay, bố cháu vẫn nói vậy, phải không ạ ?

- Cha chả, nhỏ khờ bữa nay khôn dữ hông ? Nói có sách mách có chứng dữ hông ? Thôi, chú vẫn thích dịch sách hơn.

Chú Hai gỡ đôi kiếng lão xuống, lấy khăn giấy lau tới lau lui. Mắt nhìn xa xăm. Khoảng lặng thinh khá lâu :

- Gần bốn mươi năm rồi đó cháu ! Đất nước tan hoang ! Dân tình khốn khổ ! Đạo lý suy đồi ! Xã hội đảo điên ! Trong suốt hơn bốn ngàn năm văn hiến của dân tộc Việt Nam, không có một giai đoạn lịch sử nào đau đớn bi thương như bốn mươi năm qua, và bây giờ, và không biết sẽ phải kéo dài bao lâu nữa ?

- Dạ.

- Cám ơn cháu. Thôi chú về phòng. Chào cháu.

- Dạ, chào chú. Chú cẩn thận ạ. Cháu mong chờ đọc

bản dịch của chú đấy ạ.

3.

- Chào chú Hai ! Chú đỡ chưa ạ ?

- Đỡ đỡ rồi. Sao ? Bố cháu đi lại vững chưa ?

- Dạ, bố cháu hôm nay đẩy walker đi được rồi ạ. Cháu kể chuyện chú dịch sách, bố cháu thích lắm. Bố cháu cũng rất muốn dịch sách như chú, nhưng tiếng Anh bố cháu không giỏi như chú.

- Lại nịnh chú nữa rồi. Chú mà giỏi giang cái nỗi gì.

- Bố cháu tính viết hồi ký chú ạ.

- Rồi in ?

- Dạ không, chỉ đóng tập, lưu truyền trong gia đình thôi ạ. Bố cháu chỉ muốn sau này con cháu biết ngày xưa ông bà đã sống như thế nào, đã khởi đầu trên đất Mỹ ra sao. Bố cháu cứ lo bọn trẻ sau này mất gốc.

- Nhưng bọn trẻ ở đây chắc gì đã đọc được tiếng Việt?

- Bố cháu có luật : Không được nói tiếng Anh trong nhà. Luật này được thi hành răm rắp đấy ạ. Và hàng tuần, bọn trẻ vẫn đi học tiếng Việt đấy ạ.

- Hay ! Hay lắm !

- Bố cháu muốn làm quen với chú, chú nghĩ sao ?

- Nghe có lý đó !

- Vậy... bây giờ hai người đàn ông... cùng làm bạn với một người đàn bà được không ạ ? Chỉ là bạn bè thôi ạ.

- Nhỏ khờ muốn nói tới bà Một ?

- Dạ...

- Được thôi !

- Bố cháu biết đàn guitar chú ạ.

- Hay ! Hay lắm ! Vậy bố cháu sẽ đàn cho bà Một hát. Còn chú thì làm thính giả. Chú sẽ... vỗ tay ! Chú hứa sẽ vỗ tay thiệt to, thiệt dòn. Chà ! Nhỏ khờ bày trò coi cũng có lý đó !

- Dạ... Cám ơn chú. Vậy là mọi người sẽ vui, chú Hai nhỉ ?

- Ừ ! Vậy, Tết cháu có đưa bố về nhà không ?

- Dạ không, ở nhà không có người chăm sóc bố. Ai cũng đi làm. Bố cháu sẽ ăn Tết ở đây, với chú, với cô Một, và vài người khác. Cháu sẽ mang bánh chưng,

dưa món, tai heo ngâm dấm vào. Dạ, có cả thịt đông, giò thủ, nhưng mấy thức ăn này chỉ nhón chút xíu cho có hương vị thôi. Dĩ nhiên sẽ có mứt gừng, mứt dừa, trà sen. À quên, có cả rượu nho nữa. Mọi người sẽ nhắp chút xíu thôi ạ. Thế là có cái Tết Việt Nam chính hiệu chú nhỉ ?

- À, ở đây, những dịp Tết, các nhóm tôn giáo, cộng đồng cũng vào thăm đó cháu. Ấm áp lắm. Chú sẽ đề nghị bà Một hát bài Ly Rượu Mừng.

- Dạ, mấy hôm nay cô Một vẫn hát bài đó. Cô ấy còn hát nhiều bài về mùa xuân, như Tâm sự nàng xuân, Cánh thiệp đầu xuân, Câu chuyện đầu năm nữa ạ. Thôi chú vào nghỉ. Cháu chạy nhanh về để làm mấy món ăn Tết. Chào chú

- Ừ, chào cháu. Nè ! Nhớ lái xe cẩn thận nghen cháu. Nhớ phải luôn chú ý vào việc lái. Đừng đạp lộn chân thắng với chân ga cháu nghe !

- Dạ. Cám ơn chú. Cháu nhớ ạ.

Tịnh Tâm

Mình Ơi

Đoàn Thị

Tác giả định cư tại Pháp, tham gia Viết Về Nước Mỹ từ tháng Ba 2010. Họp mặt giải thưởng năm 2011, Đoàn Thị đã bay từ Paris sang California để nhận giải Vinh Danh Tác Giả, thường được gọi đùa là giải Á Hậu. Báo xuân Việt Báo năm con dê, bà kể về «Chợ Tết Phây Búc» rất vui. Nhưng trước khi đọc Đoàn Thị trong báo xuân, mời coi tác giả kể chuyện tình Paris- Cali vui như tết.

Tháng 5 năm 1968, tuổi trẻ Paris xuống đường đưa ra chủ trương «Cấm, không được cấm đoán» , đòi cải tiến xã hội, thuốc ngừa thai xuất hiện giải phóng phụ nữ, nam nữ bình quyền...

Trai gái tự do lập tổ uyên ương, chả cần cưới hỏi lập hôn thú, con cái mang họ cha hay mẹ tùy thích, tự do chăm phần chăm, thời đại Peace & Love có khác với gia phong xứ Việt.

Mối tình đầu của chú Vĩnh bộc phát từ đó, lãng mạn đến bạt mạng. Sau vài tuần đi biểu tình ngoài phố, cô đầm học chung trường đại học xách túi đến ở với chú, hôm đó Cécile thì thầm bên tai chú,

- Tối nay «moa» tới ngủ với «toa» .

Cécile làm chú bất ngờ đến á khẩu, lòng vui như mở hội, đang thích em mà chưa biết nói làm răng, tự dưng em tình nguyện hiến thân, bị đờ đẫn là phải rồi.

Cơn sốt khuynh tả lôi chú vào cuộc với những thay đổi mới lạ, nam nữ không còn ranh giới nên chú lăn vào bếp nấu cơm, rửa chén chùi xoong chảo... , đi làm về chú mang «tạp dề» xuất sắc trong vai nội trợ.

Sau đó Léon và Manon ra đời, thay tã pha sữa bi chừ là việc thường ngày của đàn ông, may mà má của chú còn ở bên Sàigòn, nếu tận mắt chứng kiến cảnh này chắc cụ khóc như mưa.

Léon tuy giống Tây hơn Ta nhưng tính trầm như bố, con bé Manon bộp chộp như mẹ, bạ đâu nói đó, có lần nó ôm cổ chú, tíu tít,

- Các bạn đứa nào cũng thích cái đuôi mắt xếch của con, có đứa kẽ đuôi mắt dài ra nhưng làm sao giống y như con được, phải không bố ?

Con nhỏ có đuôi mắt xếch của bố, cái miệng lanh chanh của mẹ nên hớp hồn tụi con trai trong lớp dễ như chơi, chả bù thằng anh ít nói, mặt tây mà nết mít đặc.

Cuộc tình của chú trôi nổi theo phong trào «kỵ không được cấm» kia đến lúc hai đứa tây lai lớn đại, và một ngày nắng chói chang bà đầm xách túi ra đi bất chợt như ngày bà đến với chú, vẫn câu ngắn gọn,

- «Moa» ra ngoài ở vài hôm để «toa» dọn đồ như tụi mình đã thỏa thuận.

Mười mấy năm ấm lạnh, cuộc tình ngoại lai đã kết thúc, cuộc sống lứa đôi vừa khép lại, từ nay đôi ngả chia ly.

Trong bất cứ cuộc chia tay nào cũng có lỗi của hai bên, hòa nhập xã hội tây không khó, nhiêu khê là chú không thể xóa gốc mít của mình.

Đàn ông xứ Việt phải ra dáng trượng phu, chú lở vận nhập cuộc vào thời loạn của nam giới bị xuống cấp nên đôi khi chú bất bình, gia đình sinh bất hòa.

Buổi sáng đứng soi gương cạo râu, đôi khi chú tự hỏi, giá mình có vợ mít... , giả thuyết đó ám ảnh chú đã lâu và chỉ thoáng qua, nhưng khi chú thật sự thèm húp nước mắm, sống đúng gốc mít của mình, chú cảm thấy bí lối.

Bà đầm cũng rứa, bỗng thèm phong cách tây, thích tự do, sống dưới hàng dậu nhiệt đới của chú đôi khi bà thấy ngột ngạt, bà ví mình như loại phô mai đặc sản, mốc meo, ngon tuyệt, chú lại thấy khó ngửi.

Thế là họ quyết định chia tay, không giằng co níu kéo giọt ngắn giọt dài, chú sợ nước mắt mỹ nhân, bà đầm không trá hình thục nữ, tình phai nghĩa cạn, chúng mình nghỉ chơi với nhau, đơn giản thế thôi.

Xổng chuồng bà đầm chú vào phố Á Châu nối lại gốc mít đứt đoạn khá lâu, trà trộn mãi vẫn chưa hòa đồng nỗi.

Lúc này chú mới thấy đàn bà mít màu mè hoa lá cành, tình trong như đã mặt ngoài còn e, làm gì có chuyện «tối nay moa ngủ với toa» như tây đầm, bông hoa tặng nàng tưng bừng mà có thấy gì đâu, em vẫn ỡm ờ e thẹn.

Hình như gốc mít của chú bị bật gốc mười mấy năm nay nên khi quay về với đồng hương chú bị lạc lối, chú thích phụ nữ dịu dàng nhưng thẳng tính như đầm, kiểu này chắc chú phải tìm đầm lai mít mới hợp.

Bố mẹ chú xót con trai hiến đời trai trẻ cho bà đầm, bi giờ trắng tay, họ bảo lãnh chú qua Mỹ đoàn tụ gia đình.

Mẹ chú nghĩ, bên ni thiếu chi đàn bà con gái Việt, chuyến này ông bà sẽ cưới cho chú cô vợ chính gốc, bù lại năm tháng chú phất phơ với bà đầm.

Từ ngày bố nối lại tình bạn với cô hàng xóm cũ ở Sài Gòn, ngoài giờ làm việc bố lên «phây búc» dán hình, đưa mấy đoạn «du túp» cầm đàn hát hò inh ỏi trong góc trời riêng của bố.

Ban đầu là bạn, rồi tình cảm nẩy sinh bất tử, trái tim ngủ yên của bố bỗng bừng tỉnh, biết chuyện mẹ muốn bất tỉnh, thế là chiến sự bùng nổ.

Chịu hết nỗi, mẹ than với Kim,

- Bố mi lúc này làm thơ nữa đấy, về đến nhà là «về Sài Gòn» , hát, chát, ngâm thơ... cứ như nghệ sĩ thứ thiệt.

Kim an ủi mẹ,

- Mẹ cứ mặc kệ bố đi, có nói yêu đương hứa hẹn gì thì cũng chỉ qua màn hình chứ có nắm tay nắm chân thật đâu, để từ từ con nói chuyện với bố.

Bù đầu bù cổ với chồng con Kim quên béng bố già của mình đang hồi xuân, đến lúc mẹ gọi điện thoại than thở thì bố đã «bỏ cơm nhà» từ mấy tháng nay và đang

«ninh nồi phở» bóc khói thơm lừng gia vị Sàigòn.

Kim có vặn vẹo thế nào bố cũng chối leo lẻo,

- Bố chỉ kết bạn văn nghệ chứ bồ bịch gì, mẹ mi khéo tưởng tượng.

Chuyện bố mẹ càng ngày càng tệ, và bố cố tình gây hấn với mẹ để có cớ xách vali về Sài Gòn, bên nớ bi chừ vui hơn Las Vegas nhiều. Đàn ông dẫn xác về làm răng thoát nỗi nanh vuốt mỹ nhân, kẻ đang hờn vợ như bố, quả thật không có nơi nào băng bó vết thương lòng tuyệt vời, vì «nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát...» .

Bố đi rồi, mẹ thất thần leo lên mạng tìm thuốc giải độc cho bố, mẹ lục tung bao nhiêu trang mạng tìm thầy lang mát tay, «thầy bà» chưa tìm ra mà thấy bố du dương bên nớ phây phây ngả nghiêng với em nhỏ trên phây búc.

Mẹ bèn réo Kim,

- Muộn mất rồi con ơi, cô hàng xóm nhỏ hơn bố đến cả chục tuổi.

Kim thắc mắc,

- Ai nói cho mẹ biết nó trẻ hơn mẹ

Mẹ chán nản,

- Vào phây búc là thấy ngay, em trẻ thơm phức, đâu có khắc khổ như mẹ.

Kim trấn an,

- Chỉ là qua đường thôi, mai mốt về đây là giảng tuồng, mẹ tin con đi, lần này con sẽ làm dữ với bố.

Ngày bố trở về Kim chưa kịp hỏi cung hay hăm he, bố đã hiên ngang tuyên bố một câu xanh rờn,

- Bố sẽ dọn ra riêng, bố chán cuộc sống này lắm rồi, bố muốn làm lại cuộc đời.

Mẹ bị bất ngờ đến chết lặng, Kim gục đầu vào hai bàn tay, nước mắt tràn mi, thế là hết, tình nghĩa bố mẹ chỉ thế thôi sao.

Từ ngày bố ra đi, mẹ buồn tình đời chả thèm nhuộm tóc, mặc cho mái đầu đổi màu trắng phau, Kim la làng,

- Tội gì mẹ tự làm khổ, mẹ đổi kiểu tóc mới đi, coi như xóa sạch dĩ vãng.

Hôm sau mẹ ra tiệm uốn tóc, chưa kịp hỏi mẹ muốn gội đầu hay cắt tóc, cô thợ trố mắt nhìn mẹ,

- Bà là phụ nữ gốc Á đầu tiên ở khu này có màu tóc thời thượng đấy, chỉ cắt tóc bà gọn lại một tý, bà sẽ y như mấy bà mấy cô xướng ngôn TV hiện nay.

Vừa nói cô vừa đưa cho mẹ xem tạp chí chương trình TV, chỉ vào một bà trung niên, cô đề nghị,

- Tôi sẽ cắt tóc của bà vài phân, gội và sấy theo kiểu bà này đây, bà sẽ trẻ ra và hợp thời nữa.

Bỗng mẹ thấy hứng thú với đề nghị của cô thợ, và để cô toàn quyền chỉnh đốn mái tóc rối bời của kẻ chán đời.

Ai đó đã nói, cắt tóc xả xui, mẹ cắt tóc vì Kim xúi, nhưng từ khi có kiểu tóc mới mẹ lại thấy bớt buồn, và nối lại với cuộc sống dạo trước, ngoài giờ làm việc mẹ ra ngoài đi chơi với các bạn.

Hôm gặp mẹ trong chợ bác Lâm gái trố mắt,

- Bạn của tôi hết buồn chưa, bữa ni có mái tóc lạ nhe, nhìn sau lưng tưởng cụ, nhìn chính diện vẫn ngon lành.

Mẹ cười cười,

- Thì cũng phải sống vì con, vì cháu.

Bác Lâm nhìn mẹ chăm chú,

- Hỏi thật đây, muốn có bạn mới không ?

Không đợi mẹ trả lời, bác tiếp,

- Gã này chia tay vợ đầm, lang thang mấy năm nay chưa tìm được người ưng ý.

Mẹ phì cười,

- Ông kẹ khó như rứa bà bảo tôi nhảy vô chỗ cù nhày làm gì.

Bác Lâm phân trần,

- Tại gã «lai Tây» , quen sống với đầm, bây giờ muốn tìm bà mít nhu mì nhưng phải sòng phẳng như Tây.

Mẹ lắc đầu,

- Mình làm gì có phong cách đầm mà bà biểu mình giao du với gã.

Bác vẫn không tha,

- Không bàn cãi nữa, cứ đến dự sinh nhật mình đi rồi tính tiếp.

Trong tiệc sinh nhật, mẹ được xếp ngồi cạnh chú Vĩnh, chủ nhà cố tình xếp hai tâm hồn cô độc ngồi bên nhau, dĩ nhiên là chú đã được báo trước tình trạng «bỏ ngỏ» của mẹ.

Phút đầu gặp «toa» tinh tú quay cuồng thật, chú thấy mẹ bắt mắt, lại thêm mái tóc thời thượng của mấy «xì ta» truyền hình, nói năng tự tin như «đầm» , nhưng phải nhu mì cơ, hãy đợi đấy.

Chờ người bên cạnh chuyển chai rượu đến tay, chú hạ giọng mời mẹ,

- Chị dùng chút rượu.

Mẹ gật đầu cảm ơn, chú cố tình rót một phần ba ly, nếu mẹ không quen rượu, chừng đó vừa đủ, nếu mẹ có tửu lượng cao, chú có cớ phục vụ dài dài.

Bác Lâm trai mục kích từ đầu, chờ chú rót rượu cho mẹ xong, bác nhắc khéo,

- Mời rượu như ông không đủ tráng miệng, chị Hiền là tay cao thủ đấy.

Chú tỉnh bơ,

- Mời rượu phải từ tốn, «toa» làm như chuốc rượu không bằng, yên trí đi «moa» lo liệu được mà.

Không biết ai chuốc rượu ai mà sau bữa tiệc chú ngà ngà chào mẹ,

- Rất vui được quen với chị, đây danh thiếp của tôi.

Mẹ vừa cầm danh thiếp, bác Lâm pha trò,

- «Toa» sắp về hưu làm ăn gì nữa mà đưa danh thiếp, muốn xin số điện thoại chị Hiền thì nói đại đi.

Chú Vĩnh thanh minh,

- «Toa» chỉ nói quá.

Bác Lâm cạnh khoé,

- Chứ không phải ý «toa» là, quen đâu quen đại đây, cho đây nhờ.

Mẹ không nhịn được cười,

- Tôi xin can, đã là bạn anh chị Lâm thì tôi cũng sẽ là bạn của anh mà.

Từ đó chú Vĩnh tự động làm bạn với mẹ, cuối tuần

chú lân la đến nhà phụ mẹ làm cơm, vợ chồng Kim là khách tự mời, có hôm rửa chén xong chú đon đã,

- «Moa» vét nồi thịt kho trứng này về ăn đỡ ghiền.

Kim chen vào,

- Con bê nồi chè về cho công bằng.

Mẹ phì cười,

- Kiểu này chắc mình chuyển nghề nấu cơm tháng cho khỏi lỗ công lỗ vốn

Chú mừng húm,

- Ý kiến hay lắm, vậy cuối tuần chú chở Kim đi chợ coi như trả công mẹ nấu ăn cho mọi người.

Kim nheo mắt,

- Muốn chở mẹ đi chợ chú nói đại cho rồi, kéo con vô làm gì tội nghiệp con.

Vậy là chú tự nguyện làm tài xế cuối tuần chở mẹ đi chợ, mẹ trở thành chủ quán cơm gia đình, gọi quán cho oai chứ thực khách đâu có quyền chỉ trỏ món này món nọ, bữa ăn có ba món chuẩn, mặn, xào, canh và chè hoặc trái cây tráng miệng.

Từ ngày bố lấy gái trẻ, mẹ đâm lười ăn, người gầy nhom chán lắm, vậy mà có bà lại khen,

- Ở tuổi này mà bồ còn thon như vậy là giỏi đó, có bí quyết gì bật mí đi.

Mẹ cười buồn,

- Bị chồng bỏ rơi buồn tình đời ăn không vô mới ra nông nỗi, bạn không thương hại còn nói mát làm gì.

Bà bạn khoát tay,

- Bộ ai buồn cũng sụt cân như bồ sao, càng buồn càng ăn vặt nên tròn ú như con nít sổ sữa mới đáng ngại.

Chú Vĩnh cũng chê mẹ gầy, nhưng mẹ bỏ ngoài tai, sống với bố hơn ba mươi năm, từ ngày vắng bố đến giờ mẹ vẫn chưa hoàn hồn, chú có săn đón cách chi cũng không vực mẹ ra khỏi cú sốc lớn trong đời mẹ.

Đúng là Chú lai căng, mất đứt nó cái gốc mít nên mới an phận làm bạn với mẹ, chứ đàn ông Việt thứ thiệt làm gì kiên nhẫn quá trớn như rứa, không có mợ chợ vẫn đông gái đẹp, về Sài Gòn một chuyến là đời lên hương ngay.

Chú nhát hơn mấy ông mít đâu đám về quê, cố ăn vạ cuối tuần nhà mẹ mặc cho Kim sốt ruột lên tiếng,

- Chú định im lặng đến chừng nào đây ?

Chú ra vẻ kinh nghiệm,

- Cứ để mẹ cháu suy nghĩ, ở tuổi này đâu còn vướng bận gì, càng không ngại tai tiếng vì cả hai đều tự do, chỉ tại mẹ cháu chưa sẵn sàng thôi.

Kim trợn mắt,

- Chú cam phận «hòn vọng thê» ?

Chú nhíu mày,

- Theo cháu, chú có thể làm được gì nào ?

Kim gãi đầu,

- Thì chú phải ra tối hậu thư.

Chú gõ nhẹ vào đầu Kim,

- Con khỉ xíu bậy, nhớ mẹ cháu cho chú de thật thì sao, chú đang ninh nồi thần dược để chiêu dụ mẹ cháu đây.

Kim há hốc,

- Đừng nói thần dược của chú uống vào cả hai lăn cổ ra chết như Roméo & Juliette nhe.

Chú tự tin,

- Chờ đến lúc chín mùi chú sẽ tung chưởng cho mà xem.

Tưởng chú nói đùa, mấy tháng sau, mẹ quýnh quáng gọi điện thoại cho Kim,

- Mi coi chú Vĩnh có ba phải chưa, tự dưng đòi làm đám cưới với mẹ.

Kim khó chịu,

- Vậy chứ mẹ muốn gì, đàng hoàng đến vậy mà mẹ chê, mẹ đòi hái sao trên trời mới vừa ý à.

Mẹ nhăn nhó,

- Làm bạn như vậy đủ rồi, tuổi này mà đòi cưới hỏi, vớ vẩn thật.

Kim bực bội,

- Mẹ thích làm bạn rề rề như vầy cho đến hết đời sao.

Mẹ ngạc nhiên,

- Bấy lâu nay làm bạn với chú ấy mẹ có thấy trăng sao gì đâu, chú cháu mi lắm trò thật.

Hẹn chú Vĩnh ra quán cà phê, vừa ngồi vào ghế Kim rên,

- Thua rồi chú ơi, mẹ không chịu làm đám cưới, chú bảo chờ thuốc chín mùi, chín nhừ ra đó cũng chả ăn nhầm gì, mà nếu mẹ không chịu cưới thì chú cứ mặc kệ đi.

Chú chậm rãi,

- Chú thương mẹ cháu thật, dù biết mẹ chưa siêu lòng, chú định làm đám cưới để mẹ cháu dứt khoát với dĩ vãng, vả lại chú cũng muốn làm chú rể một lần trong đời cho biết với người ta.

Kim tròn mắt,

- Chú đừng nói là chú mơ một lần lên xe hoa như con gái Việt nhe.

Chú gật đầu,

- Đúng vậy, chú mơ một đám cưới đúng truyền thống việt nam.

Kim hất hàm,

- Chú mơ vợ Việt, đám cưới Việt, tóm lại là «mít đặc» , mà chú cứ liền miệng xưng «moa» còn gì là gốc Mít nữa.

Chú trầm mặc,

- Vậy thì chú xưng anh, gọi mẹ cháu là cưng được chưa ?

Kim lắc đầu,

- Vẫn còn «ba rọi» , xưng anh nghe được, gọi cưng là Tây chứ đâu phải Ta.

Chú gật gù,

- Gọi em là xong.

Kim cười bí hiểm,

- Xoàng quá phải gọi thật mùi như mít rụng kìa, để khi nào chú cưới được mẹ cháu sẽ mách cho chú biết.

Hôm sau Kim nỉ non với mẹ,

- Người ta làm kỷ niệm hai mươi lăm, năm mươi năm hôn phối, chỉ là kỷ niệm thôi mà vẫn đình đám, còn mẹ làm đám cưới hẳn hoi sao lại lắc đầu, làm một cú cho

bố biết tay, ổng khăn đóng áo dài đi cưới vợ trẻ, mẹ dại gì...

Mẹ cắt ngang,

- Mẹ cũng phải giống bố mặc áo dài đi lấy chồng chứ gì, cần gì mấy thứ màu mè hoa lá cành đó, cái chính là người trong cuộc có thật lòng với nhau chưa.

Kim bất bình,

- Quen chú Vĩnh chừng đó thời gian mẹ vẫn chưa tin chú sao, lần này bố mẹ chú sẽ đứng ra cưới mẹ cho chú đó.

Mẹ hoảng vía,

- Thật vậy sao, chú Vĩnh mi rắc rối thật.

Kim ra vẻ trịnh trọng,

- Mẹ ơi cả đời chú mơ một đám cưới, mẹ nở nào làm chú thất vọng, tàn nhẫn quá, mẹ nghĩ lại đi.

Mẹ thảng thốt,

- Giời ạ, con gái tôi bênh người ngoài đến nỗi chì chiết cả mẹ nó đây.

Kim vừa xoa vừa đấm,

- Nói thế để mẹ thương tình chú Vĩnh, mà này mẹ sắp có bố mẹ chồng hẳn hoi, mẹ liệu đấy, quên bố giùm đi, mẹ sắp già mất rồi phải tìm một bóng tùng mà nương thân, mai này con có dọn nhà đi xa cũng yên lòng.

Con nhỏ hù dọa vậy mà «ép phê» , mẹ cuống cuồng đi vấn ý bạn hiền, dĩ nhiên là thiên hạ ủng hộ hết mình, cưới đi bạn ơi để chúng mình lên quần áo ăn chơi, chú rể cô dâu ấm lạnh ra sao, hậu xét.

Ngoài cổng vòm hoa tươi kết chữ «Lễ cưới» , trong phòng khách má chú mở mâm quả, đeo kiềng, bông tai cho mẹ, chú tra nhẫn vào ngón tay trơ trọi mấy năm nay của mẹ, mẹ đeo nhẫn cho chú, chả nghe ai thề thốt chi cả.

Chú rể cảm động thấy thương, lạy bàn thờ, lạy cha mẹ rồi ôm cứng mẹ làm kim thầm ganh tị, chuyến này mi «mất mẹ» vào tay chú Vĩnh rồi.

Sau đó cô dâu chú rể quay ra chào, khách Tây Ta vỗ tay giòn tan, có tiếng ai nói nhỏ,

- Thấy tóc trắng của mẹ con Kim tội nghiệp quá, mới chừng đó tuổi đã bạc đầu.

Nghe vậy bác Lâm bèn chạy đến cạnh cô dâu chú rể cầm micro giải oan,

- Có cháu xót cho cô dâu tóc trắng bạc phơ đến tội nghiệp, thật ra nên tội cho anh bạn của tôi mới đúng, tại ham mái tóc trắng thời thượng của mấy xì ta phát ngôn viên TV nên lận đận đeo đuổi cô dâu đến mòn gót, bây giờ bạn đã đến đích chúc bạn vui chơi quãng đời còn lại với «Ma đàm» .

Lại có tiếng xì xầm,

- Chết cha mi chưa, tóc trắng tài tử minh tinh tàn hình rất thịnh hành mà mi tuyên bố bậy bạ.

Tiếng pháo át tiếng lào xào, cô dâu lộng lẫy trong chiếc áo dài màu vàng nhũ với vòng kiềng bạc, nhỏ bạn của Kim phỏng đoán,

- Bây giờ mặc áo dài, tối chắc cô dâu mặc áo đầm.

Kim chắc cú,

- Tối nay cô dâu mặc áo dài màu đỏ Bordeaux đeo kiềng vàng chứ không diện áo đầm, chú rể sợ đầm mất vía rồi, bộ mi muốn mẹ tao hù dọa chú nữa sao.

Đúng 20 giờ gia đình hai họ lên sân khấu, cô dâu chú rể mặc quốc phục mở lời chào đón quan khách.

Chồng Kim bật nhạc, «Đôi chim là chim ríu rít trên cành, em yêu là yêu tiếng gọi của mình, là mình ơi» .

Chú Vĩnh dìu mẹ đi xuống, thì thầm bên tai mẹ,

- Thì ra chữ này đây, vậy mà «moa» không nhớ.

Mẹ ngớ người,

- Chữ này là chữ gì.

Chú ra vẻ bí mật,

- Tối sẽ nói.

Tiễn khách ra về, chú Vĩnh ôm mẹ thều thào,

- Đêm nay «moa ngủ với toa» .

Mẹ véo tai chú,

- Lấy vợ mít có khác, tha hồ tuyên bố tuyên mẹ.

Kim thích thú,

- Vợ nào cũng ngủ được, chỉ khác là bi giờ chú «đòi ngủ» chứ không bị áp đặt như lúc trước.

Mẹ lườm Kim, chú gật đầu ưng ý,

- Cảm ơn Kim thông cảm cho chú, bi giờ chú bật gốc

Tây rồi, ông Mít chính hiệu đây.

Kim nhắc khéo,

- Ông Mít hồi nào, sao lại moa toa, đừng nói chú đang nhớ Cécile nhe, mà này cái từ tình tứ kia biến đâu rồi.

Chú hí hửng,

- Cảm ơn cháu nhắc nhở, từ nay chú sẽ gọi mẹ là «mình ơi» .

Mẹ lắc đầu,

- Chú cháu mi sến quá, mình đầu cái gì, già ngắt chứ còn trẻ gì.

Chú khoát tay,

- Khuya rồi vợ chồng cháu đưa con về nghỉ đi, để chú đưa «mình» của chú về nhà.

Tiễn vợ chồng Kim ra cửa, chú quay sang ôm mẹ hát khẽ,

«Đôi chim là chim ríu rít trên cành... , mình ơi» .

Đoàn Thị

Tết Ất Mùi Kể Chuyện Ông Dê

Phương Hoa

Bài viết về nước Mỹ cho ngày cuối của tháng Chạp là một chuyện tết vui của Phương Hoa. Tác giả là một nhà giáo tại Marysville, thành phố cổ nhất của tiểu bang Calif. Với sức viết mạnh mẽ và loạt bài về Vietnam Museum, «Viện Bảo Tàng Của Những Người Lính Bị Bỏ Quên» bà đã nhận giải chung kết Viết Về Nước Mỹ 2014.

Chiều Ba Mươi Tết, quang cảnh trong ngôi chợ Việt Nam ở downtown thành phố Oakland rất nhộn nhịp. Bầu không khí Tết rực rỡ từ ngoài cửa đến bên trong, với bông hoa và các loại trái cây đủ màu, bên cạnh những thùng giấy đựng bánh tét bánh chưng có dán chữ Phước Lộc Thọ đỏ chóe trên nền lá chuối xanh mượt. Những chiếc quả hộp đỏ lớn nhỏ bọc giấy bóng kiếng, đựng các loại bánh và mứt gừng mứt bí, chất chồng lên nhau cao như núi. Giữa cảnh tấp nập vội vã kẻ ra người vô, một ông già râu tóc bạc phơ chống cây can chầm chậm bước vào chợ.

Ông lão mặc quần tây đen, áo len có cổ màu xanh xám. Lưng ông hơi còng, da mặt nhăn nheo, trổ đồi mồi lấm tấm, nhưng đôi mắt sâu trông vẫn còn sáng quắt

dưới cặp lông mày bạc rậm rì, gần như giáp lại với nhau bên trên sống mũi. Ông len lỏi đi lần đến khu vực hoa quả, chọn một chậu cúc đại đóa loại nhỏ chỉ có ba bông, rồi đem lại quầy tính tiền, đứng sắp hàng sau lưng mấy người khách. Đang bận rộn tính tiền, người phụ nữ nhìn thấy ông liền quay ra sau gọi lớn :

- Chị Bảy ! Đem cái bánh chưng nhân tôm ra đây cho bác De nghe !

Sau tiếng «Dạ» , người nhân viên cầm ra một cái bánh chưng thật lớn, cũng có dán giấy đỏ giống như những chiếc bánh bày bán trong thùng.

- Chèng ơi ! Một bà khách đang đứng trong hàng bỗng lên tiếng, giọng rặt miền Tây :

- Bánh chưng nhưn tôm ! Ngộ quá hén ! Nào giờ tui mới nghe lần đầu đó !

- Là bánh chưng nhân tôm khô và thịt heo quay, không có đậu xanh. Người thâu ngân vừa thoăn thoắt bấm máy vừa nói. - Tôi cũng ăn thử rồi. Ngon lắm ! Ông bác này năm nào cũng đặt riêng một cái, và người cung cấp bánh Tết cho chợ chúng tôi rất chịu khó gói cho ông và còn gói mấy cái nữa cho gia đình tôi.

Sau khi tính tiền, chị trao túi đồ cho ông cụ :

- Cám ơn bác De và chúc bác ăn Tết vui vẻ nhé !

Ông vừa quay lưng, chị thâu ngân liền thì thầm với mấy người khách : - Tội nghiệp ông già ! Vợ ổng mất bốn năm năm rồi, mà năm nào Tết đến ông cũng đều đặt mua một cái bánh chưng nhân tôm để cúng bà ấy.

Mặc cho ai vội vã, ông lão tay cầm cây can, tay xách cái túi bánh chưng và hoa cúc lững thững bước ra cửa đi bộ về. Người già như ông thì đâu có gì phải vội. Đi một đoạn, nhớ lại lời chào của người thu ngân, ông chợt mỉm cười, cái miệng móm mém lũng vào, rồi cong lên như một nét cắt dấu á.

Bác Dê. Ngày xưa còn trẻ đi làm, ông thường đùa với bạn bè điều vui nhất ông có được khi đến Mỹ là cái tên mới của ông. Hồi còn ở Việt Nam, ông đã từng khổ sở vì phải mang một cái tên trêu chọc. Lê văn Dê.

Ông Dê là người làng tôi. Đúng ra, tên cúng cơm cha mẹ đặt cho ông là «Dế» vì ông thích chơi với mấy con dế từ lúc còn rất bé. Nhưng khi bắt đầu đi học, người cấp «Chứng chỉ thế vì khai sinh» đoản vị đã làm mất đi cái dấu sắc oai phong trên đầu Dế. Thế là ông phải mang cái tên Dê suốt cả quãng đời trai trẻ.

Sinh ra ở làng quê, nhà nghèo em đông, mỗi khi xong vụ lúa là ông Dê đi làm thuê để phụ giúp gia đình. Dê thường nhận làm những công việc nặng nhọc, đào đất đắp đìa, gánh đất đổ nền nhà, hoặc gánh gạch cho người ta xây. Tuy người hơi thấp, da ngăm đen, nhưng Dê có nét mặt dễ nhìn, lại ngực nở vai u, giống như một lực sĩ. Khi làm việc, Dê thường cởi trần, mặc độc cái quần đùi, đi chân đất. Kẽo kẹt quang gánh nặng trĩu trên vai, mỗi khi bước chân Dê nhún nhẩy là vùng ngực và tay chân anh nổi lên cuồn cuộn những bắp thịt, làm cho các cô gái đi qua phải liếc mắt nhìn theo.

Ông Dê có một sức mạnh phi thường mà trong làng ai ai cũng biết. Một mình ông gánh đất đổ nguyên cả cái nền nhà chỉ trong một vài ngày, tùy theo nhà lớn nhỏ. Người ta kháo nhau, trong một lần đi vào rừng chặt củi mới sáng tinh mơ, khi núi đồi còn phủ sương mờ, ông Dê nghe tiếng cọp gầm. Trong tích tắc bước chân ông ba mươi đạp gãy cây khô răng rắc thật gần. Không đủ thời gian tìm chỗ núp, ông Dê chui đại, ngồi lọt thỏm vào bụi rậm cạnh con đường mòn ông đang đi. Con cọp già nghe mùi người phảng phất nên kiếm chỗ ngồi rình. Bất thần cọp ta kê đít ngồi xuống bụi cây, vô phước lại ngồi nhầm lên đùi ông Dê ! Ông Dê phải cố gắng nhịn thở, ngồi im không động đậy. Được một hồi, vừa mệt mỏi vừa sợ, ông Dê bất thình lình dùng hết sức bình

sinh chộp lấy cái đuôi cọp, giật mạnh về phía sau, cùng lúc thét lên một tiếng long trời, vang động cả núi rừng.

Ông ba mươi hoảng vía, vãi cả phân vào mặt ông Dê, và co giò phóng thẳng vào rừng. Sau đó có người bắt gặp ông Dê xuống suối rửa cái mặt và đầu dính đầy phân cọp.

Nhiều năm sau này, người ta hỏi ông Dê về chuyện ấy thì ông chỉ cười cười. Những chuyện đại loại về «tài» của ông Dê thì nhiều lắm.

Chàng thanh niên tên Dê nhờ có duyên may học được một nghề phụ rất độc đáo. Đó là nghề tẩm quất. Ai cũng cho là Dê «mát tay» , làm cho người ta dễ chịu và hết đau nhức một cách nhanh chóng, dù kiểu tẩm quất của Dê khá lạ lùng. Chập hai bàn tay lại với nhau, vỗ lộp bộp một cách nhịp nhàng trên lưng khách từ vai xuống mông rồi ngược lại, âm thanh nghe như những hồi trống giục. Xong, ông véo từng mảng da lưng của người ta mà giật lên kêu lốc cốc. Cuối cùng là màn giật tóc. Từng chòm tóc ngắn được ông tóm lấy, lựa lựa xoa xoa một hồi rồi bất thình lình giật mạnh. Nơi chòm tóc phát ra một tiếng nổ «bốp» làm như mảng da đầu bị bứt ra. Nhưng khách hàng thì rên rỉ, «Ôi ! Dễ chịu quá đi !» Cứ thế ông giật cùng khắp da đầu. Và khi người khách đứng lên thì mọi sự đau nhức mệt mỏi đều tiêu tán hết.

Cũng nhờ cái nghề phụ này mà gia đình ông Dê đỡ vất vả. Độc đáo ly kỳ hơn, nhờ đi tẩm quất mà ông cưới được hai bà vợ cùng một lúc. Họ là chị em sinh đôi xinh đẹp, lại con nhà giàu, có cửa hiệu tạp hóa to nhất làng tôi. Ông già của hai cô bị chứng nhức mỏi trường kỳ, nên rước Dê tới nhà đấm bóp. Riết rồi ông già mê chàng trai nên tình nguyện gả cô chị. Về sau cô em cũng khoái cái môn tẩm quất của ông anh rể nên đem lòng thương thầm. Mọi sự vỡ lở khi cô em có bầu, và ông già vợ đành gả luôn cho Dê.

Những giai thoại về ông Dê được người làng truyền miệng thì nhiều lắm. Người ta nói, không biết có phải cái tên nó vận vào người hay chăng, mà đã có một lúc hai bà vợ đẹp, trẻ, ông lại còn vương vấn đó đây lẻ tẻ nhiều mối tình, con rơi rải rác. Nhưng chuyện «nóng» nhất, được cánh quý ông lấy làm đề tài bàn tán khi rượu vào lời ra, là chuyện ông Dê «trùm pông sô» (poncho) cô nàng bán mắm.

Làng tôi xa chợ, nằm cạnh một dòng sông, bên kia sông là đồi núi chập chùng. Mỗi tháng vài lần, có một cô gái miền biển gánh nước mắm nhĩ đến đổi lúa. Cô nàng rất xinh, dân biển mặn mà với làn da ngâm ngâm bánh mật. Khi ấy cô bán mắm là niềm mơ ước của bao trai tráng trong làng, nhưng dù nhiều cậu tò tò theo sau

gánh mắm mỗi lần cô đến cũng không làm sao «cưa đổ» .

Đùng một phát, trong lần cô bán mắm đến, người ta thấy bụng cô phình ra. Gánh nước mắm trên vai như oằn xuống, bước đi cô chậm chạp nặng nề. Tưởng cô đã lập gia đình, nhiều người mừng cho cô tìm ra bến đậu. Nhưng khi hỏi ra, người ta càng «tá hỏa» vì cô vẫn… chông chừa chưa chồng. Thế là cánh thanh niên trong làng xôn xao, lòng đầy tiếc hận, ai cũng nôn nao muốn tìm ra tác giả cái bào thai.

Sự việc được bật mí, khi người ta thấy cô bán mắm thường lảng vảng trước cửa nhà ông Dê. Mỗi khi đổi hết mắm ra lúa, trên đường về cô thường gánh đi ngang qua nhà người đàn ông hai vợ, dù không phải tiện đường. Và cô luôn dừng lại ngồi nghỉ rất lâu trước cửa nhà ông, mắt nhìn chừng vào nhà như đợi chờ ai.

Sau đó, ông Dê bị coi là thủ phạm. Chẳng biết bằng cách nào, chuyện được kể ra còn kèm theo lời cam đoan có thật, rằng trong một lần bị bọn thanh niên bày mưu phục rượu, chính chàng Dê đã tự khai ra hết. Lần đó anh đang làm ở ruộng nếp bên kia sông thì gặp cơn mưa lớn, anh đội chiếc poncho lội sông về sớm. Đến quãng đường vắng đầu làng, anh thấy cô bán mắm đang đứng trú mưa dưới gốc cây. Nhìn quanh không thấy ai, cô

bèn ngồi xuống và bắt đầu... tưới nước. Đúng lúc ấy thì chàng Dê thình lình xuất hiện và chiếc poncho được tung lên. Chỉ một lần đó, rồi thôi !

Mọi chuyện cũng êm dần. Cô bán mắm sinh con trai. Chẳng biết thu xếp ra sao mà sau này cô bán mắm trở thành «bà ba» của ông Dê.

Nhờ có nghề làm mắm, gia đình phía bà Ba phát đạt dần, có thuyền riêng chở hàng. Sau năm 75, ông Dê cùng gia đình bà ba bán mắm dùng ghe nhà vượt biển.

Đến Mỹ ông Dê sống với bà vợ ba và thằng con độc nhất của hai người, ông cật lực làm việc lo cho thằng con ăn học. Nhờ có sức khỏe tốt, ông vào làm cho một hãng đồ hộp, khâu đóng gói nặng nhọc. Dần dà, thấy ông siêng năng nhanh nhẹn và rất khỏe, người ta cho ông học lái xe Forklift, chuyên bốc dỡ hàng. Ông lao vào làm việc cật lực, làm thêm giờ bất cứ khi nào hãng cần để kiếm tiền gửi về giúp hai bà vợ và lũ con bên nhà. Bà vợ ba thật tốt tính và hiền lành, chẳng bao giờ càm ràm việc ông lo cho gia đình lớn. Bà còn mua thẻ điện thoại cho ông gọi về Việt Nam liên tục, cùng chuyện trò với hai bà lớn.

Nhờ làm việc cực nhọc, đóng thuế liên tục trong nhiều năm, khi về hưu ông Dê đã lấy lại được một số tiền cũng đủ sống.

Bây giờ thì ông Dê đã quá tám mươi. Hai bà vợ lớn không còn. Rồi bà ba cũng bỏ ông đi mấy năm về trước. Thằng con nay đã là kỹ sư dầu lửa, làm việc cho công ty dầu lửa ở Philadelphia. Nhưng nó thường xuyên đi khảo sát mỏ dầu, cả năm chưa về lấy một lần, chỉ gọi điện thoại thăm ông bố khi nào nó rảnh.

Một mình cô đơn, dù ông vẫn còn có thể tự lo cho mình, ông cũng tình nguyện dọn vào ở trong nhà dưỡng lão thành phố để sớm hôm có người chuyện vãn, và có người giúp đỡ khi đau yếu. Tuy sống trong viện dưỡng lão, nhưng ông Dê hàng ngày thường đi bộ ra ngoài downtown, ngắm nhìn sự tấp nập của khu vực người Á Châu buôn bán. Thỉnh thoảng ông cũng lấy xe buýt đi tham quan đây đó với mọi người trong viện.

Con đường số 9 trên downtown vào buổi chiều xe cộ tấp nập bao nhiêu, thì trên lề mấy block đường gần đó càng náo nhiệt bấy nhiêu. Những thanh niên da màu vô công rỗi nghề tụ tập, uống bia, mở nhạc Rap, cùng nhau nhảy múa ca hát om sòm. Từ ngày người phụ nữ gốc Hoa được bầu làm thị trưởng, thành phố hình như càng nổi tiếng hơn về tội phạm, người ta luôn cảm thấy không

an toàn khi ra đường. Nhiều người đi bộ đã bị bọn Mỹ đen hút xách đè xuống giữa đường trấn lột, không moi được tiền thì chúng đánh đập tàn nhẫn, nhưng chẳng ai dám can thiệp. Nếu hôm nay không phải đi lấy chiếc bánh chưng và mua hoa Tết, ông Dê cũng chẳng muốn ra ngoài vào giờ này. Không biết vì ông đi bộ qua lại thường xuyên nên quen mặt hay vì sợ «kungfu» của người Á Châu cùng chiếc gậy sắt trên tay ông già, mà bọn chúng chưa bao giờ «hỏi thăm sức khỏe» ông. Dù vậy ông luôn thủ thế mỗi khi đi ngang qua bọn chúng.

Đến đầu đường số 7, ông Dê cảm thấy chân hơi mỏi nên dừng lại ngồi nghỉ một lát. Mùi bánh chưng từ trong cái túi nilon phảng phất cùng mùi tôm khô và heo quay thơm ngát ập vào mũi, làm ông chợt nhớ đến bà ba. Thấm thoát đã bốn cái Tết rồi, từ khi bà bỏ ông đi. Ngày trước khi bà còn sống, mỗi độ Xuân về dù nhà chỉ hai vợ chồng, bà cũng làm đủ thứ bánh mứt. Đặc biệt không bao giờ thiếu món bánh chưng nhân tôm khô và thịt heo quay. Bà là dân biển, nên món bánh chưng của bà đặc biệt khác thường. Mới đầu ông không thích mấy, nhưng về sau ông cảm nhận được cái mùi vị thơm tho của heo quay, quyện vào mùi hành hương, lẫn mùi ngai ngái của tôm khô, tạo thành một mùi đặc trưng rất là độc đáo. Đặc biệt, nhân bánh kiểu này không có đậu xanh nên để được rất lâu, dù để ở ngoài.

Ở trong viện dưỡng lão, thức ăn đồ uống đầy đủ, ông chẳng cần gì. Nhưng năm nào ông cũng đặt mua một chiếc bánh chưng để cúng bà ba vào Mồng Một Tết. Không có chỗ thờ cúng, không được phép thắp hương, ông đặt bánh và hoa trên chiếc bàn nhỏ có tấm ảnh phóng lớn của bà cạnh đầu giường, rồi khấn vái. Xong ông nhờ y tá cắt bánh ra dùm, và mời những người bạn gần bên ăn chung. Năm nào may mắn có người Á Châu hay Việt Nam ở gần, thì họ vui vẻ lại ăn với ông. Có một vài năm bên cạnh toàn người Mỹ, thì dù ông có mời, họ chỉ mới ngửi mùi tôm khô đã kêu «mùi gì kỳ quá !» (weird) nên ông thôi không dám mời họ, mà cất vào tủ lạnh ăn dần.

Khi ông Dê đứng lên đi tiếp thì mặt trời đã ngả bóng về Tây. Đi ngang qua góc đường, trước cửa ngôi nhà trắng, ông Dê nheo mắt, che tay nhìn vào vật gì như một đống chăn cũ rách nát, nhưng lại động đậy liên tục.

Bước đến gần ông mới thấy đó là một người Mễ trông rất ốm yếu. Anh ta đang run rẩy cúi gập người vào cái thùng rác bên đường, lục tung lên. Sau cùng, anh ta moi ra được một khúc bánh mì, nhìn cũ mốc cũ meo. Chùi lia lịa khúc bánh vào cái mền đang khoác trên người, anh ta ngồi bệt xuống đất, hai tay run rẩy đưa khúc bánh lên miệng cắn một miếng và nhai ngấu nghiến. Vừa

nhai anh ta vừa thở hổn hển như sắp đứt hơi, gân cổ rướn lên, cố nuốt một cách trọn tròng trọn trạc, không biết vì bệnh hay vì đói.

Bỗng đâu có tiếng cười nói ồn ào từ phía sau, ông Dê quay lại nhìn thì thấy một đám Mỹ đen choai choai ào ào lao đến. Chúng dừng lại trước mặt người Mễ, cười hô hố :

- Ê tụi bay ! Thằng Mễ lậu này ăn trộm bánh mì ! Go away ! Hãy cút xéo khỏi đây !

Có vẻ như chúng biết anh ta. Vừa hét la cười nói, chúng vừa vung chân đá mạnh vào người Mễ. Khúc bánh mì mốc bật khỏi tay anh ta, văng qua gần đến phía bên kia đường. Chúng lại cười lên ùng ục rồi bỏ đi.

Người đàn ông rên rỉ bằng tiếng Mễ, đôi mắt luyến tiếc nhìn khúc bánh mì bị một chiếc xe chạy đến nghiền nát. Nhìn một lúc thì anh ta như không còn sức lực nên ngã vật ra, nằm bẹp xuống lề đường. Chiếc mền rách trồi lên hụp xuống theo hơi thở dồn dập thoi thóp của anh ta.

Ông Dê đứng sững sờ, nhìn chăm chăm vào người Mễ tội nghiệp. Được một lúc, ông bỗng cúi xuống mở cái túi nilon, lấy ra chiếc bánh chưng. Bước lại gần người

Mễ, ông đỡ anh ta dậy và trao chiếc bánh vào tay :

- Ông biết ăn thứ bánh này không ?

Người sắp chết đói mở mắt ra, thấy chiếc bánh liền vồ lấy ngoạm vào, cắn một miếng luôn cả lá chuối.

- Khoan đã ! Phải mở lá ra rồi mới ăn ! Ông Dê nói xong phụ giúp anh ta tháo mấy sợi dây. - Chiếc bánh này thật lớn, ông phải để dành ăn từ từ. Nếu ăn hết một lần ông sẽ bị trúng thực đó !

Nhưng anh ta không biết tiếng Anh nên đâu có hiểu người đứng trước mặt nói gì. Mặc kệ ông Dê, anh ta tiếp tục cắn bánh, mồm lẩm bẩm mỗi một câu cám ơn bằng tiếng Mễ : - Gracias ! Gracias !

Đến khi chiếc bánh chưng còn ít hơn một nửa, ông Dê mới dành lấy từ tay anh ta, gói lại bằng những mảnh lá chuối đã lột ra, và đưa trả lại, rồi dùng tay ra dấu kêu anh ta hãy cất đi, lần khác hãy ăn.

Bấy giờ có lẽ anh ta đã hiểu, nên mỉm một nụ cười méo mó và gật gật. Ông Dê cũng cười lại, vỗ vỗ vào vai anh ta rồi đứng lên xách cái túi hoa cúc đi về.

Khi ông Dê về đến viện dưỡng lão thì trời cũng đã gần chạng vạng tối. Đâu đó phía downtown lẹt đẹt đì đùng vài tiếng pháo chuột đốt lén. Ông thức chờ đến giao thừa, đem chậu hoa cúc nhỏ đặt lên bàn, trước tấm di ảnh của bà ba, và bắt đầu lâm râm khấn vái. Ông xin lỗi bà về việc Tết năm nay cúng bà không có chiếc bánh chưng tôm khô như mọi năm. Rồi ông nhìn lên khung hình, thấy đôi mắt bà ba nhìn ông dường như hấp háy mỉm cười. Và ông hiểu rằng, dù không có bánh chưng, nhưng bà ba cũng rất vui, có thể bà nhận biết, đây là một cái Tết thật ý nghĩa và hạnh phúc đối với ông...

Khấn xong, ông lấy ra chiếc thẻ điện thoại, gọi về Việt Nam chúc Tết mấy người con.

Phương Hoa

Xuân Ất Mùi

Nhớ Tết Quê Nhà

Bồ Tùng Ma

Đầu năm mới Ất Mùi, xin mời đọc một hồi ký được viết bởi Bồ Tùng Ma. Tác giả từng nhận các giải bán kết Viết Về Nước Mỹ 2001, giải Việt Bút 2008, và từ 5 năm qua, là thành viên «Ban Tuyển Chọn Chung Kết» Giải Viết Về Nước Mỹ. Ông tên thật là Nguyễn Tân, trước 1975, là Hải Quân Trung Tá VNCH. Sau đó là 10 năm tù cộng sản, và định cư tại Mỹ theo diện H. O. Bài viết không kể chuyện nước Mỹ, mà là chuyện hiếm quý về quê hương lịch sử một thời, mà người Việt lớp tuổi «cổ lai hy» mang vào nước Mỹ, được kể lại nguyên vẹn và tinh tế. Bài trích từ báo xuân Việt Báo Tết Ất Mùi 2015.

Quê tôi ở ngoại ô Thành phố Đà Nẵng, cách thành phố này chừng 15 km về phía Tây Nam. Tôi sinh ra và lớn lên ở đây cho đến năm 10 tuổi.

Có lẽ tôi là đứa trẻ không thông minh, nhưng có trí nhớ tốt. Mỗi lần tôi nói tôi có thể nhớ những lúc nằm trong nôi, lúc được mẹ tôi cho bú và thậm chí có thể nhớ lùi lại xa hơn nữa, hầu hết ai nghe cũng phì cười. Để họ tin, tôi kể vanh vách những sự việc xảy ra có liên quan đến họ lúc tôi còn rất nhỏ, nhưng họ càng cười thêm,

cười thành tiếng. Rất tiếc, họ không nhớ những sự kiện đó nên không kiểm chứng được. Chỉ có một người tin tôi. Đó là mẹ tôi và bà cũng bị người khác cười là «khoe con» . Những chuyện tôi kể sau đây thường xảy ra vào dịp Tết, thời điểm mà trẻ con hay nhớ. Dĩ nhiên một đứa trẻ chưa sạch cứt mũi như tôi chỉ biết nhớ, chứ không nghĩ sâu xa hơn. Chỉ mãi đến sau này, khi trưởng thành tôi mới nghĩ sâu xa hơn do tôi tìm hiểu và do mẹ tôi kể lại.

Bác họ tôi, gọi bà nội tôi bằng cô ruột, là người thân với tôi nhất trong số bà con. Bác tôi con nhà nghèo từ Huế vào nương nhờ gia đình ông bà nội tôi. Bà nội tôi giao trách nhiệm trông coi tôi cho ông ấy. Tôi có dịp đi theo bác tôi «phá làng phá xóm» . Tôi nói vậy vì bác tôi rất nghịch ngợm. Không có «game» nào ông ấy không chơi được : Bẫy chim, câu cá, giả ma đôi đá vào nhà hàng xóm, và ngay cả ve gái dù hồi ấy ông chỉ mới 17 tuổi.

Nơi bác tôi và tôi thường lui tới là ngôi đình làng cách nhà tôi chừng 3 phút đi bộ, nằm cạnh con đường cái quan. Ngôi đình này là ấn tượng sâu đậm nhất trong đời tôi. Nó cùng tôi chứng kiến biết bao nhiêu biến cố xảy ra dồn dập qua nhiều chế độ nối tiếp nhau. Lần tới đình làng sớm nhất mà tôi còn nhớ là lần tôi lẽo đẽo

theo bác tôi đi trên con đường nhỏ, ra con đường lớn, cả hai con đường đều có cắm cờ đuôi nheo màu xanh đỏ vàng, để tới đình làng vào ngày mồng hai Tết năm Ất Dậu 1945, cái Tết phong kiến cuối cùng.

Cho đến nay tôi còn nhớ rõ cảnh sinh hoạt lúc ấy. Trên chiếc sập gụ có lót chiếu hoa kê ngay trước bàn thờ tiền hiền mấy ông có vai vế khăn đen áo dài đang ngồi chung quanh mâm rượu thịt, bánh mứt... Nơi này gọi là «Chiếu trên» . Trước sân đình có lót chiếu loại thường bày ba món duy nhất : Xôi, thịt, rượu trắng. Chung quanh đó dân làng, kẻ đứng người ngồi chồm hổm, để chuẩn bị vào tiệc. Ông Ngụ, người mõ làng, đang bưng một cái mâm, theo sau là anh con trai chừng 10 tuổi, đầu cạo trọc lóc, tay cầm chai rượu trắng và phong pháo đỏ. Tôi đang chằm chằm nhìn phong pháo thì nghe có tiếng nhiều tiếng lào xào, rồi thấy ông nội tôi đang đi vào đình, tay cầm cái ba- tong. Mọi người cung kính chào ông tôi. Ông tôi gật đầu rồi ngồi vào «Chiếu trên» , ngay trước cái mâm có đầu heo. Ông tôi là người có vai vế nhất ở đây, ông tiên chỉ của làng.

Tôi định chạy vào chỗ ông tôi ngồi thì nghe có tiếng leng keng. Tôi nhìn ra đường. Một người đang cưỡi ngựa đi ngang qua. Ông ta đội nón có quai đỏ, mặc áo dài đen, quần trắng. Ông ta xuống ngựa, cột ngựa vào

một gốc cây nhỏ, rồi đề huề đi vào đình. Trừ ông tôi, các người đang ngồi vội vàng đứng dậy vái chào, trong khi ông ta lại cúi đầu chào ông tôi. Đối với tôi, ở đây không có ai oai bằng ông ta, nhưng ông ta lại có thái độ cung kính trước ông tôi. Điều này làm tôi vừa ngạc nhiên vừa hãnh diện. Đó là ông Chánh Tổng, dưới ông Huyện, nhưng trên ông Lý Trưởng. Một Tổng thường có 5, 6 làng (thôn) , tương đương với xã sau này.

Ông Ngụ cùng anh con trai tên Cúi bưng thêm rượu thịt đến «Chiếu trên» . Dáng người ông Ngụ nhỏ thó, lưng khòm. Đi ngang trước mặt ai ông cũng cúi thấp người nên lắm lúc trông ông như một con vật hiền lành gì đó đang di chuyển. Anh con trai lưng chưa khòm, nhưng khi bưng mâm cỗ theo sau bố, đầu anh ta cũng cúi thấp. Ông cùng vợ từ đâu xiêu lạc đến làng này khi dân làng từ Thanh Hóa đã di cư đến đây vào thời Hậu Lê. Ông được cắt đặt làm anh mõ làng, một «giới chức» thấp nhất trong làng, nên kiêm luôn cả việc làm đầy tớ cho cả làng. Trong những lần cúng tế mọi người ăn uống xong rồi ông mới ăn. Nhưng ông lại có mâm ăn riêng, nhiều hơn người khác.

Trên đây là những hình ảnh đậm nét ghi vào tâm trí tôi. Có lẽ trong suốt cuộc đời tôi chưa bao giờ thấy hình ảnh nào đẹp như vậy, đẹp như một giấc mơ, nghĩa là

không có thật, làm tôi lắm lúc cũng nghi ngờ trí nhớ của mình mà tôi rất tự hào. Có lần sau một cơn bệnh năm 15 tuổi, tôi tưởng những gì tôi nhớ chỉ là một giấc mơ. Tôi bán tín bán nghi thì bỗng nhớ ra một việc. Vùng tôi có ông Tây gốc Đức, nghe nói đào ngũ, lấy vợ Việt. Cứ mỗi năm sau Tết vào ngày Xuân phân, 20 hay 21 Tháng Ba, ông Tây tổ chức tiệc sinh nhật vào lúc 5 chiều và năm nào cũng mời ông tôi. Có lần ông tôi cùng tôi đến nhà ông Tây dự tiệc. Trên con đường ngang qua đám ruộng Tiên chỉ, ông tôi đứng đợi cho bóng của đỉnh núi Chúa rất cao cách làng tôi không xa về phía tây, ngả đúng vào tấm bia đá nhỏ ghi hai chữ Hán «Tiên chỉ» xây trên thửa ruộng, rồi mới đi. Ông tôi nói năm nào ông cũng làm như vậy. Vào ngày Xuân phân năm 1958 tôi đã lên làng và đợi bên hòn đá Tiên chỉ. Chừng 15 phút sau tôi thấy bóng đỉnh núi in đúng vào hòn đá Tiên chỉ. Sau này ba tôi đã khuân hòn đá Tiên chỉ về Đà Nẵng để trong nhà thờ. Tôi đã không nằm mơ.

Sau Tết Ất Dậu 1945 dân làng tôi thường hay tụ tập tại đình, không phải để nói chuyện cúng tế, họ hàng, làm ăn... như trước, mà nói về thời sự, về chiến tranh. Hồi ấy tôi không có khái niệm nào về những việc này nhưng tôi thường nghe dân làng nói về người Nhật một cách ái mộ, có lẽ vì ghét Tây. Trong vùng có một bài vè gọi là «Vè Trái Đất» có mấy câu sau đây :

... Nhật Bổn văn minh

Đánh Nga, Nga kinh
Đánh Tàu, Tàu chạy
Đánh luôn một dãy
Lữ Thuận, Đài Loan...

Ba tôi là người đứng đầu của một tổ chức thanh niên trong làng. Ông rất hăng hái. Ông bỏ tiền túi ra mua sắm đồng phục, mũ nón, phù hiệu cho thành viên. Có khi ông tổ chức những cuộc tranh tài thể thao như bóng chuyền, chạy đua, đánh vật... Trong thời kỳ này có nạn đói ngoài Bắc. Những đoàn xe lửa xuôi nam chở đầy người. Rất nhiều người chết trên tàu bị vất bỏ xuống đường. Làng nào cũng sợ trách nhiệm chôn cất, nên kéo xác bỏ qua làng khác chỉ cách có một con đường nhỏ. Sáng sớm hôm sau, những người dân thức dậy sớm đi làm ruộng, bỗng thấy có xác chết ở làng mình, hô hoán lên : «Ma bay ! Ma bay !» . Cho đến bây giờ tôi vẫn còn như nghe hai tiếng ấy. Hai tiếng ấy đã đánh dấu một thời kỳ điêu linh.

Vậy rồi có tin Nhật đầu hàng. Một anh Nhật, hình như sĩ quan trợ y, không chịu xuống tàu về nước, mang một cái túi lớn từ một đồn bót gần sân bay lang thang đến tận làng tôi. Chỉ có mình anh ta, lại thuộc phe thua trận, vậy mà ai cũng sợ. Họ đồn anh ta «chích kim từ

trên đỉnh đầu» . Người Nhật này từ bỏ quê hương ở lại Việt Nam, lấy vợ Việt Nam, sinh con đẻ cái. Gia đình ông ở đường Phan Châu Trinh Đà Nẵng. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 ông lại bỏ Việt Nam trở về Nhật, đem theo vợ con, con rể và cháu. Nghe nói hiện nay ông có một người cháu làm Sĩ quan Cảnh sát Nhật (?) .

Mấy tháng sau dân làng nói nhiều về Hồ Chí Minh. Có người nói Hồ Chí Minh chính là ông Cường Để, có người nói Hồ Chí Minh là ông Nguyễn Hải Thần. Dù ông ta là ai nhưng hồi đó đa số dân làng đều tôn sùng Hồ Chí Minh.

Ba tôi lên làm chủ tịch huyện. Ông luôn luôn vắng nhà. Mỗi lần ông về địa phương lại tổ chức những buổi nói chuyện, ca kịch, thể thao... Ông ăn mặc chỉnh tề, trên túi áo phải của ông có gắn miếng vải đỏ với ngôi sao vàng và 2 chữ «Chủ tịch» . Ông nội tôi bất bình về việc này cũng như bất bình về phong trào Việt Minh và tất cả những gì có liên quan đến nó. Không hiểu vì ông nội tôi hay vì lý do gì khác, ba tôi thôi làm chủ tịch sau đó mấy tháng. Ông trở về nhà chăm sóc ruộng nương, vườn tược, câu cá, bẫy chim...

Những người có vai vế trong làng thường hay tụ tập tại nhà ông tôi. Họ tới để nói chuyện thời thế, nói những cái ấm ức trong lòng. Bấy giờ họ cảm thấy họ lỗi thời,

nói không ai nghe, trái lại lắm lúc phải nghe «những thứ không ra gì» . Từ bao lâu rồi, đời này qua đời nọ, ai cũng trọng người chữ nghĩa người có vai có vế trong làng, nay tự nhiên «những thứ không ra gì» suốt ngày hội họp chỉ vẽ họ phải thế này thế nọ. Ngay cả ông Ngụ, bây giờ cũng đi thẳng lưng, không còn cúi đầu trước mặt họ như xưa. Ông ở trong Ban Thông tin. Còn anh con trai ông ta, đã mặc đồ Tây, đội chào mào (tức mũ calot theo tiếng Pháp) , suốt ngày đi họp với trai gái trong làng, nói chuyện bằng những từ lạ lùng mà có thể anh ta cũng không hiểu.

Mấy năm sau đó, nghĩa là vào khoảng 1947 trong làng xảy ra nhiều chuyện ghê rợn. Ông Chánh Lâu bị hai người lực lưỡng mang mã tấu vào nhà mời lên Ủy Ban có việc cần. Hồi đó Việt Minh làm việc đêm hôm là chuyện thường vì sợ đồn bót Tây ở gần đó. Ông Chánh Lâu nói :

- Mấy anh đợi tui thay đồ.

Một người trả lời :

- Khỏi, ông chỉ cần đem theo cái xẻng.

Ông chưa kịp phản ứng hai người đã lôi ông đi, kéo lê ông ra ngõ. Bà Chánh đang ốm nặng, chỉ ú ớ vài tiếng rồi ngất đi. Hàng xóm không ai biết gì, nhà gần nhất xa cả nửa cây số. Hôm sau có người lén báo cho bà Chánh biết ông Chánh bị chém tại một cồn cát. Ông phải tự đào huyệt chôn mình. Nghe nói ông đào huyệt rất kỹ vì sợ chân tay lòi ra ngoài. Ông Chánh là người thường xuyên đến nhà ông tôi nói chuyện «phản động» . Chuyện «phản động» của ông ta không có gì sâu sắc, khó hiểu, chỉ là những tiếng chửi, những câu chuyện tiếu lâm về Việt Minh, những tiếng nói lái như «Hồ Chí Minh là Hình Chí Mô» , «Chính phủ là chú phỉnh» , «Kháng chiến là khiến chán» ... Sau đó đến ông Phó Dinh, rồi đến vài ông khác, phần nhiều là những ông hay lui tới nhà ông tôi và những ông ngồi ở «Chiếu trên» .

Đó là một cách bịt miệng, một cách khủng bố, răn đe để không ai dám chống lại, dù chống bằng mồm. Cách bắt người cho đi mò tôm, ăn cát là cách nửa kín nửa hở. Đao phủ thủ không cần bịt mặt như IS hiện nay. Quan tòa, công an là ai không ai biết. Có thể là những người trong «những thứ không ra gì» báo cáo lên trên rồi thi hành luôn. Những người này có thể muốn lập công, lấy điểm hay vì thù oán, vì muốn cướp vợ người khác, hay có «bệnh thích giết người» .

Tôi không bao giờ nghĩ ông tôi sẽ có chung số phận với những người tôi vừa kể trên, vì tôi nghĩ đến ngôi sao đỏ và hai chữ chủ tịch ba tôi từng đeo trên túi áo. Nhưng tôi cảm thấy mọi người trong gia đình lại đang lo sợ cho ông tôi. Ai cũng thầm thì về chuyện này. Ba tôi còn bàn tính đem ông tôi ra thành phố, nơi thuộc vùng Pháp. Hồi đó tôi chỉ biết đó là vùng Pháp, không có một khái niệm gì về chính thể quốc gia của vua Bảo Đại. Vừa lúc đó cậu tôi, một cán bộ Việt Minh, từ Khu Tư (Bình Trị Thiên) đi công tác vào vùng tôi. Ông đem theo chị Chanh, người chị họ của tôi. Hai người đi vào bằng đường núi. Theo lời mẹ tôi nói, ông nội tôi có ơn nghĩa rất nhiều với cha chị Chanh nên cha chị Chanh muốn cho chị Chanh vào đền ơn đáp nghĩa với tính cách như người giúp việc. Quê chị Chanh có câu «Mang ơn phải trả ơn. Trả ơn để người mang ơn mình lại trả» . Cha chị Chanh áp dụng triệt để câu châm ngôn này. Chị Chanh là đứa con chí hiếu nên nghe lời cha. Cả nhà rất mừng khi gặp cậu. Điều cả nhà quan tâm muốn hỏi cậu tôi là về sự an nguy của ông nội tôi. Nghe hỏi, cậu tôi chỉ trả lời một câu ngắn gọn :

- Vô cùng khó khăn.

Chị Chanh năm đó 18 tuổi. Tuy còn nhỏ tôi cũng cảm nhận được chị là một thiếu nữ rất đẹp. Chị có mái tóc dài, đầu tóc phồng, mốt phụ nữ thời ấy, và nước da trắng. Mẹ tôi rất mừng có chị ở trong nhà. Bà tôi tuổi cao, bệnh hoạn nên có phần khó khăn với chị Chanh. Ông nội tôi và ba tôi là những người có đầu óc cởi mở nên cũng đối xử tử tế với chị. Riêng tôi, rất vui thích có chị ở trong nhà khi ông bác họ chịu chơi của tôi đã gia nhập bộ đội và mất tích. Chỉ có thím tôi, một bà góa, là người rất «dị ứng» với chị Chanh. Tôi không hiểu sao thím có thể ghét một người như chị Chanh được.

Đi đâu chị Chanh cũng bảo tôi đi theo vì chị sợ ma, ngay cả khi đi tắm giếng ở một góc vườn. Có lần chị quên mang quần áo thay, nhờ tôi vào nhà lấy ra cho chị. Chị cứ tồng ngồng như vậy thay áo quần trước mặt tôi. Thím tôi biết chuyện này, mắng chị Chanh như tát nước vào mặt, rồi nói với mẹ tôi :

- Sao chị để thằng Tùng với con Chanh như rứa. Nam nữ thọ thọ bất tương thân, mà còn để con Chanh tụt quần trước mặt thằng Tùng. Coi chừng con ni có bịnh... dâm.

Mẹ tôi đỏ mặt la lên :

- Thím có điên không ? Thím mới có bịnh.

Mẹ tôi và thím đã giận nhau suốt một tuần vì chuyện này.

Chị Chanh mới vào ở nhà tôi có mấy ngày mà hết anh trai làng này đến anh trai làng nọ giả bộ đến thăm cậu tôi để nhìn chị, trong số này có những người thuộc tầng lớp có vai có vế mới. Có cả người quyền thế nhất trong làng. Người quyền thế này không ai khác hơn là anh Cúi, con trai ông Ngụ. Bây giờ anh làm chức gì như Trưởng Công an xã kiêm trinh sát (?) . Thật khó tưởng tượng trước đây anh Cúi từng bưng mâm xôi thịt theo sau cha của anh và lúc nào cũng cúi đầu. Bây giờ đầu tóc anh Cúi hớt gọn gàng, phết dầu brillantine bóng loáng. Anh mặc quần Tây, áo sơ mi bỏ ra ngoài quần, cờm cộm khẩu súng lục bên trong. Anh hút thuốc lá Cotab, kẹp thuốc bằng hai ngón tay trỏ và giữa, chứ không «cầm» thuốc bằng ngón cái và ngón trỏ như cha anh. Anh là người đến «thăm» cậu tôi nhiều nhất. Hình như cậu tôi không ưa anh Cúi nhưng vì một lý do gì đó vẫn gượng cười gượng nói với anh ta. Tôi hỏi mẹ tôi :

- Cậu sợ anh Cúi hả mẹ ?

- Cậu mà sợ thằng Cúi. Cậu là cấp côi của thằng Cúi.

Mẹ nói đến đây thì thở dài :

- Nhưng cậu sợ cho ông nên phải thân thiện với nó.

Mấy tháng trước Tết Mậu Tý, 1948, thêm vài ông «Chiếu trên» bị bắt, không bị bắt ban đêm, nhưng bị mời lên ủy ban rồi biệt tích luôn. Vài ông «Chiếu trên» nữa như ông Chánh tổng cũng biết tích nhưng biệt tích ra thành phố, nghĩa là theo Pháp. Vài ông ghét Pháp nhưng ở thế bí như ông Lân Cu Dê Đê cũng phải theo Pháp. Hồi đó Việt Minh gọi Quốc Dân Đảng là Cu Dê Đê (QDĐ) .

Không phải chỉ có anh Cúi mê mệt chị Chanh mà còn một anh Việt Minh nữa. Đó là anh Đại đội trưởng một Đại đội võ trang địa phương, có tên là Đại đội 10. Gần như ai thuộc Đại đội 10 cũng bịt răng vàng nên dân trong vùng có câu «Đại đội 10 cười ra lửa» . Riêng anh Đại đội trưởng, ngoài răng vàng ra, trên người anh ta là cả một hiệu tạp hóa : Hai ba cây bút máy nơi túi áo, đồng hồ, nhẫn vàng, kính đeo mắt, đèn pin... Hai anh này đến thăm cậu tôi, có khi đi riêng lẻ, có khi tình cờ cùng đến một lần. Sau này cậu tôi về Khu Tư, hai anh vẫn đến. Không hẹn nhau mà anh nào cũng nói về phong trào «Mẹ chị chiến sĩ» . Anh Đại đội trường đề nghị mẹ tôi làm mẹ chiến sĩ, còn chị Chanh là chị chiến sĩ dù chị nhỏ hơn anh ta ít nhất cũng 5 tuổi. Không biết

hội này hoạt động ra sao mà dân trong vùng có câu ca dao :

Canh bầu dễ nấu khó nêm
Ban ngày gọi mẹ, ban đêm kêu mình

Mấy tháng sau chị Chanh và anh Cúi rất thân nhau, nhưng không bao giờ đi chung với nhau nếu không có tôi đi cùng. Cả nhà tôi, nhất là thím tôi, cho việc này là việc xấu hổ. Chị Chanh vẫn tảng lờ, càng ngày càng thân với anh Cúi hơn. Một hôm bà tôi gọi chị vào phòng, mắng chửi thậm tệ. Chị Chanh chỉ im lặng. Ai cũng cho chị là loại mặt dày. Một buổi chiều anh Cúi đem đến cho tôi món quà mà tôi rất thích : Cái ná cao su gọng nhôm, chứ không phải cái ná gọng bằng cành ổi như ông bác họ tôi từng làm cho tôi. Tôi vừa sung sướng vừa lo sợ. Tôi mơ hồ cảm thấy như anh sắp nhờ tôi một việc quan trọng. Quả nhiên anh rủ tôi và chị Chanh đi xem diễn kịch ở đình làng nhân dịp Tết. Anh Cúi bảo tôi xin ba mẹ tôi cho tôi và chị Chanh đi xem.

Đình làng chỉ cách nhà tôi chưa đầy 1 km, nhưng ba mẹ tôi khó cho tôi đi đêm như vậy trong thời buổi loạn lạc này dù có chị Chanh cùng đi. Nghe tôi xin, mẹ tôi lắc đầu, nhưng ba tôi thì cho. Tôi mừng quá bảo chị Chanh sửa soạn đi cho nhanh. Chị im lặng trù trừ nhưng rồi cũng cùng tôi bước ra cổng. Hôm ấy ban văn nghệ

đang diễn một vở kịch thơ gì đó mà tôi không nhớ. Tôi ngồi phía trước cùng đám thiếu nhi, còn chị Chanh đứng đâu đó phía sau. Khi buổi diễn kịch kết thúc, tôi ra tìm chị Chanh, không thấy chị đâu cả. Tôi nán lại đợi chừng 3 phút mới thấy chị từ phía cánh đồng đi đến. Tôi hỏi :

- Chị đi mô lâu rứa ?

- Chị đau bụng quá, phải đi đồng - Chị Chanh trả lời, mắt nhìn lơ nơi khác.

Tôi đi sát cạnh chị, ngửi thấy mùi hoa lá thơm hăng hắc từ người chị phát ra. Tôi dang ra xa nhìn lưng chị, thấy có nhiều cánh hoa xen lẫn cỏ dính trên lưng. Tôi lấy tay phủi lưng chị. Chị ngồi xuống ôm tôi khóc :

- Chị chết mất em ơi !

- Răng chị nói rứa ?

- Anh Cúi...

- ... Làm chi chị rứa ?

- Không có chi cả. Tại chị nữa.

Chúng tôi im lặng về nhà. Mọi người đều đi ngủ.

Một buổi chiều chị Chanh đi đâu về, mặt tái như chàm, vào phòng ba mẹ tôi thì thầm với ba mẹ tôi. Ba tôi vội lên nhà trên nói với ông tôi. Đêm hôm đó tôi thức dậy nhìn đồng hồ thấy hơn 3 giờ. Một lát sau ông tôi xuống chỗ tôi đang ngủ. Tôi lạ lùng nhìn ông. Ông vốn không để râu, nhưng chưa đầy một đêm râu ông mọc ra dài che cả cổ. Thường ngày ông không quấn khăn trên đầu, mà lúc bấy giờ lại quấn. Áo quần cũng khác thường ngày. Ông ôm hôn tôi rồi ra chuồng trâu dắt trâu đi. Tôi càng lúc càng lạ lùng. Có bao giờ ông đụng đến con trâu đâu. Đó là công việc của chú Cận, người giúp việc đồng áng cho gia đình. Tôi thấy có điều gì bất thường, muốn ngủ lại mà ngủ không được. Chừng nửa giờ sau tôi nghe có ba, bốn tiếng súng nổ từ phía cánh đồng trước nhà. Ở đó có một đồn Tây và có cả trạm gác của du kích. Sáng sớm hôm sau có hai du kích mang súng vào nhà tôi. Một người hỏi :

- Ông Lãnh đâu ?

Ba tôi nói :

- Thầy tôi đi Điện Tiến thăm em tôi.

Hai người đưa tờ giấy cho ba tôi, rồi ngang nhiên đi lục lọi khắp nhà. Tôi nhìn ba tôi, thấy vẻ mặt ông không tỏ ra lo sợ, mà hình như còn vui mừng.

Hai du kích ra về. Một lát sau anh Cúi cùng vài người nữa đến nhà. Vẻ mặt anh hầm hầm. Anh nhìn trước nhìn sau rồi nói lớn :

- Cái nhà này lớn thiệt đó nhưng không dấu được kẻ gian mô. Ông Lãnh ở mô, kêu ông ra đầu thú, may được khoan hồng.

Ba tôi nói :

- Thầy tôi làm cái chi mà anh nói gian.

- Tui không nói với ông. Ủy ban sẽ nói với ông.

Anh ta và mấy người đi theo ra về.

Chờ họ đi rồi ba tôi nói với mẹ tôi :

- Rứa là Thầy thoát được rồi.

Mẹ tôi nói :

- Tui chỉ ngại mấy tiếng súng.

- Đây là tiếng súng Tây. Du kích có dư đạn đâu mà bắn, dư cũng không dám bắn vì sợ Tây bắn lại.

- Nhưng Tây bắn cũng nguy...

- Tất cả dấu đạn đi đều bay lên trời. Tui lên lầu quan

sát cả đêm. Vài ba bữa nữa là mình biết tin thầy từ Đà Nẵng.

- Cũng nhờ con Chanh.

- Nhờ thằng Cúi nữa. Nó đóng kịch cũng hay thiệt.

- Không biết mình trả ơn nó cách chi đây.

- Gả phứt con Chanh cho nó.

- Không gả cũng không xong. Con Chanh nói với em hết rồi. Tháng ni nó không thấy kinh. Một tuần rồi.

- Vậy sao !

Nhưng rồi chị Chanh không có thai như chị và cả nhà lo sợ. Tôi không hiểu vì sao mà tôi cũng không tiện hỏi.

Vài ngày sau đúng như lời ba tôi nói, ông tôi đang ở Đà Nẵng.

Thời kỳ đó tổ chức Việt Minh tại vùng tôi còn lỏng lẻo nên chuyện điều tra về việc ông tôi «mất tích» cũng chẳng ai làm đến nơi đến chốn. Có những cán bộ kinh tài Việt Minh xâm nhập Đà Nẵng gặp ông tôi, về làng thuật lại, cũng chẳng ai cho là chuyện «khó tin nhưng có thiệt» .

Gần Tết Canh Dần 1950 Việt Minh vùng tôi phát động «Chiến dịch triệt hạ nhà cửa» , giống như «Tiêu thổ kháng chiến» vì những kẻ phá nhà đến đọc lệnh trong đó có câu : «Để nhà lớn Tây đóng đồn» . Sau này khi đã trưởng thành tôi thấy thôn làng tôi, chỗ mấy cái nhà bị phá không phải là nơi thuận tiện để đóng đồn. Đóng đồn chỗ đó chẳng khác nào để xe gắn máy không khóa trước chợ Bến Thành. Vậy thì vì lý do gì nhà ông nội tôi và nhà các ông «Chiếu trên» bị phá. Câu trả lời tôi nghĩ đúng nhất là Việt Minh muốn gợi lòng căm thù ghen ghét nơi «những thứ không ra gì» , nâng họ lên, để lợi dụng họ.

Ngày 24 Tháng Chạp, năm Canh Dần, 1950 một đoàn người, phần nhiều là dân vùng khác, kéo đến nhà ông bà nội tôi. Người chỉ huy vào nhà hỏi lại lần thứ nhì chúng tôi đã dọn tất cả đồ đạc, áo quần, tư trang... xuống ngôi nhà nhỏ chưa, rồi đoàn người bắt đầu đập phá. Tôi ra ngoài đứng xem. Hàng xóm cũng đổ xô ra xem. Trong số này có thằng em họ cỡ tuổi tôi. Nó đứng bên tôi nói :

- Nhà tư bản.

Thằng em này là một trong những thằng bẻm mép, nhiều chuyện nhất. Tôi không hiểu sao nó nói vậy khi trước đó nó chơi thân với tôi, đến nhà ông tôi thường xuyên. Nó hả hê hay nó tự an ủi : Chỉ nhà cao cửa rộng

mới bị đập, còn nhà nó thì không.

Tôi không muốn đứng gần nó nữa. Tôi vào nhà, thấy bà nội tôi đang thút thít khóc, những người khác chỉ ngồi im lặng. Tôi nhìn ra ngoài, mờ cả mắt vì bụi xi-măng bay mù mịt. Ngói rơi rớt đầy sân. Gỗ gãy ra thành nhiều đoạn... Đoàn người đập phá đến chiều tối mới chỉ được nửa cái nhà. Qua ngày hôm sau chỉ còn cái nền nhà. Mấy ngày sau nhà cửa của các người «Chiếu trên» cũng cùng chung số phận.

Mùa hè năm 1950 Tây bắt đầu càn quét ráo riết Việt Minh. Tây từ Đà Nẵng phối hợp với Tây ở các đồn bót trong vùng. Anh Cúi và các thuộc cấp của anh nấp trong các ruộng lúa hay trèo lên các cây cao để quan sát đường xe lửa cách đó 3, 4 km. Anh Cúi có ống nhòm nên anh là người đầu tiên phát hiện ra Tây đang vượt qua đường xe lửa. Anh thổi còi tu- huýt. Cha anh nấp đâu đó ở phía sau đánh mõ liên hồi.

Tất cả đàn ông thanh niên và phụ nữ trẻ trong làng đều chạy trốn, chỉ còn người già và con nít ở lại. Lần đầu tiên tôi nghe tiếng mõ này, lúc đầu nhỏ sau lớn dần. Khi tiếng mõ chấm dứt là lúc tôi ướt hết cả quần vì nước tiểu. Sau tiếng mõ là mùi... Tây. Cái mùi hăng hắc, thơm thơm mà lúc đầu tôi tưởng chỉ Tây mới có. Thật ra đó là mùi thuốc súng. Tây đi càn quét gặp bất cứ

cái gì nghi ngờ đều bắn. Mùi thuốc súng theo gió bay xa cả cây số. Một toán lính đủ loại người, da ngăm ngăm, trắng, đen, vàng mà hồi đó tôi không biết là người gốc nước nào, lăm lăm súng chỉ vào mọi người. Lát sau có anh Tây trắng mang súng lục đi vào. Thấy không có ai đáng bắt, đáng bắn, toán Tây đi qua nhà khác.

Mấy tháng sau có một toán lính Tây từ đồn Dương Sơn gần đó đi càn quét. Những người chạy trốn không chạy trốn được vì có lính dù bao vây, nên đã trốn xuống hầm bí mật đào sẵn theo lệnh Ủy ban. Hầm bí mật là một cái hầm có nắp đậy. Nắp có chu vi vừa để một người chui qua lọt. Đó là một khung gỗ hình chữ nhật có đáy chứa đất trồng cỏ hay lá. Ba tôi đã chui kịp xuống hầm. Chị Chanh chui xuống không kịp, phải ở lại cùng đám bà già và con nít. Trong số này có những người hàng xóm qua ẩn náu nhờ, có lẽ vì họ nghĩ nhà tôi thân Pháp.

Toán lính đồn Dương Sơn tương đối hiền, không lăm lăm súng trên tay. Một anh Tây trắng cùng một người thông dịch Việt, vào nhà tôi nhờ nấu nước uống. Đây là anh quan một (tức Thiếu úy) , Trưởng đồn. Anh ta nhìn đám đàn bà con nít rồi chỉ chị Chanh. Chị bình tĩnh bước ra đốt củi nấu nước. Anh Tây ngồi nơi ghế nhìn chị Chanh không chớp mắt, rồi bảo anh thông dịch nói gì đó với chị. Chị Chanh chỉ cười.

Một hôm ba tôi gọi mọi người vào phòng, thì thầm :

- Pháp càng lúc càng tiến, Việt Minh cũng không chịu thua. Ta ở giữa e chết hết. Tui định một là di cư vào vùng tự do như Tam Kỳ, Quảng Ngãi... hai là tìm đường ra Đà Nẵng với Thầy.

Mẹ tôi nói :

- Vào vùng tự do cũng khổ, thiếu thốn, lại sợ máy bay. Ra với Thầy thì ruộng nương mất hết, mà mô phải dễ.

Mọi người im lặng. Chị Chanh lên tiếng :

- Con có ý kiến. Nên ra với ông.

- Mi biết chi mà chõ miệng vô.

Thím tôi la chị Chanh. Thím la chị ngay cả khi chị nói hay làm điều gì vừa ý thím.

Ba tôi nói :

- Tôi cũng có ý kiến nên ra Đà Nẵng. Nhưng không biết đi cách nào. Rủi bị bắt lại, Việt Minh không tha tui mô.

Một hôm Tây đồn Dương Sơn lại đi đến làng. Anh Tây lại nhờ nấu nước. Lần này anh Thiếu úy nói chuyện với chị Chanh qua anh thông dịch hơi lâu. Trước nói lớn, sau thì thầm.

Ba ngày sau Tây đồn Dương Sơn lại tới. Lần này chúng chĩa súng vào tất cả mọi người, chia nhau lục lọi khắp nơi. Một lát sau có tiếng reo hò từ phía bụi tre. Một anh Tây đen xuất hiện nơi cửa, đang nắm cổ áo ba tôi lôi ông vào nhà. Tôi không tin ở mắt mình nữa. Có phải ba tôi đó không. Ông đã đi trốn rồi mà. Vài người lính đến chỗ ba tôi trói ông lại. Một số lính khác lùa cả gia đình tôi ra ngõ, dẫn giải về đồn Dương Sơn.

Chuyện bắt bớ trên đây chỉ là một kịch bản của chị và anh Trưởng đồn.

Sáng hôm sau chúng tôi được xe GMC chở xuống Đà Nẵng.

Chúng tôi đã sum họp với ông tôi. Chị Chanh ở lại đồn Dương Sơn với anh Tây quan một. Dĩ nhiên chị không còn cặp kè với anh Cúi nữa. Thím tôi lại có cớ thóa mạ chị : Đồ đĩ điếm, me Tây, lang chạ hết thằng này đến thằng nọ, lang chạ ngay từ ngoài Huế.

Tôi biết chắc không phải chị lang chạ như thím tôi nói. Tôi vẫn còn nhớ lại tiếng thút thít của chị sau đêm diễn kịch : «... Chị chết mất em ơi. Anh Cúi... «.

Chị Chanh và anh quan một đã chết khi Việt Minh tấn công đồn Dương Sơn năm 1952. Anh Cúi cũng bỏ mạng trong trận này. Ông Bà Nội tôi mất vì tuổi già. Ba Mẹ tôi cũng đi về bên kia thế giới. Đến năm 1964 trong đại gia đình chúng tôi chỉ còn tôi và thím tôi ở trên đời, để tôi nghe thiếm tiếp tục thóa mạ người mà cả gia đình mang ơn.

Tôi ngạc nhiên tự hỏi ngoài việc thím đã giữ tiết hạnh sau khi chú tôi mất bằng cách không tái giá, thím đã làm được gì như chị Chanh, giúp đỡ được gì cho ai. Thêm nhiều năm qua đi, bà thím tôi nay cũng đã qua đời. Qua tuổi tri thiên mệnh, tôi hiểu ra việc phải giữ tiết hạnh.

Tết này nữa là đúng 70 năm.

Bồ Tùng Ma

Se Lông Mặt

Trương Ngọc Bảo Xuân

Năm mới Ất Mùi, chị em ngành làm đẹp rất nên thử thêm một nghề mới rất nhẹ nhàng mà ăn. Đó là học nghề se lông mặt, hiện dân gốc Ấn đang thịnh vượng. Vì cổ võ nhào vô lẹ lẹ mà có bài viết này. Với bài viết «32 Năm Người Mỹ và Tôi» , tác giả nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2001, và từ nhiều năm qua, đã là thành viên Ban Tuyển Chọn Chung Kết.

Hôm trước tôi đi se lông mặt, lần thứ nhì trong thời gian hơn bốn chục năm sống trên đất Mỹ. Lần se lông thứ nhì nầy đổi thợ đổi tay nghề, không đau như lần trước.

Lý do giản dị phải đi se lông mặt là vì da mặt đánh phấn không ăn nữa rồi. Da mặt càng ngày càng dãn ra, chân lông nở, lông măng mọc vô trật tự. Đáng phiền nhức là hàng ria mép. Phết phấn ướt lên thì chưa đến đổi gì nhưng tới chừng dặm phấn khô lên thì một chút xíu sau, lớp phấn bị loang lổ ra như bức tường vôi cũ trong căn nhà hoang.

Nhà chưa hoang thì sao để cho tường loang lổ ?

Thêm nữa, yếu điểm của tôi là cặp chân mày. Tôi không khéo vẽ chân mày. Hễ chân mày mọc hơi vô trật tự là phải cầm cây nhíp mà nhổ. Chân mày còn đỡ, hàng ria mép, chỗ nhạy cảm, nhổ đau thấy mồ. Trời, phái nữ mà có râu mép, dù cho râu ấy chỉ là những sợi rất mỏng manh màu lợt nhớt, nhưng sự hiện diện của nó làm cho mình bực lắm, nhứt là sau khi đắp phấn lên càng lộ bãi cỏ non với đường biên giới quá rõ ràng, cho nên, phải làm sao bứng lên, tiêu hủy chúng mới được. Mà nhổ cỏ thì phải nhổ tận gốc. Lúc trước tôi thường hay dùng wax, nhổ lông chân mày dù không mấy khéo, và bứng hàng ria mép. Nhưng, một thời gian sau chúng mọc trở lại và càng tươi tốt hơn, khiến tôi bực mình thêm.

Về sau, xiêu lòng khi nghe em tôi quảng cáo dữ dội :

- Sao bà hổng đi se lông mặt, tuốt sạch hết lông măng nguyên cái mặt, sáng da, giữ lâu lắm, se xong, da mặt mịn như da con nít đó bà.

Trời, nghe nó quảng cáo bắt ham. Nhỏ này làm công chức ăn lương tháng hết phương làm giàu là đã vô sai nghề rồi, nếu nó làm nghề quảng cáo, chắc chắn món gì bán cũng chạy, thành triệu phú rồi. Làn da đang bị lão hóa như mặt mình mà mịn như con nít, khoái quá. Nhưng rồi tôi giựt mình. Nhớ lại và giựt mình cái cụp! Ờ, hồi đó lâu lắm rồi tôi đã có đi se lông mặt một lần.

Đã 46 năm, lần đầu tiên đi se lông mặt ấy để lại một dấu ấn là, quá đau ! Là cái đau thiệt tình của cơ thể chớ không phải là đau tinh thần khi nhớ về Việt Nam.

Lần đó, trước ngày cưới, chị tôi nói muốn dẫn tôi ra chợ Sài Gòn để sửa soạn làn da cho sạch thì trang điểm mới đẹp và bền cho cả ngày.

Nghe lời, tôi xỏ áo dài, đi theo không suy nghĩ cũng không hỏi vì cứ tưởng chắc là vô thẩm mỹ viện học làm sang, dưỡng da gì đó.

Nhưng không, chị dẫn tôi vô nhà lồng chợ Bến thành, chẳng nhớ vô cửa nào, ờ, đường Lê Thánh Tôn, in là cửa Bắc, tới một góc có người đàn bà ngồi đó. Chị tôi nói :

- Nè chị Hai, em tui nè, chị se lông mặt cho nó đi, làm sạch sạch nghen, mai là cô dâu đó.

«Chị Hai» cười hề hề, gật gật, nói :

- Khỏi lo. Ai tui cũng làm kỹ mờ. Khỏi lo. Ờ cưng ngồi xuống đây đi, nè ghế nè.

Vừa nói chị vừa đẩy cái ghế đẩu nhỏ xíu cho «cưng» . Tôi hơi ngỡ ngàng vén tà áo ngồi xuống. Chị lấy «dụng cụ» làm đẹp ra từ cái giỏ ny long y như cái giỏ má tôi

xách đi chợ hằng ngày. Tôi thấy, đồ nghề chỉ là một cuộn chỉ, màu trắng và một hộp phấn. Chị kéo sợi chỉ ra cỡ một sải tay rồi nhập lại, liếm đầu ngón tay để thắt hai đầu mối chỉ lại, đầu kia quay vài vòng xoay xoay rồi hình như cầm bằng mấy ngón tay. Chị làm mau quá tôi nhìn không kịp nên bây giờ nhớ không rõ gì mấy.

Chị biểu tôi hơi ngửa mặt lên rồi chị biểu tôi nhắm mắt lại. Giọng ngọt lịm, chị dụ :

- Lần đầu phải hông cưng ? Có hơi đau một chút à nghen, ối, mà đau như kiến cắn vậy mờ. Làm vài lần thì quen rồi chừng nào lông mọc ra, da ngứa lắm phải trở lại, làm riết thì bảo đảm là em ghiền luôn đó nghen.

Tuy lỗ tai nghe chị nói là hổng sao đâu, ráng, nhưng tôi cũng có cảm giác hơi nhột nhột khi tay chị chạm vào da. Chị vừa thở phì phò bằng mũi lẫn bằng miệng. Cứ chỉ nầy và mặt chị gần sát mặt tôi, có thể «nghe, hửi» được «mùi» của nhau.

Trời !!!

Rồi khi chị bắt đầu ấn sợi chỉ lên rà đi một cái, bứt ra. Nhói. Tôi kêu lên :

- Ui da

Chị dỗ :

- Hổng sao hổng sao ráng chịu một chút mới đẹp được ráng chịu đi cưng chị làm lẹ cho.

Tuy đau thấy bà nội luôn chớ «như kiến cắn cái nỗi gì ?» , nhưng tôi ráng. Đau nghiến ! Nghe tiếng chỉ, se, bứt, se, bứt, sợi chỉ rà vô kéo ra liên tục, bởi chị nói sẽ làm cho lẹ, tôi cắn răng ráng chịu.

«Chịu đau cho đẹp» gần xuất mồ hôi hột. Vừa ngồi ngửa cái mặt «ngu» lên cho chị Hai nầy tra tấn tôi vừa thầm rủa mình sao ngốc quá. Chỉ trang điểm có một lần trong ngày cưới, cần gì ? Đẹp làm cái khỉ gì mà phải chịu đau đớn như vậy trời !

Chị Hai làm có hơi lâu. Khi chị lấy sợi chỉ ra, tôi hít mạnh thở ra cái khì thoát nạn. Choáng váng mở cặp mắt hình như có tráng bằng một màng hơi nước, nhìn. Thấy chị mở hộp phấn ra, cầm cái bông phấn trong đó ra biểu tôi nhắm mắt lại lần nữa, đập nhẹ nhẹ lên mặt tôi. Bụi phấn bay ra phà vào mũi làm tôi nhột nhạt cái lỗ mũi quá trời.

Chị Hai nói :

- Rồi. Sạch trơn. Coi nè cô dâu, đẹp hông ?

Chị moi từ trong giỏ ra, kéo vạt áo bà ba lên chùi chùi lên mặt kiếng rồi dúi vô tay tôi. Nhìn vô cái kiếng nhỏ, tôi dơ tay lên rờ mặt. Quả là sạch thiệt, cảm giác mịn màng, ta có thể cảm nhận được sự mịn màng của làn da và cảm thấy sảng khoái, thoải mái, hình như làn da được «thở» vậy đó. Cũng phải thôi, dĩ nhiên là sau cơn đau, làn da lại tốt !

Thật sự, lời quảng cáo không sai. Chịu đau một chút, có được làn da sạch sẽ vậy ai mà không ham.

Khi xong tôi, chị hai làm cho chị tôi. Lúc ấy tôi có thì giờ quan sát xung quanh.

Tôi thấy còn hai ba người nữa đang ngồi gần đó đợi chị, vừa đợi chị vừa dơ bàn chân cho cô thợ làm móng tay móng chân bên cạnh, vừa ăn xôi ăn bún.

Quả là buôn có bạn bán có phường.

Gần bên chị se lông mặt có chị làm móng tay móng chân. Chị có một cái giỏ đựng vài chai thuốc sơn móng tay, nhìn thấy có màu đỏ màu tím màu hồng màu bạc, vài trái chanh tươi, cái tô nhỏ xíu, đủ chụm năm ngón vô ngâm. Ngộ lắm, một tay ngâm vô tô xong lấy ra cô thợ cầm nửa trái chanh chà móng tay. Cô cầm cây kềm cắt da cắt cắt vanh vanh quanh móng, lùa ra cả...

đống da thấy ớn. Nghe bà khách dặn - nhớ cắt lấy khóe nghe... cắt da xong chùi khô rồi sơn. Làm bàn tay xong làm tới bàn chân. Tôi không nhớ rõ, bàn chân có được ngâm vô tô nước hay không, hình như không vì cái tô nhỏ xíu, làm sao để nguyên bàn chân vô được ? hình như được chùi sạch bằng nửa trái chanh vừa mới xài cho bàn tay.

Cỡ một tiếng đồng hồ, bà nào bà nấy mặt mày sáng trưng, hai bàn tay bàn chân móng đỏ chót. Làm đẹp xong, trong người thoải mái tự tin, chân xỏ vô đôi dép hai quai, loại dép Nhựt rất tiện lợi rất thịnh hành thời đó, đứng lên xách cái giỏ đi chợ.

Chị em tôi cũng vậy, lo cái mặt xong rồi, đói bụng. Nhắc tới chợ Bến Thành phải nói tới mấy cái sạp thức ăn vặt.

Chị em tôi ghé qua hàng thức ăn sáng, những món ăn ngon hết biết. Tới bây giờ tôi vẫn nhớ và thèm tô bún ốc của một cô hàng đầu vấn khăn nhung đen, áo bà ba trắng quần đen, khuôn mặt trắng bóc, xinh xắn, có nồi bún ốc ngon nhứt chợ Bến Thành.

Tôi mê nhìn làn da của cô, sao mà trắng mịn, hồng non như vậy ? Nghe chị tôi nói «da cổ tốt là nhờ se lông mặt hoài đó.»

Bây giờ tới chuyện se lông mặt thời nay, ngay trên đất Mỹ.

Đầu tiên là phải kiếm trong sổ điện thoại coi tiệm nào có phần se lông mặt. Kiếm được chỗ gần nhà tiện đường ghé ngang trên đường đi làm về, vào buổi chiều là tốt nhứt.

Gọi điện thoại lấy hẹn, ngày giờ, gặp cô thợ bả lả nói vui vẻ :

- Dạ được được cô, cô tới ngày nào giờ nào cũng được cô, khỏi hẹn khỏi đợi cô tới là làm liền cho cô.

«Làm liền cho cô» Hừmh ! sức mấy tôi tin, nhưng rồi, một buổi chiều thứ tư tôi ghé vô tiệm. Cô thợ rất trẻ, khoảng hai mươi là cùng. Thấy cô trẻ quá, là tại mình già ? Cô đang phết thuốc nhuộm tóc cho một bà khách, cũng gần xong. Cô mời tôi ngồi ghế kế bên đợi cô 5 phút.

Nghe cô nói đợi năm phút tôi bắt thấy cười. Cũng câu này gần như là câu đầu môi của mấy cô thợ trong tiệm làm nails mà, «cô ngồi chơi đợi em, phai mí nịt thôi»

5 phút nghĩa là ít nhứt 15 phút. Thấy chưa ? biết trước mờ.

Cô cho tôi ngồi xuống ghế và bắt đầu lấy đồ nghề ra. Cũng là loại chỉ ống bự, bự như loại «xài hoài hổng hết» đó, xài trong các hãng may. Tôi nhìn ra vì tôi cũng đã từng làm việc trong hãng may mà.

Cô thợ mời tôi :

- Ngồi đi chị.

Cô lấy cái khăn cuốn tròn lại lót dưới cổ, lẽ tự nhiên tôi ngửa mặt nhìn lên trần. Cái trần thấp chủn có khung đèn sáng lồng tấm hình với chùm hoa phượng đỏ và bầu trời xanh mây trắng, tôi nhớ tới cái trần cao vút trong nhà lồng chợ Bến Thành năm xưa.

Tôi có hơi ái ngại. Cô thợ vừa mới thoa thuốc xong bà khách, có thấy cô ta rửa tay gì đâu ta ?

Nhìn trở xuống cô thợ, tôi thấy cô cầm ống chỉ kéo cái rột bứt ra một đoạn dài, xoay xoay cho đứt ra, xoay xoay thắt nút đầu chỉ, nhập đôi lại, hai bàn tay với mấy ngón xòe ra. Thế là cô tạo thành một «dụng cụ» làm việc. Cô xoay mấy ngón tay căng sợi chỉ thành vòng số 8, một bên mở một bên đóng. Ạ... tôi hiểu ra rồi. Chỗ hai đoạn chỉ thắt lại, một bên sẽ là mở để chụp sợi lông, một bên mở để kéo sợi lông ra. Cô dùng hai ngón cái và hai ngón trỏ để điều khiển sợi chỉ.

Tôi nhắm mắt lại. Cảm nhận cái đau y như ngày xưa 46 năm về trước.

Tôi nhắm mắt ngửa mặt ngồi đó mặc cho sợi chỉ cuốn đi lớp lông măng dư thừa như cuốn đi những chông gai của chặng đường đã đi qua.

Rồi trở về thực tại, so sánh. Hai người thợ, xưa và nay, không gì khác nhau.

Cùng không rửa tay, cùng xài chung một cái bông phấn «đập» vô mặt người này tới người kia.

Đỡ cái là, cô ngày nay chỉ ngậm miệng làm việc và chỉ thở bằng lỗ mũi.

Xong việc cô đưa cái tấm kiếng cho tôi chiêm ngưỡng việc làm của cô. Tôi săm soi. Cô thợ này khéo tay thiệt. Từ trán xuống tới cằm, làn da rất sạch. Sáng hẳn lên. Chân mày cũng rõ nét, hàm râu tơ hồng sạch trơn. Tôi hài lòng đứng lên, phủi áo, trả tiền, từ giã, hẹn lần sau.

Từ lần se lông mặt khi xưa ở quê nhà với lần này trên quê hương thứ hai nầy, một cường quốc của thế giới, không khác gì mấy. Cũng là dùng sợi chỉ và sự khéo léo của những ngón tay lao động làm đẹp cho thiên hạ, kiếm sống. Tuy kể lể phân tích về việc làm của hai người thợ, tôi thầm cảm phục họ và khâm phục người

đã chế ra cách nhổ lông bằng sợi chỉ như vậy, rất bình dân nhưng có hiệu quả rất tốt. Nhưng, khi tính về mặt tài chánh thì từng thời có khác xa.

Se lông mặt trên đất Mỹ này, không biết ở tiểu bang khác thì sao chớ tại Cali nắng ấm nầy, tôi thấy, chỉ trong vòng từ 10 tới 15 phút, người thợ bỏ túi 20 mỹ kim như chơi, chưa kể tiền «típ» khách cho. Lương như vậy, kiếm đều đều mỗi ngày thì quả thật, có phải là còn hơn nhiều mức lương của bao việc làm trong cuộc đời nhiều tranh đấu này ?

Chị hai ngày xưa bận chiếc áo bà ba cũ màu cháo lòng, kiếm được ngày hai bữa cơm là quá lắm rồi. Cô thợ ngày nay quần là áo lụa chắc chắn kèm theo cái bóp xách hàng hiệu hai ba ngàn mỹ kim là thường.

Hiện tại dân tỵ nạn Việt Nam đã nắm trong tay ngành làm nails, hình như dân xứ khác làm không lại thì đang mon men bành trướng và tràn ngập trên thị trường về nghề dưỡng da mặt, massage bàn chân và luôn cả thân người. Nếu dân ta không chen chân vào ngay bây giờ thì ngày không xa, họ sẽ vượt xa ta và nắm thị trường, một công nghệ to khủng khiếp như nghề làm nails bây giờ, tạo bao nhiêu công ăn việc làm, nuôi cả thế hệ như nghề nails hơn ba thế kỷ nay và cứ tiếp tục đi tới nữa.

Bây giờ, tuy hiện nay nghề se lông mặt do đa số người Ấn độ chuyên nghiệp, nếu dân ta cũng ra sức học hỏi, sẽ là một nghề nhẹ nhàng và kiếm tiền dễ dàng mau lẹ, khỏe hơn cả làm nails và làm mặt, theo thiển ý của tôi.

Sau lần đầu làm tại đây, lần thứ nhì tôi biết «khôn» hỏi trước, có đau hay không. Tôi hẹn với một người thợ nghe đồn là se không đau nhưng giá cả hơi mắc một chút.

Lý do se lông mặt bị đau hay không đau, khi học về nghề thẩm mỹ tôi mới hiểu ra, đó là do kỹ thuật. Khi ta nhổ lông bằng cây nhíp, ta kéo sợi lông ra xuôi theo chiều lông mọc, khi ta dùng chất sáp (wax) thì phải làm ngược lại chiều lông mọc. Khi se bằng chỉ, ta cũng phải se sợi lông ra xuôi theo chiều lông mọc như cách dùng cây nhíp, như vậy mới không đau. Tôi mới hiểu, tại sao có tiệm tính giá mắc hơn chỗ khác, là do đau hay không đau và cách săn sóc sau khi se.

Nhưng, có một điều tôi thấy cần chú ý nhứt, đó là sự thiếu sót giữ vệ sinh.

So sánh lần se lông mặt trong nhà lồng chợ Bến Thành 46 năm về trước và lần làm tại nước Mỹ, y như nhau, không ai cần đến chuyện vệ sinh sạch sẽ cả. Họ không rửa tay trước và sau khi làm. Cũng không thoa lên bất

cứ một chất kem nào để bảo vệ làn da mới được nhổ lớp lông măng, còn đang dễ bị ảnh hưởng và tác động của môi trường xung quanh, nắng gió ánh mặt trời bụi bặm...

Nếu biết thực hành vừa đúng kỹ thuật vừa bảo đảm an toàn sạch sẽ vệ sinh, không bị thưa gởi, nghề này sẽ không thua gì nghề làm nails hay massage dưỡng da đâu, vì móng tay và làn da mặt, ai cũng cần săn sóc chăm nom, mới giữ được sự trẻ trung và tốt đẹp.

Phụ nữ chúng ta, ai mà không muốn níu kéo tuổi xuân, càng trẻ lâu chừng nào, tốt chừng ấy ?.

Bàn về chuyện này làm tôi rất nhớ cách thức làm việc bình dân thân thiện trong nhà lồng chợ Bến Thành nửa thế kỷ trước. Không biết «chị hai» còn sống không ? Nhà lồng chợ Sài Gòn còn những người thợ được tự do làm đẹp cho thiên hạ để kiếm sống hằng ngày không ?

Trên xứ sở tự do bình đẳng và cơ hội này, tôi hy vọng phương thức làm sạch lông mặt và sửa luôn cặp chân mày bằng sợi chỉ này sẽ bành trướng và thành công lớn như nghề làm nails vậy. Chẳng những làm ra tiền mà còn không bị «dưới quyền xài xể của hội đồng thẩm mỹ hay cơ quan thống trị» nào cả, cho nên, hãy ra chiếm lấy thị trường càng sớm càng tốt.

Nếu không thì uổng quá. /.

Trương Ngọc Bảo Xuân

Những Tờ Bạc Trăm

Cánh Chuồn Chuồn

Tác giả là một cựu sĩ quan Thuỷ Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, đã nhận giải tác phẩm xuất sắc Viết Về Nước Mỹ 2006 với truyện kể về hai chàng sĩ quan Mỹ gốc Việt thuyền nhân : «Thế và Tôi,» một trong những truyện «độc» nhất của 12 năm giải thưởng Việt Báo. Sau đây là bài cho đầu năm vui ve.

«Một trăm, em ơi !
Chiều nay một trăm phần trăm !
Một trăm, em ơi !
Chiều nay một trăm phần trăm !»

Miệng vừa nghêu ngao vài lời trong bản nhạc xưa, tay tôi vừa rút tờ giấy bạc một trăm đô la trong két sắt bỏ vào túi quần đùi bên phải; xong rồi lấy tờ giấy copy hộ chiếu bỏ vào túi quần bên trái.

Ở Thái Lan, có làm mà không có chơi là một cái tội rất lớn, nên một thằng con trai cô hồn, trẻ dại như tôi không bao giờ muốn phạm. Khi làm xong việc lúc tám giờ sáng tôi vội chạy ngoài chơi mà không cần ngủ hay nghỉ dù đã thức làm việc suốt đêm. Dân chơi bất cần thân thể !

Thảy cái chìa khóa phòng lên quầy tiếp tân, tôi phóng ra khỏi khách sạn gọi xe taxi đi qua thành phố biển khác chơi. «Quậy» gần chỗ làm, có gì xảy ra, mấy người làm chung hãng biết thì khá phiền phức và tôi không muốn gặp người quen khi tôi «quậy» .

Nữa tiếng đồng hồ sau, khi xe taxi chạy gần tới thành phố biển thì tôi nói với anh tài xế là tôi muốn ghé vào hớt tóc và nếu tiện thì đấm bóp (massage) luôn trước khi vào phố.

«Chuyện nhỏ, ông thầy !» Anh tài xế đáp, rồi sau vài phút thì ghé xe vào một tiệm hớt tóc thanh nữ kèm đấm bóp.

Sau phần hớt tóc, tới phần đấm bóp (massage) . Nhìn thấy anh tài xế ngồi đọc báo chờ tôi, tôi không nỡ nên nói với anh ta là tôi bao anh ta phần đấm bóp. Khi tôi hưởng thụ thì người khác cũng phải hưởng thụ.

Vui vẻ cả làng tôi, tài xế taxi và hai em «tẩm quất» Thái Lan !

Hớt tóc và đấm bóp không có gì để đáng nói, nhưng chuyện trả tiền thì đáng được kể.

Tôi thọc tay vào túi quần đùi bên phải, trống rỗng !

Thọc tay vào túi quần bên trái, ngoài tờ giấy copy hộ chiếu ra không có thứ gì khác !

Túi áo, túi quần sau, cũng trống rỗng luôn !

Tuy vậy tôi vẫn bình tỉnh nói anh tài xế ra xe coi - có thể tôi làm rớt tiền trên ghế ngồi.

Sau vài phút, anh tài xế với vẻ mặt xụi lơ, bước trở vào tiệm nói không tìm thấy tờ một trăm đô la trong xe.

Tờ một trăm đô la không cánh mà bay; nó từ biệt tôi mà không có một lời từ giã !

Vậy thì tam thập lục kế, năn nỉ vi thượng sách. Tôi đành nói thiệt với người tính tiền, có lẽ kiêm chủ tiệm hay quản lý tiệm gì đó là tôi có đem theo tờ một trăm đô la nhưng tôi đánh mất nó rồi, vậy cho tôi về khách sạn lấy tiền đem tới trả. Cô tính tiền/quản lý tiệm nói tiếng Anh cũng thành thạo nên tôi không gặp khó khăn trong công việc năn nỉ. Có lẽ tôi ở hiền nên gặp lành, vì tôi nói bao anh tài xế taxi nên anh ta cũng thiếu tiền đấm bóp như tôi; thế là anh ta phụ với tôi năn nỉ «trối chết» với người tính tiền; tôi không hiểu anh ta đã nói gì nhưng tôi đoán là anh ta bán cái phần trả tiền qua cho tôi, đại khái là anh ta nói biết khách sạn tôi ở và hứa hẹn đem tiền tới trả.

May cho tôi là người dân Thái thật thà, hiền lành và chất phát, nên sau vài phút nói chuyện - cô tính tiền/ quản lý tiệm đấm bóp thông cảm cho tôi hớt tóc và đấm bóp thiếu.

Thế là tôi và anh tài xế vui vẻ ra xe taxi.

- Bây giờ ông thầy tính sao ? Anh tài xế hỏi tôi trước khi đề máy cho xe chạy.

- Trở về khách sạn xa quá, lỡ rồi cho tôi xuống phố luôn. Mai lấy tiền đem tới trả. Tôi đáp.

- Được thôi, ông thầy !

- Anh biết khách sạn tôi ở mà ! Anh tin tôi không ? Tôi nói để củng cố lòng tin anh tài xế taxi.

- Chuyện nhỏ mà ông thầy ! Anh tài xế nói rồi đề máy lái xe chạy vô phố.

Năm bảy phút sau thì tôi nói với anh tài xế dừng xe để tôi xuống.

- Mai gặp tôi sẽ trả tiền và còn phải nhờ anh chở tôi trở lại tiệm hớt tóc để trả tiền. Tôi nói.

- Chuyện nhỏ mà ông thầy !

May cho tôi là người dân Thái quá thật thà, hiền lành và chất phát.

Thế là tôi tà tà bát phố khi trong túi không có một đồng xu.

Bấy giờ khoảng chừng mười giờ hay mười một giờ sáng - giờ tốt cho tôi uống bia và tán/chọc ghẹo những cô gái Thái bán bar.

Bước vô những quán bar, tôi nói với những người bán bar là tôi có đem theo tiền nhưng mất rồi và hỏi họ có cho tôi uống bia rượu thiếu được không. Theo trí nhớ thiếu ngủ, kém cỏi của tôi thì không có quán bar nào từ chối tôi. Thân chủ xịn mà !

Tới trưa khi bụng đói, tôi ra chợ đi tà tà ngắm những hàng quán bán đồ ăn bình dân cho người dân Thái. Tới quán hủ tiếu, thấy bà chủ tướng phốp pháp, hiền lành, vui vẻ, tôi đứng lại nhìn thế là bà chủ quán hủ tiếu trúng kế ăn thiếu của tôi, khi bà ta cất tiếng hỏi/mời/chào tôi. Tôi không nhớ là tôi đã nói tiếng Thái, tiếng Anh hay tiếng Việt với bà chủ quán nhưng tôi nhớ là tôi được ăn hai bát hủ tiếu thiếu. Xin đừng trách tôi quá tham ăn, cái bát hủ tiếu chỉ lớn hơn cái chén cơm một chút và nhỏ hơn cái tô canh rất nhiều !

Tôi tuy ngu nhưng cũng không dại dột xin ăn thiếu ở những nhà hàng sang trọng ngoài bờ biển phục vụ cho khách du lịch. Làm như vậy chỉ chọc cho họ chửi !

Khi ăn xong, no bụng thì tôi lại buồn ngủ. Làm việc thức suốt đêm rồi uống bia rượu, voi cũng chịu không nổi, đừng nói gì đến sức của tôi. Tôi ra bờ biển tiếp tục ca bài ca «Con Cá» để được ngủ thiếu trên ghế bố.

May cho tôi là người dân Thái quá thật thà, hiền lành và chất phác.

Xế chiều, khi đang ngồi uống bia thiếu trong một quán bar, tôi nói với cô gái bán bar là tôi muốn đi xuống cuối phố chơi. Không nói không rằng, cô gái bán bar móc túi quần jean, đưa cho tôi chìa khóa chiếc xe Honda Dream đang đậu trước cửa bar. Chuyện cho mượn chiếc xe Honda chạy đơn giản như «đang giỡn» vậy đó !

Đây là lần đầu tiên tôi lái xe máy, ngà ngà rượu bia rồi chạy xe phía bên tay trái (ở Thái Lan) chứng tỏ là tôi quá trẻ dại và ngu hết biết. Nhưng đó không phải là điểm đáng kể, chuyện còn dài, còn hấp dẫn...

Tôi lái xe xuống cuối phố, vào mấy quán bar ca bài ca «Con Cá» và như ở đầu phố họ cho tôi uống bia rượu thiếu. May cho tôi là người dân Thái quá thật thà, hiền

lành và chất phác.

Bảy tám giờ tối phải chạy về đầu phố, trả xe, kiếm đồ ăn chiều, chuẩn bị cho đêm vui chơi còn dài. Chuyện hấp dẫn là đây. Tôi nhớ chỗ tôi đậu xe, nhưng tôi không nhớ mình đã lái chiếc xe nào khi tôi đứng nhìn hai mươi mấy, ba chục chiếc xe Honda Dream đang đậu trên lề đường. Đèn đường mờ mờ không đủ sáng, đầu óc tôi ngà ngà bia rượu. Tôi phải làm sao ? Ước gì tôi được gởi xe thiếu để họ tìm xe giùm tôi !

Tam thập lục kế, tra chìa khóa từng xe vi thượng sách. Thế là tôi lọ mọ thọc chìa khóa vô từng ổ khóa cổ xe vặn thử. (Chuyện y như vậy cũng xảy ra với một người bạn của tôi khi anh ta làm việc ở Thái Lan) .

Có lẽ tôi ở hiền nên gặp lành, sau khi thử năm ổ khóa thì tôi tìm được chiếc xe mượn.

Mấy năm trước khi kể chuyện cho mấy người bạn nghe, đến đoạn này thì có người bạn chặn ngang câu chuyện bằng một câu hỏi.

- Vậy anh V. có ngủ «thiếu» không ?

Con gái nhà ai vô duyên, xí xọn hết sức ! Chuyện như vậy mà cũng hỏi được ! Nhưng đã dám hỏi thì tôi cũng dám trả lời... một cách ỡm ờ.

- Tôi đang kể chuyện tôi thiếu tiền chứ tôi không nói là tôi thiếu tình !

Lỡ rồi ! Lao đã phóng ! Mèo đã xổng ! (The cat is out of the bag !) Xin quý đọc giả vui lòng bỏ ra ba giây động não, đoán thử tôi đã qua đêm «thiếu» với ai.

Theo cái trí nhớ mơ hồ, say xỉn của tôi, thì người mà tôi ngũ «thiếu» có lẽ là cô chủ của cái xe Honda Dream. Đơn giản như đang giỡn !

Trở lại với câu chuyện thiếu tiền. Ngày hôm sau về lại khách sạn, tôi lấy hai tờ trăm đô la bỏ vô túi; bước ra khỏi khách sạn thì thấy anh tài xế taxi chở tôi hôm qua đã đợi sẵn.

Chắc quý đọc giả thắc mắc là vì sao tôi đem theo hai tờ trăm đô la ? Một tờ để trả tiền thiếu, còn một tờ thì để xài ngày hôm đó.

Sau khi chạy một vòng trả tiền sòng phẳng cho các bars, quán ăn, người cho tôi thiếu; tôi tự hứa với mình là sẽ không để chuyện như vậy tái diễn nữa.

Tôi không thể sống ỷ y vào chuyện ở hiền nên gặp lành được !

Sau khi nghỉ việc ở Thái Lan, tôi bay về Việt Nam.

Đã chơi thì chơi cho tới bến !

Nói vậy cho oai một chút, chứ khi về nhà với cha mẹ thì tôi chỉ là một thằng con trai ngu khờ, đuổi ruồi không bay !

Mẹ tôi ở bên Mỹ, nhưng năm đó về Việt Nam thăm cha tôi. Về tới Việt Nam thì mẹ tôi ngã bịnh, vì vậy từ Thái Lan tôi về Việt Nam để sắp xếp, tính chuyện «hộ tống» mẹ tôi trở về Mỹ.

Khi mẹ tôi ở Saigon thì có cặp vợ chồng bạn của em gái tôi thường xuyên ghé thăm và chăm sóc sức khỏe cho mẹ tôi. Cặp vợ chồng này lanh lẹn, tháo vát, xông xáo theo lối sống của người Saigon. Thấy họ đối xử tốt với mẹ tôi (gần như thay mặt anh em tôi lo lắng, chăm sóc sức khỏe cho mẹ tôi) thì tôi đối xử tốt lại với họ. Người chồng lớn tuổi hơn tôi nên tôi coi như một người anh, còn người vợ thì bằng tuổi em tôi nên tôi coi như một người em trong gia đình.

Khi có dịp rảnh, tôi mời gia đình họ đi ăn nhà hàng, đi khu vui chơi Đầm Sen, đi chơi bowling - một trò chơi mới phổ biến ở Saigon lúc đó, đi uống cà phê, nghe nhạc, v. v...

Gần ngày tôi về lại Mỹ, hai vợ chồng có mời tôi tới nhà ăn cơm trưa.

Tới nhà họ, tôi cởi giày (boat shoes) để trong cửa, đi chân không trong nhà, ngồi bệt dưới đất ăn một bữa cơm khá thịnh soạn. Khi đang ăn thì người chồng nhìn ra phía cửa một cách chăm chú, rồi bất ngờ buông chén bước tới cửa cầm chiếc giày của tôi lên. Anh ta đưa tay vô rút tờ một trăm đô la dưới đáy giày ra. Anh ta là ảo thuật gia ? Không ! Đó là tiền tôi để trong giày. Có lẽ tờ trăm đô la để dưới đáy giày ló lên nên anh chồng nhìn thấy nên tới lấy ra. Thiệt là quá tinh mắt !

Hai vợ chồng hỏi vì sao tôi để tiền trong giày như vậy. Tôi thú thật là tôi để tiền dưới đáy giày từ bên Thái Lan, để phòng khi rỗng túi và tránh kẻ gian móc túi khi đi lòng vòng Saigon. Tôi đã từng là nạn nhân bị móc túi nên cẩn thận dấu tiền phòng thân. Tôi không đem quà cáp khi tới nhà họ ăn trưa, sẵn thấy hai vợ chồng chuyền nhau coi tờ trăm đô la, tôi biếu họ một cách tế nhị là tặng một trăm đô cho hai đứa con của họ ăn kẹo.

Mẹ tôi mặc dù đang bịnh nhưng không muốn về lại Mỹ với tôi. Trước ngày rời Việt Nam, tôi gởi một số tiền khá lớn (khá nhiều tờ trăm đô la) cho hai vợ chồng người bạn của em tôi và nhờ họ đưa lại dần cho mẹ tôi tiền mua thuốc men hay nếu cần thì trả tiền bệnh viện.

Chuyện gì đến, đã đến ! Mẹ tôi không nhận được số tiền tôi gởi hai vợ chồng đó và họ cũng không còn liên lạc hay giao tiếp với gia đình tôi. Đây là chuyện «Tái Ông Mất Ngựa» ; chuyện có phần tế nhị, nên tôi xin miễn kể về chuyện này.

Lòng tin và sự giáo dục mà tôi biết thì - Giữa người có của và người lấy của thì tội của người có của nặng hơn tội của người lấy của. Vì sao ? Người có của đã tạo ra cái lòng tham cho người kia ! Đây hoàn toàn là tội và lỗi của tôi !

Về lại Oakland, California đi làm.

Nói là đi làm nhưng phần nhiều khi về trụ sở thì hãng gởi tôi đi học tu nghiệp. Thời gian đi học thì vui vẻ, nhẹ nhàng và thoải mái vì không có trách nhiệm của công việc.

Mỗi chiều thứ sáu, tôi từ Oakland đi xe điện BART (Bay Area Rapid Transit) xuống San Jose ở chơi với anh bạn. Tối Chủ Nhật thì anh bạn chở tôi ra trạm xe điện Fremont để đi về lại Oakland.

Khuya tối Chủ Nhật, sau khi anh bạn thả tôi trước trạm BART Fremont, tôi bước vào mua vé chuyến xe BART cuối lúc mười hai giờ đêm. Trạm xe vắng queo

như chùa Bà Đanh. Đêm khuya Chủ Nhật mà !

Móc bóp ra lấy tiền bỏ vào máy bán vé, cái bóp trống trơn ! Những tờ tiền của tôi bỏ tôi đi từ lúc nào mà tôi không hay biết; chúng nó từ biệt tôi mà không một lời từ giã ! Nhìn quanh, trạm xe điện trống trơn. Người bán vé cũng không ? Làm sao đây ? Lúc này chưa có điện thoại di động để gọi anh bạn của tôi. Tôi có hai đường lựa chọn - một là chờ mười lăm hay hai chục phút rồi gọi điện thoại công cộng «thiếu» (collect) cho anh bạn ra đón tôi. Hai là tôi sẽ ngủ trên ghế đá ở trạm xe BART chờ đến sáng rồi tính sau.

Có một điều là tôi thường ỷ y và tin rằng tôi ở hiền nên hay gặp lành và theo số Tử Vi thì tôi thường được quý nhân phù trợ. Đứng xớ rớ trước máy bán vé năm bảy phút thì quý nhân của tôi từ đâu hiện ra trong thân xác một người Mễ trẻ.

Kiên nhẫn chờ anh ta mua vé xong thì tôi lên tiếng.

- Tôi không có tiền. Anh làm ơn mua cho tôi một cái vé về Coliseum Oakland được không ?

Tôi không nhớ là tôi đã nói tiếng Mỹ, tiếng Mễ hay tiếng Việt với anh ta.

Không biết anh Mễ có hiểu hay không, nhưng anh ta đưa mắt nhìn tôi từ đầu đến chân; rồi không nói, không rằng gì hết anh ta móc mấy đồng tiền nhàu nát trong túi quần ra bỏ vào máy mua cái vé đưa cho tôi.

Cầm vé trong tay tôi mừng hết biết, nhưng tôi không quên cám ơn anh ta. Cả hai chúng tôi lên cùng toa xe. Một đoàn xe dài nhiều toa mà chỉ có hai người chúng tôi đi. Chúng tôi ngồi đối diện với nhau ngay cửa ra vào. Sau khi ngồi xuống, anh Mễ móc túi áo lấy ra một tràng hạt Mân Côi rồi nhắm mắt, tay vừa lần, miệng vừa lẩm nhẩm cầu nguyện hay đọc Kinh.

Xe chạy ghé một vài trạm, có người lên kẻ xuống, nhưng toa chúng tôi ngồi thì vẫn chỉ có hai người chúng tôi. Tôi ngồi nhìn anh Mễ nhưng đầu óc thì miên man suy nghĩ người phàm mắt thịt như tôi đâu biết nhiều khi người trước mặt mình là bồ tát hay thiên thần hiện ra cứu giúp chúng sanh, nhân loại. Họ có thể hiện ra dưới muôn ngàn hình dáng, nam nữ, nghèo giàu, sang hèn, tùy duyên mà cứu độ.

Anh Mễ này giúp tôi giữa đêm khuya thì chắc chắn là một vị bồ tát hay thiên thần.

Mười lăm, hai chục phút trôi qua, thấy anh Mễ vẫn còn nhắm mắt, cầu nguyện/đọc kinh, lần tràng hạt; tôi từ từ rút chân ra khỏi giày, đưa tay xuống rút tờ trăm đô la lên cầm trong tay. Chắc quý đọc giả thắc mắc là vì sao tôi không dùng tờ trăm đô la đó để mua vé xe BART. Có hai lý do, thứ nhứt máy bán vé chỉ nhận tờ hai mươi đô la trở xuống; thứ nhì vì an toàn cho bản thân, trong trạm xe vắng đêm khuya tôi không muốn tạo ra cái lòng tham để cho người khác phạm tội. Một trăm đô la là số tiền lớn.

Tiếng loa vang lên báo tin xe sắp ghé trạm San Leandro (một trạm trước trạm tôi xuống ở Coliseum) , anh Mễ mở mắt ra, cất tràng hạt vào túi, đứng lên bước tới cửa đứng chờ. Tôi đứng lên theo. Trong tay cầm tờ trăm đô la, tôi đưa ra bắt tay chào từ biệt và cám ơn anh ta.

Thấy cồm cộm trong tay khi tôi để lại tờ trăm đô la, anh Mễ nhìn lòng bàn tay rồi cất tiếng.

Tôi không biết là xe vào trạm thắng lại hay lời nói của anh Mễ làm tôi thiếu điều té ngửa. Tôi phải lấy tay vịn thành ghế để lấy lại thăng bằng. Khi nhìn lại thì anh Mễ đã rời xe và đi mất rồi.

Tôi không nhớ là anh Mễ đã nói với tôi tiếng Mễ, tiếng Mỹ hay tiếng Việt.

- Anh có phải là thiên sứ Thượng Đế gởi đến để thử tôi không ? Tôi hết tiền rồi ! Tối nay tôi không biết làm gì và sẽ đi về đâu ! Cám ơn anh nhiều !

Thiên sứ hay quỷ sứ chắc tôi phải chờ Thượng Đế xét rồi phán ! Nhưng lúc đó lòng tôi lâng lâng hạnh phúc.

Ai ơi gắng ở cho lành,
Kiếp này chưa đặng, để dành kiếp sau !

Cánh Chuồn Chuồn

Giáng Sinh 2014

Ngày Tết Đầu Tiên Trên Đất Mới

Võ Quách thị Tường Vi

Tác giả đã nhận giải danh dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Bà là Y Sĩ và là Giáo Sư Tiến Sĩ của Đại Học Texas Woman's University Houston Texas / TWU. Bài trích từ báo xuân Việt Báo Tết Ất Mùi.

Gió đông đã bớt lạnh. Trên cành cây đào sau vườn những búp non bắt đầu đâm chồi nẩy nở. Năm nay mùa đông đi qua quá mau so với những năm trước. Thế là lại thêm một cái tết, thêm một mùa xuân. Tết năm nay đánh dấu bốn mươi năm mà Dung đã định cư trên quê hương thứ hai của mình. Lòng bâng khuâng Dung chợt nhớ lại những tháng ngày năm xưa cùng cái Tết đầu tiên trên nước Mỹ bốn mươi năm về trước.

Dung vẫn nhớ như in trong đầu vào ngày 22 tháng Tư năm 1975, một chiếc máy bay quân sự chở hơn số lượng người đã định, lao chao hai ba vòng trên không gian trước khi lấy đà bay thẳng về hướng đông. Người người ngồi la liệt ở giữa sàn máy bay mà chung quanh được bao bọc bởi hai hàng ghế. Có rất nhiều người ngồi trên hai hàng ghế này, vừa là những quân nhân Mỹ vừa là những người di tản. Nhiều bà mẹ ôm những đứa bé thật chặt vào lòng dỗ dành để các em bớt khóc.

Có những tiếng khóc thút thít từ một vài nơi trong lòng máy bay. Dung thấy có nhiều người không nói, nhưng khuôn mặt vẫn dàn dụa nước. Những con mắt nhìn nhau trống không, không định hướng và không hồn. Những người quân nhân Mỹ trẻ ngồi gác ở hai bên cánh cửa của máy bay, vũ trang đầy đủ, sẵn sàng dùng vũ khí để bảo vệ cho nhóm «hành khách» của mình. Ai nấy cũng rất khẩn trương và hoảng hốt. Qua tiếng động cơ ầm ỉ của máy bay, những tiếng súng liên thanh cùng với những tiếng đạn pháo kích vẫn nghe rõ ràng như đang ở phía dưới chân Dung.

Dung vẫn thật không ngờ mình lại đang có mặt trong lòng phi cơ này. Mọi sự giống như trong mơ. Hai ngày trước, khi tình cờ gặp ông hội trưởng của hội Cô Nhi nơi mà Dung đang làm việc bán thời gian, ông có hỏi Dung có muốn di tản không. Dung đã trả lời xin đi. Mục đích Dung xin đi là để có cơ hội được đi học tiếp. Từ hồi còn nhỏ Dung đã rất thích đi học. Dung may mắn thi đậu vào trường Trung học công lập Ngô Quyền Biên Hòa và học lên được luôn tú tài hai. Sau đó Dung vừa đi học đại học vừa đi dạy kèm. Đầu năm 75, Dung xin được một việc làm với hội Cô Nhi này. Việc làm cũng rất thích thú vì Dung có dịp tiếp xúc nhiều với các em nhỏ cùng những cha mẹ nuôi của các em ấy. Duang cũng đã lặn lội vào trong những hang cùng ngõ hẹp tìm

kiếm các em này để trao lại cho các em những món quà hay học bổng mà hội Cô Nhi đã xin được từ những vị hảo tâm ở bên Mỹ gửi về. Tiền lương trung bình nhưng đều đặn nên cũng giúp Dung yên lòng mà chú tâm vào việc học của mình.

Đang suy nghĩ mông lung thì Dung thấy một quân nhân Mỹ thình lình đứng bật lên, chụp vội cây súng của mình và nói một tràng tiếng Mỹ dài còn tay thì ra dấu bảo mọi người ngồi sát xuống sàn máy bay. Một người nào đó trong nhóm hành khách thông dịch lại với giọng hoảng hốt :

- Bà con ơi, họ nói mình đang bay qua một khu đang đánh nhau dữ dội và nguy hiểm lắm. Mọi người nên im lặng và ngồi sát xuống sàn mau lên !

Những tiếng khóc rấm rứt và tiếng nói chuyện lập tức im lặng ngay. Ai nấy cũng sợ hãi và nét mặt tái xanh lại. Bà cụ ngồi kế bên Dung đưa tay lần chuỗi hạt và làm dấu thánh giá rồi lẩm bẩm đọc kinh. Một vài người khác thì niệm kinh Phật trong yên lặng. Dung nghe rõ những tiếng đạn bắn phía ngoài máy bay cùng những tiếng đại bác rầm rì. Thình lình máy bay bị đảo qua một bên rồi chúi xuống đất một chút. Có tiếng người la to :

- Trúng đạn rồi bà con ơi !! Máy bay bị trúng đạn rồi !

Sàn máy bay bây giờ đã đông nghẹt người ngồi. Tự nhiên nhiều người òa lên khóc cùng một lúc. Anh lính Mỹ hồi nảy lại đứng lên lần nữa và làm dấu cho mọi người yên lặng. Máy bay lảo đảo một vài phút rồi sau đó thì cất cánh bay thẳng trở lại. Dần dà không khí trong máy bay lại trở lại trạng thái bình thường như lúc trước. Trong lòng máy bay mọi người bắt đầu chuyện trò trở lại. Bà cụ ngồi bên cạnh Dung quay qua hỏi thăm :

- Cô có sao không ? Người nhà của cô đâu rồi ?

- Dạ con cảm ơn bác, con không sao cả. Dạ con đi một mình.

- Con gái mà đi di tản loạn lạc một mình, khổ thiệt !!

Dung gượng cười nhưng cái miệng thì méo xẹo và buồn ray rứt trong lòng. Số là ba của Dung đã đổi lên Ban Mê Thuột làm việc mấy tháng trước và đã mất liên lạc với gia đình hồi tháng ba vừa rồi. Dung có lên Bộ Nội Vụ để tìm tin tức nhưng ba Dung vẫn biệt tăm. Lại thêm cậu em út của Dung bị đi vào trại huấn luyện Quang Trung vào cuối tháng hai. Khi hay tin này Dung Dung chạy về để tiễn em nhưng không kịp nữa. Dung chỉ thấy được một chút phía sau của xe «cam nhông» với tấm

màn màu xanh lá cây dày đặc chở em mình đi lính mà thôi. Khi được biết là mình có tên trong danh sách để di tản, Dung vừa mừng, vừa bâng khuâng. Mừng là mình có hy vọng để tiếp nối việc học nhưng bâng khuâng là vì không biết tương lai sẽ đi về đâu, nhất là trong khi tin tức của ba mình không rõ ràng và cậu em trai lại ở trong quân trường. Trăm mối ngổn ngang trong lòng nước mắt của Dung đã trào ra hồi nào không hay. Dung khóc âm thầm.

Rốt cuộc rồi máy bay cũng đáp xuống một phi trường quân sự ở Phi Luật Tân. Khi ra khỏi máy bay, Dung nhìn lại thì thấy nhiều vết đạn loang lỗ bên ngoài của phi cơ. Dung thật kinh hoàng và thấy mình rất là may mắn. Sau đó Dung được di chuyển qua đảo Guam và ở trong một chiếc lều được dựng lên rất vội vã qua đêm cùng với hai gia đình nhân viên của Hội Cô Nhi. Hàng ngày Dung hay đến những trạm thông tin để hy vọng tìm được bạn bè hay những người thân. Dung vẫn thầm hy vọng là bằng một phép lạ nhiệm mầu nào đó Dung sẽ tìm lại được những người thân yêu của mình. Người đến đảo càng lúc càng đông nhưng Dung thấy hy vọng mong manh của mình mỗi ngày lại một thưa dần. Dung hay thường đi lang thang ở bên bờ đảo, nhìn ra khơi mà thấy lòng mình chùng lại, thầm hỏi quyết định ra đi của mình có đúng hay không ?

Hai tuần sau, Dung được đưa qua Mỹ và định cư ở tiểu bang Maryland, trong một thành phố giáp ranh giới với thủ phủ Washington D. C. Dung về ở chung với chị Liên dưới sự bảo trợ của hai vợ chồng ông bà mục sư đạo Cơ Đốc. Chị Liên lớn hơn Dung bảy tuổi, rất nghiêm nghị và ít cười. Hình như chị cũng có một tâm sự gì đó mà Dung thường hay thấy chị khóc lặng lẽ âm thầm. Khi bị bắt gặp thì chị cười gượng gạo và nói là bị bụi vương vào mắt. Chị Liên ơi, em cũng có bụi vương vào mắt đó, Dung thầm nhủ trong lòng. Chị hay dạy Dung tiếng Anh và chỉ bảo Dung cách sống ở bên Mỹ. Chị đã có bằng Cử Nhân Anh Văn, đi du học ở bên Phi Luật Tân về, và đã đi làm mấy năm nay. Hồi nhỏ chị học trường Marie Curie nên rất thông thạo tiếng Pháp. Dung thấy chị hay viết thư bằng tiếng Pháp và gửi cho bạn bè, bà con ở khắp mọi nơi. Chị đã có việc làm ổn định ở cùng chỗ với ông bà bảo trợ còn Dung thì đã ghi danh đi học và đi làm bán thời gian ở trong một trường học hàm thụ.

Tuy rất nghiêm và có vẻ «khó» nhưng chị Liên lại hay sợ những con vật nhỏ xíu vô hại. Một đêm đang ngủ ngon, cả nhà đều choàng tỉnh dậy vì tiếng la hét của chị. Chị mặt mày tái xanh run rẩy chỉ tay vào bồn tắm. Dung thấy trong bồn tắm có một con chuột nhắt đang lúng túng tìm cách bò ra. Vì bồn tắm cao nên chú

chuột này chồm lên thì lại bị tuột xuống nhiều lần gây ra những tiếng động lào xào. rột rạt trên thành bồn. Nó càng gây ra nhiều tiếng động thì chị Liên lại càng sợ hãi và càng khóc to thêm. Ông bà mục sư chạy vào thấy vậy, chỉ lắc đầu, mỉm cười và đã bắt chú chuột này bỏ ra ngoài vườn một cách dễ dàng.

Chị Liên cũng rất quan tâm về vấn đề ăn uống dinh dưỡng. Chị muốn sụt cân nhưng lại thích ăn «chip» còn ông bà mục sư thì tuyệt đối không mua những thức ăn này. Một hôm chị mua đâu được bịch «chip» Cheetos nhỏ đem vào phòng và mời Dung ăn. Hai chị em ăn hết nguyên bịch này rất nhanh mà Dung vẫn còn thòm thèm vì đây là lần đầu tiên trong đời Dung được ăn một món ăn lạ và ngon như vậy. Hôm sau bà bảo trợ có việc vào phòng của hai đứa, mũi phập phồng bà ấy bảo là «tôi ngửi có mùi chip» . Chị Liên và Dung thì sợ quá lắc đầu lia lịa !

Vấn đề ngôn ngữ và văn hóa bất đồng cũng gây ra những hiểu lầm không ít. Dung thì nghĩ đó là những bài học của mình nên đón nhận những lời sửa đổi một cách rất tự nhiên tuy đôi khi cũng có lúc tủi thân khóc thầm. Nhà ông bà mục sư này chỉ ăn đồ Mỹ và lại ăn chay trường nên chị Liên và Dung rất nhớ cơm và thức ăn Việt của mình. Nhớ một lần được mời đến nhà một chị

bạn người Việt để dùng cơm, ra về chị ấy lại gói cho chị Liên và Dung một chai nước mắm nhỏ. Vào thời điểm ấy, thức ăn Việt Nam rất hiếm hoi, có được chai nước mắm là rất quý. Chị Liên và Dung phải nghĩ cách làm sao mà đưa được món đồ «quốc cấm» này về nhà vì biết chắc là ông bà bảo trợ sẽ không thích. Sau khi được gói kín trong 5-6 lần giấy báo và bao nhựa, chai nước mắm «bất hợp pháp» này được dấu kín vào trong một góc của tủ đựng quần áo đợi chờ một cơ hội tốt.

Rồi thời cơ cũng đến cho những ai có chí đợi chờ! Ông bà bảo trợ có dịp đi xa để thăm con cháu vài hôm. Chị Liên và Dung lật đật nấu nồi cơm bằng gạo Mỹ hiệu «Uncle Ben» vì không có gạo trắng Việt Nam mình lúc đó, luộc hai trứng gà cùng rau bắp cải, và trịnh trọng khui chai nước mắm ra để làm nước chấm. Hai chị em ăn ngấu nghiến ngon lành. Hình như đây là bữa cơm ngon nhất từ trước đến giờ. Khi ăn gần xong hai chị em nhìn nhau, tự nhiên nước mắt chảy dài và hai chị em cùng bật khóc.

Rồi mùa đông đầu tiên trên nước Mỹ đã đến. Dung và chị Liên thì sợ nhất là mùa Đông mặc dù là cảnh rất đẹp. Lần đầu tiên thấy tuyết, chị Liên đã kéo Dung lại để xem. Tuyết rất đẹp nhưng thời tiết thì lạnh thấu xương, Dung đã mặc hai ba lớp, lại khoác cái áo bành tô

bên ngoài dày cộm như khúc giò bó chặt mà vẫn lạnh. Có hôm lạnh đến nỗi thở ra khói, rồi khói này đông lại thành đá đóng chung quanh mũi và miệng như những bộ râu màu trắng trông rất dị hợm và ngộ nghĩnh. Thỉnh thoảng có hôm trời quá lạnh, nước từ tuyết tan ra hôm trước lại đông thành đá. Dung hay đi bộ đến trường. Đường hôm ấy trơn trợt, Dung té lên té xuống nhiều lần làm cả người ê ẩm.

Mấy tháng đầu rồi cũng trôi qua nhanh. Năm 1976 đã bắt đầu. Tin tức bên nhà vẫn biệt tăm vì bang giao giữa nước Mỹ và Việt Nam đã bị cắt đứt. Dung đã gửi nhiều thư về nhà qua các ngả Thụy Sĩ, Gia Nã Đại, và Úc Đại Lợi nhưng vẫn không thư trả lời. Chị Liên thì vẫn nhận được tin gia đình đều từ thơ của một người chú ở bên Pháp.

Một hôm đi lễ xong ra khỏi nhà thờ thì có một cô bạn người Mỹ làm chung sở chạy đến nói chúc mừng năm mới cho Dung và chị Liên. Chị Liên và Dung đều sững sờ. Thành phố Mỹ, lịch Mỹ đâu có ghi ngày âm lịch. Trời ơi, Tết đã đến rồi sao ? Cô bạn này lại nói là hình như có một hội chợ Tết ở trung tâm YMCA ở dưới phố và tình nguyện chở chị Liên và Dung đi tham dự. Khi đến nơi thì hội chợ đã gần tan, lưa thưa vài ba người tóc đen gốc Việt Nam lủi thủi đi ra cửa. Chị Liên hỏi thăm

họ thì ra những người này đều là người Việt mới qua, cũng đi tìm một chút hương vị ngày Tết cùng tình đồng hương như Dung và chị Liên vậy. Bên trong hội trường giờ đã trống trơn, vài ba chiếc bàn nhựa trắng nằm lưa thưa bên những chiếc ghế trống. Mình đã đến muộn lắm rồi. Dung thầm nhủ.

Đang khi đứng ngơ ngẩn ở bên cửa ra vào thì có một bà cụ người Bắc cùng với cô cháu gái đi ngang qua chỗ Dung và chị Liên đứng. Cụ dừng lại.

- Hai cô đừng buồn nữa. Hội chợ đầu tiên ở đây không có tổ chức lâu, mà cũng chẳng có gì nhiều. Chúng tôi gặp nhau vài ba phút rồi lại về vì mình cái gì cũng thiếu cả.

- Dạ con xin cảm ơn bác. Chúng con nhớ Tết quê nhà mà không biết ngày tháng nên mới đến nơi mà thôi. Chị Liên trả lời với giọng rơm rớm nước mắt.

- Thôi tôi còn cái bánh chưng mà tôi mới tập nấu tối qua, xin biếu hai cô dùng thử cho có một chút mùi vị ngày Tết hai cô nhé.

Cụ giở một túi xách ra và đưa chị Liên một cái bánh chưng gói bằng giấy bạc hình chữ nhật khá lớn.

- Bên này không có khuôn lại không có lá chuối nên tôi gói đại, hai cô ăn đừng chê nhé. Nhưng bánh chưng này lại có màu xanh đặc biệt. Đố hai cô tôi làm bằng gì?

Bà cụ nói xong rồi cười có vẻ thích thú lắm và cùng cô cháu ra về. Chị Liên và Dung không biết nói gì chỉ lí nhí mấy tiếng cảm ơn còn bị nghẹn lại ở nơi cổ.

Trên đường ra cửa, chị Liên và Dung đều trầm ngâm, mỗi người một ý tưởng. Chưa bao giờ Dung thấy buồn và cô đơn như ngày hôm ấy. Đúng là một cái Tết tha hương ! Dung liếc qua chị Liên thì thấy chị ấy cũng sụt sùi nước mắt. Hai chị em đang đi lủi thủi thì bỗng nghe có tiếng ai gọi đằng sau lưng :

- Chị Dung, chị Dung ! Phải chị Dung đó không ?

Dung quay lại ngập ngừng ngó hai người thanh niên, một người trong quân phục phi công và một người khác trong quần áo thường phục. Hai người cùng có vẻ buồn bã, lẻ loi.

- Chị Dung chị không nhận ra em sao ? Em là Hùng đây, em của chị Hạnh bạn chị đó. Còn đây là anh Hải anh của em. Ảnh là phi công lái F5, còn em cũng Không quân nhưng về cơ khí. Tụi em gặp lại trong trại tị nạn ở Guam và mới về DC tháng trước đó chị. Thì ra đây

là anh em của người bạn thân tên Hạnh của Dung khi còn trung học. Nhớ hồi đó hay đến nhà bạn Hạnh chơi, Dung hay gặp Hùng. Hùng rất ngoan và chịu khó. Có những mùa hè, đến thăm Hạnh trên căn gác, Hạnh đã nhờ Hùng đi mua cốc ổi về cho Dung và Hạnh nhâm nhi. Còn anh Hải thì họa hoằn lắm Dung mới gặp. Hồi ấy anh Hải rất oai, cao ráo và hay cười mím chi. Mỗi lần thấy anh Hải là Dung lật đật trốn đi nơi khác, rất sợ và mắc cỡ.

Dung mừng quá, mau mau xoay qua giới thiệu chị Liên cho anh em Hải và Hùng. Anh Hải ban đầu cũng ngập ngừng nhưng có thể nhờ bản tánh hoạt bát «phi công» sẵn của mình, anh đã bắt chuyện một cách dễ dàng và tự nhiên. Còn chị Liên thì ban đầu cũng không nói gì nhưng nhờ anh Hải pha trò dí dỏm nên chị cũng trở nên dạn dĩ và nói chuyện vui vẻ hơn. Cả nhóm rủ nhau vào lại hội trường để nói chuyện tiếp. Cả bọn bốn người ngồi lại bên chiếc bàn trắng và trên những ghế nhựa nhưng sao bây giờ lại thấy ấm cúng vô cùng. Sẵn có chiếc bánh chưng mà bà cụ tốt bụng đã tặng ban nãy, cả đám mở ra, mỗi người chia nhau một miếng bánh. Đúng như lời bà cụ nói, dù không được gói bằng lá chuối nhưng cái bánh chưng này vẫn có một màu xanh ngọc rất đẹp, hương vị lại ngọt ngào thơm phức. Cả đám bốn đứa quây quần vừa kể chuyện ngày xưa ngày

nay, nhâm nhi miếng bánh chưng vào ngày đầu Xuân của một năm mới. Không khí giống Tết vô cùng. Tự nhiên Dung thấy lòng mình thật bình an và hạnh phúc.

Dung ngó một cách kín đáo qua chị Liên. Nét mặt buồn phiền nghiêm nghị của chị ngày thường đã mất dần. Thay vào đó là một nét mặt vui vẻ và tươi trẻ. Chị Liên cũng đẹp lắm đó. Một vẻ đẹp mà ngay chính lúc ấy Dung mới nhận ra. Hay thật là mùa Xuân đã về trong lòng của chị và của những người tha hương ?

Bẵng đi một thời gian, chị Liên nhận việc làm mới ở Gia Nã Đại, nơi mà chị có thể sử dụng cả ba ngôn ngữ Anh Việt Pháp của mình, còn Dung thì theo đuổi việc học ở Ohio. Hai năm sau Dung nhận được thiệp hồng của chị Liên và anh Hải.

Mới đó mà đã bốn mươi năm. Xuân và Tết lại về một lần nữa với mọi người trên quê hương thứ hai này. Bây giờ dù ăn Tết và đón Xuân không thiếu một thứ gì nhưng sao Dung vẫn không bao giờ quên được buổi hội chợ Tết đầu tiên đơn sơ cùng miếng bánh chưng ngọt ngào. Đúng là chị Liên và Dung đã có một mùa Xuân trên đất mới vào dịp Tết đầu tiên trên nước Mỹ bốn mươi năm về trước.

Viết cho chị L.

Võ Quách thị Tường Vi

Nhà Ông Đệ Nhất Tổng Thống Mỹ

Anne Khánh Vân

Tác giả đã nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ. Cô hiện là một Giám Đốc trong ban điều hành Mount Vernon, di sản của vị Đệ nhất Tổng Thống Hoa Kỳ George Washington, tại Alexandria, Virginia. Với 600 nhân viên, Mount Vernon, mỗi năm đón hàng triệu du khách.

Thành phố tôi sống có con sông Potomac uốn theo, có bến tàu, có khu phố cổ Old Town Alexandria, một trong những thành phố cổ nhất của nước Mỹ... Mỗi năm có hàng triệu du khách lui tới viếng thăm, bất kể trời ở phố cổ nắng ráo hay mưa tuyết.

Khi tôi mua nhà và dọn từ phía Tây Bắc sang phía Đông Nam của Alexandria, điều đầu tiên tôi «khoe» với gia đình là, «Con về làm hàng xóm của ngài Đệ Nhất Tổng Thống của Mỹ rồi.» Tôi chỉ nói đùa cho vui vì trên đường về nhà có những bảng hướng dẫn đến nhà của vị Tổng Thống đầu tiên của nước Mỹ - George Washington’s Mount Vernon. Ba má Hai Lúa của tôi khi đó chưa sang Mỹ. Họ đã lấy làm thích thú và mong sớm có dịp đến tận nơi tham quan... Vậy rồi, ngày tháng cứ trôi, tôi ở Alexandria đã gần 15 năm, cách nhà của

ngài Tổng Thống George Washington chỉ 5, 7 phút lái xe, mà vẫn chưa một lần bước vào. Ở Mỹ lâu chưa hẳn đã biết cần đủ lịch sử của nước Mỹ, nhất là chuyện về người cha của đất nước này.

Duyên Mệnh Đẩy Đưa...

Và hè vừa rồi, một vài công ty trong cùng thương vụ đã rủ tôi sang làm việc. Sau khi thận trọng so sánh mọi thứ, tôi chọn nơi tốt nhất và ký thư nhận lời. Công ty mới này sẽ hơi xa hơn nơi tôi hiện làm việc, nhưng sẽ có nhiều cơ hội phát triển hơn. Ăn tiệc từ giả với mọi người trong công ty cũ xong, chỉ còn một tuần nữa là bắt đầu công việc mới thì... được bên nhà của ngài Đệ Nhất Tổng Thống tiếp xúc. Tôi thật lòng cho họ biết rằng tôi vừa nhận lời làm việc với một công ty mới. Họ vẫn yêu cầu tôi đến gặp mặt để chuyện trò thêm. Tôi muốn khám phá cơ hội có vẻ hiếm có này và nhận lời đến gặp người tổng quản tài chính (Controller) và tổng giám đốc tài chính (CFO) .

Đi... «phỏng vấn» chỗ này có hơi «khác» . Đây là lần đầu tiên trong đời tôi vào nhà của ông Đệ Nhất Tổng Thống Mỹ. Trước khi cuộc «phỏng vấn» bắt đầu, tôi được đưa đi vòng quanh tư dinh của ngài Tổng Thống. Tôi đi từ vườn hoa trên (upper garden) , qua vườn hoa dưới (lower garden) , rồi xuống vườn rau cây trái (fruit

garden and nursery) . Đi ngang qua những khu nông trại với thảm có rộng thênh thang với các chú cừu, ngựa, bò, heo đang nằm phơi nắng. Trời tháng 8, vòng vòng ngoài trời gần một tiếng đồng hồ, tôi bắt đầu đổ mồ hôi mẹ mồ hôi con thì được đưa vào bên trong.

Ford Orientation Center là nơi đầu tiên du khách bước vào, sau quầy lấy vé. Vào trong khoảng hai mươi bước thì sẽ thấy tượng gia đình ngài George Washington. Tôi ngừng lại 30 mươi giây, xin được bắt tay tượng ngài rồi đi tiếp.

Donald W. Reynolds Museum and Education Center là nơi trưng bày khá nhiều chứng vật về cuộc đời của ngài Tổng Thống, tiếp theo là lịch sử của nơi đây - tư dinh Mount Vernon của ngài, và sự phát triển của Mount Vernon Ladies' Association trong công cuộc bảo toàn, phục hồi và quản lý sản nghiệp của Đệ Nhất Tổng Thống của nước Mỹ trong 160 năm qua.

Trong suốt thời gian «phỏng vấn» , khác với thông lệ, tôi nghe và quan sát nhiều hơn là nói. Mỗi bước tôi đi qua, mỗi hình ảnh tôi nhìn thấy, được theo kèm bởi những lời kể với nhiều chi tiết và với cả một tấm lòng. Tôi cảm giác mình như một vị khách quý được trân trọng mời đến tư dinh ngài Tổng Thống hơn là một người đi phỏng vấn cho một công việc. Đó là khẩu hiệu

của Mount Vernon, «Mỗi vị khách đến thăm nơi đây sẽ được trân trọng và thân thiện đón tiếp như một vị khách quý của Tổng Thống George Washington và phu nhân Martha Washington.»

Hơn sáu trăm nhân viên, bốn trăm thiện nguyện viên và đón nhận hơn triệu quan khách hàng năm, tinh thần và thái độ làm việc của từng nhân viên, cho từng sự kiện từ nhỏ đến lớn, luôn thể hiện truyền thống của Mount Vernon hơn 250 năm trước.

Sau hơn một tiếng dạo quanh, chúng tôi trở về tòa nhà nơi có văn phòng của bộ phận tài chính. Chúng tôi chuyện trò vào chi tiết của công việc, khả năng và phẩm cách của nhân vật bộ phận tài chính đang cần và tuyển chọn. Họ cần nhiều đổi mới. Người tổng quản tài chính kết thúc cuộc trò chuyện của chúng tôi bằng những lý lẽ rất tích cực và thuyết phục, «Sẽ không có nơi làm việc nào khác giống nơi đây. Mỗi ngày đến làm việc, cô sẽ cảm thấy rất đặc biệt.» Anh ta nói đúng. Đệ Nhất Tổng Thống Mỹ thì chỉ có một. Mảnh đất nơi ngài nhận làm quê hương và cũng là nơi an nghỉ cuối cùng của ngài cũng chỉ có một. Sẽ không thể có nơi làm việc thứ hai nào khác giống được nơi đây. Tôi cảm ơn cho những đặc biệt mình đã được nhận và tiếp đón trong gần hai giờ đồng hồ vừa qua và xin cho một đêm để suy nghĩ...

Tôi ra về trong lòng vô cùng vui thú. Tôi không thật sự đi phỏng vấn cho việc vì tôi không biết họ đang tuyển nhân viên để nộp đơn xin; tôi đến gặp các vị này với mục đích gặp gỡ ngoại giao là chính vì tôi đã nhận việc với nơi khác, nhưng tôi đã được họ «chấm» và khéo léo mời làm việc. Một cái lời ngoài sự chờ đợi khác nữa là nếu làm việc ở đây, tôi sẽ chỉ lái xe năm ba phút là về ngay đến nhà. Không phải vật lộn với giao thông đông nghịt ngoài kia, 25, 30 dặm mỗi chiều. Quang cảnh trên đường lại thật đẹp, tôi chỉ tà tà mà đi. Nhận và được nhận đến đây làm việc sẽ có được một số điều đặc biệt, tuy nhiên sẽ phải chấp nhận mất đi hoặc có ít lại một số phúc lợi mà những tổ chức làm việc phi lợi nhuận (Not-for- profits organizations) không có tài lực để đáp ứng. Trong 15 năm qua, tôi chỉ làm việc cho các công ty tư nhân - hợp đồng với chính phủ Hoa Kỳ, quân đội Hoa Kỳ, cơ quan viện trợ quốc tế Hoa Kỳ... v v. Tôi chưa hề nghĩ tới việc chuyển sang làm việc với các tổ chức phi lợi nhuận, hay với các cơ quan của chính phủ.

Công ty tôi mới nhận lời sang làm việc cũng là một công ty tư nhân. Họ chấp nhận tiếp tục cho tôi 7 tuần nghỉ hàng năm dù tôi chưa có thâm niên với chỗ của họ. Họ cũng hứa sẽ chia với tôi từ 15 đến 22% tiền thưởng mỗi năm. Sở dĩ tôi chọn và nhận lời sang làm việc với công ty này vì họ có thỏa thuận rộng rãi nhất. Bây giờ,

nếu chọn gia nhập gia đình ngài George Washington, tôi phải tìm lời giải thích và xin rút lại chữ ký nhận lời. Khó nghĩ và khó làm quá vì người ta lại vừa hỏi tôi muốn máy laptop và smartphone hiệu gì; họ cũng vừa cho tôi xem mẫu danh thiếp vừa mới in cho tôi...

Tôi bắt chước mấy người bên nhà Mount Vernon - khi bị kẹt thì mở sách lịch sử... tìm hiểu tham khảo xem ngài George Washington thường cư xử và đối phó thế nào trong những hoàn cảnh khó khăn.

Trận chiến giành độc lập

Giữa năm 1774, ngài George Washington được quốc hội chuẩn y và giao trọng trách chỉ huy trưởng toàn quân đội Mỹ, gồm trừ bị, kỵ binh, pháo binh toàn quốc từ Bắc chí Nam, từ Main xuống tận South Georgia. Cuối năm ngài cho quân về quê ăn Tết. Đầu năm 1775, vì không có tiền trả lương cho lính cả mấy năm trời nên ăn Tết xong lính ở nhà luôn, không ai trở lại đơn vị - ngài George Washington từ Đại tướng tư lệnh quân đội Mỹ đột nhiên trở thành Đại tướng... «Không» quân.

Đã rất nhiều lần lính bỏ ngũ, tướng quân bỏ nhiệm sở, có tướng (Arnold Benedict) trở thành phản tướng, nhưng có Thomas Paine ở cạnh là một Nguyễn Trãi của Bình Ngô Đại Cáo, ông đã dùng những lời thống thiết

nhất để các tướng lãnh phải đọc trước hàng quân trong đêm lạnh Giáng Sinh 1776 và tạo nên tác phẩm tuyệt vời, «Lúc Nguy Khốn» (The Crisis) . Tác phẩm này đã chấn chỉnh được đoàn quân thuộc địa (Colonial US Army) và đem tới chiến thắng Trenton mở màn cho những thành công quân sự tiếp theo mà trận chiến cuối cùng là Yorktown Battlefield 1781.

Ngày 20 tháng 9, năm 1781, sau khi diện kiến tướng quân Rochambeau và gặp lại người bạn vong niên thân thiết nhất, Marquis De Lafayette, tại Fredericksburg, Virginia, biết rằng giờ quyết định cho trận cuối cùng với quân đội hùng mạnh của Lord Cornwallis đã đến, Tướng Washington ban hành Quân Lệnh tổng tấn công (General Orders) .

Ngày 19 tháng 10, 1781, sau những cuộc liên tiếp tấn công từ biển vào, và từ miền bắc Virginia xuống dọc Hwy 17, đại quân của đế quốc Anh bị dồn chặt trong vùng sông nước Yorktown; gần một tháng đối diện với những trận chọc thủng tứ bề và kết hợp thông minh, rất đúng lúc của quân đội Pháp, cùng quân Thuộc Địa, dân quân địa phương và các hạm đội tàu chiến của Pháp dàn ngang cửa biển Chesapeake, tướng Cornwallis đã sức cùng lực tận, với 26, 000 quân. Anh Quốc đầu hàng và rút.

Hòa ước Paris (Treaty of Paris 1781) : Cuộc đàm phán hòa bình bắt đầu vào tháng 4 năm 1782, và tiếp tục trong suốt mùa hè. Đại diện cho Hoa Kỳ gồm Benjamin Franklin, John Jay, Henry Laurens, và John Adams. Bên phía nước Anh có David Hartley và Richard Oswald. Hòa ước được ký kết tại Paris trong khách sạn d'York (địa chỉ hiện nay tại 56 Rue Jacob) vào ngày 3 tháng 9 năm 1783, chữ ký của Adams, Franklin, Jay, và Hartley.

Tran Chien Danh Doc Lap 01 Đồ họa khu nông trang của Vernon và hình ảnh ngày mùa tốt đẹp.

Nước Mỹ đã giành được độc lập. Washington chính thức chia tay quân đội của mình và ngày 23 tháng 12 năm 1783, ông từ chức Tổng Tư Lệnh quân đội và trở về nhà, Mount Vernon, chăm nom trang trại và sản nghiệp của gia đình bị bỏ lơ sau nhiều năm tháng. Cuộc chiến tranh giành độc lập đã đem lại nhiều tốn kém to lớn cho gia đình Washington với cả một cơ ngơi bị lãng quên. Bốn năm trôi qua, George Washington đã cố gắng để thực hiện niềm ước mơ nối lại cuộc sống như một p nhà trồng tỉa, chăn nuôi, một nhà nấu rượu.

Năm ngoái, khi làm thiện nguyện khai thuế cho cư dân của Fairfax county, thuộc chương trình VITA của sở thuế IRS, tôi có làm thuế cho một cô gái trẻ vùng Alexandria. Khi xem qua giấy tờ, tôi thấy cô làm việc

ở Mount Vernon Ladies' Association (MVLA) . Tại sao lại Ladies' Association ? Một tổ chức của các Bà ở Mount Vernon ? Thú thật là tôi không mấy giỏi lịch sử.

Lúc ấy tôi không biết Mount Vernon Ladies' Association có liên hệ đến tư dinh ngài Tổng Thống George Washington nên hỏi thăm cô bé chỗ đó là chỗ nào, có những loại công việc gì... Cô bé kể tôi nghe rằng cô làm việc trong quầy hàng lưu niệm của Mount Vernon «Nhà của Tổng Thống George Washington đó chị. Vào ngày lễ Presidents' Day, mọi người được vào tham quan miễn phí không cần mua vé. Ngày đó chị mà được nghỉ làm thì hãy đến chơi. Chị sẽ gặp em ở mấy gian hàng bán đồ lưu niệm. Quà lưu niệm ở đó sẽ không tìm thấy ở nơi đâu khác. Nhà hàng ở đó cũng rất ngon.» Ồ, thì ra chính là chỗ mà tôi đã nhiều lần muốn vào tham quan !

Chẳng lẽ, cuộc gặp gỡ và chuyện trò của tôi với cô bé hôm ấy là điềm báo trước tôi sẽ vào trong ấy... làm việc ?

Tiền đôi lúc cũng quan trọng. Bớt đi 20% tiền thưởng, 2 tuần nghỉ và một vài thứ khác mỗi năm cộng lại không phải ít. Với số tiền đó, tôi có thể trả cho một chương trình học cao học. Không biết tôi có đã nghe ra lời hiệu triệu của nhân sĩ Thomas Paine của tướng George

Washington từ xa thẳm nơi đâu hay không nhưng tôi đã được thuyết phục.

Tôi tin mỗi sự việc diễn ra có lý do thâm sâu và thiêng liêng của nó.

Gia Nhập Hàng Ngũ...

Tôi «gia nhập đội quân của Đại tướng George Washington» (có lương) vào đúng lúc bận rộn nhất của năm. Người ta thường nghĩ làm việc ở cơ quan chính phủ hoặc những tổ chức phi lợi nhuận sẽ nhàn hơn làm việc ở những công ty tư nhân. Nhưng qua những gì tôi nhìn thấy ngay tuần lễ đầu tiên đến George Washington Mount Vernon (GWMV) thì không hoàn toàn như vậy.

Tôi bắt đầu ngày làm việc của mình lúc 8 : 30 sáng và không rời văn phòng trước 7 giờ tối, có khi 8 giờ, và có nhiều hôm mãi đến 9 giờ. Khi tôi về, người tổng quản tài chính (Controller) và tổng giám đốc tài chính (CFO) có khi vẫn còn ở lại làm việc. Tôi vừa học việc mới, vừa phụ với hai vị chủ trì của bộ phận tài chính này soạn phần ngân sách của năm mới cho gần 20 bộ phận.

Vào tháng 10 hàng năm, sẽ diễn ra cuộc họp hội đồng quản trị quan trọng nhất của năm. Tất cả các mệnh-phụ (Lady Regent của Mount Vernon Ladies' Association)

từ các tiểu bang sẽ tụ về Mount Vernon. Các Mệnh- phụ sẽ xem xét thật kỹ ngân sách đề ra của từng bộ phận. Đó là những con số, những biểu đồ, những giải thích mà bộ phận tài chính chúng tôi đã cùng với những bộ phận trong MVLA chuẩn bị từ hai ba tháng trước.

Đối với Tổng Thống George Washington, một tướng giỏi chưa hẳn phải là bách chiến bách thắng mà là biết dè xẻn được sức lực và tài lực của dân và quân; phải bảo toàn lực lượng để đạt đến chiến thắng trận cuối cùng, hoàn thành mục tiêu. Theo tinh thần đó, các Mệnh- phụ rất nghiêm ngặt trong việc xét duyệt ngân sách cho từng bộ phận dù các Mệnh- phụ này có thể dễ dàng ký một ngân phiếu một vài triệu tiền cá nhân góp vào vốn liếng cho MVLA nếu cần. Khi xem xét ngân sách để duyệt, họ sẽ đặt nhiều câu hỏi. Quản thủ của từng bộ phận sẽ có cơ hội «được» giải thích cho những đòi hỏi hay đề nghị của họ, những sáng kiến mới cần ngân sách. Họ sẽ phải thuyết phục các Mệnh- phụ là họ sẽ làm việc tốt ra sao, có kết quả thực tế thế nào cho số ngân sách được cung cấp đó.

Tôi được... chuẩn bị tinh thần về chi tiết và diễn tiến của những cuộc họp này từ mấy tháng trước. Càng gần ngày bắt đầu cuộc họp hội đồng quản trị thì sự căng thẳng càng tăng. Họ ở lại làm việc tới 9, 10 giờ tối. Họ

bắt đầu mọi cuộc đối thoại bằng, «Các Mệnh- phụ sắp đến rồi... ««Phải làm mọi thứ thật hay để giới thiệu... ««Phải chắc chắn là các Mệnh- phụ sẽ hài lòng... «Tôi càng thêm tò mò không biết các Mệnh- phụ này là những ai, người trông ra sao, tính cách thế nào mà sao mọi nhân viên của họ đều có vẻ rất kính trọng và... «xếp re» ? Tôi cũng muốn biết vì sao tư dinh của tổng thống George Washington sau này lại trở thành của các Mệnh-phụ mà không thuộc quyền quản lý và chăm sóc của bên Nhà Trắng.

Vị Tổng thống đầu tiên

TT Washington Từ khi độc lập, dù ngài Washington mong ước có một cuộc sống bình yên tại Mount Vernon, các vấn đề của quốc gia tiếp tục đòi hỏi sự quan tâm của ông. Năm 1787, Washington lại một lần nữa được kêu gọi phục vụ đất nước. Theo dõi thời cuộc, Washington nhận thức được thực trạng của vấn đề : Các tiểu bang mới hình thành đã không thống nhất; họ đấu tranh giành quyền lợi ranh giới, quyền đi lại và từ chối góp phần trả nợ chiến tranh theo các khoản của Điều lệ Liên Bang (Articles of Confederation) . Ông từ từ hiểu ra phải làm những gì để giải quyết những vấn đề vô cùng phức tạp của quốc gia mới được độc lập, chiến phí còn nợ ngập đầu, quân binh 7 năm chưa trả đồng lương.

Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1789, George Washington nhận được toàn bộ phiếu tín nhiệm từ các cử tri đoàn - là tổng thống duy nhất trong lịch sử nước Mỹ được bầu tín nhiệm tuyệt đối. Ông tuyên thệ nhậm chức tại Federal Hall (số 26 Wall Street) ở New York, thủ đô của Hoa Kỳ vào thời điểm đó. George Washington đã chứng tỏ một nhà quản trị tài ba. Ông đã tự giấu mình đằng sau những tài năng lỗi lạc nhất nước, bổ nhiệm Alexander Hamilton là tổng trưởng Tài chính và Thomas Jefferson tổng trưởng Ngoại giao. Ông ủy quyền một cách khôn ngoan và tư vấn thường xuyên với nội các; ông nghe theo lời khuyến nghị của họ trước khi đưa ra quyết định.

Washington thành lập một cơ cấu chính quyền hành pháp rộng rãi, luôn luôn đặt quyền lợi quốc gia trên hết, thực hiện quyền lực với kiềm chế tối đa và trung thực gần như tuyệt đối. Khi làm như vậy, ông đã thiết lập một tiêu chuẩn đặc biệt, hiếm hoi và khó khăn cho tất cả các tổng thống kế nhiệm về sau của ông, và từ đó thành lập một lý tưởng tuyệt vời mà tất cả các nơi trên thế giới đều kiêng nể.

Là chủ lò nấu và chưng cất rượu Mount Vernon, ngon nhất và to nhất nước, nhưng năm 1791, Washington đã ký một dự luật cho phép Quốc hội để đặt thuế lên các lò

chưng cất rượu, và vì vậy đã khuấy động các cuộc biểu tình ở khu vực nông thôn của Pennsylvania và nhiều nơi khác - họ từ chối đóng thuế rượu. Nhanh chóng và đồng loạt, các cuộc biểu tình biến thành một thách thức toàn diện cho chính quyền liên bang với tên gọi là Whiskey Rebellion. Washington kêu gọi và thành lập Đạo Luật Dân quân tự vệ năm 1792, triệu tập lực lượng dân quân địa phương từ nhiều tiểu bang để đưa dẹp các cuộc nổi loạn. Washington đã đích thân chỉ huy hành quân vào các khu vực nổi loạn và chứng minh rằng chính phủ liên bang sẽ sử dụng vũ lực khi cần để thực thi pháp luật.

George Washington phục vụ hai nhiệm kỳ tổng thống (1789- 1797). Ngài là Tổng thống duy nhất không ở Nhà Trắng, vì nó chỉ được hoàn tất việc xây cất sau khi ông chết. Trong hai nhiệm kỳ tổng thống của mình, thủ đô của Mỹ được đặt đầu tiên ở New York và sau đó dời về Philadelphia. Tuy nhiên, George Washington đã đóng một vai trò lớn trong sự phát triển của Liên bang thành phố mới được đặt theo tên ông, Washington D.C. và trong việc giám sát các thiết kế của cả hai tòa nhà Quốc Hội và Nhà Trắng.

Năm 1797, Washingtons nói lời tạm biệt với đời sống công cộng và trở về Mount Vernon yêu quý của mình, để sống với bà con, bạn bè, và những dòng quan khách

liên tục háo hức viếng thăm để tỏ lòng kính trọng đối với cặp vợ chồng nổi tiếng. Nhưng thời gian sống ở Mount Vernon của ông không lâu.

Ngày Thứ Năm 12 Tháng 12, 1799, George Washington bị trúng lạnh sau khi cưỡi ngựa giám sát các hoạt động nông nghiệp từ cuối buổi sáng cho đến ba giờ chiều khi thời tiết chuyển từ tuyết sang mưa đá. Khi trở về nhà, vì muốn đúng hẹn giờ cơm tối, không để mọi người phải đợi, Washington vẫn mặc quần áo ướt ăn tối. Washington bị viêm họng, sốt liên tục và qua đời ngay tại phòng ngủ của ngài ở Mount Vernon vào ngày 14 tháng 12, 1799.

Khu mo don so Khu mộ đơn sơ của vị Đệ Nhất Tổng Thống Mỹ.

Sau khi George Washington qua đời, phu nhân Martha đã đốt hết thư tình của họ để đảm bảo sự riêng tư của hai người. Bà chết vì sốt nặng vào ngày 22 tháng 5, 1802. Cả hai vị được chôn ở Mount Vernon, nơi mà chính ngài Đệ Nhất Tổng Thống đã lên kế hoạch cho ngôi mộ khiêm tốn của họ.

Vào thời điểm George Washington qua đời, ngài đã mở rộng đất trồng từ 2, 000 đến 8, 000 mẫu Anh tại Mount Vernon, bao gồm năm trang trại, với hơn 3. 000

mẫu đất canh tác. Ngoài ra Washington còn sở hữu hơn 50, 000 mẫu tại các vùng West Virginia, Maryland, Pennsylvania, New York, Kentucky, và các vùng Ohio. George Washington đã trở thành một trong những chủ đất lớn nhất tại Hoa Kỳ thời đó.

Năm 1850, John Augustine Washington III, em của George Washington, bắt đầu sở hữu Mount Vernon. Không có khả năng chăm nom sản nghiệp to lớn này, vào năm 1851 ông muốn bán sản nghiệp ấy và ông nghĩ phải là Commonwealth of Virginia và Chính phủ liên bang sở hữu, nhưng cả hai tổ chức này đã khước từ. Cuối cùng ông đồng ý bán ngôi biệt thự (Mansion) cùng với 200 mẩu đất của Mount Vernon cho Hiệp Hội các Mệnh- phụ MVLA vào năm 1858.

Nếu những người đàn ông bỏ mặc...
CunninghamAnn Pamela Cunningham.

Người sáng lập hiệp hội MVLA là bà Ann Pamela Cunningham, sinh năm 1816 ở Laurens County, South Carolina. Ở tuổi niên thiếu, Cunningham bị té ngựa và tai nạn đó đã gây ra cơn đau mãn tính cho gần cả đời bà. Cunningham được điều trị bởi bác sĩ Hugh Hodge ở Philadelphia. Mẹ bà thường đi cùng bà đến Philadelphia và trở về bằng thuyền.

Một trong những chuyến đi vào năm 1853 đã thúc đẩy Ann Pamela Cunningham đảm nhiệm công việc của cuộc đời bà. Thuyền họ đi ngang qua khu Mount Vernon và mẹ bà chia sẻ với con gái, «Mẹ thật đau lòng nhìn thấy cảnh suy sụp và tan hoang của ngôi nhà của Washington và một suy nghĩ đã thoáng qua tâm trí của mẹ : Nếu những người đàn ông của đất nước này để cho ngôi nhà của vị anh hùng đáng kính nhất của đất nước bị suy sụp như thế thì tại sao các phụ nữ của đất nước của ông không cố gắng dành nó lại và sửa chữa ? Quả là một điều đáng hổ thẹn cho đất nước của chúng ta !»

Cunningham được mẹ truyền tâm nguyện, bà lập ra Hiệp Hội Mount Vernon Ladies' Association - một tổ chức chịu trách nhiệm bảo tồn và khôi phục Mount Vernon. Đây là tổ chức bảo quản di sản đầu tiên ở Hoa Kỳ, đồng thời cũng là hiệp hội phụ nữ đầu tiên tại nước Mỹ. Bà kêu gọi nhiều phụ nữ khác gia nhập, mỗi vị đại diện một tiểu bang. Cùng nhau, họ quyên tiền.

Năm 1858, Cunningham và những Vice Regent đã quyên đủ tiền để đặt cọc : $18. 000 Mỹ- kim. Theo hợp đồng, hiệp hội đã có bốn năm để trả hết số tiền còn lại : $182, 000 vào ngày 22 tháng 2, 1862. Sau khi thanh toán số tiền phải trả, Cunningham đã tiếp tục vùi mình vào việc lựa chọn thêm những Vice Regent, việc gây

quỹ, và xuất bản The Mount Vernon Records, một tờ báo kể lại những nỗ lực của Hiệp hội và in tên của mỗi người đóng góp tài chính. Có được 13 Mệnh- phụ, đại diện cho 13 tiểu bang, họ tổ chức buổi họp hội đồng quản trị đầu tiên.

Cunningham đứng đầu tổ chức từ khi thành lập vào năm 1853 cho đến khi bà bước xuống vào năm 1874. Vì sức khỏe ngày càng suy giảm nghiêm trọng, Cunningham tuyên bố từ chức và cổ vũ các Mệnh- phụ còn lại rằng, «Sản nghiệp của Washington nằm trong tay các bà. Đừng bao giờ để những kẻ bất kính nào thay đổi việc làm của chúng ta; không để bất cứ bàn tay nào phá hoại nó !» Cunningham trở về nhà của bà ở South Carolina và qua đời vào năm 1875.

Từ 1853, hiệp hội MVLA tự hào quỹ vận hành của họ không phải là tiền cấp của chính phủ Hoa Kỳ hay là tiền thuế của dân... mà là tiền họ tự quyên được từ người dân đóng góp. Để một guồng máy «già» 160 năm này luôn hoạt động tốt, hoàn toàn riêng biệt và tự túc, dĩ nhiên không đòi hỏi chỉ sự đóng góp mà còn cần sự làm việc nhiệt tình và lòng yêu quý kính trọng ngài Đệ Nhất Tổng Thống ở từng cá nhân, tiếp theo là sự khôn ngoan và tinh vi trong quản lý - biết trân trọng, gìn giữ và đầu tư cho những thứ cần và đáng làm.

2013 Khánh thành Thư viện

Thu Vien Thư viện xây với ngân khoảng 106 triệu, đáp ứng ý muốn của vị Đệ Nhất Tổng Thống.

Tổng Thống George Washington rất giỏi toán nhưng không phải là người có nhiều bằng cấp. Cha mất khi ngài chỉ mười một tuổi. Là con cả trong gia đình có sáu anh chị em, ngài phải quán xuyến chuyện gia đình, chuyện nông trang và làm việc giúp đỡ mẹ. Ngài không được đi học cao cũng như việc đi Anh du học như những trẻ thượng lưu trang lứa. Ngài học qua công việc làm và thành quả hàng ngày. Ngài thích đọc sách và nghiên cứu. Năm 1787, trong thư viết cho bạn James McHenry, ngài có tỏ bày mong muốn xây một thư viện để chứa tất cả các sách và giấy tờ tài liệu của ngài. Theo thư viết thì số sách của ngài rất nhiều và sẽ rất quan trọng cho thế hệ sau này. Ra đi đột ngột, ước mơ xây thư viện đó chưa kịp thực hiện. Nhưng hơn hai trăm năm sau, ước mơ của ngài đã trở thành hiện thực.

Trong năm 2010, MVLA tuyên bố thành lập Thư viện Quốc gia Fred W. Smith cho các nghiên cứu về George Washington để tiếp tục nhiệm vụ của tổ chức MVLA trong việc nâng cao sự nhận thức và hiểu biết về George Washington. Khi dự án xây dựng thư viện này được công bố, Donald W. Reynolds Foundation

ngay tức thì ủng hộ bằng một món quà đặc biệt : $38. 000. 000 - số tiền hiến tặng lớn nhất trong lịch sử của MVLA từ 1853 đến nay. Chiến dịch vận động cho Thư viện thiết lập một mục tiêu đầy tham vọng : quyên $100 triệu USD để xây dựng thư viện. Chiến dịch vượt quá mục tiêu của mình khi quyên được những $106. 400. 000 vào tháng 6 năm 2013, tất cả được cung cấp bởi các nhà tài trợ tư nhân.

Công trình xây dựng thư viện được khởi công vào tháng 4 năm 2011. Vào ngày 27 tháng 9, 2013, gần 1, 200 những người ủng hộ, những học giả, những tước vị xã hội, những đại diện của chính phủ, và của địa phương đã cùng nhau hội tụ trước thư viện vừa mới hoàn tất và mở cửa cho lễ khai mạc, bắt đầu một kỷ nguyên mới cho sự nghiên cứu, cho những học bổng, cho những tiếp tay với nền giáo dục bên ngoài của Mount Vernon.

Như Mệnh- phụ Ann Bookout giải thích khi bà nói với các quan khách trong ngày khai mạc thư viện, «Thư viện này cho phép chúng tôi tiếp xúc với cả nước và trên toàn thế giới để giáo dục hàng triệu người về người đàn ông không thể thay thế này. Mẫu mực của ông quan trọng hơn trong thế giới ngày nay hơn bao giờ hết, và thư viện này sẽ giúp giữ di sản của ông sống mãi. «

Tài sản của MVLA hiện nay lên trên $300 triệÂu Mỹ-kim. Trong năm 2013, MVLA nhận hơn $15 triệÂu Mỹ-kim tiền hiến tặng. Thu nhập hàng năm của MVLA xê dịch trên dưới $60 triệu. Trong số hơn một triệu quan khách viếng thăm hàng năm, từ trong lẫn ngoài nước, có gần 400 ngàn thanh thiếu niên và hơn 50 ngàn người đến với mục đích chính là nghiên cứu lịch sử. MVLA đón quan khách quanh năm, không đóng cửa bất cứ ngày nào. Trong vô số sự kiện và nghi lễ đặc biệt, tôi thích nhất nghi lễ phát huân chương Chiến thương bội tinh (Purple Heart award) , ghi công những người lính anh dũng. Buổi lễ rất trang nghiêm và xúc động. Lễ tuyên thệ vào quốc tịch Mỹ cũng được thỉnh thoảng diễn ra cho những người xin được tuyên thệ trên mảnh đất của người Cha của đất nước, để tăng phần ý nghĩa cho việc nhận quốc tịch Mỹ của họ.

Ruou quy cua Vernon Rượu quý của Vernon.

Có nhiều hôm từ bàn làm việc tình cờ nhìn ra hành lang, tôi thấy vóc dáng một người đàn ông cao lớn, tóc trắng, đội mũ, ăn mặc thời 1700, 1800... đi ngang qua. Ai trông giống Đại tướng George Washington ? Vâng, có lẽ là ngài. Hôm khác tôi lại thấy phu nhân Martha cũng trong trang phục thời 1700, 1800 đi ngang qua... Ở đây, ở Mount Vernon, chúng tôi không gọi Đệ

Nhất Tổng Thống George Washington là Tổng Thống mà thân thiện gọi ngài là Đại tướng. Gọi là «Tổng Thống» thì đúng rồi nhưng nghe hơi xa cách và hình thức, trong khi ngài rất giản dị và thân thiện dù sau này đã lên làm tổng thống. Phu nhân Martha cũng rất dễ mến và hiếu khách. Nhìn thấy các diễn viên đóng vai General Washington, phu nhân Martha, cùng nhiều nhân vật sống ở nông trang Mount Vernon với ông bà, từ người chăn cừu đến người làm nông, người thổi sáo, ... thường xuyên xuất hiện trong trang phục thế kỷ 18 để chào đón và chuyện trò với quan khách, tôi có cảm giác Đại tướng Washington và phu nhân như vẫn còn sống. Họ như vẫn luôn hiện hữu ở Mount Vernon nơi đây, rất sống động và rất thực. Họ không vẫn hiện hữu sao được khi gần như mọi sinh hoạt ở nông trang vẫn hoạt động đều đặn. Rau quả ở các vườn vẫn xanh tươi. Lúa mì vẫn được thu hoạch. Mỗi năm MVLA đóng góp khoảng 5 ngàn pounds rau quả ngô khoai cho Ngân hàng thực phẩm dành cho những người đói kém. Rượu Whiskey bằng công thức và vật liệu của George Washing vẫn được sản xuất hàng năm khoảng trên 500 gallons. Và đóng thuế rượu cho chính phủ như George Washington đã làm gương năm 1791.

Nguyệt san National Geographic Traveler số ra tháng 6/7 2014 có ghi nhận Washington DC là một trong

những nơi đáng tham quan nhất trên thế giới. Và dĩ nhiên George Washington's Mount Vernon là nơi không thể thiếu khi tham quan Washington DC.

Con đường dọc bờ sông Potomac từ Langley về đến nhà ngài ở Mount Vernon, dài 25- dặm. Để tưởng nhớ Đệ Nhất Tổng Thống, con đường được mang chính tên của ngài : George Washington Memorial Parkway. Khi vào trung tâm thành phố Alexandria cũng có đài tưởng niệm George Washington Masonic Memorial để tưởng nhớ Washington là hội viên lâu đời của hiệp hội Masonic và là master của Stone Mason. Một trong những di sản đáng kể mà người tiền phong đạc điền George Washington đã để lại cho các thế hệ thanh thiếu niên Hoa Kỳ về sau là khu vực George Washington National Forest. Hơn 1, 000, 000 mẫu rừng, thão nguyên, sông hồ và đường sá mang tên con người của thiên nhiên và thách đố, con người của khai phá và tạo dựng một đất nước, nêu gương một thái độ sống kiêu hùng.

Gia nhập vào gia đình Mount Vernon, mỗi ngày tôi học hỏi nhiều cái mới và dường như việc học hỏi chẳng bao giờ ngừng. Khi những Mệnh- phụ của Mount Vernon đưa những bàn tay tạo dựng lại kho tàng của đất nước thời khai phá, họ đã làm nên một sự nghiệp mà Sir Walter Scott đã dựng thành thơ :

«Unless to mortals it were given
To dip his brush in the dyes of Heaven.»

tạm dịch :

«Trừ khi được đưa vào kho bất tử
Nhuộm màu thiên đường vào cọ vẽ của cổ nhân.»

Tôi may mắn được ngồi trong những cuộc họp hội đồng quản trị. Càng thấy rõ vì sao trong cả một đất nước to lớn và hùng cường như vậy mà chỉ tập trung khoảng 30 người phụ nữ nằm trong hội đồng quản trị của George Washington's Mount Vernon. Giàu không phải là có bao nhiêu mà là có thể cho bao nhiêu rất đúng với các Mệnh- phụ này. Họ gieo vào lòng mọi người, nhất là những người phụ nữ khác, tình quý mến và biết kính phục ngài Đệ Nhất Tổng Thống Mỹ nói riêng, và sản nghiệp của đất nước nói chung. Cảm ơn các Mệnh-phụ đã tô một vết son lên lịch sử của Mỹ nói riêng và nhận loại nói chung.

Một trong nhiều cái vui khi làm việc ở đây là thỉnh thoảng sẽ nhận được thư thông báo... «Một chú cừu của chúng tôi đi lạc. Quý vị nào thấy nó xin liên lạc với chúng tôi giúp nó trở về nhà... «Không có bản đồ, chính tôi còn đi lạc trong cái khuôn viên rộng 200 mẫu đó, huống hồ chú cừu của họ không mang GPS theo mình !

Người quản thủ về coi sóc vườn tược và thú vật đã làm việc ở đây 45 năm. Tôi chưa từng biết có ai làm việc cho chỉ một nơi trong vòng 45 năm. Tôi nói với ông ta, «Ông đã được ngài Đại Tướng George Washington của chúng ta chọn... «bởi vị Tổng thống đầu tiên của chúng ta rất yêu thích vườn tược thú vật... Ngài không để bất cứ ai coi sóc việc đó cho ngài...

Tết vừa rồi, ông Dean Norton chúc tết tôi, «Happy New Year và... chúc cô sẽ thích nơi đây và sẽ kéo dài cũng 45 năm như tôi.»

Trong nhóm nhân viên làm việc chung với tôi có một ông lão đã 83 tuổi. Ông làm việc ở đây 25 năm qua, sau khi được nghỉ hưu với chỗ làm việc trước. Hè vừa rồi, ông trải qua vài cuộc giải phẫu và mọi người tưởng kỳ này ông sẽ về hưu thật sự, nhưng sau bốn năm tuần nghỉ bệnh, ông đã trở lại làm việc. Đầu óc ông vẫn tinh tế. Ông làm việc có năng suất. Tôi cảm phục tinh thần thích làm việc của ông; tôi nhận ra ông yêu thích công việc làm mười thì ông yêu thương bạn đồng nghiệp, nơi chốn làm việc tới 100. Tôi nảy ra ý làm bằng khen «Nhân viên ưu tú của năm» trao cho ông nhân ngày họp nhân viên cuối năm. Ông rơm rớm nước mắt khi tôi nêu thành quả của ông và lý do vì sao tôi đã làm bằng khen cho ông trong hân hạnh. Ông làm tôi nhớ ông ngoại

quý yêu của mình : Không bao giờ ngưng làm việc, không bao giờ bỏ cuộc. Tôi cũng đã làm hai vị CFO và Controller ngạc nhiên. Tôi muốn phụ hai người nắm bắt những cơ hội quý hiếm để tỏ lòng quý trọng những tấm lòng và tinh thần làm việc như ông Don. Sau ông Dean Norton và trước ông Don Bardell là cô Susan. Cô làm việc ở Mount Vernon đã 38 năm. Cô hay kể những chuyện đặc biệt ở Mount Vernon cho tôi nghe.

Một người bạn du lịch từ Việt Nam sau khi viếng thăm nhà ngài Đệ Nhất Tổng Thống đã có nhận xét như sau : «Nơi ở của vị tổng thống đầu tiên của đất nước cờ hoa, tọa lạc trên một khuôn viên khá rộng, bạn phải mất khoảng 3 tiếng để dạo quanh, tham quan và chụp ảnh... Nhưng điều làm mình ấn tượng nhất là khu mộ của ông, chỉ có 2 ngôi mộ, 1 của ông và 1 của phu nhân, nằm khiêm tốn trên một khoảng đồi nho nhỏ. Đối diện phía trái là nghĩa trang của những người đã từng phục vụ ở đây, lúc ông còn sống. - Một đất nước hùng mạnh phải có một nhà lãnh đạo vĩ đại, nằm trong một ngôi mộ nhỏ... Một quốc gia được thành lập chưa tròn 300 năm. Thế thôi !»

Theo di chúc, ngài George Washington muốn được chôn cất tại nhà ở Mount Vernon. Ngài có nêu rõ quy định xây cất mộ phần bằng gạch mới sau khi ngài chết. Năm 1831 hài cốt của ngài cùng phu nhân Martha và những thành viên trong gia đình đã được chuyển sang mộ mới. Với nhiều cây cối, quang cảnh xung quanh phần mộ của ông bà trông rất yên lành, đúng nghĩa của nơi mọi người đến để tỏ lòng tôn kính người cha của đất nước.

Trong số khách đến viếng mộ của Washington có thể thấy tên nhiều danh nhân : Tướng Marquis de Lafayette tới từ Pháp; Tổng thống James Buchanan cùng với hoàng tử xứ Wales, Albert (sau này là vua Edward VII); vua Anh quốc George VI, và hoàng hậu; Tướng Pháp Charles de Gaulle... Danh sách viếng thăm hầu như bất tận. Ngay tuần lễ đầu khi nhận công việc, tôi đã tìm đến mộ của ngài Đệ Nhất Tổng Thống và phu nhân để cầu nguyện.

Những người có duyên với Mount Vernon, từ những người sáng lập ra hiệp hội đến những nhân viên, thiện nguyện viên, hay những quan khách, những mạnh thường quân... tất cả những đóng góp từ tinh thần đến vật chất trong tinh thần đóng góp cho một công đức vĩ đại, nghĩa cử đó sẽ được ghi dấu và mãi tồn tại. Hiểu như thế, tôi coi trọng những gì mình làm, nghiêm túc trong công việc, và cảm ơn cái duyên đưa đẩy tôi về nhà ngài George Washington. Cũng xin cảm ơn anh controller Will C và CFO Phil M cho cơ hội gia nhập nhóm tài chính của Mount Vernon.

Anne Khánh Vân

Điều Còn Lại Sau 40 Năm

Nguyễn Trần Diệu Hương

Tác giả một mình vượt biển giữa thập niên 80 khi còn tuổi học trò. Dự Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu tiên, cô nhận giải danh dự 2001. Bốn năm sau, cô nhận thêm giải vinh danh tác phẩm 2005 với bài viết «Tháng Tư, Còn Đó Ngậm Ngùi,» kể về tình gia đình chung thuỷ của người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ. Sau đây là bài viết mới của cô.

Tôi tên là Mai, một người Việt Nam sinh ra ở Mỹ, được nuôi lớn lên bằng văn hóa Việt Nam, thức ăn Việt Nam và bằng sữa của Mỹ. Tôi được Ba Mẹ dạy tiếng Việt cẩn thận, và chỉ nói tiếng Việt ở nhà. Nên khi nghe tôi nói tiếng Việt pha lẫn âm hưởng Quy Nhơn - quê nội- và Biên Hòa - quê ngoại- , ít người biết tôi sinh ra ở California. Hồi nhỏ tôi còn được học tiếng Việt kỹ càng từ bà ngoại, một cô giáo dạy Tiểu học hơn 30 năm, nên không những chỉ nói, tôi còn biết đọc, và biết viết thông thạo. Sau này, ông bà ngoại dọn nhà về Florida, không còn ai ra bài và khảo bài tiếng Việt thường xuyên, khả năng đọc và viết của tôi không còn được như xưa, nhưng vẫn đủ để viết và đọc những chữ bình thường trong đời sống.

Ba Mẹ đặt tên Mai cho tôi vì đó là một cái tên Việt Nam mà tiếng Mỹ (my) và tiếng Việt (mai) đều có cùng một cách phát âm dù ý nghĩa khác xa nhau.

Theo Ba, đó là tên của một loài hoa thanh cao luôn xuất hiện trong phòng khách hay trước hiên nhà của người Việt Nam vào dịp Tết Nguyên Đán ở quê nhà, là một biểu tượng của ngày Tết.

Mẹ chọn tên Mai cho tôi vì muốn theo gương ông ngoại đặt tên con không có dấu, càng giản dị càng tốt. Và cũng vì Mẹ có đến hai người bạn thân cùng tên Mai, một là Bạch Mai, và một là Hồng Mai. Đến phiên tôi, Mẹ chọn tên Thanh Mai để có đủ ba sắc trắng, xanh, hồng là những màu Mẹ thích nhất.

Tôi học Sử Mỹ rất có hệ thống từ chương trình ở trường, và học Sử Việt, đặc biệt là giai đoạn 25 năm cuối thế kỷ 20 qua lời Ba Mẹ trong những bữa ăn. Tôi là đứa con đầu tiên của ba mẹ, thằng em trai duy nhất nhỏ hơn tôi 8 tuổi, nên lúc nhỏ tôi không có bạn để chơi, chuyên «hóng chuyện» của Ba Mẹ. Nhờ vậy mà tôi biết được nhiều điều mà các bạn Việt Nam bằng tuổi tôi không biết.

Lớn lên một chút, tôi hay giúp Ba Mẹ «phụ bếp» , «chạy bàn» mỗi lần Ba họp bạn cuối tuần ở nhà. Bạn của Ba đa số là lính Hải quân của QLVNCH nên chuyện của họ thường là thời còn mặc áo lính và thời gian khổ khi mới tới quê người không có tiền, không có thân nhân, và không có cả quê hương. Lúc đầu tôi cũng không chú ý, nhưng có một lần, bác T. khóc khi kể chuyện di tản lạc mất vợ con. Lần đó, tôi quên cả «nhiệm vụ waitress» của mình, đứng dựa ở sau bàn trong bếp để ý lắng nghe chuyện gì làm một người đàn ông cao to, cương quyết như Bác T. phải chảy nước mắt ? Không ngờ điều đó giúp tôi được một điểm A extra credit cuối năm lớp tám khi cô giáo dạy Sử cho viết một chuyện thật xảy ra trong đời sống do ảnh hưởng của một giai đoạn lịch sử. Từ đó tôi hay để ý nghe những câu chuyện bên ly cà phê sau bữa ăn tối cuối thứ bảy ở nhà giữa Ba và các bạn của Ba. Những câu chuyện đó nếu chỉ nghe kể mà không thấy nét mặt của người kể chuyện thì không có gì đặc sắc, nhưng khi thấy nước mắt của họ, hay thấy những khuôn mặt buồn hiu hắt, người nghe sẽ nhớ rất lâu, có thể là suốt đời.

Mẹ đẹp nhất trong các anh chị em, thừa hưởng được cái dáng cao gầy của ông ngoại, và màu mắt nâu hổ phách từ bà ngoại nên được nhiều nam sinh cùng lớp theo đuổi từ năm lớp mười một.

Thời đó, những năm cuối thập niên 70 của thế kỷ 20, miền Nam Việt Nam mới đổi từ chính thể Cộng hòa qua chính thể Cộng sản trong sự uất ức của khoảng hai mươi triệu người miền Nam, và sự thất vọng của hơn hai mươi triệu đồng bào miền Bắc vì họ cứ ngỡ là miền Nam sẽ giải phóng cho người miền Bắc khỏi cảnh đói nghèo. Mẹ cùng các cậu, các dì lớn lên, mà không có ông ngoại bên cạnh. Ông bị chính quyền VC lừa gạt đi học tập 30 ngày (theo thông báo lúc đầu là 30 ngày) . Không ngờ 30 ngày kéo đến hơn 3, 650 ngày (10 năm). Bà ngoại ở nhà vẫn tiếp tục đi dạy ở trường Tiểu học ở gần nhà với đồng lương không đủ để nuôi một người, trong lúc bà phải thay ông ngoại nuôi mẹ và các dì các cậu. Nhưng đó là một «thành trì vững chắc» để cả «gia đình ngụy quân» khỏi bị đi kinh tế mới (một nơi rừng núi hoang vu, chưa có dấu chân người) , và để giữ được căn nhà từ đường xây nên bằng công sức của hai đời ông cố và ông ngoại.

Biết không thể nào để các con sống trong cảnh bị xếp hạng thứ 14 trong 15 thành phần xấu nhất của chế độ mới, bà ngoại thu xếp đưa các con lần lượt vượt biển tìm tự do và tìm tương lai. Ngày ông ngoại được về nhà, bầy con của ông đã sống rải rác từ Châu u qua ChâÂu Mỹ.

Bà ngoại đi dạy từ hồi chưa lấy chồng, nên học trò cũ của bà rất đông. Vào thời điểm tháng 4 năm 1975, học trò cũ lứa đầu tiên của bà ngoại đã đi làm, và cũng đã phải khăn gói đi «học tập cải tạo» như bao «ngụy quân» hoặc «ngụy quyền» khác. Thời đó, học trò từ lớp 1 đến lớp 11 được dạy môn Công dân giáo dục cho nên người ta lớn lên luôn nhớ ơn ông bà, cha mẹ, thầy cô.

Một trong những người học trò giỏi nhất của bà ngoại tự tử trong tuần đầu tiên của tháng 5 năm 1975 bằng súng của người cha quá cố để lại (ông là sĩ quan quân lực VNCH đã tử trận khoảng vài năm trước biến cố tháng 4/75) . Nghe kể lúc đó giữa bao nhiêu bộn bề lo toan của chính thể mới ở miền Nam VN, chính quyền địa phương vẫn không quên cử người đến phạt tiền gia đình người quá cố với «tội chết ngu» ? ? ?!!! Trong nỗi đau mất con của mẹ người quá cố, mấy ông đeo băng đỏ đại diện chính quyền địa phương còn đứng trước quan tài, rao giảng «đạo đức cách mạng» như một con két mở miệng nói những điều được dạy mà không hiểu gì hết.

Ngày đưa tang anh, bà ngoại không thể đến tiễn người học trò cũ lần cuối vì biết sẽ không có ai dạy thế, và sẽ bị những con mắt cú vọ của các ông bà lo công tác đảng, đoàn trong trường để ý. Hôm đó, bà ngoại lo ra,

không tập trung vào việc dạy dỗ, mắt cứ nhìn ra cửa sổ để khi xe tang anh chạy qua, có thể vẫy tay chào học trò lần cuối.

Lúc nghe kể chuyện này, tôi đang học lớp 12, bằng đúng tuổi anh học trò giỏi của bà ngoại năm xưa, tôi cứ nghĩ nếu người ta phải tự kết liễu đời mình ở tuổi 18 thì hẳn là người ta phải thất vọng, chán đời ghê lắm !

Tôi sinh ra ở Mỹ khi mà Ba Mẹ còn chân ướt chân ráo ở quê người. Tuần trăng mật của Ba Mẹ nghèo và có cả hạnh phúc lẫn mồ hôi. Ba Mẹ quen nhau ở trại tỵ nạn Pulau Bidong bên Malaysia, lấy nhau ở Mỹ lúc mới đến Mỹ được hơn một năm. Đám cưới nghèo, đơn giản, không có thân nhân, chỉ có bạn bè. Đàng trai kiêm luôn đàng gái là các cựu sĩ quan Hải quân VNCH, bạn trong quân đội của Ba. Lúc đó là năm 1979, cộng đồng Việt Nam tỵ nạn ở Mỹ mới có bốn năm, ai cũng nghèo. Nên đám cưới xong, cái account nhẹ tênh trong ngân hàng của Ba Mẹ không thể nhẹ hơn. Sau này, mỗi lần nhắc lại chuyện đó, các chú, các bác cứ vỗ vai Ba nửa đùa nửa thật :

- Hai vợ chồng mày làm một cái «vow renewal» để tụi tao còn đi mừng bù cho hồi xưa đi dự đám cưới mà không có tiền cho quà cưới.

Ba nhỏ nhẹ trả lời :

- Có cần thiết phải làm party không ? Có nhiều cái không cần renew nhưng lúc nào cũng «tương kính như tân» . Muốn mừng bù lại thì cứ viết check, «đây» sẽ nhận mà không hề thắc mắc khiếu nại gì hết !

Mẹ bỏ Michigan đầy tuyết trắng qua California nắng ấm vì lấy chồng thì phải theo chồng và vì California vừa ấm, vừa có nhiều đồ ăn Việt Nam. Nhất là mỗi dịp Tết âm lịch, ở một góc California có đủ mai vàng, pháo Tết, bánh chưng xanh, câu đối đỏ. Nếu trời không lạnh thì ở trong một không gian nhỏ nơi quần tụ đông đảo người Mỹ gốc Việt, tưởng như quê nhà đã được mang theo trọn vẹn bên đời lưu lạc.

Dạo đó, tuần trăng mật của Ba Mẹ không phải là Paris lãng mạn, chẳng phải là Hawaii thơ mộng, mà là xa lộ California Highway 1 với ven bờ Thái Bình Dương chạy dọc California với bờ biển thơ mộng Big Sur Coast. Có những dãy biệt thự vắng vẻ có «ocean view» ở Carmel là nơi vacation của dân nhà giàu, không ai ở, nhưng được maintenance cẩn thận, lúc nào hoa cũng tươi, cỏ cũng xanh. Ba Mẹ đứng chụp hình trước cửa những biệt thự này, mắt nhìn ra biển, buồn xa xăm, nghĩ đến những em bé Việt Nam đi bán cà rem, bán vé số trên các bờ biển quê nhà.

Có một lần ngồi soạn lại những hình cũ để làm một video cho cả nhà, tôi đã tìm thấy những hình của Ba, của Mẹ ốm nhom, ốm nhách, đứng ở bờ biển của trại tỵ nạn. Hình tuần trăng mật của Ba Mẹ thì dù đỡ ốm hơn, nhưng đứng trước biển, mắt Ba Mẹ vẫn không vui dù là vừa cưới nhau. Hình như ở bên kia Thái Bình Dương, nơi Ba Mẹ chào đời, nhiều người, nhất là con nít vẫn còn khổ lắm.

Tuần trăng mật của Ba Mẹ có những giọt mồ hôi vì chiếc xe quá cũ. Ba Mẹ lại thích đi đường dốc lên xuống để có thể ngắm biển vào ngày trăng tròn, nên có những đoạn chiếc Volkswagen già nua cũng dừng lại giữa đường ngắm cảnh như Ba Mẹ nên Mẹ cầm lái, và Ba ra sức đẩy, vỗ về chiếc xe lên dốc... cùng đi hưởng tuần trăng mật với minh. Lúc đó, không có nhiều tiền nên thay vì vô những nhà hàng sang trọng, tuần trăng mật của Ba Mẹ được hiểu theo đúng nghĩa đen của nó : có những đêm uống mật (pha với nước trà) và ngắm trăng mùa hè chiếu sáng ven biển Thái Bình Dương. Tôi đã chào đời từ những ngày tháng như vậy, có màu hồng của hạnh phúc và màu xanh của hy vọng bên những giọt mồ hôi, những ngày đầu cơ cực của Ba Mẹ, như hầu hết người Việt Nam tỵ nạn.

Nghe kể, có một lần, lúc tôi mới được hơn 3 tuổi, một người bạn thân của Mẹ, của cả gia đình bên ngoại, mới từ trại tỵ nạn qua Mỹ đúng một tuần, từ San Francisco về Los Angeles thăm Mẹ. Hôm đó là một ngày cuối tuần gần giáng sinh, dù bận rộn với đủ thứ công việc cuối năm, nhưng háo hức muốn gặp bạn cũ, người bạn gắn với một thời hạnh phúc của Mẹ ở quê nhà, Ba Mẹ cùng đi đón bạn, bỏ tôi đang ngủ ở nhà một mình. Đón bạn xong, Ba vội vàng quay xe về lại nhà vì sợ tôi thức giấc sẽ khóc thét lên giữa một cái nhà vắng hoe, gợi sự chú ý của hàng xóm và của Child Care Agency thì... nguy to. Rất may là khi mọi người vừa về đến nhà khoảng 10 phút, tôi thức dậy, lò dò đi ra phòng khách nơi mọi người đang ngồi nói chuyện mà không biết là mình vừa bị «home alone» gần một tiếng đồng hồ !

Quà dành cho người bạn mới đến Mỹ của Mẹ là một năm báo Văn, gởi hàng tháng đến tận nhà. Vì Mẹ vẫn còn nhớ những giọt nước mắt của người miền Nam khi «chính quyền cách mạng» tịch thu từng xe sách, không chỉ ở các tiệm sách, mà còn từ nhà dân chúng.

Cứ như vậy, dù không được trực tiếp giới thiệu với những người bạn thân từ ở Việt Nam qua Mỹ của Mẹ, nhưng những tình cờ trong đời sống đưa đẩy tôi tiếp xúc và biết những người bạn thân của Ba, hay của Mẹ.

Những người tỵ nạn chính trị thế hệ thứ nhất, mà một phần đời của họ là mẫu số chung của cộng đồng người Mỹ gốc Việt.

Hồi còn học Tiểu học, ông bà ngoại (qua Mỹ theo diện HO vào năm 1990) đi phỏng vấn trong tiến trình thành Công dân Hoa kỳ. Ba Mẹ phải đi làm, không tìm được babysitter, ông bà ngoại mang theo cả hai chị em chúng tôi đến văn phòng địa phương của Sở Di trú. Lúc đó tôi 9 tuổi, thằng An hơn 12 tháng, còn ngậm pacifier. Đến phiên ông bà ngoại vô phỏng vấn, người ta không cho đem theo con nít. Ông bà đành để chúng tôi ở ngoài, dặn dò tôi coi em cẩn thận, không được đi đâu cho đến khi ông bà trở ra. Tôi tự thấy mình quan trọng, ngồi ngay ngắn lại và cẩn thận nắm chặt tay em đang nằm trong Infant Seat.

Thằng An lúc đó chưa biết nói, hình như cũng biết thương chị, thương ông bà ngoại, dù còn thức nhưng miệng ngậm pacifier, mắt mở tròn, nhìn qua nhìn lại, không khóc la như lúc đói bụng ở nhà. Chỗ đó là văn phòng làm việc của chính phủ liên bang, có security đi qua đi lại nên chị em chúng tôi «coi nhau» an toàn cho đến lúc ông bà ngoại đi ra. «Thành tích giữ em» đó của tôi có được là ở nhà đã được Ba Mẹ dạy giữ em, và khuyến khích tôi :

- Hồi Ba bằng con, ở Quy Nhơn nghèo lắm, con nít năm, sáu tuổi đã phải bồng hay cõng em mỗi ngày. Nhiều đứa lớn không nỗi vì phải bồng em cả ngày từ lúc chính bản thân mình đi đứng một mình còn chưa vững. Ở đây con coi em, chỉ ngồi bên cạnh em, không phải bồng bế em là sướng lắm rồi.

Những lời quen thuộc mở đầu «Hồi Ba/ Mẹ bằng con, ở Việt Nam... «tôi nghe nhiều lần, vẽ ra trong đầu tôi một đất nước VN chiến tranh lúc Ba Mẹ còn nhỏ, cái gì cũng thiếu thốn. Và vì vậy tôi trân trọng những gì mình đang có, những thứ mà tôi biết, cũng như những người Việt Nam tỵ nạn đến Mỹ với hai bàn tay trắng, Ba Mẹ phải vất vả rất nhiều để thế hệ chúng tôi có được ngày hôm nay.

Đất nước Việt Nam quê cha đất tổ của chúng tôi, mờ ảo với tôi (một người Việt Nam sinh ra ở Mỹ) , nhưng là một «trời kỷ niệm» với thế hệ Ba Mẹ, là cả một «nỗi niềm mang theo» của ông ngoại, một cựu Sĩ quan QLVNCH phải chịu hơn 10 năm tù đày của đất nước xã hội chủ nghĩa. Nên càng lớn tuổi, ông ngoại càng buồn và khó tính hơn. Nhiều khi bà ngoại nửa đùa nửa thật với ông mỗi khi ông phàn nàn, bắt bẻ về một chuyện vặt vãnh nào đó :

- Ông ơi, tui chứ không phải là lính của ông trong quân đội hồi xưa mà ông cứ áp dụng nguyên tắc «làm trước khiếu nại sau» .

Tôi phải vận dụng hết khả năng của mình trong môn Tâm Lý học để khuyên bà đó chỉ là trạng thái tạm thời của một người lớn tuổi đã bị ức chế tinh thần trong một thời gian dài ngày còn trẻ. Không biết vì thấy tôi có lý hay vì nghĩ đến thời gian khổ trong hơn 10 năm tù đày của ông ngoại trong các trại tù cải tạo của VC từ Nam ra Bắc, rồi từ Bắc vô Trung, bà ngoại chỉ bực mình đôi chút, rồi vẫn chìu theo ý ông.

Hình như với thế hệ của ông ngoại, những người đã cầm súng chiến đấu bảo vệ tự do, rồi phải buông súng một cách đột ngột vì vận nước, 40 năm dài đằng đẵng chỉ như một cái chớp mắt, và vết thương thể xác dù lành, nhưng vết sẹo vẫn còn đó, nhắc nhở một vết thương lòng mãi mãi không lành ? Phải chi lúc chiến tranh Việt Nam chấm dứt, chính quyền Bắc Việt đối xử với quân đội miền Nam như người Mỹ đối xử với nhau khi Civil War (1861- 1865) chấm dứt thì trong tâm hồn của cả một, hai thế hệ Việt Nam không hề có một vết thương lòng chưa bao giờ lành.

Mới đây ở năm cuối ngành Dược của UCI, tôi đi làm thêm ở một pharmacy để vừa có kinh nghiệm, vừa có tiền đổ xăng hay sắm những thứ vặt vãnh của con gái mà không phải ngửa tay xin tiền Ba Mẹ.

Như thường lệ, tôi đến nơi làm việc, chỉ kịp bỏ phần ăn trưa của mình vào tủ lạnh, khoác cái áo blouse trắng có gắn bảng tên, check trên computer các yêu cầu refill thuốc online, và bắt đầu đếm thuốc cho vào từng túi giấy nhỏ, có labels với tên thuốc, tên bệnh nhân, và liều lượng uống thuốc mỗi ngày. Công việc này tưởng đơn giản nhưng phải biết nhận ra các viên thuốc nhỏ xíu đủ màu đôi khi rất giống nhau về hình thức nhưng khác xa về thành phần và công dụng. Chỉ có vào buổi trưa khi nhân viên đứng ở quầy giao thuốc được nghỉ ăn trưa, tôi mới phải tiếp xúc với khách hàng, hay gọi điện thoại trực tiếp cho các vị bác sĩ khi không thể nào đọc ra chữ của họ trên các toa thuốc.

Hôm đó, tôi vẫn làm công việc «một ngày như mọi ngày» thì có cảm giác là ai đó đang quan sát mình. Tôi đảo mắt một vòng chung quanh, không có một khuôn mặt nào quen thuộc, ngay cả các khách hàng đến pharmacy nhận thuốc vài lần mỗi tuần.

Tôi tiếp tục làm việc và vẫn có cảm giác «đang bị nhìn» , nhưng vẫn không phát hiện ra ai đang nhìn mình. Đến lúc giao thuốc cho một người Việt Nam, sau những giao dịch thông thường chuyên môn của ngành Dược bằng tiếng Mỹ, chú hỏi tôi với tiếng Việt giọng Saigon :

- Có phải má của cháu tên Duyên không ?

Tôi ngạc nhiên vô cùng, trả lời bằng giọng Biên Hòa pha Quy Nhơn :

- Thưa phải, chú biết má của cháu ?

- Không những biết mà còn học chung lớp với má cháu nữa.

- Chú có thể cho cháu biết tên để cháu về kể cho má cháu.

- Không cần đâu, cháu cứ nói là bạn học cùng lớp 12, thấy cháu giống hệt má cháu hồi xưa nên hỏi thăm vậy thôi.

Ông khách Việt Nam quay ra khỏi cửa, tôi tò mò nhìn vào tên tuổi bệnh nhân mình vừa giao thuốc, đó là một cái tên Việt Nam của đàn bà con gái, độ tuổi cũng khoảng bằng tuổi của Mẹ tôi. Nghĩa là ông khách vừa rời khỏi quầy nhận thuốc cho một bệnh nhân nữ, chắc

là vợ của ông ta.

Tối đó, về nhà tôi kể cho Mẹ nghe tường tận chi tiết về người bạn cùng lớp thời Trung học của Mẹ. Tưởng là Mẹ sẽ ngạc nhiên, sẽ cố đoán tên người bạn cũ, nhưng thật không ngờ, Mẹ cười mỉm chi :

- Mẹ biết chú đó là ai rồi ! Lần sau nếu có gặp chú đi refill thuốc, con nhắn chú là Mẹ con hỏi chú còn nhớ mấy phương trình Lượng giác không ?

Tôi vừa rời Trung học chỉ vài năm, nếu tình cờ gặp một người bạn cùng lớp 12 ngoài đường, nếu không thân chắc cũng không nhớ tên. Vậy mà tình bạn thời thơ dại của Mẹ vẫn còn nguyên sau bao nhiêu năm tháng.

Ba Mẹ luôn luôn giữ truyền thống Việt Nam ở nhà, giúp chị em chúng tôi sống dung hòa được với cả hai nền văn hóa Việt và Mỹ. Không còn nhớ từ lúc nào, Ba Mẹ đã đưa chúng tôi đi chợ Tết hàng năm của người Việt ở miền Nam California với áo dài Việt Nam. Lâu dần trở thành một thói quen không thể thiếu của cả gia đình. Hồi nhỏ là vì có được những tờ tiền mới, được tha hồ ăn nhiều món ngon ở chợ Tết. Ngày Tết, giữ một truyền thống từ xa xưa, Ba Mẹ thường không từ chối những yêu cầu của hai chị em. Lớn lên, tôi có cảm giác tà áo dài Việt Nam làm có nhiều nữ tính hơn, dịu dàng,

và... giống Mẹ hơn. Từ thương Mẹ, tôi thương luôn áo dài Việt Nam từ lúc nào không biết ! Tôi thích mặc áo dài đi chợ Tết của người Việt lưu vong ở Little Saigon, Orange County mỗi dịp Tết Nguyên Đán. Cầm cái bánh chưng vuông vức làm bằng nếp pha lá dứa với nhân đậu xanh, hay nhân thịt bên trong, chúng tôi liên tưởng đến hình ảnh của ông Hoàng Tử Tiết Liêu hiền lành làm món ăn có ý nghĩa cho vua cha nhân ngày Tết. Thấy trái dưa hấu bày bán ở chợ Mỹ quanh năm, chúng tôi nhớ đến chuyện ông Hoàng Tử An Tiêm bị lưu đày, vẫn sống được bằng sự cần cù như bao nhiêu người nông dân bình thường khác.

Ngược lại, chúng tôi cũng ăn món bắp cải màu xanh, mặc áo xanh lá cây vào ngày St, Patrick của người Mỹ gốc Irish; và đón lễ độc lập của Hoa kỳ bằng lòng tự hào như một người bản xứ. Hai nền văn hóa Việt Mỹ lúc nào cũng sống đoàn kết, hòa thuận trong tôi.

Tôi tin chắc chắn là truyền thống Việt Nam của người Việt tha hương (nhất là những nơi có đông người sống quần tụ) ở khắp nơi trên thế giới vẫn được gìn giữ đến thế hệ thứ tư dù nhiều khi lúc đó cũng như cả triệu người Việt Nam khác, chúng tôi vẫn phải sống đời lưu vong.

Mỗi lần đến Tết, như cây cỏ đâm chồi nẩy lộc hồi sinh sau mùa Đông lạnh giá, hy vọng của mọi người lại dâng cao. Ông ngoại, một cựu Sĩ quan QLVNCH mong ngày xuôi tay nhắm mắt được gởi thân ở quê nhà tự do dân chủ. Mẹ, thế hệ tỵ nạn đầu tiên, mong được về dạy Công dân giáo dục và «Tâm hồn cao thượng» cho học sinh ở Việt Nam. Thế hệ của chúng tôi mong các bạn trẻ ở trong nước biết học hỏi cách làm việc của người Mỹ thay vì chỉ nhiễm một số thói hư tật xấu của người Tây phương.

Mong vô cùng người ta nhớ là tiền chưa khi nào, và sẽ không bao giờ mua được hạnh phúc. Đất nước phát triển nhờ các nhà máy sản xuất, nhờ trình độ dân trí. Chưa một đất nước nào phát triển nhờ những quán cà phê, và những khu du lịch ăn chơi. Hy vọng làm chúng ta có thêm niềm tin vào cuộc sống. Rồi sẽ có một ngày hy vọng thành sự thật. Phải tin như thế để sống, để nhìn ngày quê cha đất tổ được hồi sinh.

Nguyễn Trần Diệu Hương

Tết Ở Nơi Này

Song Lam

Với 12 bài viết trong năm, cho thấy một sức viết mạnh mẽ, tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Định cư tại Mỹ từ 26 tháng Ba 1992, hiện là cư dân Cherry Hill, New Jersey, một vùng rất ít cư dân Việt. Bài mới nhất của tác giả là chuyện Tết Ất Mùi nơi vùng tuyết giá.

Từ rất lâu, nơi này không có Tết. Do vậy, Tết Ất Mùi 2015 đã tuột trôi đi trong sự hờ hững của mọi người. Không hiểu tại sao, lúc nào tôi cũng tiếc nuối, mơ màng đến nhiều kỷ niệm và hương vị ngày Xuân.

Tối 18 tháng 2 năm 2015. «Mười giờ đêm miền Đông Bắc Hoa Kỳ là mười giờ sáng ngày mồng Một Tết. Những nụ mai đã nở đủ ở ngoài sân và trong nhà, mọi người đã ăn mặc chỉnh tề quây quần cho buổi cúng ông bà đầu năm. Những đồng tiền mừng tuổi Má tôi đã chuẩn bị sẵn trong phong bao lì xì cho các con, các cháu. Trên bàn thờ đèn nến lung linh, hoa tươi rực rỡ...»

Tôi tưởng tượng cảnh ngày Xuân thơ ấu đẹp đẽ đó để tự an ủi mình. Bên ngoài gió thốc hù hụ, nghiêng ngả hàng cây trơ xương. Tivi nói tuyết sẽ trở lại đêm nay từ 3- 5 inches. Mười giờ đêm. Tôi nằm nghe chút buồn vì nghĩ đến Má tôi đã không còn hai mùa tết rồi. Chừng nào... đến lượt tôi đây ? Những ngày Tết ở đây năm nào cũng rơi tõm vào mùa Đông với tuyết thật dày và thật lạnh. Sức gió lên tới 40, 50 miles/ giờ và nhiệt độ hôm nay chỉ còn 1 độ F. Nhưng ở đây vẫn còn may mắn hơn thành phố Boston (Massachusetts) . Từ hơn ba tuần nay, Boston đã hứng trọn bốn lần tuyết đậm, tổng cộng 6, 7 feet, có nơi tuyết làm sập luôn mái nhà. Boston strong, giống như Boston đã từng đứng vững sau cuộc khủng bố Marathon tháng 4/2013.

Hồi sáng trong tiệm Wegman mấy người Tàu léo nhéo chúc Tết với nhau «cung hỷ phạt sòi» (Chúc mừng năm mới) , tôi không muốn nghe. Cũng giống như người bạn trẻ Khôi An, tôi không thích người ta gọi Tết truyền thống của mình là Chinese New Year. Tôi không là người Tàu, nên tôi thích gọi là Lunar New Year, hoặc là Tết, ăn Tết.

Nghe nói ở Chinatown Philadelphia có múa lân, múa rồng, có đốt pháo... Ở mấy tiệm thực phẩm Á Đông của người Tàu Việt có pháo nổ mừng Xuân. Ào ào, lẹt đẹt

một chút rồi tan hàng. Cũng bi nhiêu đó thôi, cũ nhèm. Cũng giống như tôi ở đây gần 25 năm cô đơn, lặng lẽ.

Tưởng là đã quên sao lòng còn nhớ mãi ? Bà bạn già ở San Jose gọi chúc Tết hôm qua, bả than mệt ngất ngư vì phải nấu đồ chay cúng Giao thừa, cúng mồng Một cho con cháu tề tựu về cúng vái, ăn uống. Lắm lúc tôi không còn biết mình là ai, hai mươi mấy năm ở cái xứ này không tìm được một người bạn nào, chỉ có mấy đứa coworkers lải nhải mỗi ngày cho qua năm qua tháng. Cười thật tươi với khách hàng, nhưng khi về đến nhà nhìn bàn thờ Má nghe đau xót lòng con ! Năm nào cũng viết thư Xuân chúc Tết Má, năm nay vừa đặt bút xuống là nước mắt dầm dề :

Thương con lưu lạc phương trời
Má gần trăm tuổi vẫn ngồi chờ trông

Vừa viết vừa khóc. Mấy đứa Mỹ hỏi dồn dập : «What's happen ?» . Tôi lau nước mắt không nói gì, chỉ sợ chúng cười vì gần 70 tuổi là tôi đang thương nhớ mẹ mình tuổi quá 90. Văn hóa của tụi nó khác mình... Có thể, tôi buồn vì ngày Tết, ngày Xuân, chỉ có mình tôi trơ trọi ở nơi này !

Mấy năm đầu qua Mỹ, khi các con còn nhỏ, tôi còn háo hức bày việc ăn Tết : mua sắm bánh mứt rượu trà, tự làm vài thứ bánh ở nhà, kho mồi thịt kho tàu... Bông hoa, bánh trái, mứt miết đầy bàn. Cũng chen chân mua quýt, mua bưởi, chọn trái tươi rói còn nguyên lá cành xanh ngát tình xuân. Hăm hở lắm, nôn nao lắm. Ở đây không có hoa mai, hoa đào, thôi mua đỡ bông cúc vàng, bông cúc đỏ vậy...

Rồi 10 năm, 15 năm, 20 năm, Tết qua, Tết lại chán phèo. Các con xa mình, dần dần xa mình vì công việc. Chỉ còn lại hai con khỉ già thì ăn Tết với ai đây ? Trên Tivi, phóng sự người Việt ăn Tết vui vầy khắp nơi làm mình thêm ganh tị, thêm buồn. Áo dài ở đâu mà nhiều quá, đẹp quá vậy ? Già trẻ lớn bé, đàn ông đàn bà ai cũng áo dài, khăn vành. Trời ơi, sao họ vui tươi dữ vậy?

Tôi mang tình ý này nói với bà bạn già ở San Jose. Tưởng bả an ủi mình, ai ngờ bị mắng xối xả :

- Ai biểu bà ở hoài trên đó ? Gian khổ cả đời, chưa đủ sao ? Dưới này bạn bè có, anh em có, con cháu có, sao không đi ?

Bà này kỳ ghê ta ơi. Chưa kịp nói câu nào, bả lại tiếp:

- Tui biểu bà lo «rì-thai» cho rồi. Bỏ hết, buông hết đi. Cứ lo kiếm tiền rồi lúc «ra đi» có đem theo được đồng nào không ?

- Lỡ năm nay rồi. Năm tới về Cali ăn Tết ví bà, được chưa ?

- Năm nay không đi, đợi chờ chi năm tới, biết còn «thở» không mà hứa với hẹn ?

Bà quỷ này sát phạt dữ ta. Chưa hết. Bên kia đầu dây, giọng bả sang sảng :

- Còn vụ này nữa. Tui nghe bà mon men làm nhà văn nhà báo gì đó. Tuổi này rồi còn ham danh hám lợi, ngựa quen đường cũ...

Bạn bè từ nửa thế kỷ nay hiểu nhau, thương nhau đứt ruột mới «chửi mắng» thậm tệ như vậy. Bà già này dùng chữ trật lất, cái gì mà «mon men» , cái gì mà «ngựa quen đường cũ» ? làm như tui là «cô gái thập thành» lúc về già hương phai phấn nhạt rồi lại muốn quay về đường xưa lối cũ.

Tôi thấy bả chửi mình cũng đúng thôi. Nhà văn, nhà báo hả ? Làm gì có chuyện đó. Tôi sợ mấy cái nghề bắt đầu bằng chữ «nhà» này lắm rồi. Nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà giáo (có những cái nhà «rùng rợn» hơn nhưng không dám kể ra đây vì năm mới sợ «rông» cả năm) Tôi chỉ mang trong đời cái «nhà» sau cùng là nhà giáo mà lận đận suốt «một đời hương phấn» đây nè. Nhà báo, nhà văn chỉ là nỗi mơ ước cả đời không đạt, mà nói cho cùng, mấy cái nhà này cũng khổ sở thấy bà.

Mấy cái «nhà» bên trên hình như không chỉ là cái nghề mà còn là cái «nghiệp» . Tôi nặng nghiệp kiếp này nên đã buông bỏ hơn 20 năm nay, bây giờ tìm đường trở lại.

Nhưng viết cái gì ? Cho ai ? Với ai ? Tôi hoàn toàn mù tịt về cái «điểm nhắm» (target) này.

Viết là nói với chính mình. Từ trong sâu thẳm của tiềm thức, sự lắng đọng của trí não kèm theo sự xúc cảm của trái tim, tâm sự được phơi bày. Vì thế, được độc giả ghé mắt là người viết vui lắm rồi, cám ơn lắm lắm rồi, bất kể khen chê. Viết để giảm stress, để trí não vận động, khỏi quên đời. Viết là lối đi thoát hiểm, ra exit gần nhất !

Bấy giờ là tuần lễ cuối tháng Hai 2015. Tháng Ba sắp về. Mọi người nói với tôi ráng chờ vài tuần lễ nữa cho mùa Xuân mới. Phải, «Tháng Ba trời đất vào Xuân» bài viết đầu tiên cho loạt bài «Viết Về Nước Mỹ» từ năm 2013, tôi đã sơ lược về cuộc đời mình. Sẽ còn những dự định ở phía trước cho những toan tính muộn màng...

Hồi chiều, trong lúc ngồi chờ ở phòng nha sĩ, tôi có chút vui khi bắt gặp những bức danh họa trịnh trọng treo hai bên tường. Ngoài những tấm của Giovanni Bellini, Leonardo Da Vinci, bức tranh Red Boats của Claude Monet (1875) làm tôi tưởng nhầm là 1975. Con số này không mang một ý nghĩa nào với mọi người, nhưng với người Việt Nam là con số của một thời kỳ đen tối, đớn đau của lịch sử nước nhà.

Bên ngoài tuyết rơi thật nhiều. Những bông tuyết dày đan kín bầu trời. Kiểu này tuyết rơi tới sáng không thể nào 5 inches được có thể lên tới cả chục inches. Trời đã lạnh thêm lạnh. Lòng đã buồn thêm buồn. Sáng mai phải dậy sớm cả tiếng để cào tuyết và sẽ lầm lũi đi tới sở làm trong cái giá lạnh cùng cực của mùa Đông. Tối mai, Tivi nói độ thấp sẽ là âm 4 độ F. Rồi sẽ cười thật tươi với mọi người, với khách hàng. Con người thật của mình sẽ cất lại, ở nhà.

Tự nhiên đoạn thơ của Nhã Ca từ lâu bật dậy trong tôi :

Đời sống, ôi buồn như cỏ khô
Và anh, em cũng biết mong chờ
Em về, tay nhỏ che trời rét
Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ.

Lâu quá rồi, tôi nhớ không chính xác lời thơ, nhưng rất thích, quá thích, vì nó là tâm sự tôi lúc này, ngay bây giờ. Câu ba tuyệt chiêu ! Nhưng «tay nhỏ» làm sao «che trời rét» dưới 4 độ F được ?» Tay nhỏ» đưa lên cài nút áo coast còn không được nữa là...

Tôi lắng nghe. Chung quanh tôi vắng lặng. Ông xả đang làu bàu bảo ngủ sớm đi, sáng còn dậy sớm cào tuyết, đi làm. Ông lão này chẳng có chút «lãng mạn» nào hết, quanh năm ngày tháng quanh tôi, bên cạnh tôi, chỉ toàn là chuyện «lãng xẹt» . Rồi sẽ giống như tác giả Philato «70, chán mớ đời» .

Mới đó, ông già đã ngủ khò, ngáy o- o. Tôi trở ra phòng ngoài, ngồi một mình nhìn ra sân đầy tuyết phủ. Nhìn bàn thờ nhỏ, Má tôi đang cười, tôi thấy lòng nao nao. Ăn Tết nơi này, tôi chỉ kịp mua bó hoa Godetia và chai rượu đỏ. Đứa cháu gái ở Garden Grove, Cali gởi cho dì cặp bánh chưng Minh Phụng, tôi đặt lên bàn thờ

Má tôi. Bình hoa, chai rượu và ngọn nến lung linh... Tôi thấy lòng ấm lại đôi chút. Tôi mở chai rượu, rót ra ba ly để tưởng niệm Ba Má và người anh trai từ lâu xa chúng tôi...

Ngoài kia tuyết vẫn rơi.

Tôi vẫn ngồi đây với kỷ niệm ngày Xuân khi còn nhỏ ở với Ba Má, khi ra trường dạy học bên đám học trò vui tươi, thời gian vàng son rực rỡ của đời mình, giống như Khôi An đã nói : «Nhiều kỷ niệm và hình ảnh cứ đứng nguyên như lúc tôi mới bắt đầu thu góp những ý niệm về cuộc đời, về người lớn ở chung quanh. Những nhà thơ, nhà văn. Những nhạc sĩ, ca sĩ. Những thầy, cô giáo. Những danh tướng một thời.» Đoạn văn này, Khôi An đã làm tôi xúc động không ít. Không ngờ tác giả này trẻ tuổi lại có được những suy niệm đúng đắn, dễ thương đến như thế ! Tôi tự hỏi mình, tôi có là «danh tướng một thời» không ? Và câu thơ cổ lại lóe sáng :

«Mỹ nhân tự cổ như danh tướng»

Tôi không dám nghĩ tiếp câu sau, dù thế nào chăng nữa, hôm nay là ngày đầu năm, phải kiêng khem chút đỉnh...

Trời bây giờ trời đã sang Xuân.
Anh nhìn em, tình yêu thật gần...

Lời ca ngày Xuân còn đọng trong tiềm thức, sao hiện giờ chỉ thấy lạnh buốt cả về thể chất lẫn tinh thần ? Tình yêu nào tôi có được đêm nay ?

Tuổi già như giọt sương khuya. Tôi hiểu rõ điều này. Thiệp Tết đã gởi đi từ tuần trước sao lòng mình cứ vơ vẩn chút tình riêng ?

«Có những niềm riêng, làm sao nói hết ?» (Lê Tín Hương)

Ngọn nến vẫn lung linh. Hoa vẫn rực rỡ sắc màu. Giao thừa ở Mỹ này sắp đến. 12 giờ đêm, giờ Đông Bắc.

Chào đón mùa Xuân Ất Mùi 2015 bằng tấm lòng rộng mở của mình. Dù cô đơn. Dù lạnh giá. Tôi nói với lòng mình, như thế.

Giao thừa đến rồi, trong lòng tôi, dù chỉ một mình. Không biết vì giá lạnh của đất trời hay vì muốn có được chút ấm áp đầu năm, tôi uống luôn, một lần, ba ly «xây chừng» rượu đỏ.

Ngày Tết Ất Mùi đêm Giao thừa.

Song Lam

Áo Bà Ba Tím

Phùng Annie Kim

Tác giả là một nhà giáo, định cư tại Mỹ theo diện HO năm 1991, hiện là cư dân Westminster, California. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của Bà là «Kock and Me / Vi trùng lao và Tôi,» từ tháng Tư 2013 tới nay đã có hơn 300, 000 lượt người đọc. Viết Về Nước Mỹ 2014, với 14 bài, trong đó có bài Chú Lính Mỹ, Phùng Annie Kim đã nhận giải danh dự.

Bà Hai nghe mơ màng, tiếng ai như tiếng ông Hai. Bàn tay ai đang vỗ nhẹ trên vai bà :

- Dậy, dậy bà ơi. Khuya rồi, vô phòng ngủ tiếp. Bà xem tivi mà con mắt bà nhắm miết. Cái tivi đang nhìn bà kìa. Thấy bà ngủ mà tui phát ham. Già mà ngủ dễ như con nít ! Bà ngủ được hai tiếng rồi đó. Gần mười một giờ con Hạnh vẫn chưa về ? Bữa nay sao nó về trễ quá hả bà !

Giọng bà còn nhừa nhựa, bà vừa ngủ một giấc thật ngon trên chiếc ghế Massage hồi nào bà không hay :

- Tui ngủ say quá hả ông ? Thôi, ông buồn ngủ thì vô ngủ trước. Quá giấc rồi, tui ngồi xem tivi chút xíu chờ con Hạnh.

Bà đang chăm chú vào cái tivi trước mặt, nghe tiếng mở cửa lách cách. Hạnh nhảy bổ vào nhà, sà vào chiếc ghế ngồi cạnh bà. Cái mặt nó thật nghiêm nghị. Nó nhìn săm soi vào mặt bà thật lâu. Lát sau, nó lên giọng trịnh trọng như bắt được một cái gì mới lạ :

- Chuyện gì ? Sao con nhìn má kỳ cục vậy Hạnh ?

- Con muốn nhìn má, tưởng tượng xem hồi còn trẻ má như thế nào ? Má à, con mới đi xem phim Last Days in Vietnam. Phim Mỹ chiếu những ngày cuối cùng ở Việt Nam trước khi Cộng sản vô Sài gòn. Má ơi, sao lạ quá. Trong phim có quay hình người đàn bà mặc áo bà ba tím giống má y hệt hồi còn trẻ. Con thấy có đứa nhỏ khoảng chín mười tuổi giống chị Hảo ngồi cạnh má. Con thấy một đám nhóc giống y chang chị Hương ngồi gần Út Hải. Con ngồi gần thằng Hiệp. Không hiểu sao có sự trùng hợp, một gia đình ba đứa con gái và hai đứa con trai giống như gia đình mình trong phim đang ngồi trên máy bay. Con thắc mắc sao không thấy ba. Lúc đó ba ở đâu má ?

Ông Hai đứng từ nãy giờ ở cửa phòng. Ông nghe hết câu chuyện. Ông bước ra phòng khách, đến ngồi cạnh bà, nhìn Hạnh lắc đầu :

- Hàng ngàn gia đình lúc đó ai cũng buồn lo, hốt hoảng tìm đường ra đi. Thì giờ và hơi sức đâu mà họ quay phim gia đình mình hả con ? Người giống người có gì lạ. Vả lại bốn mươi năm rồi, con người có nhiều thay đổi lắm, má con làm sao nhận ra mình ? Con cũng vậy. Chắc gì mấy đứa con nít đó là chị em tụi con ?

Hạnh kiên nhẫn giải thích và thuyết phục ông Hai :

- Ba ơi, phim này là phim tài liệu lịch sử do người Mỹ quay. Họ muốn ghi lại một cách trung thực những hình ảnh di tản của người Mỹ và người Việt trước ngày ba mươi tháng tư bằng kinh nghiệm của những nhân chứng còn sống qua các câu chuyện kể. Có nhiều hình ảnh họ quay bất ngờ hồi nào mình đâu có biết. Cho dù có thay đổi nhưng con so sánh với mấy tấm hình chụp hồi còn nhỏ ở Việt Nam má mang qua đây với hình quay tụi con trong cuốn phim giống y chang làm con ngạc nhiên luôn. Nhất là cái bà mặc áo tím, đích thực là má. Con nhìn thoang thoáng cũng giống dì Vân. Giống nhất là chị Hảo. Họ quay rất lâu, sát cái mặt chị Hảo.

Ông Hai trầm ngâm :

- Kể cũng lạ. Con nói trong phim có bà mặc áo màu tím giống má con ? Năm đứa con nít, ba gái một trai giống chị em con. Trong phim không có quay hình Ba.

Để ba nhớ coi lúc đó ba đang ở đâu. Lên được trên máy bay, nhiều người không có chỗ, ba phải ngồi co ro ở dưới khoang phía sau đuôi gần cầu tiêu. Đàn ông ngồi xếp lớp như cá mòi, không có chỗ duỗi chân. Các hàng ghế dành ưu tiên cho đàn bà và trẻ con. Hảo lúc đó mười tuổi. Hạnh lúc đó bảy tuổi.

Con nhỏ đứng lên, ngáp một hơi dài :

- Được rồi. Con có cách. Con tính ngày mai phone cho các anh chị, mời cả nhà mình cuối tuần đi xem phim này. Má phải đi xem phim để nhận ra bà mặc áo tím có phải là Má không chớ ? Cái mặt thằng Hiệp ngố chắc chắn là nó. Còn con, con nhận ra cái mặt con hồi nhỏ liền. Họ quay cảnh Má và chị Hảo nhìn ra ngoài cửa máy bay rõ lắm ba à. Thôi, để mai tính. Con đi ngủ đây.

Bà Hai tựa đầu trên ghế sofa, đôi mắt bà khép lại. Bà đang hồi tưởng về quá khứ xa xôi của bốn mươi năm về trước. «Má mặc chiếc áo bà ba tím» . Phải rồi. Chiếc áo bà ba màu tím hoa cà, màu áo hai chị em bà đều thích, Vân, em gái bà may đã lâu nhưng cả hai chưa có dịp nào mặc. Hôm bà ra đi, bà nhớ rõ bà mặc chiếc áo tím còn mới này.

Bốn mươi năm trôi qua mà bà cứ ngỡ như mới ngày nào. Hình ảnh bà và Vân, con mắt đỏ hoe, ngồi trên nền nhà cạnh chiếc ghế gụ trong phòng khách, ôm chân hai ông bà cụ tuổi đã ngoài bảy mươi. Giọng bà nghẹn ngào:

- Ba má cho con xin ba lạy. Một lạy này là lạy công lao ba má đã nuôi dưỡng con khôn lớn nên người. Lạy này là lạy xin ba má tha thứ cho con không ở gần để phụng dưỡng ba má trong lúc bệnh hoạn vào cuối đời. Còn lạy này là lạy con không gặp mặt ba má khi ba má trăm tuổi già. Con đành mang tội bất hiếu với ba má.

Bà quay sang ôm cô em gái sinh đôi giống bà như hai giọt nước. Bà chùi nước mắt :

- Vân ơi, nếu anh chị phải ra đi, tài sản còn lại, em bán đi, thay chị chăm sóc cho ba má. Chị ra đi không mong ngày trở về. Em thay chị lo cho ba má. Em hy sinh cho gia đình anh chị quá nhiều. Cả một gánh nặng trên vai em. Tội nghiệp Cường, giờ này không biết chú ở đâu. Chị còn có anh Hùng bên cạnh, em ở lại một thân một mình với ba má, lại thêm nỗi lo cho Cường. Chị đi không đành lòng. Mình ráng chờ thêm ít ngày nữa biết đâu chú về kịp. Vân ơi, em hiểu cho chị.

Tiếng khóc thút thít của ông bà ngoại, bà Hai và Vân cùng với năm đứa nhỏ quấn quít bên ông bà ngoại từ mấy ngày nay làm cho ông Hùng xót xa tuy trong lòng ông xốn xang và nóng nảy như lửa đốt.

Bà Hai cứ nấn ná mong Cường, cậu em rể là đại úy ngành pháo binh đang còn kẹt ở Nha Trang. Nếu Cường về kịp, gia đình bà sẽ di tản trong cùng chuyến máy bay chứ đâu có cảnh kẻ ở người đi như thế này.

Vân ít nói. Cả ngày hai chị em lủi thủi, âm thầm dọn dẹp thu xếp đồ đạc trong nhà. Vân quyết định ở lại chờ Cường. Ông bà cụ cũng quyết định ở lại chờ con rể. Tình hình chiến sự càng ngày càng ác liệt. Người Mỹ đã có lệnh di tản từ lâu. Những người Việt Nam làm việc cho chính phủ Mỹ trong các ngành đặc biệt và chức vụ quan trọng như ông Hai, họ đã cùng với gia đình rời Việt Nam từ trước.

Chuyện di tản, ông bà Hai không nói rõ cho tụi nhỏ biết nhưng thỉnh thoảng nhìn mẹ và ông bà khóc, chúng cũng rơm rớm nước mắt. Chúng thấy dì Vân và mẹ chúng hay ngồi rù rì tâm sự thật lâu. Chúng thấy đồ đạc trong nhà trống dần. Bà nhớ tối hôm đó ông Hùng về, thúc hối bà sắp xếp đồ đạc mang theo thật gọn nhẹ. Đêm khuya cả nhà ngủ hết, bà đi một vòng quanh căn nhà. Bà nhìn cái tủ thờ và bộ bàn ghế cẩn xà cừ bằng gỗ gụ

nâu đen, cái đi- văng bóng láng trơn mướt, những bức tranh sơn mài hình mai, lan, cúc, trúc treo trên tường, các bình, lọ, tô, chén, tượng, hoành phi, câu đối... đồ cổ của ông Hai sưu tập từ nhiều năm nay và nhiều đồ vật quý giá khác trưng bày trong phòng khách, chúng gần gũi với bà bao nhiêu năm, bây giờ bà phải bỏ lại hết. Bà nhìn hành lý mang đi chỉ là ít bộ quần áo, thuốc men, vật dụng cá nhân và vài xấp hình kỷ niệm. Các giấy tờ quan trọng, vài trăm đô la còn kịp đổi được trong những giờ phút cuối đã cất kỹ trong chiếc cặp da của ông Hùng. Ông Hùng không cho mang theo một thứ gì nặng và cồng kềnh. Sắp tới, ông bà Hai và năm đứa nhỏ, đứa lớn nhất mười tuổi, đứa bé nhất năm tuổi sẽ bồng bế, níu kéo nhau đến một đất nước xa lạ mà bà không dám nghĩ tới.

Ông Hùng hối thúc bà hàng ngày. Có những lúc bà đi lên đi xuống cầu thang, đi ra đi vào từ nhà trước vào nhà sau nhiều lần như người mộng du không biết mình đang làm gì. Bà ghé vào chiếc sập gụ, vén màn nhìn vào thấy ông bố nằm nghiêng, hơi thở mệt nhọc, tiếng khò khè nhỏ hơn, cơn suyễn giảm dần. Bà vừa cho ông uống thuốc. Bà vào phòng, thấy Vân còn thức, đang ngồi xoa dầu bóp chân cho mẹ. Bà mẹ vừa mổ ruột thừa. Bảy mươi tuổi còn sống sót qua cơn mổ làm bà cụ yếu sức chưa đi lại bình thường. Hai mắt Vân lõm sâu, thâm

quầng, khuôn mặt hốc hác, mệt mỏi. Người Vân gầy rộc hẳn đi. Nhìn sức khỏe bố mẹ như thế, nhìn đứa em gái yếu đuối, đứa em rể còn mịt mù tông tích, nỡ lòng nào bà dứt tình ra đi cho đành.

Bà nhớ lại tối hôm đó, ông Hùng sợ bà đổi ý, đứng sau lưng, bóp nhẹ đôi vai gầy của bà, giọng ông lúc nào cũng nài nỉ, nhỏ nhẹ :

- Tội nghiệp dì Vân. Chú Cường giờ này không biết ra sao. Thôi, em đừng khóc nữa. Anh hiểu nỗi khổ tâm của em. Em thương con, thương anh, nghĩ đến tương lai đàn con. Ở lại, sẽ chỉ có tù đầy tan nát chờ gia đình mình.

Ông Hai cầm tờ công văn của cơ quan MACV cho phép gia đình bà gồm cha mẹ bà, Vân và Cường cùng gia đình bà tổng cộng mười một người rời Việt Nam đưa cho bà xem :

- Phải đi em ạ. giờ chót rồi.

Ngày mười lăm tháng tư, tin Việt Cộng sắp tiến vào Sài Gòn, ông Hai Hùng hớt hải về nhà, gọi bà lên phòng. Lần này, ông cầm khẩu súng đặt trên bàn, giận dữ và quyết liệt :

- Nếu em còn chần chờ nữa thà em bắn cho anh chết tại đây, em ở lại một mình nuôi con. Liệu bọn Công sản có tha cho anh, người cộng tác với Mỹ mà họ cho là kẻ tử thù của bọn chúng. Nếu chúng giết anh hoặc bỏ tù anh, liệu chúng có để yên cho em nuôi mấy đứa nhỏ không. Quan trọng là tương lai các con. Nếu không vì anh thì em phải nghĩ đến tương lai năm đứa nhỏ chớ. Em cứ tình cảm nấn ná kiểu này, cả nhà sẽ chết chùm hết.

Bà nghẹn ngào :

- Anh ơi, làm sao em có thể bỏ ba má bệnh hoạn, già yếu với dì Vân trong lúc này. Chờ thêm vài ngày nữa biết đâu chú Cường về kịp.

Ông Hùng dứt khoát :

- Nếu vậy thì em ở lại với ba má và dì Vân chờ Cường. Sáng mai, anh sẽ dắt tụi nhỏ ra phi trường. Không còn thời gian nữa.

Ông đổi cách xưng hô :

- Cha con tôi sẽ đi để cô ở lại. Cô đừng bao giờ hối hận về sự chọn lựa này.

Sáng hôm ấy, bà và ông Hai với bốn cái túi xách, dắt díu đàn con đến phi trường Tân sơn Nhất. Mắt bà nhòa lệ. Bà nhìn lại căn nhà lần chót. Bóng dáng Vân thấp thoáng sau khung cửa. Vân cũng mặc chiếc áo bà ba màu tím giống bà. Chị em sinh đôi có nhiều điều lạ là rất thương nhau. Vì cùng nằm trong bụng mẹ, gần nhau từ tấm bé cho nên khi lớn lên, họ có những suy nghĩ, tình cảm, sở thích, cách cư xử và hành động giống nhau. Họ nhìn hình ảnh mình qua hình ảnh người kia. Họ tuy hai mà như một. Chiếc áo bà ba tím bà mặc và hình ảnh cuối cùng của Vân cũng trong chiếc áo bà ba màu tím ngày hôm ấy, làm sao bà có thể quên ?

Nghe Hạnh kể về cuốn phim Mỹ có người đàn bà nào đó mặc chiếc áo tím giống bà Hai hồi còn trẻ với năm đứa con nít trong chuyến bay di tản thôi thúc ông bà Hai và mấy đứa con phải đi xem cuốn phim «The last days of Vietnam» . Phim chiếu đầu tiên tại thành phố Irvine, cả nhà chọn xuất buổi tối, sáu giờ rưỡi vào thứ bảy cuối tuần. Vợ chồng con gái lớn Hảo- Phúc từ Irvine đi thẳng đến rạp Edward gần đó. Vợ chồng Hương và cậu con rể người Mỹ Jimmy ở Laguna Hills lái xe xuống Irvine cũng không xa. Vợ chồng Hiệp - Thu sẽ đến đón ông bà và Hạnh. Hải, đứa con trai út sẽ đến thẳng rạp. Vé Hạnh đã mua sẵn trên mạng. Cả nhà hẹn nhau đến sớm và chờ nhau trước cửa rạp.

Đến nơi, đã thấy Hảo và Hương trên tay mỗi cô cầm một lon bắp rang to tướng đang nhâm nhi. Mọi người ai cũng nôn nóng muốn xem phim và hy vọng người đàn bà mặc chiếc áo tím trong phim là «Má tui đó» , hình ảnh năm đứa con nít là... «Tui đó» , «Tui đó» .

Họ là những bà mẹ, ông bố đang chờ đợi giây phút được ngồi trước màn ảnh trong một rạp xi- nê ở xứ Mỹ, tìm lại hình ảnh trẻ thơ của mình bốn mươi năm về trước trong chuyến bay di tản lịch sử trước ngày ba mươi tháng tư.

Tựa đề cuốn phim, tiếng Việt dịch là «Những ngày cuối cùng ở Việt Nam» ám ảnh bà suốt con đường từ nhà đến rạp. Trước khi đi xem phim này, ông Hai và Hiệp đã lên mạng tìm đọc phần giới thiệu về cuốn phim. Còn Hạnh đã xem trước rồi. Ngồi trong xe, ông Hùng kể lại chuyện di tản. Bà Hai yên lặng. Đầu óc bà lúc này đang nhớ lại những ngày chờ đợi ở phi trường Tân sơn Nhất. Bà nhớ cảnh những nhóm người kéo đến phi trường càng ngày càng đông, nét mặt người nào cũng nhớn nhác đầy vẻ lo âu, sợ hãi. Họ chen lấn, xô đẩy, la ó, gây gổ nhau. Cảnh tượng thật hỗn loạn. Cầm tờ công văn có danh sách, chữ ký và con dấu của vị đại tá chỉ huy Mỹ, gia đình bà lọt vào đươc trong phi trường cũng vừa lúc bà mệt quá, ngất đi làm ông Hùng một phen

hoảng sợ và mấy đứa nhỏ khóc bù lu bù loa.

Suốt hai ngày chờ đợi, nửa đêm ngày 17 tháng Tư máy bay cất cánh. Bà ngồi cạnh Hảo đứa con gái lớn. Bốn đứa nhỏ ngồi sát nhau trên hai ghế băng trước. Ông Hùng và một số đàn ông phải ngồi phía sau máy bay và chỗ lối đi. Máy bay chở quá tải, đầy nghẹt người.

Chuyến bay dừng lại ở đảo Guam để khám sức khỏe và làm thủ tục giấy tờ trước khi đến Mỹ. Ngày 10 tháng 5 năm 1975, gia đình ông bà Hai đặt chân đến nước Mỹ. Trại tị nạn Camp Pendleton ở San Diego là nơi tiếp nhận đón những người di tản. Bà nhớ mãi cái lạnh vào ban đêm của thời tiết Cali, ban ngày nắng và nóng, buổi chiều mát, ban đêm trời trở lạnh bất ngờ. Thời tiết thay đổi làm bà và mấy đứa nhỏ hắt hơi, sổ mũi, ai cũng lừ đừ như muốn bệnh.

Cuộc sống mới ở xứ Mỹ của gia đình bà bắt đầu bằng những ngày trong bệnh viện dã chiến của trại tị nạn. Cả gia đình bà bị cúm trừ ông Hùng. Tụi nhỏ lây nhau, hết đứa này đến đứa kia ra vào bệnh viện liên tiếp cả tháng trời mới khỏe lại. Gặp lại người chị gái du học ở Mỹ trước bảy lăm xuống thăm, hai chị em bàn tính chuyện tương lai, cuối cùng ông Hùng quyết định dọn xuống khu có người Việt sinh sống, share hai trong căn nhà lớn năm phòng của bà chị ở Garden Grove để tiết kiệm

tiền nhà.

Nhờ vốn sinh ngữ, ông xin việc trong một nhà hàng Mỹ, lương ba đồng một giờ nhưng tiền tip còn nhiều hơn tiền lương. Bà nhận đồ hãng về may tại nhà. Các con bắt đầu đi học trừ thằng út Hải. Bà phải học lái xe để đưa đón tụi nhỏ. Vừa may kiếm tiền, vừa đi chợ nấu nướng cho hai gia đình mười người, vừa chăm sóc con cái, vừa phụ bà chị dâu dọn dẹp nhà cửa, làm vườn, bà Hai suốt ngày đầu tắt mặt tối. Ông Hai vừa đi học vừa đi làm. Ông làm ban ngày, làm thêm giờ phụ trội. Tối về, mấy cha con nằm bò trên thảm làm homework rồi ông lăn bò ra sàn ngủ như chết. Gia đình bà Hai quen dần với đời sống tất bật ở xứ Mỹ.

Thời gian trôi qua thật nhanh, thấm thoát các con bà trưởng thành, đứa nào cũng học xong đại học. Ông Hai tìm được job dạy học. Hảo, Hương lấy chồng, Hiệp lấy vợ. Út Hải đang có cô bồ sắp làm đám cưới. Chỉ có Hạnh vẫn còn quấn quít với ông bà trong căn nhà ông bà mua lại sau này của bà chị nhờ vào tiền dành dụm và chi tiêu dè sẻn từ nhiều năm nay. Sáu đứa cháu nội và ngoại, các con bà đứa nào cũng ngoan và hiếu thảo là niềm hạnh phúc của ông bà trong tuổi già.

Đã sắp đến giờ chiếu phim, gia đình bà Hai đi sớm nên chiếm một dãy ghế dài và chỗ ngồi khá tốt trong rạp. Bà Hai ngồi cạnh Hạnh. Con nhỏ Hạnh nói ngồi gần Má để có gì làm thông ngôn cho Má. Nói thì nói vậy chứ xem phim ở rạp Mỹ, bà Hai thấy người Mỹ rất lịch sự. Họ không hút thuốc, nói năng nhỏ nhẹ hoặc yên lặng, không gây tiếng ồn, không nghe tiếng phone reo. Số người đi xem phim chiếm khoảng nửa rạp mặc dù là cuối tuần. Hạnh nói phim này là phim tài liệu ghi lại những ngày di tản ở Việt nam, đề tài là chiến tranh nên khô khan, không hấp dẫn nên số người xem không nhiều, đa số là người Việt. Người Mỹ hầu hết là các cặp Mỹ già. Biết đâu họ là những người cựu chiến binh, bốn mươi năm về trước đã từng tham chiến ở Việt nam. Cuốn phim ghi lại những ngày cuối cùng ở Việt nam thúc đẩy họ tò mò đến xem.

Phần quảng cáo khá lâu làm bà Hai sốt ruột. Bà chỉ biết bắt đầu vào phim chính khi thấy hình ảnh thành phố Sài Gòn và những người dân đang nhốn nháo tìm đường di tản. Bà không biết những nhân vật người Mỹ và người Việt đó là ai ? Bà chỉ suy đoán họ là những «ông lớn» , ông Tổng thống, ông ngoại trưởng, ông đại sứ, ông tướng, tá nào đó... Họ là các vị chỉ huy cao cấp người Mỹ và người Việt, những nhân vật có quyền quyết định vận mạng của đất nước bà trong thời chiến

tranh. Họ là những nhân chứng của lịch sử kể lại những kinh nghiệm đau thương của họ vào những ngày di tản cuối cùng này.

Hình ảnh họ đứng trên bục và trên diễn đàn trong bàn hội nghị, họ đang nói gì trước dân chúng Mỹ ? Họ đang nói gì với nhân dân Việt nam và trên thế giới ? Bà không hiểu tiếng Mỹ. Nét mặt đăm chiêu, ánh mắt ưu tư, thái độ nghiêm trang của họ hoặc có người Mỹ rơm rớm nước mắt khi kể chuyện, bà chỉ suy đoán bằng cảm tính của mình. Họ đang buồn rầu ? Thất vọng ? n hận hay tiếc nuối gì trong cuộc chiến tranh và trong những ngày di tản ?

Bà chỉ hiểu nội dung cuốn phim qua những âm thanh. Tiếng bom đạn ầm ầm, tiếng súng nổ đì đùng, tiếng pháo kích rền trời, tiếng động cơ của máy bay cất cánh, tiếng nổ bùm bùm của chiếc trực thăng cháy trên trời, tiếng con nít khóc thảm thiết, tiếng kêu gào, la ó của những gia đình vợ chồng con cái lạc nhau...

Bà chỉ hiểu nội dung cuốn phim bằng những hình ảnh và cảm xúc của bà bị cuốn theo những hình ảnh ấy. Bà sợ hãi khi thấy cảnh Việt cộng bắt người bịt mặt dẫn đi, những chiếc poncho đen bọc xác chết, những mồ chôn tập thể khi Việt cộng tấn công và chiếm thành phố Huế. Bà thương xót khi thấy nét mặt phờ phạc, hốt hoảng,

ngơ ngác của những đoàn người kéo những chiếc xe bằng gỗ chất đầy đồ đạc lê lết trên đường di tản. Bà đau lòng khi nhìn cảnh những người lính Việt nam buồn rầu cởi bỏ các bộ quân phục, ba lô, giày, nón vất bừa bãi. Có người chỉ mặc chiếc quần xà- lỏn đi lang thang thất thểu trên hè phố Sài gòn.

Bà xót xa khi nhìn những người Việt chen lấn, tìm cách leo qua dãy hàng rào kẽm gai trước cổng tòa đại sứ Mỹ. Xa xa là một dòng người nối đuôi nhau, họ chờ biết bao giờ mới leo lên chiếc trực thăng đậu trên sân thượng. Hồ bơi màu xanh trong tòa đại sứ đầy rẫy những người nằm, ngồi la liệt chung quanh. Họ hy vọng chờ được bốc đi nhưng rồi thất vọng, họ thiểu não xách đồ đạc trở về khi biết rằng những chiếc máy bay cuối cùng đã cất cánh.

Bà ứa nước mắt khi thấy những đoàn người di tản bằng đường biển. Có người leo lên được, ngồi xếp lớp như cá mòi trên khoang tàu. Có người sẩy tay rớt xuống biển trong khi mọi người ai cũng lo bám vào thành tàu và tìm cách leo cho bằng được lên boong tàu. Giờ phút này, có ai để ý đến ai. Có ai nghĩ đến cứu vớt người khác ngoài lo cái mạng sống của mình. Bà hồi hộp khi nhìn những chiếc trực thăng chở gia đình người di tản bay là đà gần chiếc hạm đội Mỹ đậu ở ngoài khơi. Họ xin

cứu hộ. Người phi công là người cuối cùng nhảy xuống biển trước khi chiếc máy bay nổ tung trên bầu trời. Gia đình và người phi công được cứu sống. Bà vui mừng khi thấy những chiếc máy bay trực thăng đáp xuống chiếc hàng không mẫu hạm. Đoàn người di tản đã được tàÂu Mỹ vớt. Những người Mỹ và Việt hè nhau đẩy chiếc máy bay xuống biển lấy chỗ cho những người tị nạn ngồi la liệt trên khoang tàu. Và còn nhiều hình ảnh làm bà không cầm được nước mắt khi ai đó hạ chiếc cờ vàng ba sọc đỏ từ trên cao xuống thay bằng chiếc cờ Mỹ và bài hát quen thuộc «Này công dân ơi» cất lên trên chiếc tàu Âu Mỹ.

Trong một vài giây ngắn ngủi, trên màn ảnh là một người đàn bà mặc áo tím, tóc búi ngắn, nhìn nghiêng có khuôn mặt xương xương, đôi mắt đăm đăm nhìn ra ngoài khung cửa sổ máy bay, nét mặt trầm tư. Bà Hai nhận ra đúng là mình. Trong khoảnh khắc liên tưởng, trong đầu bà bật lên một khuôn mặt khác : Vân. Người đàn bà mặc áo tím ấy cũng rất giống Vân. Nước mắt bà rơi nhòe cặp kính trắng.

Không còn gì nghi ngờ đây chính là bé Hảo mặc chiếc áo đầm trắng. Hảo đứng cạnh bà. Hình ảnh rất rõ của hai mẹ con có đôi mắt nhìn xa xôi lọt vào ống kính của người phóng viên. Bà nhận ra bốn đứa nhỏ. Đúng là

cái mặt ngô ngố của thằng Hiệp ngồi trong cùng. Hiệp quay đầu nhìn vào máy quay phim đang chĩa vào mặt nó. Cạnh Hiệp là Hạnh ngồi sát vào lưng ghế. Út Hải ngồi cạnh Hạnh, đầu nép vào chị Hương. Hương ngồi ngoài cùng.

Hạnh ngồi gần bà Hai, áp sát vào tai bà :

- Đúng má phải không ? Má nhận ra tụi con không ?

Bà gật đầu. Vừa lúc ông Hai quay về phía bà;

- Đúng là bà và mấy đứa nhỏ rồi.

Hiệp ngồi cạnh ông Hai cũng choàng người qua :

- Má chứ còn ai nữa. Cái mặt con hồi nhỏ ngố quá há má.

Hảo và Hương ngồi xa, nghiêng người nhìn bà, gật gật đầu.

- Đúng là cái mặt chị Hảo.

- Con nhận ra Má liền.

Gia đình bà đang xì xào về một cảnh trong phim tuy chỉ có vài giây đồng hồ ngắn ngủi nhưng là một mắt xích trong một giai đoạn lịch sử đau thương của miền

Nam.

Trên đường về nhà, mấy cha con ông Hai bàn tán rôm rả về cuốn phim. Bà Hai nhìn ra ngoài trời tối đen. Một dãy đèn vàng chạy dài trên dòng freeway ngược chiều làm bà lóa mắt. Bà tựa đầu trên ghế, quay mặt về phía cửa kính, nhắm mắt lại. Hạnh nói Má mệt, thôi để Má ngủ. Bà không muốn cho các con thấy hai hàng nước mắt trào ra ướt đôi kính trắng đọng trên đôi má. Bà nhớ đến chiếc áo bà ba tím, chiếc áo màu tím của Vân.

Ngày đó, thư từ và tin tức từ Việt nam qua Mỹ của Vân và gia đình bà đều qua trung gian cô em gái ông Hai ở Pháp. Bà biết tin sau khi gia đình bà đi Mỹ, nhà bà bị xếp vào loại «theo chân đế quốc» , và «ngụy quân» . Hai ông bà già tuổi gần đất xa trời thay vì đi kinh tế mới, «cách mạng khoan hồng» đẩy Vân và ông bà cụ lên tầng trên, nhường căn nhà mặt tiền cho một gia đình cán bộ tập kết vào ở. Ông cụ mất năm sau đó và hai năm sau bà cụ mất, Vân bị đuổi ra khỏi nhà. Căn nhà thuộc sở hữu của tên cán bộ. Cường bị kẹt sau ngày ba mươi tháng tư và bị bắt đi học tập cải tạo tại Nha Trang. Vân liên lạc được với Cường và hàng tháng Vân đi thăm nuôi Cường.

Lá thư Vân viết vào cuối tháng mười hai kể về chuyện Cường trốn trại gửi qua Pháp làm bà suy sụp tinh thần cả tháng trời. Trốn trại lần thứ nhất Cường và một người bạn bị bắt và bị biệt giam. Thời gian sau được thả ra, Cường trốn trại lần thứ hai và bị bắn chết trong rừng. Vân đem xác chồng về hỏa thiêu rồi thả tro xuống biển.

Bà nhận được lá thư cuối cùng của Vân gửi qua Pháp đề ngày tám tháng ba năm một chín bảy tám, trong thư Vân cho biết sẽ đi thăm «Út Hải» . Tính đến nay đã ba mươi bảy năm rồi, bà không nhận tin tức gì về chuyến vượt biên của Vân, người em gái bất hạnh của bà.

Sáng chủ nhật, hai mẹ con bà Hai vào tiệm vải trên đường Bolsa để tìm may áo dài cho dịp đám cưới Út Hải sắp tới.

Chọn xong chiếc áo nhung, bà Hai ngắm nghía mãi hai xấp vải lụa màu tím sim và màu tím hoa cà. Hạnh nhớ ra mẹ mình thích màu tím. Cô chọn và may cho mẹ chiếc áo bà ba màu tím sim vì màu này hợp với tuổi bà. Từ khi xem cuốn phim «The last days of Vietnam» , hình ảnh mẹ cô mặc chiếc áo tím cùng với năm chị em ngồi trên máy bay trong ngày di tản, cái chết của chú Cường bị bắn trong rừng, dì Vân vượt biên mất tích và những hình ảnh về cuộc di tản và vượt biên của người Việt nam trong phim làm cho cô gái người Mỹ gốc Việt

này băn khoăn, thao thức muốn tìm hiểu câu chuyện về những thuyền nhân Việt nam.

Cô đọc đâu đó có một người ký giả Tây phương đã dí dỏm khi ví von nếu cái cột đèn biết đi, nó cũng ra đi tìm tự do và để tránh chính sách khắc nghiệt của Cộng sản. Nhờ xem phim này, cô phân biệt được hai giai đoạn lịch sử, hai từ ngữ «di tản» và «vượt biên» một cách rõ ràng mà trước đây cô chỉ suy nghĩ một cách chung chung và mơ hồ. Gia đình cô là một trong hàng trăm ngàn người may mắn di tản an toàn bằng máy bay trước ngày ba mươi tháng tư. Nỗi gian khổ của gia đình cô trong những ngày đầu tiên lập nghiệp ở xứ Mỹ có thấm thía gì với những người vượt biên bằng đường biển và đường bộ. Không có thống kê, không có con số chính xác nhưng ước chừng có gần một triệu người, trong số đó cứ ba người bỏ nước ra đi, một người đến an toàn, một người bị bắt ở tù và một người chết.

Có lúc cô nhìn lên ảnh dì Vân trên bàn thờ và nghĩ đến cái chết của dì Vân. Dì chết trong trường hợp nào, ở đâu ? Vì đói, khát hay vì bệnh hoạn ? Dì chết chìm, bị bắn chết hoặc bị hải tặc hãm hiếp ? Dì chết trên bờ, ngoài bãi, trong rừng hay ngoài biển khơi ? Dì Vân của Hạnh chỉ là con số một nhỏ nhoi trong hàng trăm ngàn người mất tích này. Hàng trăm ngàn người may mắn

đến bến bờ tự do được Cao ủy Liên Hiệp Quốc kêu gọi các nước như Phi, Mã Lai, Thái Lan, Singapore, Hồng Kong, Úc, Tân Tây Lan... đón nhận họ. Các hòn đảo nơi đó có những trại tị nạn một thời trở thành những địa danh thấm máu và nước mắt, ghi sâu trong ký ức những người vượt biên như Sikew, Songkhla (Thái Lan) , Galang (Nam Dương) , Pulau Bidong (Mã Lai) , Bataan, Palawan (Phi) .

Hạnh nhớ có đọc đâu đó có người đặt cho các làn sóng vượt biên vĩ đại ở biển Đông kéo dài gần hai mươi năm của người Việt nam cái tên «Exodus» . Exodus trong kinh Cựu Ước kể về cuộc ra đi kéo dài 40 năm của người Do Thái muốn thoát khỏi kiếp sống nô lệ ở Ai Cập. Exodus là tên chiếc tàu chở những người sống sót trong cuộc tàn sát người Do Thái đến hải cảng Haifa nhưng bị người Anh trục xuất. Những chuyến tàu vượt biên của người Việt nam sau này cũng như thế. Tàu của họ bị xua đuổi ra hải phận quốc tế trong tình trạng tan nát, thiếu nước, thiếu lương thực, thuốc men. Những người vượt biên đa số là phụ nữ và trẻ em nằm ngắc ngoải chờ chết mặc dù họ đến được bến bờ tự do.

Vào thời điểm đó, Cao ủy Liên hiệp Quốc đã mệt mỏi vì chương trình tị nạn kéo dài, một phần vì sự ra đi liên tục, ồ ạt của những thuyền nhân càng ngày càng nhiều

và các trại tị nạn trở thành gánh nặng cho các nước láng giềng, họ đề ra chính sách thanh lọc các thành phần ra đi theo diện chính trị hoặc kinh tế để làm nản lòng và hạn chế số người vượt biên. Nhiều thuyền nhân bị từ chối định cư ở nước thứ ba vì không hội đủ quy chế tị nạn. Trại tị nạn cấm Whitehead ở Hongkong đã xảy ra các vụ biểu tình, treo cổ tự tử, tự thiêu để phản đối, gây tiếng vang và sự phẫn nộ trong dư luận quốc tế. Họ thoát khỏi sự nguy hiểm của sóng to gió lớn ngoài biển khơi nhưng một lần nữa họ chết trong sự lênh đênh, tuyệt vọng trên bến bờ tự do.

Thỉnh thoảng Hạnh vẫn nghe ông bà Hai nhắc đến các từ «học tập cải tạo» . Bốn mươi năm về trước, ông Hai đã quyết định dứt khoát phải ra đi trong tiếng khóc sụt sùi của bà Hai. Ông biết rõ nếu ở lại Việt nam, ông sẽ là một trong hàng triệu người bị Cộng sản đầy ải. Nếu không chết trong các trại tù tập trung này, ông cũng chết trong rừng như Cường hay ngoài biển như Vân.

Hạnh muốn cám ơn những người làm phim giúp cho Hạnh và những người trẻ lớn lên ở xứ Mỹ hiểu và chia sẻ lịch sử bi thảm của đất nước, dân tộc Việt nam trong cuộc di tản trước ngày ba mươi tháng tư và cuộc vượt biên kéo dài gần hai mươi năm. Những người làm phim đã nêu lên tình cảm tốt đẹp của những người lính Mỹ,

những nhân viên tòa đại sứ khi họ không tuân lệnh cấp trên tìm cách giúp những người Việt nam như gia đình ông Hai di tản.

Hạnh nghĩ có một hôm nào đó Hạnh sẽ đến ngồi gần Ba nói lời cám ơn Ba ngày đó Ba đã sáng suốt, dứt khoát ra đi để chị em Hạnh có được một tương lai tốt đẹp ở một đất nước tự do như xứ Mỹ. Hạnh muốn cám ơn đất nước Mỹ đã cưu mang gia đình Hạnh trong những ngày đầu tiên bơ vơ nơi xứ người. Ba má Hạnh, dì Vân, chú Cường, thế hệ thứ nhất đã hy sinh quá nhiều cho thế hệ các chị em Hạnh. Giờ đây, thế hệ này đã cắm những gốc rễ vững chãi tại quê hương thứ hai này để cho thế hệ thứ ba nở những hoa thơm trái ngọt.

Thỉnh thoảng Hạnh thấy mẹ mặc chiếc áo tím đứng thắp nhang trước bàn thờ có di ảnh của dì Vân. Trước đây, tấm ảnh để thờ là tấm ảnh đen trắng dì Vân chụp hồi còn trẻ được phóng lớn đặt bên cạnh ảnh chú Cường và ông bà ngoại. Chiều nay, Hạnh mang về tấm ảnh màu. Người thợ hình đã tô vẽ và làm mới lại. Có một chút màu sắc, ảnh dì Vân trông đẹp hẳn lên. Hạnh ngắm nghía mãi tấm ảnh. Hai chị em giống nhau như khuôn đúc. Có lúc Hạnh bàng hoàng cứ ngỡ đó là bà Hai hồi còn trẻ.

Điểm đặc biệt của tấm hình này là chiếc áo màu tím hoa cà. Theo lời yêu cầu của Hạnh, người thợ hình đã tô vẽ màu tím hoa cà trên chiếc áo bà ba trắng của Vân. Tấm ảnh đã có màu sắc mới, màu tím của chiếc áo ngày xưa, màu tím mà bà Hai và Vân đều thích khi còn trẻ. Chiếc áo bà ba màu tím ấy chỉ xuất hiện một lần trong cuốn phim «Những ngày cuối cùng ở Việt nam» nhưng trong tâm tư bà Hai và đứa con gái út hiểu người Mẹ nhất trong nhà, chiếc áo bà ba tím mãi mãi là một kỷ niệm buồn về một người thân không bao giờ gặp lại.

Phùng Annie Kim

Những Cái Tết Khó Quên Sau 1975

Ngô Văn Thu

Với bài viết «Tháng Tư, Tro Tràn Bay Trắng Đầu» , tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Ông sinh năm 1939. Trước 1975, là sĩ quan QLVNCH. Bị bắt tù binh ngày 16/04/1975 tại mặt trận Phan- rang. Ra tù 1984. Vượt biên 1986. Bị bắt giam ở nông trường dừa 30/04, tỉnh Trà- vinh. Năm 1987 trốn trại về Saigon. 1989 tái vượt biên đến Malaysia tháng 07/1989. Tháng 05/1993 định cư tại Houston, Texas. Bài viết mới của tác giả kể về những cái tết khác thường của thời khó quên ấy.

Sau 75, Miền Nam bỗng trở thành trại tù lớn. Tôi cũng là người tù trong đó, nhưng sớm hơn vì bị bắt ngoài mặt trận Phan Rang ngày 16/4 trước khi Sài gòn «đóng cửa» . Những tháng sau, luôn bị di chuyển từ vùng này qua vùng khác, một cách tránh sự cứu thoát tù binh như thường thấy trong chiến tranh. Sau đó mới được đưa vào trại tập trung gọi là tổng trại để chuẩn bị kế hoạch lâu dài đối với tù.

1. Tết trong tù «cải tạo»

Không hẹn mà tết cũng theo chân tù vào trại, dù lúc này tết không còn háo hức trông đợi như bao lần trước nữa. Để chứng tỏ «cách mạng» cũng lo cho những người tù. Trại cho lệnh tự tổ chức tết với nhau qua mấy hình thức : - Văn nghệ, ca kịch, Báo tường, Ẩm thực.

Văn nghệ thì chỉ được hát những bài sáng tác theo đơn đặt hàng như : Trường sơn Đông, Trường sơn Tây hay Dáng Đứng Bến Tre, Tiếng Chày Trên Sóc Bom Bo v. v... do ban quản trại duyệt đưa xuống.

- Kịch thì tự biên, tự diễn kịch vui theo tinh thần «đất nước đã hoà bình» . Riêng báo tường thì viết các bài có nội dung ca ngợi lao động là «vinh quang» chứ không được viết chệch hướng» lang thang là chết đói» .

- Về phần ẩm thực, thì trại ra lệnh cho mổ hai con «lợn» để lấy thịt cung cấp cho 700 «thực khách» đang mỏi mòn trong đói rét.

Nội dung là thế, nhưng khi thi hành có đôi điều biến thái khó lường : Khi tập ca nhạc, phe ta bỗng nổi hứng hát «nhạc vàng» độn vào giữa như độn khoai ngô cho đỡ đói vậy. Hoặc chơi nhạc thì pha điệu nhạc cha cha cha vào cho đỡ nhớ một thời lả lướt trên sàn nhảy. Bị

bảo vệ «phát hiện» hỏi : các anh hát nhạc gì thế ?

- Hát nhạc Liên Xô. Tù trả lời. -

- Ừ; nhạc Liên Xô, hay ra phết đấy ! Bảo vệ nói.

Thật tình người lính Cộng sản này làm sao nghe được một bản nhạc ngoại quốc để phân biệt nhạc Liên Xô, hay nhạc Mỹ. Tù qua mặt cái vù...

Báo tường, được viết với nội dung chung chung, tù không viết hết ga... viện dẫn chưa quen làm báo (thật tình không phải vậy) . Nhưng bỗng có một bài báo gây phẫn nộ cho quản giáo và cán bộ, liền bị gỡ xuống ngay. Nội dung tác giả tự cho mình là một người «phản tỉnh» viết rằng : Ở dưới chế độ «Mỹ Ngụy» tôi bị tuyên truyền; «Hồ chí Minh là tên cõng rắn cắn gà nhà, rước Nga Tàu về dày xéo mả tổ Việt nam» , nay nhờ «cách mạng giáo dục» nên mới «giác ngộ» biết được mình sai. Người viết sau đó liền bị cách ly điều tra. Sau một tuần biệt giam, người chiến sĩ «phản tỉnh» ấy được ra khỏi xà lim, được anh em tù phong cho danh hiệu «anh hùng phản tĩnh sấm sét» , ý đám tù cho anh ta dám chơi bạo, chửi Hồ chí Minh công khai trước mặt cán bộ mà không ngán.

Vẫn chuyện báo tường, một hoạ sĩ tài tử (hiện ở Nam Cali) vẽ một bức hí họa rất đẹp. Có nội dung người đi thăm nuôi gánh oằn vai một đầu bánh chưng, một đầu bánh tét, lên trại thăm chồng. Theo ý tác giả; nói lên sự «sung túc» của cách mạng, (nhưng thâm ý của bức tranh phải hiểu ngược lại) Sau đó ông ta bị đem nhốt xà lim vì cho là có nội dung bôi bác «cách mạng» , vì cách mạng qua chiến tranh đang còn khó khăn lấy đâu ra của cải mà gánh oằn vai như mô tả.

Sau những trắc nghiệm (đánh dọ dẫm lừa miếng nhau, giữa tù và cán bộ trại) đám tù được dán nhãn hiệu là «phản ứng tinh vi» . Mà tinh vi thật ! Trại toàn chứa những bộ óc «phản động» , không hẹn mà gặp nhau trong tù, vì bị lừa phỉnh, vì bị bắt vào đây, thử hỏi làm sao không có phản ứng được. Từ đó anten chăm sóc kỷ tù về mọi động thái sinh hoạt.

Riêng hai con «lợn» khi mổ thịt, có lệnh ban quản trại bảo nhà bếp phải để riêng hai bộ đồ lòng ra ngoài bụi chuối, tối sẽ có người đến mang đi. Ai sẽ được quyền đi lại ban đêm trong trại tù, không ngoài cán bộ.

Con lợn, ngon nhất chỉ có bộ đồ lòng, thế mà bộ đồ lòng lại bị cán bộ «giải phóng» riêng. Từ đó tù hiểu nghĩa giải phóng Miền Nam là thế. Cuối cùng khẩu phần «ăn tết» của tù, mỗi người được hai lát thịt lợn

mỡ, hai lát bánh tét và chút nước xáo đủ để tráng miệng trong cái tết gọi là tết mừng «thống nhất Bắc- Nam !

Cứ thế, tết năm đầu nối tiếp trên mười năm sau, tết trong tù vẫn bổn cũ soạn lại. Vẫn những hứa hẹn vu vơ như là miếng mồi nhử để tù hy vọng không nổi loạn, không trốn trại. Từ đó, tiếng trở mình trên liếp tre trong láng trại giữa đêm khuya của tù bỗng nhẹ dần, nhẹ dần, vì kiệt sức, vì đói, vì tuyệt vọng, vì tiếc nuối những cái tết êm đềm ngày xưa bên gia đình, bên xóm làng. Nhưng nay đã mờ nhạt xa dần vào dĩ vãng...

2. Về nhà ăn Tết

Người ta thường ví : xã hội ngoài nhà tù cũng là trại tù lớn dưới chế độ XHCN. Sau đổi tiền lần hai 1986, mọi người lại trắng tay. Người tù về đến nhà đã trở thành người vô sản đúng như kế hoạch cải tạo (từ có đến không) . Tết đến càng tê tái hơn vì nhìn quanh không còn gì để bán nuôi mình và nuôi con.

Con, đứa bé khi lọt lòng mẹ 3 tháng tuổi thì cha đã bị thời cuộc đưa vào tù, ở nhà, mẹ gởi con cho bà co (vợ) buôn chuyến đường xa, rồi đi biền biệt không về nữa. Cha về, đứa con nhìn cha xa lạ như chuyện «Chàng Trương» . Hằng đêm nhìn bóng đổ trên tường bảo đó là cha mình. Còn cha thật thì ngỡ ngàng không biết ! Cảnh

đời trớ trêu, đắng cay là thế.

Để tạo mùa xuân cho con, một sáng tinh sương, tiết trời đang se lạnh vào xuân, người (cựu) tù lặng lẽ vào bệnh viện Hồng Bàng sắp hàng ghi tên bán máu. Vì không còn gì để bán ngoài máu của mình để giải quyết khẩn cấp nhu cầu cuộc sống hiện tại.

Nhận được 25 nghìn đồng/VN qua xị máu tươi bán được, về nhà đưa con đi «chợ tết» . Dè xẻn mua cho con bộ đồ mới, đôi dép nhựa, đôi khoen tai cho con đeo vui vẻ ba ngày xuân. Đứa con 9 tuổi, lớn lên trong tủi hờn vì vắng cả cha lẫn mẹ nên từ lâu không có mùa xuân. Riêng người tù, dù xuân trong tù hay ngoài tù trong xã hội mới, cũng chỉ là những mùa xuân vô nghĩa, vô sắc màu, mùa xuân đã chết.

3. Tết trong tù vượt biên

Cảm thương cảnh gà trống nuôi con của tù, một mạnh thường quân ra tay nghĩa hiệp, đóng tiền cho cha con cựu tù vượt biển tìm tự do.

Chuyến đi từ bãi ra đến hải phận xuôi chèo mát lái. Đã gặp được thương thuyền lớn qua lại trên biển Đông. Nhưng tai họa bất ngờ ập đến. Bét dầu của máy bị hư, không có phụ tùng thay thế. Vì «tàu» chỉ là một loại

ghe chài nhỏ trong sông, chủ tổ chức sửa chửa sơ sài rồi kêu khách ra đi (chủ ở lại) nay gặp cảnh ngộ này chỉ có người tài công loay hoay sửa chữa, không ai có trách nhiệm, đành buông xuôi, trôi ba ngày ba đêm «tàu» tấp vào vùng biển Trường Long Hòa thuộc thị xã Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Bình Vùng 4. Thế là tái ngộ cảnh tù, như một định mệnh trớ trêu.

Tám tháng tại huyện Cầu Ngang, bị còng hai chân suốt ngày đêm trong cùm để khảo vàng vì bị nghi là chủ tàu (đứa bé được trả về trước) . Sau đó tù bị đưa đi nông trường dừa 30/4 ở huyện Minh Hải để lao động đào mương dẫn nước vào dừa, và đắp đập thuê cho các xã lân cận ngăn nước mặn vào ruộng.

Tết chia ly tình cha con nghẹn ngào thương nhớ lại về. Trại tù này (tù vượt biên) chỉ vài trăm người nên không tổ chức tết. Nhưng bất ngờ, tù nhận được từ trại phát xuống mỗi người một con vịt sống để gọi là» ăn tết» . Ăn làm sao khi trong tay không ai có nồi niêu xoong chảo để nấu chín. Tù bèn tính kế; hùn tiền mua một nồi cháo và một nồi bún (gia đình cán bộ gánh theo ra bãi bán cho tù) viện cớ mua chia nhau ăn trong dịp tết để mượn nồi, nhờ vậy mà trong ba ngày tết thay nhau nấu chín được số vịt.

Đừng tưởng trại có lòng nhân với tù lắm đâu. Đây là

công sức của tù đã đổ ra khi lao động đắp đập thuê cho các xã lân cận theo hợp đồng, trại có sẵn «nước sông công tù» . Quyền lợi chia chác nhau, tù chỉ có con vịt (vịt thả đồng, hằng hà) so với sức lao động vác đất đá đổ xuống kinh ngăn nước mặn vào ruộng, thì con vịt dành cho tù có sá là bao. Vì vậy, miếng thịt vịt tù ăn như thấm vị mặn của mồ hôi, vị cay của nước mắt, vị chua chát của đời tù... chứ chẳng phải là các món vịt hảo hạng ngoài đời.

Hơn một năm sau, khi đã điều nghiên địa thế và thời cơ thuận lợi, người tù đã dẫn theo 4 đồng đội cùng mình chạy bộ suốt một đêm, từ 8 giờ tối để nuốt trọn quãng đường dài 62km từ đập Ba- Động, nông trường dừa 30/4 trốn thoát về đến Đầu Bờ thị xã Trà- Vinh, tỉnh Vĩnh- Bình 5 giờ sáng, rồi nối tiếp xe ôm về Bắc Mỹ Thuận, tiếp xe đò về Sài gòn để tránh bị rượt đuổi phía sau. Động lực thúc đẩy tù chạy nước rút, vì thời gian quyết định sự sống và thành bại. Phần khác vì hình ảnh đứa con như vẫy gọi trước mắt mong cha về khiến tù càng quyết tâm hơn.

Sau 10 tiếng đồng hồ đã biến đổi được cảnh đời lao lý. Thoát cảnh tù lần 2. Thoát lằn đạn găm sau lưng, thoát vòng dây trói oan nghiệt vì bị bắt lại, để thấy được Sài gòn. (sẽ mô tả nhiều trong bài).

Về Sài gòn, gặp lại con mừng mừng tủi tủi vì thương đời con quá long đong đã sinh ra lầm kiếp, lầm thời. Sau đó hằng ngày tù chui nhủi vào chốn chợ trời thuốc tây Tân Định mưu sinh. Vì không vốn phải «chạy cò» (làm trung gian) kiếm cơm nuôi mình và nuôi con. Bỗng dưng cơ hội ngàn vàng đến.

Một ngày Sài gòn mưa dầm đầu mùa, chợ vắng. Một người mang trong ba lô, lô hàng thuốc tây trụ sinh hiếm quý có nhãn hiệu; Chloramphenicol (Typhomycine 325mg 1240 vỉ (vỉ bấm) , hàng sản xuất tại Thái Lan đi tìm người tiêu thụ. Sau khi thỏa thuận giá cả, người mua bủn rủn vì không biết lấy tiền đâu trang trải món hàng to lớn ấy. Bèn nghĩ cách; lấy một lô thuốc trị giá bằng giá vốn đưa tiệm vàng thế chân, và chấp nhận chịu lời theo họ đòi hỏi. Mọi việc êm xuôi, hai tuần lễ sau. Người tù có trong tay 6 cây vàng kiếm được qua lô hàng đó. Từ cảnh tận cùng phải bán máu nuôi con, nay có 6 cây vàng trong tay khoảng cách chỉ là ánh chớp trong cuộc đời. May mắn đã mỉm cười với tù. (xem «máu thắm đời con» Việt báo online vv/nm đăng 2012) .

4. Tết trên đảo tị nạn

Rồi cơ hội khác lại đến, có chuyến vượt biên. Tù quyết định ra đi. Sau 4 ngày 5 đêm tàu đến được Malaysia (xem «chiếc hãi bàn kỳ diệu» Việt báo daily đăng 2012) , bị giữ 4 năm trên đảo để thanh lọc vì đến trễ, các trại tỵ nạn trong vùng Đông Nam- Á đã đóng cửa. Bị vào trại cấm (holding center) , một lần nữa lại vào tù...

Mặc cho thế gian truân chuyên bên ngoài. Tết vẫn đến trên đảo Bi Dong. Giữa trời nước mênh mông, tết về trong gió chướng mưa mùa. Đảo như trôi bồng bềnh trên biển, lòng người ly hương ngơ ngác, thất thần kéo theo bao tiếng thở dài, não ruột, buồn vô hạn. Cái tết ly hương đầu tiên 1989 thấm thía, quay quắt nhớ thương... Còn đâu quê mẹ chân nguyên với bao mùa xuân đầy kỷ niệm của thuở thiếu thời, còn đâu những cành mai vàng khoe sắc trong cảnh chợ xuân tấp nập của thời phồn vinh ngày trước. Còn đâu tiếng pháo giao thừa ròn rã đón xuân... Nay chỉ còn là những kỷ niệm rưng rức buồn.

Cao ủy tỵ nạn cũng tổ chức «ăn tết» cho thuyền nhân qua việc cho múa lân quanh đảo, phát quà bánh cho trẻ con và tăng chút khẩu phần lương thực hơn thường lệ với người lớn, nhưng không tăng được chút hy vọng nào vào nỗi ưu tư về thân phận u- ám, ảm đạm, mong

manh của thuyền nhân sẽ «đậu» thanh lọc để được ra đi.

Tết những năm sau cũng lòng vòng quẩn quanh như nhau, chỉ có một năm, bỗng dưng các cửa hàng» chạp phô» của Mã bày nhiều lồng nhốt gà sống bán cho dân tỵ nạn, mỗi con 3 Ringgits =$ 1, 50. USD. Thấy dấu hiệu lạ mọi người bàn tán. Có ai ngờ đâu, chuyện hãi hùng đang xảy ra, tử thần đang rình rập vồ lấy thuyền nhân. Vì gần trại, có trại gà, xổ gà ra bán gấp vì họ biết có nạn dịch đang bùng phát quanh đây. Không biết số gà bán vào trại đã bị nhiễm vi khuẩn chưa, chỉ biết trại tỵ nạn là thị trường béo bở tiêu thụ số hàng trên nên được tuồn vào bán. Vì rẻ dân tỵ nạn hăm hở mua, không ai biết đang mua hoạ vào thân. Tết năm đó toàn trại trắng màu gà, gà nhốt, gà cột trước nhà chờ giờ vạt lông.

May thay tết qua, toàn trại chỉ có mấy ca cấp cứu vì món ăn «lạ bụng» , tiết canh gà gây nên !

Gia đình chúng tôi được lên đường định cư tại Hoa Kỳ sau khi «đậu thanh lọc» (past screening) , qua cơn mê dài 4 năm 1989 1993. Thoát cảnh cá chậu chim lồng, ra bên ngoài, mới thấy được thiên đường của sự sống văn minh tiến bộ.

5. Cái Tết đầu tiên tại Mỹ

Đến Mỹ không bao lâu tết lại về. Cái tết đầu tiên trên đất nước mơ ước. Dù còn eo hẹp vì mới qua, nhưng theo thông lệ gia đình cũng mua sắm chai rượu, ít lon bia, bao thuốc lá và một vài món nhắm đơn sơ để chuẩn bị «nghênh khách» như kiểu còn ở Việt nam. Thế nhưng trọn ngày mồng một không có vị khách nào đến, qua ngày mồng hai, rồi mồng ba, suốt ba ngày đều là ngày tết của chủ nhà, không có ai lui tới thăm viếng. Nỗi buồn tràn về vì mặc cảm : nghĩ mình còn nghèo nào ai đến làm gì !

Sau này mới biết; dù tết, mọi người vẫn phải đi làm, vì tết Việt nam không rơi vào ngày nghỉ nên đành phải «cày» . Chỉ có tết vào ngày cuối tuần mà thôi. Tết lần đầu ở Mỹ «bị hố» . Nàng xuân chỉ lấp ló ngoài sân chứ chưa vào nhà. Mãi năm sau, tết mới thực sự vào nhà. Đó là cái tết thật bất ngờ.

Không biết họ săn tin từ đâu; có một đài truyền hình tuổi trẻ hải ngoại BYN 57. 3 đến nhà ăn tết cùng gia đình và thu hình trong vòng 30 phút. Họ phỏng vấn quanh chủ đề : Tết trước 1975. Tết trong trại tù. Tết trong trại tỵ nạn và tết đầu tiên ở Mỹ. Người «Mỹ giấy xanh» bị chói lòa trước mấy ống kính quay, trở thành người «diễn viên bất đắc dĩ «trả lời bao nỗi gian truân

: Từ cái tết với mấy lát thịt heo, chút nước xáo (trại tù binh) , rồi cái tết với xị máu hòa vào niềm vui cho con (ở nhà) . Cái tết có miếng thịt vịt hòa vị mặn của mồ hôi và vị cay của nước mắt (trại tù vượt biên) . Cái tết đắng chát âu lo thanh lọc ở (trại tỵ nạn) . Và cái tết đầu tiên tại Mỹ cô đơn tình người. Quả là những cái tết khó quên sau 75, với những cảnh chìm nổi, chua chát, đắng cay, máu và nước mắt của người dân bị mất nước, nên mất tất cả mùa xuân.

Sau đài phát hình, người thân, bạn tù, cũng như người từng ở trại tỵ nạn xem được, gọi đến chia vui, chúc mừng đã thoát một cảnh đời trầm luân tăm tối từ 1975 đến 1993, suốt 18 năm dài lận đận.

Từ nay, mỗi lần tết về, khi nhắm mắt không còn thấy» chân trời tím ngắt» nữa !

Ngô Văn Thu

Tôi Đi Học Tỉa Hoa Thủy Tiên

Bảo Trân

Tác giả tên thật Lý Tuyết Mai, cư dân Pomona, CA. Việc làm : Nhân Viên Bộ Xã Hội. Đã nhận giải Vinh Danh Tác Phẩm, Viết Về Nước Mỹ 2009 với bài «Con Bé» , chuyện kể về chính sách của Bộ Xã Hội Mỹ đối với trường hợp một cô bé gốc Việt 16 tuổi mang bầu. Bài mới của tác giả là chuyện tỉa hoa chờ tết.

Mỗi độ Xuân về, cứ vào khoảng ba hay bốn tuần trước Tết thì bà chị đồng song Lệ Thi của chúng tôi lại có hai lớp học tỉa hoa thủy tiên vào một cuối tuần, để «truyền nghề» tỉa thủy tiên cho các chị em Gia Long, hay những bạn bè thân quen muốn học.

Mấy Tết năm trước thì nhà tôi có đầy đủ mấy thứ hoa : mai, đào, lan, cúc... thành ra tôi cũng không thiết tha đến việc tìm sắm thêm hoa. Nhưng... tháng 10 năm ngoái chúng tôi đi vacation mấy tuần lễ, trước khi đi, ông chồng tôi đã thử đi thử lại mấy đường dây, ống tưới nước tự động, nhưng không hiểu sao trong lần kiểm soát sau cùng ông lại bỏ quên không bật nút «on» của một đường dây. Thế nên khi chúng tôi về tới nhà, thì những chậu cây kiểng, hoa của tôi nằm chung trong đường dây đó khô rang vì thiếu nước. Mà tai hại nhất đó

lại là đường dây dẫn nước vào những chậu hoa bonsai hồng đào, liễu mai, và mai tứ quý của tôi. Cho dù chúng tôi đã cố công «cấp cứu» , nhưng bọn chúng cũng im lìm không nhúc nhích, ngày Tết đã cận kề mà chúng không ló nổi ra được một cái lá non nào hết chứ đừng nói tới hoa. Cộng thêm thời tiết nóng lạnh bất thường, nên những chậu lan và mấy bụi cúc vàng của tôi nằm dưới cái patio cũng lì ra không thèm trổ bông, mà xanh rì toàn lá là lá... Buồn tình, tôi phải đi tìm những loại hoa khác để tô điểm cho những ngày đầu năm mới của tôi. Nhân đọc email thông báo về lớp học tỉa thủy tiên đón Xuân, và nhìn hình chậu hoa thủy tiên năm ngoái của chị LT chưng lên cho bà con ngắm tôi bèn rủ rê ông chồng tôi đi học tỉa hoa thủy tiên. Tức thì ông giẫy nẩy :

- Trời ơi, đàn ông ai lại đi tới chỗ mấy bà tỉa hoa, tỉa lá làm gì.

Tôi bèn mở cuốn đặc san GL năm ngoái có in mấy cái bức hình lớp học tỉa hoa của chị LT ra cho ổng nhìn rồi bảo :

- Nè anh xem, có biết bao nhiêu là rể GL đi theo hỗ trợ tinh thần yêu hoa lá của vợ, đâu phải chỉ có mấy bà đâu. Lại nữa, cái thú tỉa thủy tiên tự ngàn xưa là cái thú của mấy ông phong lưu, trí thức, đâu phải của mấy bà. Hơn nữa anh có «green thumb» , anh khéo tay về

cỏ cây hoa lá hơn em, anh uốn tỉa mấy giò lan của anh còn được, thì đi học tỉa thủy tiên là... chuyện nhỏ, phải không ?

Không biết là tại tôi «ca tụng» quá nên chàng bùi tai, hay là chàng sợ đêm nào cũng được nghe vợ «thủ thỉ» bên gối - «Đi học tỉa hoa thủy tiên không anh ? Đi nghe anh.» - nên ông chồng tôi đành buông tiếng thở dài - «Thì đi» .

Tôi email cho bà chị đồng song, ghi danh vào lớp học ngày Chủ Nhật, từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Tôi hỏi tại sao phải học nguyên ngày, lâu dữ vậy, thì chị LT nói, tùy theo «sức học» của em, em tỉa xong sớm thì về sớm.

Sáng Chủ Nhật tôi dậy muộn, vì đêm hôm trước đi nghe nhạc thính phòng về khuya, mãi hơn 9 giờ sáng tôi mới mở mắt ra nổi. Từ nhà tôi xuống tới nhà chị LT cũng hơn ½ tiếng đồng hồ. Tôi lật đật gọi cho chị LT thì chị bảo, không trễ đâu, xuống đi cô nương ơi.

Quả nhiên, khi tôi đến nơi thì... chưa trễ lắm, vì chỉ có 1 cô học trò Hương Xuân đang ngồi bóc vỏ cái củ gì giống củ... hành, còn mấy nàng học trò khác thì còn... phiêu lãng tận phương nào. HX nói :

- Em là học trò siêng năng nhất đó nghen, 9 giờ sáng em đã có mặt ở đây.

Chị LT lắc đầu :

- Thiệt tình, chị đã dặn mấy cô nàng kia là mình bắt đầu từ 9 giờ mà giờ này cũng chẳng thấy tăm hơi.

Tôi cười giả lả :

- Chị ơi, không ăn đậu thì không phải là Mễ, không đi trễ thì không phải VN, thành mấy chị kia chưa tới cũng là... chuyện bình thường. Vậy cũng tốt, giờ này chỉ có mấy đứa em thì chúng em được chị chỉ bảo cặn kẽ hơn.

Chúng tôi ngồi xuống ghế. Chị LT lấy trong cái thùng giấy nằm trong góc nhà đưa ra cho tôi 2 củ thủy tiên còn đầy đủ vỏ bọc sần sùi đen đủi, nhìn giống như hai củ hành có nhiều củ hành nhỏ chung quanh. Tôi nói với chị là ông chồng tôi sẽ là người học tỉa thủy tiên hôm nay, tôi chỉ dám dự thính thôi, vì với hai bàn tay không được mấy khéo léo của tôi, e là tôi sẽ cắt chạm vào mấy cái nụ hoa còn đang ẩn trong lòng củ mất. Chị nói không sao, ai học cũng được, chị hỏi :

- Em có đem giao kéo gì theo để tỉa hoa không ?

Tôi lục trong giỏ đưa ra cho chị xem cái kéo tôi cắt nụ hoa và con X- Acto knife mà ông chồng tôi vẫn dùng để làm những món đồ chơi tỉ mỉ của ông. Chị bảo cũng được, nhưng cái kéo của tôi thì hơi to, chị sẽ cho tôi mượn cái kéo nhỏ của chị. Tôi cũng không có con dao máng để «khoét» sâu vào bẹ củ thủy tiên, chị LT sẽ cho mượn luôn để làm, vì chỉ mình chị mới có con dao nhà nghề đó, mua từ lúc chị còn ở VN.

Thế là ông chồng tôi bắt tay vào việc. Theo lời chỉ dẫn của «bà thầy» thì trước nhất là phải bóc mấy cái vỏ đen đủi bao bọc bên ngoài củ hoa cho lộ những thân hình trắng nõn mềm mại, rồi mới bắt đầu cắt một vòng vào phần thịt củ, cách rễ khoảng ½ inch. Chị LT cũng bảo chúng tôi cắt bỏ bớt những mầm non mọc xiên xẹo trong lòng củ, chỉ giữ lại các mầm ở chính giữa củ nằm thẳng hàng với nhau mà thôi. Gọt, tỉa củ chính xong rồi sẽ gọt sang những mầm sườn ở chung quanh, vì những củ con bên sườn này cũng có một cành hoa. Nhưng khi gọt những củ con phải hết sức cẩn thận vì các lớp vỏ bao bọc tia hoa rất ít, nên dễ phạm vào bao hoa. Chị LT cũng nói sơ qua về cách xén lá thủy tiên, chị bảo nếu muốn lá mọc thấp và uốn lượn phía dưới hoa thì phải xén lá. Mình xén lá theo cạnh nào thì nó sẽ uốn lượn theo cạnh đó. Dùng dao rạch một chút trên ngọn lá rồi xén dọc theo chiều dài của lá. Muốn lá được cong nhiều

hay cong ít thì tùy theo mình xén lá tận đến cuống hay chỉ một phần nào của lá.

Cứ thế, ông chồng tôi ngồi tách từng lớp vỏ cho đến khi vào gần giữa củ, nơi có những cánh lá non màu vàng và các tia hoa gồm nụ hoa, cuống hoa nằm thẳng hàng. Lúc này thì ông phải hết sức thận trọng để khỏi chạm vào bao hoa, cuống hoa. Tôi hồi hộp ngồi bên cạnh nhìn ông chồng tôi tỉ mỉ tách mấy cái nhánh lá để đếm xem được mấy cái tia hoa. Tôi nóng nẩy nhìn những đường dao chậm chạp của ông, nhưng lỡ nói là chỉ dự thính thôi nên tôi đành ngồi làm... «cô giáo phụ» chỉ trỏ. HX nhìn tôi cười :

- Chị TM nói không làm nhưng ngồi nhìn một hồi là tay chân sẽ ngứa ngáy cho coi.

Quả nhiên, khi nhìn thấy ông chồng tôi xuýt xoa khi cắt phạm vào một cái nụ thì tôi không ngồi yên được nữa. Tôi với tay lấy củ hoa còn lại trên bàn bắt đầu bóc vỏ...

Chừng ½ tiếng đồng hồ sau thì các «học trò» khác mới lục đục đi tới, có cả cô HK là giáo sư cố vấn của hội năm nay nữa. Lớp học huyên náo hơn vì đông đảo học trò hơn.

Chị LT hết đi từ đầu bàn lại đến cuối bàn để nhìn ngắm, chỉ bảo «học trò» thực tập. Tiếng cười đùa vang lên lẫn trong những tiếng xuýt xoa đây đó :

- Thôi rồi, em cắt mất cái nụ hoa...

Hay :

- Chao ôi, em «khoét» rách củ rồi...

Chị Thu ngồi bên cạnh tôi thì thầm :

- Không biết tại sao chị lại order tới 4 củ, tỉa gọt được 1 củ là đã đổ mồ hôi hột rồi, mấy củ kia chị đem về thả xuống nước cho nó... thoải mái, tự do mà nở.

Bây giờ thì tôi mới hiểu tại sao lớp học của chị LT kéo dài tới 4 giờ chiều, vì tỉa thủy tiên không phải là chỉ vài phút vài giây là xong, như chúng tôi, suốt mấy tiếng đồng hồ tỉa gọt mà cũng chưa hoàn tất được 1 củ hoa nhỏ nhoi chỉ có 5, 6 nhánh.

Cô nàng HX, từ đầu tới cuối chỉ chăm chút được 1 củ hoa, hăng hái nói :

- Mình thi không, chụp hình gửi lên xem chậu hoa nào đẹp nhất há.

Tôi nhìn HX khâm phục, cô nàng này lạc quan thiệt, tỉa chưa xong mà đã lo thi hoa đẹp. Tôi thì chỉ cố gắng tỉa cho xong, thầm nghĩ không biết là cái củ thủy tiên của tôi sẽ cho được mấy nhánh hoa để mà chưng đây, chứ đừng nói tới chuyện thi.

Trong lúc chúng tôi chăm chú thực tập thì anh Thuần, chồng chị LT, lăng xăng chạy tới chạy lui với cái máy chụp hình để chụp hình lớp học tỉa hoa. Anh thích thú bảo :

- Năm nay đặc biệt vì có 1 ông rể GL, gươm lạc giữa rừng hoa.

Tới gần 1 giờ trưa thì ông chồng tôi cũng tỉa xong được 1 củ hoa, chỉ còn chờ bà thầy xem xét và chỉnh trang cho hoàn hảo. Lớp học được tạm ngừng để giải lao với nồi cà ri gà của bà giáo và mấy món ăn chơi của mấy chị học trò đem tới. Vừa ăn, chúng tôi vừa được thưởng thức slideshow hình hoa thủy tiên, bộ sưu tập của chị LT từ mấy năm qua, và nhìn những tấm hình nghiêng đầu nghiêng cổ cắm cúi bên hoa của chúng tôi mà anh Thuần mới vừa thu thập được. Anh Thuần cũng chỉ cho chúng tôi xem hai chậu thủy tiên chưng trên bàn thờ mà chị LT mới gọt xong mấy hôm trước. Những nhánh lá xanh non đã bắt đầu vươn lên cong vòng trên những củ hoa màu trắng sữa được đặt nằm nghiêng

nghiêng trong mấy cái chậu hoa thủy tinh trong, thấp, cạn. Anh Thuần nói nếu muốn chơi cả rễ thì nên chọn bình thủy tinh cao để những lớp rễ mới có chỗ mọc dài xuống thành chùm trắng muốt như râu tóc tiên ông.

Ăn xong chúng tôi lại tiếp tục làm việc. Gần 3 giờ chiều thì hai vợ chồng tôi cũng có được 2 củ thủy tiên vừa tỉa xong gọn ghẽ. Phần kế tiếp là giai đoạn «thủy dưỡng» . Chị LT nhắc đi nhắc lại với học trò là phải đem củ thủy tiên về nhà, úp mặt chúng xuống chậu nước ngâm đúng 1 ngày cho nhựa từ các vết cắt chảy ra. Sau 1 ngày đem lên lấy cọ mềm quét rửa sạch sẽ cho hết những đống nhựa dẻo quánh và những mảnh vỏ vụn vặt trên các vết cắt gọt rồi mới bỏ vào chậu đẹp, hướng mặt cắt gọt lên trên. Nhưng nhớ là chỉ được ngâm nước xâm xấp với rễ thôi, vì nếu củ bị ngập nước thì các vết cắt sẽ bị úng thối. Nhớ dùng bông gòn, hoặc vải mềm, hay giấy ăn thấm nước phủ lên mặt củ để che các vết cắt, gọt cho khỏi bị khô, thâm. Và điều quan trọng nữa là nhớ phải thay nước sạch mỗi ngày.

Chúng tôi vui sướng đem hai củ thủy tiên mới tỉa về nhà, làm đúng thủ tục ngâm nước, cọ rửa sạch sẽ rồi bỏ vào hai chậu thủy tinh cạn, để ngay trên cửa sổ trong bếp, một chỗ vừa mát, vừa có một chút nắng sáng để dưỡng hoa. Buổi sáng trước khi đi làm tôi không quên

thay nước sạch cho hai chậu thủy tiên. Nhìn những cánh lá xanh và những nụ hoa chầm chậm nhú ra khỏi nhánh tôi cảm thấy vui vui.

Ông chồng tôi còn hồ hởi hơn tôi. Sau khi thực tập với con dao vát/máng hai đầu của chị LT rồi thì ông cảm thấy là con dao X- Acto knife của ông... không ra gì cả. Ông đi lùng trong Harbor Freight Tools cả chiều cũng không kiếm được con dao nào vừa ý. Ông chồng tôi bèn về nhà mở lò barbeque đốt lửa lên rồi đem đe, đem búa ra... rèn dao. Ông lấy một cây đinh dài, to bằng cái đũa, nướng đỏ, đập dẹp, rồi mài sắc thành 1 con dao vát để cắt củ hoa. Còn con dao máng thì ông lấy một đoạn ống đồng nhỏ xíu (dùng để dẫn nước vào tủ lạnh) cắt đôi phần đầu, bóp nhỏ lại, rồi mài nhọn lại thành 1 lưỡi dao có hình cong của cái máng xối (chắc vì thế nên con dao này có tên là con dao máng) . Con dao này dùng để xén lá nằm sâu trong bẹ củ.

Cuối tuần, chúng tôi đi xuống chợ hoa Bolsa tìm mua thêm hai củ hoa thủy tiên nửa đem về gọt tỉa bằng hai con dao mà ông chồng tôi vừa chế tạo. Gọt tỉa xong, chúng tôi cũng làm đầy đủ những công đoạn ngâm nước, quét rửa rồi đưa chúng đi «thủy dưỡng» .

Hai tuần sau, mấy củ thủy tiên tỉa gọt trước ở nhà chị LT nở hoa, những nhánh hoa dài ngả nghiêng vì không có gì chống đỡ. Mấy cành hoa này tàn nhanh trong vòng 1 tuần lễ không chờ Tết đến. Những nụ hoa còn lại lép kẹp, héo úa. Hai củ thủy tiên tôi mua sau này lớn mạnh, lá quăn queo, xoắn xít, củ nào cũng có ít nhất là 5, 6 nhánh hoa đang chậm chạp vươn lên. Nhìn những cái nụ mầm xanh mập mạp tôi tự an ủi, còn hai củ này, chắc cũng có hoa chưng ngày Tết.

Chiều 29 Tết, chỉ có 1 cành hoa nở bung ra, được 3 cái hoa, thơm ngào ngạt cả một góc nhà. Nhìn những cái nụ còn bọc tôi thầm nghĩ, chắc là phải «giúp» hoa xé bao nang thì hoa mới có thể «chui» ra nhanh chóng. Thế là tôi lấy con dao nhỏ, rọc theo chiều dọc của bao hoa. Nhưng không ngờ, kết quả thật là thảm hại, hoa tươi nở ra đâu không thấy, mà chỉ có những nụ hoa vàng úa, đừ câm, héo rũ, nằm im lìm bên trong cái bọc thâm khô.

Tức quá, tôi lên mạng tìm đọc những bài viết về thú chơi cây cảnh, hướng dẫn tỉa gọt hoa thủy tiên ngày Tết, để biết lý do vì sao mà mấy chậu hoa của tôi trở thành như thế, thì tôi nhìn thấy một bài viết có kèm hình ảnh, chỉ bảo cặn kẽ về cách gọt tỉa củ thủy tiên. Trong bài, có một câu viết rõ ràng... «nếu làm rách bao hoa thì

chắc chắn hoa sẽ bị câm và thối hoa» . Trời đất ơi, vậy là vô tình tôi đã làm hỏng hết mấy cái mầm hoa thủy tiên mạnh khỏe, mũm mĩm của tôi rồi !!

Tôi nhủ thầm, thất bại là mẹ của thành công. Nếu tôi đã thất bại kỳ này thì tôi phải tìm tòi, học hỏi nhiều thêm để khỏi vấp phải những lỗi lầm tai hại như thế nữa. Thế là tôi tiếp tục vào nhà ông Gù Gù lục lọi. Tôi tìm đâu được gần chục bài viết nói về cách tỉa thủy tiên. Đại loại thì những bài viết này đều chỉ bảo những phương thức gọt tỉa gần giống nhau, nhưng mỗi người viết chia sẻ một kinh nghiệm khác nhau. Lục lọi tiếp, tôi lại đọc được 1 câu «thần chú» của những người chơi thủy tiên hiện tại... «hiện thân của nó là viên thuốc B1. Tối 30 Tết, mà nụ thủy tiên còn chưa có động tĩnh gì, thả một viên B1 vào nước là sẽ nhìn thấy kết quả rõ rệt» .

Tôi không biết có nên tin cái câu «thần chú» sau này hay không nhưng tôi thích cái lối điều chỉnh thời điểm nở hoa của tác giả một bài viết. Ông nói là ông đã dùng ánh nắng mặt trời, hay dùng hơi ấm của đèn điện để giục hoa nở khi thấy hoa còn ù lì trong ngày cận Tết. Tôi cũng hoàn toàn đồng ý với lời khuyên «chí lý» của 1 tác giả khác là... «để cho chắc ăn thì trong vòng 1 tuần, mỗi ngày gọt một củ thủy tiên, thế nào cũng có... 1, 2 củ nở trúng vào dịp Tết» .

Cho dù không thành công trong việc gọt tỉa thủy tiên trong mùa Xuân năm nay, nhưng tôi cũng phải cám ơn sư tỷ LT của tôi, nhờ chị mà tôi đã tìm thấy được thêm một niềm vui mới. Và tôi cũng phải cám ơn tất cả tác giả của những bài viết hướng dẫn gọt tỉa thủy tiên trên mạng, nhờ họ mà tôi cũng đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý giá vô cùng. Tôi hy vọng là mùa Xuân năm sau tôi sẽ áp dụng những kinh nghiệm đã học hỏi được để có thể tự gọt tỉa cho mình một chậu hoa thủy tiên thật đẹp đón chào Xuân mới.

Bảo Trân

Chuyện Cúng Kiếng Ngày Tết

Nguyễn Trung Tây

Tác giả là một Linh mục dòng truyền giáo Ngôi Lời thuộc tỉnh dòng Chicago, đang làm công việc truyền giáo tại Alice Springs, Northern Territory, vùng sa mạc đất đỏ Úc Châu. Với hai bài «Mẹ, Mẹ Tôi» và «Gốc Phi Châu» , Nguyễn Trung Tây nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2010, nhưng không thể về dự buổi họp mặt phát giải. Mãi tới năm 2012, vị Linh mục nhà văn mới có dịp thăm gặp Việt Báo khi trở về California. Mới đây, Tết Ất Mùi 2015, người từ vùng đất đỏ Úc Châu lại vừa có dịp về Quận Cam coi phố Việt đốt pháo.

Ông Tư dì Tư, một đôi vợ chồng người miền Nam, định cư tại Quận Cam từ những ngày cuối năm 75. Ông Tư hồi xưa người trong thôn gọi cậu Tư Cường, răng cậu Tư bịt vàng sáng chóe.

Sáng 30 Tết, không khí Xuân rộn ràng thổi về Quận Cam.

Tết về, thương xá Phước Lộc Thọ, bánh tét, bánh chưng, dưa hấu, kẹo mứt đủ loại san sát cạnh kề bên nhau. Tết về, chợ hoa xếp lớp những chậu lan, Hoàng Lan hình cô gái mặc đầm xòe đang nhảy múa trên sàn

nhảy, Hồng Huyết Lan màu đỏ bầm hương thơm hăng hắc, Hổ Lan vằn nâu nâu đen ! Đặc biệt nhất là hoa mai và hoa đào, mai sáu cánh hây hây trong nắng khoe màu với hồng đào phấn hồng phơn phớt nhắc nhở thi sĩ Vũ Đình Liên, «Mỗi năm hoa đào nở... «. Nhạc Xuân Phạm Duy rộn ràng tô thêm đậm nét bức tranh Xuân dân tộc, «Xuân vừa về trên bãi cỏ non... «Hoa trộn vào, nhạc quyện lẫn, cả hai hớn hở báo tin, «Loa ! Loa ! Xuân về!»

Tết về, cửa hàng bán tranh vừa đốt đỏ trời xong một tràng pháo dài, chủ nhân tiệm ăn bên cạnh mặc khăn đống áo dài truyền thống bước ra sân ngập tràn xác pháo. Sau những lời khấn vái cho một năm mới buôn may bán đắt trước bàn thờ Ông Địa, ông chủ bật quẹt đốt liền tràng pháo đỏ gắn pháo đùng. Thế là Tạch ! Tạch ! Tạch ! Đùng ! Pháo đỏ nổ rộn vang một cõi hồn và một cõi đời. Pháo đỏ phố Việt như người lính thú tay cầm loa thông báo bản tin, «Loa ! Loa ! Xuân về !»

Tết về, gió Xuân hây hây thổi lay nhẹ những nụ hoa trên cành đào mọc trên sân vườn nhà dì chú Tư. Tiếng chim ríu rít chuyền cành rộn ràng. Nắng vàng chiếu sáng một khoảng sân. Dưới hàng hiên, dì chú Tư ngồi uống trà ăn thèo lèo mứt dừa. Nhìn bầu trời xanh lơ Nam Cali gió mát thổi hây hây lòng người, ông Tư tâm

sự,

- Chà ! Lục đục loay hoay, lại một năm nữa trôi qua. Hôm nay Ba Mươi Tết rồi bà ơi...

Dì Tư vừa nhai miếng trầu vừa góp chuyện,

- Ừ, không nhắc thì thôi, nhắc tới Giao Thừa mới thấy thời gian trôi qua thiệt lẹ. Tối nay cúng Giao Thừa rồi. Giờ bên Việt Nam chắc phố xá đang tưng bừng đón Tết. Không biết đình làng mình năm nay, mấy ông hương chức hội tề cúng con gì đây ?

Ông Tư nói ngay,

- Thì còn cúng con gì ? Năm nay Ất Mùi, họ cúng con dê đực.

Dì Tư gật đầu,

- Ừ hén, năm dê, làng cúng con dê.

Dì Năm mặt tươi như hoa,

- Làng mình có phong tục cúng Giao Thừa nghĩ thấy cũng lạ hén. Năm ngựa, cúng con ngựa. Năm gà, làng cúng gà trống thiến. Năm mèo, thì có mèo mun nằm gọn trong mâm bạch ngọc. Năm con rồng, họ lấy nếp nặn nguyên hình con rồng vờn châu cúng thần.

Dì Tư nhai nhai miếng trầu thuốc,

- Ông à ! Tại sao làng mình lại có phong tục cúng gà, năm con gà, năm dê, cúng con dê vậy hả ông ?

Ông Tư góp chuyện,

- Ừ, thì đâu... hồi đó tui có nghe ông Hương Chủ Hội nói, làng mình thời tân lập, đêm đêm có ông ba mươi hay về, bắt bò bắt heo. Sau hội hương tề họp, làm biên bản trình lên tổng. Quan tổng mới phái hai ông thợ săn ở chợ quận về, họ rình nguyên cả tuần mới hạ gục được ông ba mươi. Bà nhớ bộ da hổ vằn xếp trong lồng kiếng ngay bệ thờ của đình không ? Đó, bộ da của ổng đó. Rồi từ đó, làng lập đình gọi đình Ông Ba, tối Giao Thừa, cúng ổng thoạt tiên cúng con heo sữa, năm sau con nghé. Sau, làng quyết định, năm con nào, làng cúng ông con vật đó. Thì bà cũng vừa nói rồi đó, gặp năm rồng, làng nấu nếp, nặn hình rồng cúng ổng...

Dì Tư thắc mắc,

- Ủa, tui tưởng hồi đó có ông đạo Dừa đi ngang nói làng có cá sấu chuyên ăn thịt người, cho nên ổng mới bày cho làng tục cúng thần Cá Sấu năm nào, vật đó...

Ông Tư lắc đầu,

- Hổng phải, chuyện bà nói tui cũng có nghe qua. Nhưng ông Chủ Hội hồi đó khẳng định với tui chuyện không phải là như vậy... Mà bà biết ông Chủ Hội rồi đó, ông nội của ổng hồi đó tham gia hội kín đánh tây. Sau phải đổi tên họ, bỏ tới cù lao lập nghiệp. Làng mình, hồi ổng đặt chân tới chỉ là cái cù lao bỏ hoang, có ai ở, ổng nói trên bờ muỗi kêu nghe như sáo diều...

Ông Tư hưỡn đãi kể chuyện thời xưa,

- Rồi tới cái thời cố đạo ghé làng mình. Thoạt tiên làng chỉ là họ đạo nhỏ của xứ đạo Cù Lao Giềng. Sau làng ngày càng đông người rửa tội. Chèo thuyền đi lễ bên nhà thờ Cù Lao Giềng xa xôi quá, ở trên Đức Giám Mục mới cử cha xứ về cất nhà thờ. Từ đó, mình mới thành xứ đạo Cù Lao Mộc. Cái năm 75, trước khi mình di tản, nhà thờ Cù Lao Mộc là nhà thờ Hạt trưởng, bà còn nhớ không ?...

Dì Tư nhận xét,

- Ừ ! Tôi nhớ ! Mà tôi còn nhớ tối Giao Thừa, đình Ông Ba thì rộn ràng cúng Giao Thừa, nhà thờ thì giật chuông Lễ Giao Thừa. Rồi ông cha xứ cũng lập cái bàn thờ gia tiên đốt nhang tưởng niệm ông bà tổ tiên...

Dì Tư xuống giọng thì thào, tuồng như sợ người ngoài nghe thấy,

- Ông là người có ăn học, chắc cái tuồng này ông rành hơn tui. Hồi đó thấy ông cha xứ lập bàn thờ gia tiên trong nhà thờ, rồi đốt nhang cúi cúi lạy lạy ba cái, người ta xì xào nói cha xứ mình sao mà... kỳ cục ! Ai đời cha cụ mà lại lập bàn thờ cúng ngay trong nhà thờ, rồi lại còn đốt nhang xì xụp khấn vái. Nhìn không ra đâu vào với đâu. Có mấy người còn thì thào bàn với nhau viết thư lên tòa Tổng báo Đức Giám Mục biết ông cha xứ mình... lạc đạo...

Ông Tư lắc lắc đầu,

- Thiệt tình ! Ta nói học không thông, vác gối bông không xong là vậy...

Ông Tư giảng giải mạch lạc tuồng như thầy đồ ngồi trên sạp,

- Hồi đó công đồng Va- ti- căng II họp...

Ông Tư dừng lại, nhìn dì Tư,

- Cái chuyện công đồng Va- ti- căng II bà chắc rành sáu câu vọng cổ rồi chớ gì ? Có cần tui phải nói thêm không ?

Dì Tư nhai miếng trầu thuốc đỏ tươi gật gật đầu,

- Ừa, chuyện đó tôi biết. Ông cứ nói tiếp đi...

Ông Tư an tâm, nhẩn nha nói,

- Ờ ! Công đồng Va- ti- căng hồi đó kêu gọi người tín hữu hội nhập văn hóa. Sau công đồng, các vị Giáo Hoàng kế vị cũng kêu gọi người Công Giáo diễn tả niềm tin Kitô trong nền văn hóa riêng biệt của mình. Cho nên bà mới thấy mình không có lễ tiếng La Tinh sau công đồng nữa, mà cử hành thánh lễ Misa trong tiếng Việt. Đặc biệt người Việt mình có phong tục từ cả ngàn năm rồi, đêm Giao Thừa, nhà nhà sum họp, rồi gia trưởng đốt nhang bàn thờ gia tiên khấn mời ông bà về lại trần gian ăn Tết sum họp với con cháu.

Ông Tư giọng chắc nịch,

- Cho nên bà mới thấy, ông cha xứ lập bàn thờ gia tiên trong nhà thờ trong thánh lễ Giao Thừa...

Ông Tư hỏi vợ,

- Chớ bà nghĩ coi, Mười Tám đời Vua Hùng, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Vua Lý, Vua Trần, Vua Lê, họ có phải tổ tiên của người Việt mình hay không ?

Di Tư nhai dập miếng trầu thuốc, gật gật đầu,

- Ông nói đúng !

Ông Tư tiếp,

- Cho nên, giờ Giao Thừa, hoặc ba ngày Tết, người Công Giáo Việt Nam mới lập bàn thờ gia tiên, đốt nhang tưởng nhớ công ơn của tổ tiên ông bà, đó cũng là lẽ thường tình. Làm sao lại dám nói đó là lạc đạo ! Còn chuyện thờ phượng, đương nhiên mình chỉ có thờ Chúa. Chúa là trên hết, là thủy là chung. Chứ đâu phải thấy ông cha hoặc chủ nhà lập bàn thờ gia tiên, mặc khăn đóng áo dài thắp nhang cúng vái, rồi đứng ngoài dè bỉu nói lạc đạo, thờ lạy tổ tiên.

Dì Tư nhai dập dập miếng trầu thuốc, e hèm cần cổ,

- Ừ, thì ai biết đâu. Cái này cũng là chỉ tui nghe người ta nói, rồi tiện đây, hai vợ chồng mình ngồi nói chuyện ăn Tết, tui vui miệng thuật lại cho ông nghe mà thôi.

Dì Tư dường như muốn đổi đề tài,

- Ông ! Nhắc tới cái vụ cúng kiến tui mới chợt nhớ. Ta nói hồi đó Giao Thừa bên Việt Nam sao mà vui. Từ sau cái bữa cúng Ông Táo, làng dựng cây nêu ở sân đình Ông Ba, hàng xóm bắt đầu rộn ràng đốt pháo, tui

đã thấy nao nao cái bụng. Sáng nào cũng vậy, tui với mấy đứa bạn dẫn nhau ra chợ làng sắm đồ Tết. Ta nói ôi thôi hoa mai, mứt gừng, mứt dừa, mứt bí, thèo lèo, bánh tét, bánh chưng, ê hề, tui mua về, xách nặng cả tay.

Dì Tư xuýt xoa,

- Nhắc tới bỗng dưng mắc thèm, muốn bay về Việt Nam ăn Tết liền ngay bây giờ...

Ông Tư nhắc nhở,

- Mần gì phải về Việt Nam mới thấy cảnh đón Tết. Bây giờ bà rảo rảo dưới phố Việt một vòng mà coi... Ta nói hôm qua có chuyện xuống phố, tui thấy trước cửa thương xá, người ta bày cơ man là những chậu hoa. Hoa mai, hoa đào, hoa lan, hoa nào cũng có, đủ kiểu đủ loại. Còn nếu bà muốn thử thời vận năm mới hên xui hả, có nguyên mấy cái sòng bầu cua họp ngay cửa chợ. Thấy vui vui, tui cũng dừng xe lật đật ghé vào chợ nhặt mấy hộp thèo lèo, mấy đòn bánh tét mang về ăn Tết...

Dì Tư ăn nói mát mẻ,

- Chứ không phải ông dừng lại sòng bầu cua...

Ông Tư cự nự,

- Bà ! Ở đâu mà chui ra cái vụ tui mê cờ bạc đỏ đen ở đây...

Dì Tư ăn nói lơ lửng con cá vàng,

- Tui biết đâu ! Cậu Tư Cường nhà mình mà...

Nghe vợ ăn nói mát mẻ, tưởng ông Tư sẽ khó chịu mở miệng cự nự, nhưng không, ông Tư cười toe toe,

- Chà ! Bà cũng nhớ dai dữ đa !

Ông Tư kể chuyện thời xưa,

- Ta nói cái thời tui đi học trên Sài Gòn, năm đó tía cho phép tui về quê ăn Tết, bởi năm đầu tiên xa nhà, tui than với tía tui nhớ nhà. Tía mới gật đầu sai người đánh xe ô tô lên Sài Gòn chở tui về quê ăn Tết. Xe mới dừng ngay cửa sân đình, thấy sòng bầu cua vui quá, tui nhào vào liền. Thiệt tình cũng thua một mớ bạc. Tối hôm đó, trước giờ cúng Giao Thừa, tía «cúng» cho tôi một trận... Tía nói, «Tư Cường chứ không phải công tử Bạc Liêu mà đòi đốt tiền luộc trứng... Tiền của ông bà là tiền mồ hôi nước mắt, chứ không phải trong nhà trồng được cây tiền mà xài phung phí, thiên hạ người ta cười chê !»

Ông Tư lại cười,

- Rồi tía đóng cửa phòng khách lại, bắt tui nằm dài ra trên phản chân ngựa, ổng dợt tui mấy roi. Sau đó, tui mới được mặc khăn đống áo dài đại diện tía má cúng ông bà gia tiên...

Dì Tư cười tủm tỉm,

- Chà ! Cậu Tư Cường... cũng... ngoan quá ta...

Ông Tư tâm sự,

- Bà ở với tui bao nhiêu năm rồi. Bà biết rồi đó, má thì không sao. Chớ tía đã buông lời nói một câu, có ai dám cản ổng. Ờ, mà thôi, đang nói chuyện sắm đồ Tết...

Dì Tư liếc liếc nhìn chồng, dừng nhai miếng trầu,

- Ừ đúng đó ! Chà ! Biết ông sắm đồ Tết, tui nhắc ông mua mấy thứ trái cây dâng lên bàn thờ Chúa ngày đầu năm.

Ông Tư khoát tay,

- Tưởng chuyện chi, mấy thứ trái cây dâng Chúa ngày Tết tui sắm đầy đủ hết rồi. Bà đừng có lo...

Dì Tư mắt thòm lõm, nhìn chồng hỏi,

- Ông mua thứ chi vậy ? Ông nói tui nghe coi...

Ông Tư hỏi cắc cớ,

- Đâu ! Bà đoán thử coi ?

Dì Tư liếc xéo chồng,

- Ông nói chuyện lạ ! Ông mua chi làm sao mà tui rành. Nhưng đừng có dâng lên bàn thờ Chúa nguyên nải chuối đó nghen.

Ông Tư cự nự vợ,

- Bà ! Mình người Công Giáo, tin vào Chúa không tin. Ai lại mê tín dị đoan, tin chuyện nhảm nhí...

Dì Tư bĩu môi,

- Ông đừng có tài lanh. Có kiêng có lành... Mà ông đừng có làm bộ lơ lơ ! Ông chưa có trả lời câu hỏi của tui đó nghen...

Ông Tư buông giọng,

- Ừa ! Thì tui cũng ghé vào chợ mua Mãng Cầu, Dừa, Đu Đủ, và Xoài. Mỗi thứ một cặp...

Dì Tư thắc mắc,

- Lạ kỳ chưa ? Lựa chi không lựa lại lựa Mãng Cầu, Dừa, Đu Đủ, và «Xài» ?

Ông Tư cười móm xọm,

- Có dzậy mà bà cũng không hiểu. Ngày đầu năm mình dâng lên Chúa bốn thứ trái cây : Cầu, Dzừa, Đủ, «Xài» . Tâm ý của tui là sang năm mới, «cầu» xin Chúa ban cho hai vợ chồng mọi thứ «dzừa» «đủ» «xài» . Vậy là mãn nguyện rồi. Bà nghĩ tui nói có đúng hay không ?

Dì Tư lườm chồng,

- Ông già ! Thiệt tình là hết chuyện nói ! Chuyện tào lao khú đế như thế mà cũng ngồi nghĩ ra cho đặng ! Sao ông không mua trái «xài» với cái líp ba ga xe đạp... cho tiện ?

Tới phiên ông Tư cộ mắt ếch,

- Bà ! Ăn nói lãng xẹt không à ! Hên là hôm nay Ba Mươi Tết, chứ gặp ngày Mùng Một là xui cả năm rồi...

Ông Tư hỏi lợi,

- Mà mần chi bà xúi tui mua cái líp ba ga ?... Ở bên này đi đâu một bước thì cũng leo lên xe hơi. Xe gắn

máy tui còn chưa dám lái, nói chi xe đạp... Mà tui có đạp xe đạp bao giờ đâu mà bà xúi tui mua cái líp ba ga để mần chi ?

Dì Tư ăn nói mát mẻ,

- Ông đó ! Ông mới cự tui là mê tín dị đoan... Còn ông, ông cũng kém chi... Ba Mươi với Mùng Một ! Mà thôi... Tui nhắc ông mua trái «xài» với cái líp ba ga bởi ông nói ông năm mới ông xin với Chúa cầu dzừa đủ xài...

Dì Tư kết luận,

- Còn tui, tui khác ông, tui là tui khoái «xài» líp ba ga, xài thả dàn...

Ông Tư trợn mắt nhìn vợ, đứng dậy, lắc lắc đầu, bỏ đi,

- Bà này ! Già rồi sao mà còn ham hố quá ! Thiệt tình!

Nguyễn Trung Tây

40 Năm Viễn Xứ

Nguyễn Trung Tây

Vẫn bài viết của nhà văn linh mục dòng truyền giáo Ngôi Lời, người vừa trở về đất Mỹ từ Alice Springs, vùng sa mạc Bắc Úc Châu. Và vẫn chuyện mừng Tết Ất Mùi 2015. Sau Tết Nam Cali, và «sau buổi chiều Berkeley ra mắt sách của chị Nhã Ca, «The Mourning Headband for Huế» , bản dịch Olga Dror» là bài viết mừng Tết VN nối dài từ vùng Đông Bắc Hoa Kỳ.

Cali, Bắc và Nam cuối tháng 2, ấm áp, nắng rực rỡ chan hòa tô thêm hồng nụ và hoa đào. New Jersey thì không, trời cũng nắng xanh ngăn ngắt, và... tuyết bám trắng cây khô sân vườn. Nhưng dù nắng ấm hay tuyết lạnh, tháng 2 năm 2015 có những tờ lịch của Xuân Ất Mùi, Giao Thừa, 18, Mùng Một Tết, 19. Ất Mùi 2015 cũng đánh dấu 40 năm người Việt viễn xứ.

Từ những ngày mùa xuân 1975, người Việt trong nhiều hoàn cảnh bỏ nước ra đi. Bắt đầu từ cột mốc lịch sử 75, Xuân dân tộc ở hải ngoại thay đổi. Nếu Giao Thừa và Mùng Một Tết rớt vào tờ lịch ngày thường, người Việt vẫn đi làm, vẫn cào tuyết nếu đêm trước tuyết rơi bôi trắng xóa phố phường. Tết về, vùng nắng ấm Cali, Texas, Florida, Tết Việt Nam (bình thường)

sẽ có hoa đào, bánh chưng, thịt kho, dưa hành. Nhưng đông bắc Hoa Kỳ có thể khác. Nếu lạnh cóng, người Việt ở đó không có hoa đào (ngoại trừ cây khô nhưng lại nở chi chít hoa mai... giấy) . Nhưng dù nắng ấm hay tuyết trắng, Tết về, cộng đồng Việt Nam trên thế giới vẫn ăn Tết.

Thung lũng San Jose lại đốt pháo đỏ một khu thương xá, lại hội chợ Tết; cộng đồng Việt Nam Quận Cam lại diễn hành ăn Tết Ất Mùi; tòa soạn Việt Báo tràng pháo dài đốt nổ vang vang, một ước lệ, một truyền thống của hằng năm.

40 Năm Viễn Xứ, bạn tôi từ thành phố Ossining tiểu bang New York nhắn tin, «Về vùng đông bắc ăn Tết chứ ?» Bạn mời, tôi gật đầu.

Sau buổi chiều Berkeley ra mắt sách của chị Nhã Ca, «The Mourning Headband for Huế» , bản dịch Olga Dror, tôi lái xe về nhà San Jose khuya, ngáp ngắn, ngáp dài, rồi đi ngủ.

Hôm sau, sau hơn bẩy tiếng lơ lửng trên bầu trời, phi cơ US Airways cất cánh từ San Jose cuối cùng hạ cánh xuống phi trường Newark mang tôi tới phố Union của bang New Jersey tham dự thánh lễ Xuân, rồi ăn Tết, tưng bừng/no căng bụng; tiếp ngay theo sau là chương

trình văn nghệ «40 Năm Viễn Xứ» của Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam.

40 Năm Viễn Xứ mở màn với màn Múa Lân, với nhạc phẩm truyền thống hải ngoại, «Việt Nam ! Việt Nam» của Phạm Duy.

40 Năm Viễn Xứ có nhiều (đếm không hết, nhớ không xuể) thiếu nhi mặc quốc phục Việt Nam. Em sinh ra tại Mỹ, bố mẹ chở em tới trường cuối tuần học lớp Việt Ngữ. Giờ này (sau một khoảng thời gian dài/ngắn học ngôn ngữ mẹ) em bước lên sân khấu; em con gái mặc áo dài nữ, em con trai khoác áo dài nam, em con gái bé tí ti, má tròn bầu bĩnh lắc lắc tóc đen lay láy, rộn ràng to tiếng hát tiếng Việt, «Con yêu ba, con yêu mẹ... «(Yêu Mẹ Yêu Ba) . Em con trai mới lớn áo dài the đứng với em áo tứ thân nón quai thao; em áo bà ba nâu, đầu cổ quấn khăn rằn (Quê Hương Mùa Xuân, Khúc Hát n Tình...) .

40 Năm Viễn Xứ có màn trình diễn của bố và mẹ (Người Việt Tự Do) . Mẹ mặc áo dài truyền thống; bố giọng khàn, nhưng vẫn hát. Đấy, bố một thời tập trung cải tạo, bạc trắng mái tóc. Và đây, mẹ một thời thay bố bươn chải kiếm từng đồng tiền mua gạo nuôi con. Giờ này, cả hai đứng trên sân khấu. Những người bố người mẹ Việt, từ bao lâu rồi, vẫn cứ thế, lòng vẫn bao dung,

tâm vẫn ngọt ngào. Bố mẹ của thế hệ trước hát gần hết nhạc phẩm, con của thế hệ nối tiếp từ phía dưới xếp hàng đi lên, hát chung với bố với mẹ. Ý nghĩa quá !

40 Năm Viễn Xứ có đủ ba miền, Huế với cầu Tràng Tiền, giọng hò Huế (Huế Ơi) ; có miền Bắc với áo dài tứ thân, nón quai thao (Khúc Hát n Tình) ; có miền Nam với trẻ mục đồng tiếng sáo, con diều giấy bay phất phơ trên cánh đồng lúa, và tiếng hát cải lương ngọt ngào nồng nàn của người dân Nam Bộ (Giấc Mơ Hồi Hương) .

40 Năm Viễn Xứ có thiếu nữ Việt Nam hát «Xin Chào Việt Nam/Hello/Bonjour Vietnam» . Em sinh ra tại Mỹ, lớn lên tại Mỹ, giờ thướt tha áo dài hát tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh, «Tell me all about this name, that is difficult to say. It was given me the day I was born... «Em hát thiết tha. Em thật thà diễn tả tâm trạng của em, thanh niên thiếu nữ Việt Nam sinh ra trên vùng đất mới.

40 Năm Viễn Xứ nổi bật với Nhạc cảnh «Tình Ca cho Nguyễn Thị Sài Gòn» . Nhạc cảnh với nhiều thiếu nữ Việt Nam mặc áo dài trắng tinh khôi, cầm nến cháy sáng lung linh xúc động hồn người. «Me đặt tên em, Nguyễn Thị Sài Gòn... «. Từng lời và từng nốt chầm chậm ngân vang, gợi lên sâu thẳm trong hồn người Việt về vùng đất mẹ một thời nhọc nhằn. «Mẹ đặt tên em, Lý

Thị Tỵ Nạn... ,» những thiếu nữ Việt Nam bước chân xuống thuyền tỵ nạn, lênh đênh phận người. «Mẹ đặt tên em, Vũ Thị Nhọc Nhằn... ,» có người tới bến, có thiếu nữ chìm sâu !» Mẹ đặt tên em, Lê Thị Hy Vọng...» giờ này, cô gái Việt ngấn lệ rưng rưng hát và diễn tả lại tâm trạng thiếu nữ Việt của một thời mất hy vọng vào xã hội, vào người, và vào tương lai !

40 Năm Viễn Xứ xúc động với Nhạc cảnh «Hành Trình Tìm Tự Do» . Từ những ngày 54, dòng người di cư đặt chân tới miền đất lạ, đất miền Nam, đất Sài Gòn (Một Ngày 54 Một Ngày 75, Phạm Duy) . Một hiệp định ký kết, đất nước chia đôi lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Bên kia Bắc bên này Nam. Biến cố 75 đổ chụp xuống ! Trực thăng bay ngang trời, tiếng bom nổ vang hòa lẫn tiếng khóc tiếng thét và nước mắt của em thơ khi chứng kiến mẹ ngã gục trên đường phố bởi viên đạn vô tình. Miền Nam thay hình đổi dạng với trại tập trung cải tạo, mạng người mạng bèo (Ai Trở Về Xứ Việt, Phan Văn Hưng) . Dòng người đổ xô ra biển, cha mẹ lạc con cái, biển đông tựa miệng cá mập mở ra, nuốt chửng, nhận chìm; vịnh Thái Lan với ngư phủ xứ chùa vàng đổi hình thay tâm (Đêm Chôn Dầu Vượt Biển, Châu Đình An) . Những người sống sót vượt tới những vùng trời mới, Mỹ, Úc, Canada, Hòa Lan, Na Uy... Từ mảnh đất xa xôi, «em gửi về cho anh dăm bao thuốc

lá» (Một Chút Quà Cho Quê Hương, Việt Dũng) . Nhạc cảnh «Hành Trình Tìm Tự Do» xúc động lòng người bởi vết thương dù đã quá khứ nhưng vẫn còn mới. Cả hội trường hơn ngàn người im lặng, nhiều người ngấn lệ rưng rưng bởi nhạc cảnh đi thẳng vào tim, khơi dậy lại một thời bể dâu mà từng cá nhân đều đã từng trải nghiệm, nhọc nhằn vượt qua. Dù sân khấu đã đóng lại, «Hành Trình Tìm Tự Do» thật sự vẫn còn ngân vang trong tim trong hồn người Việt viễn xứ !...

40 Năm Viễn Xứ cuối cùng đóng lại với «Đón Xuân» và «Ly Rượu Mừng» . Tiếng ca tiếng hát rộn ràng như tiếng pháo đóng lại một chương trình văn nghệ xuân 40 Năm Viễn Xứ. Từ trên sân khấu rộng lớn, tất cả diễn viên (trên dưới 200 người ?) trong trang phục áo dài khăn đống, áo bà ba, áo lụa, áo gấm, áo tứ thân dẫn nhau lên sân khấu cúi chào người Việt viễn xứ. Ly Rượu Mừng nhấc cao chúc mừng Tết. Xuân dân tộc đã về. Xuân của trời ban tặng, Xuân không thuộc riêng ai, dù ở đâu, người Việt vẫn đón xuân, vẫn ăn Tết truyền thống.

40 Năm Viễn Xứ đậm nét văn hóa Việt. Diễn viên dù là em bé tí ti bốn năm tuổi, hay em mười sáu, đôi mươi, nữ hay nam, khi bước lên sân khấu, em gái mặc áo dài, áo bà ba, em đội nón quai thao, áo tứ thân; em trai, mặc

áo dài nam, áo bà ba, đầu hoặc cổ quấn khăn; em thổi sáo, em thả những cánh diều mơ ước cao vút bay xa; em hát tiếng Việt; em diễn tả tâm hồn Việt qua nụ cười, điệu múa, y phục Việt. Ngồi dưới sân khấu, nhìn lên, tác giả cảm động bởi thấy mầm non Việt Nam vươn cao trên vùng đất mới. Em Việt Nam, ngày hôm nay em nói giỏi tiếng Việt bởi thầy cô, cuối tuần, tới trường Việt, dạy em đánh vần tiếng Việt. Khi em về nhà, bố mẹ dạy em yêu tiếng Việt, khuyến khích em nói tiếng Việt.

Các em của 40 Năm Viễn Xứ (Union, NJ) nhắc nhở tác giả tới chương trình văn nghệ kỷ niệm 25 năm thành lập mới được tổ chức tại De Anza College của đoàn Văn Nghệ Dân Tộc (San Jose, California) . Chiều hôm đó (8/2) , mở đầu chương trình văn nghệ, em cao lớn khăn đống áo dài bước ra sân khấu, cúi đầu chào, em nói tiếng Việt «... chúng con cám ơn bố mẹ và thầy cô đã dạy dỗ chúng con tiếng Việt và văn hóa Việt... «. Em cúi đầu chào một lần nữa, cám ơn công lao của bố mẹ và thầy cô.

Nhìn tuổi trẻ Việt Nam tại 40 Năm Viễn Xứ, nhớ lại tuổi trẻ Việt Nam của đoàn Văn Nghệ Dân Tộc. Thật xúc động, bởi thấy tuổi trẻ Việt Nam vươn cao tại xứ người. Từ những ngày sau 75, em nhỏ bé, gầy còm, lạc loài trên mảnh thuyền gỗ. Khi em đặt chân tới đất tự do,

em đi học, em ra trường, em thành công trong mọi lãnh vực, khoa học, y tế, chính trị. Em lập gia đình, em dạy lại con tiếng Việt và văn hóa Việt. Tuổi trẻ Việt Nam, dù ở Đức, hay Úc, hay Hoa Kỳ, em vẫn thế, vẫn hiếu thảo với bố mẹ, vẫn yêu tiếng Việt, vẫn trân trọng căn tính Việt Nam của riêng mình.

40 Năm Viễn Xứ diễn tả lại một đoạn đường 40 năm có cay đắng có ngọt bùi. Cay đắng với những biến cố bể dâu của một thời đã mang người Việt bật ra khỏi nguồn (cay đắng nhưng không hằn học- cay đắng nhưng không mỉa mai !) . Cay đắng bởi bố đi tù khi em còn chưa biết mở miệng gọi âm bố, bởi mẹ lênh đênh thuyền gỗ khi ngư phủ Thái Lan vây quanh. Cay đắng bởi con thơ bước lên phi cơ trong khói súng, nhưng bố mẹ bị đánh bật xuống, rớt lại. Bởi thế em đốt nến, em mặc áo trắng, nghiêm trang hát «Tình Ca cho Nguyễn thị Sài Gòn» . Bởi thế em mặc áo dài Việt hát, «Xin Chào Việt Nam/ Hello/Bonjour Vietnam» . Em tự hỏi, tại sao em căn tính Việt Nam, bạn học và hàng xóm gọi em Việt Nam, mà em lại sinh ra và lớn lên ở một vùng đất không phải Việt Nam.

Nhưng 40 Năm Viễn Xứ không dừng lại ở một chương sách bể dâu, mà sân khấu lại mở ra tiếp với những chương sách mới, những chương sách ngọt ngào

(như một lớp học văn hóa Việt Nam) trình bày và diễn tả quê hương Việt Nam của ba miền, quê hương đất Bắc thiếu nữ yếm thắm mặc áo tứ thân, đội nón quai thao trẩy hội; miền Trung với thiếu nữ Huế nón bài thơ mặc áo dài tím thướt tha bước trên cầu Tràng Tiền bắc ngang sông Hương; và miền Nam ruộng lúa phì nhiêu, người dân áo bà ba đầu cổ quấn khăn, giọng nói chân chất thật thà. Và cứ thế, màn nhung của 40 Năm Viễn Xứ mở ra thêm những chương sách mới trên vùng đất mới, những chương sách minh họa lại thành quả của những lớp Việt ngữ cuối tuần, những hoa trái kết tụ lại bởi sự hy sinh của bố và mẹ, dù lạ với ngôn ngữ và văn hóa mới, vẫn âm thầm đội nắng hứng sương đi cày, để con cháu có ngày vươn cao. Thật vậy, 40 Năm Viễn Xứ, một ngôi nhà tứ đại đồng đường, có đủ ông bà, cha mẹ, con và cháu.

40 Năm Viễn Xứ mở ra cho tất cả mọi người không phân biệt tôn giáo. Chương trình dài với hơn ngàn người thưởng thức. Tất cả chăm chú nhìn lên 40 Năm Viễn Xứ. Tất cả cùng ngậm ngùi và rưng rưng ngấn lệ khi sân khấu lung linh ánh nến, buồn. Tất cả cùng hân hoan rạng rỡ nụ cười, tràng pháo tay nổ vang khen ngợi khi sân khấu chuyển mình vẽ cảnh xuân.

40 Năm Viễn Xứ tại phố Union đã đóng lại. Nhiều 40 Năm Viễn Xứ trên thế giới chắc cũng đã hạ màn. Ngày mai, một ngày mới tinh khôi trong tuần đã tới, dòng đời lại quay những vòng bánh xe thường nhật. 40 Năm Viễn Xứ là cột mốc đánh dấu một hành trình của người Việt hải ngoại. Từ những ngày đầu tiên của năm 75 cho tới nay, người Việt đặt chân lên những vùng đất mới với đôi tay trắng ! Giờ này Ất Mùi 2015, bao nhiêu cộng đồng Việt Nam trên thế giới đã vươn cao và lớn mạnh. Hoa Kỳ có Quận Cam của Little Saigon và Thung Lũng Hoa Vàng, Bắc Cali. Úc Châu với phố Việt tại Cabramatta của Sydney, Inala của Brisbane, và còn nhiều, nhiều nhiều cộng đồng khác nữa. Trên khắp thế giới, cộng đồng Việt Nam trưởng thành, dạy dỗ con cháu về quê hương dân tộc, nhắc nhở nhau về một cuộc bể dâu, và tiếp tục vươn vai trưởng thành chiều cao Phù Đổng.

Tôi bước ra xe với những người bạn. Trời đông bắc Hoa Kỳ lạnh buốt, nhưng chúng tôi hồn rộn ràng vui tươi. Xuân Ất Mùi 2015, 40 Năm Viễn Xứ, một chặng đường dài thành công.

Ất Mùi 2015

Nguyễn Trung Tây

Tự Truyện Về Những Giờ Cận Tử

Thân Phổ Võ Văn Tùng

Là «đầu tàu» tổ chức những «Ngày Nhớ Huế» và chủ biên Tuyển tập Nhớ Huế hàng năm, Bác sĩ Tùng là vị huynh trưởng được bà con yêu mến. Ông cũng là một trong những vị bảo trợ Việt Báo Viết Về Nước Mỹ suốt 15 năm qua.

Trước thềm Tết Ất Mùi 2015, sau khi mừng tuổi 80', Bs. Tùng thình lình bị cơn bệnh ngặt. Được cấp cứu tại Hoag Hospital Newport*, ông hoàn toàn rơi vào hôn mê suốt 5 ngày đêm. Bệnh viện đã phải thông báo tình trạng nhiều phần tuyệt vọng cho gia đình để tổ chức buổi viếng thăm vĩnh biệt. Sau nhiều sự cầu nguyện, như một phép la, Bác sĩ Tùng bỗng tỉnh lại và từng bước phục hồi. Sau 17 ngày kề cận với cái chết trong khu ICU - Intensive Care Unit, nơi chữa trị đặc biệt cho trường hợp nguy kịch- ông bình an về nhà và dành ngày mùng Ba Tết Ất Mùi viết lại «Tự truyện về những giờ cận tử - My Near- Death Experiences.»

Dù bài viết còn ở dạng bản thảo nóng hổi chờ sửa chữa, Bác sĩ Tùng đã cho phép Việt Báo phổ biến sớm, chỉ như một chia sẻ đặc biệt với bạn đọc Viết Về Nước Mỹ. Việt Báo trân trọng cám ơn tác giả và giới thiệu bài

viết.

Tặng Tâm Thường và các con yêu quý.

Võ Văn Tùng

Chúng tôi vừa hưởng xong một ngày cuối năm thật là vui nhộn.

Tối hôm đó 31 tháng 12, 2014 một số anh em với ba người đầu đàn là Phạm Quang Tố, Trần Anh Dũng và Phạm gia Nghị đã tổ chức đêm New Year Eve đầu tiên dành cho gần 200 bạn bè thân hữu tại Grand Garden Restaurant.

Ăn uống thịnh soạn, gần đến giờ giao thừa của năm mới dương lịch, tất cả ra sàn nhảy liên tục. Bốn cặp vợ chồng gồm Tố- Mai Khanh, Dũng- Tuyết Trang, Quang- Thúy An, Tâm Thường và Tùng có màn biểu diễn nhạc điệu Tango Argentina. Cặp tôi và Tâm Thường đứng giữa, chung quanh có Dũng- Trang, Tố - Mai Khanh, Quang - Thúy An đi những bước Tango nhịp nhàng và sau đó tất cả bạn bè dự tiệc đều mang mặt nạ, đưa ly champagne lên chúc mừng nhau năm mới 2015. 12 giờ 30 ra về, trong lòng hân hoan mừng năm mới đầu tiên của tuổi 80.

Trưa January 1st. , vợ chồng tôi đến nhà cô em để ăn Anniversary, vẫn thấy trong người bình thường, mạnh khỏe. Trưa mồng hai lên Anaheim Hill ăn cơm với Thầy Hằng Trường cùng với vợ chồng Phúc, Tố, Sâm và Lộc để tiễn đưa Thầy đi Nhập Thất 3 tháng tại Đài Loan.

Thầy mời nhóm Khai Tâm tối này đến đài SBTN thu âm cho buổi phát hình sẽ chiếu trên TV vào dịp Tết Nguyên Đán với một số các anh chị em trong Hội Từ Bi Phụng Sự và trong nhóm TiVi Khai Tâm, đặc biệt có sự tham dự của ông Tân Thị Trưởng thành phố Garden Grove, người Việt trẻ tuổi đầu tiên Nguyễn Quốc Bảo vừa mới được bầu lên. Trong buổi thu hình, Thầy hết sức tế nhị, không ngồi trên ghế cao với Ông Thị Trưởng đã dành sẵn mà rủ nhau cùng ngồi bệt xuống sàn của sân khấu với anh em. Sau phần nhập đề như thường lệ, Thầy có lời khen nhóm Radio Khai Tâm đã cùng Thầy làm và cho phát thanh được gần 400 bài pháp cho thính giả ở khắp nước Mỹ và trên thế giới nhờ qua một website mang tên Radiokhaitam. com http : //tam. com/ và qua IPhone. Thầy trao lại microphone cho tôi nói lên sự góp công của toàn nhóm gồm 10 người đã liên tục làm việc với Thầy một cách đoàn kết và hữu hiệu trong 8 năm qua.

Tôi ra về vào lúc gần 11 giờ đêm. Trời lạnh và khó chịu. Tối hôm ấy về nhà tôi thấy hơi ê người, cố ráng ngủ cho đến sáng hôm sau. Trưa January 4, nhà tôi có mở một tiệc nhỏ mời một số chị em thuộc nhóm Couvent des Oiseaux đến họp gây quỹ cho trường cũ. Tôi vẫn còn ngái ngủ và không xuống tham dự như mọi khi. Đến chiều tối con tôi đến thăm và cùng ăn cơm cùng gia đình. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn và lên lầu ngủ tiếp.

Vào khoảng 2 giờ sáng bỗng nhiên tôi cảm thấy ngộp thở và mệt vô cùng, tự nhiên mất hết sức lực nhưng không bị nóng sốt. Tôi muốn thức nhà tôi dậy nhưng hai người nằm hai phòng riêng biệt nên không thể làm sao liên lạc được. Chừng 5 phút sau, lấy hết sức lực tôi tuột xuống giường, bò qua được phòng của nhà tôi và nhờ đưa tôi đi bệnh viện cấp cứu. Nhà tôi liền kêu 911, xe cứu thương đến ngay. Nhà tôi yêu cầu chở tôi vào bệnh viện Hoag ở Newport Beach, là nơi mà có con tôi là Andre làm việc ở ICU. Người Y tá trưởng xe cấp cứu đồng ý, ba nhân viên làm ngay những thủ tục cần thiết đưa mask oxygen cho tôi thở và chở tôi lên xe trực chỉ Bệnh Viện. Kể từ đó tôi không còn biết gì nữa và mê sảng trong nhiều ngày sau.

Theo lời kể lại, bác sĩ ở bệnh viện cho nhà tôi biết là tôi bị Pneumonia (viêm, xưng) cả hai lá phổi, vì vậy khó thở nên họ phải cho tôi thở máy, và chuyền không biết bao nhiêu thứ thuốc vào tĩnh mạch, lẽ tự nhiên trong đó có nhiều thuốc trụ sinh. Nhà tôi liền kêu phone cho Thầy Hằng Trường đang ở Đài Loan, Thầy cầu nguyện Quan Thế m Bồ Tát và kêu gọi đồng đạo khắp nơi cầu nguyện theo.

Năm ngày sau thì tôi tỉnh dậy, thấy mình đang ở trong phòng ICU và đang thở bằng máy. Các bác sĩ điều trị cho biết tim đập không đều với nhiều Atrial fibrillations và thận bị suy nặng, cấp 4, nên họ bảo cho gia đình biết rằng tỷ số bình phục trở lại chỉ có từ 20 đến 30%. ICU cho phép các con, các em và bạn bè thân đến thăm tôi gọi là «lần chót» .

Tôi tiếp tục mê man, sau nghe thuật lại thì bà con chỉ đứng nhìn cảnh thương tâm và khóc, ai cũng chắp tay lâm râm cầu nguyện cho tôi được tai qua nạn khỏi.

Các con tôi, 4 cháu làm nghề y lâu năm, 3 cháu chuyên về Critical medicine and Pulmonary, mặt mày buồn xo vì nghĩ rằng chuyến này Cha của chúng khó vượt qua khỏi tay của tử thần vì tuổi già mà ba cơ quan chính của cơ thể là Tim, Phổi, Thận đều failed.

Trong 5 ngày mê man trên giường bệnh tôi đã làm gì và trong tâm tôi đã thấy gì, nghĩ gì ?

Chuyện tôi viết ra đây là chuyện thật, tin hay không thì do ý của mỗi người nhưng có điều là tôi không bịa đặt, chỉ muốn chia xẻ những giây phút thập tử nhất sanh hay nói một cách khác là tôi đang đứng trước ngưỡng cửa của tử thần. Tuy nhiên lúc mê lúc tỉnh, nhiều chuyện xảy ra lộn xộn trong đầu, khó hiểu mà cũng rất khó kể lại cho rành mạch, thứ tự. Dù sao, xin kể rất trung trực.

Đầu tiên tôi nghe có tiếng nói bên tai :

«Anh theo đạo gì ?»

Tôi trả lời :

«Đạo Phật» .

«Anh muốn theo đạo Chúa không vì trong gia đình anh có người muốn anh theo... «Tôi xua tay nói không phải vậy.

Tuy nhiên họ vẫn tiếp tục theo và hỏi tiếp,

«Anh nói anh theo đạo Phật thì nói chữ A cho tôi nghe được không ?»

«Sao không !»

Sau đó không biết bao lâu tôi thấy mình đang đứng trên cao, không rõ nơi nào,

nhìn xuống, ngạc nhiên thấy đám ma của tôi đang diễn ra tại Peek Family, phòng số 1. Một cái hình bán thân rất lớn của tôi để ở giữa, một quan tài được rất đông người mặc đồ tang đang đẩy ra khỏi phòng. Nhìn sang hai bên rất nhiều vòng hoa phúng điếu và bên phải có nhiều tờ báo Phân Ưu trong đó có nửa trang rõ nét nhất đăng lời chia buồn của người chị ruột tôi tên Võ Thị Hồng T. với nhà tôi Tâm Thường và các con cháu.

«Ủa, mình chết rồi sao ?» Tôi giựt mình, thấy dễ sợ, tự hỏi.

Nhưng không, sờ hai tay và hai chân thấy mình còn nhúc nhích được.

Tâm hồn tôi lúc ấy bỗng rất thanh thản thấy không còn bệnh tật gì nữa, xem như đang ở một nơi thật thanh bình không nghe tiếng súng, không có đồng loại giết nhau thì hạnh phúc quá rồi. Vợ tôi kể lại, thấy chuyện bệnh nặng của tôi xảy ra quá nhanh, chỉ đau có 2 ngày mà đã chết sao, oan ức thật. Vợ chồng đã sống với nhau trên 50 năm nay đành ly biệt sao ?

Con tôi đâu ? Đông lắm, 4 trai, 3 gái với 6 dâu rể và một bầy cháu 12 nội ngoại rất dễ thương nhưng tuổi còn nhỏ quá. Tôi đang phân vân không biết nên đi tới hay đi lui tìm kiếm người lạ thì bỗng nhiên tôi tỉnh dậy, thấy khó chịu trong cuống họng vì ống thở đang còn nằm trong ấy.

Qua đến ngày hôm sau con tôi Andre vừa đi Vacance từ Bali trở về, cháu hội chẩn ngay với các đồng nghiệp, quyết định rút ống thở ra ngay và thay thế bằng một dây chuyền Oxygene thẳng vào mũi. Tôi cảm thấy dễ chịu, có thể tự thở được một mình. Vợ con tôi khuyến khích tôi thở càng mạnh càng tốt.

«Bác Sĩ nói anh ráng thở sâu hơn mới đạt được tỷ lệ Oxy trong máu. Anh nghe em. Ráng lên» .

Cứ như vậy tôi cố gắng thở vào, thở ra miệng lẩm bẩm, «mỗi nhịp thở là nối lại với cuộc đời» . Thật vậy, tim thì bóp tự động nên mình không cảm thấy gì cả, thở trong lúc hai lá phổi lành mạnh cũng vậy nhưng khi mình bị ngộp thở thì mình cảm thấy ngay.

Tôi tiếp tục cố gắng thở sâu trong một thời gian khá lâu nữa để đi tìm sự sống và rất phấn khởi khi đã đạt được tiêu chuẩn, sau đó lăn ra ngủ ngon lành. Bỗng trong cơn nửa tỉnh nửa mê, bên phải đằng xa hiện ra

một cảnh tượng toàn màu tím nhạt, phía dưới là cây cảnh phía trên là một bầu trời trong vắt, đẹp không thể tưởng tượng nỗi, không có bóng dáng của một ai khác, chỉ có mình tôi thôi. Tôi cố nói to trong miệng với mục đích để cho vợ tôi nghe

«Đẹp quá em ơi. Tuyệt vời !»

Nhưng câu nói đó chỉ có trong tiềm thức làm sao nhà tôi nghe và chia sẻ với tôi được.

Rồi từ phía xa xa một đám ánh sáng màu vàng rực rỡ hiện ra trên ngọn cây và cuối cùng tất cả rộ lên như một đám mây sáng ngời bay từ phải sang trái ngang qua trước mắt làm tôi giựt mình thức dậy. Mở mắt ra thì đã 10 giờ sáng.

Nhưng không lâu sau đó tôi bị nghẹt thở trở lại, tôi được bác sĩ cho thở phụ bằng dụng cụ CPAP. Khi đeo cái máy này vào đầu thì tôi thấy tuần tự hiện ra hàng chục cái CD âm nhạc Việt Nam đủ loại bắt buộc tôi phải xem. Chán quá, tôi nhắm mắt lại nhưng những hình ảnh ấy vẫn hiện ra trước mắt mới lạ. Muốn bỏ cái CPAP cũng không phải dễ nên tôi nằm yên chịu trận.

Ngày hôm sau thêm một loại CD phim Tàu lại hiện ra, tiếp đến là một dự án xây dựng cả một tỉnh lỵ riêng

của Việt Nam ngay trên đất Mỹ. Tôi tự hỏi, làm sao có chuyện vô lý như vậy được. Hình ảnh của tỉnh nầy xem lớn lắm với đường sá hàng chục miles, hai bên có trường học, nhà thương, chợ búa, hàng quán và hàng chục cao ốc, cư dân sinh hoạt tập nập, xem ra rất an bình, thịnh vượng. Lạ một điều là giữa những hình ảnh tươi đẹp của tỉnh lị này, tôi vẫn tự nhắc phải cố mà hiểu là mình đang trong cơn mộng du, mọi thứ trước mắt chỉ là ảo ảnh, giống như cảnh suối nước ngọt ngào thường hiện trong đầu óc những kẻ sắp chết khát trên sa mạc.

Giữa lúc ấy, trong tai tôi bỗng nghe tiếng nói :

«Con ơi, Bác đây. Bác là bạn thân của Cha con ngày trước, bác muốn vào thăm con được không ?»

Tôi nghe tiếng của tôi vang trong đầu :

«Dạ thưa bác, cha con chết đã lâu rồi, tính ra bây giờ đã trăm tuổi, làm gì có bạn còn sống !» .

«Con không tin thì hãy nhớ lại đi, mới ba tháng trước bác còn gặp con mà» .

Đầu óc tôi lúc ấy rất hoang mang và quá mệt nên không muốn để ý chuyện này nữa.

Sau này khi về nhà tìm hiểu mới biết đúng như vậy. Ba tôi có một người bạn rất thân, năm nay đã 97 tuổi, tôi có gặp mặt bác tại Pharmacy của nhà tôi và bác vừa mới qua đời cách đây ba tháng. Có thể bác là «người âm» cư dân mới của cái đô thị trong mơ kia, thấy tôi đi ngang muốn đến thăm tôi chăng ? Dễ sợ !

Trong lúc tôi nằm bệnh viện, nhà thương đã tử tế cho nhà tôi mượn một cái ghế nhỏ có thể kéo dài ra để nằm gần giường bệnh để săn sóc tôi phụ với y tá.

Tôi đánh thức nhà tôi dậy,

«Em ơi, anh mệt quá, chuyện gì đâu đâu «họ «cứ bắt anh xem hoài, anh hết chịu nổi rồi. Xem ra có thể đây là một hình thức tra tấn thử xem anh có chịu nổi không. Chắc là ma quỷ muốn hại anh» .

Tôi điên người lên và tâm thần bị rối loạn, đâm ra nghi ngờ tất cả mọi chuyện. Tôi không còn kiểm soát được thân và tâm tôi nữa.

Bác sĩ đến cho tôi uống Seraqual.

«Bây giờ là mấy giờ rồi hở em ?»

«Mới 2 giờ sáng» .

«Em đưa áo quần cho anh và chúng mình lên xe ra về kẻo có người đến ám hại mình» .

Nhà tôi và các con tôi nghĩ rằng tôi đang bị khủng hoảng tinh thần nặng phải bịa đặt để trấn an tôi :

«Bây giờ thang máy hư rồi mà mình đang ở lầu thứ 10» .

«Anh đi bộ xuống được, không sao, anh muốn về nhà ngay. Liệu anh có thể chịu trận với tình thế này đến 8 giờ sáng không ? Bây giờ anh đang thở mệt hụt hơi. Tim đập rầm rầm Em xem cái đường chỉ nhịp tim có đều không ?»

Hỏi thì cứ hỏi nhưng tôi nghĩ nhà tôi không dám nói sự thật vì khi ấy tôi đoán chắc nhiều nhịp tim hỗn loạn thay phiên hiện ra trên màn ảnh vì thỉnh thoảng chuông lại reo lên.

Lúc ấy tôi thấy tình trạng nguy hiểm quá, cái chết gần đến nơi rồi. Tôi quyết định đầu hàng, không tranh đấu nữa, tôi liều mình, mọi chuyện đến đâu hay đó.

«Em ơi, chắc đã đến lúc anh phải từ giã em. Em kêu Bác Sĩ trực cho anh. Kêu các con cho anh» .

Bà bác sĩ trực đến ngay, tôi dơ hai tay lên chéo lại trước ngực và chỉ nói với bà bác sĩ ba chữ.

«Doctor, I surrender» .

Nói xong tôi tự tay đẩy cái CPAP ra khỏi miệng và mũi, nằm co theo thế như thai nhi trong bụng mẹ. Trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê, tôi mơ thấy tất cả người thân yêu của gia đình và những người thường dễ thương với tôi.

Nghe vợ tôi kể lại lúc ấy y tá đến chích cho tôi một mũi thuốc (sau này biết là morphine) theo lệnh của bác sĩ để tôi nằm yên, không vùng vẫy nữa.

Sớm mai tôi chợt thấy mình đang ngồi trên một cái ghế xem nhiều CD về những Ngày Nhớ Huế quá đẹp, những chuyện tôi đã làm mấy chục năm trước với rất đầy đủ chi tiết mới lấy làm lạ và ngạc nhiên vì đó là chuyện riêng tư của tôi ai biết mà đem ra chiếu lại ? Bỗng nhiên tôi nghe lao xao tiếng y tá gọi nhau. Mở mắt ra tôi lại thấy mình đang nằm yên trên giường như cũ chứ không phải đang ngồi trên ghế.

Thật là hoang mang, tôi lại sờ chân, tay, co lên co xuống thấy vẫn bình thường. Thế là trong giờ phút này mình vẫn còn sống, chắc một phép lạ nào đó đã xảy ra !

Từ đó tôi không còn ngộp thở nữa, tim đập điều hòa trở lại, mỗi ngày sức khỏe một tiến bộ rõ rệt. Tôi đã nằm trong ICU và Sub IUC tổng cộng 17 ngày, bao giờ cũng có nhà tôi bên cạnh. Các con tôi và các em ruột cũng chia phiên đút thức ăn chà nhuyễn cho tôi.

Vài ngày sau bệnh viện cho tôi ăn bình thường, uống thì hạn chế, vì khi nuốt sợ nước có thể chạy sai vào phổi. Hằng ngày có chuyên viên phục hồi đến tập cho tôi đi đứng như đứa con nít.

Tối ngày thứ 17 tôi được xuất viện. Về nhà nằm lại trên giường cũ thấy thoải mái vô cùng.

Vậy mà vẫn chưa hết lo âu.

Khoảng 8 giờ tối nhà tôi lái xe ra chợ mua đồ ăn sáng. Tôi nằm nhà một mình chờ đợi mãi đến 11 chưa thấy nàng về.

Bỗng điện thoại reo.

«Anh ơi em bị đụng xe. Em đang chạy đến gần ngã ba thấy cái xe Van đằng trước có đèn sau chớp chớp. Thiếu bình tĩnh trong trí em tưởng nó đang chạy, ai dè nó đang đậu nên em đã húc vào đít xe của người ta, mũi xe của mình nát bét. Em bị kẹt trong xe vì cửa không mở được, phải đợi cảnh sát và xe Hồng thập Tự đến

giúp và làm report vừa mới xong» .

«Em có sao không ? Có kêu ai đến giúp không ?»

«Em không bị thương tích nhưng bị tức ngực.»

Tôi thở ra, nhẹ phần lo. Thật phước mới trùng lai thì vẫn họa vô đơn chí !

Tâm, con trưởng của chúng tôi đã đến khám bệnh cho mẹ tại hiện trường còn Andre, con thứ đang đến nhà chăm sóc cho tôi.

Nửa giờ sau thì nhà tôi về đến nhà.

Thế là nhà tôi cũng được trời Phật phù hộ thoát khỏi một tai nạn có thể chết người. Phần tôi đã được sống lại sau cơn bệnh hiểm nghèo thập tử nhất sinh, có thể nhờ nhiều lý do :

Thứ nhất là tôi được nhà tôi chở kịp đến một bệnh viện lớn, đầy đủ phương tiện và có đầy đủ bác sĩ chuyên môn và y tá tận tình chăm sóc. Bệnh Viện Hoag đặc biệt có một nhóm 11 bác sĩ chuyên về ngành Critical Medicine điều trị những bệnh nặng, luôn luôn túc trực 24/24 để cứu bệnh nhân.

Thứ đến về mặt tâm linh tôi được gia đình luôn luôn ở bên cạnh để hỗ trợ và khuyến khích, được Thầy cùng

các anh chị em trong Hội Từ Bi Phụng sự, bà con, bạn bè ngày đêm cầu nguyện cho tôi.

Gần đây tôi có hỏi một vị Cao Tăng về hiện tượng Sống Chết của tôi vừa xảy ra.

Thầy giảng rằng : Người ta có hai phần là Tâm và Thân. Cái Tâm mới là cái thật của con người. Tâm thì vô hình vô tướng, nhỏ thì không có vật gì nhỏ hơn mà lớn thì cũng không có gì lớn hơn. Thân và Tâm cùng ở với nhau. Niệm còn thì Thân còn. Niệm dừng thì Thân và Tâm lìa nhau để Tâm có cái thân mới. Tâm của tôi luôn luôn ở trong Thân của tôi, chưa bỏ tôi, nên tôi chưa chết.

Mùng Ba Tết Ất Mùi. Feb 21/2015

Thân Phổ Võ văn Tùng

Chú thích :

(*) Hoag Hospital Newport, tên đầy đủ là Hoag Memorial Hospital Presbyterian, là một bệnh viện bất vụ lợi hàng đầu của nước Mỹ tại thành phố Newport Beach, Orange County. Từ 1944, ý tưởng quyên góp xây dựng bệnh viện được khởi xướng bởi Rev. Raymond Brahms thuộc giáo hội Trưởng Lão Presbyterian và được tài trợ bởi the Hoag Family Foundation. Chính

thức khai trương ngày 15 tháng Chín 1952, liên tục suốt 19 năm qua, Hoag Hospital Newport được tặng danh hiệu là bệnh viện hạng nhất của Orange County do nhật báo OC Register bình chọn hàng năm.

Anh Thợ Sửa Xe Đạp Và Giấc Mơ Mỹ

Phương Hoa

Tác giả định cư tại Mỹ từ 1994, vừa làm nail vừa học. Năm 2012, bà tốt nghiệp ngành dạy trẻ tại Chapman University khi đã 62 tuổi và trở thành bà giáo tại Marysville Calif. Với loạt bài về Vietnam Museum, «Viện Bảo Tàng Của Những Người Lính Bị Bỏ Quên» tác giả đã nhận giải chung kết Viết Về Nước Mỹ 2014. Bài sau đây trích tư Việt Báo Tết Ất Mùi 2015.

Ngày xưa, khi đặt chân lên chiếc ghe câu nhỏ xíu cùng với mấy chục con người nêm cứng khoang thuyền để đào thoát khỏi Việt Nam, giấc mơ Mỹ của anh thợ sửa xe đạp tại một làng quê tên Lê Tường hiện ra trước mắt là một vùng trời biển mênh mông không thấy bến bờ. Hơn hai mươi lăm năm sau, chàng trai gốc chân quê ấy đã trở thành Adam Lê, ông chủ của City Cycle Werkes, một cơ sở chuyên mua bán sửa chữa xe Mô Tô có tầm cỡ tọa lạc tại trung tâm thành phố Cựu Kim Sơn, San Francisco, thành phố du lịch nổi tiếng của Hoa Kỳ.

Hành trang mang theo trong ngày đầu đặt chân lên đất Mỹ của Adam chỉ vỏn vẹn một nhúm kiến thức lớp Năm Việt Ngữ, chút ít kinh nghiệm về... ống bơm xe

đạp cùng «mỏ-lết-cờ-lê,» và một đồng hai mươi lăm cent ($1. 25) Sở Di Trú Hoa Kỳ cho để anh gọi điện thoại khi cần. Thành công của chàng trai này không phải nhờ «phép lạ.»

Có lẽ không bút mực nào ghi cho hết những thăng trầm về cuộc đổi đời kỳ diệu của Adam. Sinh ra ở một ngôi làng nhỏ thuộc miền Trung, anh cưới vợ sớm như bao bạn bè khác. Gia đình chỉ sống nhờ vài sào ruộng được «hợp tác xã» chia cho nên anh phải làm thêm nghề sửa xe đạp. Cặp vợ chồng trẻ sinh được một bé trai trong cuộc sống vất vả của xã hội mới. Nhìn bạn bè đồng lứa lớp bị bắt đi «nghĩa vụ quân sự,» lớp vượt biên, một ngày kia anh bỗng cảm thấy mình cũng cần phải đi, để tìm tự do, tìm giấc mơ cho cả gia đình.

Hai mươi hai tuổi anh bỏ nước ra đi, bỏ lại Đương cô vợ trẻ, và đứa con vừa tròn mười tám tháng.

Những khi họp mặt bạn bè, Adam thường kể lại chuyện vượt biên ly kỳ ngày ấy. Thuyền ra khơi, anh vô cùng hoảng sợ. Biển cả hiểm nghèo như chực chờ nuốt chửng chiếc thuyền con có đám người đang rời bỏ quê hương. Chạy được gần hai ngày thì họ bị mất phương hướng. Lúc ghe vừa ra khơi, tài công phát hiện chiếc hải bàn bị mất. Người đàn ông được thuê chuyên chở người và vật dụng ra ghe chính đã ăn cắp chiếc hải bàn.

Tối trời, anh ta cầm trúng cái gói nặng tay ngỡ là vàng bèn cuỗm luôn không giao lại. Đã thoát được rồi, tài công đành định hướng chạy tới luôn. Nhưng ra đến hải phận quốc tế thì trời đất mịt mù, không biết đường đi tiếp nên phải đánh liều quay lại để kiếm hải bàn.

Tối ngày thứ tư thì ghe trở về chỗ cũ. Một người dũng cảm tình nguyện lội vào bờ, đến nhà tay ăn cắp để đòi lại hải bàn. Nhiều người vì hãi hùng đã đổi ý nhảy xuống theo anh ta. Adam cũng rất muốn trở về, một phần vì sợ, phần vì thương vợ nhớ con. Tuy vậy, anh cắn răng bám chặt vào thành tàu giữ cho mình khỏi phóng xuống nước. Người ấy đòi được hải bàn mang ra ghe, nhưng bọn họ bị công an hùng hổ kéo quân rượt bắt vì tay đạo chích đã đi báo cáo. Nhờ sự lanh trí của tài công, chiếc thuyền con chạy «tốc khói,» khéo léo luồn lách ngoạn mục, cuối cùng đã đánh lạc hướng đám ghe công an.

Trải qua nhiều ngày sóng dồi gió dập tả tơi, họ cũng an toàn đến được đảo Palawan, Philippines.

Năm 1983, sau hơn hai năm chờ đợi trên đất Phi, Adam đến Mỹ và định cư ở thành phố San Francisco. Không bỏ lỡ thời gian, anh lao ngay vào trường học Anh Văn. Hết tám tháng trợ cấp của chính phủ, Adam xin vào thử việc không lương cho Dealers, một hãng

sửa chữa mô tô ở thành phố San Francisco. Sau một tháng, anh được nhận làm tạm thời, lương chỉ $4. 25/ giờ. Công việc của chàng trai tị nạn mới đến là làm tạp vụ, dọn dẹp và lau chùi từ nhà xưởng cho đến phòng làm việc, toa lét.

Nhưng giấc mộng của Adam không phải là những nơi đó. Vốn từng làm nghề sửa xe đạp, chàng công nhân tạp vụ mơ ước có ngày sẽ được học sửa mô tô để làm việc như những chuyên viên thực thụ trong xưởng. Mỗi ngày đến cơ sở mang theo hoài bảo, anh làm việc siêng năng không mệt mỏi, hy vọng kiếm chút thời gian thừa để học lóm tay nghề. Giờ nghỉ giải lao, những buổi ăn trưa, nhân viên tụm năm tụm ba tán chuyện cười đùa. Riêng Adam ăn xong là bắt tay ngay vào làm việc. Nhà xưởng luôn gọn gàng, ngăn nắp. Văn phòng lúc nào cũng bóng loáng. Nhà vệ sinh bao giờ cũng sạch sẽ thơm tho. Làm xong hết việc, anh đến phụ giúp lặt vặt cho các nhân viên, và thường để ý học thầm cách thức người ta sửa chữa xe mô tô.

Khi đó Adam mới đến Mỹ, nào biết tí gì về luật lao động. Anh cắm cúi làm việc chăm chỉ là bởi do bản tính siêng năng. Trong hãng ai cũng thích cái anh chàng «ham việc» này. Làm được mấy tháng, ngày kia một người nhân viên tò mò hỏi anh có được lãnh tiền

«overtime» cho những giờ phụ trội ấy. Anh tình thật trả lời không. Người đó thấy anh bị thiệt thòi, bèn gọi mách Sở Lao Động. Đối với đất nước Hoa Kỳ, đây là «chuyện lớn» vì bóc lột công nhân. Sở cử người đến điều tra và phạt hãng trả Adam một số tiền khá lớn, bồi thường cho tất cả thời gian anh đã làm trong những giờ ăn trưa và giờ nghỉ giải lao.

- Nhận được tiền bồi thường mà tôi... run muốn chết ! Sau này Adam kể lại. - Dù đó là một số tiền không nhỏ, vì họ phạt hãng phải trả tiền lời và tiền gì đó tùm lum thứ, nhưng tôi chẳng những không mừng mà còn sợ bị đuổi việc.

Adam đem tiền về và chuẩn bị tư thế đi xin việc khác. Nhưng hôm sau anh vào hãng thì ông giám đốc đích thân ra hỏi chuyện. Rồi ông ký quyết định thuê chính thức người công nhân tạp vụ đã từng làm cho công ty bị phạt ! Sau đó, hãng gửi Adam đến trường để được đào tạo tay nghề.

Có cơ hội tốt, Adam cố gắng học rồi thi lấy bằng kỹ thuật sửa chữa xe Mô Tô. Đó là mảnh bằng đầu tiên của anh trên đất Mỹ. Tốt nghiệp xong, Adam bắt đầu làm việc cho hãng. Anh tận dụng tối đa những gì học được để phục vụ khách hàng. Sự tận tâm của anh chuyên viên người Việt Nam nhỏ con nhất, tay nghề non trẻ nhất, và

tiếng Anh bập bẹ nhất công ty đã được khách hàng ưa chuộng. Rất nhiều người gọi tới làm hẹn yêu cầu đích danh Adam sửa xe cho họ. Người trong công ty, kể cả giám đốc, nhiều lần tròn mắt kinh ngạc và thán phục nhìn anh thợ «tí hon» nhất hãng bằng động tác khéo léo tuyệt vời đã di chuyển một cách nhẹ nhàng những chiếc mô tô hàng trăm, hàng nghìn phân khối, nặng gấp nhiều lần sức nặng của anh.

Từ đó, Adam được giám đốc ưu ái chọn, gửi đi tu nghiệp mỗi năm một lần. Cho đến khi nghỉ việc ra riêng, Adam đã hoàn thành được mười mấy cái chứng chỉ sửa chữa mô tô.

Với sự làm việc cật lực, cộng thêm tiếp tục học hành, anh thợ trẻ Adam dần trở thành một chuyên viên nhiều kinh nghiệm và có uy tín nhất hãng. Bất cứ loại xe nào, từ mô tô phân khối nhỏ, đến các loại xe phân khối lớn, «lớn xác lẫn lớn tiền» như Honda, Suzuki, Yamaha, BMW... model của Mỹ, Nhật, Đức, Ý gì cũng không làm khó được Adam. Uy tín của anh ngày càng tăng. Sự hài lòng của đa số khách hàng dẫn đến việc một tờ tạp chí Motorcycle Magazines của địa phương đã viết về Adam với những lời ngợi khen đặc biệt.

Rất là thú vị, sự thành công vượt bậc nhanh chóng của Adam không hề làm cho đồng nghiệp đố kỵ. Trái lại, các bạn cùng hãng rất thích anh vì cái tính hiền hòa, thân thiện, luôn giúp đỡ người khác. Về sau khi Adam mở xưởng, nhiều đồng nghiệp cũ đã đến phụ giúp anh một cách rất nhiệt tình trong những ngày đầu.

Không những Adam được bạn đồng nghiệp yêu mến, mà bạn bè thân hữu cũng rất quý anh. Anh thường ra tay giúp đỡ khi người ta hữu sự, từ đất Mỹ đến quê nhà, chẳng quản ngại khó khăn hay công sức. Tôi còn nhớ có lần người bạn của Adam đang sửa nhà thiếu người phụ, anh tình nguyện xin nghỉ việc ở hãng đến giúp bạn mình. Kết quả, anh đã bị ngã từ trên thang cao xuống đất. May mà anh chỉ bị gãy chân. Vợ con anh đã một phen mất vía, vì té kiểu đó rủi trúng đầu thì nguy hiểm vô cùng.

Năm 1989, Đương vợ anh bồng con xuống tàu vượt biển đến Philippines. Hay tin, Adam vội vã bay qua trại tỵ nạn để bảo lãnh họ. Thời gian anh ở Phi một tuần lễ, chẳng những là tuần lễ hạnh phúc của vợ con anh, mà đó cũng là tuần lễ may mắn của bạn bè, bà con đồng hương, và những người cư ngụ cùng nhà với vợ anh, trong đó có ông xã của kẻ viết bài này. Đến bây giờ ông ấy vẫn còn nhớ cái cảnh những người quen đến

ngồi đầy sân trước gian trại vợ Adam ở, để nghe anh kể chuyện về nước Mỹ và chiêu đãi trà nước bánh kẹo cho mọi người. Trước khi về Mỹ, anh đã tặng đến đồng bạc cuối cùng cho tất cả những người quen biết. Ai nấy đều mừng quýnh, vì số tiền này có thể giúp họ mua thức ăn thêm cũng được vài tuần.

Adam đoàn tụ vợ con sau mười ba năm xa cách. Bạn bè thường đùa, chấm anh «5 Star» về tính thủy chung. Mới hơn hai mươi tuổi, dễ nhìn lại có tài, Adam được ông giám đốc điều hành của hãng «chấm» và ngỏ ý muốn tác thành cho cô em của ông. Cô gái Nhật xinh đẹp này cũng rất thích Adam. Nhưng anh đã khéo léo từ chối, một lòng chờ đợi vợ.

Đương đoàn tụ với chồng được vài năm, thì từ mức lương lau chùi dọn rửa chỉ hơn bốn đồng bạc/giờ khi bắt đầu của anh đã vượt lên tới mức trên... «sáu số,» chiếm kỷ lục hãng. Ngoài những lúc đi làm hãng, Adam còn dạo mua xe cũ về sửa chữa rồi bán lại. Đến năm 1995, sau hơn mười năm ở Mỹ, trong khi nhiều bạn đồng nghiệp kỳ cựu người bản xứ của Adam vẫn còn ở nhà thuê, vợ chồng anh chàng tị nạn da vàng gốc quê đã mua được ngôi nhà hai tầng có vườn sau rất đẹp ở gần bờ biển San Francisco.

Mộng lớn của Adam là hình thành một cơ sở kinh doanh do mình tự làm chủ. Anh để ý học hỏi, thu thập kinh nghiệm về kinh doanh chờ cơ hội. Giấc mơ này là động lực cho Adam làm việc bất kể ngày đêm. Sau khi mua nhà, anh «tăng tốc,» tận dụng từng chút thời gian rảnh dùng vào việc mua bán xe mô tô. Anh mua tất cả các loại xe, cũ mới, phân khối lớn nhỏ, kể cả các loại xe cổ đắt tiền (Classic Motorcycles) . Lúc nào nhà anh mô tô cũng chất đầy garage, chất đầy tầng trệt. Xe nào còn mới tốt thì anh mua về lau chùi đánh bóng lại rồi bán ngay. Xe cũ thì tân trang sơn sửa rồi mới bán. Đi làm về nếu không đi mua xe, anh lao vào miệt mài sửa chữa. Việc làm phụ này đã cộng thêm thu nhập đáng kể vào thu nhập chính của gia đình. Và cuối cùng anh cũng đã thực hiện được mơ ước.

Người ta thường nói, «Sau lưng người đàn ông thành công luôn luôn có một phụ nữ... tốt» quả không sai chút nào. Nếu nói về sự thành công của Adam Lê mà không nhắc đến người «nội tướng» trẻ trung xinh đẹp và hiền thục của anh một chút thì sẽ là một thiếu sót. Đương Nguyễn cũng là một cô gái xuất thân từ chốn thôn quê, được dạy dỗ với đầy đủ công dung ngôn hạnh. Sang Mỹ đoàn tụ cùng Adam, cô chẳng những vừa lo việc sinh con, chăm sóc nuôi dạy chúng, mà cô còn đi làm, là một chuyên viên thẩm mỹ. Đương là cánh tay đắc lực của

Adam. Dù luôn bận rộn, vợ Adam vẫn lo con cái chu đáo. Cậu con trai trưởng là một kỹ sư vi tính đã đi làm, cô con gái út đang theo học dược ở UC Davis, còn cậu con trai giữa thì đã học xong, ở nhà phụ giúp bố từ khi anh mua xưởng.

Adam mua lại xưởng sửa chữa mô tô này vào năm 2010. Chỉ trong vòng một năm, sự thành công của Adam có thể thấy rõ. Trên trang web «Yelp,» người ta cập nhật rất nhiều lời khen của khách hàng viết về ông chủ Adam Lê và City Cycle Werkes. Hầu hết họ đều cho điểm «5 Star» và kèm theo những lời giới thiệu rất nhiệt tình cộng với nhiều hình ảnh họ chụp khi đến lấy xe từ xưởng của Adam. Uy tín của anh và City Cycle Werkes được mấy vị Professor dạy ngành Motorcycle Technician ở đại học cộng đồng City College of San Francisco biết đến. Họ thường giới thiệu các sinh viên chuyên ngành của trường đến gặp Adam Lê để phỏng vấn, tìm hiểu về kinh nghiệm nghề nghiệp, cũng như việc điều hành cơ sở kinh doanh ngành «Motorcycle Business» để họ về làm «Project» tốt nghiệp.

Điều ngạc nhiên là, trong bốn năm qua, cơ sở làm ăn rất quy mô và phát đạt của Adam lại không hề tốn tiền cho những quảng cáo bạc nghìn bạc triệu trên TV, cũng chẳng phải trả đồng nào cho nhật báo, tạp chí, hay

radio. Tuy nhiên, anh cũng có một cách quảng cáo rất riêng, rất độc đáo. Đó là dùng chiêu thức «chinh phục cái bao tử» để hấp dẫn, làm cho khách hàng nhớ đến mình.

Sau một năm mở cửa, City Cycle Werkes phát triển rất tốt, vợ chồng Adam bàn tính việc mở một buổi tiệc Tất Niên đãi khách hàng, để tỏ lòng cám ơn sự ủng hộ của họ. Đương, cô vợ đảm đang của anh đã đưa ý kiến đãi khách hàng bằng các món ăn thuần tuý quê nhà của mình, thay vì những món ăn của người Mỹ. Ấy vậy mà khách hàng, hầu hết là người Mỹ, đều thích các loại thức ăn Việt Nam có nước mắm do Đương và bạn bè cô tự tay nấu lấy. Lần đãi đầu tiên là để «thử lửa,» không ngờ được khách hàng chiếu cố rất tận tình. Cho nên từ đó về sau, mỗi năm vợ chồng Adam đều đãi tiệc tất niên bằng thức ăn truyền thống của người Việt Nam.

Năm nay, buổi tiệc Tất Niên được tổ chức vào Chúa Nhật tuần lễ đầu tiên của tháng Mười Hai, 2014. Vợ chồng tôi cũng được Adam mời đến San Francisco dự buổi tiệc này.

Đến San Francisco kiếm chỗ đậu xe thật khổ. Khắp nơi đều «thiên la địa võng,» những cột đồng hồ trả tiền, lúc nào xe cũng nối đuôi nhau sát sàn sạt. Phải vòng vòng đến gần hết nửa bình xăng mới tìm ra chỗ. Đến khi

tìm được chỗ thì vô đậu lại vất vả «thần sầu.» Đường xe cộ qua lại nườm nượp, chỗ đậu thì bé tẻo bé teo, tôi rất tệ về đậu pa- ra- leo (parallel) , nên phải «thò ra thụt vào» cả buổi mới lắp được xe vào chỗ trống.

Xưởng City Cycle Werkes của Adam nằm giữa trung tâm thành phố San Francisco, nơi được xem một tất đất «bao nhiêu là tất vàng.» Chiều dài của xưởng chiếm nguyên cả một block đường, mặt trước là đường chính Ellis Street, còn mặt sau nằm trên đường Willow Street. Chúng tôi đến cũng sớm nhưng đã thấy rất đông người lăng xăng, nhộn nhịp. Nhiều người Mỹ đang lần lượt dắt các loại xe mô tô lớn nhỏ từ phần trước xưởng đem ra dựng tràn khắp hai bên đường, mặt cửa trước lẫn phía cửa sau.

Adam vui vẻ ra chào chúng tôi. Anh cho biết hôm nay Chúa Nhật, các cơ sở kinh doanh xung quanh đều đóng cửa, cột đồng hồ được miễn phí, nên anh tạm dời một số mô tô ra ngoài, lấy chỗ xếp bàn ghế cho bữa tiệc. Thấy tôi nhìn những người Mỹ đang dắt xe ra, Adam nói đó là mấy người thợ phụ của anh và những khách hàng thân tín, năm nào họ cũng tình nguyện đến sớm phụ giúp.

Tôi hoa mắt nhìn đám mô tô đủ kiểu đủ màu, và thử đếm nhưng không tài nào đếm xuể.

Nhìn lướt qua và nhẩm tính, chỉ riêng số mô tô được đưa ra ngoài đường, tôi thấy mỗi bên cũng có đến vài chục. Đám mô tô như một rừng hoa, chúng đứng khoe càng nghênh ngang trên đường như những con ngựa trời. Có chiếc nhỏ bằng chiếc Honda 90 nhà tôi từng chạy bên Việt Nam ngày trước, nhưng có những chiếc to đùng gần bằng chiếc xe hơi thể thao. Một người Mỹ cao lớn từ bên trong đang hì hục dắt ra một chiếc hiệu Honda to ơi là to. Cái bửng có đèn và kiến chắn gió trước tay lái khuỳnh ra như đầu một chiếc xe hơi. Trông ông ta dắt đi có vẻ khá vất vả.

- Chiếc xe này to kinh quá, ông Mỹ đó dắt trông gần «ná thở,» không biết bằng cách nào mà anh di chuyển được nó để sửa chữa ? Tôi hỏi Adam.

- Ồ ! Là nhờ kinh nghiệm nghề nghiệp thôi chị ạ. Adam cười nói. - Xe to cỡ nào cũng dắt được cả, nếu mình biết cái «thế» để lái nó đi theo ý mình.

Xe cộ qua lại hai bên đường nhiều người giảm tốc độ, tò mò nhìn đám xe mô tô dày đặc trước cửa City Cycle Werkes. Thậm chí có người còn nhấn còi inh ỏi, chắc là bạn hàng của Adam. Tôi thích thú mỉm cười. Đây cũng là một cách quảng cáo độc đáo nữa của Adam. Sự việc dựng xe đầy trước cửa này đã đặc biệt gây chú ý cho người qua lại. Chắc thế nào sau buổi tiệc cũng sẽ có

thêm khách hàng đến mua xe hoặc đem mô tô đến sửa.

Sau khi ngắm đã đời các kiểu mô tô mới nhìn thấy lần đầu, tôi đi vào bên trong. Mấy người Mỹ đã giúp dọn dẹp trống trải một phần nhà xưởng và đang sắp xếp bàn ghế. Adam chỉ tôi vô phòng trong, nơi vợ anh đang cùng mấy phụ nữ người Việt chuẩn bị thức ăn. Tôi có nghe Đương nói tối hôm trước, là cô đã đặt hai con heo thật lớn cho buổi tiệc từ một trại chăn nuôi trên Modesto, một con heo tươi và một con heo quay. Tôi đã cười thầm vì nghe như cô đang chuẩn bị cho một đám cưới vương giả bên Việt Nam. Cô còn nói cả tháng nay đi làm về cô còn phải lo ướp đến vài trăm pound thịt gà lẫn thịt bò, thịt sườn, để nướng.

Nhưng tôi vẫn không tin được mắt mình khi nhìn số thức ăn bày biện trên bàn. Bằng cách nào Đương đã chuẩn bị được số thức ăn «hùng vỹ» như núi, dày đặc như rừng này nhỉ. Hỏi ra mới biết, vợ chồng Adam có một số bạn bè thân thiết, đã gửi «phu nhân» của họ đến giúp Đương nấu nướng từ ngày trước cho đến hôm nay. Toàn bộ đều là «homemade» hết, không mua một món nào. Thức ăn rất đa dạng và nhiều gấp mấy lần một cái đám cưới Việt Nam ngày xưa. Ngoài các món gà, bò, heo, oyster nướng, còn có thịt phay thịt lụi, xôi cúc xôi giò, bánh bèo bánh hỏi, chả giò chạo tôm, chả ốc chả

lụa, tính sơ sơ cũng cở trên vài chục món, chưa kể các loại bánh ngọt và trái cây. Nhiều lọ thủy tinh đựng đủ loại nước mắm ớt tỏi chanh đường pha sẵn, trong văng vắt những mảnh vụn đỏ tươi của ớt, trắng ngà của tỏi, và xanh dịu của những tép chanh. Nhìn các món ăn truyền thống quê nhà, tôi chưa nếm mà đã chảy nước miếng.

Bữa tiệc không phải chỉ có những món ăn thịnh soạn. Mỗi góc phòng được chất vô số thùng bia các loại, nước trái cây, sô đa, bên cạnh một thùng đá thật lớn chứa đầy bia lạnh. Phía trái bên ngoài office của Adam là chiếc bàn dài thấp. Trên bàn và cả bên dưới có rất nhiều loại rượu, từ rượu nho đến Whiskey, Vodka, cả mấy chai Rémy Martin, và Rémy Martin XO cũng chen vai sát cánh cùng lũ rượu kia như mời chào thực khách. Chợt nhớ lại có lần Đương kể, hồi Adam còn ở nhà, một người bạn có anh đi Mỹ gửi hình về đã cho Adam xem hình ông anh đang cầm lon bia uống. Về nhà bữa trưa vợ dọn vài cọng rau lang luộc với cơm độn bo bo, anh nói, «Ước gì anh được đến Mỹ để uống một lon bia như anh của thằng bạn thì có chết cũng cam lòng.» Anh làm sao ngờ được, có ngày anh chẳng những đến được Mỹ mà còn đãi người Mỹ cả rượu Rémy Martin XO trên trăm đô la/chai !

Khách khứa lần lượt kéo đến đông đảo. Khi được mời nhập tiệc, họ tự động đi lấy thức ăn, chọn đồ uống rồi ra bàn ngồi và chăm chỉ thưởng thức. Điều làm tôi ngạc nhiên là người nào cũng có vẻ rất quen thuộc với các món ăn Việt. Lấy thức ăn xong họ không quên múc nước mắm cho những món cần phải chấm như bánh hỏi, hay gỏi cuốn, chả ốc. Nghe kể năm nay Adam mời trên năm trăm thực khách, vì số lượng khách hàng thân thuộc gia tăng. Nhưng rút kinh nghiệm từ năm ngoái, anh chia ra mời làm nhiều giờ khác nhau. Lớp khách này ăn xong chào từ biệt là lớp khác thế vào. Nhờ vậy mà từ mười giờ sáng đến sáu giờ chiều, đội ngũ bếp núc có đủ thì giờ chiên kịp chả giò và tai vạc nhân tôm nóng giòn cho tất cả mọi người chứ không bị lật đật như năm ngoái.

Tôi lấy một cây chả ốc và ít xôi giò vào đĩa, bưng lại ngồi gần nhà tôi. Bên phải là ông Mỹ to con, người khi nãy đã vất vả dắt chiếc Honda bự chảng. Ông ấy đang nhai ngồm ngoàm tôm chiên trong đĩa, chai Heineken để trước mặt. Thấy tôi nhìn ông gật đầu chào, rồi hỏi về những thành phần trong các món ăn. Ông khen món nào cũng tuyệt.

- Khi nãy tôi thấy ông dắt chiếc mô tô to thế ra ngoài. Ông thật là giỏi ! Tôi bắt chuyện.

- Ồ ! Tôi mà giỏi gì ! Ông lắc đầu cười : - Adam mới là «thằng guy» tôi khâm phục nhất.

Khi biết tôi là bạn đồng hương với Adam, ông vui vẻ tự giới thiệu tên là Jackson, rồi bắt đầu huyên thuyên «quảng cáo» cho Adam. Thì ra Jackson là khách hàng kỳ cựu từ cái hãng cũ Adam làm trước đây. Ông nói rất nhiều người theo Adam qua đây, vì bây giờ cái dealer cũ đã đóng cửa.

- «Adam is awesome !» Adam thật là cừ khôi ! Ông Jackson nói. - Anh ấy chẳng những có tay nghề giỏi mà còn rất chân thật. Từ việc mua bán đến sửa chữa, Adam không bao giờ chặt chém hay lừa gạt khách hàng. Anh luôn tự tay sửa chữa những bộ phận quan trọng cho xe của khách hàng, chỉ để thợ làm phụ những việc nhỏ mà thôi. Cho nên tôi đã đi với anh ta hàng chục năm rồi đó !

Adam luôn bận rộn tiếp khách. Khi nào rảnh chút là ngồi xuống trò chuyện với bạn bè. Ly rượu trên tay, mặt mũi anh trông hồng hào phương phi và rất hạnh phúc. Có lẽ vì rượu cộng thêm niềm vui chất ngất. Anh cho biết, tổ chức bữa tiệc này mệt và tốn công tốn của rất nhiều lần so với việc đặt nhà hàng Mỹ làm sẵn đem đến.

- Nhưng đây mới là điểm đặc biệt làm cho họ nhớ đến mình, anh chị ạ ! Rồi anh cười với vẻ hãnh diện :

- Chúng tôi đã tập cho toàn bộ khách Mỹ ở đây biết ăn nước mắm !

Vợ chồng tôi cùng nâng ly chúc mừng cho thành công của Adam. Thừa dịp, tôi hỏi anh thêm nhiều chi tiết về cuộc đời, công việc, những khó khăn mà anh gặp phải trên bước đường tị nạn, và chuyện thành lập cơ sở. Chạy đi rồi chạy lại, anh vui vẻ chia sẻ hết mọi điều như tôi đã viết ở trên. Khi được hỏi kỷ niệm nào đáng nhớ nhất trên con đường đưa anh đến với sự nghiệp ngày hôm nay, Adam cho biết, kỷ niệm căng thẳng nhất là khi quyết định «quit job» để mua lại cái xưởng sửa chữa mô tô đang bị vỡ nợ.

- Đó là một sự lựa chọn có tính cách sinh tử ! Anh nhớ lại. - Vào thời điểm năm 2010, nền kinh tế nước Mỹ cũng chưa có gì sáng sủa, tôi lại đang có một việc làm ổn định với mức lương rất là lý tưởng. Bạn đồng nghiệp cho là tôi bị điên. «Quit job» đi mở cơ sở kinh doanh là làm lại tất cả từ đầu, tự đi lên bằng con số không to tướng. Anh rùng mình : - Nếu chẳng may thất bại, thì có nước phải gánh chịu «từ chết tới bị thương.»

Adam còn kể, vợ chồng anh đã mất nhiều đêm thức trắng và suy nghĩ đến nhức cả đầu. Cái xưởng này người chủ cũ mở cũng đã một thời gian, nhưng đến khi ấy business đã bị chết, ế thê thảm. Vợ Adam cũng lo lắng.

Chủ cũ là người Mỹ trắng mà còn thất bại, huống chi mình là dân đầu đen, rủi bị khách hàng kỳ thị thì làm sao.

Một kỷ niệm nữa được Adam xem là vất vả trên bước đường sự nghiệp là việc đi học nghề. Anh vốn dĩ sinh ra là một người dân quê. Ngoài việc sửa xe đạp cho bà con trong làng, anh cũng từng cấy cày làm ruộng. Cho nên việc đi làm cực nhọc như lau chùi dọn dẹp chỉ là chuyện nhỏ đối với anh. Đến chừng anh học sửa chữa mô tô mới là điều khổ sở. Adam cho biết, với số tiếng Anh «đong chưa đầy cái lá mít» anh phải vất vả tra tự điển từng chữ một để hiểu và làm bài.

- Không bao giờ tôi quên khóa học đầu tiên hảng gửi tôi đi để học lấy cái chứng chỉ (Certificate) sửa chữa mô tô. Adam nói. - Thật khó trăm bề ! Trong khi học tôi bị «lùng bùng,» thầy nói thầy nghe, bạn nói bạn nghe, tôi chả hiểu họ nói cái giống gì. Về phòng trọ, tôi ôm cái tự điển, thức trắng đêm để tra từng chữ một và học đến khi nào gục xuống mới thôi. Tôi gạo bài mệt đến gần... «đứt bóng !» Anh cười và nói đùa.

Trước khi hoàn thành việc mua cơ sở này, Adam phải trải qua một tình huống thật ngặt nghèo, nghiêm trọng. Vừa đặt tiền cọc mua xưởng xong, anh bỗng nhiên ngã bệnh. Từ chứng xây xẩm ù tai như bị điếc, bác sĩ làm

xét nghiệm và phát hiện có một mảnh gì đó nhỏ xíu nằm trong đầu, phía sau tai phải của anh. Theo lời bác sĩ, nếu không giải phẫu kịp thời để lấy ra cái mảnh ấy, có nguy cơ nó sẽ di chuyển và rơi vào não bộ. Họ còn nói, giải phẫu ngay lúc ấy dù có phần nguy hiểm đến tính mạng, nhưng xác suất cứu sống Adam có nhiều hơn là để đến khi nó thực sự đụng vào não, vì sẽ hết đường cứu gỡ.

Vợ con anh hoảng hốt, gia đình anh bên Việt Nam sợ hãi, bạn bè anh lo âu. Ai nấy đều khuyên Adam nên dừng lại việc mua xưởng, chờ sau khi làm phẫu thuật xong hãy tính. Nhưng người đàn ông trẻ này rất can đảm và kiên cường. Anh đã không một chút lo âu sợ sệt, cương quyết tiến hành việc mua bán trước ngày nhập viện.

- Cơ hội tốt đã đến. Adam nói. - Tìm được địa điểm thích hợp chẳng phải dễ, nên không thể nào chờ đợi được.

Thế là Adam nhất quyết tiến hành hoàn tất mọi việc trước khi nhập viện. Chỉ trong thời gian một tháng đợi làm thủ tục và các loại xét nghiệm cần thiết cho cuộc đại phẫu thuật, Adam đã cố gắng tận dụng tối đa thời gian của mình. Mỗi ngày anh hết đi mua xe đem về sửa lại, đến trông coi thợ thuyền tân trang nhà xưởng, rồi đặt hàng hóa, phụ tùng chuẩn bị cho ngày khai trương.

Đến khi anh nhập viện, thì việc sửa chữa, thủ tục mua bán, và giấy phép kinh doanh đều đã hoàn tất. Cộng thêm việc trên năm chục chiếc mô tô đã được anh mua về làm mới lại hoàn toàn.

Tôi ngồi nghe mà lòng ngưỡng mộ vô cùng. Thường thì khi người ta biết mình sắp trải qua một cuộc giải phẫu nghiêm trọng, bác sĩ tiên đoán «lành ít dữ nhiều» không ai tránh khỏi lo sợ. Có lẽ nhiều người, trong đó có tôi, sẽ đình hoãn dự tính cho tương lai trước khi biết kết quả. Ngược lại, Adam đã rất tự tin nghĩ mình sẽ qua khỏi. Có lẽ nhờ ý chí kiên cường ấy mà Adam vượt qua được hiểm nghèo, để giờ đây anh trở thành một trong những nhà triệu phú của thành phố nổi tiếng San Francisco.

Vợ Adam đi ngang qua nghe chuyện, cô dừng lại chia xẻ :

- Anh ấy «quỳnh liều» lắm anh chị ơi ! Sau khi mổ xong, mới vừa xuất viện anh đã vội vã đến xưởng để điều hành công việc, chuẩn bị cho ngày khai trương. Em tìm mọi cách để anh ấy ở nhà tĩnh dưỡng một thời gian, nhưng không được. Nhìn thấy anh đầu quấn kín nhiều lớp băng trắng lù lù, chạy tới chạy lui chỉ thị mọi người, ai nấy cũng đều lắc đầu.

Adam còn kể lại một chuyện khác, làm tôi ngồi nghe mà mắt cứ tròn lên. Sau khi xưởng khai trương được vài tháng, ông CEO, chủ của cái hãng cũ Motorcycle Dealers mà Adam từng làm - dealer này cách xưởng Adam không xa mấy- có ghé lại xem. Đến nơi quan sát cách làm ăn của Adam, ông tỏ vẻ ngạc nhiên và khâm phục. Ông thật lòng khen ngợi, rồi nói thật với Adam về tình hình hãng cũ. Rằng giám đốc điều hành đương nhiệm làm việc không hiệu quả nên hãng đang trên đà xuống dốc. Ông đề nghị Adam hãy bán cái xưởng mới, góp phần hùn vào công ty ông, thì ông sẽ mời Adam về làm giám đốc điều hành với mức lương gấp đôi lương của anh trước kia, để cùng chung tay cứu lấy hãng. Một đề nghị thật bất ngờ và hấp dẫn, đã làm vợ chồng Adam mất ngủ thêm một thời gian nữa. Người kế toán trưởng của hãng cũng thay mặt Tổng Giám Đốc tới lui nhiều lần quan sát việc Adam điều hành xưởng, và cố thuyết phục Adam hợp tác.

Nhưng cuối cùng, Adam đành phải từ chối lời mời tuyệt vời ấy vì thấy cơ sở mới của anh ngày càng phát triển theo tỷ lệ thuận. Anh nói với chúng tôi :

- Tôi nghĩ thà làm cho mình tự do hơn, lãnh công việc điều hành nhiều trách nhiệm lắm !

Lát sau thì ông cựu giám đốc tài chính cái dealer cũ cũng đến. Adam nói năm nào anh cũng mời và ông ấy đều đến, thật lòng chúc mừng cho anh. Ông giờ đã về hưu.

Tôi chợt xúc động khi nhìn ông Mỹ da trắng và Adam da vàng, hai mái đầu bạc và đen ôm nhau thân thiết, rồi Adam ân cần đưa ông chủ cũ đi lấy từng món thức ăn. Ông ấy đã không nhìn lầm người khi chọn nhận chàng công nhân «culi» không biết tiếng Anh để cho đi học nghề. Quả thật với tấm lòng công bình bác ái và không kỳ thị, ông cựu giám đốc đã tạo ra một kỳ tích cho đất nước. Từ việc nước Mỹ phải trả lương cho chàng thanh niên tị nạn da vàng, bây giờ hàng năm chàng thanh niên ấy đã đóng góp một mức thuế thật là không nhỏ để góp phần xây dựng cái quê hương thứ hai này của anh.

- Phải nói là anh thật giỏi ! Tôi nói xong, hỏi một câu cuối cùng trước khi từ giã ra về : - Anh có kinh nghiệm gì để chia xẻ với bà con mình, những người mới đến Mỹ sau này ?

Nhà triệu phú «cựu thợ sửa xe đạp» cười hiền lành :

- Tài giỏi chi đâu chị ! Mỹ là đất có rất nhiều cơ hội. Chỉ cần cố gắng làm việc thì sẽ gặt hái kết quả tốt. Rồi anh nói thêm : - Người Mỹ có câu, «Hard work, pays

off» mà ! Người đến Mỹ không biết một chữ tiếng Anh, bắt đầu bằng công việc «cu li» như tôi còn làm được thì ai mà chẳng làm được !

Tối đó về nhà, vợ chồng tôi bàn tán mãi về chuyện của Adam Lê. Tôi chợt nhớ lại câu nói của anh. Quả đúng là nhờ vào sự «hard work,» làm việc chăm chỉ, mà «Giấc Mơ Mỹ» của anh chàng thợ sửa xe đạp ngày xưa đã đơm bông kết trái một cách rất mỹ mãn.

Phương Hoa

Lacey, My Darling !

Trương Tấn Thành

Tác giả là cư dân Lacey, Washington State, tốt nghiệp MA ngành giáo dục năm 2000, từng là nhà giáo trong ban giảng huấn tại trường dạy người da đỏ và giảng viên tại Đại học cộng đồng SPSCC, Olympia, WA. Với bài viết mang tên «Bà Mẹ Hoa Kỳ» ông đã nhận giải thưởng danh dự Viết Về Nước Mỹ năm 2005. Bài mới nhất của tác giả viết về thành phố Lacey, nơi ông định cư.

Tôi được biết Lacey thân yêu của tôi từ đầu năm 1992 khi vừa mới đặt chân lên đất Mỹ này. Lacey đã nồng hậu tiếp đón tôi khi tôi chân ướt chân ráo bắt đầu lại cuộc đời ở tuổi hơn bốn mươi sau nhiều năm bị tù đày khổ sai trong trại cải tạo của cộng sản ở Việt Nam.

Nhờ sự giúp đỡ của một người bạn trẻ tốt bụng cùng ở trại tỵ nạn Galang tên Nh. , tôi đã sớm được trở lại học đường tiếp tục theo đuổi ước mơ của mình thuở nào.

Ngay từ đầu Lacey đã mở cho tôi nhiều cơ hội và dịp may để có dịp hòa nhập vào cộng đồng nơi mình đang ở. Tôi được thân nhân của Nh. cho ở tạm trong gia đình để chuẩn bị cho cuộc sống ra riêng sau này. Những tín hữu của tôi ở địa phận cũng đã tới viếng thăm và ủy lạo với tấm nồng hậu chân tình. Sáu tháng sau tôi ra share phòng với Nh. và người bạn trẻ cũng ở Galang cùng tên để tiếp tục vừa đi học vừa đi làm cỏ cuối tuần với Nh. Hai anh em, cùng đi học cùng trường và cuối tuần cùng đi làm cỏ để kiếm thêm tiền tiêu xài.

Ở trường học tôi được sự thông cảm và trợ giúp chân thành của các giáo sư trong chương trình. Đặt biệt là bà Carol, giáo sư về môn nghệ thuật họa đã dành cho tôi nhiều cảm tình và vẫn kéo dài mối thâm tình này mãi cho đến ngày hôm nay. Điều làm cho chúng tôi đáng nhớ là Noel nào tôi cũng có quà của bà Carol cho cả hai tôi, không thiếu một năm nào. Trong số những nơi tôi đi làm cỏ vào cuối tuần trong nhiều năm có hai ông cụ bà trước kia là cô thầy về hưu đã xem tôi như người thân và liên lạc với tôi cho đến ngày ông bà mất. Trong số khách hàng ở Lacey còn có ông bà Elliot, «Người mẹ Hoa Kỳ» của tôi, có lòng từ tâm cho tôi về ở chung để phụ chăm sóc việc nhà cho đến ngày ông bà ra đi vĩnh viễn.

Khi làm việc trợ huấn ở trường dạy cho trẻ em người da đỏ tôi cũng được nâng đỡ và hỗ trợ trong việc làm của ông bà và bà hiệu trưởng cùng các thầy cô đồng nghiệp. Năm hai ngàn khi vợ tôi được bảo lãnh sang, thầy cô ở trường tổ chức riêng tiếp đón nồng hậu gây thật nhiều xúc động cho hai chúng tôi. Cũng trong tinh thần thân ái tương trợ, các tín hữu của tôi cũng đã tổ chức tiệc đón mừng và tặng chúng tôi nhiều vật kỷ niệm và một thẻ tặng gift card ba trăm đồng. Chúng tôi đã dùng cái gift card này ra chợ Fred Meyer mua cái TV hiệu Philips mà chúng tôi vẫn còn xài mãi cho đến ngày hôm nay.

Lần tôi bị nằm bệnh viện vì tuyến tiền liệt bị biến chứng, bà Melissa, một tín hữu khác đã mua những vật dụng y khoa tôi cần. Bà đến thăm và biếu một trăm đồng tiền mặt. Lùi về hơn hai mươi năm về trước, khi tôi vừa mới học xong hai năm thì bà Charlotte cũng người trong họ đạo đã tặng thưởng tôi một món tiền thật là lớn để chúc mừng.

Tôi có bạn cả Việt lẫn Mỹ. Những người bạn ở Lacey của tôi là những người chân thật mà tôi rất quý mến. Lúc tôi còn độc thân ở trong khu chung cư thì ở căn dưới có anh Khánh, cựu sĩ quan trợ y, xem tôi như người em. Hai anh em thường hòa đàn với nhau rất tương đắc

không khác nào như Bá Nha và Tử Kỳ. Phải công nhận anh là tay mandolin hạng cừ. Lúc nào có món gì chị Khánh nấu ngon anh đều kêu tôi xuống mang về ăn. Khi tôi đi thi quốc tịch anh đi theo tôi để yểm trợ tinh thần. Chẳng may anh mất ngày chuẩn bị dọn vào căn nhà mới... Có người gọi điện thoại chuyện trò mỗi ngày như anh Tâm. Có người tôi đến nhà chơi ăn cơm trưa vào cuối tuần như anh chị Thái trước kia và mới đây là anh chị Kiệt hay lâu nữa về trước là anh chị Tiết, anh chị Được.

Trong khu xóm tôi ở có anh Thọ, cựu sĩ quan Quân cụ, và là người thợ sửa xe kỹ lưỡng, tận tâm lúc nào cũng sẵn sàng giúp tôi khi xe bị bất cứ vấn đề gì. Anh còn giúp tôi sửa chữa lặt vặt trong và ngoài nhà, thật đúng như tinh thần «nhứt cận thân, nhì cận lân» . Khu tôi ở chỉ có hơn mười căn nhà, từ bên ngoài vào là nhà của ông bà cụ Joe và Betty. Ông Joe rất nhân hậu và tốt bụng lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong khu xóm. Vào mùa hè mấy năm trước khi ông bà còn khỏe, tôi thường ra ngồi nói chuyện với ông trước sân nhà. Lần tôi triển lãm tranh ở trường college có mời ông đi theo dự. Mới năm rồi khi tôi bị đi cấp cứu vì cái tuyến tiền liệt trở chứng thì ông đã cấp tốc chở tôi đi thẳng đến nhà thương khi vợ tôi chưa về kịp.

Bên trái nhà tôi là vợ chồng anh Gerry, một người ít nói, rất hiền lành, từ tốn và sẵn sàng giúp đỡ khi tôi có việc nhờ. Hai vợ chồng có hai đứa con trai, đứa lớn đi làm xa, đứa nhỏ vừa mới lấy vợ và ra ở riêng. Nathan, anh con trai lớn, để tóc dài, khỏe mạnh và tướng đẹp như một dũng sĩ Hy Lạp, tính tình rất cởi mở và thân thiện. Lần nào tôi phải di chuyển những vật nặng đều sang nhờ Nathan là anh nhanh nhẩu giúp không một chút phiền hà dù là đang bận. Câu nói đầy chân tình của Nathan làm tôi ghi nhớ mãi là : «Chú đã rất thân thiện với ba tôi nên tôi không nề hà việc gì khi chú cần.» Thật là còn gì quý hơn tình láng giềng đậm đà này phải không thưa các bạn.

Bên phải tôi là nhà của ông Duane, nhân viên bưu điện đã về hưu. Bà vợ là giáo viên chết vì bịnh cách đây đã nhiều năm. Ông này tính tình khô khan, trông bề có vẻ khó khăn nhưng thực ra ông chỉ là một người sống theo nguyên tắc. Tuy không mấy thân thiện nhưng ông và tôi vẫn chào hỏi nhau mỗi khi thấy mặt. Tôi còn nhớ có lần căn nhà mé ngoài mặt đường có cái tủ bán sale, tôi đã thử nhờ ông đem xe truck ra chở dùm. Ông nhận lời ngay. Hiện nay ông có bà bạn gái khác và hai người thường đi chơi xa và thường nhờ tôi trông dùm nhà nếu có kẻ lạ bén mảng.

Cách nhà ông Duane một căn nhà là của anh người Cam Bốt làm chung chỗ với vợ tôi. Con anh ta làm cho hãng Boeing và bỏ tiền down ra mua cho vợ chồng và mấy đứa con nhỏ của anh ở. Anh này tính tình vui vẻ, xuề xòa và giao tiếp rất rộng trong cộng đồng người Cam Bốt của anh. Mỗi khi có lễ lộc hay tiệc tùng là có tới hơn hai mươi chiếc xe của bạn bè tụ đến, tưng bừng ăn lễ lạc. Có lần vì quá chín giờ đêm mà nhậu nhẹt om sòm làm căn nhà người Mỹ đối diện quá đổi bực mình dọa sẽ kêu cảnh sát tới cả đám mới chịu tan hàng ! Nói chung thì anh ta rất hề hà, chịu nói đùa, tán gẫu những chuyện bù khú với tôi.

Ra khỏi con đường trong khu tôi ở quẹo trái chạy chừng mươi phút thì có «con đường mang tên em» Lacey thân thương của tôi nằm trong «khung trời đại học» của trường Saint Martin University. Tôi luôn rẽ vào con đường quen thuộc xuyên qua khuôn viên của trường vừa ít xe lại có nhiều sinh viên tản bộ, làm tôi nhớ đến hình ảnh thời mình còn đeo ba lô đến trường, để đến thư viện là nơi mà tôi thường ghé qua để đọc sách và lên mạng để tìm tòi. Ở thư viện, tôi làm quen với nhân viên Việt Mỹ và được họ giúp đỡ thật nhiều trong việc mở mang thêm kiến thức nhờ máy vi tính.

Sau khi đọc sách, trả lời email xong, nếu là thứ bảy thì tôi chạy đến chợ thực phẩm Á Đông H. P. để lấy tờ Việt Báo và tờ Người Việt N. N. ở địa phương về đọc cuối tuần, nhứt là các bài viết của anh N. X. Nghĩa và trang Viết Về Nước Mỹ. Nếu trời tốt, tôi khóa xe đi bộ đến chợ Fred Meyer cách đó chừng mươi phút để mua bánh mì Pháp và hạt oatmeal cùng các loại rau quả khác. Ở Lacey còn hai chợ của người Á châu nữa cũng được với những đặc sản mà đồng bào ở địa phương này ưa thích. Đến trưa, có khi tôi lái xe đến nhà anh chị Thái, và mới đây, nhà anh chị Kiệt để ăn trưa, chuyện vãn rồi về nhà.

Ở kế Lacey còn có chợ Nông Gia thuộc địa phận thủ phủ tiểu bang là Olympia, nằm cạnh bến du thuyền đậu. Đây là một thắng cảnh thu hút các du khách từ các tiểu bang khác đến với những sản phẩm tiểu thủ công mỹ nghệ, hải nông sản địa phương và thức ăn của nhiều nước kể cả món mì xào gỏi cuốn Việt Nam. Chợ còn có nhạc sống đủ thể loại vào cuối tuần của mùa hè.

Lacey còn là nơi mà vào tháng sáu mỗi năm, cá salmon tụ tập, chen nhau bơi ngược dòng vào các sông rạch nơi mà chúng đã sinh nở khi xưa trong vùng để đẻ trứng rồi chết rã xác khi làm xong nhiệm vụ truyền giống thiêng liêng.

Lacey hiền hòa và rất giản dị. Ở nơi em không có những hào nhoáng và dập dồn của một đô thị xô bồ. Đúng theo câu nói «nhỏ như cái lỗ mũi» , em rất hợp với cuộc sống an bình của người trên tuổi sáu mươi. Cho nên «dù cho đi đó đi đây» tôi vẫn nhớ và mong mau trở lại với người em thân yêu Lacey của mình mà trên hai mươi năm rồi tôi với em đã khắn khít với nhau như hình với bóng. Do vậy mà tôi muốn nói với Lacey thân yêu của mình là :

Dung thân ở cuối cuộc đời
Lây xì (Lacey) mở rộng
nụ cười đón nhau.

Viết vào ngày đầu năm 2015

Trương Tấn Thành

Tượng Người Lính VNCH & Patrick Reilly

Lê Nguyễn Hằng
Nguyễn Thạch Hãn

Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Bà là một cây bút nữ, cư dân San Jose, có viết chung với Nguyễn Thạch Hãn bài «Dòng Sông Êm Đềm» , một chuyện tình tuổi nhỏ thất lạc nhiều năm, tìm lại được nhau trên đất Mỹ nhờ các sinh hoạt hội đoàn, họp mặt đồng hương. Sau đây là bài mới do hai tác giả cùng viết. Bản anh ngữ của bài viết sẽ được phổ biến trên Việt Báo online trong những ngày sắp tới.

Chiến tranh Việt Nam, đối với đa số người Mỹ, là một cuộc chiến không được dân chúng ủng hộ. Một số sinh viên và những người khuynh tả đã tổ chức những cuộc biểu tình rầm rộ chống cuộc chiến này bắt đầu từ năm 1965. Nhiều người cho rằng đây là một cuộc chiến không vinh dự của một người mạnh ăn hiếp kẻ yếu. Chính phủ Hoa Kỳ xen vào nội bộ nước Việt Nam và tiêu dùng quá nhiều tiền của ngân quỹ quốc gia. Nó đã trở thành một vết hằn xấu xa trong tiềm thức của người Mỹ cần phải gột xóa hẳn đi.

Cuộc chiến tranh ấy đã chấm dứt khi người lính Mỹ cuối cùng rút ra khỏi Việt Nam. Quân nhân Hoa Kỳ trở về đã không được đón tiếp và tuyên dương như cha anh của họ đã tham dự trong các cuộc chiến khác, như thời Đệ Nhất, Đệ Nhị Thế Chiến. Không những thế, nhiều cựu chiến binh Hoa Kỳ trở về đã phải dấu diếm chuyện mình đã chiến đấu ở Việt Nam để tránh khỏi bị hàng xóm, bằng hữu dè bỉu và nhìn với ánh mắt khinh khi. Tệ hơn nữa, đôi khi họ còn bị gọi là «killer» ngay trên đất nước của mình. Nhưng không phải mọi người lính hồi hương đều chấp nhận sự chấm dứt ấy. Patrick Reilly, một cựu Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, anh nói : «Chừng nào đảng Cộng Sản còn cai trị đất nước Việt Nam, thì cuộc chiến ấy đối với tôi vẫn chưa chấm dứt.» Patrick Reilly đã từng chiến đấu ở chiến trường Việt Nam và một phần thân thể của anh đã bị thương tổn trên mảnh đất ấy, cho nên anh không muốn sự hy sinh của bản thân mình trở thành vô nghĩa.

Trong ngày khánh thành Tượng Đài Chiến Sĩ Chiến Tranh Việt Nam tại Thủ phủ Texas, Thống Đốc Rick Perry phát biểu : «Nước Mỹ đã đưa anh em đến chiến trường Việt Nam, hôm nay chúng tôi chào đón anh em trở về nhà.» Cũng trong ngày ấy Patrick Reilly dõng dạc nói trước một số đông quan khách và đồng bào Việt Nam tham dự : «Chiến đấu trên chiến trường Việt Nam

là một nhiệm vụ cao cả của quân nhân Hoa Kỳ. Chúng tôi rất hãnh diện đã giữ cho người dân Miền Nam Việt Nam được sống trong Tự Do và Thịnh Vượng trong gần 20 năm» .

Tôi đã gặp Patrick và thấy anh là một người bộc trực và đầy nhiệt huyết, khi nghĩ điều gì là đúng, anh sẽ theo đuổi cho tới cùng. Thấy cái gì sai, anh sẽ tranh đấu quyết liệt để sửa đổi lại. Tôi hỏi Patrick : «Cơ duyên nào đưa anh đến với cộng đồng người Việt ?» Anh từ tốn nói :

- Cha tôi là một quân nhân, cho nên tôi đã theo gia đình dời chỗ ở thường xuyên. Thuở nhỏ sống bên Phi Luật Tân một thời gian khá lâu. Năm 1956, tôi mới lên 8. Một hôm đang chờ đợi trong bến cảng San Francisco để đáp chuyến tàu U. S. S. Sultan đi Phi Luật Tân, tôi tình cờ gặp mấy người lính có khuôn mặt Á Châu đi trên đường, tôi lại làm quen và tưởng họ là người Phi, hóa ra là người Việt Nam, đang được huấn luyện ở một quân trường nào đó trên đất Mỹ. Họ đối đãi tôi rất tử tế và mua thức ăn cho tôi. Đó là lần đầu tiên tôi gặp và có ấn tượng rất tốt về người Việt Nam. Hơn 10 năm sau cũng con tàu ấy đưa tôi đến Việt Nam. Năm 1967, tôi 19 tuổi, vừa tốt nghiệp trung học và theo chân cha tôi, đăng vào lính Thủy Quân Lục Chiến. Sau khi huấn luyện căn

bản, đơn vị tôi được đưa sang Đà Nẵng, một tỉnh miền Trung của Việt Nam, từ đó theo xe tiếp tế về căn cứ. Tôi còn nhớ rất rõ, người ta phát cho tôi một cây súng mà báng súng vẫn còn dính vết máu của ai đó. Chúng tôi chỉ được bắn điều chỉnh sơ sài và thế là đã phải sẵn sàng đi hành quân. Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, đơn vị tôi đụng nặng, nhiều người chết, trong đó có cả ông Đại Đội Trưởng và một chiến hữu rất thân với tôi, còn tôi thì bị thương. Từ đó, tôi không còn có thể đi lại bình thường với cái chân bên phải nữa. Giải ngũ trở về Mỹ. Sau đó, tôi giúp quân đội Do Thái và chính trên đất Do Thái tôi lại bị thương chân trái bởi mìn bẫy. Quân Đội Mỹ đã cho tôi hưởng quy chế thương binh vì cả hai chân đều bất khiển dụng. Vào năm 1988, tôi cũng giúp kháng chiến quân Việt Nam đặt căn cứ bên Cambodia để chống lại nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam.

Tôi ngạc nhiên hết sức, hỏi lại anh :

- Với đôi chân thương tật nặng như vậy sao ?

Anh đã không ngần ngại trả lời :

- Đúng vậy.

- Anh thật là một người can đảm và hy sinh hết mình cho chính nghĩa. Tôi nghe nói anh có tham gia Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài Cựu Chiến Binh Việt Nam ?

- Vâng. Nhiều hội đoàn cựu quân nhân ở Texas đã vận động với quốc hội Tiểu Bang trong một thời gian khá lâu, để thành lập một tượng đài hầu vinh danh tất cả cựu quân nhân của Texas đã tham chiến tại Việt Nam. Mục đích của Tượng Đài Cựu Chiến Binh Chiến Tranh Việt Nam tại khuôn viên dinh thự Capitol Texas (The Capitol of Texas Vietnam War Veterans Monument) là để công nhận sự hy sinh và để cố gắng xoa dịu vết thương đã hằn sâu trong tâm hồn của cả dân tộc. Sự công nhận chứ không tranh giành quyền lợi là động lực của Tiểu Bang Texas để hoàn thành xây dựng tượng đài. Quang minh chính đại không che dấu, không tự tôn và đầy thiện chí. Tượng đài này là một dự án dành cho cựu chiến binh và dân chúng của Tiểu Bang. Đó không phải là tài sản của một vài người, càng không phải là một cơ hội để đánh bóng thành tích một cá nhân nào. Sự nỗ lực của quần chúng được góp sức bởi những người muốn chân thành tri ơn và cảm nhận sự hy sinh của những cựu quân nhân. Tượng đài là một biểu tượng để các thế hệ sau này hiểu được thời trai trẻ, sự âu lo, cũng như sự đa dạng về nghề nghiệp và văn hóa của chúng tôi. Chúng tôi, một thời từng là những thanh niên

đầy lý tưởng với sứ mạng tranh đấu cho tự do dân chủ bằng khối óc thuần khiết và chân thật. Chúng tôi đã tiếp nhận ngọn đuốc của cha ông chúng tôi với niềm tự hào. Tượng Đài Cựu Chiến Binh Texas sẽ nói lên muôn triệu lời hàng trăm năm sau cho hằng triệu người nghe. Sự hy sinh của chúng tôi đã không vô ích và nhiệm vụ cao cả không bị quên lãng, đó sẽ là một di sản để đời.

- Có lần anh nói đây là Tượng Đài chứ không phải là Đài Tưởng Niệm. Khác nhau ra sao ?

- Một trong những điều lầm lẫn cho rằng đây là Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Trận Vong. Không phải là Đài Tưởng Niệm (Memorial) mà là Tượng Đài (Monument) . Đài Tưởng Niệm (Memorial) chỉ vinh danh chiến sĩ đã bỏ mình nơi trận chiến, trong khi đó Tượng Đài Chiến Sĩ (Monument) vinh danh cả người sống và tử sĩ. Tiểu Bang Texas đã có Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Trận Vong tại Dallas trên 25 năm qua, do những cựu chiến binh Việt Nam xây dựng và đã được khánh thành ngày 11 tháng 11 năm 1989. Đây là Đài Tưởng Niệm duy nhất trên toàn nước Mỹ đã được vị Tổng Thống đương nhiệm, TT George H. W. Bush khánh thành. Texas là một trong những tiểu bang đầu tiên công nhận Tử Sĩ và là tiểu bang gần đây nhất vinh danh Chiến Binh trong Cuộc Chiến Việt Nam bằng một Tượng Đài Chiến Sĩ.

Mặc dầu việc chính thức công nhận đã bị trễ nải khá lâu, Tượng Đài Chiến Sĩ là một lời kết tội vĩnh viễn những vị Dân Cử, đã coi sự không- được- ủng- hộ của cuộc chiến này quan trọng hơn là trách nhiệm và sự hy sinh của toàn nước Mỹ. Cuối cùng thì chúng tôi cũng đã xây dựng được một tượng đài tiêu biểu nhất trong nước Mỹ cho tất cả cựu chiến binh trong chiến tranh Việt Nam.

- Ai là cha đẻ của Tượng Đài ?

- Tượng Đài điêu khắc này không do «Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài» thiết kế mà là điêu khắc gia Duke Sundt. Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài tiên khởi đã không có một ý niệm nào về hình dáng cũng như nghệ nhân cho đến khi tôi được may mắn làm đại diện cho các cựu chiến binh trong tiểu ban Chỉ Đạo (Steering Committee) , tiểu ban Cố Vấn (Advisory) và tiểu ban Thiết Kế (Design) . Tôi gánh vác trọng trách này một cách nghiêm túc và lấy làm hãnh diện vì Tiểu Bang Texas đã đưa nó cho tôi. Tôi nói Tiểu Bang Texas vì không một vị Thượng Nghị Sĩ hay Dân Biểu nào có quyền giao phó cho ai bất cứ điều gì thuộc sở hữu của dân chúng toàn Tiểu Bang trong đó bao gồm cả Đài Tưởng Niệm và Tượng Đài Chiến Sĩ. Toàn bộ diễn biến xảy ra bắt đầu từ nửa khuya tôi thức giấc sau một

cơn ngủ thoải mái, với ý tưởng về Tượng Đài Chiến Sĩ luôn quay quất trong đầu. Hai ngày sau, tôi gọi cho Jay Kimbrough, Chánh Văn Phòng và cũng là bạn của Thống Đốc Rick Perry, tôi được chính thức mời làm một thành viên của Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài. Tôi đã than phiền với Jay Kimbrough rằng không thấy sự hiện diện của các hội đoàn Cựu Chiến Binh trong ủy ban đó ngoại trừ một nhóm thiên tả. Ông Jay Kimbrough cũng là một cựu quân nhân Thủy Quân Lục Chiến trong chiến trường Việt Nam và chúng tôi đã từng chiến đấu trong cùng một mặt trận. Tôi gặp ông ta lần đầu tiên khi tôi yêu cầu Thống Đốc của Tiểu Bang Texas ký một văn bản công nhận lá cờ vàng là biểu tượng của Người Việt Tự Do. Cộng Đồng người Việt đã nhờ tôi giúp đỡ làm điều đó. Tôi đã xin được 3 nghị quyết từ chính quyền tiểu bang, thành phố Austin và quận hạt Travis. Tôi cũng xin được một bản tuyên dương từ Thống Đốc Rick Perry cho Nha Sĩ Alvin Diệu Nguyễn vì ông đã có công tổ chức ngày vinh danh cho cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Minh hôm 11 tháng 10 năm 2009. Mấy năm sau đó, Ông Jay Kimbrough đã sát cánh với tôi cùng tranh đấu quyết liệt cho việc giữ lại hình ảnh người lính TQLC Việt Nam trong Tượng Đài Chiến Sĩ của Tiểu Bang.

- Ý niệm về hình thái của Tượng Đài phát xuất từ đâu?

- Tôi đã đi cùng khắp nước Mỹ tìm kiếm cảm hứng và xin ý kiến của những người có kinh nghiệm. Tôi đã tiếp chuyện với Jan Scruggs cha đẻ của Đài Tưởng Niệm Chiến Tranh Việt Nam (Vietnam War Memorial in Washington, D. C.) và chiêm ngưỡng rất nhiều tượng đài ở nhiều chiến trường thời Nội Chiến Nam Bắc để tìm giải đáp. Trong khi thăm bảo tàng Viện Louvre ở Paris, tôi đã tìm thấy điều tôi muốn kiếm. Đó là một ngôi cổ mộ thời La Mã xây 2. 000 năm trước, trên đỉnh là tượng một vị Hoàng Đế. Tôi lấy đó là biểu tượng cho binh lính trong chiến trường Việt Nam. Tôi xin nhấn mạnh rằng, trong số hơn 58. 000 tử sĩ khắc trên Bức Tường Tưởng Niệm ở Washington, D. C. , có khoảng 40. 000 người chỉ mới 22 tuổi hay trẻ hơn, trong đó binh nhất Dan Bullock mới tròn 15 tuổi. Chỉ có 1 phần 15 quân nhân trực tiếp tác chiến, họ chiếm gần 80% tên trên Bức Tường Tưởng Niệm. Đó là ý niệm trong đầu của tôi khi phác họa Tượng Đài Chiến Sĩ. Một đám lính trẻ đứng trên nóc và quân nhân trợ chiến với những chuyên môn khác nhau đứng chung quanh trên ngôi mộ. Ý niệm đồ hình của tôi không phải là đồ hình của một tượng đài nhưng dù sao cũng cho Ủy Ban Xây Dựng một lựa chọn giữa đồ hình truyền thống của tôi và đồ hình tân thời

theo trường phái trừu tượng mà họ mong muốn (giống như Bức Tường Đá Đen ở Washington, D. C.) . Một người trong ủy ban, hướng dẫn cuộc tranh luận ủng hộ đồ hình trừu tượng. Nhưng Ông Giám Đốc Nghệ Thuật Tiểu Bang đã chấp thuận phác họa truyền thống của tôi. Nhiệm vụ kế tiếp của tôi là kiếm một nghệ nhân có cùng một ý niệm với tôi. Một nghệ sĩ trong thành phố Austin giới thiệu cho tôi 3 tên tuổi, hai người nổi tiếng khắp thế giới đòi thù lao lên đến hàng triệu dollars. Chỉ còn lại một người và chẳng bao lâu tôi đã tìm ra người đó. Bức tượng con bò mộng sừng dài vĩ đại ở trung tâm Frank Erwin đã đưa tôi gặp Duke Sundt.

- Như vậy Anh đã bàn luận với Duke về hình ảnh của Tượng Đài phác họa trong đầu anh ?

- Vâng, nói ra thì dài dòng nhưng Duke Sundt là một lựa chọn hoàn hảo nhất. Ông ta là hậu duệ trong một gia đình theo binh nghiệp gồm có một người anh em trai, một anh em họ đã từng tham dự trong chiến trường Việt Nam và Duke cũng từng điêu khắc người lính VN trong vài công trình khác. Chờ đợi sáu tháng không thấy Chủ Tịch Ủy Ban triệu tập họp hành, nhóm thiết kế đồ hình bèn qua mặt ông ta. Dùng quyền hạn của Quốc Hội, thành viên nhóm thiết kế đã trình diện Điêu Khắc Gia của chúng tôi lựa chọn và mô hình nhỏ của Tượng Đài

để bình chọn. Sau khi được hỏi có ai phản đối không, cả hội trường im lặng, thế là Duke Sundt được chọn với toàn số phiếu đồng thuận.

- Anh và Duke thực hiện việc hình thành Tượng Đài ra sao ?

- Sau khi dạo vòng quanh khuôn viên trụ sở Quốc Hội (The Capitol) , tôi nhận thấy biểu tượng người lính Texas toàn là người da trắng mà thôi. Điều đó trái ngược với lịch sử. Là một thành viên trong ban thiết kế, tôi muốn sửa đổi điều này. Vì vậy, tôi đã nhờ một họa sĩ địa phương vẽ hình người lính Miền Nam Việt Nam và một người lính Da Đen đầu tiên trong họa đồ. Đây chưa phải là mô hình nhưng là một khái niệm để điêu khắc gia dựa vào đó mà tạo nên tác phẩm của ông ta. Tôi chọn người lính Việt Nam Cộng Hòa bởi vì người lính đó là biểu tượng sự cao thượng của chúng tôi (our Nobility) , và chúng tôi không phải là một đoàn quân xâm lược. Người lính đó là lý do tại sao chúng tôi chiến đấu ở Việt Nam. Tôi thêm vào một người lính bắn sẻ và điêu khắc gia gắn lên khuôn mặt sắc dân Hispanic. Sau khi ngắm vòng quanh hành lang của Tòa Nhà Quốc Hội, tôi nhận ra rằng chúng tôi suýt bỏ quên người chiến binh đầu tiên của Texas : người lính Da Đỏ. Tôi gọi cho Duke và khám phá ra cả hai chúng tôi đều có

đồng quan điểm. Thần giao cách cảm xảy ra thật thần bí nhưng luôn là con đường đứng đắn để đi theo. Một cựu chiến binh gốc bộ lạc Navajo và cũng là một TQLC ở Tiểu Bang Arizona cung cấp cho chúng tôi một cái lông chim Thần Linh để làm biểu tượng cho người Da Đỏ. Sau khi hoàn tất ý niệm về tượng đài cũng như tìm được điêu khắc gia, tôi coi như đã hoàn thành nhiệm vụ và rút ra khỏi ủy ban thiết kế.

- Hình ảnh của Tượng Đài anh có trong đầu, trước khi rút ra khỏi ủy ban thiết kế, có cả người lính Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam, phải không ?

- Đúng vậy, đó là hình ảnh một đám quân nhân trẻ, đứng thành một vòng tròn. Mỗi người đang làm nhiệm vụ riêng biệt của mình, trong khi mắt vẫn canh chừng hướng về phía trước xa xăm, sẵn sàng chống trả một cuộc tấn công của Việt Cộng. Những quân nhân đó bao gồm một người lính Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam bị thương đang được một người lính quân y, người Mỹ gốc Phi Châu săn sóc, một người lính truyền tin gốc Da Đỏ, bên cạnh là một người lính bắn sẻ gốc Hispanic, và một người lính Mỹ da trắng. Tôi muốn đưa ra một hình ảnh hài hòa của nhiều sắc dân trong mô hình đó. Người lính TQLC mặc quân phục của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, trang bị súng phóng lựu M79 và lựu đạn M26 còn

4 người kia đều mặc quân phục của quân đội Mỹ, trang bị súng M16. Nếu chúng ta nhìn kỹ sẽ thấy sự khác biệt rõ ràng về hai bộ quân phục đó. Lính Mỹ mặc áo không có cầu vai, miệng túi áo xéo, hàng nút áo phía trước được giấu kín. Năm người lính đó đứng trên một cái bệ cao hình 8 cạnh, có khắc những hình ảnh của các quân binh chủng hỗ trợ chiến trường, và quan trọng hơn cả là hình ảnh nhiều con rồng khác nhau, tượng trưng cho văn hóa Việt Nam, Con Rồng Cháu Tiên và những ngôi sao (lone stars) biểu tượng của tiểu bang Texas.

Duke rất hãnh diện với dự án hoàn mỹ này. Anh ta khoe rằng đây là một công trình quan trọng nhất trong đời anh. Hai chúng tôi muốn có một cái gì đó để cho các thế hệ sau hiểu được chiến tranh Việt Nam thật sự xảy ra như thế nào... và tại sao miền Nam cuối cùng bị thất bại. Trong tượng đài đó, chúng ta đều thấy người quân nhân Việt Nam đang được quân đội Đồng Minh yểm trợ. Trong những ngày tàn của cuộc chiến, quân đội VNCH đã phải chiến đấu đơn phương thiếu thốn mọi thứ trong khi quân đội Bắc Việt được cả khối Cộng Sản thế giới yểm trợ đầy đủ. Hình ảnh người lính Việt Nam Cộng Hòa mặc dù bị thương, vẫn nắm chắc cây súng và mắt nhìn về hướng Nam, trong tư thế sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ Miền Nam Việt Nam trong khi những người khác hướng mắt về phía Bắc, Tây hay Đông. Đó

là hình ảnh quân đội Đồng Minh, hợp tác chiến đấu.

Đã từ lâu, người Mỹ quên mất người chiến sĩ đồng minh Việt Nam, trong các tượng đài và các buổi tranh luận. Tôi muốn nhắc cho mọi người hiểu rằng, người lính miền nam Việt Nam là một thành phần quan trọng trong cuộc chiến, không thể nào bỏ quên họ được.

- Làm thế nào để anh có được hình ảnh trung thực của người lính Miền Nam Việt Nam ?

- Tôi được một số bạn bè người Việt chỉ dẫn nên bay qua Nam California, tìm đến một cửa tiệm may quân phục ở Westminster. Ông chủ tiệm tên là Hoàng Vũ, hay Hùng Vũ gì đó, nếu tôi nhớ không lầm. Ông ta cho tôi một copy của bản «Huấn Lệnh Điều Hành Căn Bản» của Quân Đội VNCH nói rõ từng chi tiết về quân phục của các quân binh chủng Việt Nam thời đó. Tôi quyết định nhờ ông ta may một bộ đồ TQLC Việt Nam có đủ cả huy hiệu, lon lá, và hai kiểu mũ : mũ beret và nón sắt. Tôi mang về Austin, nhờ anh bạn hàng xóm người Việt tên là Brandin Nguyễn mặc bộ quân phục đó để làm người mẫu cho Duke điêu khắc bức tượng người lính Việt Nam Cộng Hòa. Duke lấy 3 mẫu hình của Brandin, một mang nón sắt, một đội mũ beret và sau cùng là để đầu trần. Cuối cùng anh ta thích cái mẫu đội beret hơn cả. Sau khi điêu khắc xong mô hình với kích

thước để bàn, Duke và tôi mang đi rất nhiều nơi trong Tiểu Bang Texas để trưng bày và xin ý kiến. Mọi người đều thích thú và khen ngợi mô hình có ý nghĩa, nhất là có hình ảnh người lính Việt Nam Cộng Hòa trong đó. Chúng tôi rất hãnh diện, riêng tôi rất hài lòng và tự hào đã làm được một cái gì đó cho cộng đồng người Việt trên đất Mỹ nói chung và cho chiến hữu Việt Nam nói riêng, những chiến hữu của tôi lâu nay đã bị bỏ quên và bạc đãi.

- Như vậy, kể như anh đã hoàn tất nhiệm vụ một cách tốt đẹp, tại sao lại có vụ biểu tình tranh đấu ?

- Lúc đó tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng sau khi rút ra khỏi Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài, nhóm khuynh tả phản chiến đã thay người lính Việt Nam Cộng Hòa bằng người «Lính Mỹ Gốc Á Châu» . Tôi phải liên lạc với Cộng Đồng Người Việt ở Texas để cùng nhau tranh đấu đòi trả lại tượng người lính VNCH. Chúng tôi thành lập một Ủy Ban Tranh Đấu cho Tượng Đài gồm 11 người, 4 người Mỹ trong đó có tôi, Đại Tá Fred Glazier, Police Commissioner Rob Kyker và 7 người Việt. Ông Nha Sĩ Alvin Diệu Nguyễn làm chủ Tịch và 6 người Việt khác. Tôi nhớ không rõ lắm nhưng gồm có ông Hồ Sắc đại diện 18 hội đoàn Cựu Quân Nhân VNCH, bà Dược Sĩ Nguyễn Khoa Diệu Thảo, Ông Phạm Nhân, quý vị tu sĩ

trong Hội Đồng Liên Tôn... Chúng tôi đã phối hợp với đồng bào Việt Nam từ các thành phố Houston, Dallas, San Antonio, Austin và các thành phố phụ cận gồm khoảng hơn 600 người để lên thủ đô Texas biểu tình và dâng thỉnh nguyện thư (với trên 10 ngàn chữ ký) lên Quốc hội, Thống Đốc Rick Perry. Cuộc tranh đấu dai dẳng kéo dài gần 2 năm nhưng chúng tôi quyết không bỏ cuộc. Tôi rất cám ơn Alvin và toàn thể đồng bào VN đã sát cánh cùng tôi trong cuộc tranh đấu đó.

- Kết quả ra sao ?

- Cuối cùng thì họ cũng có thỏa thuận ngầm, mỗi bên nhường một chút, theo tôi đoán như vậy : Người lính Việt Nam cộng Hòa vẫn như nguyên bản, họ chỉ bỏ cái mũ beret và bỏ đi dấu hiệu TQLC Việt Nam. Trong bản văn chính thức về nghị quyết xây dựng tượng đài người lính TQLC Việt Nam được đổi ra tên Biệt Động Quân Việt Nam (ARVN Ranger) . Tôi và Duke cũng như nhiều người Việt khác, công nhận rằng bộ quân phục đó vẫn như cũ, cái cầu vai và miệng túi áo đó là quân phục của quân đội VN, không phải đồng phục của quân đội Mỹ. Thứ nhất, áo trận của quân đội Mỹ không có cầu vai, thứ hai miệng túi áo của quân phục tác chiến Mỹ may xéo chứ không thẳng ngang như quân phục VN. Brandin Nguyễn nhìn vào bức tượng cũng xác nhận đó

chính là hình mẫu của anh ta không có gì thay đổi cả.

Tôi gật đầu đồng ý với anh :

- Cho nên khi nhìn vào bức tượng đó, chúng ta có thể nhận ngay ra là tượng một chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa.

Patrick thêm vào :

- Và cũng bức tượng ấy những người thiên tả trong ủy ban xây dựng muốn thay đổi tượng đài vẫn nghĩ rằng đó là một người lính Mỹ gốc Á Châu, nhưng không phải vậy !

- Chúng tôi cám ơn anh đã chia sẻ những thông tin quý báu này với Đồng Bào Tỵ Nạn Việt Nam. Cám ơn anh và tất cả chiến hữu của anh, những người lính trẻ đã hy sinh rất nhiều để bảo vệ đất nước chúng tôi.

- Chúng tôi rất hãnh diện với nhiệm vụ đó và sẽ mãi mãi sát cánh với Cộng Đồng Tỵ Nạn Việt Nam để tranh đấu cho một Việt Nam TỰ DO D N CHỦ. Tôi cũng hy vọng rằng những người Việt Tự Do sống trên đất Mỹ biết đến tượng đài này và quan trọng hơn nữa nó đã được xây dựng tại một thủ đô của tiểu bang lớn hàng đầu của nước Mỹ. Tôi ước mong nhiều người Việt tỵ nạn có cơ hội đến viếng thăm và bày tỏ lòng tri ân.

Chúng tôi cũng có dịp tiếp xúc với Nha Sĩ Alvin Diệu Nguyễn, người giữ chức Chủ Tịch Ủy Ban Tranh Đấu Cho Tượng Đài. Ông hết lòng ca tụng và cám ơn anh Patrick Reilly và thổ lộ rằng cuộc tranh đấu thành công là nhờ sự góp sức và tranh đấu kiên cường của rất nhiều đồng bào Việt Nam, các hội đoàn quân nhân, tôn giáo, hội đồng hương... và nhất là sự hướng dẫn, trợ lực quý báu và kiên trì của anh Patrick Riley. Ông cũng nhấn mạnh rằng tượng đài này đã nói lên sự thật lịch sử của cuộc chiến tranh Việt Nam, đó là cuộc chiến của nhân dân và quân đội miền Nam Việt Nam chống lại cuộc xâm lăng của tập đoàn Cộng Sản và Quân Đội Mỹ đã giúp Quân Đội VNCH làm việc đó. Lịch sử đã chứng minh rằng cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam Việt Nam là chính đáng. Những chiến sĩ Việt Mỹ và quân đội Đồng Minh đã hy sinh vì tự do cho người dân Việt Nam, luôn xứng đáng được ngưỡng mộ và tri ân. Cái gì khi mất rồi mới thấy quý, người dân miền nam đã học được bài học đắt giá đó sau khi đất nước rơi vào tay Cộng Sản.

Tháng 2 năm 2015

Lê Nguyên Hằng & Nguyễn Thạch- Hãn

Đoạn Đường Chiến Binh

Triều Phong (TPN)

Tác giả từng sống ở trại tỵ nạn PFAC của Phi Luật Tân gần mười một năm. Ông tên thật Trần Phương Ngôn, hiện hành nghề Nail tại tiểu bang South Carolina và cũng đang theo học ở trường Trident Technical College. Với bài «Niềm Đau Ơi Ngủ Yên» viết về trại tị nạn Palawan- Philippines, Triều Phong đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Bài mới nhất của ông kèm lời ghi :

- Để tưởng niệm bốn mươi năm mất Miền Nam Việt Nam tự do, viết với lòng tri ân những chiến sĩ VNCH, và đồng minh đã nằm xuống cho cuộc chiến và vinh danh những thương binh VNCH và đồng minh đang còn vật lộn với cuộc sống bởi các chiến thương ngày nào.

Tôi trở xuống dưới để dọn đồ đạc sau khi lên lầu chào chủ nhà. Đó là một cái «condo» hai phòng với phòng khách và nhà tắm, nhà bếp rộng rãi. Chủ là một người đàn ông độc thân, hơn tôi độ chục tuổi. Anh ở trong cái phòng ngủ to (master bedroom,) nên còn dư một phòng nhỏ cho «share» và bây giờ nó sẽ là phòng của tôi trong những ngày sắp tới.

Mở «trunk» xe ra, lấy từng bao quần áo, tôi sơ ý đánh rơi bịch đựng các đôi giày xuống sidewalk. Vừa định cúi xuống lượm thì đã có một bóng người nhặt lên đưa mình. Quay lại cám ơn tôi chợt nhận ra trước mặt tôi là một ông Mỹ đen đang cười toe toét giơ hàm răng trắng bóng giống như anh Bảy Chà Và trên các bảng quảng cáo kem đánh răng Hynos ngày xưa ở Sài Gòn vậy.

- You move here ?

- Yes, Sir.

- I am Bob. I'm living here !

Giới thiệu tên mình xong, ông ta chìa tay về phía tôi. Tôi vội vàng bắt lấy và nói :

- Please call me N. Nice to meet you !

Đó là người láng giềng đầu tiên và sớm sủa nhất khi tôi dọn đến khu Falls Church của Virginia này. Những ngày sau thỉnh thoảng khi ra vô hoặc đi làm về tôi gặp Bob. Mỗi lần như thế ông ta rất vui, cười nói huyên thuyên, hỏi thăm đủ điều. Tôi cũng cảm thấy thoải mái trước thái độ cởi mở và thân thiện ấy của ông ta.

Sáng chủ nhật một hôm, lúc tôi khệ nệ khiêng mấy giỏ quần áo dơ xuống phòng giặt và khi vừa bước qua

khỏi cửa tôi đã thấy Bob đang đứng lui cui xếp đống quần áo khô vừa sấy xong nơi chiếc bàn dài, sát trong góc phòng. Nhác thấy bóng tôi Bob reo lên, cười to :

- Hey, what's cooking man ?

- Not bad. How have you been ? Tôi nhún vai trả lời.

Bob tiến lại giúp tôi đổi mấy cái «quarter» từ nơi đặt máy đổi tiền đoạn bỏ chúng vào từng khe để tiền rồi đẩy mạnh cái cần trả tiến vào trong xong xuôi thì ông bắt đầu đổ xà bông, mở nước, chỉnh độ nóng lạnh cho vừa đoạn nhắc tôi bỏ quần áo vào khi Bob thấy tôi cứ lúng ta lúng túng mãi mà không được vì đây là lần đầu tiên tôi sử dụng phòng giặt công cộng. Cuối cùng ông ta đậy nắp lại. Máy chạy !

- That's it ! Bob xoa hai tay vào nhau thốt.

Vừa dợm bước đi, ông bỗng dừng lại ngập ngừng nhìn tôi đôi chút và hỏi tôi người nước nào, tới Mỹ đã bao lâu ? Bob la lên khi nghe tôi nói tôi là người Việt Nam, mới đến đây được khoảng tám tháng sau gần mười một năm chờ đợi, tranh đấu đòi tự do ở trại tị nạn Phi Luật Tân. Bob cũng hả hê cho tôi biết là Bob từng ở Việt Nam ngày trước. Tôi ngớ người, ngạc nhiên :

- Really ?

- Yeah !

Qua cuộc trò chuyện này tôi biết Bob là cựu chiến binh và đã bị thương trong chiến tranh Việt Nam. Thảo nào mà ông ta chẳng đi «cà nhắc, cà hót» như thế, tôi nhủ thầm. Bob nói nhiều về Việt Nam. Bob khen Việt Nam đẹp, phụ nữ Việt Nam dễ thương, đặc biệt là ông rất thích uống cà phê phin (filter) vào các buổi sáng sớm nơi những quán cóc ven đường.

- So... your wife is a Vietnamese lady, right ? Tôi trêu Bob.

Bob nhìn sững lấy tôi giây lâu, đoạn Bob bật cười ha hả khi biết là mình bị ghẹo :

- I wish ! I wish, man !

Bây giờ thì tôi chắc chắn rằng ông ta lớn tuổi hơn tôi và đột nhiên tôi chợt nảy ra ý muốn mời ông ta lên nhà uống cà phê chơi. Bob rất hào hứng khi nghe tôi có cà phê phin Việt Nam nên cả hai bỏ mặc quần áo đồ đạc lại đó mà kéo nhau lên lầu. Nhìn ông bước thấp bước cao tôi ái ngại tuy nhiên Bob khoát tay bảo không có gì. Ông đi đứng như thế mấy chục năm nay quen rồi !

Bob ngó chăm chăm cái phin lúc tôi bưng hai ly cà phê ra đặt trên chiếc «coffee table» nhỏ trước mặt ông ta

như nhìn người tình mấy mươi năm mới gặp lại. Trông từng giọt cà phê đen bóng bẩy, lóng lánh rồi tròn nụ như cô gái xuân thì và run rẩy rơi xuống đáy ly, òa vỡ, văng tung toé trên mặt lớp sữa bò đặc quánh, vàng mịn, đổ sẵn bên dưới, ánh mắt của Bob thật xa xăm. Ông ta ngồi bất động như thế rất lâu, như sống lại với quá khứ hồi tưởng của riêng mình cho đến lúc ông lẩm bẩm bảo nhìn những giọt cà phê rơi vỡ ấy ông nhớ đến các quả đạn pháo mà VC (Việt Cộng) bắn vào đồn, xới tung mặt đất, nơi đơn vị ông đang đóng năm nào.

- Where ? Tôi hỏi.

- Quang Ngai.

Ông trả lời bằng tiếng Việt lơ lớ nhưng cũng đủ để tôi biết địa danh quê tôi.

- Central Viet Nam ?

Bob gật đầu, giải thích thêm :

- South Central Coast of Vietnam.

- When ? Tôi tò mò.

- 1966.

- How long were you there for ?

- More than two years. I came back in October, 1968, after being wounded.

Thấy Bob buồn buồn khi nhắc lại chuyện cũ, để phá tan bầu không khí nặng nề bỗng dưng kéo tới kia, tôi đứng dậy đi lấy đá cục lúc phin cà phê thôi ngừng chảy, rồi trở ra đặt cái khay nước đá xuống bàn. Cả hai dùng muỗng khuấy đều ly cà phê của mình. Tiếng muỗng khua vào thành ly kêu leng keng nghe vui tai và phá tan sự yên lặng nhưng chúng tôi vẫn im lìm theo đuổi ý nghĩ riêng. Bob nhổm người lấy từng viên nước đá nhỏ trong veo to cỡ chừng một lóng tay bỏ vào ly của mình rồi lại khuấy lên lần nữa. Tôi đưa tay mời, Bob cầm ly cà phê lên hớp một ngụm đầy, ngậm một lúc lâu mới từ từ nuốt xuống khỏi cổ như để tận hưởng cái mùi thơm, cái nồng nàn của cà phê thuở xưa. Tôi biết ông rất thích vì gương mặt ông rạng rỡ hẳn lên, các sớ thịt dãn ra, mắt ông long lanh rực sáng :

- Wow, terrific ! Long time I've just had it again.

Lòng tôi bỗng nhiên nổi lên niềm quý mến Bob vì ngoài cái chuyện «kính lão đắc thọ» thì phần khác còn là cảm kích sự hy sinh tuổi trẻ và thân thể của ông cho quê hương tôi dù bất kỳ lý do gì đã đưa ông vào đời quân ngũ !

*

Sau hai tháng sống trong thời tiết mát dịu, thơ mộng của mùa xuân đầu tiên vào năm 2000 của tôi ở Virginia thì nắng bắt đầu gắt và nóng hơn dù có gió mạnh báo hiệu mùa hè đã đến. Một buổi trưa cuối tuần, dọn dẹp phòng sạch sẽ rồi tôi dự tính mang chiếc Toyota Camry đời 1989 màu đỏ của mình tới tiệm «auto repair» trên đường Lee Hwy gần nhà để thay bố thắng và sẽ ghé chợ Đại Hàn mua thức ăn cho cả tuần thì đụng phải Bob lúc vừa bước ra khỏi chung cư.

Biết tôi xuống phố ông nhờ tôi cho ông ta «quá giang» ra tiệm 7 Eleven nơi đầu đường để mua nước. Trên đường đi ông đề nghị sẽ giúp tôi thay thắng khi biết ý định của tôi dù tôi đã ngần ngại và từ chối đôi lần. Bob vẫn dứt khoát muốn làm và «save money» cho tôi. Cuối cùng tôi đành chở ông tới tiệm bán đồ phụ tùng xe hơi Pep Boys Annandale theo sự chỉ dẫn của ông để mua mấy cặp bố thắng rồi trở về nhà Bob lấy con đội (jack) và chìa khoá mở ốc mâm xe luôn. Bob ở mướn trong cái apartment một phòng, tương đối nghèo. Ngoài bộ salon cũ sờn vải, cái bàn nhỏ với vài tờ báo nằm vương vãi và cái tivi kê sát góc ra thì không thấy thứ gì khác. Vắng vẻ ! Trống trải !

Đợi Bob lục tủ lấy đồ nghề xong chúng tôi cho xe tới đậu dưới tàng cây «Maple» râm mát trước chỗ tôi ở. Ngồi trông Bob làm, thao tác thuần thục, lẹ làng nên chỉ độ một giờ sau khi ông tháo bố thắng cũ ra và dán bố thắng mới vào rồi ráp lại là xong khiến tôi cảm thấy thích thú vì được dịp học hỏi thêm. Nhìn những giọt mồ hôi đổ trên trán và lưng áo Bob ướt một mảng lớn, tôi ái ngại, lòng phân vân chưa biết tính sao. Đoán biết ý tôi khi thấy tôi ưu tư Bob xuề xoà :

- It's OK, man !

Tuy bị tật nhưng Bob đứng lên, ngồi xuống rất là nhanh nhẹn, sau đó ông bảo tôi vào xe chạy thử. Ngồi kế bên, ông theo dõi và gật gù lấy làm đắc ý lúc thấy xe dừng một cách nhẹ nhàng êm ái nơi các ngã tư đèn đỏ. Tự nhiên tôi cũng hứng chí lên nên liền chở Bob xuống Eden; là khu trung tâm thương mại sầm uất của người Việt tại Fairfax mua một ít đồ nhậu trong quán Bảy Lọ và một thùng bia Heineken mười hai chai về nhà lai rai như một cách cám ơn ông.

Vô nhà, bày biện xong cả hai ngồi vào. Sẵn trời đang nóng, Bob làm một hơi hai chai liền trong khi tôi mới uống dứt chai thứ nhất. Tới chừng đó ông mới trút bầu tâm sự về gia cảnh mình. Ông ngó mông ra cửa sổ nói «lâu lắm rồi dễ chừng cũng đã hai mươi lăm năm hơn

chứ không ít, ngày ấy khi ông đi làm về thì vợ ông đã ẵm đứa con gái nhỏ hai tuổi đi mất. Sau bao tháng ngày tìm kiếm thì ông mới phát giác ra vợ ông đem con về New York. Mặc dù Bob đã tới năn nỉ nhiều lần, vợ ông vẫn không trở lại. Sau này thì bà di chuyển đi nơi khác, biệt tăm !» Bấy giờ Bob uống thêm hai chai nữa và tính khí ông bắt đầu thay đổi chứ không còn điềm đạm, dễ thương như thường ngày. Bob nói nhiều, khoa tay múa chân, trợn mắt trông thật hung dữ. Tôi bắt đầu sợ, tính kế ngưng lại nhưng chưa biết phải làm sao trong lúc ông cứ lải nhải và khui bia uống liên tục. Rồi Bob bắt đầu la hét lớn lên. Bob luôn miệng nói về các chết chóc, về chiến tranh Việt Nam, nhắc đến những địa danh đã đi vào lịch sử một thời như huyện Đức Phổ, vụ thảm sát Mỹ Lai đoạn khóc lóc kêu tên bạn bè chiến hữu mà ông bảo là đã tử trận, kể lể lung tung, vẽ ra cho tôi thấy một bãi chiến trường đầy máu me với xác người la liệt làm tôi nhớ tới các hình ảnh tang thương khi lúp xúp theo mẹ chạy giặc năm Mậu Thân, 1968. Cuối cùng, ông đập tay, đập đầu vào vách, mặt dàn dụa nước mắt trông thật đau khổ khiến tôi vô cùng tội nghiệp cho ông; người cựu thương binh mất cả tương lai, mất cả vợ con bè bạn, luôn bị quá khứ dày vò, chiến tranh ám ảnh đồng thời cũng quá hoảng sợ mà không biết giải quyết thế nào ? Chiều ấy tôi đã rất vất vã và nhờ có người Mễ

sống cạnh bên giúp đỡ mới đưa được Bob về nhà.

Tôi đã học được một bài học nhớ đời và biết thế nào là «hội chứng chiến tranh Việt Nam của mấy cựu chiến binh Mỹ mà trong tiếng Anh thường gọi tắt là PTSD (Post- Traumatic Stress Disorder.)» Điều mà hồi nào tới giờ tôi chỉ đọc qua sách báo, nghe thấy trên phim ảnh mà thôi. Đến lúc ấy thì tôi lờ mờ đoán được lý do vì sao Bob không có xe, vì sao vợ ông bỏ ông ẵm con trốn đi !

Vài bữa sau Bob đến gặp tôi xin lỗi về việc ông đã làm phiền hà tôi trong cuộc nhậu hôm rồi và ông tỏ ra vô cùng ăn năn, áy náy dù tôi đã bảo rằng tôi rất thông cảm với ông, cảm thông với «đoạn đường chiến binh» mà ông đã trải qua, đặc biệt là trong cuộc chiến Việt Nam, vì gia đình dòng họ tôi cũng có những chú bác là sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa bị bắt đi tù cải tạo tới tận ngoài Miền Bắc Việt Nam hơn mười năm trời sau ngày «tan đàn rã nghé» của 30 tháng 04 năm 1975 ! Khi được thả về tâm tính họ đôi lúc cũng như ông «sáng nắng chiều mưa trưa lai rai nóng.»

Cuối năm ấy tôi thay đổi công việc, từ bỏ ước mơ đi học dù đã có lớp, có giờ, có được hai ngàn năm trăm đô «financial aid» cho mỗi mùa học tại một «community college» để dọn về South Carolina (SC) làm nail kiếm tiền gấp hòng phụ thuốc thang cho cha mẹ già đang đau

yếu bên nhà. Tôi vô cùng tiếc nuối vì đã lỡ cơ hội học hành mà tôi nghĩ có thể là sau cùng của tôi nhưng đành chấp nhận vì chữ hiếu, vì cả đời cha mẹ tôi đã hy sinh hết gia tài của cải cho tôi vượt biển tìm tự do, nuôi tôi gần sáu năm trong các trại cải tạo do vượt biên thất bại. Có lẽ nhờ có tiền uống thuốc chữa bệnh, và được Trời Phật độ mà cha mẹ tôi mới còn lây lất được tới bây giờ

Hôm đi, tôi đến tìm Bob để từ giả nhưng không gặp. Tôi viết lại cái «note» nhỏ dán trước cửa nhà ông cùng với số phone của mình. Suốt đường đi gần mười tiếng đồng hồ thỉnh thoảng tôi lại nghĩ đến Bob, đến hoàn cảnh thương tâm của một cựu chiến binh Mỹ rồi liên tưởng tới các người thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa tại quê hương và tự hỏi còn họ thì sao ? Cũng đau khổ, cũng tan tác, cũng lê lết đi bên cạnh cuộc đời suốt mấy chục năm qua. Buồn ! Những kẻ chiến bại ! Những người khốn khổ ! Mỗi người là một «phối cảnh» của cuộc đời !

Trong thời gian sống ở SC, lâu lâu tôi có nhận được điện thoại của Bob. Sau vài lần thăm hỏi và rồi dòng đời đưa đẩy «xa mặt cách lòng,» phần vì bận bịu với công việc, phần khác là do đổi số phone mới nên tôi đã mất liên lạc với Bob. Tháng Năm năm 2009, nhân dịp về dự hội nghị tại «Library of US Congress» ờ Washington

DC tôi cùng vợ con mướn khách sạn gần Fairfax cho tiện việc sinh hoạt.

Một chiều tôi tới 7 Eleven mua nước và vài bịch «chip» cho con tôi, lúc bước ra tôi chợt thấy chỗ này hơi ngờ ngợ quen. Đứng yên nặn óc suy nghĩ một lúc tôi bỗng nhớ ra đây là tiệm mà tôi đã đưa Bob tới ngày xưa. Hình ảnh Bob hiện ra trong tâm trí, tôi có ý muốn nhân dịp này đến thăm và xem đời sống ông ra sao và tiện thể tôi cũng muốn ghé thăm anh chủ nhà dễ mến ngày trước luôn. Trên đường đi lòng tôi rộn ràng khi nghĩ tới lúc gặp tôi hẳn là Bob sẽ vui lắm.

Khung cảnh vẫn không thay đổi mấy, chỉ có cây cối lớn hơn xưa nhiều. Cây Maple năm nào vẫn còn đây. Lòng bồi hồi tôi đậu xe vào chốn cũ. Lên lầu, thấy cửa đóng then gài chắc anh bạn chủ nhà đi làm chưa về. Xuống lầu, lần bước tới nhà Bob. Vắng vẻ, chẳng có ai ! Đứng bần thần một tí, tôi lặng lẽ trở gót. Khi chuẩn bị bước vào xe tôi bỗng thấy anh chàng Mễ gần nhà năm xưa đang đi về. Có thể biết được tin tức Bob từ anh chàng này. Tôi nghĩ thế nên vội vã chạy lại, anh vui mừng khi gặp tôi. Kế đó anh cho tôi biết là sau khi tôi đi rồi Bob buồn lắm, nhậu thường xuyên, khóc lóc kể lể luôn mồm và trong số những người mà ông kêu gào có cả tôi nữa. Cuối cùng thì cảnh sát phải can thiệp và

người ta đưa ông vào «rehab» cai rượu, chữa bệnh. Bây giờ thì anh không biết ông ở đâu, sống chết thế nào ?

Tôi ra về lòng buồn rười rượi. Một hôm trong lúc lấy thơ tôi nhận được một cái thư lạ. Sau khi đọc tôi hiểu ra đó là thư của Hội Disabled Americans Veterans (DAV) gửi cho dân cư trong vùng, xin giúp đỡ cho thương binh. Tôi nghĩ tới Bob, tới tình cảnh đáng thương của họ nên dù nghèo tôi vẫn trích ra một ít tiền đóng góp cho hội này từ bao nhiêu năm qua nên đáp lại hằng năm họ cũng gửi tặng tôi bằng khen, thẻ hội viên, label có in sẵn tên và địa chỉ nhà...

Có một lần trong lúc nói chuyện với người bạn học, thân thiết hồi nhỏ, qua Mỹ từ năm 1975 về vấn đề này thì bạn tôi hoàn toàn bài bác, bảo là tôi «khéo lo bò trắng răng !» Nó nói chuyện này chắc chán chính phủ Mỹ có «fund» cho hội, mình gửi tiền ủng hộ thì giống như là bị họ dụ thôi. Nghe thế tôi im lặng không bàn tới nữa bởi tôi nhớ mãi lời cô Monique dạy lúc ở Trung Tâm Văn Hoá Pháp ngày xưa (Centre Culturel Français) là đừng bao giờ tranh luận về quan điểm, chính trị, tôn giáo, màu sắc cũng như sở thích, v. v... vì nó chỉ đưa đến xung đột hay chiến tranh mà thôi, nhưng tận thâm tâm tôi lại nghĩ «mình đang ở đâu ? nhờ ai mà mình được sống trong bầu không khí tự do, hạnh phúc đến

ngày hôm nay ? Mấy năm gần đây chúng ta đang có các chương trình giúp đỡ cho những người lính thương binh Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) bên nhà. Điều đó thật tốt và đáng trân quý và thế thì mình cũng nên có những hành động thiết thực gì để bày tỏ lòng tri ân tới các người cựu chiến binh Hoa Kỳ để chứng tỏ cho họ biết chúng ta tuy là những người vong quốc nhưng không hề vong ân !»

Sáng nay lạnh quá, thời tiết chi có 0 độ F thôi. Tuyết trắng khắp nơi ! Không có xuân cũng chẳng có Tết ở nơi đây dù hôm nay là ngày đầu năm mới âm lịch. Đi làm trong cảnh băng giá thế này thì thật là nguy hiểm và chán, nhưng đành chịu vậy. Cuộc sống mà, riết rồi cũng quen !

Vừa lái xe tôi vừa nghĩ ngợi mông lung. Nhanh thật ! Thoáng một cái mà mình tới Mỹ đã mười sáu năm rồi. Ý niệm về thời gian lại khiến tôi liên tưởng đến chuyện khác. Ơ, sắp tới bốn mươi năm tính từ ngày Miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản rồi sao ? Mỗi lần nhớ lại biến cố này là lòng tôi lại bần thần, ray rứt khôn nguôi. Năm nay, là một cái móc thời gian quan trọng của bốn mươi năm chúng ta mất chính thể tự do, người Việt đi tị nạn khắp năm châu. Nhưng nhờ lòng nhân ái của thế giới tự do, của chính phủ và nhân dân Mỹ sau này nên

cộng đồng người Việt đã lớn mạnh và phát triển phồn thịnh ở nhiều nơi. Trong niềm vui hạnh phúc đó, chúng ta hãy tưởng nhớ lại sự hy sinh của bao người để chúng ta có được bình an, có được một chốn để đi, để về, mỗi ngày và trong sự hy sinh ấy có sự hy sinh của những người lính Việt Nam và Hoa Kỳ cũng như các lực lượng đồng minh. Do đó mỗi người chúng ta hãy bày tỏ sự biết ơn của mình với ân nhân bằng cách nào mà chúng ta có thể làm được nhân dịp kỷ niệm bốn mươi năm lưu vong để họ không cảm thấy cô đơn, để họ luôn thấy ngoài Chúa, còn có chúng ta bên cạnh.

Từ trong đài FM của chiếc radio đang mở văng vẳng vang lên lời ca buồn, da diết của bài hát «Hey brother» là bài hát lọt vào top ten của Avicii sau khi phát hành «Album True» vào cuối năm 2013 để ca ngợi sự xả thân chiến đấu của quân nhân Mỹ trong nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho người dân, cho nước Mỹ cũng như cho thế giới hiện nay qua mọi cuộc chiến. Họ bây giờ được dân chúng và chính phủ Mỹ tôn vinh như những anh hùng chứ không còn bị bạc đãi như Bob bởi luận điệu của nhóm người phản chiến ngày trước nữa.

Hey brother, there's an endless road to rediscover
Hey sister, know the water's sweet but blood is thicker
Oh, if the sky comes falling down, for you
There's nothing in this world I wouldn't do
...
What if I'm far from home ? Oh brother, I will hear you call
What if I lose it all ? Oh sister, I will help you hang on
Oh, if the sky comes falling down, for you
There's nothing in this world I wouldn't do

...
Thời gian ơi, xin hãy... gượm lại !

Miami-Township, Ohio

Ngày 19 tháng 02 năm 2015

(Nhằm mùng Một Tết Ất Mùi)

Triều Phong (TPN)

Tiếng Trống Em Đẩy Lùi Mưa Bão

ThaiNC

Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ năm thứ XII, 2012. Ông tên thật là Nguyễn Cao Thái, sinh năm 1959 tại Huế, vào Saigon 1968, vượt biển đến Mỹ 1979, hiện định cư tại San Jose, CA.

Qua một năm khô cằn nắng hạn, San Jose đang được tắm mát với từng trận mưa rào thật lớn. Rất tốt. San Jose nói riêng và Cali nói chung cần nước như con cần mẹ, và cơn bão lớn thổi qua Thái Bình Dương này hứa hẹn một lượng nước đáng kể từ biển khơi vào đất liền. Tuy nhiên, cơn mưa rỉ rả từ hôm qua, kéo dài và thành mưa xối xả, mưa tầm tã như hôm nay thiệt không phải lúc !

Bởi vì, hôm nay là ngày mong đợi của hàng ngàn khán giả đã mua vé từ nhiều tuần trước để đi xem chương trình Văn Nghệ Mừng Tết Ất Mùi và Kỷ Niệm 25 Năm Phục Vụ Cộng Đồng do Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc - Giới Trẻ La San thực hiện.

Chương trình sẽ mở màn lúc 2 giờ chiều, nhưng sẽ bắt đầu tiếp đón và cho khán giả vào lúc 1 giờ. Tất cả vé đều đồng hạng và ai tới trước kiếm được chỗ ngồi

tốt first come first serve. Gia đình tôi khởi hành đi rất sớm, nhưng xa lộ 280 dẫn tới Flint Center, De Anza College kẹt cứng bởi mưa lớn và dai dẳng. Tất cả xe cộ lưu chuyển trên đường với tốc độ thật chậm vì rất khó thấy phía trước dù chỉ trong vài mét. Vài đoạn đường bị ngập nước thành vũng nên khi xe trước đi ngang qua làm bắn tung toé lên kiếng xe đi sau rất nguy hiểm. Chưa hết, thỉnh thoảng vài cơn gió lớn thổi qua khiến ai cũng phải ghì tay lái cho xe khỏi chao đảo !

Ít khi nào tôi phải lái xe dưới điều kiện khắt khe như hôm nay. Nhưng,

Mưa mặc mưa !
Gió mặc gió...
Khi lòng đã quyết,
Nề chi gian khó !

Cuối cùng thì chúng tôi cũng tới nơi. Những tà áo dài đỏ thắm dưới chiếc vành khăn truyền thống của phụ nữ Việt Nam thuộc Ban Tiếp Tân tươi tắn chào đón tận cửa đã sưởi ấm lại tất cả những gì ướt át, lạnh lẽo bên ngoài. Ôi tết đã đến chưa mà sao tôi cảm thấy cả một mùa Xuân ấm cúng nơi đây !

Đúng 2 giờ mở màn. Đôi MC trẻ, một nam một nữ trong trang phục áo dài khăn đóng Việt Nam ngắn gọn chào đón khán giả.

Chương trình chính thức bắt đầu.

Một dàn nhạc cụ không giống bất cứ một buổi văn nghệ nào : Tất cả đều là trống cổ truyền dân tộc. Nhiều loại và đủ cỡ trống lớn nhỏ, nhưng chỉ có trống. Không một nhạc cụ nào khác.

«Hồi Trống Rước Cờ» đã trang trọng khai mạc chương trình với quốc ca Việt Nam và Hoa Kỳ.

Sau đó, văn nghệ chính thức gồm 2 phần.

Phần 1 : Tình tự Việt Nam qua tiếng trống.

- Tiếng Trống Dựng Nước từ thời Văn Lang các vua Hùng.

- Tiếng Trống Giữ Nước gồm : Tiếng Trống Mê Linh của Trưng Nữ Vương, Tiếng Trống Diên Hồng của nhà Trần ba lần đánh tan quân Mông Cổ, Tiếng Trống Tây Sơn đuổi giặc Mãn Thanh về Tàu. và Tiếng Trống Hoàng Sa bi hùng đang bị bắc phương cưỡng chiếm !

- Tiếng Trống Mở Nước của Chúa Nguyễn khai hoang, mở rộng bờ cõi quê hương đến tận mũi Cà Mau.

Cả ba hồi trống dựng nước, giữ nước và mở nước được khéo léo lồng trong ba điệu múa biểu trưng cho ba miền : miền Bắc với vũ điệu Đèn Cù - miền Trung với bài Ai Ra Xứ Huế - và sau hết, miền Tây nam bộ với Lúa Mùa Duyên Thắm.

Phần cuối càng độc đáo : những tà áo dài đỏ thắm trong ban tiếp tân cùng các đấng phu quân trong bộ khăn đống áo the vàng cũng góp phần trong chương trình văn nghệ. Họ hầu hết là những cựu thành viên của đoàn từ những năm đầu thành lập và bây giờ là phụ huynh các em trong đoàn. Sau 25 năm, hai thế hệ cùng đứng chung một sân khấu. Họ hợp ca bài Việt Nam Minh Châu Trời Đông và tiếp tục đứng đằng sau hát khi các em trở lại trình diễn vũ khúc vui tươi Tôi Yêu Quê Tôi để kết thúc phần 1.

Chương trình nghỉ giải lao 15 phút.

Hầu hết khán giả đều rời ghế ra ngoài thư giãn, riêng tôi vẫn ngồi tại chỗ cố ôn lại trong đầu 60 phút vừa qua.

Bum bum bum...

Tiếng trống trận hào hùng của tiền nhân trong quá trình dựng nước, giữ nước và mở nước tiếp tục nổ vang trong đầu. Tôi tưởng mình đang ở trong một giấc mộng đẹp nào đó, không thể có thực. Tôi đã nghe nhiều người khen ngợi Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc - Giới Trẻ La San, nhưng không hề nghĩ đặc sắc đến như vầy.

Không thể ngờ được các em, các cháu, trên xứ người này, hầu hết có lẽ nói chưa rành tiếng Việt, nhưng lại đủ khả năng dùng tiếng trống, lời ca, điệu múa... dẫn dắt hơn 2000 khán giả, hầu hết là các chú, bác, ông bà... đi qua những chặng đường oanh liệt của dân tộc một cách tuyệt vời.

Nếu không đi nghe tận tai, nhìn tận mắt, tôi sẽ không thể tin.

Mỗi cánh tay giơ cao, mỗi bàn chân lướt tới, điêu luyện và nhịp nhàng, là kết quả qua nhiều ngày tháng luyện tập công phu.

Hãy nhìn các em đánh trống, tưởng là đơn giản !

Khi các em trai đánh. Tiếng trống hùng tráng, vang vang... Con trai mạnh mẽ thì dễ !

Nhưng khi đến phiên các em gái đánh trống mới là cảm phục, bởi vì tiếng trống phải ăn khớp với tay đánh. Muốn cho tiếng trống vang lừng, các em phải giơ cao, đánh mạnh, dứt khoát, quyết liệt... Nhìn những em gái đánh trống, tôi thật cảm phục sự luyện tập của mấy em vô cùng.

Ôi đáng yêu làm sao những khuôn mặt trẻ trung, rạng rỡ, đầy tự tin của các em trong những vũ khúc vui tươi, chan hòa tình tự dân tộc.

Phần II : Vũ nhạc kịch : ĐÓA HOA HỒNG TRÀ

Là chuyện dã sử thời vua Quang Trung, khi đất nước đang đắm chìm trong cuộc phân tranh Trịnh- Nguyễn. Miền nam thuộc nhà Nguyễn, giặc Xiêm La phá rối miền Tây. Miền Bắc của chúa Trịnh, quân Tàu Mãn Thanh đang chiếm đóng. Người trẻ Việt đã hy sinh tất cả, đặt nợ nước trước tình riêng, trai cũng như gái tòng quân cứu nước theo Nguyễn Huệ diệt Xiêm phá Thanh, khiến cho ngoại bang biết rằng «Nước Nam có anh hùng làm chủ» , xứng đáng với niềm tin sắt son của Nguyễn Trãi, «Vận nước có lúc thịnh lúc suy, nhưng anh hùng hào kiệt thời nào cũng có» .

Câu chuyện bắt đầu với vũ khúc «Tình Chớm Nở Nơi Miền Đồng Tháp» . Quê hương miền Tây nam bộ

đang yên lành. Có người nông dân tên là Trà, và thôn nữ tên Hồng với tình yêu mới chớm nở thì quân Xiêm sang quấy phá nước ta. Chàng trai Trà từ giả người yêu Hồng lên đường tòng quân Tây Sơn và lập chiến công đánh tan giặc Xiêm tại Rạch Gầm. Sau đó vì quân đang Thanh xâm lấn, Trà tiếp tục theo đoàn quân Tây Sơn tiến quân ra Bắc. Thôn nữ Hồng cũng tòng quân theo nữ tướng Bùi Thị Xuân.

Hai người gặp lại nhau trong ngày Nguyễn Huệ hội quân để quyết chiến trận cuối cùng. Hẹn ngày mùng bảy tháng Giêng âm lịch sẽ ăn tết trong thành Thăng Long.

Thrùm... Thrùm Thrùm Thrùm... !

Tiếng trống xuất quân một lần nữa được các em đồng loạt tấu vang.

Này bao hùng binh tiến lên
Bờ cõi vang lừng câu quyết chiến.
Bước oai nghiêm theo tiếng súng đi tung hoành
Quân Việt Nam đi hồn non nước xây thành.
Đi là đi chiến đấu.
Đi là đi chiến thắng.
Đi là mang mối thù thiên thu...
Thrùm... Thrùm... Thrùm...

Tiếng trống và lời ca, nhịp nhàng và hùng tráng, quyện lấy nhau theo điệu quân hành. Thốt nhiên, tôi nghe như có tiếng vạn quân reo, tiếng vó ngựa vang trời của hàng ngàn chiến mã. Quân Tây Sơn san bằng Hà Hồi, Ngọc Hồi... , và cuối cùng hoàn toàn tiêu diệt quân Thanh tại gò Đống Đa. Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín chạy về Tàu. Quân Việt vào thành Thăng Long trưa ngày mùng 5 tết.

Ngày hội quân ban thưởng, vua Quang Trung hỏi Trà đâu ? Chủ tướng của Trà cho biết chính ông đã thấy Trà bị rơi từ trên thành cao trong chiến trận. Lúc đó ba quân đang khí thế xung phong giết giặc, bụi khói mịt mù, không ai nhìn thấy Trà đâu nữa...

Cả hội trường cùng im bặt. Ô hay số phận của họ tại sao hẩm hiu ? Giữa ngày quê hương reo mừng chiến thắng, đôi tình nhân này phải đành chia cách ?

Con gái tôi buột miệng «Oh No !» não nề.

Vợ tôi thì rơm rớm nước mắt.

Tôi thú thật cũng đau lòng và bất mãn, thầm trách người viết kịch bản sao đành để cho Trà phải chết ? Hôm nay biểu diễn văn nghệ đón xuân Ất Mùi, đâu cần phải có drama ?

Giữa lúc khán giả đang tiếc thương, trên sân khấu quân hầu vào thông báo có một thương binh xin vào diện kiến.

TRÀ bước ra sân khấu, tay và mặt đều băng bó.

Té ra anh chỉ... bị thương thôi chứ chưa chết.

Cả hội trường vỗ tay nồng nhiệt.

Hồng và Trà ôm nhau thống thiết.

Rồi họ được vua Quang Trung... cho làm đám cưới.

Vũ khúc «Xuân Đã Về» kết thúc vở vũ nhạc kịch Đoá Hoa Hồng Trà và chấm dứt chương trình của Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc - Giới Trẻ La San đón xuân Ất Mùi và kỷ niệm 25 năm thành lập đoàn.

Bản đồng ca «Việt Nam Việt Nam» của nhạc sĩ Phạm Duy vang lên hùng tráng. Cờ vàng ba sọc đỏ của tự do dân chủ phất phới bay. Ban tổ chức cảm ơn khán giả đã tham gia và ủng hộ chương trình.

Trời vẫn còn mưa, tuy không còn nặng hạt như buổi sáng. Cái cảm giác lâng lâng của một buổi văn nghệ tuyệt vời vẫn còn theo chúng tôi trên đường về nhà.

Tôi bỗng nhớ đến một chi tiết trong vở kịch Hồng-Trà và cười một mình. Vợ hỏi cười chuyện gì ? Tôi nói «tên» nào viết kịch hay thiệt. «Nó» làm mình khóc xong rồi mới cho cười, nhất là đoạn khi Trà bị thương khập khểnh trở về, khán giả đã vỗ tay hoan hô muốn bể rạp làm tôi nhớ lúc còn nhỏ đi coi cinê mỗi lần «phe mình» sắp bị quân ác hãm hại. Giữa lúc tình thế thập phần nguy hiểm, là y như rằng vai chính hiệp sĩ xuất hiện kịp lúc. Lần nào cũng vậy, cả rạp đều vỗ tay hoan hô ầm ỉ. Tưởng chỉ có ngày xưa còn nhỏ mới vậy, ai ngờ đến nay già rồi vẫn còn... y chang.

Vợ tôi đồng ý, và nói nãy giờ nàng cũng cười... một mình vì một chi tiết khác. Tôi hỏi cười cái chi ? Nàng nói nhớ lúc cô thôn nữ ngỏ ý muốn tòng quân để được như Bà Triệu cưỡi cơn sóng dữ chém kình ngư ngoài biển khơi, người trai nông dân khuyên cô ở lại nhà... chém cá BA SA cho chắc ăn !

Ờ, đúng rồi. Tôi cũng cười cái đoạn đó.

Ai viết kịch bản này độc đáo và dí dỏm quá !

Trong lời cuối chia tay, ban tổ chức ngỏ lời cám ơn khán giả đã tham gia ủng hộ chương trình.

Tôi chắc chắn rằng, toàn thể khán giả hôm nay cũng đều đồng lòng muốn gửi lời cám ơn đến ban tổ chức đã cho chúng tôi một buổi chiều cuối tuần thật nhiều ý nghĩa, đầy cảm xúc, vui tươi, và thoải mái.

Cám ơn các em, những nghệ sĩ tài tử của thế hệ trẻ Việt hải ngoại đang trên sứ mệnh giữ gìn nền văn hoá và lịch sử nước Việt trên xứ người.

Cám ơn các bậc phụ huynh của đoàn văn nghệ trẻ La San đã bỏ thì giờ và công lao hỗ trợ các em có đủ điều kiện tập dợt và trình diễn thật đặc sắc.

Cám ơn dòng La San đã lập ra đoàn và dạy dỗ cho cả hai thế hệ.

Bum Bum Bum... !

Tiếng trống dựng nước, giữ nước và mở nước như vẫn còn vang vang đâu đây.

Tiếng trống của các em đã đẩy lùi mưa bão hôm nay.

Tôi biết, mình sẽ nhớ hoài buổi văn nghệ này.

Vài nét về Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc - Giới Trẻ La San

Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc - Giới Trẻ La San là một đoàn thể chuyên trình diễn về những điệu múa và hồi trống theo truyền thống văn hóa Việt Nam. Tên của đoàn lấy từ tên thánh bổn mạng, Thánh Gioan La San, quan thầy các nhà giáo dục. Giới Trẻ La San được thành lập vào năm 1990 dưới sự hướng dẫn của Frère Phong với mục đích bảo tồn, phát huy và truyền bá văn hóa Việt và đức tin của người công giáo.

Trong 25 năm qua, các em được vinh dự trình diễn văn nghệ, đánh trống để chia sẻ những nét đẹp văn hóa Việt Nam trong những Lễ Hội cho cộng đồng tại Vùng Vịnh (Bay Area) và quốc tế :

Tết Nguyên Đán
Tết Trung Thu
Lễ Kính Các Thánh Tử Vì Đạo
Hội Chợ Y Tế
Lễ Hội Văn Hóa Á Châu
Các trận bóng đá - San Jose Earthquakes
Đại Hội Giáo Dục Công Giáo (LA)
Ngày Thánh Mẫu (Carthage, Missouri)
Đại Hội Giới Trẻ Việt Nam (Nam Cali, Seattle)
Đại Hội Giới Trẻ Thế Giới do Tòa Thánh Vatican tổ

chức (Gia Nã Đại, Pháp, Roma, Đức, Úc, và Ba Tây)

Là một đoàn thể thiện nguyện với phương châm phục vụ cộng đồng, các em trình diễn hoàn toàn miễn phí. Mọi giúp đỡ cho đoàn tùy thuộc vào lòng hảo tâm của ban tổ chức và ân nhân.

ThaiNC

(*) Địa chỉ liên lạc :

1103 Maxey Court,
San Jose, CA 95132
Email : events@vlyt. org
website : www. vlyt. org
FB : https : //www. facebook. com/vannghelasan
Số thuế bất vụ lợi 501c3 : 94- 115- 6332.

Tháng 3, Ngày 8

Song Lam

Với 12 bài viết trong năm, cho thấy một sức viết mạnh mẽ, tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Định cư tại Mỹ từ 26 tháng Ba 1992, hiện là cư dân Cherry Hill, New Jersey, một vùng rất ít cư dân Việt. Sau đây là bài mới nhất của tác giả.

Theo thông báo của Nha Khí Tượng, ngày 8 tháng 3 là ngày đầu tiên của mùa Xuân. Đây là tin vui cho hàng triệu người sống ở miền đất lạnh từ Alaska đến North East. Năm nay, đất trời nổi giận hay sao mà lạnh dữ dội đến nỗi Niagara Falls ở biên giới Mỹ và Canada cũng đóng thành băng. Cái lạnh luôn ở dưới 0 độ F (có ngày ở Virginia âm 17 độ F) với những cơn bão tuyết liên tục không những hoành hành miền Đông Bắc Hoa Kỳ mà còn «di căn» đến miền Trung Tây, Tây Bắc như Minnesota, Georgia đến Washington State, cả Texas và Arizona. Hàng chục người chết vì lạnh, hàng trăm tai nạn giao thông xảy ra ở mọi nơi vì icy trên mọi lối đi. Xe cộ đụng nhau liên hoàn trên highway, ở New Jersey, ở I- 95, I- 76... Chưa kể hết, xe truck lật cháy ở New Jersey, xe lửa trật đường rầy gây thương tích cho hành khách ở Los Angeles trong tháng 2/2015

Mùa Đông năm nay thật dài, mọi sinh hoạt gần như tê liệt ở vài nơi như Massachusetts, Washington DC, New York, Pennsylvania, New Jersey. Mọi người đang chờ mong mùa Xuân đến như mong đợi người yêu !

Mùa Xuân đến gần giống như hoàng tử đánh thức nàng công chúa Mùa Đông ngủ quá say trong rừng từ tháng 11/2014. Nhìn lên những vòm cây trơ xương chúng ta thấy những nụ non vừa chớm. Sự báo hiệu rất chính xác của mùa Xuân.

Ở trong nước, từ sau 1975, ngày 8 tháng 3 là ngày Quốc Tế Phụ Nữ. Thực tình, người viết không hiểu chữ Quốc tế họ dùng vì Âu Mỹ không có ngày này, có lẽ ở các nước cộng sản chăng ? Người ta cười cợt, nhạo báng vì ý nghĩa lễ này «hữu danh vô thực» . Như trước đây, thời Đệ Nhị Cộng Hòa, dân tình nhạo báng Hội phụ nữ liên đới của bà Ngô Đình Nhu thành «phụ nữ liên đái» .

«Hôm nay ngày tám tháng ba
Tui giặt dùm bà cái áo của tui»

Hoặc :

«Hôm nay ngày tám tháng ba
Chị em phụ nữ đi ra đi vào
Anh em đứng dậy vái chào
Chị em phụ nữ đi vào đi ra»

Tôi đã có 17 năm, 17 lần dự cái «Lễ Phụ Nữ» kỳ cục này. Năm nào cũng nghe riết đến ngán ngược mấy cái tên : Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Thị Thập, Mẹ Suốt, O du kích, vân vân và vân vân. Cả thầy cả trò ngồi nghe hiệu trưởng, bí thư Đoàn trường báo cáo rêm cả mình mẩy, nhức nhối tay chân. Từ đó, ngày lễ này được học sinh gọi là ngày «chị em ta» .

Người phụ nữ trong nước, cho đến bây giờ, có lẽ chỉ được coi trọng có một ngày thôi, còn 364 ngày còn lại trong năm là vùi dập, khinh miệt. Chưa có một giai đoạn nào của lịch dân tộc, người phụ nữ lại rẻ giá như vậy ! 40 năm qua, họ được những gì ? Hay phải tha phương cầu thực ? Hay phải bán thân bằng cách này hay cách khác ra nước ngoài vì miếng cơm manh áo ? Quý vị thấy đó, hàng trăm ngàn cô dâu ở Nam Hàn, ở Hồng Kông, ở Đài Bắc, ở Singapore... đã sống một cuộc đời vừa khổ vừa nhục... chỉ vì muốn giúp đỡ gia đình thoát khỏi cảnh bần hàn đói lạnh triền miên ở vùng xa, vùng cao. Có em, không, rất nhiều em gái phải «bỏ mạng sa

tràng» nơi đất khách ! Nàng Kiều với 15 năm lưu lạc đã làm nên kiệt tác «Đoạn Trường Tân Thanh» , làm nên tên tuổi Nguyễn Du đời đời rực sáng ! Còn những nàng Kiều Việt Nam từ sau 75 ? Họ về đâu, họ ra sao ? Giọt nước mắt của những người phụ nữ trẻ đó đã chảy thành sông, thành suối nào ai biết được ?

Trời hỡi, những cô gái Việt Nam, người phụ nữ Việt Nam với «tám chữ vàng» được Đảng và Nhà Nước ban tặng chỉ là viên kẹo ngọt dụ trẻ trẻ lên ba, lại bị chà đạp nhân phẩm một cách tồi tệ. Ở Sài Gòn, thành phố văn minh, xinh đẹp của cả nước lại diễn ra những cảnh buôn người thật rùng rợn, kinh hoàng. Từng nhóm tú bà, Mã Giám Sinh «thu gom» các cô gái trẻ đẹp ở các vùng quê xa xôi, hẻo lánh về đây để cho mấy lão già các nước lân cận lựa chọn, kén vợ kiểu «tân thời thực dụng» . Các cô này sắp hàng trần trụi để mấy lão già này thò lõ con mắt ngắm nghía, lựa như lựa cá ngoài chợ, vạch mang xem vảy coi cá còn tươi hay đã ươn rồi...

Cao cấp hơn, người phụ nữ có chút nhan sắc khắp nước chen lấn nhau bằng mọi cách dành cho được ngôi vị Hoa Hậu, người mẫu. Ở Việt Nam cách đây vài năm, Hoa Hậu được tổ chức khắp mọi nơi, khắp các tỉnh thành, quận hạt. Cuộc thi nào cũng giống nhau, cũng được yểm trợ, bảo bọc bởi người có thế lực, tiền của.

Để chi ? Rồi đi đến kết cục nào ? Cuối cùng những cô người mẫu, hoa hậu này không thể nào thoát khỏi vòng tay phù thủy gớm ghiếc của mấy lão gia quyền cao chức trọng ! Những «nàng Kiều» của thời đại mới, dù gì chăng nữa, cũng «mua vui cũng được một vài trống canh» mà...

Chuyện này cứ nói thêm là bạn đọc sẽ «la làng» : Biết rồi, khổ lắm, nói mãi...

Ngày 8 tháng 3 năm nay lại mang thêm một ý nghĩa lịch sử : Hội Cựu Chiến Binh Mỹ sẽ về thăm lại Đà Nẵng Việt Nam, nơi mà cách đây đúng nửa thế kỷ (1965- 2015) họ đặt chân đến miền đất này. Phải, cũng ngày này năm 1965 chiến hạm Mỹ đã đưa những người lính Mỹ đầu tiên đến Việt Nam để hỗ trợ cho Quân Lực VNCH đánh trả sự xâm lăng của Cộng quân phương Bắc.

Trong mười năm tham chiến ở Việt Nam (1965- 1975) người Mỹ, nhân dân Mỹ đã đổ biết bao sức người sức của ở nơi này. «Vietnam war» không chỉ là nỗi ám ảnh không nguôi của người Việt Nam mà còn là nổi kinh hoàng của nhân dân Mỹ. 58 ngàn lính Mỹ đã hy sinh nơi này là vết thương ngàn đời nhức buốt của hai dân tộc Mỹ- Việt.

Những người chiến binh Mỹ trở lại Việt Nam hôm nay là những người may mắn dù bây giờ tuổi đã già (70- 80 tuổi) và có một số mang thương tật từ chiến trường Việt Nam.

Không ai có thể phủ nhận ân huệ từ người Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Người cựu chiến binh Mỹ trở lại Việt Nam hôm nay để tìm lại kỷ niệm đã tưởng chừng bị lãng quên 50 năm qua. Có lẽ, trong ký ức của từng người, đều có tấm lòng nhớ thương đồng đội đã «ở lại» Việt Nam, mà bức tường đá đen ở Washington DC chi chít những tên tuổi của họ.

«Mười năm tình cũ» tham chiến ở Việt Nam, người lính Mỹ đã sát cánh với quân đội VNCH chống trả mưu đồ thâm độc của CS Bắc Việt muốn nhuộm đỏ miền Nam Việt Nam nơi có thành phố Sài Gòn đẹp xinh, thanh lịch, đã từng được gọi là Hòn Ngọc Viễn Đông. Thảm họa đỏ đó người miền Nam không tránh được khi Mỹ quyết định rút quân. Và từ 30/4/1975 đến nay, 40 năm chẵn chòi, đồng bào miền Nam ta sống trong cảnh «cá chậu chim lồng» !

Bỗng nhiên những hình ảnh cũ, kỷ niệm xưa bỗng ùa về trang viết hôm nay. Bỏ qua nhiều cảnh tượng chính trị, kinh tế, đau khổ xảy ra gần như mỗi ngày ở miền Nam Việt Nam, người viết chỉ muốn dừng lại một chút

về đời sống xã hội ở Sài Gòn trong mười năm ấy. Đối với riêng cá nhân tôi, khoảng thời gian này tạm coi là tươi vui nhất của thời mới lớn, thời thanh niên, giai đoạn đẹp nhất của một đời người.

Đúng ra người lính Mỹ xuất hiện chưa nhiều ở những năm đầu 65- 66. Mãi đến 1967- 70 khi cuộc chiến leo thang ngày càng khốc liệt ở Quảng Trị, sau cuộc thảm sát Mậu Thân ở Huế 1968, lính Mỹ đổ bộ nhiều ở miền Nam Việt Nam. Lúc ấy, chúng tôi đang còn ở Trung học. Các anh tôi, các bạn tôi lần lượt vào lính vì bị tổng động viên.

Từ 1967, chúng tôi đã thấy những chiếc GMC chạy mù trời giữa nắng lửa Sài Gòn, trên đó ngồi hai hàng lính Mỹ. Nóng quá. Có người cởi trần. Sài Gòn lúc đó hãy còn yên bình. Thật ra, lính Mỹ ở Sài Gòn hay lính Việt Nam chỉ xuất hiện nhiều ở cuối tuần trong tư thế đi phép. Đêm đêm, Sàigon cũng thấy xuất hiện hỏa châu từ chiến trận vùng ven, ở Đức Hòa, Đức Huệ, Trảng Bàng (Hậu Nghĩa) hay ở Bình Long, Phước Long (Thủ Dầu Một) . «Đêm Nghe Tiếng Đại Bác» của Nhã Ca đắt khách trong giai đoạn này. Sài Gòn còn bình yên, còn là tổng hành dinh của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Người lính Mỹ làm xáo trộn đời sống xã hội Sài Gòn.

Người Sài Gòn bắt đầu biết ăn đồ hộp. Sô- cô- la của Mỹ. Những thứ này theo chân người lính Mỹ đến Việt Nam là một điều hợp lý, vì thức ăn thức uống đó được bày bán không có thuế ở P. X của Mỹ và cửa hàng người Việt Nam không thể nào mua được. Nhưng, những thứ đó tràn lan «ngoài luồng» do những tay trung gian mua bán ra ngoài. Đường Tự Do Sài Gòn bắt đầu mọc lên những «quầy hàng di động» nho nhỏ của người Việt Nam. Họ bán bánh kẹo, đồ trang sức, vật dụng và đặc biệt là thuốc lá Mỹ. Dĩ nhiên người bán nhận tiền đô từ người lính Mỹ dạo phố. Đồng Đô- la rực sáng ở Sài Gòn. Một số người Việt Nam ở Sài Gòn và các tỉnh bỗng nhiên làm ăn khấm khá, cất nhà lầu từ những đồng Đô-la Mỹ kiếm được.

Một hiện tượng nổi lên ở các thành phố lớn, các tỉnh thành là hiện tượng Snack Bar. Ở Sài Gòn, Snack Bar mọc lên như nấm. Dọc con đường Trịnh Minh Thế, hai bên đường đều là Snack Bar mà người Sài Gòn thời đó gọi nôm na là «sờ nách ba» . Nơi uống rượu, ăn chơi của Mỹ, dĩ nhiên phải có tiếp viên nữ ! Nghề tiếp viên này hình thành luôn một giai cấp mới ở Sài Gòn lúc đó là : nghề bán bar, gái bán bar. Đã có những mối tình tuyệt vọng giữa đôi người yêu nhau. Nàng vì sinh kế,

lao vào nghề này và chỉ có nghề này kiếm tiền nhanh nhất, nhiều nhất. Và anh con trai lao vào lửa đạn của một thời chinh chiến triền miên. Thuyết hiện sinh nổi lên thời này. Tiểu thuyết của Francois Sagan, Jean Paul Sartre được giới trẻ chuyền tay... tuổi trẻ Sài Gòn, tuổi trẻ Việt Nam không có con đường tương lai tươi sáng nào trước mặt.

1972 «Mùa Hè Đỏ Lửa» Phan Nhật Nam phản ánh thật rõ cuộc chiến Việt Nam bằng những trận ác chiến khốc liệt ở Bình Long An Lộc. Thương vong nhiều, thật nhiều cả hai phía, dẫn đến cuộc hòa đàm 1973.

Xã hội Việt Nam lúc này thật xáo trộn. Người ta sống vội vã, không còn biết đến ngày mai. Do vậy, giá trị đạo đức xã hội băng hoại đến không ngờ.

Hòa đàm Ba- lê 1973 không dẫn tới một lối thoát chính trị nào. Mọi người đang chờ ánh lửa cuối đường hầm, nhưng ánh lửa đã tắt.

Và cuộc chiến kết thúc bằng sự rút quân đột ngột của chính quyền Mỹ, bỏ lại Việt Nam như rắn mất đầu. Ngày 30/4/1975, 11 : 30 sáng Dương Văn Minh đầu hàng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Xe tăng quân Bắc Việt ủi sập cánh của sắt của Dinh Độc Lập. Lịch sử sang trang.

Một đất nước Việt Nam tan tành. Một thành phố Sài Gòn hỗn độn, náo loạn. Dân tình nhớn nhác lo âu. Hàng vạn lính VNCH vào tù. Hàng vạn trẻ thơ còn lại đói khát.

Mới đó mà đã 40 năm, cơn ác mộng thật dài, vết thương xưa hãy còn mưng mủ.

Vui buồn lẫn lộn trong ngày 8 tháng 3, người viết lại thêm một lần hồi ức về mảng đời của nhân dân Sài Gòn, của dân tộc Việt Nam trong suốt cuộc trường chinh Bắc-Nam, nồi da xáo thịt.

Trong một ngày tuyết phủ đầy sân, cơn bão tuyết trùm phủ khắp 38 tiểu bang hôm nay (5/3/2015) , xin quý độc giả hãy cùng tôi cầu nguyện cho ngày mai nắng đẹp. Ngày mai nắng đẹp không chỉ cho chúng ta, những người may mắn ở Mỹ này mà còn cho cả đồng bào ta trên quê hương mình còn chịu nhiều bất công, đói khát, lao khổ, lầm than.

Việt Nam ơi, Hòa Bình ơi, biết đến bao giờ ?

5/3/2015

Song Lam

Dưới Ngọn Dốc Trời

Mimosa Phương Vinh

Tác giả định cư tại Hoa Kỳ theo diện H. O. đầu thập niên 90, cư dân Berryhill, Tennessee, làm việc trong Artist room của một công ty Mỹ. Giải thưởng VVNM 2013, cô đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả với hai bài viết tiêu biểu : «Thiên Thần Đen» và «Cũng Một Đời Người» , kể về những di dân tị nạn tại Mỹ làm việc tới mức quên mình để gửi tiền tiếp viện cho người thân còn ở quê nhà. Bài viết mới của tác giả là chuyện sau 30 Tháng Tư 1975.

Buổi chiều trời mưa và lạnh, tôi đang ở trong tâm trạng vô cùng chán đời thì chị Khuê đến thăm, chị Khuê hay có thói quen đến với tôi một cách bất chợt như thế. Chị mặc một chiếc áo Pardessus dài và rộng bằng nỉ dày màu nhà binh như mấy ông lính Đức trong những phim ảnh ngày xưa. Với dáng điệu lừng khừng cố hữu chị bước vào phòng.

Tôi reo lên mừng rỡ :

- Chào bạn vàng, ngọn gió nào đưa bạn đến đây trong buổi chiều mưa gió như thế này ?

Chị Khuê cười ngặt nghẽo :

- Vàng ngọc gì ! Đói gần rã họng đây. Trời mưa buồn quá, nhớ Phương nên đến thăm vậy thôi.

Tôi cười :

- Em cũng đang chán đời đây ! Sao, có tin tức gì lạ không ?

- Tin tức gì đâu, cũng mút mùa Lệ Thuỷ thôi bạn ơi !

Chúng tôi đang nói đến mấy ông chồng còn ở trong nhà tù cộng sản. Chị Khuê sục sạo trong túi áo Pardessus lôi ra một điếu thuốc lá cong queo, chị vuốt điếu thuốc rồi hỏi tôi :

- Cho mình xin chút lửa.

- Lửa đâu mà cho. Khuê ơi, lửa tắt bình khô rượu, đời vắng anh rồi vui với ai.

Tôi nhại giọng thơ của Vũ hoàng Chương để trả lời. Chị Khuê phân bua :

- Buổi tối hay bị mất ngủ nên mình sinh tật xấu hút thuốc, nay đâm ra ghiền rồi Phương à.

Tôi thông cảm với chị :

- Chẳng có gì xấu đâu Khuê, đàn bà hút thuốc cũng là chuyện thường thôi !

Đang lúc ấy tôi thấy ba đi qua cửa phòng, tôi chạy ra xin lửa cho chị Khuê. Chị hít hơi thuốc đầu tiên thật dài rồi cười cười hỏi tôi :

- Phương thấy mình bụi đời quá phải không ?

- Có gì đâu mà bụi đời hả chị. Mọi người đều có quyền đốt nỗi buồn của mình mà.

Khói thuốc bay nhẹ nhẹ trong phòng, loại thuốc có mùi hăng, nặng mà ba tôi hay dùng. Tôi ngắm chị Khuê với mái tóc hơi quăn, khuôn mặt ốm, tiều tụy và mệt mỏi dù chị chưa quá ba lăm tuổi, nhìn chị đang phì phèo điếu thuốc trên tay lòng tôi bỗng dưng dâng lên mối thương cảm vô bờ.

Chị Ngọc Lan nói : chị Khuê dạo này ghiền thuốc lá nặng. Tôi nghe mà chẳng có ý kiến gì cả bởi tôi hiểu rõ hoàn cảnh bi đát của chị, hiểu để mà hiểu thôi, chứ tôi cũng chẳng giúp chị được gì cả. Thân tôi còn chưa lo nổi, lấy gì mà lo cho kẻ khác đây.

Chồng chị Khuê là Thiếu Tá nhảy dù. Anh đi tù bỏ lại cho chị một bầy năm đứa con, đứa nhỏ nhất ngày anh Nguyên ra đi mới vài tháng nay đã được năm tuổi. Năm năm với những hoàn cảnh quá khắc nghiệt, thiếu thốn sau năm 75 không phải là một thời gian ngắn. Chị Khuê đã phải vật lộn rất khó khăn với đời sống để nuôi đàn con bữa đói, bữa no, đã vậy thỉnh thoảng còn phải đi thăm chồng tận miền Trung. Chị bán tất cả những gì có thể bán được trong nhà, đi thêu, đi đan, đi chợ trời, đầu đường xó chợ để nuôi con đợi chồng về, mà ngày anh Nguyên về còn xa tít mù khơi cũng như ngày về của chồng tôi vậy. Bao nhiêu đau đớn, khốn khổ đè lên đôi vai gầy yếu của chị Khuê, thì một cái chuyện nghiện thuốc lá cũng đâu có gì là xấu xa.

Chị Khuê nói với tôi bằng âm điệu đều đều mà nặng trĩu buồn bã :

- Phương dù sao cũng đỡ hơn mình vì chỉ có một đứa con, lại có hai bác giúp đỡ. Mình chẳng có ai cả, gia đình anh Nguyên thì ở tận quê miền Trung, ở đó còn khó khăn hơn Dalat này nhiều lắm. Mình bây giờ đang lâm vào ngõ cụt muốn chết cũng không xong Phương ạ.

Tôi thở dài :

- Có gì chị kể cho em nghe với, sao hôm nay chị chán đời dữ vậy ?

Chị Khuê im lặng nhìn xuống điếu thuốc, một lát sau chị thở dài sườn sượt rồi kể :

- Ngày hôm qua thằng Quốc thấy củi trong nhà hết nên đi lên Dốc Trời để kiếm một ít. Mình thấy trời nắng ráo nên để cháu đi sau khi ăn hai bát cơm trộn khoai, không ngờ sau đó trời đổ cơn mưa lớn. Mình lo lắng vô cùng khi trời chạng vạng mà chưa thấy con về, nên quyết định đi tìm. Đi sâu vào rừng chẳng thấy con đâu trong khi trời mưa gió mù mịt, mình vừa đi vừa kêu tên con khản cả giọng.

Khi mình đến gần chân dốc thì thấy cháu Quốc ướt như chuột lột, vừa đi vừa khóc, vừa kêu mẹ. Trông thấy cháu, mình chạy ùa tới rồi hai mẹ con ôm nhau khóc òa giữa rừng, mặc cho nước mưa tuôn xối xả trên người. Mình đau đớn quá Phương ơi, mình khóc như chưa bao giờ được khóc. Con mình thì vừa khóc vừa xin lỗi :

- Mẹ tha lỗi cho con, con tìm được mấy cây củi lớn lắm, nhưng khi trời mưa củi ngấm nước trở nên nặng quá, đường lại trơn trượt khó đi. Con cố gắng hết sức

mà cũng không vác được nữa, trời lại tối nên con đành bỏ hết. Con sợ về mẹ la, lại sợ ma nữa. Xin mẹ tha thứ cho con, con biết nhà hết củi rồi nhưng con không vác nổi mẹ à !

Chị Khuê vừa kể, vừa nức nở :

- Trời ơi, có ai ngờ đâu con một ông Thiếu Tá mà bây giờ phải đói khổ như thế này đâu. Nghe con nói lòng mình như muối xát. Thằng bé vừa đói, vừa lạnh về đến nhà cũng chẳng có gì mà ăn ngoài vài củ khoai mì. Phương nói cho mình nghe đi, mình phải làm gì bây giờ, làm gì bây giờ. Mình có ăn ở bất nhân đâu mà ngày nay bị đầy đọa như thế này, còn các con mình là những đứa trẻ vô tội mà. Thượng đế ở đâu, ông trời ở đâu có nghe lời của con không ?

Nước mắt tôi tuôn tràn theo từng lời nói của chị Khuê, làm gì đây tôi cũng không biết phải khuyên chị làm gì cả. Chị Khuê hít một hơi thuốc cuối cùng, quăng tàn thuốc lá ra ngoài sân, trời đã tạnh mưa nhưng bầu trời mờ đục, buồn bã. Chị đứng giữa phòng nhìn tôi rồi nói lớn :

- Chỉ có cái chết mới giải quyết được tất cả mọi vấn đề Phương ạ !

Tôi phản đối quyết liệt :

- Không, chị không thể làm như vậy nếu chị chết ai lo cho mấy đứa nhỏ. Cháu Quốc mới hơn mười tuổi, làm sao lo cho một bầy em bốn đứa. Chị không thể bỏ các cháu sống mồ côi như vậy được.

- Chứ mình sống thì cũng có lo gì cho các cháu được đâu, không lẽ để cho chúng đi xin ăn à, hay là mình đi xin ăn ? Nếu mình chết đi sẽ có những người tốt đem tụi nó về nuôi, chứ mình sống ai mà nuôi chúng.

- Ai nuôi, người ta có nuôi cũng chỉ nuôi một đứa chứ ai mà nuôi cả đàn con của chị.

Chị Khuê cười cay đắng :

- Mỗi nhà nuôi mỗi đứa cũng được. Anh em nó phân tán mà được no đủ còn hơn sống một nhà mà bữa đói bữa no.

Tôi dơ tay lắc đầu quầy quậy :

- Không đâu chị Khuê, chị tính quẫn rồi. Chị phải can đảm lên mà sống chứ, bao nhiêu người đói khổ chứ có phải riêng chị em mình đâu. Sau cơn mưa trời lại sáng, chị tin em đi chị Khuê.

Tôi nói với chị bằng tất cả sự thống thiết của lòng mình. Tôi khuyên chị phải tin tưởng một ngày mai trời lại sáng mà thật sự tôi cũng chẳng chắc rằng ngày mai trời có sáng hay không nữa !

Chị Khuê bỗng cười lên sặc sụa :

- Sau cơn mưa biết đâu trời lại bão đó, bạn hiền ơi !

Trò chuyện với tôi một lát chị uể oải đứng lên cáo từ. Tôi đưa chị ra cổng và trong khi bắt tay từ giã tôi nói với chị thật nghiêm túc :

- Chị hứa với em là không được nghĩ quẩn nữa nghe chưa ?

- Không hứa gì cả ! chị Khuê vừa cười buồn vừa nói.

Nhìn theo dáng chị chậm chạp, lừng khừng dưới bầu trời xám xịt tôi nghĩ đến năm đứa con nheo nhóc của chị Khuê mà buồn đến thắt ruột. Quốc, Thái, Dân, An là tên của bốn đứa con trai và đứa con gái tên là Thanh Bình. Ôi những cái tên nghe mới đẹp đẽ làm sao, nhưng trong cái hoàn cảnh đói khổ, bi đát này những cái tên của những đứa bé bất hạnh nghe sao mà mỉa mai, chua xót vô cùng.

Tôi quay vào nhà nghe hơi lạnh tràn đầy trong căn phòng nhỏ, thoang thoảng đâu đây mùi khói thuốc chị Khuê còn lưu lại. Bỗng dưng tôi cũng thèm đốt lên một điếu thuốc hay đập phá một cái gì đó. Tôi nằm úp mặt xuống giường và khóc nức nở như chưa từng được khóc.

Vài ngày sau, khi lên tổ hợp thêu để trả và nhận hàng mới về nhà làm, tôi gặp chị Liên cũng có chồng đi tù như tôi báo tin chị Khuê uống thuốc ngủ quá liều phải đưa vào bệnh viện cứu cấp. Chị Liên kể lể :

- Ngày hôm qua chị ấy hỏi mình cách dùng thuốc ngủ, mình có nói dùng thuốc phải cẩn thận nếu dùng quá liều coi chừng ngủ luôn đó. Mình có dặn chị ấy kỹ càng mà không hiểu tại sao lại có sự việc này xảy ra.

Tôi hối hả chạy ngay lên bệnh viện để thăm chị Khuê, tôi vừa thương vừa giận chị đã làm một điều khùng điên mà chị đã báo trước cho tôi trong một buổi chiều trời mưa nọ. Tôi vừa đi vừa nghĩ rằng chắc gặp tôi chị sẽ oà lên khóc như hai mẹ con chị đã ôm nhau khóc dưới chân ngọn Dốc Trời mấy hôm trước mặc cho nước mưa tuôn xối xả trên thân thể gầy còm của hai kẻ khốn nạn trong một nước Việt Nam «độc lập, tự do, hạnh phúc» ! Nhưng khi gặp chị, tôi ngạc nhiên thấy nét mặt chị tươi tắn hơn mọi khi mặc dầu nước da rất xanh xao. Tôi không biết mở lời như thế nào trong hoàn cảnh bi đát

này, chị nhìn tôi cười cười rồi nói nhỏ :

- Mình làm chuyện tầm bậy quá Phương à.

Tôi cầm bàn tay gầy guộc của chị Khuê mà ứa nước mắt, tôi vẫn im lặng để nghe chị nói :

- Họ chửi mình như chửi chó vậy.

- Ai chửi ?

- Thì y tá với bác sĩ chứ ai !

- Tại sao ?

- Họ nói có nhiều bệnh nhân đang cần điều trị mà mình làm chuyện khùng điên để mất thời giờ của họ.

Tôi chợt thấy vô cùng tức giận :

- Tại sao lại chửi một người tuyệt vọng đi tìm đến cái chết. Đáng lẽ họ phải an ủi chị mới đúng chứ, chị cũng là một bệnh nhân bị đau đớn vì sự dày vò của tinh thần mà.

Chị Khuê lắc đầu :

- Không ai cần biết điều đó, tự tử mà vào nhà thương là chết với mấy người bác sĩ, y tá và lao công ở đây. Họ đặt ống vào bao tử để súc ruột, mình tởn tới già không

dám tự tử nữa đâu.

Chị Khuê cười cười, tếu tếu khi trò chuyện làm tôi cũng thấy tức cười mà quên đi phần nào lo lắng. Tôi hỏi :

- Chị thấy trong người thế nào ?

- Mệt lắm nhưng tâm hồn thì bình thản, may mà không chết. Mình nghĩ ra rồi, cứ mặc cho cuộc đời trôi di, vì đời sống con người thật là quý giá có kề cận cái chết mình mới hiểu ra điều đó.

Tôi siết chặt bàn tay của chị, trong lặng lẽ niềm cảm thông đến với hai người cùng chung cảnh ngộ.

Ở ngoài kia nắng óng ả chan hòa trên ngọn đồi trọc với vài ba cây thông bơ vơ, lạc lõng. Buổi chiều ở bệnh viện thật quạnh quẽ cô liêu hay tại tôi có cảm tưởng như vậy. Tôi nhìn chị Khuê và tự hỏi : rồi tương lai của gia đình chị ấy sẽ đi đến đâu và tương lai của chính tôi và của gia đình tôi nữa. Câu trả lời đã đi vào ngõ cụt.

Nếu quả đất nổ tan tành trong giờ phút này thì thật là một điều hạnh phúc biết bao nhiêu !

Mười một năm sau anh Nguyên mới trở về, khi anh về thằng bé An đã mười sáu tuổi. Còn Quốc, Thái, Dân đã trở thành những người thanh niên đẹp trai và cao lớn. Thanh Bình cũng đã là một thiếu nữ mười tám. Gặp lại đám con chị Khuê tôi không giấu được sự ngạc nhiên là tại sao sống trong một môi trường đói khát, lầm than mà các con chị lại có thể đẹp đẽ và sáng sủa như thế. Có lẽ mấy cháu thừa hưởng cái vẻ đẹp và sang của anh Nguyên. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh mà.

Anh Nguyên về rồi đời sống gia đình chị Khuê có phần dễ thở hơn vì có những thuộc cấp của anh đang ở ngoại quốc gửi tiền về giúp ông thầy, và hơn nữa lúc ấy đang có chương trình H. O. nên có nhiều người quen biết sẵn sàng cho chị Khuê mượn tiền để làm ăn, buôn bán.

Có lẽ chị Khuê hết chán đời nên không còn đến thăm tôi trong những chiều mưa như ngày xưa nữa. Hoàn cảnh tôi cũng dở khóc dở cười, ông chồng đi tù chín năm trở về, tôi sanh thêm một đứa con trai nữa thì chồng về Sài Gòn để tìm đường vượt biên. Vượt biên đâu chẳng thấy chỉ thấy ông ta vượt qua hàng rào tình nghĩa phu thê để rơi vào cái bẫy của người đàn bà năm con, mặt trát đầy son phấn và dĩ nhiên là giàu có hơn tôi.

Tôi cũng cố lặn lội xuống Sài Gòn nhìn tận mặt họ một lần, đau đớn cũng có mà chán chường lại nhiều hơn. Tôi chào giã biệt ông chồng đã mang cho tôi nhiều nổi bất hạnh hơn là hạnh phúc rồi âm thầm về Dalat nuôi con. Có người cho là tôi cao thượng nhưng cũng có người cho là tôi ngu dại. Sao cũng được, nhưng tôi hiểu chính tôi, lòng tôi trở thành băng giá và trơ lì, tôi chỉ muốn trở về thế giới cô đơn của chính tôi, tôi trở về căn phòng bé nhỏ trong ngôi nhà cổ kính của cha mẹ tôi, ở đó tôi thấy được bao dung và che chở. Không bao giờ sợ bị phản bội hay ruồng bỏ.

Cũng một buổi chiều mưa anh Nguyên đến thăm tôi, tôi quá đỗi ngạc nhiên khi không thấy chị Khuê đâu cả. Anh nói chị Khuê bận việc gì đó, sau khi nói chuyện trên trời dưới biển một hồi anh bắt đầu tả oán nào là chị Khuê lôi thôi không gọn gàng, nào là chị Khuê hút thuốc nhiều quá, nào là chị Khuê bây giờ trở chứng hay tin vào thầy cúng, thầy bùa. Tôi bênh vực chị Khuê :

- Chị Khuê nghiện thuốc lá vì ngày anh đi tù chị lo nghĩ nhiều nên đâm ra mất ngủ rồi hút thuốc. Anh không thương chị ấy thì thôi sao lại trách móc.

Anh Nguyên nói :

- Chồng đi tù buồn quá thì hút thuốc cũng đành, nay anh về rồi còn buồn khổ chi nữa mà hút thuốc chứ !

Tôi cãi lại :

- Bộ anh tưởng một người nghiện thuốc mười mấy năm rồi mà dễ bỏ lắm sao. Còn anh đã bỏ hút thuốc, uống rượu chưa ?

- Anh là đàn ông mà.

- Đàn ông hay đàn bà gì cũng vậy mà thôi ! Anh đâu biết chị Khuê đã từng tự tử vì quá tuyệt vọng.

Rồi tôi kể chuyện cháu Quốc đi kiếm củi lạc dưới Dốc Trời, hai mẹ con gặp nhau, ôm nhau mà khóc dưới mưa như thế nào cho anh Nguyên nghe.

Tôi nói cho tan vỡ những ấm ức, đau buồn chất chứa trong lòng của vợ một người tù cải tạo. Những ngày tháng cô đơn tuyệt vọng đó có ai san sẻ với chúng tôi không ? Hay nghịch cảnh này chấm dứt thì nghịch cảnh kia lại được đưa tới. Anh Nguyên ngồi im lặng nghe rồi nói :

- Có bao giờ Khuê kể cho anh nghe những điều đó đâu !

- Kể ra để làm gì chứ ! Kể ra thì phải nói đi nói lại nhiều lần đến độ nhàm chán, thà cứ giữ im trong lòng thì nó vẫn mãi mãi là của ta.

Anh Nguyên quầy quả bỏ đi về, tôi nghĩ anh sẽ hối hận nhiều sau khi nghe câu chuyện đau lòng đó.

Tôi không có dịp gặp lại chị Khuê nhiều khi chương trình đi H. O. trở nên sôi động, chị Khuê lo phận chị, tôi lo phận tôi. Ai ai cũng muốn từ giã cái xã hội tự do no ấm của mấy ông cộng sản để ra đi. Qua bao nhiêu khê, trắc trở chúng tôi cũng đến được bến bờ của tự do thật sự. Hình như tôi đã quên chị Khuê, người bạn bụi đời và đau khổ của tôi.

Hơn mười mấy năm sau, một buổi tối tôi đang ngủ thì nghe điện thoại reo, nhấc phone lên hóa ra là chị Khuê, chị gọi tôi từ một Tiểu Bang ở miền Bắc Mỹ. Qua câu chuyện tôi biết các con chị đều học hành thành tài và có người đã lập gia đình. Tôi hỏi về anh Nguyên thì chị trả lời :

- Ông ta dạo này ngon lắm ! Gái theo rầm rầm !

- Bộ chị không ghen sao ?

- Ghen chi cho mệt, cái giống đàn ông là vậy đó. Bây giờ các cháu lớn hết rồi, mình lo chăn cháu nội mệt nghỉ, hơi sức nào mà lo chăn ông tướng đó.

Tôi đùa :

- Ông Tá chứ !

- Ừ thì ông Tá !

- Mà này Khuê ơi, thằng Ngọn Dốc Trời bây giờ ra sao ?

- Ngọn Dốc Trời là ai ?

- Thằng bé đi kiếm củi cho mẹ rồi bị lạc dưới Dốc Trời hồi một ngàn chín trăm lâu lắm rồi đó.

Chị Khuê cười ngất :

- Phương còn nhớ chuyện đó à, hồi đó tụi mình khổ còn hơn súc vật nữa Phương nhỉ, bồ còn nhớ lần mình tự tử hụt không ? Thật ra lúc đó mình đã cùng đường rồi Phương ạ, không còn một còn một lối thoát nào ngoài cái chết. Cháu Quốc bây giờ là Kỹ Sư, vợ cháu là Dược Sĩ, cháu cũng hiếu thảo lắm nên mình cũng đỡ.

Tôi hỏi chị Khuê :

- Khuê này, sao họ lại gọi ngọn đồi đó là Ngọn Dốc Trời ?

- Phương không biết dân Dalat mình nổi tiếng là mơ mộng, lãng mạn nhất nước sao ? Tên nào họ đặt ra cũng đẹp đẽ, nên thơ và nhức nhối. Nào là Đồi Thông Hai Mộ, nào là Thung Lũng Tình Yêu, Đường Vào Tình Yêu, Ngọn Dốc Trời, Đỉnh Gió Hú Hồ Tích Lệ... Dốc Trời vì dốc cao hơn những dốc khác thế thôi !

Chị Khuê bỗng hỏi :

- Còn ông chồng bạn ra sao rồi ? Mấy đứa nhỏ khỏe không ?

- Đi bặt tăm, bặt tích từ lâu lắm rồi. Hai đứa học hành cũng tạm được, ra trường hết rồi.

- Nghe đồn nhà ngươi có làm thơ hả ?

- Lai rai, không phải là thi sĩ vì không có tác phẩm nào in ra cả !

- Ai nói thế ?

- Mấy ông thi sĩ lớn nói như thế !

- Nghĩ cũng lạ hồi đó quen nhau mười mấy năm có bao giờ mình thấy Phương làm thơ đâu, đọc thử cho nghe một bài đi !

- Thôi để khi khác. Hôm nào có dịp em sẽ viết tặng chị và em hứa một ngày nào đó nếu có dịp sẽ kể lại câu chuyện về ngọn Dốc Trời với cháu Quốc. Chị cho phép không ?

- OK thôi, có gì mà phép với tắc. Bồ muốn gì thì viết nhưng không được viết chuyện ông Nguyên với mình cơm không lành, canh không ngọt nghe ?

- Sao vậy ?

- Để cho nó đẹp. Văn chương lúc nào cũng phải đẹp và truyện phải có cái hậu mới hay.

Tôi cãi :

- Bộ câu chuyện của chị không có hậu hay sao ? Bây giờ chị ở nhà chơi với cháu, thằng bé tiều phu bất đắc dĩ ngày nào, nay đã là một Kỹ Sư trong một quốc gia giàu mạnh nhất thế giới, vợ lại là một Dược Sĩ.

- Nhà ngươi cứ cho là ông Nguyên đi tù về bị tiếng sét ái tình đánh phải nên đã đi theo tiếng gọi của con tim và ta cao thượng để cho ông ấy ra đi. Truyện như

vậy mới đẹp.

Chị Khuê cười hì hì sau câu nói, tôi nghĩ chị ấy đã vượt qua tất cả những tình cảm ghen tuông ray rứt của một nhi nữ thường tình.

Thêm hai năm sau, tôi biết tin anh Nguyên đã về Việt Nam cưới một người vợ trẻ hơn anh rất nhiều. Bây giờ niềm vui của chị Khuê là mấy đứa cháu với khu vườn trồng nhiều hoa hồng, tôi hỏi chị còn hút thuốc không và ngạc nhiên khi nghe chị nói :

- Bỏ lâu rồi, sợ mấy đứa cháu bị Secondhand smoke thì tội nghiệp lắm. Với lại bây giờ có gì buồn đâu mà phải tìm quên trong khói thuốc hả Phương !

Tôi chợt hiểu, mười sáu năm sau khi anh Nguyên ra tù chị vẫn không cảm thấy hạnh phúc như bây giờ chị đã cảm thấy bên đàn cháu dại.

Trời nơi tôi ở bỗng có những cơn mưa buồn như những cơn mưa của Dalat ngày nào. Tôi nhớ đến chị Khuê trong chiếc áo Padersus thùng thình bằng nỉ màu nhà binh và điếu thuốc cong queo chị tìm được trong túi áo. Chúng tôi không có thời gian làm những người đàn bà trẻ thơ hạnh phúc, bởi nỗi gánh gồng của đời sống đã được đặt trên vai chúng tôi quá đỗi nặng nề trong cơn

biến loạn của đất nước. Dù sao những viên thuốc ngủ ngày xưa cũng không giết được chị Khuê bạn tôi. Chị xấu hay tốt, bình thường hay khật khùng không quan trọng đối với tôi. Điều đáng nói là :

Chị là hình ảnh đau thương đậm nét nhất trong tôi về thân phận của vợ một người tù cải tạo. Tôi giữ lời hứa với chị chép lại bài thơ tôi đã gởi vào nhà tù cho chồng thuở đó. Có một người bạn tù nào đã phổ nhạc trên một bao bì màu vàng úa gởi tặng tôi ngày ông chồng trở về. Tôi đã đánh mất nó đâu đó trong giòng ngày tháng lận đận của mình :

Thơ mùa Đông

Chợt nhìn thấy hoa thắp vàng thành phố
Đông đi về nhè nhẹ áo mù sương
Gom tháng năm hiu hắt tựa tro buồn
Ta đốt lửa báo tin mình đang sống.
Trời tháng cuối quê nhà vương gió lộng
Tờ lịch rời mang ngày cũ vào im
Lắng nghe đi tiếng máu chảy về tim
Âm thầm đó thì cũng trao người cả !
Hỏi năm năm mùa đông nào không lạnh ?
Hỏi tóc nào còn xanh mãi hay thôi ?
Hỏi nhớ thương sao cứ mãi thương người ?
Chiều đỏ mắt, chiều ngóng cao cổ đợi !

Là đã hết những hờn ghen vụng dại
Những hẹn hò đưa đón buổi tình thơ
Còn lại đây từng tháng đợi, năm chờ
Xin người nhận cho sương tròn trên lá.

Dalat 1980

Tôi chợt nhận ra mình đã sống rất cô đơn trong một đời sống được xem là khá dư thừa vật chất trên đất Mỹ. Tôi đã sống như thế rất nhiều năm tháng. Ở đây tôi không có người bạn nào bất chợt đến thăm trong những ngày mưa gió như chị Khuê ngày xưa. Và nhất là không ai có cái dáng điệu lừng khừng như chị. Cái vẻ cẩu thả, bụi đời, lôi thôi rất đặc biệt và chiếc áo Pardesus màu nhà binh rộng thùng thình nữa trời ạ.

Khi tìm được điếu thuốc châm lửa để hút, cái điệu bộ trầm tư của chị tôi tin rằng những tài tử thượng thặng nhất cũng không thể nào diễn xuất được nỗi chán đời như khi chị Khuê bạn tôi đã diễn đạt. Tôi tự hỏi có bao giờ anh Nguyên nhìn thấy cái cử chỉ tuyệt vời, đặc biệt của vợ mình khi hút thuốc không. Câu trả lời là không! Có những người sống với nhau gần hết cuộc đời mà chẳng bao giờ nhìn thấy một nét đặc biệt nào nơi người bạn đời của mình cả. Vậy là anh Nguyên ra đi và chị Khuê ơi :

Em giữ lời hứa chép cho chị bài thơ của gần ba mươi năm về trước, mà em đã làm trong những ngày tháng cô đơn, đau đớn, tủi nhục nhất của vợ một người tù cải tạo trong cái địa ngục trần gian mà chúng ta đã từng sống. Nếu gặp lại nhau một ngày nào đó với điếu thuốc không còn trễ tràng trên bàn tay gầy gò của chị, em sẽ thấy trống vắng một điều gì đó. Bởi vì em đã tìm thấy chân dung một người bạn với những nỗi đớn đau, tuyệt vọng nhất trong đời sống của một kiếp người.

Dưới ngọn Dốc Trời. Nước mắt. Những viên thuốc ngủ và điếu thuốc cong queo trên bàn tay người cô phụ. Chúng ta có hạnh phúc hay không ? Điều đó chỉ có tự chúng ta trả lời cho mình được mà thôi. Tuy nhiên dù sao chị, em và nhiều, rất nhiều người vợ của những người Tù Cải tạo có thể hãnh diện mà nghĩ rằng : chúng ta đã sống trọn vẹn bổn phận một người vợ trong cái thế giới nhọc nhằn, âm u, ma quái ngày xưa, khi đất nước chợt rơi vào cơn biến loạn, tang thương. /.

2008

Mimosa Phương Vinh

Tuổi Bó...

Phan

Tác giả là một nhà báo quen thuộc, trong nhóm chủ biên một số tuần báo, tạp chí tại Dallas. Từ nhiều năm qua, ông liên tiếp góp bài Viết Về Nước Mỹ, luôn cho thấy tấm lòng cùng sức viết mạnh mẽ, và đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả Viết Về Nước Mỹ 2013.

Khi nào thì người ta không cần câu trả lời của người đối diện phải chính xác là bạn mười hai tuổi hay mười ba ? Những năm tháng ấy không lâu trong đời người để một hôm chợt đến như hôm nay, người hỏi chán chường hỏi, «Anh được mấy bó rồi ?» ; Người kia thườn thượt trả lời, «... mới retire !»

Hai người thả dốc quá vãng với một nhịp thở dài... là chuyện sáng nay trên bàn cà phê nhưng chỉ còn bình trà với mấy cái tách; mấy người bạn chán sống nói chuyện tuổi tác nghe rùng mình, ai cũng có sáu bảy bó tuổi. Mấy ông già không thèm tính số lẻ chi cho mất công nữa, chỉ căn cứ vào bệnh tật của từng người mà đoán ra ai đưa ai trong cuộc cùng này. Nghe ghê quá nên tiểu nhị tôi kể chuyện hai chú nhóc nhà tôi cho mấy ông bạn già nghe, cho bớt lạnh lùng tuyết đá đầy trời...

Hôm đó, tôi đang lái xe xuyên bang, vợ ngồi bên cạnh, băng ghế sau là bà chị với mấy cái vali. Gối, mền đem theo cho hai chú nhóc là thằng nhỏ nhà chị, 8 tuổi, thằng lớn nhà tôi, 6 tuổi. Hai đứa dọn va li lên băng sau để tuôn gối, mền xuống khoang sau của cái xe wagon. Chúng chơi ráp logo chán thì ngủ khò. Hồi cả đứa hai thức dậy, thằng lớn hỏi thằng nhỏ,

«Năm nay, em bao nhiêu tuổi rồi Nhí ?»

Thằng nhỏ bẻ muốn gãy mấy ngón tay mới trả lời được, «Nhí 6 tuổi. Còn anh Jame ?»

Jame thở dài như người lớn, nói : «Anh 8 tuổi...»

Hai đứa im lặng vì còn ngái ngủ. Chị tôi, vợ tôi cũng mơ màng theo dòng nhạc liu riu trong xe. Nhưng bỗng hai người mẹ bừng tỉnh, cười không nhịn được với triết lý của Jame khi nó bỗng thở hắt ra chân lý với Nhí, «Anh Jame biết rồi Nhí ơi ! Nữa anh già, anh chết. Hai năm sau em chết, vì anh lớn hơn em hai tuổi.»

Nghe đến đó, mấy ông bạn già cười cho triết lý con nít. Nhưng một ông bạn lớn hơn tôi nguyên con giáp, nói : «Nếu cái nguyên tắc đó mà đúng, thì mày chơi với ai cả chục năm trời còn lại khi tụi tao chết ráo trước mày ?»

Thiệt là bi quan khi tuổi đời đã trộng bó, bạn bè chỉ còn chuyện tào lao mỗi khi gặp nhau. Những chuyện làm ăn, hơn thua, sĩ diện, mặt mũi... , cả chuyên đề hấp dẫn mọi thời đại là chuyện gái gú của cánh đàn ông cũng xuôi lơ từ khi giã từ vũ khí hết rồi. Nhưng bạn già vẫn gặp nhau để tào lao như tuổi mới lớn. Chỉ khác là bâng khuâng thuở bé thì nay hụt hẫng tuổi già...

Chia tay mấy ông bạn già sau chầu cà phê sáng cuối tuần. Có người phải về vì bà xã nhằn, «bộ ông tâm thần nặng lắm rồi hay sao mà trời này còn lái xe đi uống cà phê» ; Người khác phải về vì tới giờ cho vợ tôi uống thuốc ! Người nói không có ý gì với câu nói bình thường trong đời sống hôm nay. Nhưng người nghe tiếc câu thành ngữ, «trẻ cậy cha già cậy con» , nửa sau của câu ấy đã theo văn minh về đâu ?

Ông bạn này chăm sóc bà vợ nằm một chỗ đã lâu. Bạn bè gặp nhau, không cho anh hay thì thương mà cho anh hay càng đau lòng khi anh đến như mây để tan theo gió mà về cho kịp với duyên nợ. Nhiều lần, anh bỏ lại trên bàn ly cà phê vừa hết giọt từ cái phin, không kịp uống lấy một hớp; Khi khác, anh bỏ chai bia mới hớp vài hớp đã biến mất vì lo vợ ở nhà một mình không ổn ! Nhưng anh thèm bạn để giải khuây nên đi mây về gió - có còn hơn không. Không nghe nói tới con cái trong chuyện

ông bà này, dù biết họ có con cái trưởng thành. Nhưng mỗi nhà mỗi cảnh, anh không đồng ý để vợ vào viện dưỡng lão khi anh còn có thể chăm sóc chị tại nhà; Con cái thì chỉ giúp được chút tiền, thăm hỏi, chứ không có thời gian chăm sóc mẹ... Nhưng không lẽ mỗi lần con cái ghé nhà thăm mẹ thì anh hỏi tiền, nên anh rút sạch tiền 401 K của mấy chục năm đi làm và dành dụm được để lo cho chị. Vì theo anh, đưa bà ấy vô viện dưỡng lão thì khác nào kết án tử cùng ngày. Nên bạn bè tôn trọng, chỉ biết cầu ơn trên cho anh còn sức khoẻ để lo cho chị nhà không may.

Dĩ nhiên có người khác bực mình với bạn đời là già rồi chứ bộ còn trẻ lắm sao, đi một chút là ghen lồng ghen lộn...

Chắc tôi chưa già nên ngồi nghĩ, hạnh phúc của người còn có ai trông, còn được ghen tuông, chả bù cho người không ai ngồi lại nữa thì tôi cũng về ! Những người già cô lẻ thê thảm hơn người trẻ bị tình phụ, nhưng lại không thành phim được vì đã thất tình mà lại già nữa thì phim ai coi ? Nhưng những khúc phim đời thường ấy lại rất ấn tượng từ nét mặt đã khắn thời gian, đôi mắt xa vắng, người đàn ông lầm lũi ra xe sau khi tạm biệt bạn bè. Ông cần một nơi để về, mà lại không phải là ngôi nhà mà cả đời ông đã cực khổ để có được; ông cần

một bến bờ khi tuổi tác đã về chiều thì bờ bến là người bạn đời đã bỏ ông đi trước. Nhìn những người già neo đơn như con thuyền không bến trên dòng đời thật nao lòng...

Tôi không hiểu được tâm tư mấy ông bạn già, nhất là những người không còn đủ đôi. Nhưng chỉ nhìn một ông bạn sau khi chia tay bạn bè ở quán cà phê, ông bước sang nhà hàng có bán thức ăn togo để mua hộp cá kho, lon canh khổ hoa hầm... rồi về bắc nồi cơm cho chính mình. Thân thể ông không đủ sức nặng để in dấu lên mặt tuyết, nhưng sự cô đơn của ông lại hằn xuống đời này sự cô liêu chờ nắng lên... !

Những hình ảnh không lạ, không là gì cả với người này nhưng gây xúc động cho người khác cũng tự nhiên như đời sống vô tình đầy nhã ý chỉ khác biệt khi ta có chạnh lòng hay không ?

Chuyện của Jame & Nhí theo tôi suốt đường về nhà. Câu chuyện trở thành kỷ niệm của gia đình vì vẫn còn được nhắc lại mỗi khi nhà có giỗ, tiệc. Tôi nghĩ vẩn vơ đến những trang báo đã đọc và so sánh với đời thường để kiểm chứng về việc báo chí thường đăng lại những nghiên cứu trên những báo khoa học nói về việc khi một trong hai người của một đôi vợ chồng già mất đi, chỉ vài năm sau, người kia cũng lên đường.

Tôi để ý qua những trang đã đọc. Nếu người còn lại là vợ thì thường u buồn, trống vắng, lẻ loi, chơi vơi... là nguyên nhân sinh bệnh mà chết; Nhưng người còn lại là chồng thì lại chết vì lý do sức khỏe sa sút nhanh, bởi thiếu sự chăm sóc của người vợ đã tạo thành thói quen ăn uống, ngơi nghỉ mấy mươi năm cho ông. Dù không thể đi đến kết luận là đàn bà thương yêu chồng hơn đàn ông thương yêu vợ; cho dù một người vì buồn tình mà chết, khác xa với người vì cảm lạnh mà chết bởi không ai đắp mền cho; hay ăn uống cẩu thả, thất thường, quên uống thuốc... , rồi sinh bệnh mà chết.

Với những bài viết của những giáo sư tâm lý học, thường những giáo sư để ý nhiều tới tâm lý của cụ ông hay cụ bà sau khi thiếu vắng người bạn đời đã sống bên mình mấy mươi năm, rồi bỗng mất đi, khoảng trống tâm lý ấy không gì bù đắp nổi nên người còn lại bị hụt hẫng tâm lý, ảnh hưởng đến sinh lý mất ổn định, là nguyên nhân dẫn đến cái chết sớm hơn.

Tôi nghĩ tới hai vợ chồng bằng tuổi nhau thì tuyệt vời với triết lý của Jame. Tuyệt vời nhất là hai vợ chồng có cùng ngày sinh nhật để tiện bề giỗi quảy cho con cháu về sau...

Sáng nay tuyết đá đầy đường, dòng xe cộ lưa thưa như những con rùa mùa đông. Chắc có chuyện chẳng đặng đừng thì người ta mới phải lái xe đi trong thời tiết trường học, hãng xưởng đều đóng cửa. Nhưng trong số xe cộ đang lưu thông chậm chạp trên «đường- băng» có những chiếc xe vừa rời quán cà phê của những người bạn đã lớn tuổi. Cà phê thì nhà ai cũng có, nhưng tào lao thiên đế với bạn bè thì phải ra quán thôi ! Những người không sợ chết với tai nạn giao thông trong thời tiết xấu mà chỉ chịu không nổi sự cô đơn mà thành liều lĩnh, lái xe đi uống cà phê trong một sáng tuyết đá trắng trời.

... Có điều gì đó trong liên tưởng tới những ngày xa, đi uống cà phê với mấy ông bạn già hôm nay cũng không khác gì lúc nhỏ rủ bạn bè trốn học đi tắm sông ở khúc sông xa nhà, có nước chảy siết mới khoái. Vì khúc sông êm đềm ở cạnh nhà chỉ như lon cà phê trong tủ ở nhà bây giờ, bơi trên sông êm thuở nhỏ như bây giờ khuấy ly cà phê một mình, ở nhà, chỉ để thoả mãn thói quen chứ không có hứng thú... Hay là đàn ông già tới đâu thì máu mạo hiểm vẫn nguyên liều...

Nói tới tuổi nhỏ như khơi dòng nhớ. Chuyện tôi hồi nhỏ, giờ giải lao giữa buổi học. Bạn trai, bạn gái ngồi hàng dài theo thềm hành lang để tán dóc với nhau. Thời

đó đi học có mang dép nhựa là sang rồi vì cả nước đi dép râu. Thằng bạn quái quỷ trong lớp với biệt danh «Pháp sư» . Nó trả lời câu hỏi của Mộng Dừa (là tên chúng tôi đặt cho nàng trưởng lớp. Còn tên thật là Mộng Huyền, Mộng Tuyền gì đó. Không nhớ nữa !

Dừa hỏi, «Ê, Pháp sư. Sao đứa nào cũng có ngón chân kế dài hơn ngón cái. Còn tôi thì ngón cái lại dài hơn ngón kế ?»

Pháp sư nói, «Dừa có ngón chân cái dài hơn ngón kế, là mẹ Dừa bị (đuông ăn) trước ba Dừa. Thường thì ai cũng có ngón kế dài hơn ngón cái để... chết cha tao rồi! Sau đó mới tới, chết mẹ tao luôn... Biết chưa !»

Cả đám cười vang cái hành lang dài suốt. Tiếng cười văng vẳng tới hôm nay hình hài cô bạn nhỏ ngồi kế tôi phát hoảng, nói với tôi, «Chết tui rồi ! Sao ngón cái của tui với ngón kế... bằng nhau. Là sao ông ?»

Tôi tỉnh bơ trả lời, «... thì ba má mày chết một lúc !»

«...»

Chuyện thời đi học không bao giờ cũ vì đã thành kỷ niệm thì kỷ niệm đâu có tuổi. Từng chuyện vui như viên kẹo nhỏ mà bạn bè trao nhau không tan trong miệng đắng đời dài. Bạn tôi còn ở trong nước. Nghe bạn bè nói

cô ấy đã có cháu ngoại. Bà ngoại cả tin từ bé ấy có khi nào chợt nhớ tới trận đòn xối xả lên lưng tôi bằng chiếc dép kẹp tới đứt quai dép cũng chưa hả cơn giận, «mày trù ba má tao hả ? Tao đánh cho mày chết !»

Ba má cô ấy không biết có bằng tuổi nhau không ? Nhưng ngón cái và ngón kế của bàn chân cô bạn dài bằng nhau là vấn đề nan giải tới tuổi già của tôi ! Vì tôi tình cờ phát hiện ra được ngón đeo nhẫn và ngón trỏ trên tay tôi có độ dài bằng nhau. Và theo Pháp sư năm xưa thì nam tả nữ hữu, nếu là bàn tay trái của người chồng có ngón đeo nhẫn dài bằng ngón trỏ, tương thích với bàn tay phải của người vợ cũng có hai ngón đó như thế; thì hai vợ chồng đó cơ hội... chìm xuồng vượt biên chung chuyến.

Sáng tuyết đá đầy trời, giá còn người bạn nhỏ nào để hồn nhiên như xưa thì cái lạnh vô nghĩa, không cần trách máy sưởi trong xe - dở ẹt !

Về được tới nhà sau mấy cú bị trượt bánh xe trên đường làm hú vía. Nhìn ra khung cửa mùa đông không gió, tuyết trắng đồi bluebonnet sau nhà. Rồi màu xanh hoa biểu tượng sẽ nhú xuân lên trong nắng tràn nay mai. Những đứa trẻ hân hoan áo mới, cười thật tươi cho ba mẹ chụp hình trong những vạt bluebonnet xanh ngát. Nhớ lại chiều qua, chắc đứa trẻ của những mùa

hoa cũ là người phụ nữ cầm máy ảnh chụp hình cho con trai nhỏ của cô ấy đang chơi trượt tuyết dã chiến trên đồi bluebonnet. Tháng sau, cô ta lại đưa con gái đến chụp hình với hoa... Cô bé Mỹ của những mùa hoa, mùa tuyết trước đã làm mẹ của trẻ con tự bao giờ. Rồi một hôm tóc trắng, bà ngoại, bà nội người Mỹ ấy lau bụi lại tấm ảnh mà ba mẹ cô đã từng chụp cho cô năm cô mấy tuổi cũng trên đồi hoa này. Bà cụ Mỹ lau lại tấm ảnh của mình lần cuối để cất vào hư vô, như tôi cất chiếc dép kẹp đứt ngày nào vào ảo ảnh...

Đời người dài hay ngắn tùy mỗi suy nghĩ riêng. Vũ trụ tính tuổi bằng triệu năm, triệu triệu năm. Nhưng đời người vỏn vẹn ! Mới hôm nào còn ngồi dài theo hành lang mỗi giờ ra chơi để tào lao chuyện trên trời dưới đất với bạn bè tuổi nhỏ để hôm nay trắng trời tuyết đá xa xôi, ngồi tiếc nuối tuổi nhỏ với bạn bè ở ngôi trường năm cũ. Ngồi với lại thời gian thì triết gia Jame đã lập gia đình; Nhí còn bơi với bằng cấp tới bao giờ; mấy ông bạn hôm nào còn khích nhau đủ chuyện để mua vui thì đã chung ngậm ngùi, thúc thủ với bình trà và mấy cái tách trong một sáng mùa đông...

Ai cũng buồn với lo âu khi lần đầu phải xa nhà, là khi đại học; còn mấy ông bạn tôi là lúc họ đi lính. Rồi nguôi ngoai theo năm tháng trưởng thành; hưng phấn

với tuổi hai mươi tự lập; rồi tự hào với những thành tựu đạt được thì đã ba mươi. Bỗng bốn mươi nhạt nhoà khi quên cặp kính, thế giới không còn rõ ràng như trước nên kích thích hoài nghi trỗi dậy với tất cả; rồi năm mươi đem bệnh tật về, vài chuyến thoát chết trong gang tấc khi còn trẻ đã thay bằng thoát nạn trong thời lượng tính phút, tính giây với tim mạch...

Mọi sự không còn quan trọng nữa khi tuổi tác đã tính bó với cuộc đời.

Sáng mùa đông vừa với câu thơ trong truyện Kiều, «người buồn cảnh có vui đâu bao giờ» . Trời đất buồn rượi, lòng bi quan theo những ông bạn già vừa tạm biệt ngoài quán về. Không biết sự phát triển tột bậc của y học thế giới làm cho sức khoẻ và tuổi thọ của con người tăng lên đáng kể là điều đáng mừng hay đáng buồn ? Vì cuộc sống, tâm tư của người lớn tuổi ở hải ngoại buồn quá ! Ngày xưa, ai sống được tới sáu mươi tuổi thì con cháu đã làm lễ thượng thọ cho người đó. Sống tới bảy mươi hai tuổi thì con cháu làm lễ đại thọ cho ông bà, vì nhân sinh thất thập cổ lai hy. Ai sống tới tám mươi là hiếm lắm đối với ngày xưa. Nhưng bây giờ một người vừa retire, hết nợ đời, nợ gia đình, như mấy ông bạn. Họ đã trở về căn nhà vắng vì con cái đã ra riêng. Ai còn đủ vợ chồng thì... nhắc nhau uống thuốc. Nói chuyện gì

đây ngoài bệnh tật, chuyện niềm tin sống lại khi hết tự tin thì rủ nhau đi chùa, nhà thờ thay vì vũ trường, quán nhạc... Thật hữu lý khi nhớ lại người Việt hải ngoại từng nói, «Mỹ là thiên đàng của tuổi trẻ, địa ngục của tuổi già» .

Nhớ thập niên ba mươi, khi Walter B. Pitkin viết cuốn, «Life Begins at Forty - Cuộc đời bắt đầu ở tuổi bốn mươi» . Cuốn sách liền nổi tiếng trong bối cảnh xã hội Mỹ thừa hưởng những thành tựu mới mẻ của khoa học và y học; tuổi thọ của người Mỹ tăng cao từ trung bình 40 lên 60. Tác phẩm được dựng thành phim ăn khách. Tựa đề, «Cuộc đời bắt đầu ở tuổi bốn mươi» trở thành câu cửa miệng trong giao tiếp xã hội Mỹ bấy giờ. Sức ảnh hưởng của tác phẩm kéo dài tới năm 80, John Lennon còn viết ca khúc «Cuộc đời bắt đầu ở tuổi bốn mươi» .

Tuổi bốn mươi là tuổi hồi xuân của những thế hệ trước thì nay đã trở thành tuổi đời lý tưởng trong xã hội hiện đại nhờ khoa học và y học giúp cho con người về sức khỏe. Nhưng người ta đâu cần chỉ có sức khoẻ là ổn hết, vì đến tuổi nào đó trong đời người, những yếu tố không quan trọng khi tuổi trẻ trở thành ám ảnh lúc tuổi già, những sở thích thay đổi theo thời gian; thói que, tình cảm...

Người ta nghiên cứu ra được tuổi 40 đã bắt đầu triệu chứng hay quên và thiếu tập trung. Sức làm việc trên máy điện toán chậm hơn 15% so với tuổi hai mươi. Một nghiên cứu khác cho biết, mức trầm cảm lên cao nhất cho đàn bà ở khoảng 40 tuổi, đàn ông thì 50.

Dường như sau ngưỡng «ngũ thập tri thiên mệnh» thì người giàu hay nghèo, sướng hay khổ, học thức hay bình dân... đều thu về ốc đảo bất phùng thời để tự cô lập mình. Khoa học giúp được con người tăng tuổi thọ, nhưng tâm lý mở để sống dung hòa thì thuốc tiên chưa có !

Một sáng tuyết đá đầy trời như tóc trắng của mấy ông bạn già. Tuyết đá rồi tan đi khi nắng lên. Các ông rồi quá vãng để buồn vui thời đại nào chôn vùi theo theo thời đại đó. Khoa học kéo dài tuổi thọ của con người như cho chim lồng cá chậu uống thuốc trường sinh. Trong khi ý nghĩa của cánh chim là bầu trời; biển rộng cho cá phóng đường bơi không giới hạn... Người ta sống thêm mấy mươi năm nhờ khoa học, nhưng sống với thời đại của mình đã qua thì cuộc sống ấy đã hết ý nghĩa từ khi bắt đầu.

Phan

Về Quê

Vũ Thị Kim-Uyên

Theo truyện kể, năm 1975, khi cùng gia đình đến Camp Pendleton, California và sau đó định cư tại Ottawa, tác giả chỉ mới 4 tuổi, không có ký ức gì nhiều về đất nước Việt Nam. Là một kỹ sư điện toán, làm việc và định cư tại Hoa Kỳ, quê hương trong bài viết này là Ottawa, Canada.

Các con tôi nghỉ học hai tuần dịp lễ Xmas, tôi quyết định về quê thăm thân nhân khi sức khỏe và thời gian cho phép.

Mẹ tôi thường nói muốn thực hiện một chuyến đi xa thăm ai đó phải có thời gian, sức khỏe và phương tiện, ý của tôi thêm yếu tố tình cảm nữa là hoàn hảo, thực tế mang theo bốn đứa con mà đứa nhỏ nhất một tuổi rưỡi thì là chuyện không phải dễ với người mẹ đang ốm đau như tôi nếu không có chồng và ba mẹ tôi cùng đi theo giúp tôi trong chuyến đi về quê cuối năm 2013.

Ba anh chị em chúng tôi đến Ottawa, Canada vào năm 1975 từ trại tỵ nạn Camp Pendleton bang California nước Mỹ, gồm cousins của tôi Trung 6, Hương 5 tuổi, và tôi mới bốn tuổi. Ký ức của tôi không còn nhớ gì về

cố hương Việt Nam.

Sở di dân từ trại Pendleton Cali Mỹ ghi là «Stateless». (Vô Tổ quốc) khi chúng tôi đến Ottawa, Canada định cư do Dì Tám bảo lãnh.

Cám ơn nước Mỹ và Canada với tất cả lòng tri ân của những người mất quê hương như chúng tôi tìm được nơi êm ấm tự do làm quê hương mới và cho chúng tôi cơ hội và tương lai. Ba tôi ví von là Uyên và Hương như «hai nụ hoa thời loạn» trên cành bên rừng cây có dòng suối mát chảy quanh qua cánh đồng cỏ xanh bao la xứ Bắc Mỹ hứa hẹn một ngày mai sẽ nở hoa kết trái.

Sau hai tuần đến Canada, ba mẹ tôi thuê nhà, ba đứa chúng tôi bỡ ngỡ vào học lớp một Anh ngữ trường công.

An cư tại Ottawa Canada vài năm, ông ngoại và các dì được dì Tám bảo lãnh theo diện đoàn tụ. Ba mẹ tôi đã có việc làm khả quan và được hãng chuyển về bang Florida nước Mỹ lúc tôi 12 tuổi. Chúng tôi ngậm ngùi lưu luyến tạm biệt thân nhân. Tôi tiếp tục học lớp 6. Hai năm sau gia đình tôi về Ottawa dự đám tang ông ngoại.

Đang học lớp 12 thì một lần nữa ba mẹ tôi lại chuyển về bang New York, chi nhánh của hãng tại thành phố Oldenburg ven sông Saint Laurent. Tôi tiếp tục lớp 12

và ra trường đứng nhì toàn lớp.

Nhà thuê cạnh bờ sông Saint Laurent có thể nhìn bên kia sông là thấy quê hương Canada của tôi. Hết bậc trung học tôi được học bổng năm đầu vào trường đại học Ottawa, Canada; Trung đã vào học đại học Carleton và Hương cũng đã vào học Agonquin College.

Hai «nụ hoa thời loạn» năm nào đã trở thành thiếu nữ đôi mươi xuân xanh, mắt đen long lanh, tóc đen xõa bờ vai, nụ cười tươi như hoa nở, ăn nói nhỏ nhẹ ngọt ngào. Một anh bạn học cùng lớp tặng tôi một đỉa nhạc bài ca đại ý là «Anh nhìn thấy em giữa đám đông xa lạ» , anh sinh viên Việt Nam si tình này vui mừng khi nhận ra tôi là cô gái Việt dễ thương nói cười giữa đám sinh viên da trắng. Các lớp sinh viên điện toán freshman đại học Ottawa theo truyền thống ngày đầu tiên nhập học nối đuôi rồng từ lớp dài ra cổng trường, hai tay người sau để lên vai kẻ trước, vừa đi vừa la lớn : «Hôm nay là freshman, bốn năm nữa sẽ là kỹ sư, hãy cố gắng lên, v.v... «những gương mặt vui nhộn một người nói cả bọn lập lại còn nhiều câu nữa tôi không nhớ hết.

Khoảng thời gian bốn năm dài đầy cam go, ba chúng tôi Trung, Hương và Uyên chăm chỉ học hành cùng với các cousins mới qua từ Việt Nam. Ba mẹ tôi mỗi cuối tuần về Ottawa thăm tôi trong căn nhà townhouse của

ba người Dì độc thân sống với nhau như trong tu viện. Mấy Dì chăm sóc cho tôi từ miếng ăn giấc ngủ giống như lúc tôi còn bé, dì Ba nói lúc con 3 tuổi dì đưa con qua lớp vườn trẻ rồi ngồi trước cửa lớp cho con yên tâm chờ đến lúc hết giờ rước về, vậy mà tôi không nhớ gì hết.

Những ngày lễ Tết hay sinh nhật thân nhân, gia đình chúng tôi tụ họp quây quần bên nhau ăn uống nói cười vui vẻ. Có thể nói đó là những năm tháng hạnh phúc nhất của đời tôi.

Từ North Carolina nước Mỹ, tôi định về thăm quê Ottawa, Canada dịp lễ Tạ Ơn năm ngoái nhưng lúc đó tôi bị thuốc hành, sức khỏe yếu và mệt vì căn bịnh ung thư phổi. Lúc ấy suy nghĩ bi quan tưởng tượng mình sẽ không qua khỏi nên muốn về thăm thân nhân trước khi quá muộn. Tôi còn nói với chồng tôi : «Nếu em có mệnh hệ nào anh đưa em về an nghỉ gần mộ thân nhân ở quê hương Canada» . Nhờ ba mẹ, thân nhân và bạn bè thân hữu xa gần cầu nguyện và đức Mẹ nhận lời nên bịnh tình của tôi thuyên giảm đủ sức di hành một chuyến đi xa. Cám ơn tất cả mọi người đã cầu nguyện cho tôi.

Tôi cảm thấy nao nức khi về thăm quê lần này. Vừa đến phi trường Ottawa đã thấy cô Ánh và cousin Lisa tươi cười chào đón hỏi thăm chuyến đi. Chúng tôi về nhà cô Ánh, dì Năm ra tận cửa ôm hôn tôi hỏi thăm sức khỏe, tôi nói với dì Năm : «Con bị ung thư phổi» , Dì năm an ủi tôi và nói sẽ tiếp tục cầu nguyện cho tôi lành bịnh» , cô Ánh và mẹ tôi bận bịu lo chuyện ẩm thực, cơm tối cho 8 người đã chuẩn bị sẵn.

Nghỉ ngơi lại sức, hôm sau đến thăm nhà cousin Yến Nhi và Khôi, con gái lớn cậu mợ Tư, cousin Dũng & Bảo Ngọc và 3 con, cousin Ngọc Nhi & Minh với con gái đầu lòng, vài năm gặp lại thêm vài công dân Canadian tí hon «mới ra lò» góp mặt. Đại gia đình cậu Tư và con cháu dâu rể đến tề tựu sum họp buổi cơm chiều thân mật, gia chủ đãi Phở truyền thống, cousins hàn huyên hỏi thăm nhau sức khỏe, việc làm, con cái v. v, con gái lớn Yến Nhi có ảnh phóng đại treo trong phòng ăn ai cũng tưởng là Yến Nhi lúc nhỏ. Ba tôi khen cô bé tương lai có khả năng dự thi hoa hậu. Cậu mợ Tư gặp ba mẹ tôi nói chuyện về cố hương Việt Nam và thời sự, cousins thì tiếp chuyện với chúng tôi trong ngôi nhà xinh xắn ấm áp, xem phim, hàn huyên vui vẻ quên hẳn ngoài trời tuyết rơi lạnh lẽo, nhớ lại cảm giác mùa đông Ottawa mà tôi đã sống qua nhiều năm trước đây gợi nhớ trong tôi bao kỷ niệm êm đềm thời thơ ấu.

Một ngày nữa qua mau, đại gia đình mười một người lớn bé đi Lễ đêm Noel ở nhà thờ trường trung học công giáo gần nhà và về nhà cô Ánh ăn tối gà tây chuyện trò vui vẻ, chỉ cần lay quay nấu nướng dọn dẹp bên nhau cũng đủ ấm lòng giữa mùa đông băng giá tuyết rơi.

Chiều ngày 25, chúng tôi đến nhà thăm bà và cậu mợ Hai cùng đại gia đình sum họp trong tiệc mừng lễ Chúa giáng sinh. Cousin Hằng & David có 2 con trai lái xe về từ New Jersey nước Mỹ; Cousin Hạnh & Luật và hai con gái; cousin Hân & Trị cùng hai con trai cùng đến góp mặt chung vui, mọi người ăn uống chuyện trò vui vẻ không khí ấm cúng thật hạnh phúc mà chúng tôi mong đợi được dự phần.

Cậu hai Tân vui tánh hay gọi tôi là bé Uyên và là người bạn tri kỷ với ba tôi mỗi khi hai người gặp nhau nhắc về cố hương với bao kỷ niệm trong quân ngũ. Nghe nói cậu hai Tân đã trải qua 9 năm lưu đày nơi vùng rừng núi Việt Bắc Hoàng Liên Sơn. Hai người nhâm nhi cụng ly trong những buổi tiệc mừng hạnh ngộ đoàn viên mỗi lần ba mẹ và gia đình tôi về thăm bên cạnh tiếng cười nói rộn rã xôn xao của các con, cháu dâu, cháu rể, các cháu nội ngoại, bốn thế hệ sum họp hân hoan mừng Chúa giáng sinh.

Gia đình anh chị em bà Florie người gốc Ấn Độ mời chúng tôi một bữa tối thân mật, người anh rể đã nghỉ hưu ông kể chuyện nuôi bồ câu đua và người em trai là nghệ sĩ điêu khắc chim bằng gỗ rất đẹp. Cả nhà tiếp đãi ân cần lịch sự vì thương mến dì Năm và cũng là những người bạn nhà thờ của ba bà dì tôi từ nhiều năm qua.

Chuyến đi cuối năm rời Ottawa đến thăm Montréal gặp cousin Allan Lê Minh & Lang, vì xe thuê không đủ chỗ, Ba tôi đi xe bus Greyhound ghé thăm một ông bạn học và người ở lại một đêm tâm sự với bạn học cố tri lúc nhỏ học cùng lớp tiểu học và trung học với nhau nơi quê cũ Bà Rịa. Sáng hôm sau chúng tôi đến đón ba, mẹ tôi ghé nhà chào vợ chồng ông bạn của ba tôi. Sau khi chào tạm biệt gia chủ, cả nhà đi Lễ nhà thờ cầu nguyện xin Thánh Joseph và André ban phước lành cho tôi mau lành bịnh và cho tất cả thân nhân, bạn bè được bình yên và sức khỏe tốt, chúng tôi về nhà dùng cơm tối với vợ chồng cousin Allan thật vui vẻ.

Dì Dượng Tư từ xứ Pháp bên trời u cũng không quên gọi thăm gia đình chúng tôi và nói chuyện rất lâu với mọi người.

Ngủ nhờ qua đêm sáng hôm sau chúng tôi mời Allan & Lang đi ăn sáng tiệm Huế tại thành phố Montréal, thức ăn rất ngon miệng, rồi chia tay hẹn ngày tái ngộ.

Hai hôm sau chúng tôi ghé lại nhà cậu mợ Hai khi được mời dùng cơm tối. Tôi thật cảm động và ngạc nhiên là cousin Hương đón tôi khi cửa mở. Chúng tôi ôm hôn nhau vui mừng khôn tả hỏi han ríu rít, Hương đã không ngại đường xa ngàn dặm bay về Ottawa, Canada từ Portland, Oregon nước Mỹ thăm bà nội và ba mẹ cùng các chị em và thân nhân và thăm tôi, để chồng và ba con nhỏ mà đi một mình (Hôn phu của Hương làm Manager cho hãng Intel Corp) ; Cousin Trung cũng không quên gọi điện thoại hỏi thăm bịnh tình của tôi từ Vancouver, Canada. (Trung có một gái, một trai, vợ là bác sĩ Nhi Đồng) .

Đầu năm 2014 là con trai cậu Út, Timmy cùng gia đình vợ con lái xe từ Kitchener, Toronto về thăm em gái Lisa Phan và mẹ Ánh; dì Năm và gia đình tôi tạm trú nhà Cô Ánh hai tuần để có dịp hàn huyên tâm sự và thăm viếng thân nhân xa gần.

Cám ơn Cô Ánh và Lisa đã ân cần tiếp đãi. Ba mẹ mời mọi người ăn sáng tại nhà hàng điểm sâm, sau đó tôi và chồng con cùng gia đình Timmy không ngại trời tuyết rơi giá băng đến nghĩa trang thăm mộ ông Ngoại, dì Hai, dì Ba cậu Út nhưng không vào được vì đường ra mộ bị tuyết ngập chưa làm sạch tuyết.

Các cousins của tôi bây giờ đều có gia đình, việc làm tốt, nhà cửa và con cái giống như những «đóa hoa đời» đang độ xuân thì, ngào ngạt hương thơm, nở hoa rực rỡ đủ màu trên cánh đồng cỏ xanh ngút ngàn của xứ lạnh tình nồng Canada.

Muôn vàn cám ơn Bà, năm nay tuổi thọ trên cửu tuần còn nhớ cho quà các cháu. Bà là người mẹ can đảm trong nghịch cảnh rất đáng kính phục. Bà may mắn có cậu mợ Hai chăm sóc mẹ chu đáo làm gương cho con cháu, trả hiếu là văn hóa truyền thống cao đẹp của người Á Châu. Ba mẹ tôi rất cảm phục và khen cậu hai Tân là «Nhị Thập Ngũ Hiếu «(là người con có hiếu thứ 25th thời nay, theo chuyện xưa tích cũ đã có ghi 24 người con hiếu thảo với cha mẹ) .

Cám ơn Dì Dượng Tư từ nước Pháp gọi điện thoại hỏi thăm, con cậu Sáu, anh Chín từ Việt Nam gọi hỏi thăm và an ủi mẹ tôi. Cám ơn Dì Năm không ngại tốn kém quà cáp cho các cháu, cám ơn cậu mợ Hai, cậu mợ Tư, cám ơn Yến Nhi và Khôi tiếp đãi thân tình và cám ơn cousins bỏ thì giờ quý báu cùng con nhỏ đến dự tiệc chung vui hạnh ngộ sau ba năm xa cách, mỗi lần về thăm quê gặp nhau lần nào cũng cho tôi tình thương ấm áp.

Cám ơn Dì Mười đã đến thăm ba mẹ tôi và tôi tại nhà ở Raleigh, North Carolina, hè năm ngoái; đã bao lần lo lắng gọi điện thoại từ bang Georgia hỏi thăm sức khỏe của tôi và cầu nguyện cho tôi lành bịnh. Không quên cám ơn Dì Dượng Châu & Alan trước cảnh tử biệt sinh ly đã cầu nguyện cho tôi. Tôi cũng không quên cám ơn Chú mười Hà đã lái xe từ Jacksonville Florida lên thăm tôi và cousin Phạm Hữu Tín và hôn thê từ Pendleton, Florida lái xe lên thăm Uyên tháng 8 năm ngoái ôm hôn nói lời chào vĩnh biệt trước khi chia tay vì biết không còn dịp gặp lại tôi nữa !

Tôi sẽ giữ mãi trong tim tình thương của thân nhân xa gần làm hành trang trong cuộc sống ngắn ngủi dù không biết mai đây với căn bịnh ung thư hung hiểm tôi có còn dịp nào gặp lại thân nhân nữa hay không.

Không quên cám ơn bạn bè Mỹ và Việt xa gần và các bạn con trai lớn của tôi trong hội Hướng Đạo Sinh người Mỹ, các bạn Mỹ, Việt đã thư từ điện thoại thăm hỏi bịnh tình của tôi luôn. Dù nay đã cách xa, các bạn đồng nghiệp cũ công ty Citrix người Mỹ của tôi ở bang Florida quyên góp cho tôi hiện kim sau khi hay tin tôi ngã bịnh đang tạm nghỉ làm việc không lương tại nhiệm sở mới tại Raleigh, North Carolina. Ai nói người Mỹ vô tình ?

Các bạn Việt Nam có Loan, Mỹ Châu, Mỹ Hằng, Mỹ Quan từ Florida nhờ các linh mục bà con cầu nguyện cho tôi. Các vị bà con bạn bè của ba tôi từ Texas, California nước Mỹ và Montréal, Canada cũng đã gửi quà và góp lời cầu nguyện cho tôi mau bình phục. Cám ơn Cô năm, chú bảy, chú thím tám, chú thím Út và em Kim- Thư con chú Út đã viết thư từ Việt- Nam an- ủi và cầu nguyện cho tôi mau khỏi bệnh.

Cuối cùng, xin cám ơn Ba Mẹ yêu quí của tôi đã thương yêu và giúp đỡ gia đình tôi chân tình trong sinh hoạt mỗi ngày. Mẹ tôi kể lúc tôi sinh ra thì ba tôi thỉnh thoảng về thăm tôi đôi ngày rồi ra chiến trận, những lần thăm lâu hơn một tuần là lúc bị thương trận về trị thương tại nhà thương quân đội Cộng Hòa tại Saigon và lần sau cùng tháng 4 năm 1975 Ba tôi bị thương và sau đó là những ngày lưu lạc vong quốc.

Tôi được mẹ và mấy dì nuôi dưỡng ở Tân Định Sài Gòn. Có lần ba về phép, ba mẹ và tôi về thăm bên nội quê Bà Rịa có núi cao, cây xanh, sông dài, có đồng ruộng chim muông, gia súc, trong sân nhà nội có đàn gà chạy nhảy tung tăng khiến tôi sợ hãi. Sau này khi tôi khôn lớn, ba nhắc lại chuyện «sợ gà» của tôi ai cũng cười. Đó là nơi ba tôi được sinh ra và học hành khôn lớn cùng bạn bè, ba nói dù xa quê vẫn luôn nhớ về làng

quê nghèo có tên là Long Hương.

Là đứa trẻ đã rời bỏ Việt Nam từ năm 4 tuổi, tôi thiển nghĩ nơi nào có tự do, con cháu nương náu học hành và sống tốt, nơi nào có thân thân, có tình thương, nơi nào có tình người chân thành, bạn bè quý mến thì nơi đó là Quê Hương của mình.

Đoạn Kết

Một sáng thức dậy trễ không nhớ mình đang ở nơi đâu ? Thì ra tôi đang ở nhà ba mẹ tại Raleigh, thủ phủ xứ North Carolina miền trung nước Mỹ.

Dần dà, tôi nhớ thêm hôm nay mình có công việc đặc biệt để làm. Đó là việc viết thiệp kỷ niệm ngày cưới năm thứ 43 của ba mẹ tôi :

«Ba Mẹ Thương mến,

A lifetime of love... that's what you've given me. A lifetime of knowing I was cared about, supported in my dreams, and wished every happiness. What a wonderful gift I've carried with me wherever I've gone... It's impossible to list all the ways such love and security have made a difference in my life.

Hope both of you know that a world of thanks is yours today for everything you've done for me... and for your wonderful example of what love truly means.

Happy Anniversary.

Chúng con chúc Ba - Mẹ nhiều hạnh phúc, mạnh khỏe và ngày anniversary vui vẻ. Chúng con cám ơn Ba, Mẹ nhiều lắm.

Ký tên : Kim Uyên, Calvin, Curtis, Krista, Katelyn & Caleb

Mang tấm thiệp bước qua phòng ba mẹ, tôi mỉm cười nói «Chúc mừng kỷ niệm ngày cưới.» Ba mẹ tôi đang đọc kinh... nhận thiệp với nụ cười cám ơn, lòng tôi tràn ngập niềm vui. Nhìn ra ngoài song cửa khu phố núi cao, nắng hồng rực rỡ đang sưởi ấm rừng cây mùa đông trụi lá trơ cành trước nhà, tôi chợt nhận ra mình cũng giống như thân cây khẳng khiu đang chờ mùa xuân đến.

Đám cây tội nghiệp không lâu sẽ đâm chồi nở hoa vào mùa xuân tới nhưng còn thân tôi có lẽ sẽ đón xuân nơi «Quê Trời» xa vời, nơi không còn oán thù mất mát khổ đau. Tôi tin Chúa sẽ đón tôi Về Quê trong vòng tay thương yêu của Ngài với trái tim nhân hậu...

Raleigh, North Carolina ngày 17 January 2014.

Vũ Thị Kim- Uyên

Mẹ Bỏ Con

Võ Văn Tùng

Bác sĩ Võ Văn Tùng, chủ tịch Hội Thân Hữu Huế-Thừa Thiên, chủ biên tập san Nhớ Huế, là người đã dành cho giải thưởng Việt Báo nhiều hỗ trợ từ những năm đầu tiên. Sau đây là một truyện ngắn đặc biệt của ông, bắt đầu từ tháng Ba 1975, khi Ban Mê Thuột thất thủ.

Tháng Ba năm ấy tình hình chiến sự vùng 2 chiến thuật vô cùng sôi động, khiến cho tinh thần dân chúng địa phương căng thẳng. Địch đang cố dương đông kích tây với mục đích đưa quân đội miền Nam vào mê hồn trận, không biết đâu là diện, đâu là điểm. Qua tin tức tình báo, Ban Mê Thuột có thể là dứt điểm của cuộc tấn công một mất một còn sắp xảy ra, nhưng Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II không tin cuộc bày binh bố trận lại giản dị như vậy nên nghiêng hẳn trọng tâm phòng thủ về phía Pleiku, bỏ hở Buôn Ma Thuột.

Tỉnh lỵ có vị trí chiến lược quan trọng nhất nhì vùng cao nguyên bị lọt vào tay địch trong những ngày đầu tháng 3, 1975. Tiếp theo là quyết định liều lĩnh của một số tướng lãnh mở một tử lộ kéo quân về miền duyên hải, một con đường dài đặt tên số 7 đầy gian nan và

nguy hiểm đem lại biết bao tang tóc, đày đọa, đau khổ tận cùng cho đoàn người di tản.

Trên con đường chạy giặc này, Ngọc với hai con là Duyên, 4 tuổi và Tammy 6 tháng, may mắn được người quen nhường cho một chỗ trên chiếc xe Dodge 4 của một đơn vị tiếp vận. Qua ngày thứ hai xe bị hỏng máy, Ngọc phải tay bồng tay bế dẫn con chạy bộ theo đoàn người tị nạn... Qua đến ngày thứ ba, bé Duyên đuối sức, vừa khóc vừa nói :

«Con muốn về nhà ! Con khát nước, đói bụng. Con không muốn đi nữa.»

Tình hình chiến sự bỗng hết sức nghiêm trọng. Địch bắt đầu pháo vào giữa đoàn người di tản gây nên một sự hỗn loạn kinh hoàng. Những tiếng la hét, rên xiết của những người bị trúng đạn vang dội cả khu rừng. Trong thoáng chốc Ngọc lạc mất Duyên, đứa con gái đầu lòng. Vừa khóc vừa kêu cứu, Ngọc cố chen lấn lên phía trước để tìm con, nhưng sức người có hạn, nàng không thể vượt qua được chướng ngại biển người. Mất Duyên trong nháy mắt, Ngọc ôm chặt bé Tammy vào lòng. Tammy đang khát, nút mãi hai bầu sữa đã cạn queo.

Những lúc hết pháo kích, máu ngưng đổ thì một số người lại bị ngất xỉu vì cơn nắng chói chang và đói khát. Số đông lùi vào phía trong tìm bóng cây nghỉ chân, uống nước cầm hơi để tiếp tục đi nốt đoạn đường hứa hẹn đầy gian khổ.

Đồi núi cao nguyên chập chùng. Xa xa một vài vệt khói trắng vươn lên từ những túp lều tranh thô sơ của một buôn Thượng chứng tỏ quanh đây vẫn còn có sự sinh hoạt. Ngọc nhìn theo những luồng khói ấy chợt tìm ra một tia hy vọng. Trước đây chị đã từng làm ăn buôn bán với đồng bào thiểu số, biết nói chút ít tiếng Thượng trong khi giao thiệp, thấy họ cũng có con cái đi theo từng đoàn.

«Trong lúc tứ cố vô thân, đói quá không biết nhờ ai, hai mẹ con sẽ thế nào cũng chết hết, chi bằng mình nhờ người Thượng nuôi con dùm rồi sau này nhờ trời quân ta tái chiếm được tỉnh lỵ mình sẽ trở về tìm họ xin nhận con lại» .

Như thấy được ánh sáng cuối đường hầm, Ngọc quyết định tách rời khỏi đám đông, một mình bồng con theo đường mòn nhỏ dẫn lên triền núi... Đứa bé vẫn tiếp tục ngoạm đầu vú mẹ, nút mãi không muốn rời ra. Đến lúc đôi chân của Ngọc hết lê nổi, hai mẹ con đành nằm lăn ra đó và thiếp đi dưới tàng cây cổ thụ.

Sáng hôm sau mặt trời vừa ló dạng, ánh sáng ban mai xuyên qua cành lá đánh thức Ngọc dậy. Liếc nhìn đứa bé hai dòng máu tóc vàng, mũi cao, mắt xanh đang thiêm thiếp ngủ, Ngọc thấy thương con vô cùng. Trong giây phút khủng hoảng tinh thần tột độ nàng đi đến một hành động táo bạo, cởi chiếc áo dài đang mặc, nhẹ nhàng quấn tròn theo thân hình nhỏ bé của con rồi bồng nó đặt bên gốc cây cạnh đường mòn dẫn tới buôn của người Thượng. Nàng chắp tay lâm râm khấn vái, cầu sao cho có người qua đường nhìn thấy lượm về nuôi. Phần mình, Ngọc vừa khóc vừa cố lết ra khỏi bìa rừng mong gặp người cứu giúp.

Từ đó không ai biết Ngọc còn sống hay đã chết bụi chết bờ.

Trong túp nhà sàn, một ông già nước da đen sạm nắng với nét mặt khắc khổ, đầu tóc bạc phơ ngồi giữa, hai bên là hai người cao niên khác, khố đóng quanh lưng. Phía trước họ là một cô gái quỳ gối, hai tay vòng trước ngực. Giọng ông già sang sảng, bằng tiếng Thượng đại ý :

«Ta lượm được con ở bìa rừng, đặt tên con là Nay Lin. Lúc ấy con chừng năm sáu tháng, còn đỏ hoe. Ta nuôi con đã được 13 năm chẵn. Các vị bô lão định đuổi con ra khỏi buôn nhiều lần rồi, nhưng vì quá thương

con nên ta đã tìm cách nấn ná, giữ lại. Hôm nay ta phải dứt khoát với con.»

Nghe lời, Nay Lin tỏ ra bối rối vì sự việc xảy ra quá đột ngột. Em không biết vì sao mình sắp bị đuổi ra khỏi buôn làng. Suốt trong 13 năm liền, Nay Lin là một cô gái Thượng nề nếp, gương mẫu. Khi chưa đủ sức đi làm rẫy, em đã cố gắng quán xuyến công việc nhà được giao phó như nấu cơm, rửa chén, dọn dẹp. Hàng ngày, cứ đúng giờ ngọ, trai tráng trong làng tụ tập tại một ngôi nhà công cộng gọi là «nhà Rông» , ăn uống thô sơ cơm với muối thêm chút thịt rừng. Buổi tối họ tụ tập la hét múa may vui đùa chung quanh bếp lửa hồng. Tuy sống và lớn lên ở rừng núi, dầm mưa dãi nắng, nước da bị rám sạm nhưng không đen như những cô bé gái khác. Nay Lin được nhiều bạn trai ngấp nghé, đến nay chưa ai lọt vào mắt xanh của em. Em không có của cải, cần phải làm việc nhiều hơn nữa mới đủ vốn liếng lấy chồng. Nay Lin phải nghe lời chỉ dẫn của «Ông già Làng» . Trong buôn, ông là «Ông già» đứng đầu có nhiệm vụ phân phối công việc cho mỗi người, kẻ đi đốt rừng làm rẫy, trồng lúa, nhổ sắn, kẻ khác đi bẫy thú rừng, người ở nhà đan và dệt. Cho đến hôm nay, Nay Lin chưa làm một điều gì trái ý ông già để phải bị đuổi nhục nhã như thế này.

Đang còn thắc mắc thì Nay Lin được Ông già giải thích rõ ràng :

«Con không phải là người Gia Rai. Con là người Kinh. Ta biết trước sau gì con cũng bỏ buôn mà đi. Con sẽ phản ta, chi bằng ta đuổi con trước để sau này ta khỏi phải hối hận và đau khổ.»

Nay Lin ngạc nhiên hỏi lại :

«Già ơi, con là người Kinh thật sao ?»

Ông già trả lời :

«Đúng như vậy. Con là người Kinh, con không thể sống với người Gia Rai mãi. Ta sẽ cho người chỉ đường để con trở về Kinh sống với họ.»

Nay Lin lắc đầu :

«Con không tin. Có phải ông già không còn thương con nên không cho con ở nữa.»

Ông già thở dài, tránh nhìn vào đôi mắt đẫm lệ của đứa con gái mà ông đã nuôi, đã thương yêu như con ruột. Lần đầu tiên ông tâm sự :

«Ta thương con vô cùng nhưng luật lệ ở buôn này đặt ra như vậy, ta đành chịu thua.»

Nay Lin ôm mặt khóc nức nở :

«Ông ơi, con còn nhỏ lắm. Ông đuổi con đi rồi con sẽ ở với ai và làm chi để sống. Con sợ lắm. Con thương ông già nhiều lắm. Con muốn ở gần ông mãi mãi»

Ông già vẫn quay mặt đi. Ông sợ phải lạc lòng lần nữa.

Xã hội người Gia Rai cũng có tôn ti trật tự, có tục lệ đặt ra. Họ theo chế độ mẫu hệ, con cái lấy họ mẹ. Đàn bà mang thai khi sinh đẻ tự ra bờ suối lo liệu một mình. Sinh con xong người mẹ tự lôi cái nhau ra, cắt rốn, đem con xuống suối tắm nước lạnh. Đứa nào chịu được thì sống, đứa nào lỡ chịu không nổi thì chết và bị đem chôn không chút thương tiếc. Trong đời sống lạc hậu này, người con gái phải ra sức lao động để nuôi thân và tằn tiện dành dụm để mua lễ vật cưới chồng. Con gái hễ thích người nào thì tự do chọn lựa không cần thưa với cha mẹ, chỉ nói cho Ông Già Làng biết, rồi theo sự đòi hỏi của nhà trai, nạp đủ lễ vật là cưới được chồng. Con gái mười ba tuổi đã có thể cưới chồng được rồi. Nay Lin cũng vậy, nếu không có gì thay đổi thì chồng nàng sẽ là một thanh niên trán thấp, cằm vuông, hàm răng trên bị cà sát nướu, nước da sạm nắng đen thui với những bắp thịt rắn chắc, chiếc khố quanh lưng và cái rựa cầm tay. Ngôn ngữ của họ không được phát triển

nhưng chuyện trai gái gặp nhau, thương nhau là bản tính trời cho, không cần ai dạy vẽ.

Ở trong buôn, Nay Lin được mọi người mến chuộng vì em rất dịu hiền. Bất thình lình bị đuổi ra khỏi buôn Thượng, Nay Lin sợ hãi lắm. Em chỉ còn biết khóc lóc, năn nỉ lạy lục ông già. Nhưng cả ba người, ông già và hai phụ tá vẫn một mực lắc đầu.

«Ta không thể làm gì hơn được. Ta đã chọn hai con gà thật to cho con làm của. Ngày mai thằng Y- Blam sẽ đưa con xuống núi và chỉ đường cho con về Kinh.»

«Con không phải người Kinh. Con không phải...»

Nay Lin òa khóc và đâm đầu chạy vào trong rừng. Nó bất kể gai đâm cành vẹt, cứ chạy và chỉ dừng lại khi gặp một giòng suối chặn ngang. Nay Lin ngồi bệt xuống bên giòng nước và tiếp tục khóc. Không bao giờ nó muốn xa bản làng, buôn Thượng. Mẹ nó, người đàn bà «Thượng» hay «Kinh» gì đối với nó cũng không quan trọng bằng ông già đã nuôi nó lớn. Nó còn nhớ, một lần vào năm tám chín tuổi gì đó, một hôm nó thấy hai mẹ con người thượng trong nương rẫy ở sườn đồi. Đứa con gái hái hoa dại đưa cho mẹ. Bà mẹ lấy hoa kết thành một vòng đeo quanh đầu con rồi âu yếm ôm con gái vào lòng, Nay Lin đứng nhìn sững, rồi nó về hỏi ông già :

«Ông già ơi, con có mẹ không ?»

«Không. Con không có. Người mẹ đó đã bỏ con.»

«Bỏ con. Tại sao lại bỏ con ?»

Nay Lin dụi đầu vào lòng ông già kêu lên. Bàn tay khô cằn của ông vuốt lên mái tóc hoe vàng mịn màng của nó :

«Mẹ con đã chết. Chết mới bỏ con. Ta là người nuôi con.»

Người mẹ chết đi mới bỏ con ! Từ đó Nay Lin tin chắc là người mẹ nào đó sinh ra Nay Lin nay đã chết. Vậy còn ông già. Không sinh ra Nay Lin nhưng ông có công nuôi dưỡng. Hồi còn nhỏ, ông già cũng ôm Nay Lin vào lòng, chăm lo khi nó đau ốm, nấu cháo cho nó ăn. Lúc nó ngã té trầy đầu gối, ông già cũng suýt xoa, nhai lá đắp lên vết thương. Nay Lin đau rát, khóc to, ông già dỗ dành, thương mến. Vậy tại sao bây giờ ông già cũng bỏ nó ? Khóc lóc một lúc, nó trở lại căn nhà sàn tìm ông già, nhưng ông đã tránh mặt nó. Bữa đó, ông già đã bỏ đi uống rượu.

Tin Nay Lin bị đuổi ra khỏi buôn và trả về Kinh đã loan khắp làng, trai gái chạy ùa lại thăm hỏi rộn ràng. Ngay tối hôm đó, một buổi lửa trại đã được tổ chức để

tiễn đưa đứa con lưu lạc trở về với nòi giống của nó. Ngay lúc ánh trăng vừa nhú lên, bản làng đã tụ tập đầy đủ, từ người già cả đến đứa bé sơ sinh còn đỏ hoen trên tay, kể cả con chó giữ nhà cũng lăng xăng bên chân người để chờ cơ hội. Nay Lin tuổi còn ngây thơ, buồn đó rồi vui đó. Bên ánh lửa bập bùng soi sáng cả một vùng rừng núi âm u, Nay Lin bị đám trai gái lôi kéo nhập cuộc, nhảy múa điên cuồng theo nhịp điệu của phèn la Gong, Trung và nhạc khí Krong- Put của người Thượng. Một con trâu bị buộc sẵn vào thân cây và một đám thanh niên lực lưỡng, quấn khố với những cánh tay rắn chắc, đã cầm dao đâm tới tấp vào các điểm nhược. Con vật nhảy chồm lên cao, kêu rống tảm thiết. Máu từ cổ vọt ra có vòi. Tức thì nhiều người khác đưa những cái thùng bằng cây vào hứng máu, và những vò rượu trắng được đổ vào hòa với máu trâu. Trên miệng thùng, những cái cần dài được để sẵn, được mọi người thay phiên nhau vừa hút vừa nhảy múa chung quanh vòng lửa đỏ rực. Xác con trâu được mổ ra, thịt được cắt thành từng miếng nhỏ xâu vào que tre đem nướng lên. Bộ lòng đem đổ vào một cái chậu cây lớn, lại những thùng rượu khác được đưa đến hòa với một thứ lá cây đặc biệt làm gia vị. Đây là những món nhắm bổ dưỡng của dân miền Thượng.

«Con lại đây.»

Ông già dân tộc kéo Nay Lin đến bên thùng thức ăn, đích thân ông múc cho Nay Lin một gáo dừa. Mùi lòng non hoi hoi nồng với rượu, Nay Lin làm một hơi sạch láng. Ông già đặt tay lên đầu Nay Lin :

«Ông Giàng phù hộ cho con.»

Theo tiếng Gia Rai tên «ông Giàng» là để chỉ ông Thần Trời đầy quyền uy. Ông già không nói thêm một lời nào, quay lưng rồi biến mất.

Trở lại bên đống lửa, Nay Lin ngửi thấy mùi thịt trâu nướng bốc lên thơm phức. Trai gái lại tiếp tục cầm tay nhau vừa ăn vừa nhảy múa ca hát.

«Ở đây vui quá. Không hiểu ra khỏi buôn có vui như vậy không ?»

Một nỗi buồn thoáng qua làm ủ dột khuôn mặt ngây thơ của đứa con gái sớm dậy thì. Cuộc vui kéo dài đến khuya mới chấm dứt, mọi người lăn ra ngủ.

Sáng sớm hôm sau, khi gà rừng vừa cất tiếng gáy Nay Lin thức dậy đã thấy Y Blam đứng chờ sẵn. Nay Lin ngỏ ý muốn tạt qua nhà Ông già nói vài lời từ biệt. Hành trang vẫn không có gì ngoài cái khố đã phai màu, đan bằng dây gai đánh lại khá mỹ thuật quấn quanh, che chỗ kín của thân thể. Nay Lin là người kinh, có máu lai

Mỹ, nên cao lớn hơn những cô gái cùng tuổi. Nước da trắng, rám nắng, đỏ hồng, ngực để trần với đôi nhũ hoa vừa chớm nhú. Bụng thon gọn lộ chiếc rún tròn và sâu. Với quan niệm của người Thượng, chỉ có một chỗ cần che còn lại bao nhiêu ông trời trên cao sinh sao để vậy.

Ông già ngồi đó, hai hàng nước mắt chảy dài trên má. Thấy Nay Lin, ông xua tay có ý bảo «Hãy đi đi» , rồi ông quay lưng lại không muốn nhìn thấy cảnh biệt ly đau lòng. Kể từ hôm nay ông đã mất đứa con nuôi mà ông hằng thương mến như con ruột. Ông bị áp lực phải đuổi Nay Lin ra khỏi buôn chứ trong thâm tâm ông không muốn làm như vậy. Nay Lin buồn bã, theo Y Blam từ từ đi xuống núi. Từng bước chân trần đạp trên cỏ khô nghe rào rạt, vang dội trong khu rừng tịch mịch.

Nay Lin chưa hề đi xa, nên cứ một đoạn, nó quay lại nhìn cho tới khi buôn làng hoàn toàn chìm khuất phía sau rừng sâu. Nó lầm lũi bước theo người bạn trai xuyên rừng vượt núi. Gặp con suối nhỏ nước sâu Nay Lin không lội qua được, Y Blam đành phải cõng cô gái trên lưng. Sự cọ xát của đôi ngực trần với làn da của người khác giống lần đầu tiên trong đời, em thấy một cảm giác kích thích mới lạ chạy rần khắp người làm nguôi đi sự luyến tiếc bản làng. Nay Lin vui cười hớn hở, đưa tay khuấy nước chung quanh, đùa nghịch, tát

ngược nước vào mặt cả hai người làm cho họ cùng cảm thấy mát mẻ, khỏe khoắn.

Ra khỏi khu rừng, hai người men theo đường cái mà đi. Qua một đoạn đường dài Y Blam dừng lại đưa tay chỉ về phía có mấy nhà ngói mãi tít đằng xa và ra hiệu cho Nay Lin, ý nói hãy tìm về nơi ấy. Y Blam cầm tay người bạn gái nói vài lời từ biệt rồi xoay lưng theo con đường cũ trở lại buôn.

«Y Blam !»

Nay Lin kêu lên. Y Blam quay lại, đưa tay ra dấu cho Nay Lin đừng tới gần. Rồi anh đâm đầu chạy, Nay Lin chỉ còn nhìn thấy cái lưng trần, thoáng chốc đã biến mất vào khu rừng lá bên đường. Y Blam đi rồi, Nay Lin ngớ ngẩn nhìn về phía núi. Buôn làng đã xa lắm, vì Ông già đuổi mình, không nuôi nữa, Nay Lin nghĩ vậy đành lủi thủi bước tới.

Ra đến đường cái, đi một đoạn gặp một trạm xe buýt thì Nay Lin dừng chân lại, em thấy nhiều người đứng chờ. Lần đầu tiên gặp người Kinh, Nay Lin ngạc nhiên thấy họ ăn mặc kín đáo, không để lộ phần trên thân thể như em, lại còn trố mắt nhìn em nữa. Không phải họ chưa từng nhìn thấy ngực trần của người Gia Rai, nhưng người Gia Rai có giòng máu lai thì đây là lần

đầu. Rồi một chiếc xe hàng chạy tới, đậu lại. Mọi người vội vã leo lên. Không hiểu sao em cũng leo lên theo. Xe chạy vào tỉnh lỵ, em say mê chăm chú nhìn cảnh vật lạ mắt chung quanh. Xe ghé qua nhiều trạm, kẻ lên người xuống Nay Lin vẫn không để ý.

Đến trạm cuối cùng xe dừng lại nhưng em vẫn ngồi yên trên xe, không dám bước xuống. Người tài xế tưởng cô gái Thượng đi lạc, ra dấu hỏi nhưng em lắc đầu. Nay Lin hoàn toàn không hiểu người đàn ông nói gì, em hành động như một người câm, dơ tay chỉ vào núi, vào mình, vào hai con gà rồi chỉ vào chợ. Người tài xế không tài nào hiểu được ý em.

Trời đã xế trưa. Người tài xế ra dấu ý muốn mời cô gái Thượng xuống xe và ra dấu đòi tiền. Nay Lin ngơ ngác lắc đầu, nhưng rồi cũng đưa cho anh ta một con gà. Thấy người con gái Thượng thật thà, dễ thương, người tài xế không nỡ lấy con gà lại còn đích thân dẫn cô bé gái vào trong chợ, nhờ mấy người quen giúp đỡ. Bạn hàng tưởng cô gái người Thượng đem gà đi bán vội vây quanh đòi mua. Hoàn toàn không biết tiếng kinh, Nay Lin lại đưa tay ra dấu chỉ về phía núi, vào mình, rồi chỉ mấy người đang xúm xung quanh, hai tay nắm chặt lại với nhau như muốn nói : «Tôi cũng là người Kinh giống như mấy bà.»

Không ai đọc nổi ý nghĩ đó, nhưng mọi người đều đồng ý một điểm là có một cô gái Thượng, nước da khác thường, ham vui chơi bị lạc đường và không muốn trở về rừng... vì khi người ta ra dấu ngỏ ý muốn chỉ đường cho em trở về buôn Thượng thì em lắc đầu quầy quậy.

«Ông cho con hai con gà làm của. Khi nào cần mới được bán.»

Tiếng ông già còn văng vẳng bên tai. Ông còn dặn dò nữa : «Phải giữ hai con gà này cho thật kỹ, đừng để người ta ăn cắp.»

Nay Lin ôm chặt hai con gà.

Pleiku, Kontum là hai thị xã có sự tiếp xúc và làm ăn với người Gia Rai nhiều hơn các tỉnh khác. Có những đại đội địa phương quân toàn là người thiểu số. Người Thượng sống riêng biệt, xa thành thị, thường ngày đem quế, lan rừng, ngũ cốc xuống phố đổi lấy mền, phèn la, muối, đồ khô...

Trời về chiều mà cô bé vẫn ngồi nhìn cảnh vật rộn rịp xung quanh, thỉnh thoảng nhỏen miệng cười một mình. Nay Lin nô nức thấy cảnh chợ búa đông vui. Đến khi đêm xuống, chợ trống trơn, không còn hình bóng một ai, em mới nhớ buôn làng, nhớ ông già, nhớ Y Blam,

nhưng vì qua một ngày đi đường mệt mỏi, mới đặt mình xuống chiếc sập gỗ dài giữa chợ em đã ngủ một giấc ngon lành. Khi tiếng gà bắt đầu gáy sáng, Nay Lin theo thói quen vùng dậy làm công việc nhà. Nhìn quanh chẳng có ai, cảnh vật khác lạ, em đâm ra hoảng sợ. Tuổi nhỏ không biết sẽ phải đối phó làm sao trong hoàn cảnh hiện tại, em ngồi co ro trong mép sạp chờ trời sáng hẳn.

Bà con ra chợ dọn hàng từ sáng sớm, Nay Lin vẫn ngồi đó. Thấy cô gái Thượng dễ thương, tội nghiệp, người này đãi em tô bún, kẻ khác cho em cái bánh. Ăn món gì Nay Lin cũng thấy lạ miệng. Mấy ngày sau, bạn hàng thấy Nay Lin vẫn ngủ trong chợ, không còn ai thắc mắc nữa, và nghĩ rằng : «Cô gái Thượng đi lạc ham vui, không chịu về nhà nữa.»

Tội nghiệp Nay Lin, sống giữa thiên nhiên quen rồi, mấy ngày đầu, em bị bọn thanh niên lợi dụng sờ mó. Nay Lin không biết mắc cỡ, chỉ nhỏen miệng cười. Duy cái khố, Nay Lin không cho ai đụng đến vì ông già đã căn dặn :

«Con phải cột cho chặt, như vậy không ai hãm hiếp con được.»

Ở trong Buôn, Nay Lin sống lủi thủi trong căn nhà Rồng công cộng, ăn uống cơm nước tập thể. Nay Lin

sớm biết thân phận côi cút, thường thơ thẩn rong chơi một mình, khi thì ra tắm ở bờ suối, khi thì đi bẫy thú hoang trong rừng. Cuộc đời trầm lặng của người con gái Thượng tưởng đâu được an bài như vậy, không ngờ bây giờ phải sống trong một xã hội mới xa lạ, đầy hiểm nguy đang chờ đón.

Cũng may, mấy bà bạn hàng rất thương mến Nay Lin, ra sức bảo vệ. Họ đã chửi như tát nước vào bọn đàn ông lợi dụng cơ hội sờ mó cô gái Thượng. Bọn thanh niên du đãng tìm đủ mọi cách để trêu chọc, không bỏ dịp đụng chạm vào thân thể cô gái. Sau đó, bà bán bún cho Nay Lin cái áo mặc che ngực, bà bán vải cho cái quần. Lúc đầu mặc vào Nay Lin thấy ngứa ngáy khó chịu, dần dần rồi cũng quen đi. Em đã bán bớt một con gà để mua cái mền và một chiếc chiếu cũ.

Cô gái Thượng nhận sự bố thí của mọi người trong chợ, sau đó qua sự giúp đỡ của mấy bà bán hàng, Nay Lin được huấn luyện làm những việc thông thường để đổi lấy miếng cơm manh áo như giúp dọn hàng bỏ vô thùng hay lấy hàng từ thùng ra sắp xếp trên bàn. Em cũng đã học được vài tiếng Kinh thông thường.

Bây giờ trước mặt Nay Lin là một xã hội văn minh. Bất cứ chuyện gì đối với cô gái cũng là điều mới lạ. Từ ăn uống đến trang phục. Từ tiếng nói đến nụ cười. Hình

như ở đây người ta cười nói nhiều hơn.

Thấm thoát sống lay lắt trong lòng chợ hơn một năm, Nay Lin được một bà bán hàng lớn tuổi đem về nuôi với ý đồ gả em cho cậu con trai của bà đang mang bệnh tâm thần. Nay Lin ngây thơ không biết âm mưu của người đàn bà này nên nhận lời. Em được cho tiền bạc, quần áo mới để chịu làm vợ người thanh niên, nhưng ở trong gia đình này, em bị đối xử tàn tệ, hằng ngày phải làm công việc nặng nhọc. Ngoài ra em còn bị chê là người Thượng dơ bẩn, không cho ăn cùng mâm. Nay Lin cảm thấy bị kỳ thị, lại không chịu đựng nổi công việc nhọc nhằn nên bỏ về sống trong lòng chợ trở lại.

Sống lang thang, nhiều lúc Nay Lin cũng nhớ tới buôn làng, nhớ ông già, nhớ chàng trai Y Blam đã dẫn mình xuống núi. Một vài lần nữa, em nhẹ dạ bị dụ dỗ vì thèm khát một cuộc sống gia đình, nhưng nơi nào cũng bắt em làm việc như trâu cày, đối xử như kẻ tôi tớ. Cuối cùng rồi em cũng tìm về lòng chợ, chọn nơi đây làm nhà.

Nhờ tiếp xúc nhiều, Nay Lin đã khá sành sõi tiếng Việt. Lũ trẻ bụi đời kết thân với em, dạy em tập đọc tập viết sơ sài và không gọi em là Nay Lin nữa. Từ nay em là Lin, em đã lột xác thành một cô gái kinh mang hai giòng máu Việt Mỹ. Theo đám trẻ bụi đời, Lin tìm về

thành phố Nha Trang sinh sống. Những bãi cát trắng ven biển hay những căn nhà vắng chủ là nơi họ dùng để tạm nghỉ chân. Ở đây Lin được chị Huệ, một trùm du đãng khét tiếng, thu nạp làm đệ tử. Chị có rất nhiều em út, hàng ngày được phân chia đi bán đồ ăn, thức uống tại nhà ga hay các trạm xe hàng, mỗi tối đem tiền về nạp cho chị. Chị rất quyền uy, liên kết với những các băng đảng khác, đem hàng lên bán tận trên xe lửa, tuyến đường Nha Trang - Sài Gòn. Lin cũng được phân công ngược xuôi buôn bán trên các chuyến tàu ấy.

Bây giờ, Lin đã mười sáu tuổi, thân hình nẩy nở khá vẹn toàn. Mắt xanh, mũi cao, môi thắm với hàm răng trắng như ngà, Lin quả là một cô gái xinh đẹp. Em như một thỏi nam châm thu hút mọi lớp tuổi đàn ông. Nhiều thằng lưu manh, nghĩ em nghèo, dùng tiền dụ dỗ rồi giở trò ong bướm. Lin luôn luôn chống cự, và nhờ chiếc khố quấn thật chặt, buộc thật chắc bên trong chiếc quần, thêm có đủ sức chống trả hung dữ. Cho đến giờ này em vẫn được an toàn. Bất cứ ở đâu, đàn ông cũng nhìn em với cặp mắt thiếu lương thiện, bám sát theo em đòi hỏi dục vọng.

Nhiều buổi, ngồi một mình nhìn ra biển cả mênh mông, Lin nhớ rừng kinh khủng và thèm được trở về sống yên ổn bên ông già, thèm tắm trong dòng suối

chảy giữa rừng sâu, thèm nghe tiếng gà rừng gáy mỗi sáng mai, thèm những buổi đi săn đuổi theo chồn cáo, những buổi nhảy múa rộn rã với tiếng phèng la bên đống lửa hồng. Lin vừa thương vừa giận ông già đã nỡ nào đuổi nó đi.

«Lòng dạ người Kinh không được tốt. Người Kinh hay phản trắc.»

Ông già đã từng nói vậy. Lin bắt đầu tin lời ông già. Nhất định có một ngày kia sẽ trở về, gặp ông già hỏi cho ra lẽ. Nhưng cuộc sống cứ kéo Lin xa mãi rừng núi, buôn làng.

Vào những năm 1988-1990, phong trào đăng ký diện con lai đi Mỹ được phát động rộng rãi. Chị Huệ dụ Lin về Sài Gòn và lợi dụng khuôn mặt, màu da của Lin ghép em vào hộ khẩu của chị để mang đi xin đăng ký diện con lai. Lin nay đã khôn lớn, cũng muốn rời bỏ cuộc sống lay lắt vô gia cư vô nghề nghiệp nên đồng ý để chị Huệ lo giấy tờ xin đi Mỹ.

Theo người mối lái Chị Huệ dẫn Lin đến đăng ký tại một phái đoàn Mỹ ở Quận I. Chỉ một thời gian ngắn điều chỉnh đầy đủ giấy tờ, Lin được đưa từ Nha Trang về sống trong Trung Tâm Chuyển Tiếp Con Lai ở quận 11 Sài Gòn. Trung tâm này nằm đối diện với Đầm Sen,

được dân chúng địa phương gọi tắt là Trại Đầm Sen, chờ đợi làm thêm thủ tục sau cùng để đi Mỹ. Chương trình này do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ để đưa những con lai Việt Mỹ bị chính quyền mới thù hận bỏ rơi, bạc đãi về Nỹ

Trại gồm có những dãy nhà tương đối đủ tiện nghi, có phòng ngủ, phòng ăn, phòng đọc sách, nơi giải trí. Thức ăn ngày ba bữa thừa mứa. Nếu không muốn ăn sáng, trại viên được lãnh một hộp sữa, đem ra ngoài bán cũng có tiền tiêu vặt. Trên thực tế trại chứa toàn con lai Mỹ, nhưng cũng có đứa lai Pháp, lai Maroc trà trộn, lợi dụng màu da man khai nhảy vào. Tại đây, Lin được theo học Anh ngữ ngày hai buổi. Hằng đêm trên màn ảnh rộng lớn đời sống của người Mỹ văn minh, giàu sang tiến bộ được chiếu cho trại viên xem. Tuy lòng háo hức muốn ra đi thật nhanh, nhưng nhiều buổi chiều, khi nắng vàng tắt, em ngồi im một góc, nhớ cảnh nhớ người. Nghĩ đến từ nay không còn dịp gặp lại ông già, em khóc một mình. Trong cuộc đời côi cút của em, chỉ có một mình ông già là người để cho em nhớ.

Theo trong giấy tờ, từ nay Nay Lin có tên mới là Linda. Một ngày đẹp trời vào khoảng tháng 3, 1989 Linda cùng chị Huệ được phép rời trại Đầm Sen ra xe lên phi trường Tân Sơn Nhất đáp máy bay khổng lồ

sang Phi Luật Tân. Linda được trau dồi thêm Anh ngữ. Từ Phi Luật Tân, đám con lai được chuyển dần sang Mỹ định cư. Đến nơi, Linda được một họ đạo ở Riverside bảo trợ, cho đi học thêm Anh ngữ để chuẩn bị kiếm việc làm.

Riverside nằm cách Orange County một giờ lái xe, Linda thường theo chị Huệ về thăm thủ đô của người Việt tị nạn trên đất Mỹ để tha hồ mua sắm trên đường Bolsa với nhiều thương xá, chợ búa, quán ăn, không thiếu một thứ gì. Mùa hè đầu tiên ở Mỹ chị Huệ và Linda cùng bạn bè rủ nhau đi Las Vegas chơi. Kinh thành ánh sáng đã đem lại cho Linda những thích thú vô bờ. Em say mê ngắm những công trình kiến trúc đồ sộ. Vào sòng bài, mắt em không rời những chiếc máy kéo ra tiền, nhìn đôi tay lão luyện của các dealers chia bài với vẻ khâm phục. Về đêm, kinh thành cờ bạc còn hoa lệ hơn, quyến rũ hơn với ánh sáng rực rỡ muôn màu muôn sắc. Hôm ấy Linda thua sạch, không còn một xu dính túi.

Sau chuyến đi chơi Las Vegas về, sự ham mê cờ bạc cứ sùng sục thôi thúc trong máu Linda, em tìm mua một bộ bài rồi bắt đầu tập chia cho nhuyễn, mong ước sau này sẽ trở thành một dealer. Chị Huệ là người khám phá ra năng khiếu của Linda nên xúi Linda, tìm cách dọn về

ở Orange County cho gần người Việt và dễ kiếm việc làm.

Để chuẩn bị cho một cuộc sống mới, Linda xin lãnh trợ cấp, tìm trường dạy chia bài để học lấy bằng. Nhờ sắc đẹp và khả năng đặc biệt nên sau khi tốt nghiệp, Linda tìm việc chẳng có gì khó khăn. Ban đầu làm ở sòng bài tại Bell Garden City gần Los Angeles với số lương tối thiểu, tính thêm tiền «tip» tổng cộng cũng được hai ba ngàn dollars một tháng. Nhờ chăm chỉ làm ăn, sau hai năm Linda đã dành dụm được một số vốn nhỏ.

Có tiền trong tay, Linda bắt đầu học cách ăn diện. Với khuôn mặt trẻ đẹp kết quả của sự hòa hợp giữa hai giòng máu, với lối phục sức đúng thời trang, ở đâu Linda cũng trở thành một chú điểm cho người ta nhìn ngắm, trầm trồ khen ngợi. Khi có tay nghề vững chắc, Linda muốn tiến thêm một bước nữa, quyết định rời bỏ Los Angeles, dời về sống hẳn nơi kinh đô cờ bạc Las Vegas.

Lúc đầu, Linda xin vào làm tại một sòng bài nhỏ ở dưới vùng downtown. Số Linda rất may mắn, lúc nào chia bài cũng đem phần thắng lợi về cho chủ. Tiếng đồn đến vùng Las Vegas Strip. Linda được lọt vô mắt của một Pitboss của sòng bài Mirage. Casino Mirage tuyệt

đẹp. Dù chủ nhân là người Âu Mỹ, họ cũng tin về địa lý phong thủy. Casino được bài trí như một thành trì kiên cố, ai đụng đến cũng bể đầu u trán, từ bị thương cho đến chết. Phía trước có núi lửa cứ mỗi nửa giờ phun lên một lần, phía bên hông có hai con cọp trắng nằm nhe răng giữ của cho chủ. Bạn trai người Mỹ của Linda lại là một tay lão luyện trong nghề, tận tình dạy cho nàng cách đếm bài để đánh thắng hai môn Poker và Blackjack. Nhờ có năng khiếu cờ bạc nên Linda hấp thụ rất nhanh những bí quyết để đi đến thành công.

Chẳng bao lâu, ngoài tài chia bài nàng có thêm nghề đánh bài rất điêu luyện. Linda trở nên «tên cờ bạc chuyên nghiệp» trong loại bài xì phé kiểÂu Mỹ Seven Cards Stud. Nàng đánh bài rất tỉnh, biết tính toán, không «húc» liều, không bỏ tiền bắt thêm một con bài khi tính thấy xác suất thắng không cao. Tuy ít học nhưng về phương diện cờ bạc trời cho cô một năng khiếu tuyệt vời, một bộ óc như một cái computer suy tính rất nhạy cảm. Khi đã đạt được số tiền mình muốn, Linda không ngần ngại đứng dậy ăn lường. Gặp bữa vận đen, Linda dứt khoát bỏ ra về, không để bị thua đậm. Linda lại thường gặp vận đỏ nên tính sổ bao giờ cũng thắng nhiều hơn thua, tổng kết mỗi tháng kiếm được vài chục ngàn là thường.

Để khỏi bị lộ tẩy, Linda vẫn làm dealer. Càng ngày tay nghề càng lão luyện, lại thêm nhan sắc chim sa cá lặn, cử chỉ lịch thiệp khiến ai gặp cũng thích, khách chơi cho «típ» rất hậu. Tuy nhiên, trong nghề cờ bạc khi người ta thua nhẵn túi vẫn chửi bới dealer như thường. Dù vậy, lúc nào Linda cũng nhẫn nhịn, không muốn ăn thua đủ với khách chơi. Đứa bé nghèo nàn, tội nghiệp của Buôn Thượng năm xưa nay đã trở thành một người con gái đẹp đẽ, giàu có, lịch thiệp. «Ông già» thỉnh thoảng chỉ còn là cái bóng mờ nhạt, một nỗi nhớ rất xa xôi trong ký ức của Linda.

Một hôm giữa khuya Linda gặp một nhóm ba người đàn bà có khuôn mặt Á Đông nhảy vào ngồi đánh. Họ cười nói luôn miệng. Linda vui vẻ chia bài như thường lệ. Gặp ngày vận đỏ, lỗ nhỏ chẳng bao lâu khách thua gần hết tiền. Một người trong nhóm không dằn được cơn giận, chửi thề :

«Tiên sư cái con nhỏ này đỏ quá.»

Rồi quay qua hai người bạn, phân bua :

«Mặt mình chín nút, giở ra con 10 là 19. Nó cũng chín nút mặt, lại giở ra con xì ăn mình mới đau. Trời !»

Họ cứ tưởng Linda là người Mỹ không hiểu tiếng Việt nên tha hồ chửi, tha hồ nói. Còn Linda nàng chỉ mỉm cười. Qua ván sau, nhà con bắt được hai con Tây, mừng hết lớn. Nhà cái cũng có con Tây trên mặt, Linda đưa con bài tẩy dò vào lỗ nhỏ trên góa bài khung. Một chớp đỏ hiện lên trên cái nút trò. Linda nhanh tay lật ngửa «con Ách» , chậm rãi nói :

«Blackjack...»

Rồi đưa tay lùa hết tiền về phía mình và nói :

«I am Sorry !»

Một bà tuổi xồn xồn đứng dậy rủ bạn bè :

«Con nhỏ này đỏ quá, mình phải đổi bàn mới được.»

Miệng nói vậy nhưng bà không làm, ngồi lì tại chỗ.

«Today I’m very lucky !»

Câu nói bâng quơ thường tình của người chia bài không làm ai để ý, nhưng thật ra Linda đã trả lời rất ăn khớp với hiện tình vì nàng đã hiểu tất cả đối thoại giữa những người Việt Nam với nhau trong bàn. Một người đàn ông khác vừa mới đến đứng sau lưng nhìn ngắm Linda rồi lên tiếng :

«Con bé này đẹp và sexy quá ta !»

Linda đỏ mặt và tươi cười như biểu đồng tình.

Người đàn bà quay lại nhìn người đứng phía sau, như có ý ngầm bảo :

«Đừng coi thường con nhỏ, nó có vẻ thông minh lắm, có thể đoán hiểu được điều anh vừa nói» .

Rồi bà ta ráng ngồi đánh tiếp, cay cú muốn gỡ và ghét cay ghét đắng đứa con gái chia bài.

«Marker please !»

Bà ta ra lệnh, Linda lễ độ hỏi :

«How many do you want ? Mam !»

«Five thousand.»

Linda ngoắc tay gọi Floorman lại làm giấy tờ.

Người đàn bà ký nhận 5. 000 dollars bằng tiền chip. Chỉ trong nháy mắt, bà ta thua thêm ba ngàn nữa. Nổi nóng bà nghĩ không lẽ thua hoài sao, bèn lấy hết số tiền còn lại đặt trong ô của mình, hồi hộp chờ đợi. Linda chia cho bà hai con Tây màu xanh vàng đỏ nằm ngon lành trên mặt bàn, bài được tính là 20 nút. Nhà cái là

Linda, mặt con 5, con bài tẩy phía dưới lật ra là con 10, tổng cộng 15 nút. Bài này, nhà cái kém vế thấy rõ, tính theo xác suất có tới 6, 7 chục phần trăm sẽ «bị oát» . Nỗi vui mừng hớn hở hiện ra trên nét mặt nhà con, hy vọng thắng lợi tràn đầy. Linda nhè nhẹ kéo thêm một lá bài nữa, từ từ lật nó lên để gây thêm phần hào hứng. Đó là con 6 chuồn, con bài duy nhất để thắng nhà con ! Linda chậm rãi đọc kết quả :

«Twenty one !»

Người đàn bà tái mặt, không dằn được cơn giận dữ, ném cả hai con bài của mình về phía Linda, chửi người con gái một cách thậm tệ như nó là nguyên nhân cơn xui xẻo của bà :

«Mày hại tao. Đồ con đĩ ngựa.»

Tuy hiểu được tiếng Việt, nhưng Linda không nóng nảy như những người khác. Nàng đã từng gặp trường hợp này nhiều lần rồi, bình tĩnh xếp bài lại theo thứ tự, miệng vẫn giữ nụ cười tươi tắn và lập lại một lần nữa.

«I am sorry. Mam !»

Người đàn bà chưa nguôi cơn giận, chồm tới muốn giằng lấy bộ bài xé tan. Người bạn ngồi cùng bàn cũng thua nhưng biết điều hơn :

«Chị Ngọc ! Chị Ngọc ! Bình tĩnh, đừng nóng nữa.»

Linda dư biết người đàn bà là người Việt Nam bây giờ biết thêm tên là Ngọc, một cái tên quen thuộc, dễ nhớ. Chuyện hên xui như vậy xảy ra thường tình trong sòng bài, nhưng không hiểu vì một lý do nào đó, Linda lại vô tình giải thích bằng tiếng Việt :

«Xin bà Ngọc thông cảm. Tôi chỉ là kẻ chia bài, đừng chửi tôi tội nghiệp !»

Nghe câu nói từ một người Mỹ, lại phát âm bằng tiếng Việt rất chuẩn, những người Á đông có mặt hết sức ngạc nhiên :

«Cô biết tiếng Việt ?»

«Vâng, tôi nói được chút chút.»

Linda rất khiêm nhường, nàng vui miệng kể :

«Làm nghề này, tôi hết sức vô tâm. Đánh trúng hay trật là do hên hoặc xui. Tôi chỉ là người chia bài được trả lương giống như những người làm nghề khác. Tôi không có ý hại người chơi» .

Nhìn về phía bà Ngọc, Linda nói :

«Bà nên lịch sự một chút. Lần sau nếu xảy ra như vậy tôi sẽ kêu Security đến nói chuyện với bà và họ sẽ mời bà đi chỗ khác chơi.»

Người đàn bà tên Ngọc lúc này mới thấy hành động của mình quá trớn. Thì ra, con nhỏ này biết tiếng Việt, mình nói gì nó cũng hiểu cả. Bà Ngọc thấy mình ăn nói bất lịch sự quá, vớt vát :

«Tôi tưởng cô không biết tiếng Việt nên khi thua quá lỡ lời. Cho tôi xin lỗi. Cô là con lai ?»

«Dạ»

«Thế thì ở Việt Nam, cô ở đâu ?»

«Con ở Pleiku.»

Hai chữ Con và Pleiku đã kéo bà Ngọc trở về dĩ vãng với hình ảnh người chồng Mỹ to lớn, mắt xanh, mũi cao, đẹp trai như một ngôi sao điện ảnh mà mình đã mê và đứa con lai nhỏ cũng mắt xanh, da trắng, đẹp như thiên thần. Người chồng đã bỏ bà khi mãn hạn lính trở về cố quốc vì bà không chịu đi theo, và bà đã bắt buộc phải đã bỏ rơi đứa con của mình để đi tìm sự sống cho mẹ lẫn con trên đường di tản từ Pleiku về Nha Trang.

Bà Ngọc giật mình hỏi tiếp :

«Cô nói cô ở Pleiku thật không ?»

«Dạ thật. Con ở Pleiku nhưng xa lắm, tận trong núi xanh.»

Bà Ngọc lảo đảo muốn té xỉu, không còn bình tĩnh được nữa.

«Chết tôi rồi. Đây có phải là con tôi không ! Trời ơi!?» Sao lại có sự trùng hợp xảy ra lạ lùng như thế này. Đứa con gái lai của bà đã bị bỏ rơi trong tận núi xanh. Một cảm nghĩ đau thương thoáng qua làm bà sững sờ chết đứng. Lấy lại bình tĩnh, cố nhìn kỹ lại một lần nữa khuôn mặt đứa con lai đang đứng trước mặt, bà thấy mường tượng có nhiều nét giống người chồng cũ, nhất là đôi mắt, còn cái miệng cười cũng có nét hao hao giống mình. Lòng sinh nghi bà Ngọc nói tiếp :

«Cô làm ơn cho tôi xem hai bàn tay một chút được không ?»

Bây giờ bà dùng lời nói dịu dàng không còn thô lỗ như trước nữa. Không còn ai đánh bài nữa, Linda đang rảnh rỗi vui vẻ chìa hai bàn tay búp măng ra. Bà Ngọc càng kinh ngạc hơn. Đứa con gái của mình lúc mới sinh, trên mỗi lòng tay chỉ có một đường lằn ngang duy nhất

thay vì ba đường như những đứa trẻ khác. Bây giờ, lòng tay của đứa con gái này cũng vậy, bàn tay «chữ nhất». Rồi bà để ý đến cái sẹo trên ngón tay cái bên mặt nơi bà đã vô ý để chiếc bàn ủi làm cháy khi con bà còn nhỏ, bây giờ, tuy đã mờ nhưng dấu vết vẫn còn đó, không sai một chút nào.

Lòng bà Ngọc quặn thắt, đầu óc bà quay cuồng. Đúng là Tammy của ngày xưa, đứa con mà trong cơn chạy giặc đầy kinh hoàng và hỗn loạn, bà đã bỏ lại ven rừng. Bao năm qua, lương tâm bà không ngớt bị dày vò, có thể con bà đã chết đói, chết khát, bị thú rừng ăn thịt. Tấm lòng người mẹ chỉ có trời cao mới hiểu thấu : «Mẹ đâu có giết con ! Mẹ mong muốn con được sống sót trong một hoàn cảnh gần như tuyệt vọng...» Bất giác hai giòng lệ chảy dài trên má, bà Ngọc lại thốt lên :

«Tammy. Tammy. Thôi đúng con rồi. Đúng con rồi. Con tôi. Trời ơi, con của mẹ.»

Bà Ngọc toan ôm chầm lấy cô gái, nhưng Linda vội né tránh :

«Bà nhầm rồi. Tôi không phải là Tammy, tôi tên Linda, không phải con của bà, mà bà là ai ? Tại sao... ?»

Bà Ngọc sững sờ như trời trồng. Không ngăn được cơn xúc động bà òa khóc nức nở, hai bà bạn ngồi bên cạnh thấy vậy cũng khóc theo làm mọi người xung quanh chú ý :

«Đúng, con là Tammy của mẹ đây rồi. Con ơi, mẹ tưởng không làm sao thấy lại con nữa...»

Không kìm hãm được xúc động, bà chồm tới cầm chặt tay Linda :

«Con ! Con tui đây rồi ! Con, con ơi !»

«Thưa bà... Tôi nói lại tôi là Linda, tôi không phải là Tammy như bà nói nói... Xin lỗi bà lầm rồi.»

Bà Ngọc bù lu bù loa :

«Con, con không hiểu. Phải mà, hồi đó con mới sáu tháng. Mẹ là mẹ của con đây. Mẹ đã bỏ lại con trên đường chạy giặc...»

«Con tha tội cho mẹ !» Bà Ngọc nói đến đây thì nghẹn lời.

Cảnh tượng chiến tranh năm xưa như hiện rõ trong trí nhớ. Con đường triệt thoái của quân dân Quân đoàn II từ Pleiku về Nha Trang đầy máu lửa. Ngọc đã cắn môi đến rướm máu, đứt ruột bỏ lại đứa con thơ trong rừng

để tìm con đường sống cho con và cả cho mình nữa. Vì nghe lời đồn đãi và quá kinh sợ sự trả thù của Việt Cộng với Mỹ, lúc đó bà muốn xóa cái quá khứ me Mỹ của mình nên đã đứt đoạn bỏ rơi đứa con hai giòng máu. Trong bao năm trời lưu lạc, lòng của bà đã đau khổ, tan nát, mỗi khi nhớ lại cảnh tượng kinh hoàng máu lửa, chỉ trong thoáng chốc, bà đã mất cả hai đứa con...

Linda đứng ngẩn ngơ trước mặt một người đàn bà đang lảm nhảm hai tiếng «Mẹ bỏ con» trong miệng. Bà ta có những hành động và lời nói như một người điên. Tuy nhiên Linda cũng cảm thấy xúc động rơm rớm nước mắt, nàng vẫn cứ để cho bà nâng niu và bóp hai bàn tay của mình. Một chút gì ấm áp, mềm mại dễ chịu chạy rần khắp thớ thịt. Trong tận đáy lòng sâu thẳm, Linda muốn bật ra tiếng Mẹ thống thiết. Đó là tiếng kêu được dấu kín trong lòng của Nay Lin không có mẹ từ nhỏ. Nhưng rồi, giây phút ấy qua rất nhanh vì giọng nói của ông Già Làng người Thượng ngày nào còn văng vẳng bên tai in sâu vào đầu :

«Chỉ có người mẹ chết rồi mới bỏ con.»

«Người đàn bà này còn sống mà, bà đâu có thể bỏ con được.»

Linda tự hỏi rồi rút nhanh bàn tay xinh đẹp của mình ra khỏi bàn tay khô khan của người đàn bà mà mình tưởng như vừa có sợi dây ràng buộc.

«Không, xin lỗi bà. Tôi không phải con bà đâu. Không phải... bà lầm rồi»

Bà Ngọc gần như bất tỉnh. Bà không thể lầm được.

«Tại sao vậy cô ? Cô... Con... !»

«Tôi không còn mẹ. Mẹ tôi đã chết từ lâu lắm rồi. Mẹ tôi đã chết trên đường chạy loạn, mẹ tôi bị đạn chết không kịp trăn trối. Hồi đó tôi còn nhỏ xíu, được người Thượng lượm được, đem về nuôi.» Nàng lạnh lùng nói lập lại :

«Vì chẳng có mẹ nào mà đi bỏ con nên tôi tin chắc mẹ tôi đã chết rồi.»

Linda vừa nhún vai vừa lắc đầu như phản ứng của một người con gái Mỹ chính gốc :

«I don’t think so.»

Nàng nhớ lời ông già dân tộc thường nói cho nàng nghe :

«Ta lượm con giữa rừng...»

Nếu không có lòng nhân đạo của ông già, đứa trẻ nhỏ ngày xưa tên là Nay Lin đã bị làm mồi cho cọp ăn rồi. Nhiều lúc cô đơn, thấy những đứa trẻ khác cùng lứa tuổi có mẹ có cha, con bé Nay Lin cũng có chút suy tư về nguồn gốc của mình.

«Cha mẹ ta là ai, vì sao lại đã bỏ rơi con ?»

Trí óc thô sơ của đứa trẻ mới lớn chỉ nghĩ được chừng ấy. Bao nhiêu thắc mắc, bấy nhiêu lần hỏi ông già làng, mười lần như một, ông già vẫn chỉ một câu trả lời duy nhất :

«Ta lượm con giữa rừng.»

Theo lời ông già kể lại, lúc đó Linda được khoảng sáu tháng tuổi được về nuôi trong buôn làng. Theo tục lệ của người Thượng, em bị phơi nắng ba ngày và may mắn đã sống sót. Linda được nuôi riêng, cho ăn uống ngày hai bữa và ngủ trong ngôi nhà công cộng. Khi bắt đầu hiểu biết, ngoài ông già Linda đã có cảm giác không được dân làng đối đãi tử tế như những đứa trẻ cùng tuổi. Em tự thấy bất mãn và ôm mối hận trong lòng mà không biết than thở cùng ai...

Đang suy nghĩ mông lung, tiếng khóc nức nở của bà Ngọc đã đưa Linda về với hiện tại. Trong lòng Linda bao năm khát khao một tình mẫu tử, nhưng nàng vẫn một mực nghĩ rằng trên đời này đâu có người mẹ nào lại nỡ tâm bỏ con. Về phần bà Ngọc, tình mẫu tử thiêng liêng bừng cháy trong tim. Tin chắc đứa con gái lai này là con ruột của mình, bà hết sức hối hận về những cử chỉ và lời nói mới đây dành cho người con lai mà bây giờ bà cảm thấy vô cùng thương yêu và ước chi được ôm nàng trong vòng tay của mình.

«Con ơi, con đừng đối xử vô tâm với mẹ như vậy. Mẹ có lỗi với con. Xin con cho mẹ một cơ hội để giãi bày. Mẹ sẽ kể cho con nghe sự thật để con tha thứ cho mẹ. Con đã nói đúng ! Không có người mẹ nào lại đành đoạn bỏ con như con nghĩ. Chuyện gì nó cũng có lý do.»

«Thưa bà, tôi bận lắm. Tôi đã nói bà lầm rồi. Tôi là đứa con mồ côi vô thừa nhận.»

Tiếng xưng hô mẹ với con lại một lần nữa tự động thốt ra từ miệng bà Ngọc :

«Con là con của mẹ thật rồi, con ơi !» Cám ơn trời đã cho tôi gặp lại con tôi. Con tha tội cho mẹ đi con !

Bà Ngọc lập đi lập lại. Mọi người thấy chuyện lạ xúm lại. Người manager của Linda thường gọi là Pistboss cũng chạy đến, hỏi thăm :

«What's going on ?»

«I don't know. She lost money and she cries» .

Linda cố tránh né không muốn cho ai bàn tán xôn xao vào câu chuyện đau lòng này và cũng không để cho người đàn bà có cơ hội thổ lộ thêm tình mẫu tử :

«Mẹ tôi đã chết từ lâu rồi. Bà làm ơn đi... đi...»

«Con !...»

«Tôi đã nói tôi không phải là con của bà đâu. Xin lỗi bà, tôi còn phải đi làm việc...»

Rồi Linda lách người bước đi. Tuy nhiên nàng cũng thấy tội nghiệp cho người đàn bà mất con và tự nghĩ nếu thật sự bà ấy là mẹ mình thì sao !... Trời ơi mình đã tìm được mẹ rồi chăng !

Không, chuyện khó tin, không có thể như vậy được! Bà Ngọc lùi lại, há hốc nhìn đứa con gái thản nhiên qua mặt mình để tới bàn khác tiếp tục chia bài. Thỉnh thoảng Linda ngước nhìn người đàn bà đau khổ vẫn không chịu rời chỗ.

«Không có người mẹ nào bỏ con, trừ khi người mẹ đó đã chết.»

Ông già nói như vậy. Câu nói đó đã như đinh ghim trong lòng.

Bà ta có phải là mẹ mình không như bà nói ? Linda tự nhủ lập lại. «Không phải. Không phải đâu. Đừng mềm lòng» . Niềm uất hận năm xưa chưa phai mờ được trong lòng người con gái đã sớm chịu gian khổ. Bà Ngọc đưa bàn tay ra phía trước, với ánh mắt đẫm lệ như van lơn. Nhưng Linda đã cúi xuống né tránh, cố dằn nỗi lòng đang xao động muốn xúi dục Linda đứng dậy ôm chầm lấy người đàn bà kia, và kêu lên «Mẹ ơi !»

Trên chiếc xe Lexus 400 còn mới toanh từ sòng bài lái về nhà, Linda mở CD dò tìm bài nhạc của Trịnh Công Sơn mà nàng yêu thích. Một giọng hát trầm ấm mang nặng tâm sự của một người con mất mẹ :

«Mẹ bỏ tôi đi, đường xa vạn dặm
Mẹ bỏ con đi, đường xa mịt mùng
Giấc ngủ chưa tròn, mẹ bỏ tôi đi...
Gối lệch trăng mòn, mẹ bỏ con đi...
Bao nhiêu tiếng cười cười ngày xa xưa
Bao nhiêu giấc mộng lòng vạc bay xa...
Mẹ bỏ con. Mẹ bỏ con đi.»

Xao xuyến trong lòng, Linda nhìn vào kính chiếu hậu, rút tấm khăn giấy từ trong chiếc hộp để bên cạnh chùi khô giọt lệ đã chảy ra tự khi nào không hay. Nàng phân vân không biết bây giờ phải làm gì, thắc mắc tự hỏi tại sao lại có thể có chuyện trùng phùng kỳ lạ như thế này.

Khung trời mờ mịt sương khói của cao nguyên miền Trung một lần nữa chợt đến trong nháy mắt rồi mờ dần trong ánh đèn lung linh của chốn thiên đàng oan nghiệt.

Võ Văn Tùng

Người Đóng Thế Vai

Orchid Thanh Lê

Tác giả định cư tại Hoa Kỳ tháng 9 năm 1997, hiện là Phó Giáo Sư Tiến Sĩ thuộc Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ, Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ tại Monterey, California. Với bài «Đi Tìm Tên Một Người Vô Danh» , cô đã nhận giải vinh danh tác giả Viết về nước Mỹ 2014. Đồng thời với bài «Thầy Việt Trò Mỹ» , cô nhận thêm giải viết văn Trùng Quang 2014.

Tôi á, tôi khuyên gì được anh ? Anh dư tuổi quyết định chuyện đời của anh rồi cơ mà. Bằng mọi giá anh đem người ta sang đây rồi bây giờ anh phụ bạc. Anh đúng là cái đứa cà chớn nhất mà tôi biết từ trước đến nay.

- Cháu là thằng khốn nạn, bác ơi ! Cháu khổ lắm.

- Ứm ừm, tôi đã muốn dùng cái chữ anh vừa tự trách mình đấy. Ối dào, khối người khổ hơn anh, tại anh không muốn thừa nhận đấy thôi ! Thử giả nhời xem tôi có nói quá về anh không.

Lòng dạ rối bời, anh cúi đầu trước lời trách móc mỉa mai của bà bác. Anh biết bà bác đang nói đến chị. Đúng là so với anh, chị khổ hơn gấp bội. Bây giờ chị ở nơi

nao để nghe anh nói lời thống hối chăng ? Anh đã từng có những tháng ngày vật vã khổ đau không có chị kề bên. Khi nhớ chị tột cùng, anh đã từng mơ sống lại thời trẻ chỉ để yêu chị mà không phải băn khoăn về những phức cảm của riêng mình.

Anh học võ thuật từ nhỏ và thường thích mạo hiểm. Không mặn mà chuyện học văn hóa cho lắm, anh bỏ học ngang ở lớp 11 dù gia đình có khuyên lơn cách mấy. Anh thích phim hành động, mơ tưởng được đóng vai người hùng trong phim ảnh nhưng nghề diễn viên không mỉm cười với anh. Không có điều kiện học diễn xuất hay được đào tạo bài bản, anh không được tuyển làm diễn viên chuyên nghiệp.

Tuy vậy, niềm đam mê mãnh liệt đã tạo cơ hội để anh đóng thế cho diễn viên chính trong các pha hành động, nhất là trong các cảnh quay mạo hiểm. Dù được phục trang hệt như diễn viên chính nhưng nghề đóng thế vai của anh chỉ xuất hiện ở mảng tối của phim trường nên nào ai biết danh tính của anh. Có chăng thành tích cụ thể của anh là số vết sẹo lưu lại trên thân thể sau mỗi tai nạn của nghề đóng thế vai.

Một khi theo nghề, anh hiểu mình đang chấp nhận sự liều lĩnh. Cách anh bảo vệ bản thân tốt nhất là tập luyện thật kỹ trước khi đóng thế vai bởi chỉ một sơ xuất

nhỏ về kỹ thuật là có thể nguy hiểm đến tính mạng. Mẹ anh lúc đó tuy đã định cư tại Mỹ nhưng vẫn thường gọi điện thoại ngăn cản anh đeo đuổi cái nghề hết sức rủi ro này. Hồi còn ở Việt Nam, bà chỉ thấy anh suốt ngày luyện đánh đấm, đua xe, nhảy lầu, lao mình vào khói lửa. Anh cương quyết bám nghề mình thích. u đó cũng là cái nghiệp anh mang.

Ngày nọ, anh gặp chị bên gánh trái cây bán rong bị rượt đuổi với lý do chiếm cứ lòng lề đường. Ra tay anh hùng cứÂu Mỹ nhân, anh phải lòng chị từ lần đầu chạm mặt, chị có chút gì đó yếu đuối mong manh để cần anh che chở, bảo vệ. Mỗi lần chị kéo thấp chiếc nón lá nghiêng vành, anh lại được thấy miệng chị cười thật hiền. Ngày qua ngày, anh tìm cớ lượn lờ qua phố chợ để biết chắc chị và gánh hàng được yên ổn. Từ dăm ba mẩu chuyện thường ngày cho đến khi tình cảm tiến xa hơn, anh và chị cảm thấy cần có nhau. Chỉ có điều anh kém chị 5 tuổi. Tại sao phải phán xét ?

Điều khác biệt cũng có những lý lẽ riêng trong hôn nhân, nhưng dư luận xã hội thì chưa đồng thuận. Một cuộc hôn nhân lệch gia thế đã đành, còn lệch tuổi giữa anh và chị lại càng khó được yên thân một khi dư luận xã hội luôn tạo làn sóng thông tin. Họ tiên đoán cuộc hôn nhân của anh và chị sẽ không đầu, không đuôi.

Nhưng hôn nhân phải chăng là kết quả của sự tìm kiếm hạnh phúc ? Hạnh phúc này anh và chị tự tìm kiếm, cảm nhận và hưởng thụ, thế thì tại sao người đời lại có thể đánh giá về nó.

Ấn tượng về một người hùng che chở kẻ yếu đuối đã hình thành tình yêu nơi chị. Vì vậy khi yêu anh, chị đã vượt qua tất cả mọi rào cản bất kể tuổi tác. Khi người thân và bạn bè biết về tuổi thật của hai người, đa số đều khuyên chị nên dừng lại bởi lẽ yêu người trẻ quá sau này chị sẽ là người chịu thiệt. Họ bàn ra với lý lẽ người chồng kém tuổi sẽ ít kinh nghiệm sống và không có sự thấu hiểu vợ bằng người đàn ông nhiều tuổi hơn. Chị đã bỏ ngoài tai và tin tưởng vào quyết định của mình.

Riêng anh khi nhìn lại, anh đã thấy con người mình lúc đó còn trẻ, tự tin rằng anh đủ bản lĩnh để chinh phục người phụ nữ lớn tuổi hơn anh. Bản chất của người đàn ông trong anh thích sự thách thức và rủi ro. Anh đã cho rằng yêu thì không toan tính vì một khi đã tính thì không còn là tình yêu. Anh khẳng định rằng không có gì bất hạnh hơn là sống mà không có chị và cảm thấy mọi chuyện thoải mái khi bên chị.

Ngày đó, chàng thanh niên trẻ tuổi trong anh chưa hề trằn trọc đêm nào để hỏi lòng mình có đủ tự tin về cuộc hôn nhân với người hơn tuổi.

Khi sang Mỹ đoàn tụ với gia đình, anh kiên quyết làm thủ tục kết hôn để bảo lãnh chị sang. Dù gia đình phân tích và viện dẫn đủ mọi lý do để ngăn cản. Cô em kế anh từng nói không nể nang :

- Con người ta không có điều kiện định cư ở Mỹ thì phải mất vài chục ngàn đô làm hôn thú giả may ra mới sang được, đó là chưa kể bị lừa. Đằng này anh mình hào hiệp không công.

Cô em gái út thẳng thừng hơn :

- Anh ấy thích làm phi công trẻ lái máy bay bà già.

Anh giận run. Đau. Nghẹn. Người bạn đời lớn tuổi hơn anh bị ví von như một máy bay bà già. Người anh yêu không phải là một cỗ máy. Chị là một thực thể nhân sinh. Anh chỉ còn biết nín nhịn, trừng mắt với hai đứa em gái chua ngoa.

Riêng mẹ anh thì không biết bao lần gợi ý :

- Dễ con nhớ bác Trung ngày trước làm chung sở với bố bây giờ cũng ở thành phố này ? Mẹ muốn kết thông gia đấy. Trang con gái bác ấy thật dễ thương. Ý con thế nào ?

- Con biết cô Trang nhưng không biết cô ấy dễ thương.

- Tôi nuôi anh khôn lớn đến ngần này để anh đối đáp với tôi đấy à ?

- Con xin mẹ. Sự lựa chọn của con có thể sai, nhưng ít nhất con đã công khai và sẽ có trách nhiệm với quyết định của mình bằng một cuộc hôn nhân.

Sau cùng, anh xem chừng quá mệt mỏi, nói buông thõng :

- Giả như sai, con vẫn có thể làm lại.

Lần đó bố anh nghe hai mẹ con đấu lý. Ông vốn dĩ kiệm lời, vắn gọn :

- Một đứa lãng tử bất định như con mình nên cần một hậu phương vững chắc. Nên chúc phúc cho hai đứa nó hơn là tạo áp lực vì chúng đã chịu nhiều phản đối từ dư luận.

Ông chờ anh quay lưng đi khỏi, hạ thấp giọng, nói vừa đủ bà nghe :

- Vả lại, con mình chẳng học hành đến nơi đến chốn, nghề ngỗng lại không ổn định trong khi con bé Trang sang Mỹ từ nhỏ, có bằng cấp hẳn hoi. Bà xem nếu phải chọn lựa giữa cao học và cao tuổi, con mình hợp cái

nào ?

Trong gia đình, mẹ anh luôn phục tùng chồng. Bà yên lặng không đáp lại, dáng chừng bằng mặt mà chẳng bằng lòng. Bản chất của một kẻ đóng thế vai trong anh là không chùn bước trước những thách thức. Anh đã vượt qua dư luận và lời ra tiếng vào của một số người thân trong gia đình để cuối cùng đem được chị qua Mỹ sống chung.

Lấy một người đàn ông kém tuổi mình đòi hỏi chị sự tinh tế trong việc giữ gìn tổ ấm. Chị kiềm chế được những tranh cãi không cần thiết từ cá nhân anh và phía gia đình chồng. Chị cũng tìm một nghề hợp với khả năng khiêm tốn của mình để kiếm sống. Đối với chị thế là an phận. Nếu ông trời cho vợ chồng anh chị một đứa con thì đó là diễm phúc vì tuổi chị không còn trẻ nữa. Thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau của anh và chị bằng với số tuổi lệch nhau giữa hai người.

Đến khi anh 38 tuổi với phong độ của người đàn ông chín chắn thì chị ở ngưỡng tuổi 43. Chị vẫn đối với anh bằng tấm chân tình nhưng trớ trêu thay một cuộc sống phẳng lặng không thách thức thì không phù hợp với tính cách của anh. Anh đã qua rồi thời kỳ theo đuổi và chinh phục, chỉ còn là cuộc sống vợ chồng quen thuộc đến nhàm chán.

Đã không ít lần anh phải tự vượt qua mặc cảm bị ngộ nhận quan hệ chị em trước đấm đông mỗi khi vợ chồng đi bên nhau. Phần lớn anh đủ bản lĩnh làm tan biến mặc cảm khi hai người quay trở về nhà nơi chỉ có họ với nhau. Thi thoảng, anh không tự chủ được đâm ra hằn gắt chị vô cớ. Nhận ra sự lạc điệu trong hạnh phúc chồng vợ, anh không tìm cách khắc phục mà trượt xa hơn để tìm kiếm những thứ khác bù đắp cho sự thiếu sót này. Anh cũng như bao người đàn ông khác thích đam mê cái mới, say cái lạ, và không muốn bỏ qua cơ hội trải nghiệm bởi vì «của lạ bằng tạ của quen» . Nhưng anh đã quên đi quy luật tự nhiên rằng cái mới rồi cũng trở thành cái cũ sau một thời gian nào đó. Cuộc sống êm đềm của vợ chồng dần dần có những hòa âm trái tai.

Ở thời điểm một lúc nào đó, hạnh phúc hoà nhập trong anh và chị nhưng rồi lại tách ra do sự lạc điệu. Lạc điệu càng nhiều thì tách ra càng nhanh. Trái tim anh và chị bần thần hụt nhịp yêu thương. Anh viện giải trơn tru những lần về thăm lại Việt Nam mà không đưa chị theo cùng. Điều nghịch lý là gia đình anh hiện ở hết bên Mỹ trong khi chị còn mẹ và em gái bên quê nhà. Chị đã nhìn ra nơi anh sự thích đổi mới. Cả thèm chóng chán. Chị đã từng tự vỗ vai mình an ủi «sẽ quen» , rồi mím môi «cố quen» , và run rẩy tự nhủ «đã quen.»

Vẫn là tật rượu chè, anh nào có bỏ được. Lúc xưa chị nhắc nhở thì anh tự biện hộ rằng mình uống để gọi là có thêm dũng khí khi sắp nhận một vai liều lĩnh trong phim hành động. Sang Mỹ anh chẳng theo được nghề mình yêu thích, vốn liếng tiếng Anh hạn chế, cộng thêm vóc dáng vừa tầm của người Á Đông khó đóng thế vai cho các diễn viên Mỹ, anh đành ngậm ngùi bỏ nghề. Anh không muốn đi học thêm mà cũng chẳng bằng lòng với việc làm lương thấp. Anh có đủ lý do để hậm hực, để thiếu kiên nhẫn với chị. Anh đã quên đi một điều rằng hạnh phúc của hai người tựa như chiếc vé có hạn sử dụng. Anh đã không nghĩ rằng người bạn đồng hành trong hạnh phúc với anh có thể bất chợt dừng lại ở một khoảng nào đó để mặc anh chơi vơi phía trước cuộc đời.

Ngày đó đã đến. Chị lặng lẽ rời anh với dòng chữ vỏn vẹn «Từ biệt Cascadeur. Nếu không thể sống chung thì đành chia tay.» Thông điệp của chị rõ ràng : bền vững hay không do sức chịu đựng của hai người với nhau và nay sức chịu đựng nơi chị đã quá ngưỡng. Anh đọc lời chị viết khi vẫn còn ngầy ngật hơi men sau một đêm cuối tuần say bét nhè với đám bạn rượu. Anh chưa đủ tỉnh táo để nhận biết những gì sẽ xảy ra cho anh khi chị ra đi.

Cái biệt danh «Cascadeur» chị thường âu yếm gọi anh như nhắc nhớ cái nghề cũ anh vẫn còn đam mê. Yêu nhau lệch tuổi, ngôn từ nhân xưng giữa vợ chồng dường như triệt tiêu. Đã qua rồi cái thuở «em và chị» lúc mới quen. Khi giao tình càng lúc đậm đà, anh và chị xưng tên với nhau nghe đủ ngọt mềm. Lấy nhau rồi xưng hô «anh và em» nghe sao ngượng ngập chưa đủ tự nhiên nên thôi thì vẫn ở chừng mực gọi tên nhau.

Mượn rượu quên sầu. Đến một lúc nào đó rượu đốt cháy gan anh. Bác sĩ chẩn đoán anh bị xơ gan cần được thay ghép. Bác sĩ giải thích rõ cho gia đình anh tiến trình phẫu thuật phức tạp. Ngoài xếp hàng trong danh sách chờ được ghép gan, điều kiện yêu cầu gan người hiến tặng phải tương hợp với gan người nhận. Theo thống kê, gần một nửa trong số các bệnh nhân cần được thay gan thường chết trong thời gian chờ đợi. Anh không là ngoại lệ nên cũng phải trong danh sách chờ. Chờ bao lâu không biết, nhưng anh cần có nghị lực để nuôi hy vọng.

Trong các ca ghép gan, thường chỉ thấy những người có quan hệ thân thích như cha mẹ, con cái cho một phần gan để cứu mạng người thân. Tuy nhiên, điều kỳ diệu đã xảy ra với anh khi phải giằng co giữa cái chết và sự sống bởi vì người hiến tặng nửa lá gan cứu anh không

chảy chung một dòng máu ruột thịt.

Ca phẫu thuật kéo dài 12 tiếng đồng hồ. Anh được cứu sống. Lúc tỉnh dậy, anh khẩn khoản muốn gặp ân nhân để nói lời tri ân tận đáy lòng. n nhân đã cho anh một dịp bắt đầu lại cuộc đời. Bệnh viện đã không tiết lộ thêm một thông tin nào theo yêu cầu của người cho. Thôi thì anh đành mang nợ người ta trọn đời mà không biết đền đáp như thế nào.

Sau này trong những lúc khắc khoải nhớ đến người bạn đời, anh thảng thốt ngộ ra rằng anh chỉ là người đóng thế vai trong sân khấu điện ảnh nhưng chị mới chính là người đóng thế nhiều vai trong cuộc đời anh. Một người chị. Một người bạn. Một người vợ hiền. Anh nào có trân trọng mà đinh ninh xem đó là người phụ nữ do trời định để lo cho anh. Chia tay Cascadeur, chị đoạn tuyệt những vai đóng thế trong sân khấu cuộc đời.

Giờ đây, sau những hành động sai lầm, anh mong được người bạn đời cho một cơ hội để tạ lỗi của mình. Anh tìm đến người bác già để cầu may biết đâu bà có thông tin gì về chị. Ngày còn nhỏ, anh thường chạy qua bà bác tâm sự khi giận hờn bố mẹ. Dù bà bác không phải lúc nào cũng nuông chiều anh nhưng anh lại đặc biệt yêu quý bà.

Lúc mới quen chị, anh đã bạo dạn đưa chị đến giới thiệu với bác và được bà ủng hộ. Bà khen chị hiền thục, biết đường ăn ý ở. Sau đó vài năm bà bác đi định cư ở Mỹ thì chị vẫn giữ liên lạc thân thiết với bà. Giờ đây anh lái xe nhiều dặm đường xa chỉ để nghe bà bác trách tội, chì chiết về cái hạnh phúc anh để vuột đi. Lời bà rỉ rả :

Có phước lấy được vợ già
Sạch cửa sạch nhà lại ngọt cơm canh

Bà bác từng trải bao chuyện đời, anh chưa thấy câu nào bà nói là không phải, ngay cả khi bà lý giải về một quan niệm được mặc nhiên công nhận từ xưa đến nay :

- Anh không biết đấy thôi, cách đây 65 năm, thầy mẹ tôi gả tôi về làm dâu nhà bác trai lúc tôi 16 tuổi còn bác trai mới 14 tuổi lúc ấy. Các cụ vin vào cái câu «gái hơn hai, giai hơn một» để tác hợp chúng tôi. Sau này tôi hiểu biết hơn, tôi không đồng ý cái câu ấy đâu. Chẳng qua đất nước ở vào thời kinh tế nông nghiệp, đàn bà chúng tôi bị thiệt thòi lắm. Bị gả như thế chẳng qua là có thêm nhân lực về làm việc phụ gia đình chồng đấy thôi. Chậc ! Tôi nói nhiều nói ít cũng thế. Thôi anh về nhé, tôi cần nghỉ. Lúc khác đến thăm thì tôi cám ơn.

Bà bác đuổi khéo. Bà kết thúc cuộc nói chuyện giữa hai bác cháu bằng lời chào tạm biệt. Bà dường như không quan tâm anh lái xe đường xa đến thăm bà thì sẽ dùng bữa ở đâu và nghỉ qua đêm chốn nào. Bà ngả lưng ra chiếc ghế dựa, nhắm nhẹ mắt. Anh phải đi thôi. Anh còn có thể thốt ra lời nào than thân trách phận được nữa, đành ủ rũ đứng lên chào về.

Biết chắc anh đã đi xa khỏi, bà bác từ từ ngồi dậy. Chậm rãi hớp ngụm nước chè, bà quay người nói vọng vào nhà trong :

- Chị không cần phải tránh mặt anh ấy nữa, nó đi hẳn rồi. Ra ngồi đây bác bảo. Phào ! Mỗi lần nói chuyện với nó là bác rõ đứt hơi. Nó là đứa cháu thân thiết nhất của bác nên bác có phần nào hiểu nó. Đối với bố mẹ đẻ nó còn chưa tâm sự nhiều như với bác đâu. Chị nghe rõ bác cháu tôi chuyện trò đấy chứ ? Hỏi lòng xem chị có tha thứ cho nó không. Đàn ông dăm bảy lá gan, chị ạ. Bây giờ nó chẳng còn cái lá gan nào mà dám to nữa đâu, họa chăng nó được ghép gan hùm. Chị âm thầm chia sẻ cho nó một phần lá gan của chị rồi. Nó chưa biết đấy thôi, nếu biết ra thì nó ơn chị cả đời vì cứu mạng sống của nó. Này, chị khóc đấy ư ? Chị chưa biết phải làm thế nào thì cứ ở đây với bác như hồi nào đến giờ, bác vẫn xem chị như con, con ạ !

Vẫn chỉ là tiếng thổn thức. Dáng chừng chị muốn lắng nghe con tim mình quyết định.

Hồi lâu, như đã kiềm chế được cảm xúc, chị ngập ngừng, khe khẽ hỏi bà bác :

- Bác ơi, anh ấy có nói khi nào quay lại ?

Xem ra nhân gian còn vướng víu nhau trong duyên nợ. Cái nợ tình là nợ lớn nhất, càng gỡ càng vướng. Người xưa đã dạy như thế.

Không biết chị đã hết nợ anh hay anh vẫn còn nợ chị.

Orchid Thanh Lê

Tháng Giêng Ăn Tết Dài Dài

Nguyễn Kim Dục

Tác giả sinh năm 1938, cựu sĩ quan an ninh quân đội, sang Mỹ theo diện H. O. vào năm 1990, hiện đã về hưu, an cư tại Westminster. Ông tham dự Viết Về Nước Mỹ từ 2008 và đã góp nhiều bài kể lại những sinh hoạt sống động. Bài viết mới là chuyện Tết Little Saigon với đủ mục lễ bái, diễn hành rồi du hành trên biển, đúng kiểu tháng Giêng là tháng ăn chơi.

Tết năm nay, gia đình tôi họp mặt đông vui. Một cô em gái của tôi từ Florida về, một cô em vợ từ Canada sang, bà vợ tôi hứng chí tổ chức nấu bánh chưng, gói giò thủ, làm chả ốc, bày vẻ ra cho lắm chỉ khổ cái thân già tôi thôi. Tôi phải rửa lá, lau sạch từng đầu lá một, rồi xắt thịt, vo gạo, nhiều công đoạn lắm mới làm nên cái bánh chưng. Tôi không biết gói, vợ tôi nói anh lại đây em chỉ cho. Thôi đi bà, nếu tôi biết gói những lần tới sẽ đùn hết cho tôi, nghèo mà ham !

Chưa hết. Còn món chả ốc nữa. Cũng công phu lắm, ốc mua về gồm ốc bươu và ống hương, ngâm nước muối để mấy giờ liền, gạn nước bóp thật kỹ cho sạch nhớt, rửa qua nước lạnh nhiều lần rồi lấy dao nhỏ tách cái đít vứt đi và nặn cục bướu ở trong ruột nó ra không

có thì tanh lắm, xong ướp gia vị bỏ trong máy xay nhỏ, xong trộn với giò sống theo tiêu chuẩn hai phần giò một phần ốc. Lúc đó mới cắt giấy bạc rồi gói trước khi cuộn lại đặt mấy ống xả, mấy lát gừng xung quanh cuộn lại túm hai đầu cho chặt để khi hấp không xì nhân ra. Nhân đã ướp gia vị tiêu, bột ngọt, lá chanh xắt nhỏ khi hấp quyện với sả gừng ăn bá cháy hết sảy con cào cào !

Làm xong các món đặt biệt ngày Tết, chúng tôi dẫn các cô em đi thăm chợ Tết.

Ngay từ những ngày trước Tết, người ta tổ chức bán hoa ở trước cửa Phước Lộc Thọ, một khu bán hoa ở tiệm vàng Ngọc Quang góc đường Brookhurst và Edinger, và ở Costco người ta cũng đem nhiều loại hoa nhất là hoa lan vì biết rằng Tết Nguyên Đán của người Việt Nam người ta hay mua hoa về chưng trong nhà và mua làm quà biếu, nhưng mà nhộn nhịp nhất là khu chợ hoa ở Phước Lộc Thọ những ngày giáp Tết. Trai thanh nữ tú lũ lượt đi ngắm hoa, ngắm cảnh, ngắm người tạo ra sắc thái ngày Tết ở quê người không khác gì chợ hoa Tết ở đường Nguyễn Huệ xa xưa nơi quê nhà.

Cô em bên Canada nói ở đây thích quá, đúng là không khí Tết chẳng khác gì bên Việt Nam ngày xưa. Bên Canada chỗ em ở không có tổ chức gì hết, ở đây hoa nở rợp trời thích quá, chắc sang năm em lại sang

nữa. Nghĩ trong bụng, nghèo mà ham. Chúng tôi dẫn đi hết chợ hoa này đến chợ hoa khác, so sánh giá cả, lựa những chậu hoa mình thích lôi về cả một đống, xếp chật nhà, phải bỏ ra ngoài sân nữa, đúng là không khí Tết.

Tối Giao thừa tôi nói con gái chở bố mẹ và các cô đi chùa. Năm nào chùa Huệ Quang và Điều Ngự cũng tổ chức rầm rộ lắm. Mới đầu đến chùa Huệ Quang tổ chức ngoài trời, đông ơi là đông, lại gần không thể được, đứng ngoài xa nhìn vào thấy người là người, pháo nổ điếc tai, dây pháo dài trên 20 thước, đứng xa vẫn thấy inh tai điếc óc, khói bay mù mịt. Lại còn màn múa lân nữa, trống đánh dồn dập làm tinh thần mọi người hưng phấn. Tết phải có pháo có lân mới nổi đình nổi đám. Đông như thế vẫn không có chuyện gì xảy ra, an ninh trật tự không phải can thiệp, người Việt mình sang đây cũng học được cái nếp văn hóa của người Mỹ, không ồn ào chen lấn, giữ trật tự không làm ảnh hưởng đến người khác thật đáng trân quý.

Coi một lúc chúng tôi lại kéo sang chùa Điều Ngự xem tiếp. Vẫn không khí tưng bừng như bên chùa Huệ Quang, ca sĩ lên hát phần nhiều hát nhạc xuân lôi cuốn khán thính giả hát theo tạo không khí sống động hào hứng. Bên này khách tham dự ngồi trong nhà nên âm thanh càng vang dội.

«Thôi về nhà xông đất» , cô Loan nói «em hẻo lắm không dám đâu» . Đùn qua đùn lại, rốt cuộc tôi là người bước chân vào nhà trước.

Mặc dù sống ở đây lâu rồi nhưng chúng ta cũng không quên tập quán xưa kia của tổ tiên để lại là cúng giao thừa, cúng ngoài trời gồm có chậu hoa, trái cây, ly nước, nhang đèn. Trước hoặc sau giao thừa gia chủ thắp nhang khấn vái cầu xin mọi điều lành trong năm mới, và ngày ba mươi Tết nhà nào cũng làm mâm cơm mời ông bà về chung vui với con cháu.

Năm nay mùng 1 Tết rơi vào ngày thứ năm và có hai hội chợ Tết tổ chức vào ba ngày thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật. Một hội chợ Tết do cộng đồng tổ chức tại công viên trường Bolsa Grande góc Bushard và Westminster. Còn một hội chợ Tết của Tổng Hội Sinh Viên tổ chức tại Costa Mesa. Mặc dù tổ chức cùng ngày nhưng thiên hạ đi rất đông nên cũng đủ sở hụi chi phí nên năm nào cũng có hai hội chợ chứ hơi đâu mà ăn cơm nhà vác ngà voi.

Ngày thứ bảy là mùng 3 Tết, cộng đồng Việt Nam tổ chức diễn hành trên đại lộ Bolsa. Năm nào cũng vậy, phải xin phép thành phố Westminster trước mấy tháng và phải đóng trước cho thành phố một số tiền là 65 ngàn Đô- la tiền tươi để thành phố giữ gìn an ninh. Cộng

đồng cũng đâu có sẵn tiền cũng phải vay mượn để đóng trước cho người ta, sau hạ hồi phân giải, sẽ tổ chức gây quỹ.

Nói đến bảng tên có chữ Sài Gòn trên đường Bolsa phải nghĩ đến Thị trưởng Tạ Đức Trí, các nghị viên Việt và Mỹ trong hội đồng thành phố Westminster đã biểu quyết chấp thuận để có tên Sài Gòn trên phố Bolsa.

Ngày diễn hành năm nay có rất nhiều các đoàn thể, cơ sở, các hội ái hữu tham dự nhiều hơn các năm trước. Mọi năm khởi hành đi từ đường Magnolia đến đường Bushard và khán đài đặt đối diện khu Phước Lộc Thọ. Còn năm nay khởi đầu từ Bushard kết thúc tại Newland còn khán đài đặt cạnh tượng đài Đức Trần Hưng Đạo trước tiệm bánh cuốn Thanh Hà.

Hôm nay trên khán đài có cô Minh Phượng, cô Thụy Trinh, luật sư Nguyễn Hoàng Dũng. Cô Minh Phượng lúc nào cũng nhí nhảnh, không năm nào vắng mặt cô, cô Thụy Trinh duyên dáng, luật sư Nguyễn Hoàng Dũng chững chạc, tất cả đã góp phần làm đẹp thành phố (Bolsa) .

Dưới đường từng đoàn diễn qua khán đài được sự giới thiệu của các MC nói qua quá trình của các đoàn, từng đoàn đi qua vẫy tay chào mọi người, có người còn

lì xì cho những người đứng dọc bên đường. Có những ban nhạc của các trường tiểu học thổi kèn các bản nhạc Việt Nam gây phấn khởi cho khán giả. Nhiều đoàn lân đi qua đánh trống thùng thùng lôi cuốn đám trẻ vỗ tay tán thưởng. Những vị dân cử địa phương lợi dụng cơ hội này đều có mặt, có những người ngoại quốc mặc áo dài Việt Nam để nhắc nhở cử tri Việt Nam nhớ đến mình.

Diễn hành Tết Việt Nam trở thành truyền thống, Tết nào cũng phải có vì nhiều đoàn thể, hội đoàn, cá nhân muốn góp mặt để chung vui ba ngày Tết và phô trương việc làm của mình.

Trước Tết chúng tôi đã có chương trình đi cruise sau Tết vì mấy cô em chưa được đi bao giờ nên hăm hở muốn đi lắm. Chúng tôi ở đây đã đi nhiều lần nhưng lần này cũng đi để làm hướng dẫn viên cho mấy cô ấy.

Cả đoàn đi kỳ này gồm 15 người đông vui ghê, vé cũng rẻ, mỗi vé có ba trăm đồng đi trong năm ngày bốn đêm, ăn uống ê hề tính ra quá rẻ. Tôi nói với cô em tôi trên tàu có piscine, em đem đồ tắm theo, anh sẽ đem Ipad cho em quay phim và chụp hình, coi bộ em exciting lắm phải không. Em chờ mấy chục năm nay rồi nay mới được đi không thích sao được. Tàu đi ra đảo Catalina và sang Mễ nữa. Mễ có cái gì anh ? Ôi giời,

chỉ sợ em không có tiền mua thôi, mà họ nói thách lắm đó, có món họ nói 40 anh mua có 10 đồng thôi, liệu mà trả giá.

Tôi đi tàu nhiều lần đã quen, trên đó có mở casino nhưng tôi không thích chơi ở các sòng bài đặt xì lát, nó ăn mình như ăn gỏi, còn kéo máy thôi cầm bằng cho gió mang đi, dứt khoát không chơi là hay. Gia đình tôi là người Bắc, nhiều người biết đánh chắn, tôi đem theo hai cỗ bài tổ tôm để giết thời giờ, không lên tàu chỉ có ăn và ngủ.

Bàn chắn bày ra giữa thanh thiên bạch nhật có ông đi qua bà đi lại, có người đứng lại coi vì thấy hình thù những con bài lạ mắt, bên kia cũng có một bàn mạt chược có mấy người Tàu chơi, họ cũng chơi ăn tiền nhưng chung bằng xâu những con chip nên không khép vào tội cờ bạc, chơi vô tư, bên này chúng tôi cũng dùng các con phỉnh.

Đánh chắn chơi nhỏ thôi, nó có cái thú của nó, cũng như chơi lô tô, người gọi lô tô sành điệu họ đọc vần lên vui tai lắm. «Cờ ra con mấy con mấy gì ra... «họ đọc một thôi có vần có điệu rồi mới nói con số ra nghe sướng lỗ tai, còn chắn mỗi con có hình thù có từ một đến chín, số gọi theo tiếng Tàu, nhất, nhị, tam, tứ chứ không gọi một, hai, ba, bốn. Nhất có ba hàng vạn sách

văn, chẳng hạn nhất vạn, nhất sách, nhất văn... cửu vạn, cửu sách, cửa văn... Gọi chín vạn, chín sách, chín văn cũng được nhưng nó không quen.

Các cụ ta ngày xưa hay thật, mỗi con bài có hai câu tượng hình vần điệu lắm. Chẳng hạn như con tứ vạn có hình xe kéo thì có hai câu :

«Chồng cu li vợ cũng cu li
Đẻ ra thằng bé tức thì kéo xe»

Còn anh cửu vạn là người đàn ông đứng vác đá thì có câu thơ :

«Dang tay đội đá vá trời
Để cho thiên hạ biết người tài nhân»

Là người ta biết ngay anh là cửu vạn.

Còn anh ngũ vạn có hình thù là cái chùa người ta thường gọi là ngũ chùa, cũng có câu thơ cho con ngũ vạn :

«Dừng chân trước cửa sân đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu»

Thấy câu thơ tình tứ không ?

Tết Little Sài Gòn nối dài bằng bàn chắn nghênh ngang ngay trên tàu du hành biển, xem ra không thua câu ca dao «Tháng Giêng là tháng ăn chơi.»

Nguyễn Kim Dục

Cho và Nhận

Kim Phuong Newman

Sống tại Mỹ từ năm 2002 hiện là cư dân Vancouver, WA. Nghề nghiệp Artist (làm tranh bằng những vật liệu trong thiên nhiên như hoa lá cây cỏ ép khô...) Bài đầu tiên của tác giả là «Cán Ơn Mẹ» , kể về bà mẹ chồng người Mỹ bằng tấm lòng trân quý. Tác giả hiện là giáo viên thiện nguyện của trường Văn Lang Portland, OR. Bài sau đây được viết nhân Kỷ niệm 25 năm thành lập của Trường Việt Ngữ Văn Lang Portland, OR.

Chỉ là một cuộc dạo chơi rồi tôi thấy mình trở thành một thành viên của trường Việt Ngữ Văn Lang tự lúc nào không biết.

Bắt đầu vào ngày chủ nhật - Một ngày chủ nhật của 4 năm về trước - Tôi qua nhà cô bạn hàng xóm chơi, đúng lúc cô ấy phải chở con đi học tiếng Việt, thế là tôi được rủ đi theo cho biết. Chẳng là tôi chỉ mới vừa chuyển về sống ở Vancouver được vài ba tháng trước đó. Tôi đi theo bạn vào trường với một cảm xúc thật lạ lùng. Vì bạn biết không ? Tôi qua Mỹ cũng khá lâu và nơi tôi sống trước đây là một nơi bạn bè gọi là khỉ ho cò gáy, người Mỹ còn đếm trên đầu ngón tay chứ nói chi đến người châu Á hay người Việt Nam. Thỉnh thoảng tôi

cũng đi chơi thăm bạn bè, ở những thành phố hay tiểu bang khác nhưng chưa bao giờ thấy trẻ con người Việt tập trung nhiều như vậy.

Cô bạn không là cô giáo nhưng cũng là tình nguyện viên trong trường. Hôm ấy, có một buổi họp giữa các tình nguyện viên với một thầy trong ban Giám hiệu. Không lẽ lơ ngơ ngồi một mình nên tôi cũng tháp tùng theo. Một trong những nội dung của buổi họp là nhu cầu cần trợ giáo cho một số lớp học. Rồi khi nghe hỏi «Ai thấy mình có thể giúp nhà trường ?» , tôi thấy mình đưa tay. Thầy Minh hỏi tôi có thể phụ trách lớp nào. Tôi trả lời lớp nào cũng được, theo yêu cầu của nhà trường. Lớp 6 nhé - Được ạ !

Thế là sau buổi chiều chủ nhật hôm ấy, tôi trở thành một thành viên của trường Việt ngữ Văn Lang.

Tôi kể cho bạn bè ở xa rằng năm nay là năm thứ 25 rồi đó - Vâng ! 25 năm trường Văn Lang đã tồn tại và trưởng thành.

Một số bạn bè, người quen có vẻ thán phục, khi biết tôi dạy học cho trường mà không nhận tiền lương. Họ bảo tôi đó là sự hy sinh. Tôi nghĩ điều đó thật đúng - nhưng không phải cho tôi, mà đúng cho tất cả các thầy cô, nhân viên đang hoạt động trong trường.

Còn với tôi - Hy sinh ư ? Tôi không dám nhận cho mình hai chữ ấy. Chỉ đơn thuần như một sự cho đi và nhận lại. Mà cái cho đi của tôi, nếu đặt lên bàn cân để so với cái nhận lại, thì dĩa cân chắc hẳn sẽ có sự chênh lệch ghê gớm mà đầu nhẹ là ở phần cho đi.

Liệu bạn có đang cười vì nghĩ tôi đang nói quá đó không ?

Để tôi nói cho bạn nghe những điều tôi nhận được nhé.

- Tôi đã nhận được phương thuốc chữa bệnh.

Có một thời gian dài sức khỏe tôi không được tốt lắm. Cho dù BS không tìm ra được là bệnh gì nhưng nó cũng kéo dài đến hai, ba năm làm tôi rất hoang mang, lo lắng. Khi chồng tôi về hưu và chúng tôi quyết định chuyển về Vancouver, WA sống, tôi vẫn còn loanh quanh hết bác sĩ này đến bác sĩ khác để tìm bệnh. Vậy mà khi tham gia vào trường, cơn bệnh của tôi khá dần đi. Những cơn đau, nỗi lo lắng dù vẫn còn đó nhưng không làm tôi xuống tinh thần như trước. Từ buổi đầu tiên vào lớp làm quen với các em học sinh, rồi những khi loay quay chuẩn bị với bài vở để dạy, đến những cuộc sinh hoạt của trường lớp, cùng mối quan hệ mới với các thầy cô trong trường dần dần tôi đã khỏe hẳn. Tôi như tìm lại

tôi của những ngày dạy học rất xa xưa. Cái vỏ ốc tạm thời tôi phải chui vào im ngủ trong đó một thời gian khá dài được đập bỏ -

Chồng tôi bảo tôi như một người mới vậy.

Đúng như tôi như vừa tỉnh dậy một cơn ngủ dài -Bạn chắc sẽ khó hình dung ra nơi tôi ở trước đây- Từ đô thị Sài Gòn ồn ào, náo nhiệt, ra ngõ là thấy bạn bè... tôi theo chồng về định cư một nơi gần như «cõi tiên» vậy. Chung quanh là núi rừng, suối chảy, thông reo, cỏ lá ngàn hoa. Tôi yêu khung cảnh thiên nhiên ấy, tôi yêu cuộc sống thật bình yên, thanh bình ấy, nhưng thấp thoáng trong tôi, tôi thấy lòng mình luôn dậy lên rất nhiều nỗi nhớ. Có những nỗi nhớ mông lung vừa đến chưa kịp hình dung tên gọi đã vội thoáng bay đi mất. Có những nỗi nhớ với tên gọi, hình ảnh thật rõ ràng đan kẽ, chen chúc, đôi khi xô đẩy làm thành những cơn sóng âm ỉ. Có những nỗi nhớ và rất nhiều nỗi nhớ... làm cho tôi bật khóc mà không biết tại sao.

Có lẽ, từ những nỗi nhớ gặm nhấm đó mà tôi bệnh. Những cơn đau vô cớ từ từ xuất hiện làm cuộc sống hàng ngày bị đảo lộn - Tôi là một artist nhưng rồi phải tạm dừng công việc của mình. Khi các bác sĩ cứ chẩn đoán là tôi bị trầm cảm, tôi thấy thật vô lý. Tôi đang sống bình thường, đang bận rộn với công việc làm tranh

của mình, vẫn hạnh phúc bên người chồng yêu thương tôi hết mực, vẫn thỉnh thoảng tụ họp làm bánh trái với dăm ba cô hàng xóm người Mỹ, làm sao mà tôi bị chứng trầm cảm chứ. Tôi chỉ nhớ thôi mà... Nhớ người thân, bạn bè Việt Nam quanh quẩn nói cười, nhớ những buổi họp mặt thi nhau nấu nướng món ăn của quê hương, nhớ những câu chuyện tiếu lâm thâm thúy làm đỏ mặt người nghe... nhớ nhiều lắm những điều đơn giản đó...

Mà cuộc sống nơi ấy thì không thể có những điều như thế.

Có lẽ những nỗi nhớ đó làm tôi bệnh.

Nhưng từ khi là cô giáo của trường văn Lang thì tôi không còn nhớ nữa rồi. Vì tôi đã có những «anh, chị nhỏ» học trò làm cho tôi bận rộn.

Bận rộn, bạn có thể hiểu vì những giáo án phải soạn, những bài vở phải chấm, vì những đau đầu, nhức óc tìm cách để «thu phục nhân tâm» cho lũ nhóc «tâm phục, khẩu phục» , mà vui vẻ học hành. Bận rộn, bạn có thể hiểu là vì phải ngồi mày mò trên những trang Web để chọn ra những câu chuyện vui, ngộ nghĩnh có tình huống cho các em chuyển ra tiếng Việt để tập kể hay đóng kịch. Bận rộn, là thức dậy 5 giờ vào những sáng chủ nhật để lo làm bánh đem vào lớp... hay bận

rộn là những lúc không làm gì cả, chỉ đứng trước lớp học, nhìn mấy chục cái miệng lao xao mà nhủ thầm «Ôi chao, học trò... Mình đâu đó của ngày xưa» .

Bận rộn, cũng là lúc nghe trái tim đang đập nhè nhẹ, như những nốt nhạc êm đềm. Rồi chợt dưng, nghe một nốt nhạc cao vút lên và âm thanh ấy dội lại cứ thánh thót ngân vang, khi thấy lẫn trong những khuôn mặt đang cắm cúi làm bài, có biểu hiện hình trái hình trái tim đưa lên, từ hai bàn tay góp lại của một cô học trò mà những buổi học đầu tiên tỏ ra rất phớt lờ cô giáo. Hay là lúc thấy nước mắt như ướt nhòe, khi đọc những dòng chữ vẫn còn sót lỗi chính tả mà ăm ắp thương yêu chân thành của các em viết trong tấm thiệp gởi tặng- Hay bận rộn là khi nhận những lời động viên và cám ơn chân thành của các vị phụ huynh. Và bận rộn cũng là khi ngồi cười hạnh phúc, mở những gói quà nho nhỏ được chất cả thùng nhận vào ngày Christmas mà rất nhiều từ những em học sinh của năm học cũ.

Bạn ơi, bạn có muốn bận rộn như tôi không ?

- Tôi nhận được rất nhiều niềm vui từ những người bạn mới.

Có người nói họ không thích giao du nhiều với người Việt, vì ở đâu có đông người Việt, thì sẽ sinh ra lắm chuyện. Có thể họ tôi không sai, tôi nghĩ như thế. Vì mỗi góc cạnh của sự việc được đánh giá theo sự trải nghiệm riêng của mỗi người. Hay, đúng, xấu, dở được gán cho chúng cũng theo tùy theo hỉ, nộ, ái, ố... của từng thời điểm, từng hoàn cảnh. Tôi thì rất vui vì bây giờ chung quanh tôi, nơi trường Văn Lang, tôi có rất nhiều bạn. Với tôi, những người bạn ấy ai cũng dễ thương, vui vẻ, đầy ắp nhiệt tình và như vài người bạn của tôi đã nói : Họ biết hy sinh !

Trở thành cô giáo của Văn lang, cùng trăn trở theo những khó khăn, cùng chia xẻ, lo toan theo những nhu cầu của trường học, tôi mới cảm nhận thật sự bao công khó của những người đã gắn bó với trường trước đây và hiện tại. Nó không thể đo lường bằng con số cũng không thể đong đếm bằng tiền bạc vì giá trị tinh thần của nó thật vô biên.

25 năm trôi qua, một phần tư của một đời người, Văn Lang đã đón nhận bao nhiêu thầy cô đến tình nguyện để làm việc, để cùng ươm mầm, tưới mát, giữ gìn những con chữ họ gieo.

Rất nhiều !

Bao nhiêu người dù không đứng lớp giảng dạy nhưng đã đổ bao giọt mồ hôi, đã vất vả lao công, khổ trí để tạo nên sự bền vững và an toàn cho trường học và các em học sinh ?

Rất nhiều !

Có người đã tạm dừng đóng góp một thời gian rồi quay trở lại. Có người từ những buổi sơ khai dăm học trò, chục thầy cô, giờ những con số ấy lên đến hàng số trăm, vẫn còn gắn bó. Và hiện tại có cả mấy chục con người, mỗi chủ nhật bỏ bê việc nhà chưa lo xong, cần mẫn chăm chỉ đến trường để làm việc. Người đứng lớp, người lo việc hành chính, người lo việc bảo vệ, an toàn... Họ đó ! tất cả những người ấy tôi tự hào để gọi là bạn.

Bên cạnh những người bạn ấy, tôi thấy ấm áp, gần gũi. Có lẽ vì chúng tôi cùng chung một mục đích, một hoài bão và có chung những niềm vui. Niềm vui đó được hình thành từ những đoàn kết, gắn bó và chia xẻ khi cùng nhau làm việc. Trường Văn Lang chưa phải là một tổ chức hoàn hảo, chúng tôi biết điều đó. 25 năm qua, từng ngày những người có trách nhiệm vẫn đang trăn trở, tìm phương cách để cải thiện môi trường cùng với phương cách, chương trình dạy học. Các thầy cô Văn lang không phải ai cũng là người có nền tảng học

vấn chuyên về sư phạm. Nhưng họ cùng mang chung cái tâm cống hiến để thực hiện hoài bão gìn giữ văn hóa tiếng VIệt nơi xứ người. Có lẽ vì thế mà chúng tôi thấy dễ gần nhau. Có thể đâu đó vẫn có những bất đồng, những bực bội, chưa hài lòng điều kia, điều nọ... nhưng cuộc sống mà, phải không bạn ?

Hãy để gió cuốn đi.....

Tôi đã cười rất nhiều từ khi tôi có những người bạn mới này. Chỉ vài phút ngắn ngủi gặp nhau trước hay sau buổi dạy... cũng có chút chuyện để cười. Xen lẫn trong buổi họp hành cũng to nhỏ với nhau vài «chữ tuy nhỏ mà ý rất to» để khúc kích cười. Và tiếng cười thành miên mang, òa vỡ thành từng tràng như pháo nổ trong mỗi buổi sinh hoạt ngoại khóa, những buổi party, picnic, cắm trại thường năm.

Trước khi vào Văn Lang dạy, những niềm vui đó đã rất lâu rồi tôi không có được.

- Tôi có cơ hội để nấu nướng, làm bánh trái.

Tôi thường có thói quen xả stress sau những giờ đồng hồ cắm cúi bên những bức tranh, bằng cách vào bếp làm bánh trái hay thử nấu các món ăn lạ. Tham gia vào trường Văn lang, tôi có thêm đất để «dụng võ» . Mỗi

khi có họp hành, tôi thường nhân cơ hội để luyện tay nghề. Đặc biệt là những lần cắm trại, tôi bày ra đủ thứ để nấu bán gây quỹ cho trường.

Và tôi có dịp làm bánh cho lũ học trò.

Tôi rất thích làm bánh nhưng chồng thì chỉ có một (!) và chồng chỉ được ăn dăm ba cái rất thi thoảng vì sức khỏe. Thế nên tôi nghĩ là nên làm cho học trò ăn snack, may ra sau giờ chơi chúng «sáng mắt sáng lòng» mà chịu học hơn. Nhờ vậy, kỹ năng làm bánh trái của tôi tiến bộ thấy rõ. Bây giờ, tôi có thể làm đủ thứ cho các khách hàng này : từ bánh xu xê, bánh chuối, bánh khoai mì, đến mochi, bánh xuxu, bánh lưỡi mèo, bánh Madeleine... Có một điều là tôi không lường được là số lượng bánh ngày càng phải tăng gấp đôi, gấp ba... Lớp học hiện tại gần 20 em, nhưng giờ chơi chưa kịp mở cửa lớp học ra là đã nghe tiếng học sinh cũ chạy về nhao nhao bên ngoài. Lại thêm mấy vũ công nhí trong đội múa do tôi hướng dẫn. Bất chợt, một hôm chạy qua thăm tôi, chúng thấy bánh ngọt, thế là bây giờ rất thường xuyên đến mỗi giờ chơi, chứ không còn bất chợt nữa.

Khi tôi nói tôi thức dậy lúc 5 giờ sáng để làm bánh mỗi sáng chủ nhật, bạn có tin tôi không ?

- Khi tôi tham gia vào các hoạt động của nhà trường, tôi nhận ra anh ấy là người chồng tuyệt vời hơn tôi từng biết và chúng tôi gắn bó với nhau hơn.

Trong cuộc sống hàng ngày, nhất là trong việc làm tranh của tôi, chồng tôi đã luôn là người đồng hành theo tôi từng chặng đường từ lúc bắt đầu tập tểnh cho đến hôm nay, tôi đã trở thành một Artist thật sự. Tôi biết là tôi may mắn có một người chồng rất tốt. Nhưng chỉ khi là cô giáo của trường Văn lang, có thể tham gia những hoạt động mình yêu thích, tôi mới nhận ra chồng tôi tốt hơn, tuyệt vời hơn tôi từng nghĩ đến rất nhiều.

Một ngày làm việc cho những bức tranh của tôi thường trung bình khoảng 5, 6 tiếng, từ thứ hai đến thứ sáu. Trừ mùa hè, thì thứ bảy và chủ nhật tôi dành cho trường học. Chủ nhật tôi đến trường dạy học tiếng Việt và thứ bảy thì tôi đến văn phòng trường để dạy múa cho các em nhỏ. Công việc tình nguyện này tôi sẽ không làm được nếu không có sự ủng hộ và giúp đỡ của chồng tôi. Vì tôi không lái xe, nên anh ấy là người đón đưa các buổi đi về từ trường học đến văn phòng, chưa bao giờ một lần từ chối hay phiền lòng.

Chồng tôi là người chở tôi đi khắp các tiệm để tôi tìm kiếm những mẫu áo đầm đẹp cho đội múa- là người ngồi cặm cụi làm những vật dụng cho các em trình diễn.

Những cái trống cơm xinh xinh hay chú voi trông cũng rất» khổng lồ» là do chồng tôi ngồi tỉ mỉ tạo thành.

Tôi chia xẻ với chồng tôi chuyện của trường của lớp, của những người bạn ở Văn lang mà bây giờ không chỉ là bạn của riêng tôi. Đó cũng là điều khiến chúng tôi gắn bó với nhau hơn.

Chồng tôi không phải là một thành viên của trường Văn Lang nhưng trong lặng lẽ thông qua tôi, anh ấy đã góp một phần nào đó và sự tồn tại và lớn mạnh của nhà trường. Và trường Văn Lang trong một ý nghĩa nào đó cũng tạo nên sợi dây thắt chặt hơn cho tình cảm của chúng tôi.

Bây giờ nếu hỏi bạn cân giúp tôi giữa cái cho và nhận, bạn có cần đặt phải đặt lên bàn cân mới có câu trả lời hay không ?

Kim Phượng Newman

MỤC LỤC

Con Dao Xếp Trong Ngày Tết Tây	4
Người Bạn Lớn	24
Tượng Đài, Nước Mắt & Đêm Hoa Đăng	35
Nghịch Lý America	47
Tiệm Phở Trong Xóm Mễ	61
Duyên Nợ	80
Nhỏ Bạn Người Nga	96
Định Mệnh Đã An Bài	110
Nếu Có Kiếp Sau	124
Chuyện Nhỏ	134
Tiếng Đàn Trưng Và Cô Gái Hà Nội	143
Để Sống Đời Đáng Sống	169
Nghề Chiêu Dụ	175
Bay Đi Canada Thăm Bà Chị Góa	196
Nước Mắt Nữ Sinh Xứ Thiên Đàng	203
Ngày Tháng Khó Quên	213
Chuyện kể của người «cho mượn lỗ tai»	220
Những Ngày Tháng Khó Quên	237
Trò chuyện về Yoga	264
Thuyết Trình về Yoga	274
40 Năm Tan Tác	287
Người Hoa Kiều Phố Cổ	320

Xuân Như Ý	333
5 Năm Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ	350
Thêm 15 Năm Nữa	360
Chuyện Báo Xuân, Nàng Xuân	379
Bốn Mươi Năm, Nỗi Niềm Ba Thế Hệ	394
Bằng Nửa Con Cò	419
Bà Nội	433
Chào Em, Sàigòn 40	456
Chưa Từng Tuyệt Vọng	470
Tình Thiên Thu	483
Lá Thư Tình Đầu	492
Valentine : Gương Vỡ...	498
Viết Cho Những Người Đang Yêu	515
Chuyện Vặt Cuối Năm...	532
Chú Hai Chờ Tết	547
Mình Ơi	566
Tết Ất Mùi Kể Chuyện Ông Dê	588
Nhớ Tết Quê Nhà	602
Se Lông Mặt	626
Những Tờ Bạc Trăm	640
Ngày Tết Đầu Tiên Trên Đất Mới	655
Nhà Ông Đệ Nhất Tổng Thống Mỹ	669

Điều Còn Lại Sau 40 Năm 697
Tết Ở Nơi Này 714
Áo Bà Ba Tím 725
Những Cái Tết Khó Quên Sau 1975 750
Tôi Đi Học Tỉa Hoa Thủy Tiên 763
Chuyện Cúng Kiếng Ngày Tết 776
40 Năm Viễn Xứ 790
Tự Truyện Về Những Giờ Cận Tử 800
Anh Thợ Sửa Xe Đạp Và Giấc Mơ Mỹ 817
Lacey, My Darling ! 841
Tượng Người Lính VNCH & Patrick Reilly 849
Đoạn Đường Chiến Binh 867
Tiếng Trống Em Đẩy Lùi Mưa Bão 883
Tháng 3, Ngày 8 896
Dưới Ngọn Dốc Trời 906
Tuổi Bó... 928
Về Quê 941
Mẹ Bỏ Con 955
Người Đóng Thế Vai 995
Tháng Giêng Ăn Tết Dài Dài 1009
Cho và Nhận 1018